BÁO CÁO KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
REPORT ON GEOLOGICAL SURVEY

DỰ ÁN/PROJECT: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION: XÃ XUÂN TRÚC-HUYỆN ÂN THI, XÃ HỒNG TIẾN-HUYỆN KHOÁI CHÂU

QUYỂN II: PHỤ LỤC III MỤC 5 KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TPH VÀ CẮT PHẲNG CÁC MẪU ĐẤT

Chủ trì KSĐC: KS. Dương Đức Chiện

Kiểm tra: KS. Đỗ Quốc Tiến

Thực hiện: KS. Dương Đức Lịch

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT

5. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TPH VÀ CẮT PHẲNG CÁC MẪU ĐẤT

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14966

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.80 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.51	4.51	4.51	95.49
0.250	5.36	5.36	9.87	90.13
0.100	9.62	9.62	19.49	80.51

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

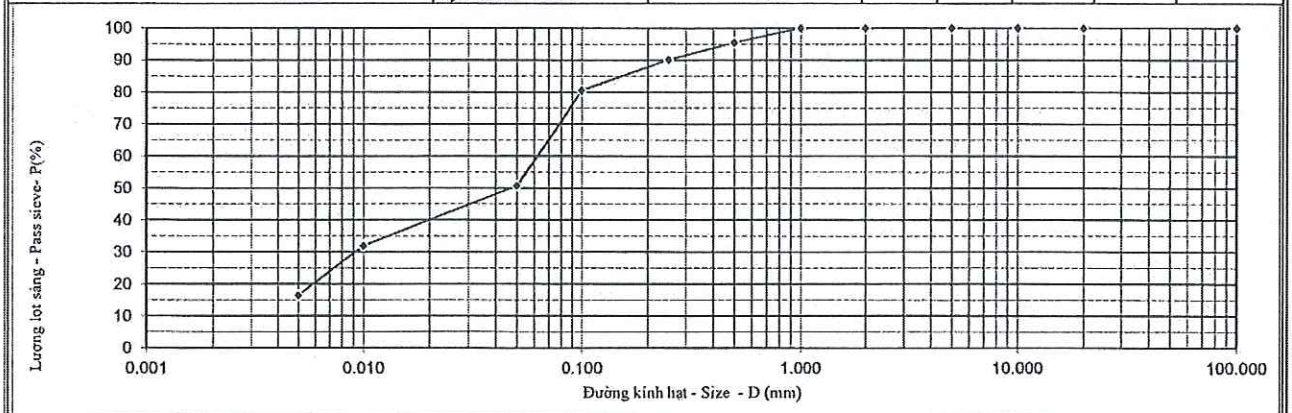
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	50.7	0.0503	
2	11.5	15.6	48.1	0.0358	
5	10.2	16.1	41.5	0.0230	
15	9.0	16.6	35.5	0.0135	
30	8.2	16.9	31.4	0.0096	
60	6.5	17.5	22.8	0.0069	
120	5.2	18.0	16.2	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.36	31.90	50.66	80.51	90.13	95.49	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.36	15.54	18.76	29.85	9.62	5.36	4.51	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám ghi, xám trắng dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14967

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.05	2.05	2.05	97.95
0.100	5.54	5.54	7.59	92.41

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

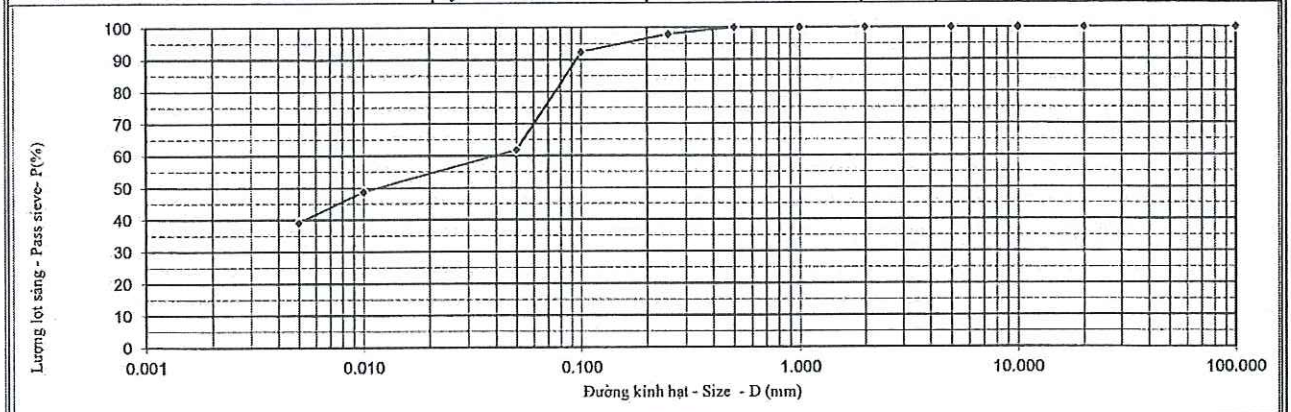
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.8	0.0493	
2	13.0	15.1	58.6	0.0351	
5	12.2	15.4	54.4	0.0224	
15	11.7	15.6	51.7	0.0130	
30	11.0	15.8	48.0	0.0093	
60	10.2	16.1	43.7	0.0066	
120	9.2	16.5	38.4	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.19	48.77	61.85	92.41	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.19	9.58	13.08	30.56	5.54	2.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No.: 15006

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: D8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 16.00 -16.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.24	0.24	0.24	99.76
0.500	3.25	3.25	3.49	96.51
0.250	8.20	8.20	11.69	88.31
0.100	60.11	60.11	71.80	28.20

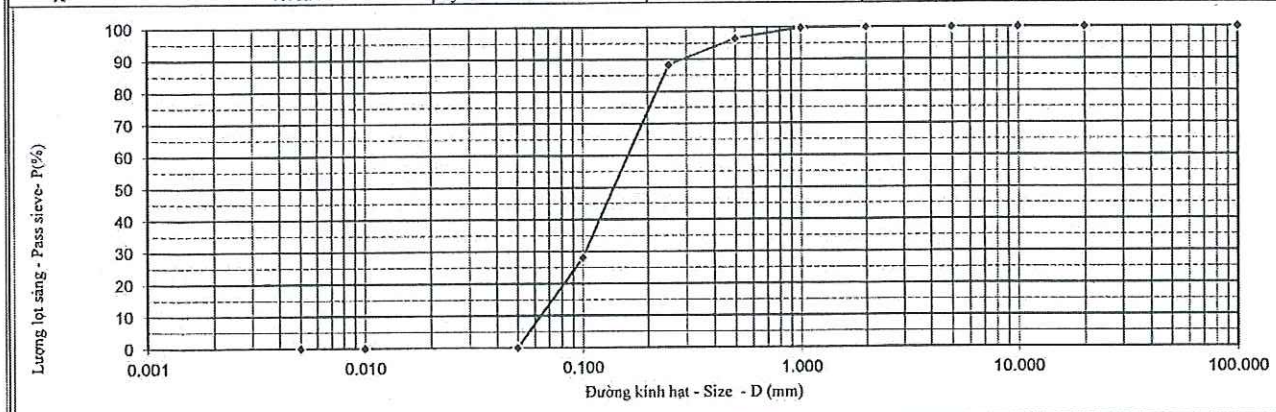
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	28.20	88.31	96.51	99.76	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	28.20	60.11	8.20	3.25	0.24	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát bụi xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15007

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	2.05	2.05	2.05	97.95
1.00	1.02	1.02	3.07	96.93
0.500	5.10	5.10	8.17	91.83
0.250	4.50	4.50	12.67	87.33
0.100	66.31	66.31	78.98	21.02

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

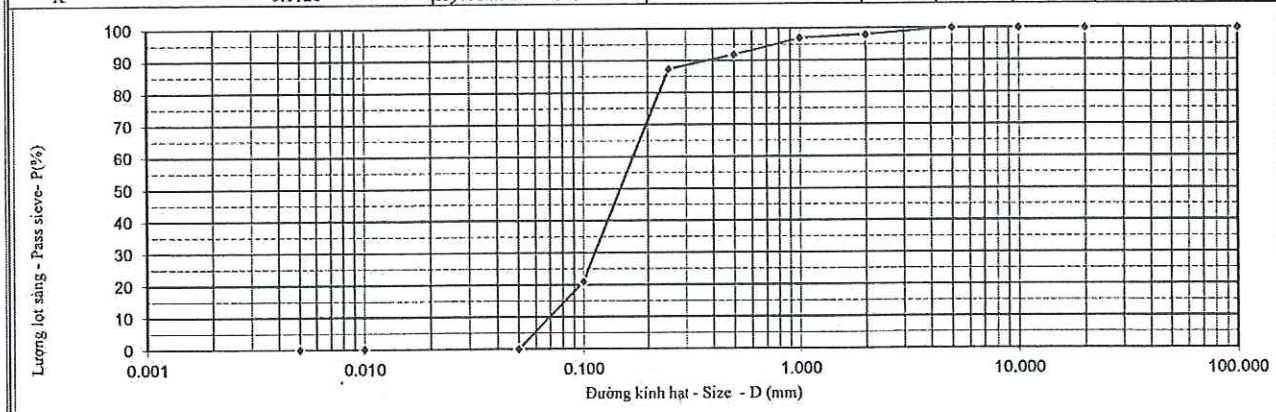
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.02	87.33	91.83	96.93	97.95	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.02	66.31	4.50	5.10	1.02	2.05	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14968

Hố khoan/Boring : LK2 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.80 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.35	3.35	3.35	96.65
0.100	6.61	6.61	9.96	90.04

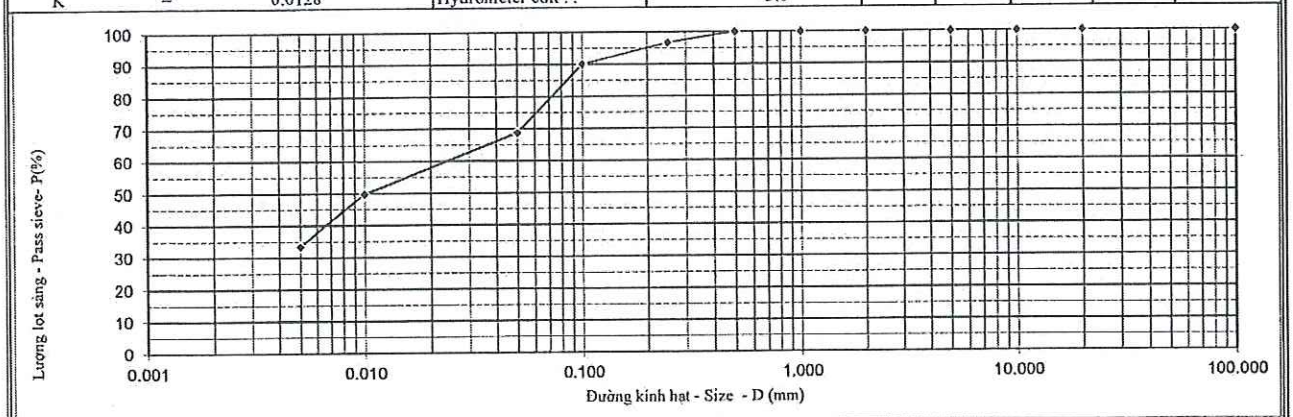
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.0	13.0	68.7	0.0484	
2	14.3	14.6	65.0	0.0345	
5	13.5	14.9	60.8	0.0221	
15	12.2	15.4	53.9	0.0130	
30	11.2	15.8	48.6	0.0093	
60	9.2	16.5	38.0	0.0067	
120	8.2	16.9	32.8	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.71 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.39	49.79	68.71	90.04	96.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.39	16.40	18.92	21.33	6.61	3.35	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng, nâu gụ dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14969

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 9.30 -10.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.55	2.55	2.55	97.45
0.100	7.48	7.48	10.03	89.97

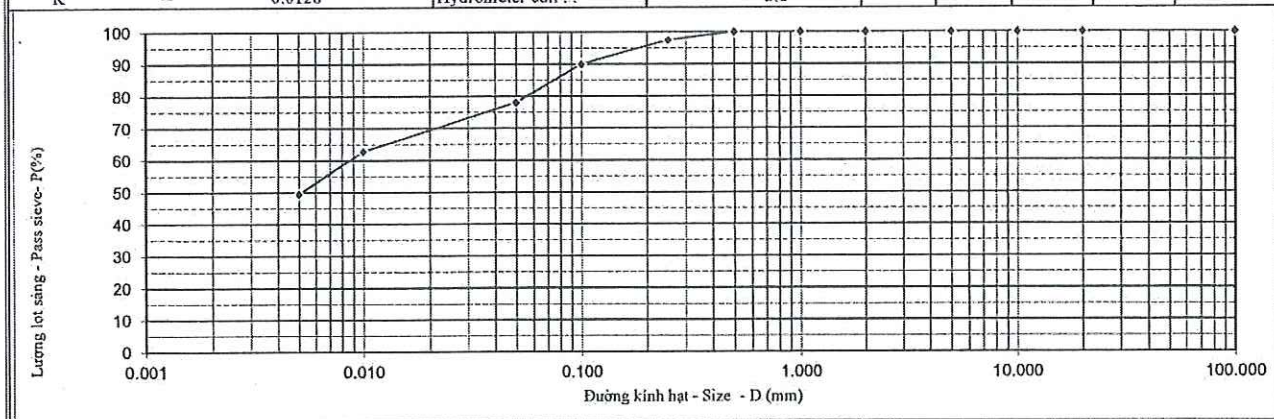
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	78.0	0.0474	
2	16.0	13.9	74.8	0.0338	
5	15.2	14.2	70.5	0.0216	
15	14.3	14.6	65.7	0.0126	
30	13.5	14.9	61.4	0.0090	
60	12.2	15.4	54.5	0.0065	
120	11.0	15.8	48.1	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.48	62.75	78.02	89.97	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.48	13.27	15.27	11.95	7.48	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14970

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: U6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.55	2.55	2.55	97.45
0.250	4.98	4.98	7.53	92.47
0.100	7.31	7.31	14.84	85.16

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

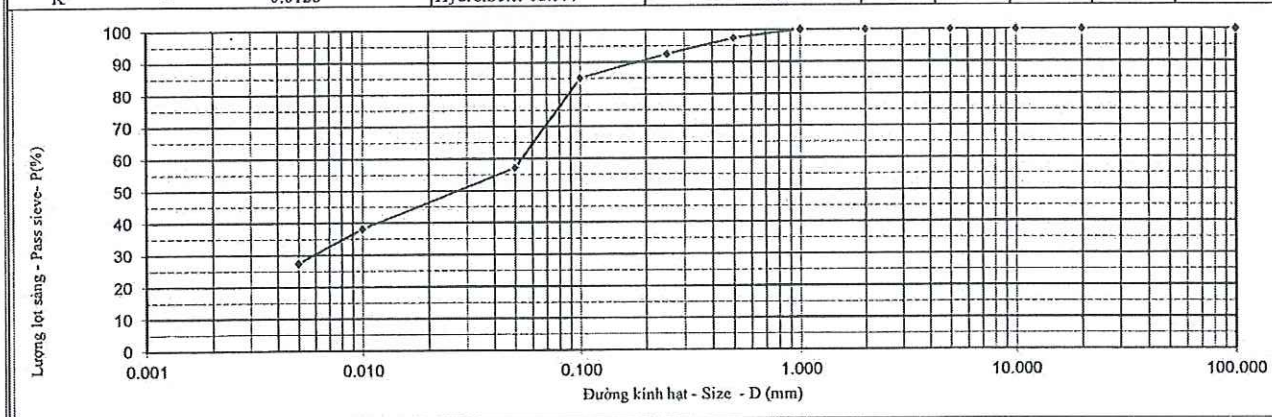
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.1	0.0497	
2	12.2	15.4	53.0	0.0355	
5	11.5	15.6	49.3	0.0226	
15	10.2	16.1	42.6	0.0133	
30	9.2	16.5	37.4	0.0095	
60	8.2	16.9	32.2	0.0068	
120	7.2	17.3	27.0	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	27.46	38.19	57.14	85.16	92.47	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	27.46	10.73	18.95	28.02	7.31	4.98	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét xám đen										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14971

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.20 -6.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.35	3.35	3.35	96.65
0.250	5.52	5.52	8.87	91.13
0.100	6.38	6.38	15.25	84.75

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

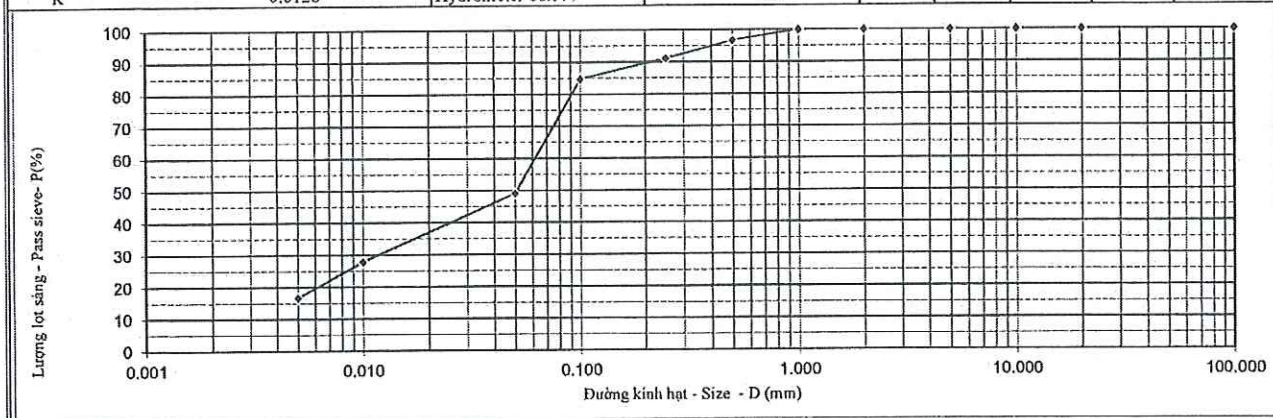
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	11.5	9.5	49.2	0.0506	
2	11.0	15.8	46.6	0.0360	
5	10.0	16.2	41.4	0.0230	
15	9.3	16.5	37.8	0.0134	
30	7.2	17.3	26.9	0.0097	
60	6.0	17.7	20.7	0.0070	
120	5.2	18.0	16.6	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.65	27.88	49.13	84.75	91.13	96.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.65	11.23	21.25	35.62	6.38	5.52	3.35	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP. thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15008

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.32	0.32	0.32	99.68
0.500	4.15	4.15	4.47	95.53
0.250	6.35	6.35	10.82	89.18
0.100	72.66	72.66	83.48	16.52

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

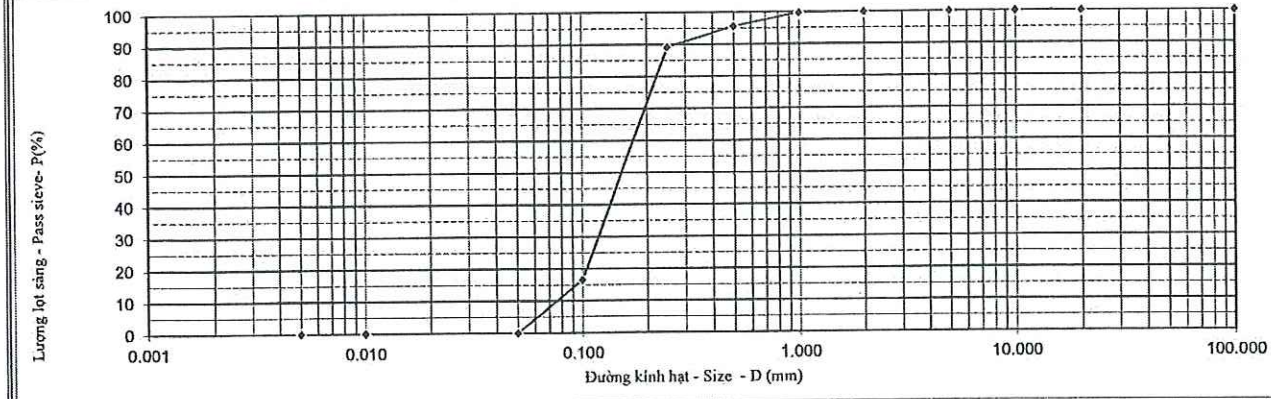
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	16.52	89.18	95.53	99.68	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	16.52	72.66	6.35	4.15	0.32	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14955

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.35	0.35	0.35	99.65
0.250	2.55	2.55	2.90	97.10
0.100	4.15	4.15	7.05	92.95

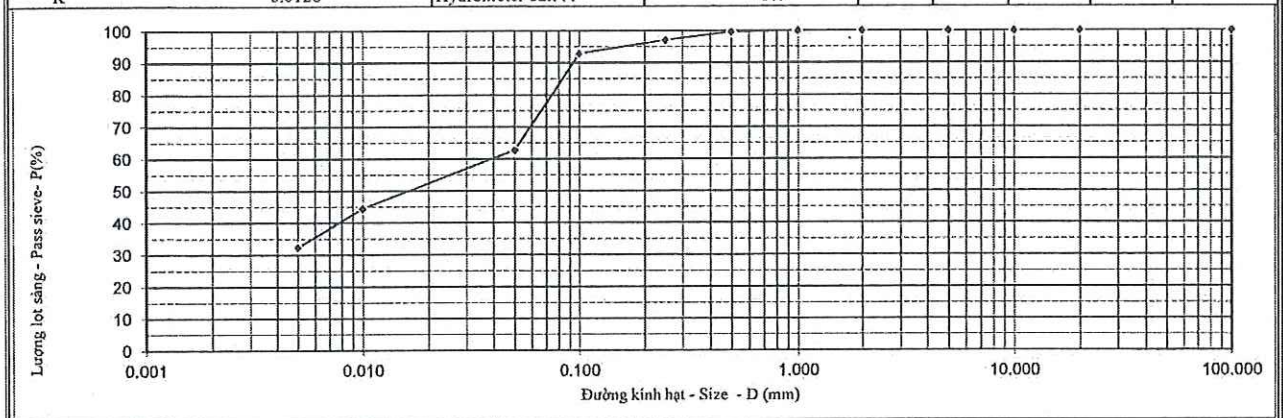
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.9	11.9	62.6	0.0491	
2	13.0	15.1	57.9	0.0351	
5	12.2	15.4	53.7	0.0224	
15	11.5	15.6	50.0	0.0131	
30	10.2	16.1	43.2	0.0094	
60	9.3	16.5	38.4	0.0067	
120	8.0	17.0	31.6	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.71 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.37	44.48	62.69	92.95	97.10	99.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.37	12.11	18.21	30.26	4.15	2.55	0.35	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét ghi xanh, xám vàng dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15023

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.25	0.25	0.25	99.75
0.500	2.35	2.35	2.60	97.40
0.250	8.95	8.95	11.55	88.45
0.100	70.20	70.20	81.75	18.25

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

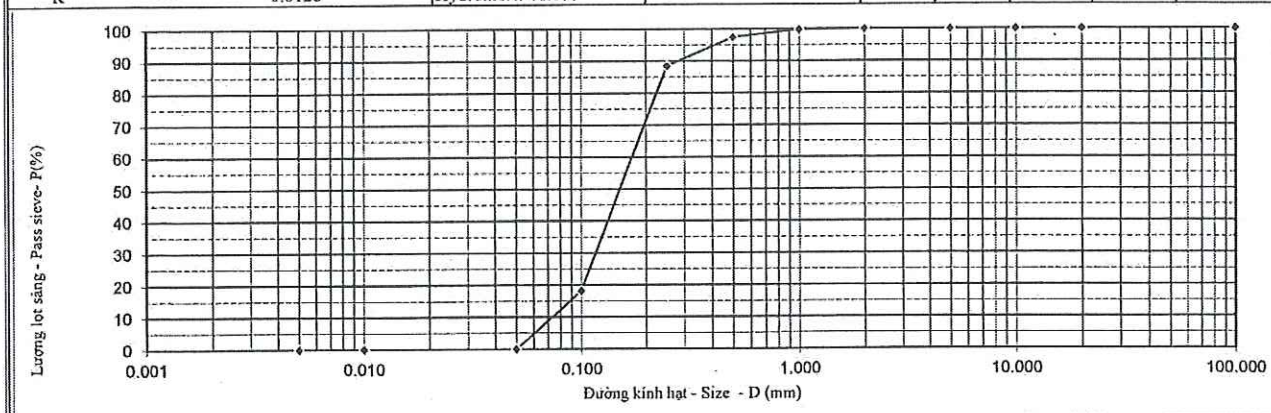
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	88.45	97.40	99.75	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	70.20	8.95	2.35	0.25	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14972

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.18	2.18	2.18	97.82
0.100	5.54	5.54	7.72	92.28

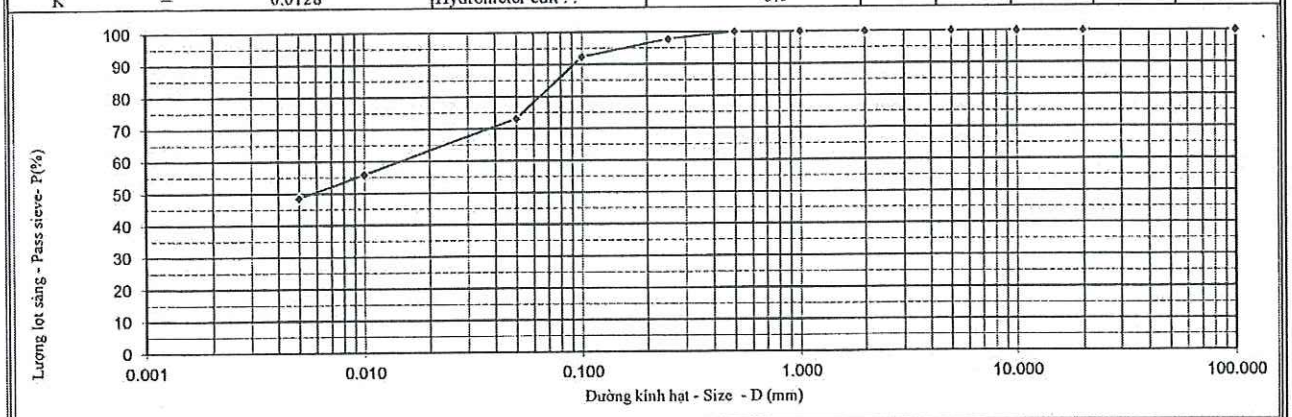
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.8	13.8	73.1	0.0479	
2	15.2	14.2	69.9	0.0341	
5	14.5	14.5	66.2	0.0218	
15	13.5	14.9	60.9	0.0127	
30	12.2	15.4	54.0	0.0092	
60	11.8	15.5	51.9	0.0065	
120	11.0	15.8	47.6	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	48.56	55.83	73.11	92.28	97.82	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	48.56	7.27	17.28	19.17	5.54	2.18	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14973

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.11	1.11	1.11	98.89
0.250	1.25	1.25	2.36	97.64
0.100	5.30	5.30	7.66	92.34

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

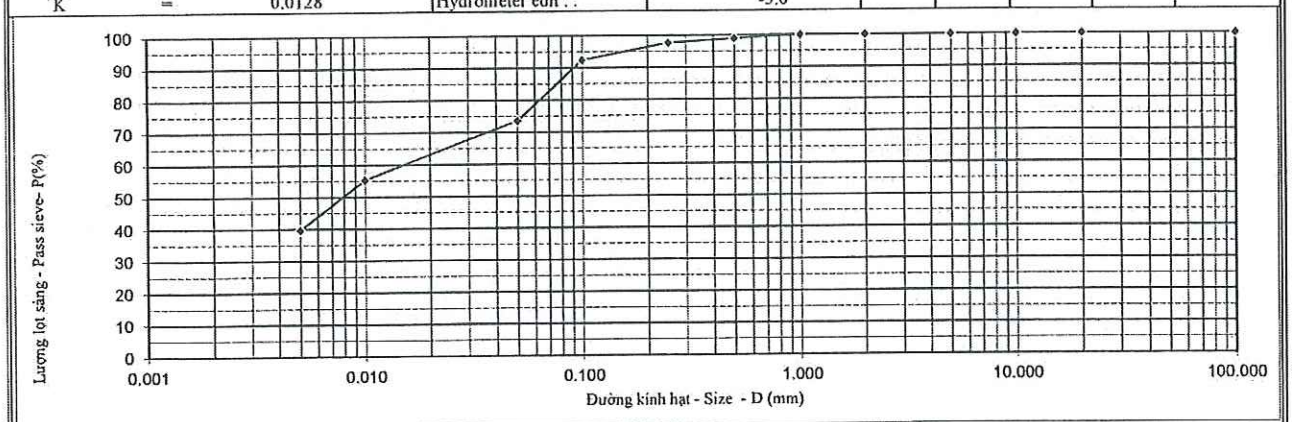
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.0	14.0	73.5	0.0478	
2	15.2	14.2	69.3	0.0341	
5	14.3	14.6	64.5	0.0218	
15	13.5	14.9	60.3	0.0127	
30	12.2	15.4	53.5	0.0092	
60	11.5	15.6	49.8	0.0065	
120	9.2	16.5	37.8	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.73	55.33	73.51	92.34	97.64	98.89	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.73	15.60	18.18	18.83	5.30	1.25	1.11	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14974

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: U5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 7.80 -8.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.52	0.52	0.52	99.48
0.250	3.38	3.38	3.90	96.10
0.100	4.61	4.61	8.51	91.49

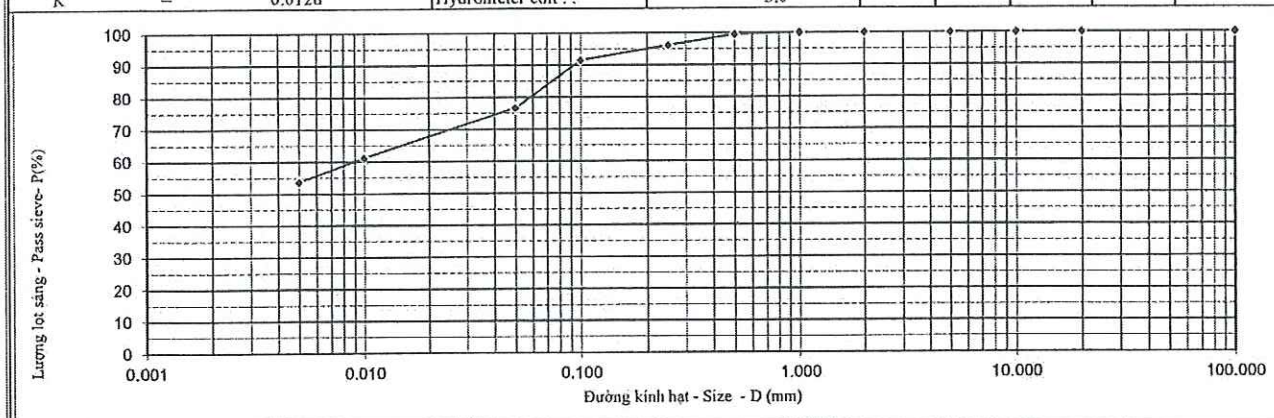
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.5	14.5	76.5	0.0474	
2	16.0	13.9	73.9	0.0338	
5	15.2	14.2	69.7	0.0216	
15	14.5	14.5	66.0	0.0126	
30	13.2	15.0	59.1	0.0090	
60	12.7	15.2	56.5	0.0064	
120	12.0	15.4	52.8	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	53.71	61.20	76.59	91.49	96.10	99.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	53.71	7.49	15.39	14.90	4.61	3.38	0.52	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15009

Hố khoan/Boring : LK3 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.05	2.05	2.05	97.95
0.500	6.32	6.32	8.37	91.63
0.250	8.55	8.55	16.92	83.08
0.100	65.48	65.48	82.40	17.60

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

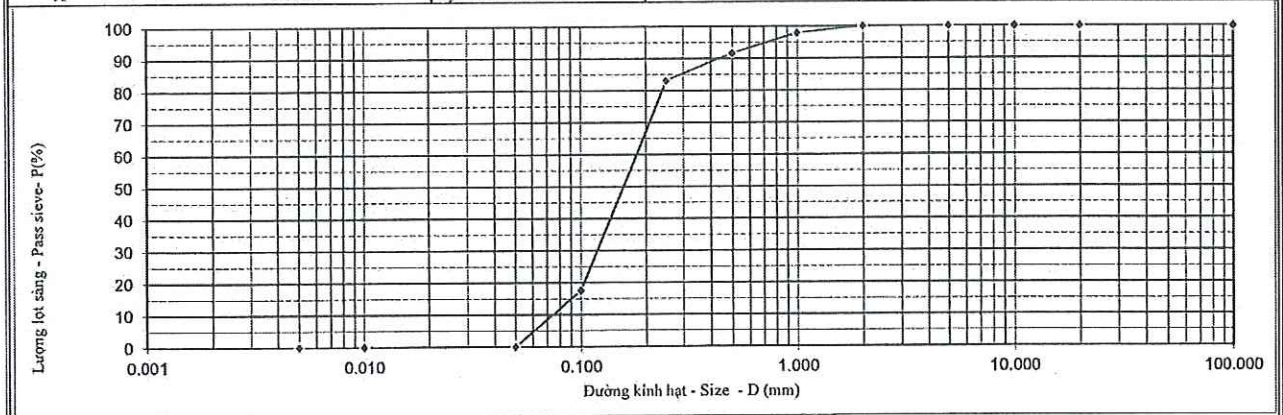
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	17.60	83.08	91.63	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	17.60	65.48	8.55	6.32	2.05	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14975

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.22	2.22	2.22	97.78
0.500	4.15	4.15	6.37	93.63
0.250	4.62	4.62	10.99	89.01
0.100	6.88	6.88	17.87	82.13

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

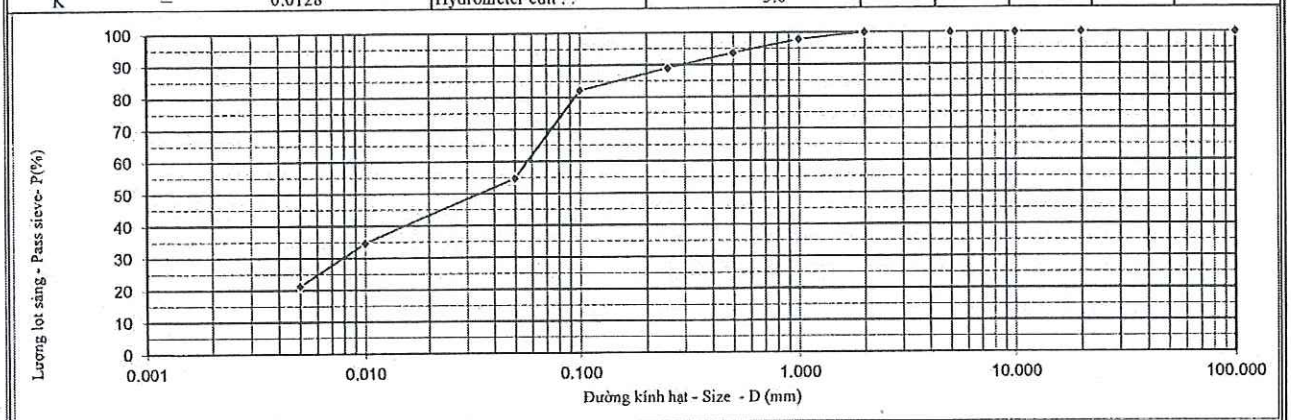
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mín	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	54.6	0.0497	
2	12.0	15.4	49.7	0.0356	
5	11.0	15.8	44.7	0.0228	
15	10.0	16.2	39.7	0.0133	
30	8.8	16.7	33.8	0.0095	
60	7.5	17.2	27.3	0.0068	
120	6.2	17.7	20.9	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.22	34.62	54.65	82.13	89.01	93.63	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.22	13.40	20.03	27.48	6.88	4.62	4.15	2.22	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14976

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.84	2.84	2.84	97.16
0.250	5.35	5.35	8.19	91.81
0.100	7.85	7.85	16.04	83.96

KLR/Specific gravity : 2.39 g/cm^3

K = 0.0128

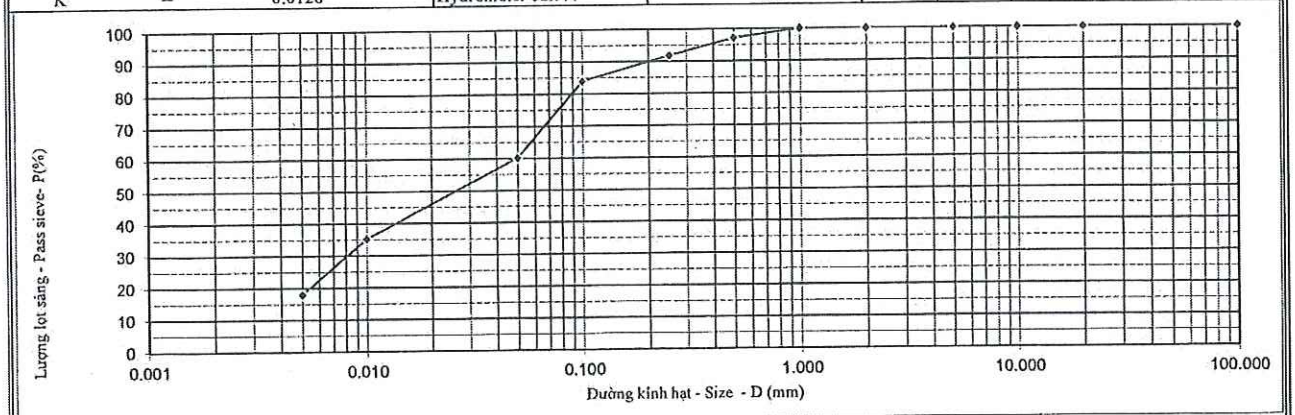
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	60.1	0.0498	
2	12.0	15.4	55.7	0.0356	
5	11.2	15.8	51.2	0.0227	
15	9.3	16.5	40.7	0.0134	
30	8.2	16.9	34.5	0.0096	
60	6.7	17.5	26.2	0.0069	
120	5.2	18.0	17.8	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.01	35.26	60.15	83.96	91.81	97.16	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.01	17.25	24.89	23.81	7.85	5.35	2.84	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15024

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.35	1.35	1.35	98.65
0.500	5.51	5.51	6.86	93.14
0.250	11.00	11.00	17.86	82.14
0.100	60.82	60.82	78.68	21.32

KLR/Specific gravity : 2.60 g/cm^3

K = 0.0128

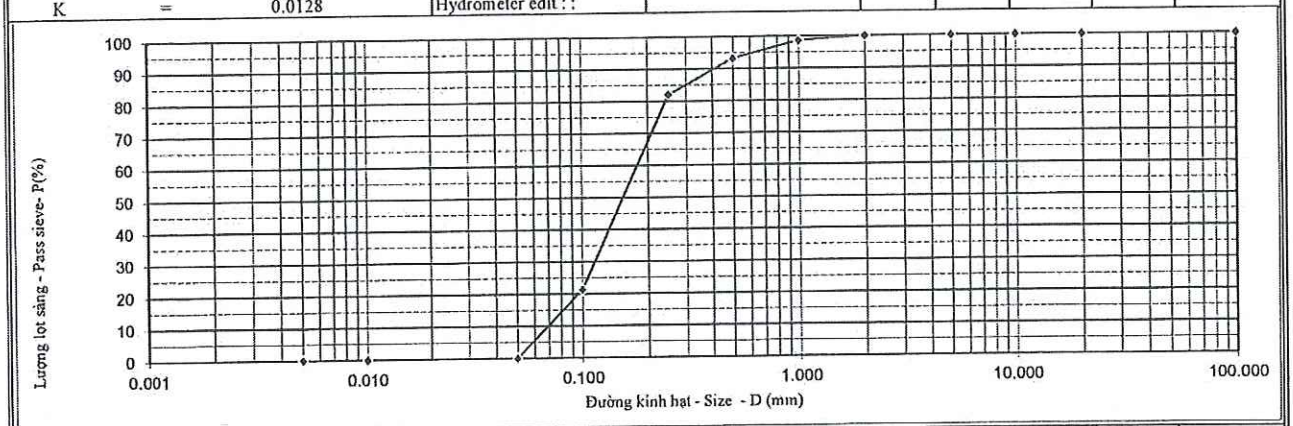
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.32	82.14	93.14	98.65	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.32	60.82	11.00	5.51	1.35	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15010

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.11	2.11	2.11	97.89
0.500	2.55	2.55	4.66	95.34
0.250	9.35	9.35	14.01	85.99
0.100	65.78	65.78	79.79	20.21

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

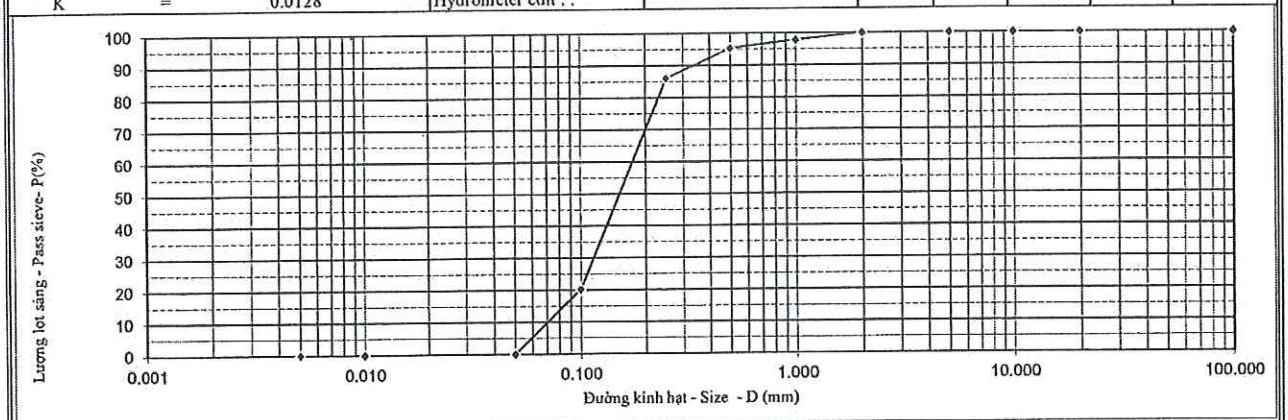
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.21	85.99	95.34	97.89	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.21	65.78	9.35	2.55	2.11	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14977

Hố khoan/Boring : LK4 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.95	2.95	2.95	97.05
0.100	3.52	3.52	6.47	93.53

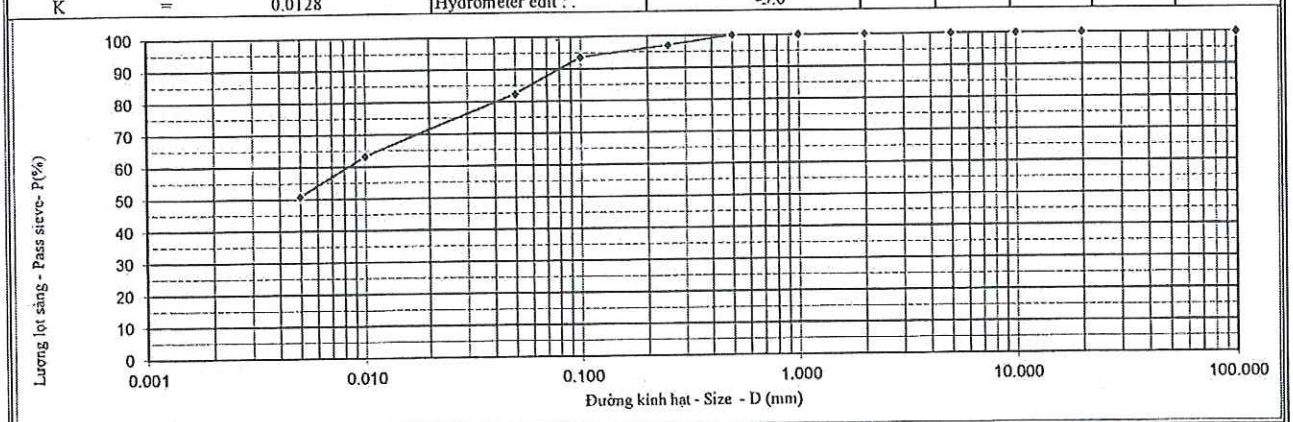
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	17.0	15.0	82.3	0.0471	
2	16.5	13.7	79.5	0.0335	
5	15.4	14.1	73.5	0.0215	
15	14.3	14.6	67.5	0.0126	
30	13.2	15.0	61.4	0.0090	
60	12.2	15.4	55.9	0.0065	
120	11.0	15.8	49.4	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.55 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.80	63.24	82.32	93.53	97.05	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.80	12.44	19.08	11.21	3.52	2.95	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám đen lẫn hữu cơ PHK										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14978

Hố khoan/Boring : LK4 Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	5.32	5.32	5.32	94.68
0.250	7.51	7.51	12.83	87.17
0.100	9.35	9.35	22.18	77.82

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3

K = 0.0128

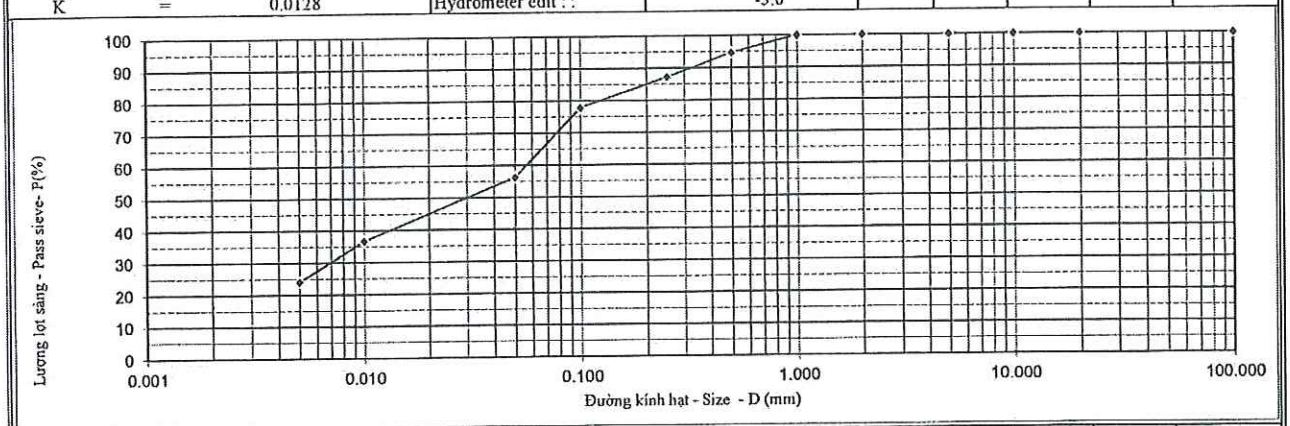
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.2	11.2	56.1	0.0496	
2	12.0	15.4	50.1	0.0356	
5	11.5	15.6	47.6	0.0226	
15	10.0	16.2	40.1	0.0133	
30	9.2	16.5	36.1	0.0095	
60	8.2	16.9	31.1	0.0068	
120	6.7	17.5	23.6	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	24.10	36.70	56.15	77.82	87.17	94.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	24.10	12.60	19.45	21.67	9.35	7.51	5.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ,nâu xám, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15011

Hố khoan/Boring : LK4 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.05	1.05	1.05	98.95
0.500	5.54	5.54	6.59	93.41
0.250	10.20	10.20	16.79	83.21
0.100	53.89	53.89	70.68	29.32

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

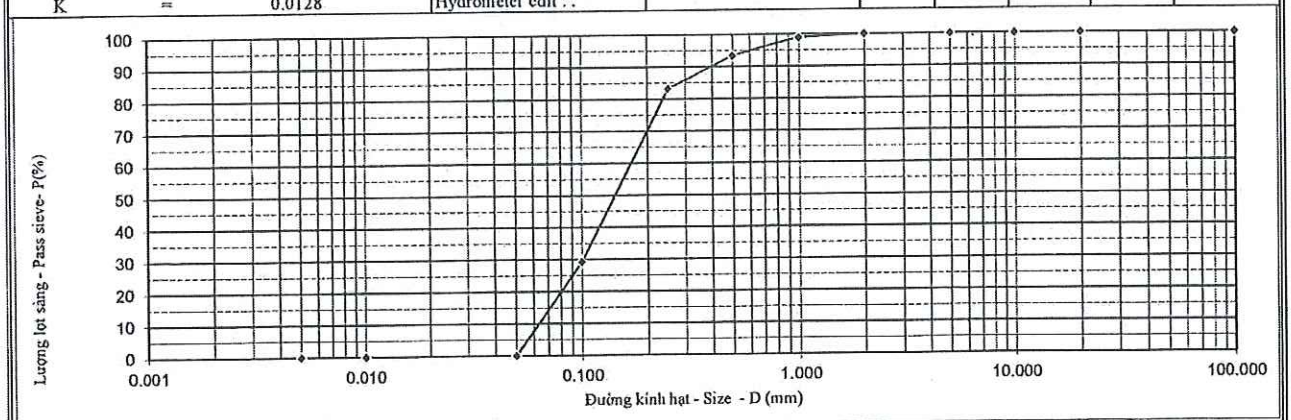
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	29.32	83.21	93.41	98.95	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	29.32	53.89	10.20	5.54	1.05	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát bụi nâu hồng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14979

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.48	2.48	2.48	97.52
0.250	3.52	3.52	6.00	94.00
0.100	6.65	6.65	12.65	87.35

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

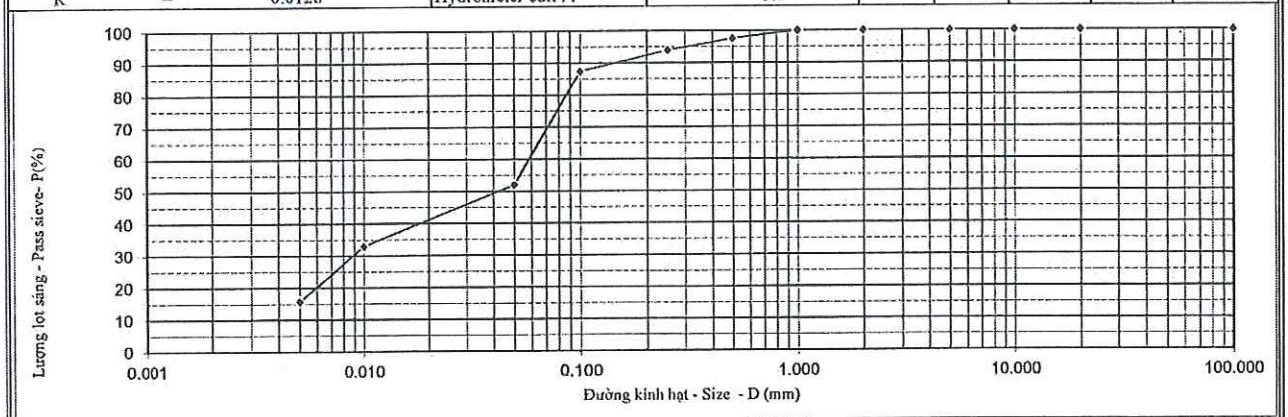
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	DK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	52.0	0.0503	
2	11.3	15.7	48.3	0.0359	
5	10.7	15.9	45.2	0.0229	
15	9.3	16.5	37.9	0.0134	
30	8.2	16.9	32.2	0.0096	
60	6.2	17.7	21.8	0.0069	
120	5.0	18.1	15.6	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	15.69	32.91	51.96	87.35	94.00	97.52	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	15.69	17.22	19.05	35.39	6.65	3.52	2.48	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám ghi, xám trắng dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14980

Hố khoan/Boring : LK5 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.55	2.55	2.55	97.45
0.250	5.54	5.54	8.09	91.91
0.100	7.21	7.21	15.30	84.70

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

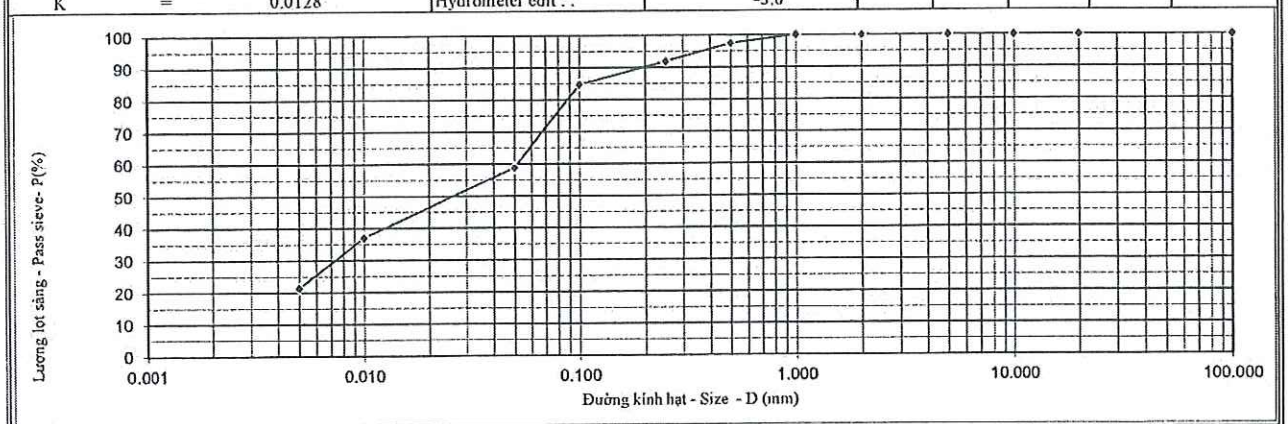
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.3	11.3	58.8	0.0495	
2	12.2	15.4	53.1	0.0355	
5	11.2	15.8	47.9	0.0227	
15	9.8	16.3	40.6	0.0133	
30	9.0	16.6	36.4	0.0095	
60	8.2	16.9	32.3	0.0068	
120	6.0	17.7	20.8	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.39	37.05	58.83	84.70	91.91	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.39	15.66	21.78	25.87	7.21	5.54	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám vàng, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14981

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: U5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 7.80 -8.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.30	2.30	2.30	97.70
0.250	3.35	3.35	5.65	94.35
0.100	5.44	5.44	11.09	88.91

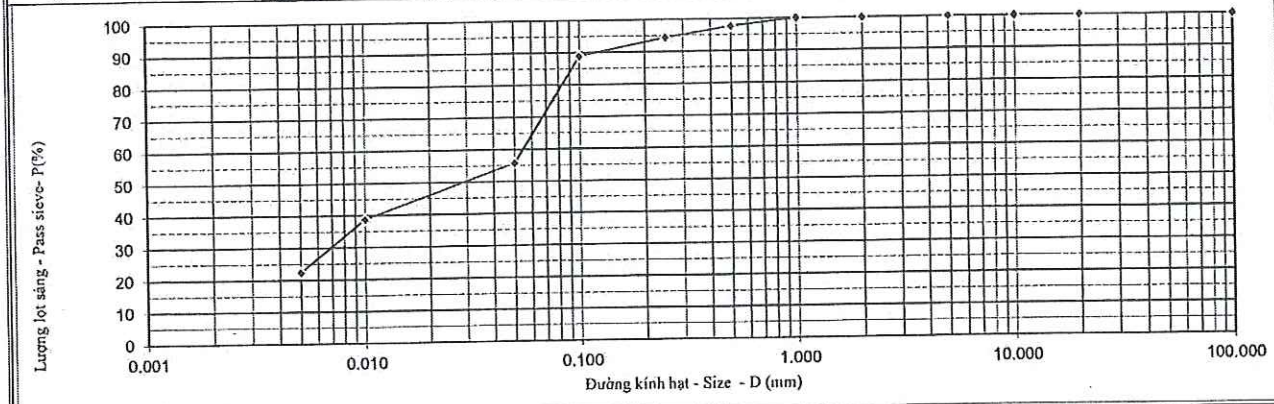
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.7	10.7	55.7	0.0499	
2	12.0	15.4	52.1	0.0356	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.7	15.9	45.3	0.0132	
30	9.2	16.5	37.5	0.0095	
60	8.0	17.0	31.2	0.0068	
120	6.2	17.7	21.9	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	22.39	38.72	55.72	88.91	94.35	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	22.39	16.33	17.00	33.19	5.44	3.35	2.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng, nâu gụ, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14982

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.22	2.22	2.22	97.78
0.250	2.85	2.85	5.07	94.93
0.100	5.61	5.61	10.68	89.32

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

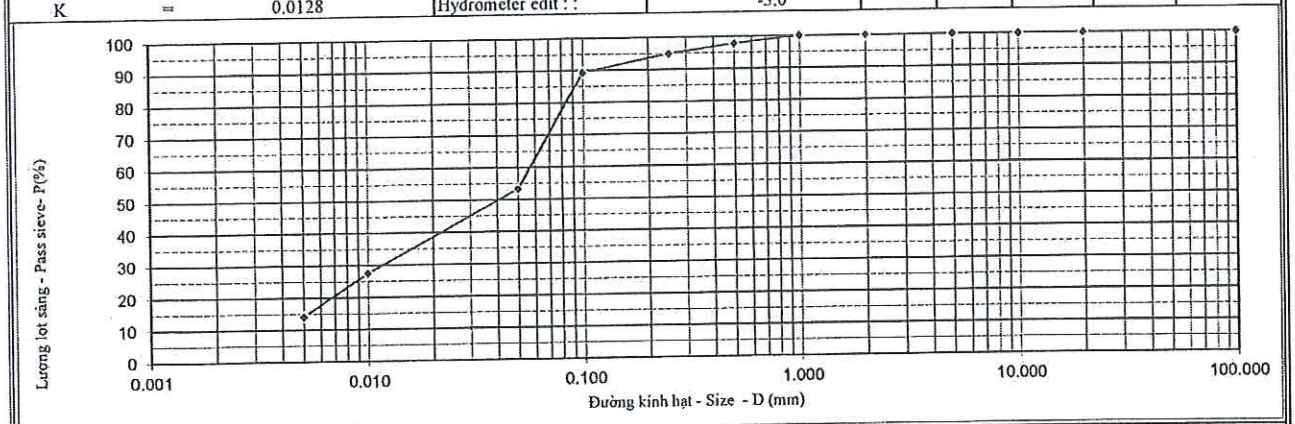
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.2	10.2	53.3	0.0502	
2	11.4	15.7	49.1	0.0358	
5	9.3	16.5	38.1	0.0232	
15	8.0	17.0	31.3	0.0136	
30	7.2	17.3	27.2	0.0097	
60	6.3	17.6	22.5	0.0069	
120	4.7	18.2	14.1	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	14.16	27.52	53.26	89.32	94.93	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	14.16	13.36	25.74	36.06	5.61	2.85	2.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14983

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: UD10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	1.32	1.32	1.32	98.68
0.100	5.30	5.30	6.62	93.38

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3

K = 0.0128

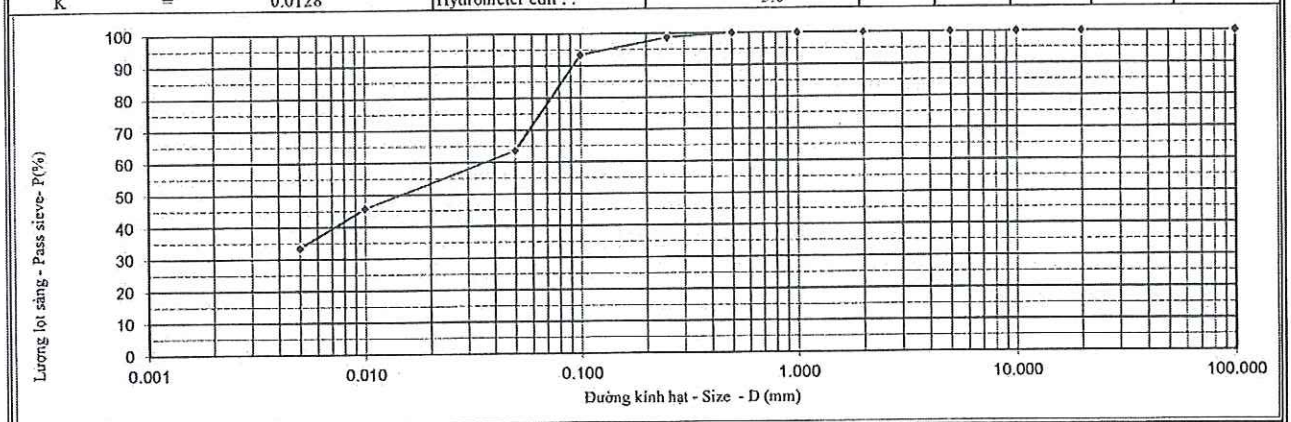
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.0	12.0	63.5	0.0490	
2	13.2	15.0	59.3	0.0350	
5	12.5	15.3	55.6	0.0224	
15	11.2	15.8	48.7	0.0131	
30	10.5	16.0	45.0	0.0094	
60	9.3	16.5	38.6	0.0067	
120	8.2	16.9	32.8	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.53	45.73	63.57	93.38	98.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.53	12.20	17.84	29.81	5.30	1.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu vàng, xám vàng nửa cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15012

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.32	2.32	2.32	97.68
0.500	4.15	4.15	6.47	93.53
0.250	5.24	5.24	11.71	88.29
0.100	66.28	66.28	77.99	22.01

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm³

K = 0.0128

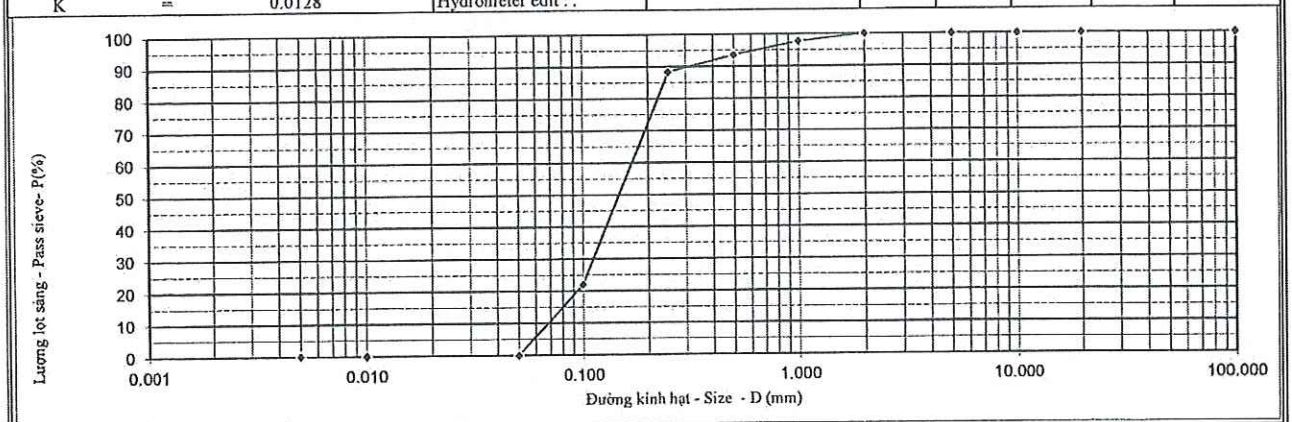
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	88.29	93.53	97.68	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	66.28	5.24	4.15	2.32	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15013

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.04	2.04	2.04	97.96
0.500	3.20	3.20	5.24	94.76
0.250	4.15	4.15	9.39	90.61
0.100	69.57	69.57	78.96	21.04

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

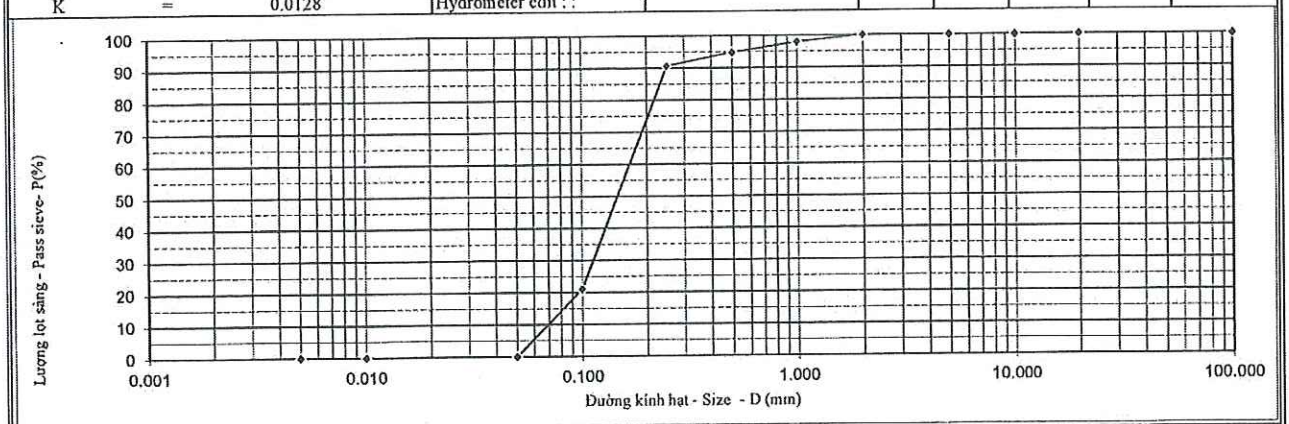
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.04	90.61	94.76	97.96	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.04	69.57	4.15	3.20	2.04	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14984

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.40 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.22	2.22	2.22	97.78
0.250	2.35	2.35	4.57	95.43
0.100	5.05	5.05	9.62	90.38

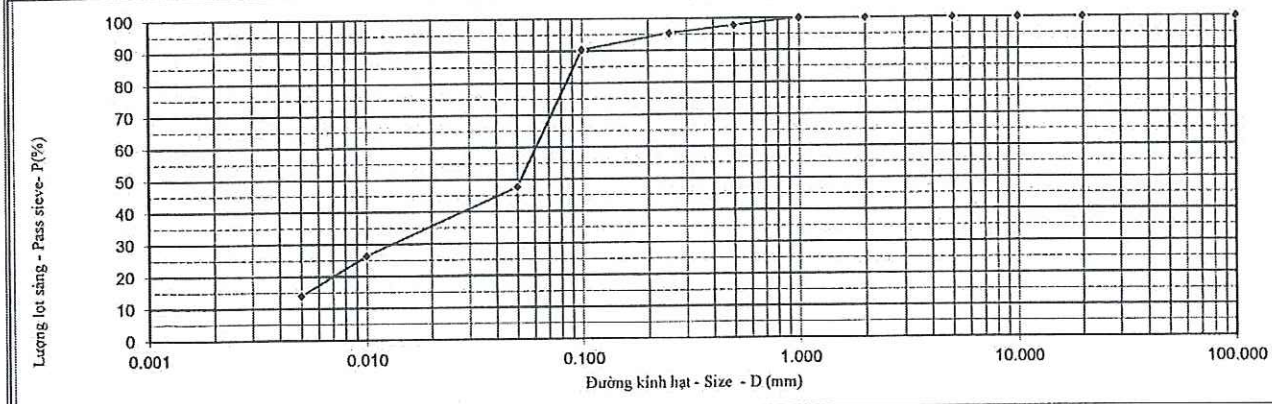
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	11.2	9.2	47.7	0.0508	
2	10.0	16.2	41.5	0.0364	
5	9.2	16.5	37.4	0.0233	
15	8.2	16.9	32.2	0.0136	
30	7.0	17.4	25.9	0.0097	
60	6.0	17.7	20.8	0.0070	
120	4.7	18.2	14.0	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	14.05	26.44	47.68	90.38	95.43	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	14.05	12.39	21.24	42.70	5.05	2.35	2.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám ghi dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14985

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.35	1.35	1.35	98.65
0.250	3.52	3.52	4.87	95.13
0.100	6.38	6.38	11.25	88.75

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

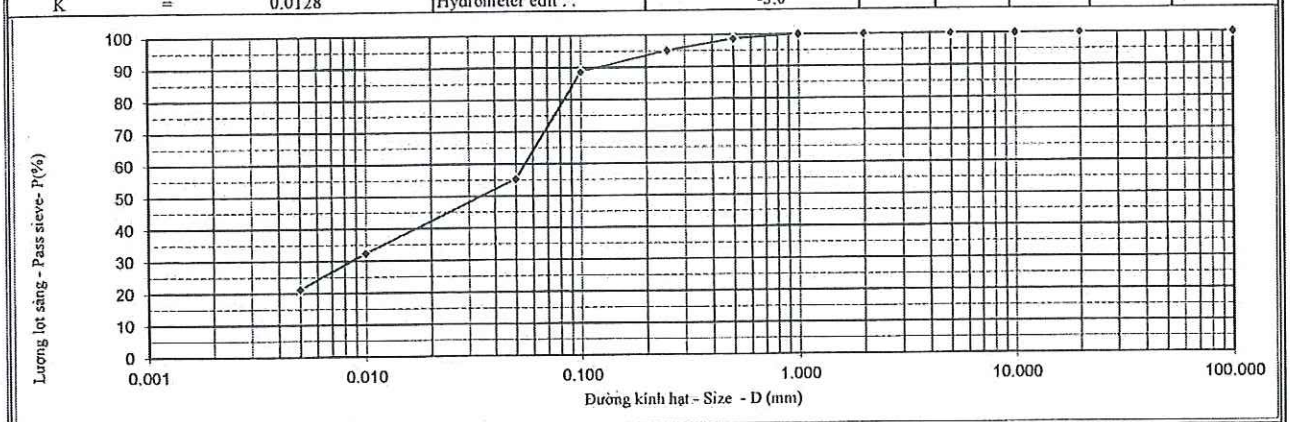
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.5	10.5	55.3	0.0500	
2	12.0	15.4	52.7	0.0356	
5	11.2	15.8	48.5	0.0227	
15	9.3	16.5	38.5	0.0134	
30	8.0	17.0	31.6	0.0096	
60	6.7	17.5	24.8	0.0069	
120	6.0	17.7	21.1	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.25	32.40	55.33	88.75	95.13	98.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.25	11.15	22.93	33.42	6.38	3.52	1.35	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi xanh, xám vàng dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14986

Hố khoan/Boring : LK6 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.30 -12.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.44	2.44	2.44	97.56
0.250	5.21	5.21	7.65	92.35
0.100	6.38	6.38	14.03	85.97

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0128

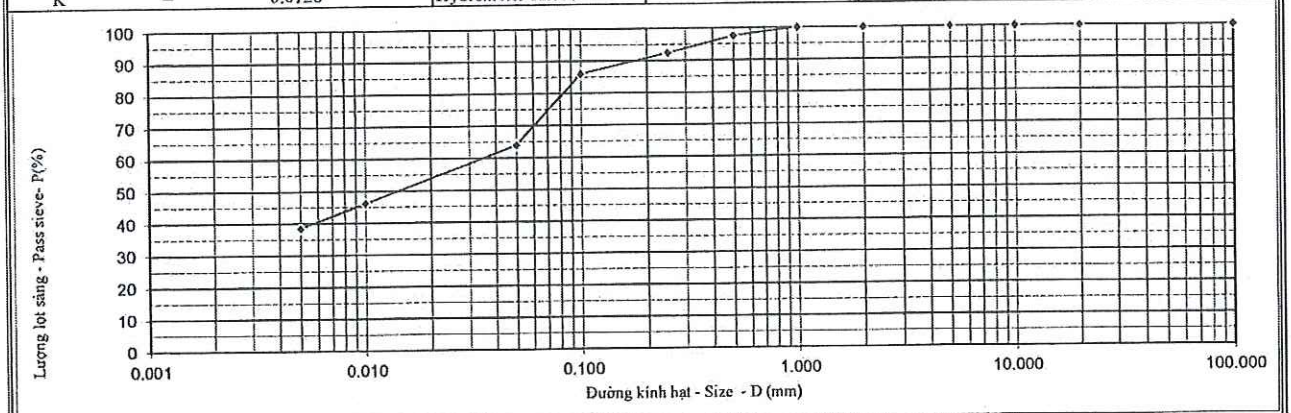
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.3	12.3	64.0	0.0489	
2	13.5	14.9	59.8	0.0349	
5	12.2	15.4	53.0	0.0224	
15	11.2	15.8	47.8	0.0131	
30	10.8	15.9	45.8	0.0093	
60	10.0	16.2	41.6	0.0067	
120	9.3	16.5	38.0	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.52	46.18	63.98	85.97	92.35	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.52	7.66	17.80	21.99	6.38	5.21	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Tp. thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14987

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: U8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.24	1.24	1.24	98.76
0.250	5.32	5.32	6.56	93.44
0.100	5.32	5.32	11.88	88.12

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

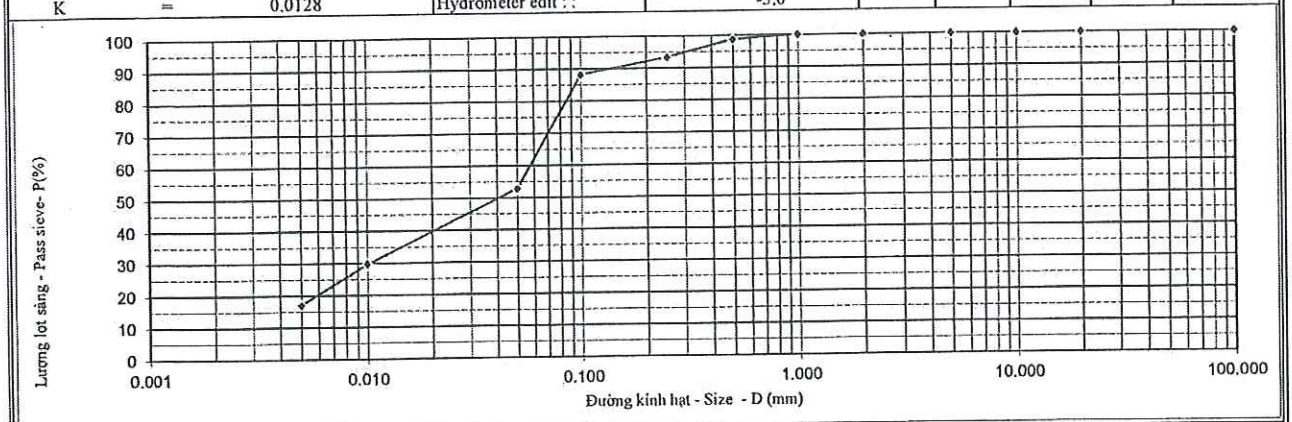
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	52.9	0.0503	
2	11.5	15.6	50.2	0.0358	
5	10.0	16.2	42.3	0.0230	
15	8.8	16.7	36.0	0.0135	
30	7.5	17.2	29.1	0.0097	
60	6.0	17.7	21.1	0.0070	
120	5.2	18.0	16.9	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	17.01	29.75	52.86	88.12	93.44	98.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	17.01	12.74	23.11	35.26	5.32	5.32	1.24	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng dẻo cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15014

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.08	1.08	1.08	98.92
0.500	2.05	2.05	3.13	96.87
0.250	5.22	5.22	8.35	91.65
0.100	71.60	71.60	79.95	20.05

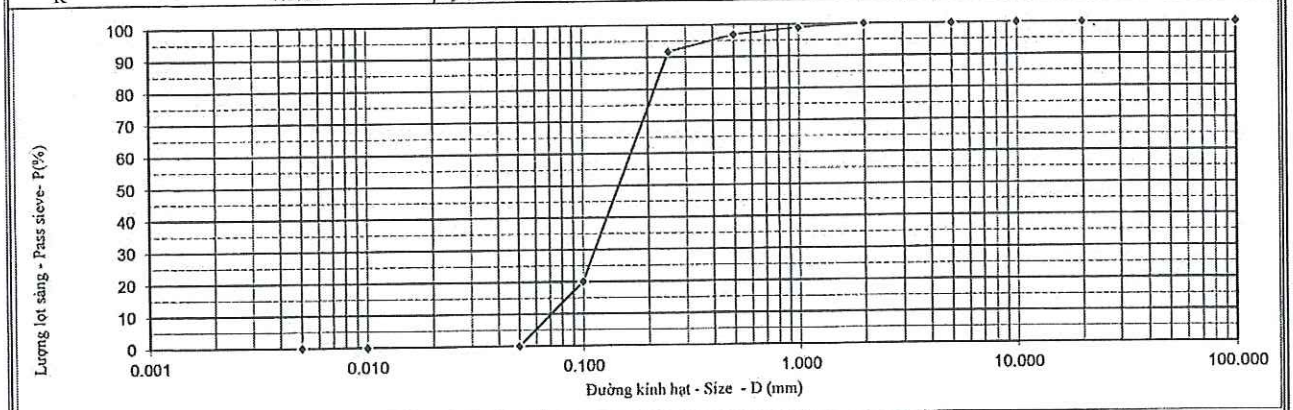
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	DK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.05	91.65	96.87	98.92	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.05	71.60	5.22	2.05	1.08	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC.
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14988

Hố khoan/Boring : LK7 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.35	3.35	3.35	96.65
0.100	5.02	5.02	8.37	91.63

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm³

K = 0.0128

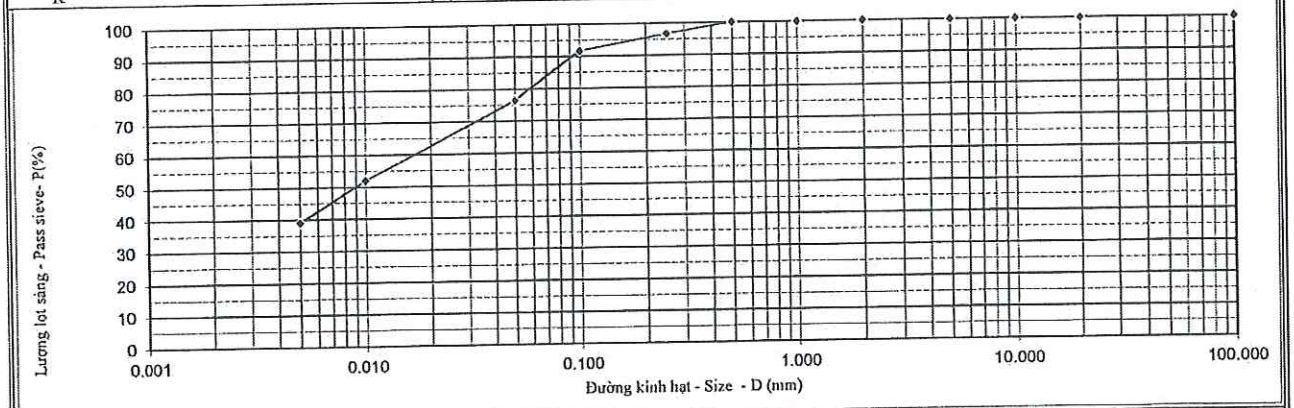
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.3	14.3	76.4	0.0476	
2	15.5	14.1	72.1	0.0340	
5	14.3	14.6	65.7	0.0218	
15	12.5	15.3	56.1	0.0129	
30	11.5	15.6	50.7	0.0092	
60	10.0	16.2	42.7	0.0067	
120	9.2	16.5	38.5	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.11	52.00	76.43	91.63	96.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.11	12.89	24.43	15.20	5.02	3.35	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14989

Hố khoan/Boring : LK7 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.80 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.44	2.44	2.44	97.56
0.100	5.55	5.55	7.99	92.01

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

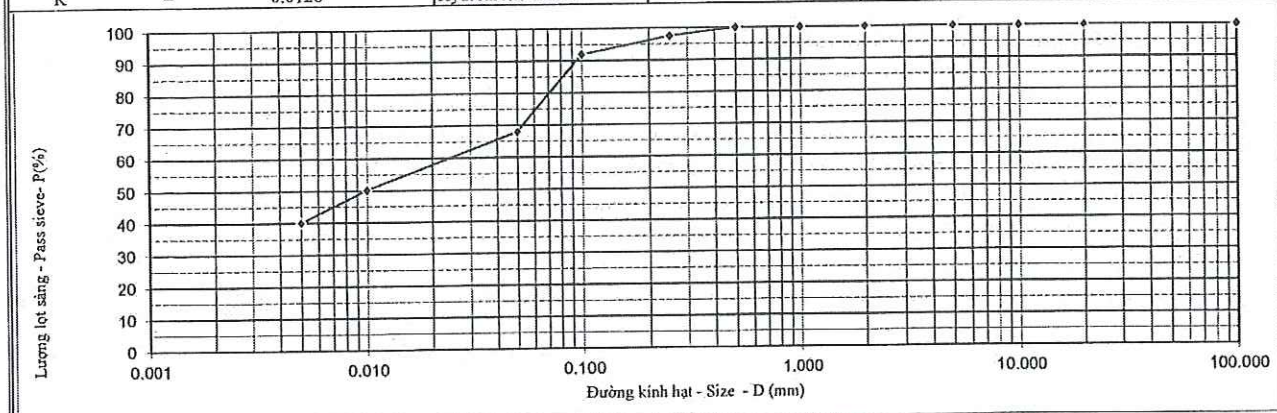
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.7	12.7	68.0	0.0486	
2	14.0	14.7	64.2	0.0347	
5	12.8	15.1	57.8	0.0223	
15	12.0	15.4	53.5	0.0130	
30	11.2	15.8	49.3	0.0093	
60	10.5	16.0	45.5	0.0066	
120	9.3	16.5	39.1	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	40.10	50.21	68.03	92.01	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	40.10	10.11	17.82	23.98	5.55	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14990

Hố khoan/Boring : LK7 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 9.20 -10.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.32	2.32	2.32	97.68
0.100	5.06	5.06	7.38	92.62

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

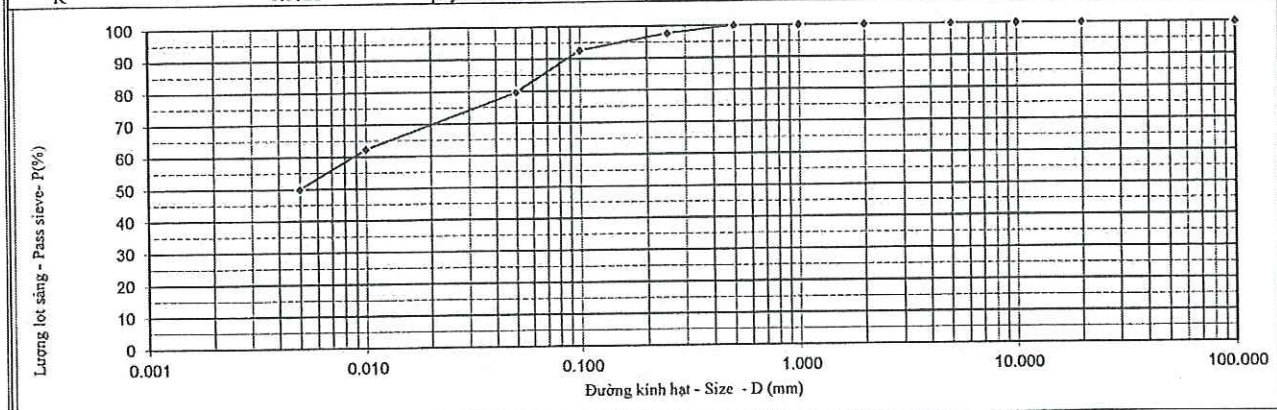
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	DK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	17.0	15.0	79.6	0.0471	
2	16.2	13.8	75.3	0.0337	
5	15.5	14.1	71.6	0.0215	
15	14.3	14.6	65.3	0.0126	
30	13.5	14.9	61.0	0.0090	
60	12.2	15.4	54.1	0.0065	
120	11.2	15.8	48.8	0.0046	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.01	62.33	79.64	92.62	97.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.01	12.32	17.31	12.98	5.06	2.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14991

Hố khoan/Boring : LK7 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.80 -14.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	3.35	3.35	7.50	92.50
0.100	5.02	5.02	12.52	87.48

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

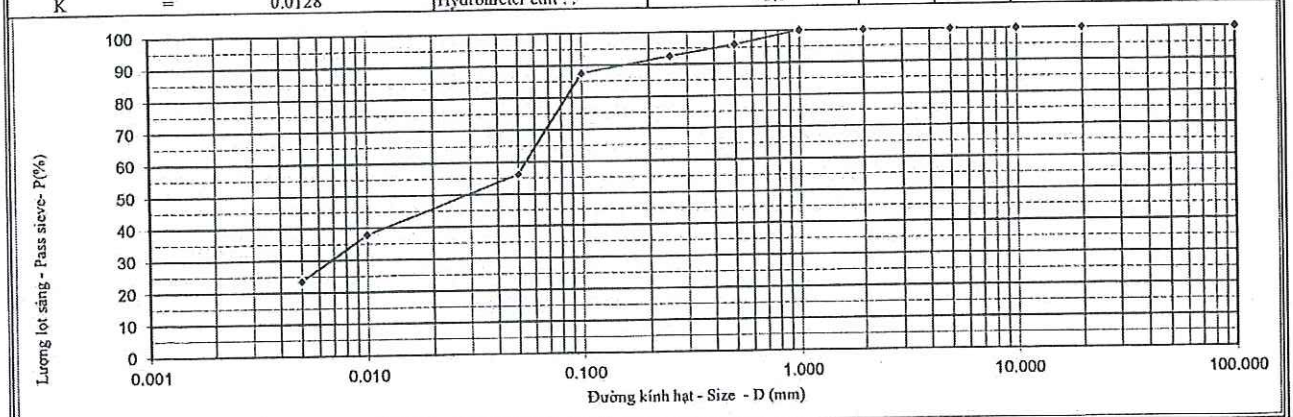
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	56.2	0.0497	
2	12.2	15.4	52.1	0.0355	
5	11.5	15.6	48.5	0.0226	
15	10.0	16.2	40.9	0.0133	
30	9.3	16.5	37.3	0.0095	
60	8.2	16.9	31.7	0.0068	
120	6.5	17.5	23.0	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.55	37.85	56.20	87.48	92.50	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.55	14.30	18.35	31.28	5.02	3.35	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14992

Hố khoan/Boring : LK7 Số hiệu mẫu/Sample - No: U8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	1.32	1.32	1.32	98.68
0.100	5.54	5.54	6.86	93.14

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3

K = 0.0128

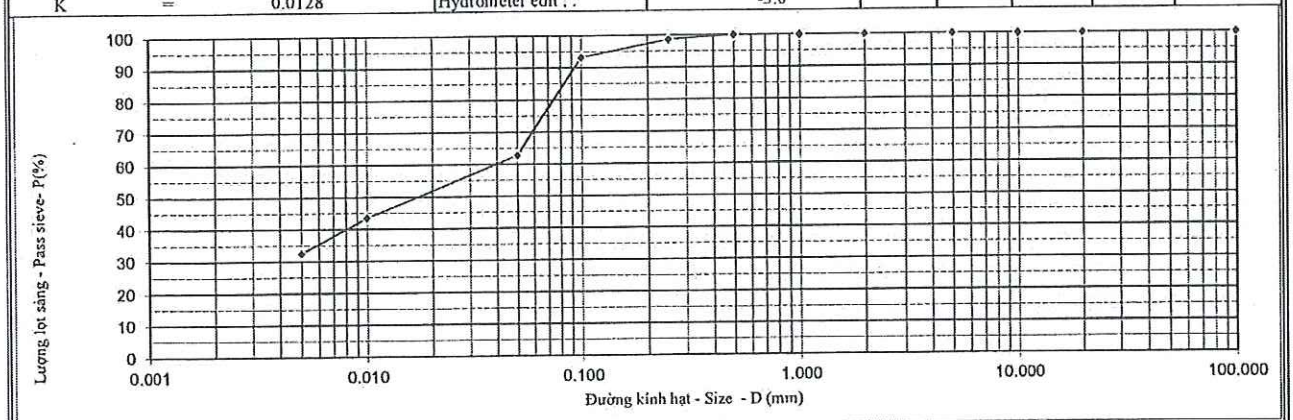
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.8	11.8	62.7	0.0492	
2	13.0	15.1	58.5	0.0351	
5	12.0	15.4	53.2	0.0225	
15	11.0	15.8	47.9	0.0131	
30	10.0	16.2	42.5	0.0094	
60	9.0	16.6	37.2	0.0067	
120	8.0	17.0	31.9	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.51	43.51	62.78	93.14	98.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.51	11.00	19.27	30.36	5.54	1.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét ghi xanh, xám vàng dẻo cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15015

Hố khoan/Boring : LK7 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.33	2.33	2.33	97.67
0.500	5.42	5.42	7.75	92.25
0.250	3.65	3.65	11.40	88.60
0.100	66.28	66.28	77.68	22.32

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

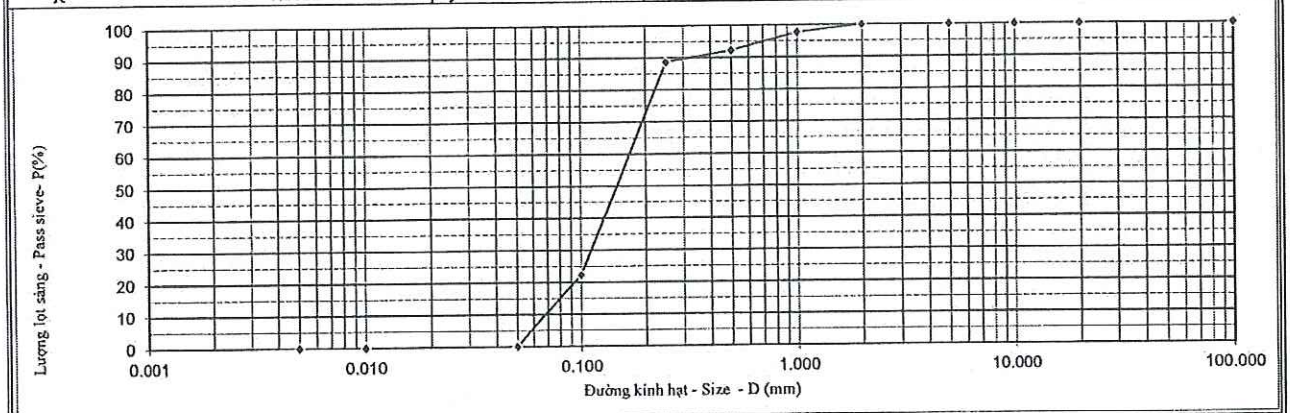
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.32	88.60	92.25	97.67	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.32	66.28	3.65	5.42	2.33	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14993

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.30	2.30	2.30	97.70
0.250	3.65	3.65	5.95	94.05
0.100	4.98	4.98	10.93	89.07

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

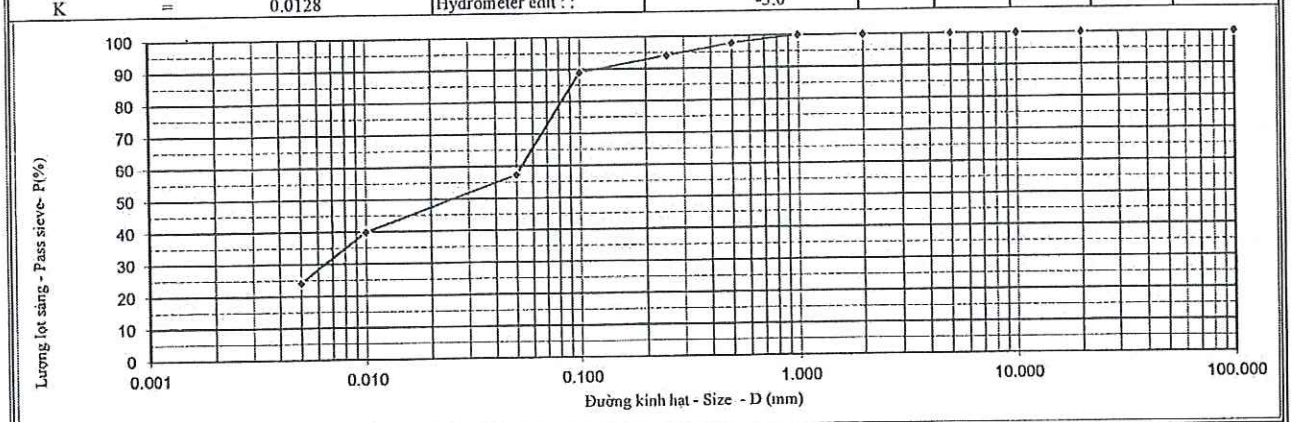
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.3	0.0497	
2	12.4	15.3	54.2	0.0354	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.5	16.0	44.3	0.0132	
30	9.5	16.4	39.1	0.0095	
60	8.5	16.8	33.8	0.0068	
120	6.5	17.5	23.4	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	24.12	39.91	57.29	89.07	94.05	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	24.12	15.79	17.38	31.78	4.98	3.65	2.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14994

Hố khoan/Boring : LK8 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.30	3.30	3.30	96.70
0.250	5.55	5.55	8.85	91.15
0.100	7.84	7.84	16.69	83.31

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0128

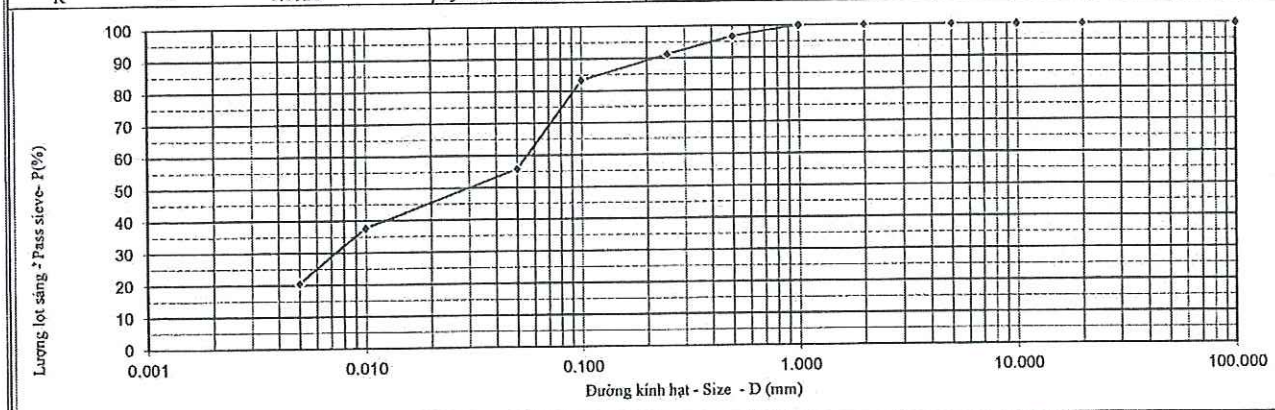
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	55.7	0.0498	
2	12.1	15.4	52.1	0.0355	
5	11.5	15.6	49.0	0.0226	
15	10.0	16.2	41.2	0.0133	
30	9.2	16.5	37.1	0.0095	
60	7.5	17.2	28.3	0.0068	
120	5.9	17.8	20.1	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.47	37.74	55.66	83.31	91.15	96.70	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.47	17.27	17.92	27.65	7.84	5.55	3.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi xanh dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15025

Hố khoan/Boring : LK8 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.96	0.96	0.96	99.04
0.500	6.38	6.38	7.34	92.66
0.250	8.36	8.36	15.70	84.30
0.100	63.86	63.86	79.56	20.44

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

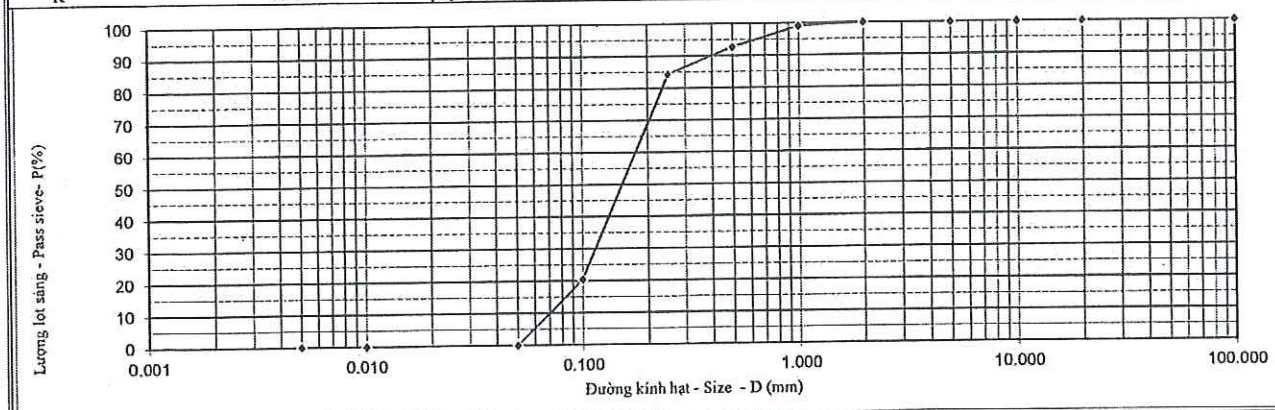
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.44	84.30	92.66	99.04	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.44	63.86	8.36	6.38	0.96	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14995

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: U6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.32	2.32	2.32	97.68
0.250	5.54	5.54	7.86	92.14
0.100	7.98	7.98	15.84	84.16

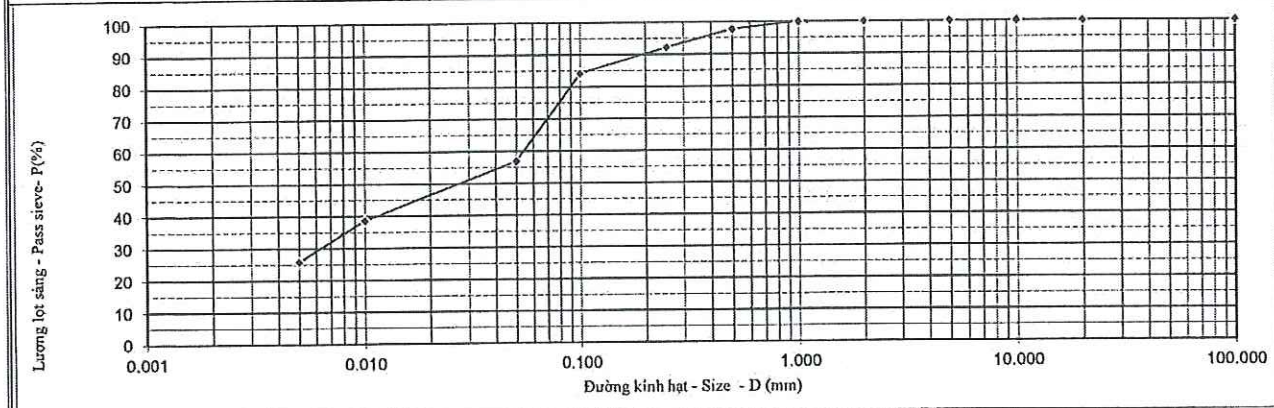
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.9	10.9	56.9	0.0497	
2	12.1	15.4	52.7	0.0355	
5	11.5	15.6	49.6	0.0226	
15	10.0	16.2	41.7	0.0133	
30	9.3	16.5	38.1	0.0095	
60	7.5	17.2	28.7	0.0068	
120	6.9	17.4	25.6	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	25.80	38.66	56.88	84.16	92.14	97.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	25.80	12.86	18.22	27.28	7.98	5.54	2.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám đen, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14996

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.54	2.54	2.54	97.46
0.100	7.80	7.80	10.34	89.66

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3

K = 0.0128

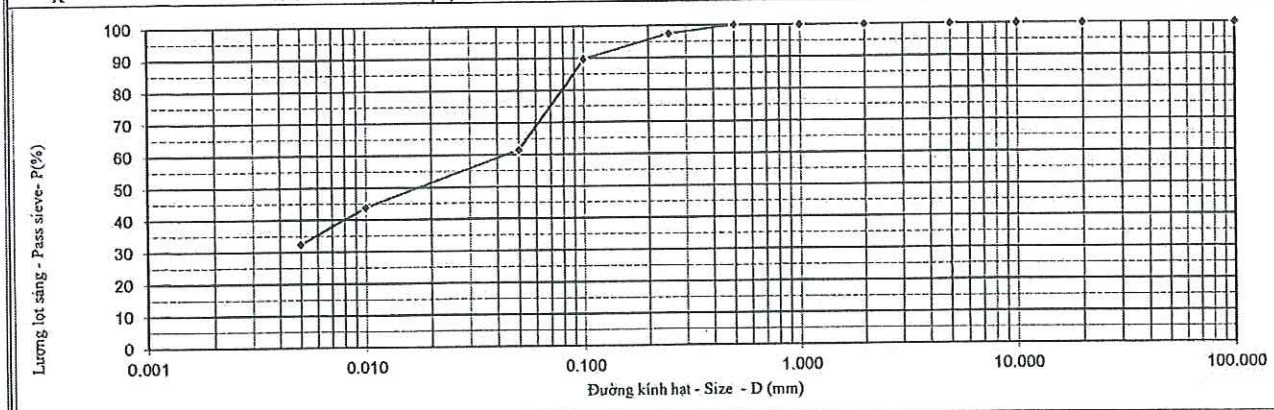
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.4	0.0493	
2	13.0	15.1	58.2	0.0351	
5	12.2	15.4	54.0	0.0224	
15	11.5	15.6	50.3	0.0131	
30	10.0	16.2	42.4	0.0094	
60	9.0	16.6	37.1	0.0067	
120	8.0	17.0	31.8	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.36	43.83	61.43	89.66	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.36	11.47	17.60	28.23	7.80	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám ghi, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15016

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.44	2.44	2.44	97.56
0.500	3.68	3.68	6.12	93.88
0.250	5.02	5.02	11.14	88.86
0.100	64.71	64.71	75.85	24.15

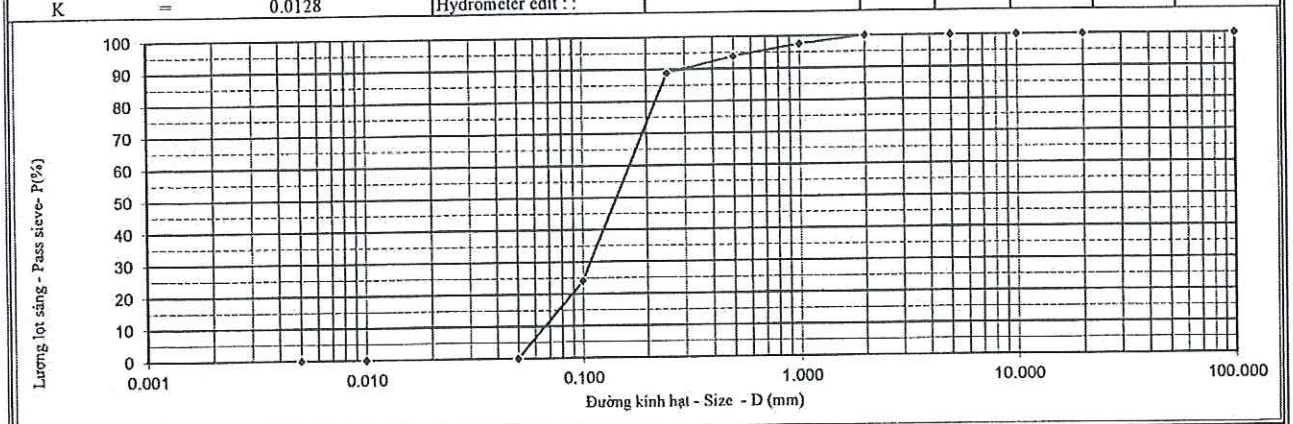
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	24.15	88.86	93.88	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	24.15	64.71	5.02	3.68	2.44	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám xanh, kẹp Á sét										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14997

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.33	3.33	3.33	96.67
0.250	3.05	3.05	6.38	93.62
0.100	3.68	3.68	10.06	89.94

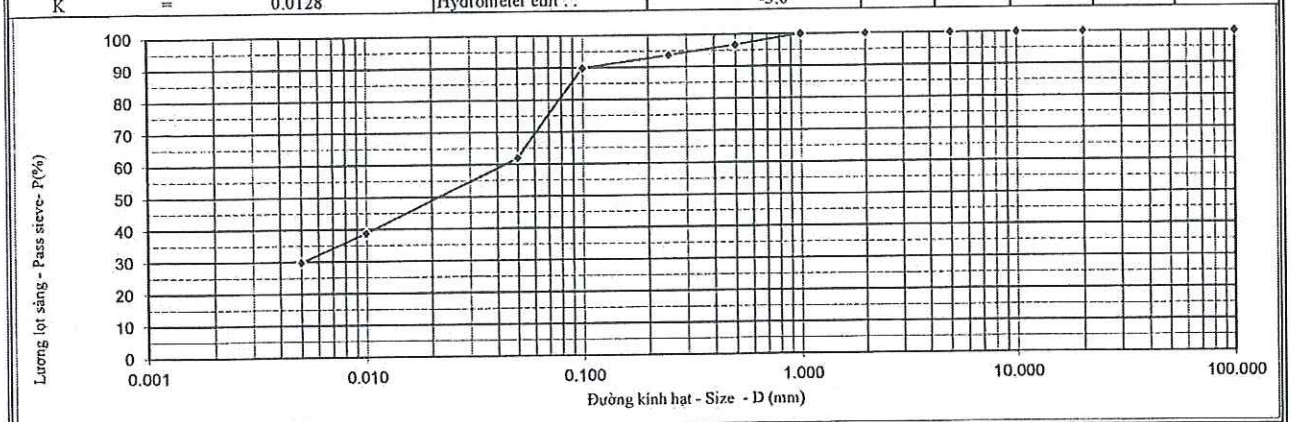
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.0	12.0	62.0	0.0490	
2	13.2	15.0	57.8	0.0350	
5	12.5	15.3	54.2	0.0224	
15	11.2	15.8	47.5	0.0131	
30	9.2	16.5	37.2	0.0095	
60	8.5	16.8	33.6	0.0068	
120	7.7	17.1	29.4	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	29.86	38.83	62.01	89.94	93.62	96.67	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	29.86	8.97	23.18	27.93	3.68	3.05	3.33	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14998

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.22	2.22	2.22	97.78
0.250	2.65	2.65	4.87	95.13
0.100	5.54	5.54	10.41	89.59

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm³

K = 0.0128

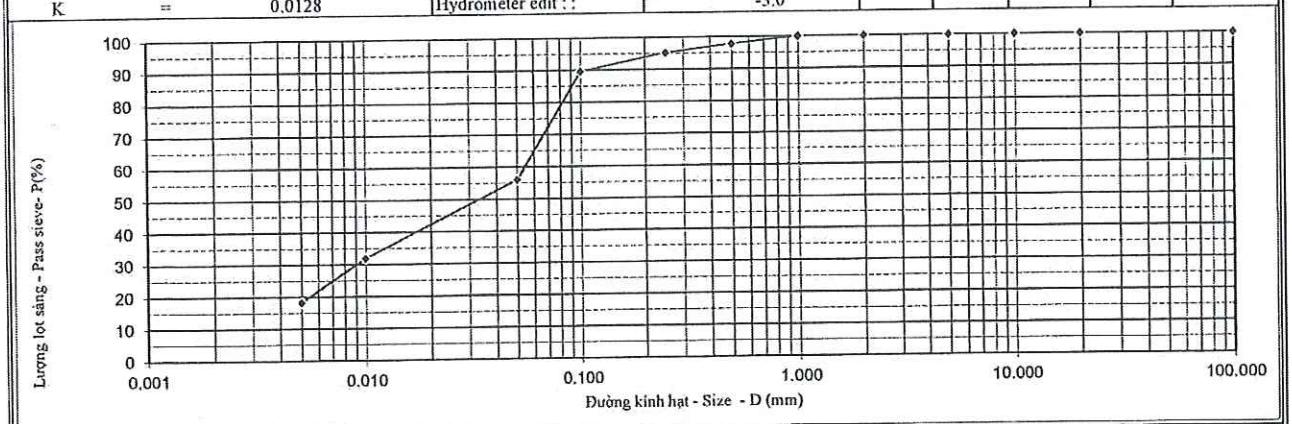
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	56.0	0.0498	
2	12.0	15.4	51.9	0.0356	
5	11.2	15.8	47.7	0.0227	
15	9.3	16.5	37.9	0.0134	
30	8.0	17.0	31.1	0.0096	
60	6.5	17.5	23.3	0.0069	
120	5.5	17.9	18.2	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.32	31.90	56.04	89.59	95.13	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.32	13.58	24.14	33.55	5.54	2.65	2.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, xám ghi dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15017

Hố khoan/Boring : LK9 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.02	2.02	2.02	97.98
0.500	5.02	5.02	7.04	92.96
0.250	5.22	5.22	12.26	87.74
0.100	67.42	67.42	79.68	20.32

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

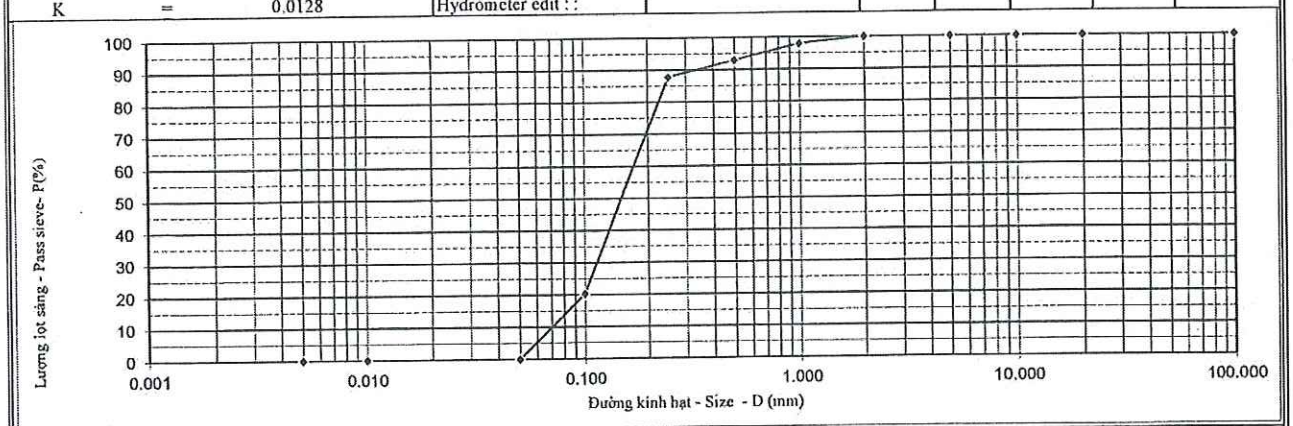
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.32	87.74	92.96	97.98	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.32	67.42	5.22	5.02	2.02	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám đen										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14999

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.41	2.41	2.41	97.59
0.250	4.54	4.54	6.95	93.05
0.100	7.00	7.00	13.95	86.05

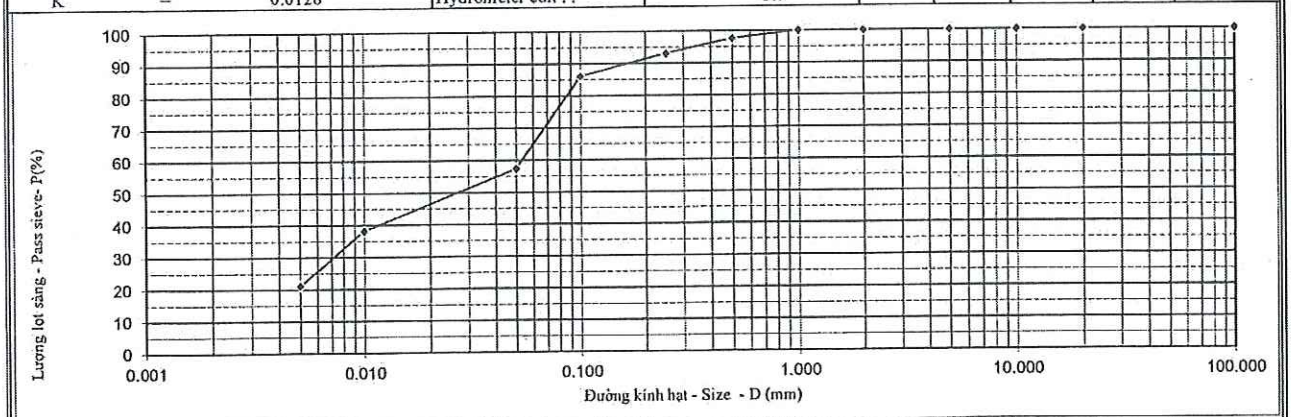
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.3	0.0497	
2	12.2	15.4	53.2	0.0355	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.0	16.2	41.7	0.0133	
30	9.2	16.5	37.5	0.0095	
60	7.2	17.3	27.1	0.0069	
120	6.0	17.7	20.9	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.15	38.17	57.35	86.05	93.05	97.59	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.15	17.02	19.18	28.70	7.00	4.54	2.41	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám đen, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15000

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.55	0.55	0.55	99.45
0.250	3.35	3.35	3.90	96.10
0.100	6.52	6.52	10.42	89.58

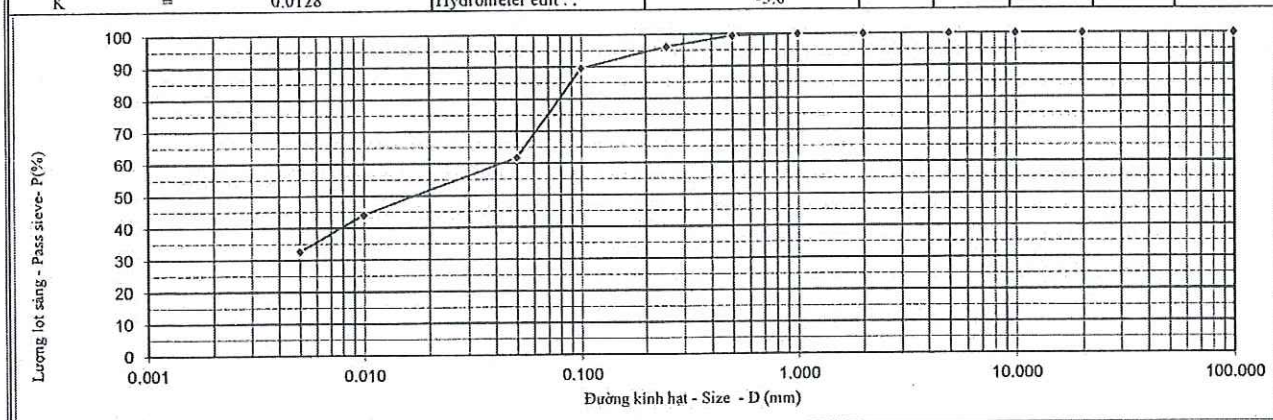
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mín	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.8	0.0493	
2	13.0	15.1	58.6	0.0351	
5	12.2	15.4	54.3	0.0224	
15	11.5	15.6	50.6	0.0131	
30	10.0	16.2	42.6	0.0094	
60	9.2	16.5	38.3	0.0067	
120	8.0	17.0	31.9	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.67	44.07	61.78	89.58	96.10	99.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.67	11.40	17.71	27.80	6.52	3.35	0.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám ghi, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14902

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.62	3.62	3.62	96.38
0.100	5.62	5.62	9.24	90.76

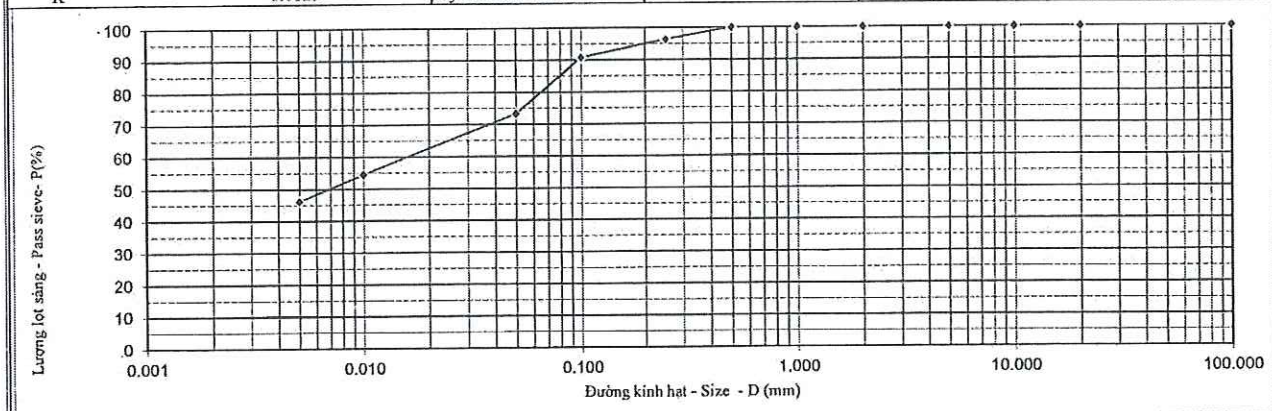
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.7	13.7	73.3	0.0483	
2	15.0	14.3	69.6	0.0345	
5	14.2	14.6	65.3	0.0220	
15	12.8	15.1	57.8	0.0130	
30	12.0	15.4	53.5	0.0093	
60	11.2	15.8	49.3	0.0066	
120	10.5	16.0	45.5	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0,25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	46.16	54.52	73.38	90.76	96.38	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	46.16	8.36	18.86	17.38	5.62	3.62	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14903

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.54	2.54	2.54	97.46
0.100	5.18	5.18	7.72	92.28

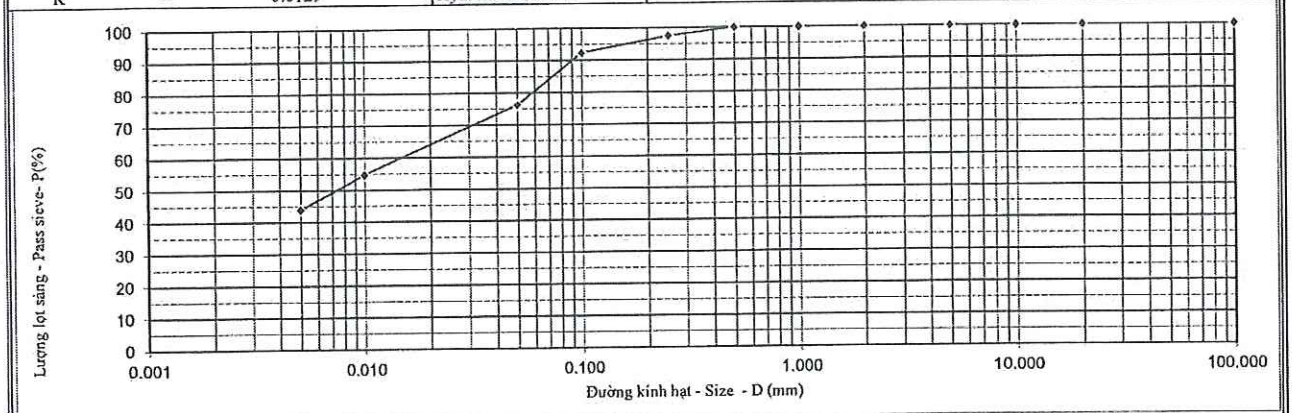
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.3	14.3	76.2	0.0479	
2	15.5	14.1	71.9	0.0343	
5	14.3	14.6	65.6	0.0220	
15	13.2	15.0	59.7	0.0129	
30	12.0	15.4	53.3	0.0093	
60	11.5	15.6	50.6	0.0066	
120	10.0	16.2	42.6	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	43.93	54.78	76.25	92.28	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	43.93	10.85	21.47	16.03	5.18	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, xám đen, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

VD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14904

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.44	2.44	2.44	97.56
0.250	5.61	5.61	8.05	91.95
0.100	8.32	8.32	16.37	83.63

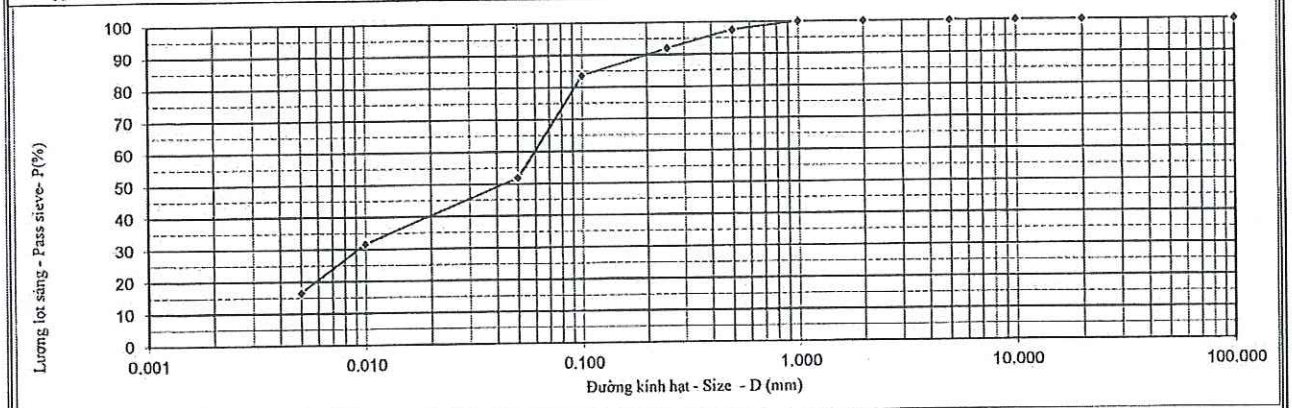
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	51.9	0.0507	
2	11.5	15.6	49.3	0.0361	
5	10.0	16.2	41.5	0.0232	
15	9.2	16.5	37.4	0.0135	
30	8.0	17.0	31.1	0.0097	
60	6.5	17.5	23.3	0.0070	
120	5.2	18.0	16.6	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.59	31.69	51.86	83.63	91.95	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.59	15.10	20.17	31.77	8.32	5.61	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, xám vàng, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14905

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.20 -14.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.33	3.33	3.33	96.67
0.250	6.35	6.35	9.68	90.32
0.100	8.52	8.52	18.20	81.80

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0129

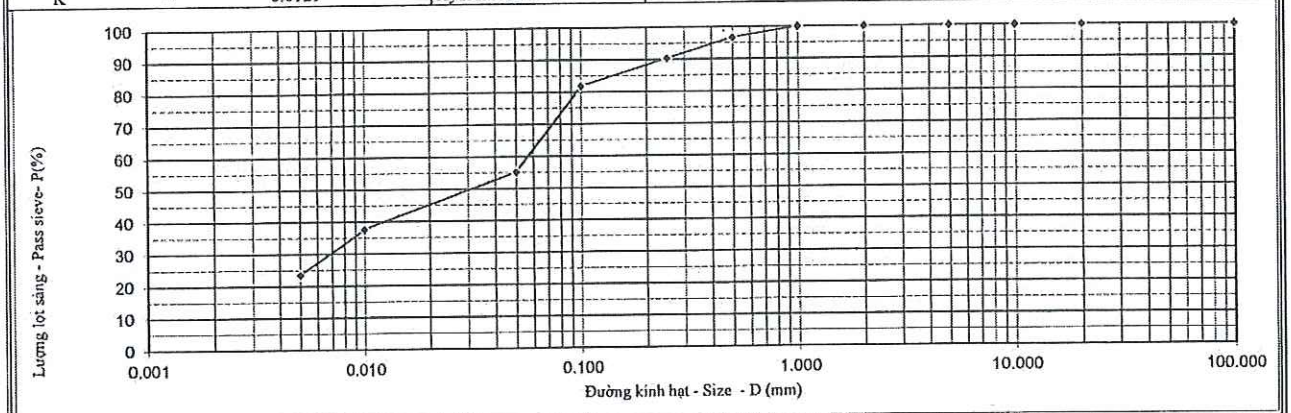
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.7	10.7	55.1	0.0503	
2	12.0	15.4	51.5	0.0358	
5	11.5	15.6	48.9	0.0228	
15	10.0	16.2	41.2	0.0134	
30	9.2	16.5	37.1	0.0096	
60	8.0	17.0	30.9	0.0069	
120	6.5	17.5	23.2	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.50	37.63	55.12	81.80	90.32	96.67	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.50	14.13	17.49	26.68	8.52	6.35	3.33	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14932

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 18.00 -18.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.36	2.36	2.36	97.64
0.500	4.05	4.05	6.41	93.59
0.250	10.20	10.20	16.61	83.39
0.100	59.17	59.17	75.78	24.22

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

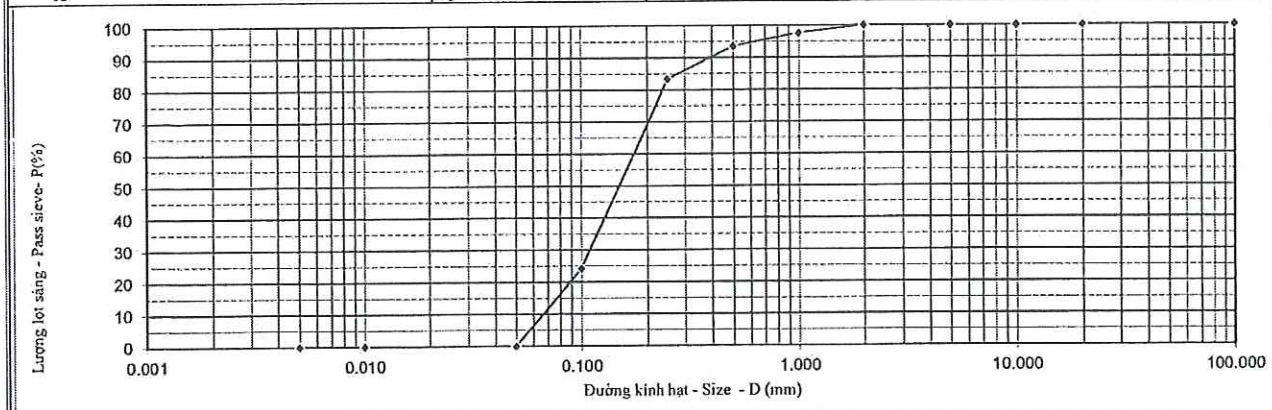
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	24.22	83.39	93.59	97.64	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	24.22	59.17	10.20	4.05	2.36	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu vàng, xám vàng, kẹp sét pha										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14933

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.11	2.11	2.11	97.89
0.500	2.02	2.02	4.13	95.87
0.250	11.21	11.21	15.34	84.66
0.100	64.51	64.51	79.85	20.15

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

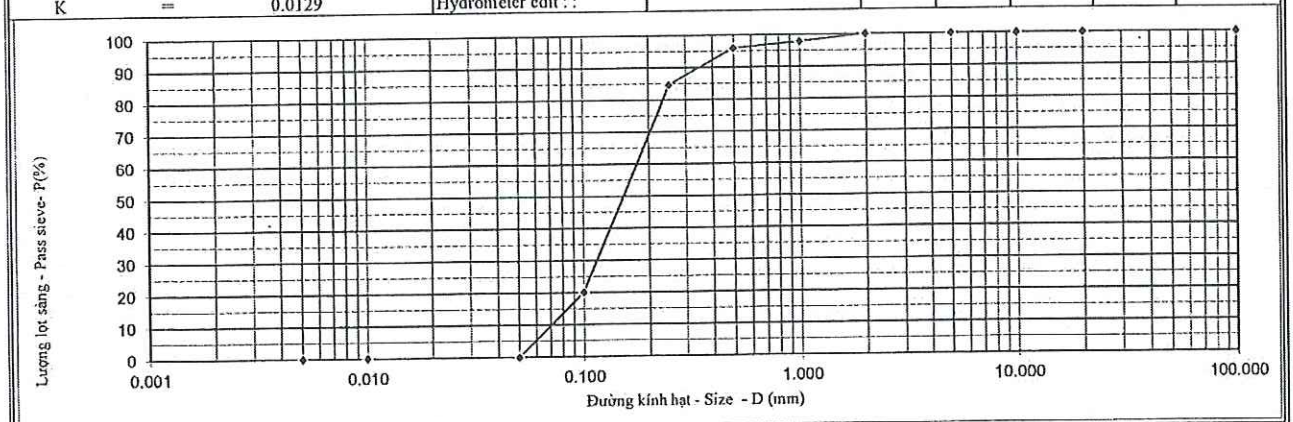
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.15	84.66	95.87	97.89	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.15	64.51	11.21	2.02	2.11	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14934

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D17

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 32.00 -32.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.01	1.01	1.01	98.99
0.500	3.12	3.12	4.13	95.87
0.250	14.05	14.05	18.18	81.82
0.100	70.61	70.61	88.79	11.21

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

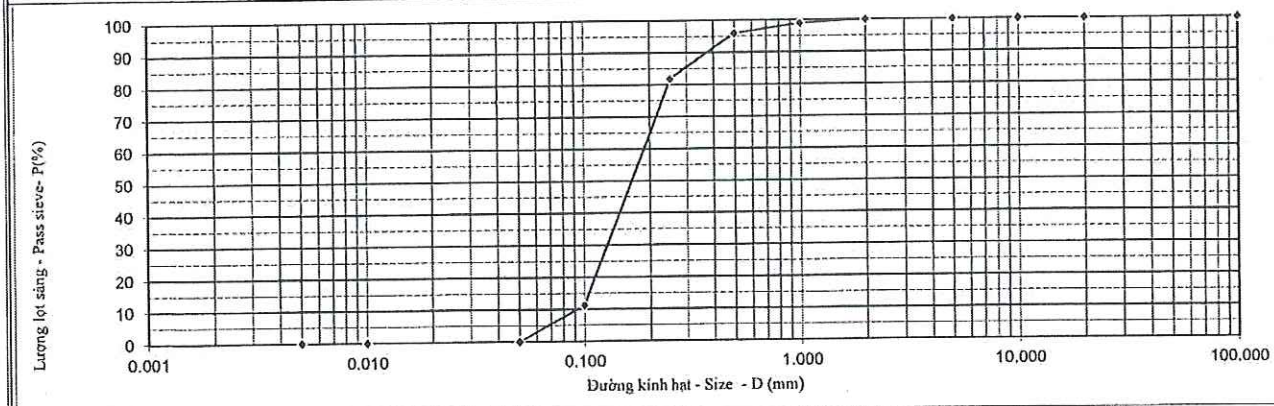
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	11.21	81.82	95.87	98.99	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	11.21	70.61	14.05	3.12	1.01	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14935

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D20

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 38.00 -38.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.25	1.25	1.25	98.75
0.500	2.80	2.80	4.05	95.95
0.250	10.20	10.20	14.25	85.75
0.100	69.40	69.40	83.65	16.35

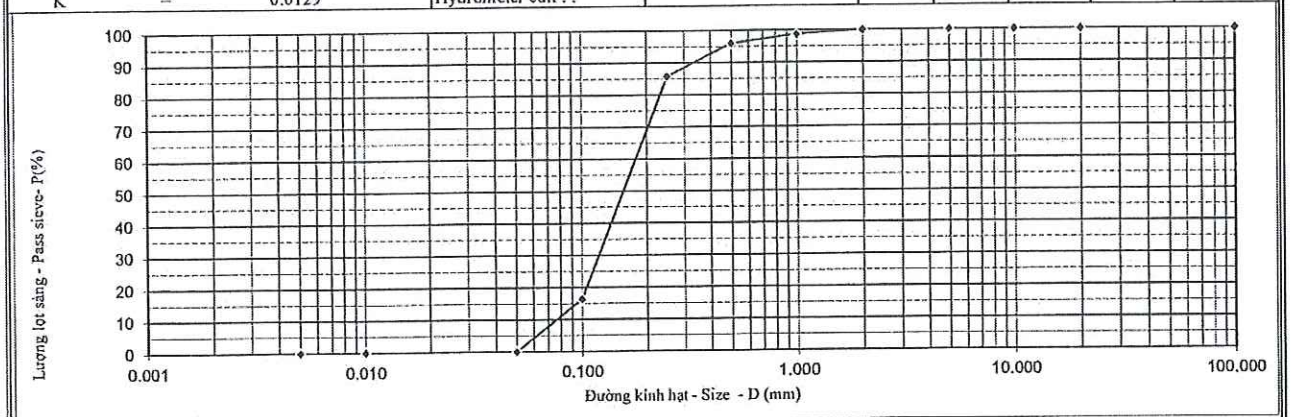
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	16.35	85.75	95.95	98.75	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	16.35	69.40	10.20	2.80	1.25	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14936

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D23

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 44.00 -44.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	9.35	9.35	13.50	86.50
0.100	66.28	66.28	79.78	20.22

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

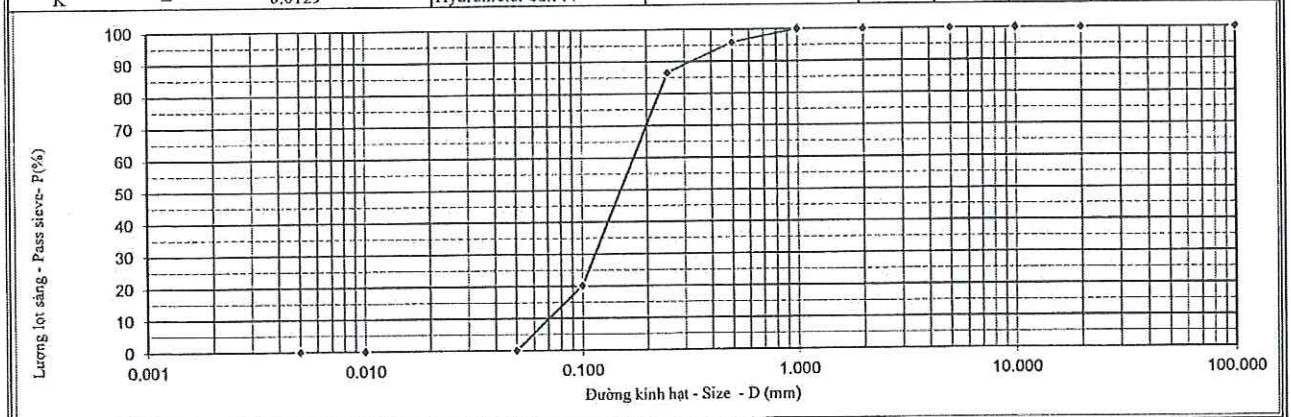
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.22	86.50	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.22	66.28	9.35	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14937

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D25

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 48.00 -48.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	2.36	2.36	2.36	97.64
2.00	4.15	4.15	6.51	93.49
1.00	2.30	2.30	8.81	91.19
0.500	2.32	2.32	11.13	88.87
0.250	11.21	11.21	22.34	77.66
0.100	55.62	55.62	77.96	22.04

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

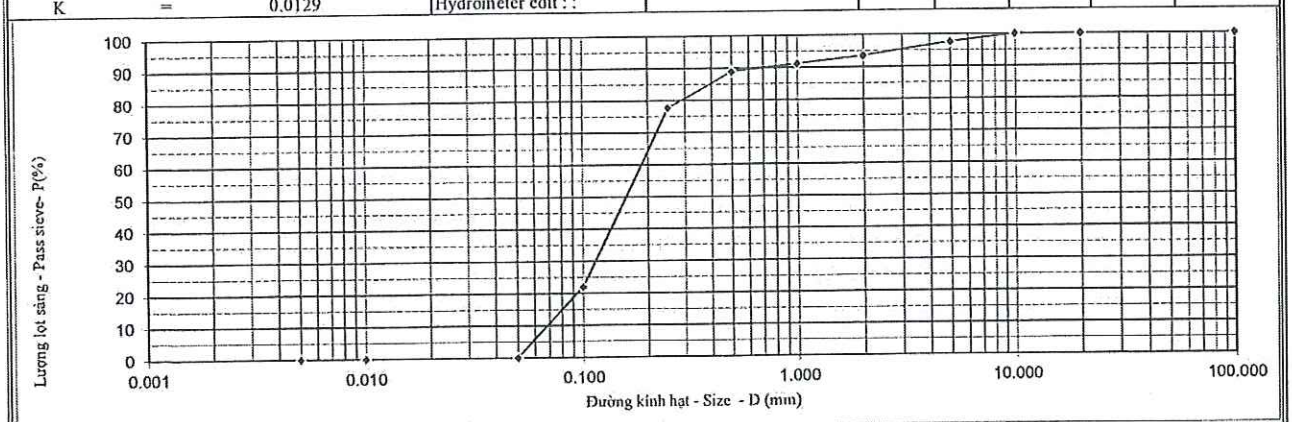
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.04	77.66	88.87	91.19	93.49	97.64	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.04	55.62	11.21	2.32	2.30	4.15	2.36	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, xám đen, lẫn sỏi sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14906

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.44	2.44	2.44	97.56
0.100	5.98	5.98	8.42	91.58

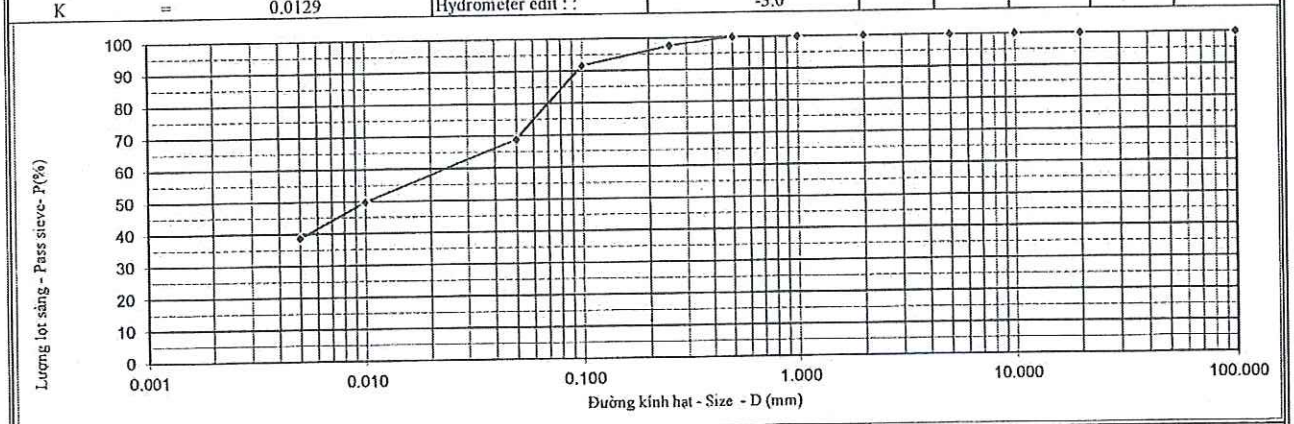
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.0	13.0	68.8	0.0488	
2	14.3	14.6	65.1	0.0348	
5	13.5	14.9	60.9	0.0222	
15	12.2	15.4	54.0	0.0131	
30	11.2	15.8	48.7	0.0093	
60	10.0	16.2	42.4	0.0067	
120	9.2	16.5	38.1	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.67	49.78	68.86	91.58	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.67	11.11	19.08	22.72	5.98	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14907

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.80 -2.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.85	3.85	3.85	96.15
0.100	7.62	7.62	11.47	88.53

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

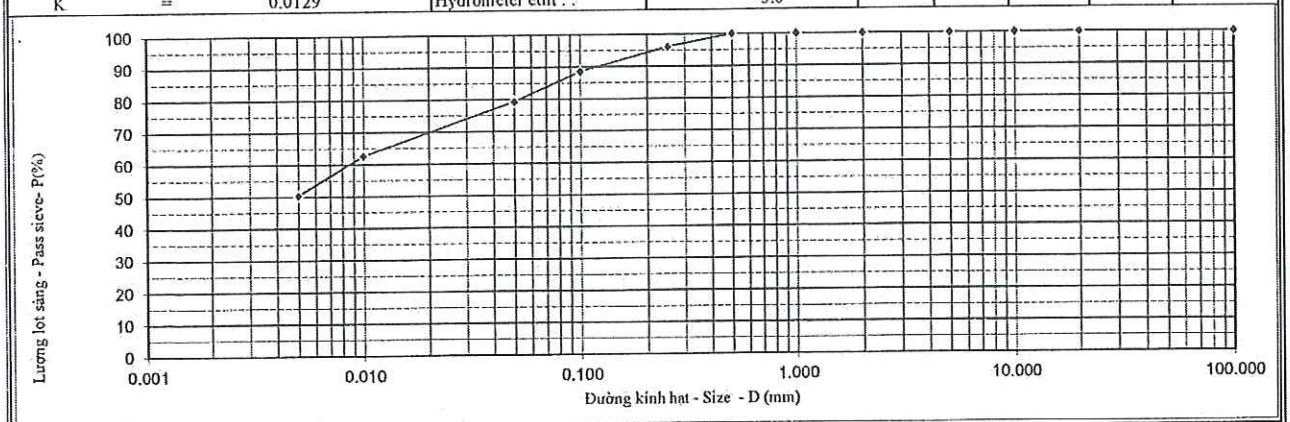
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.8	14.8	79.2	0.0476	
2	16.2	13.8	76.0	0.0339	
5	15.5	14.1	72.3	0.0217	
15	14.2	14.6	65.3	0.0127	
30	13.5	14.9	61.6	0.0091	
60	12.2	15.4	54.6	0.0065	
120	11.2	15.8	49.3	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.33	62.63	79.25	88.53	96.15	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.33	12.30	16.62	9.28	7.62	3.85	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, xám đen, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14901

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.05	2.05	2.05	97.95
0.100	4.51	4.51	6.56	93.44

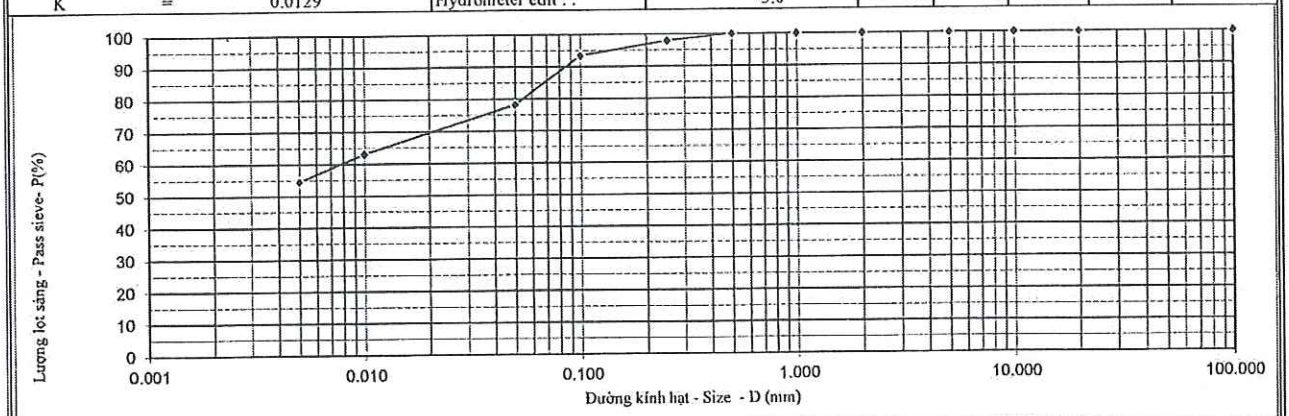
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	78.2	0.0477	
2	16.0	13.9	74.9	0.0340	
5	15.2	14.2	70.7	0.0218	
15	14.5	14.5	66.9	0.0127	
30	13.5	14.9	61.6	0.0091	
60	12.8	15.1	57.8	0.0065	
120	12.0	15.4	53.5	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	54.52	63.11	78.21	93.44	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	54.52	8.59	15.10	15.23	4.51	2.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, xám đen, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14908

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	6.35	6.35	10.50	89.50
0.100	8.52	8.52	19.02	80.98

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0129

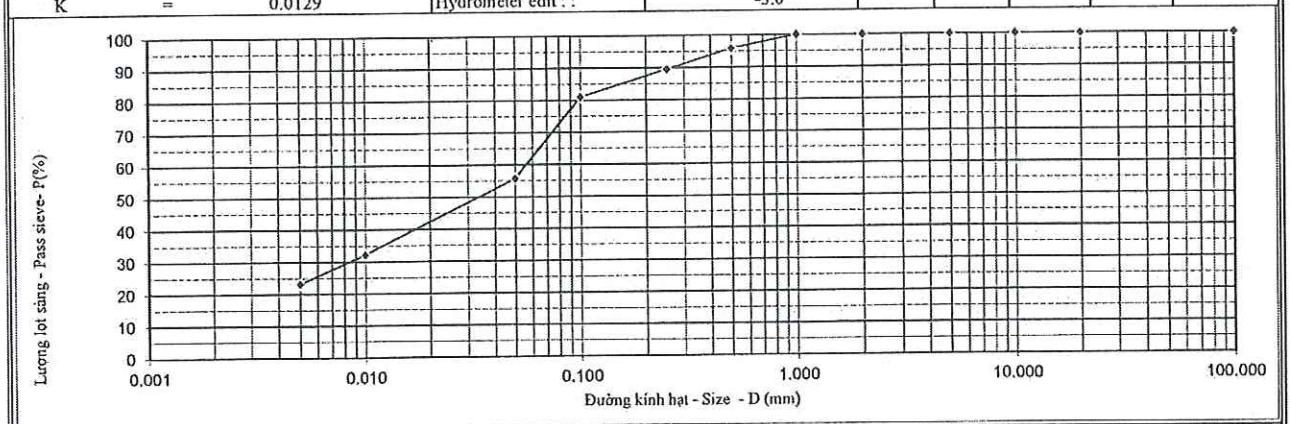
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.9	10.9	55.7	0.0501	
2	12.0	15.4	51.1	0.0358	
5	11.0	15.8	46.0	0.0230	
15	9.3	16.5	37.3	0.0135	
30	8.2	16.9	31.7	0.0097	
60	7.2	17.3	26.6	0.0069	
120	6.5	17.5	23.0	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.13	32.22	55.68	80.98	89.50	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.13	9.09	23.46	25.30	8.52	6.35	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, xám vàng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14938

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.06	2.06	2.06	97.94
0.250	10.05	10.05	12.11	87.89
0.100	66.09	66.09	78.20	21.80

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

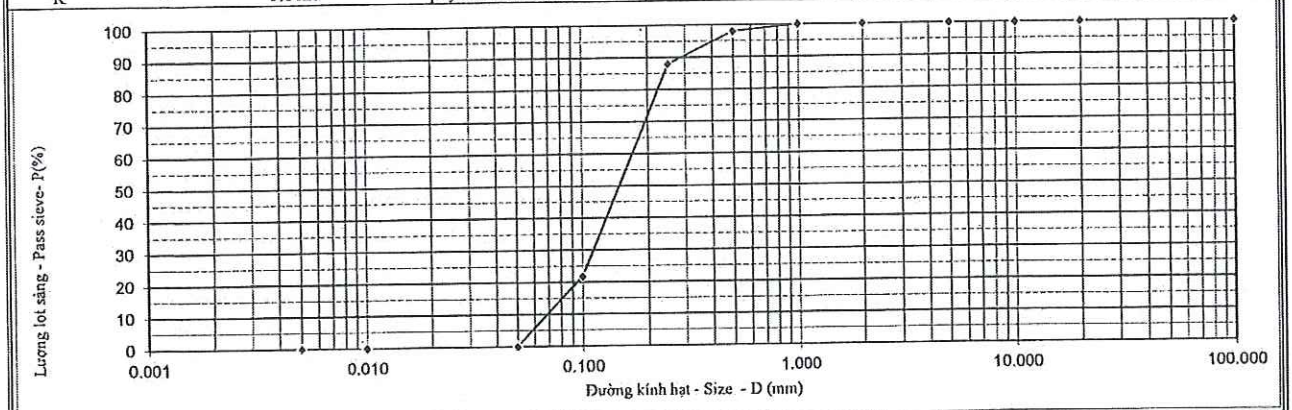
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.80	87.89	97.94	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.80	66.09	10.05	2.06	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14909

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.18	4.18	4.18	95.82
0.250	5.32	5.32	9.50	90.50
0.100	6.88	6.88	16.38	83.62

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3

K = 0.0129

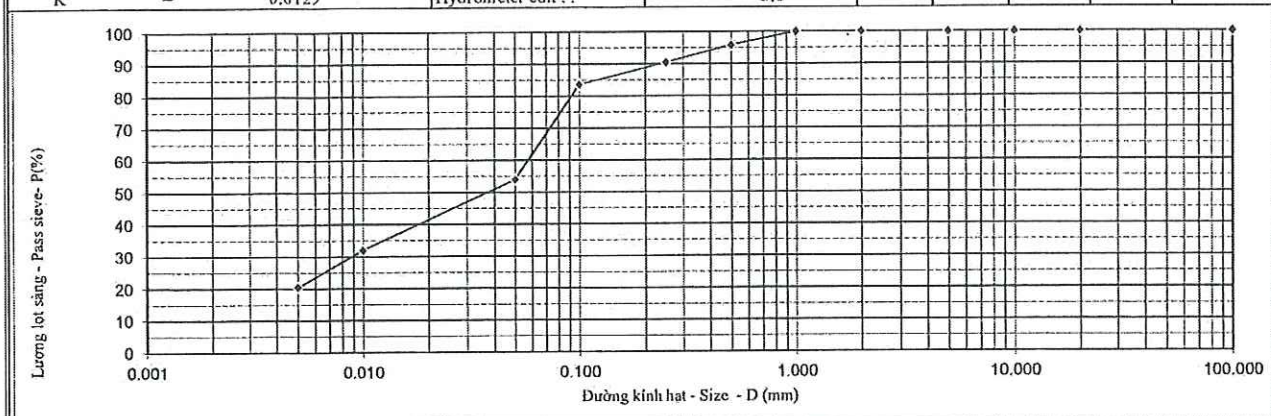
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.6	10.6	54.0	0.0503	
2	12.0	15.4	51.0	0.0358	
5	11.2	15.8	46.9	0.0229	
15	9.0	16.6	35.7	0.0136	
30	8.2	16.9	31.6	0.0097	
60	7.0	17.4	25.5	0.0069	
120	6.0	17.7	20.4	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.51	31.98	54.00	83.62	90.50	95.82	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.51	11.47	22.02	29.62	6.88	5.32	4.18	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, lẫn hữu cơ, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14910

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.80 -14.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.52	2.52	2.52	97.48
0.250	4.62	4.62	7.14	92.86
0.100	7.32	7.32	14.46	85.54

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

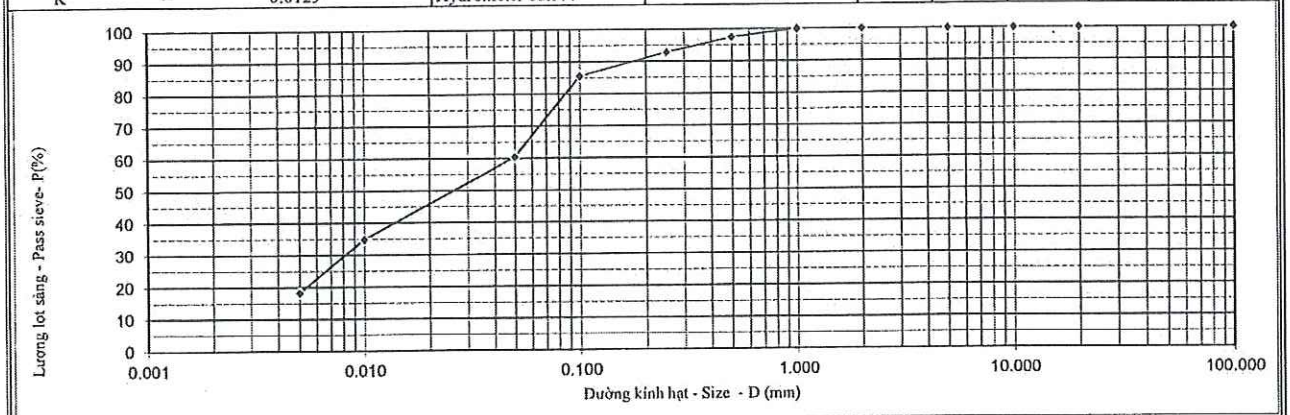
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	60.4	0.0497	
2	13.0	15.1	57.3	0.0354	
5	11.5	15.6	49.5	0.0228	
15	10.2	16.1	42.7	0.0134	
30	8.5	16.8	33.8	0.0096	
60	6.5	17.5	23.4	0.0070	
120	5.5	17.9	18.2	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.27	34.82	60.41	85.54	92.86	97.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.27	16.55	25.59	25.13	7.32	4.62	2.52	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, lẫn hữu cơ, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14911

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.33	3.33	3.33	96.67
0.250	6.35	6.35	9.68	90.32
0.100	8.52	8.52	18.20	81.80

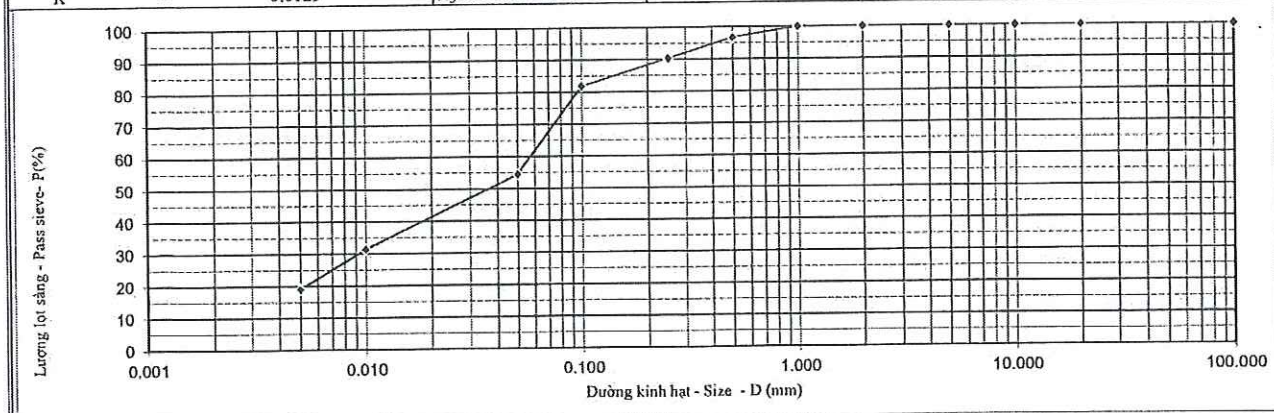
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.6	10.6	54.5	0.0503	
2	12.0	15.4	51.4	0.0358	
5	11.2	15.8	47.3	0.0229	
15	9.3	16.5	37.5	0.0135	
30	8.0	17.0	30.8	0.0097	
60	6.2	17.7	21.6	0.0070	
120	5.7	17.8	19.0	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	19.06	31.45	54.48	81.80	90.32	96.67	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	19.06	12.39	23.03	27.32	8.52	6.35	3.33	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám vàng, ghi sáng, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14939

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.00	2.00	2.00	98.00
0.500	1.21	1.21	3.21	96.79
0.250	8.25	8.25	11.46	88.54
0.100	68.19	68.19	79.65	20.35

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

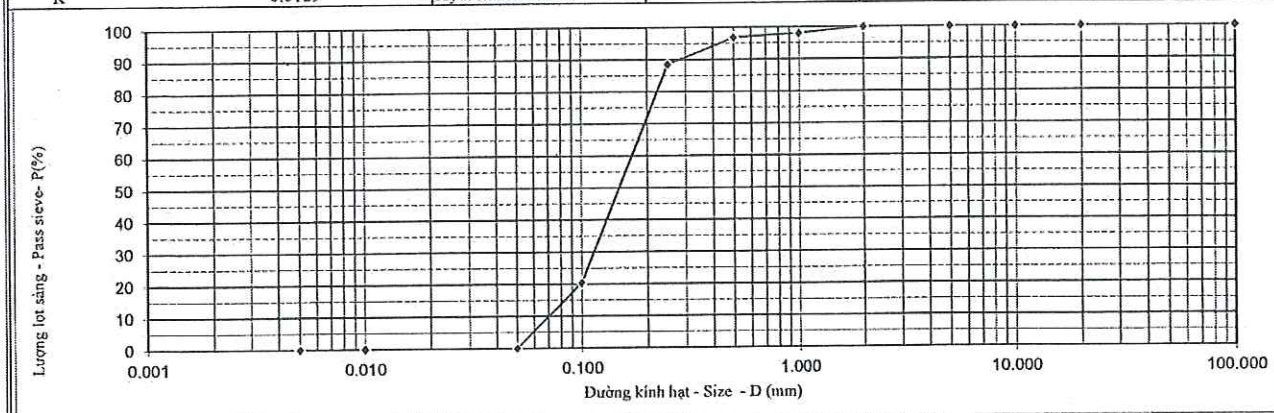
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.35	88.54	96.79	98.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.35	68.19	8.25	1.21	2.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab.

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14940

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 28.00 -28.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	6.32	6.32	6.32	93.68
0.250	11.21	11.21	17.53	82.47
0.100	60.42	60.42	77.95	22.05

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

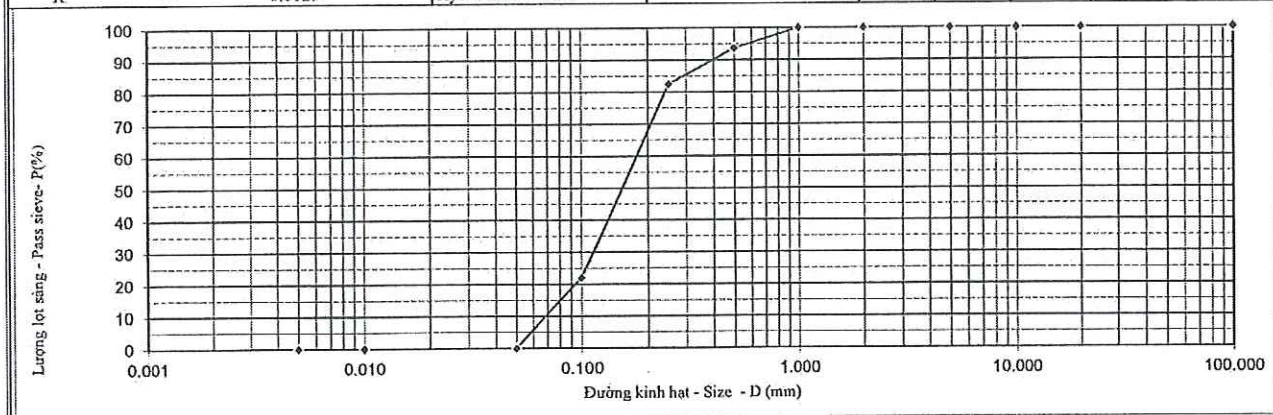
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.05	82.47	93.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.05	60.42	11.21	6.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, nâu xám										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14953

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 32.00 -32.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.51	4.51	4.51	95.49
0.250	7.98	7.98	12.49	87.51
0.100	68.16	68.16	80.65	19.35

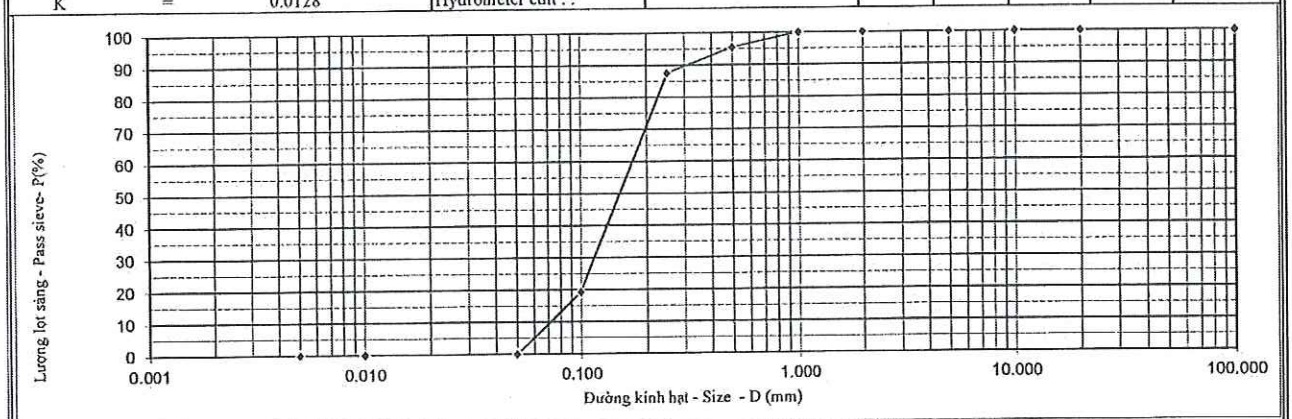
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	19.35	87.51	95.49	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	19.35	68.16	7.98	4.51	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám nâu										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14912

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 35.80 -36.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.25	0.25	0.25	99.75
0.250	2.44	2.44	2.69	97.31
0.100	4.18	4.18	6.87	93.13

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

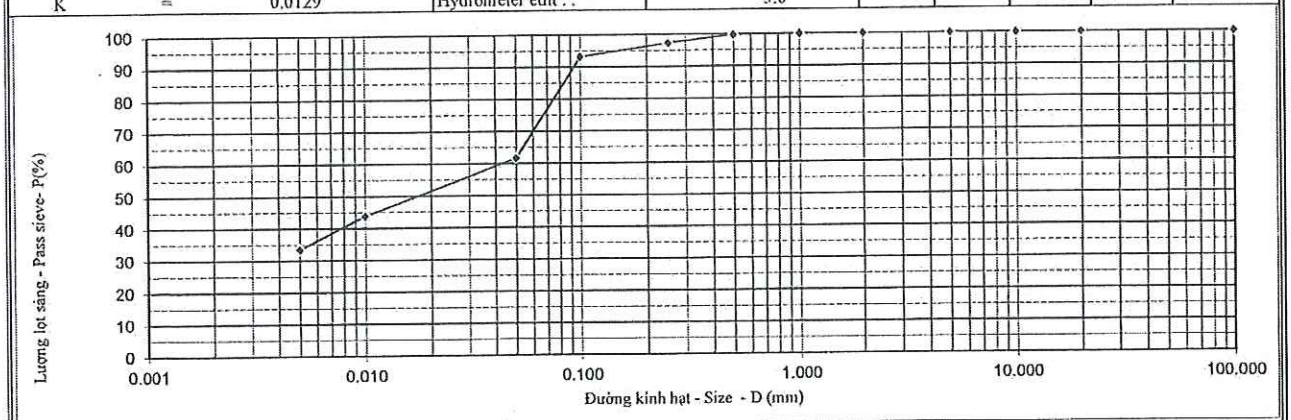
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.7	0.0497	
2	13.0	15.1	58.5	0.0354	
5	12.2	15.4	54.2	0.0226	
15	11.5	15.6	50.5	0.0132	
30	10.0	16.2	42.5	0.0095	
60	9.2	16.5	38.3	0.0068	
120	8.2	16.9	33.0	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.47	43.82	61.68	93.13	97.31	99.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.47	10.35	17.86	31.45	4.18	2.44	0.25	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14913

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 39.80 -40.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.52	3.52	3.52	96.48
0.100	5.62	5.62	9.14	90.86

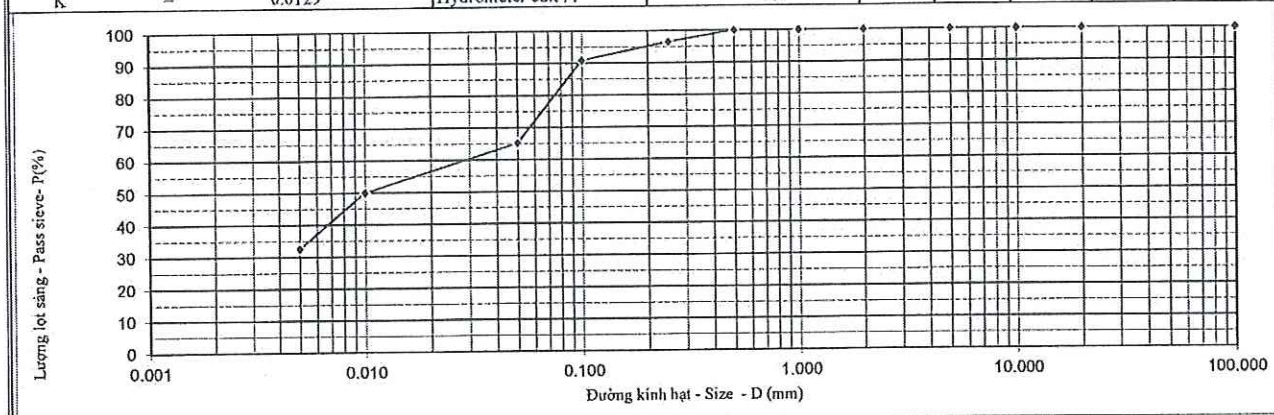
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.2	12.2	65.2	0.0493	
2	13.5	14.9	61.4	0.0352	
5	12.8	15.1	57.7	0.0224	
15	12.0	15.4	53.4	0.0131	
30	11.2	15.8	49.1	0.0093	
60	9.2	16.5	38.5	0.0068	
120	8.0	17.0	32.0	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.63	50.00	65.19	90.86	96.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.63	17.37	15.19	25.67	5.62	3.52	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab.

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14941

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 44.00 -44.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	1.25	1.25	1.25	98.75
2.00	5.21	5.21	6.46	93.54
1.00	2.33	2.33	8.79	91.21
0.500	10.20	10.20	18.99	81.01
0.250	44.00	44.00	62.99	37.01
0.100	18.81	18.81	81.80	18.20

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

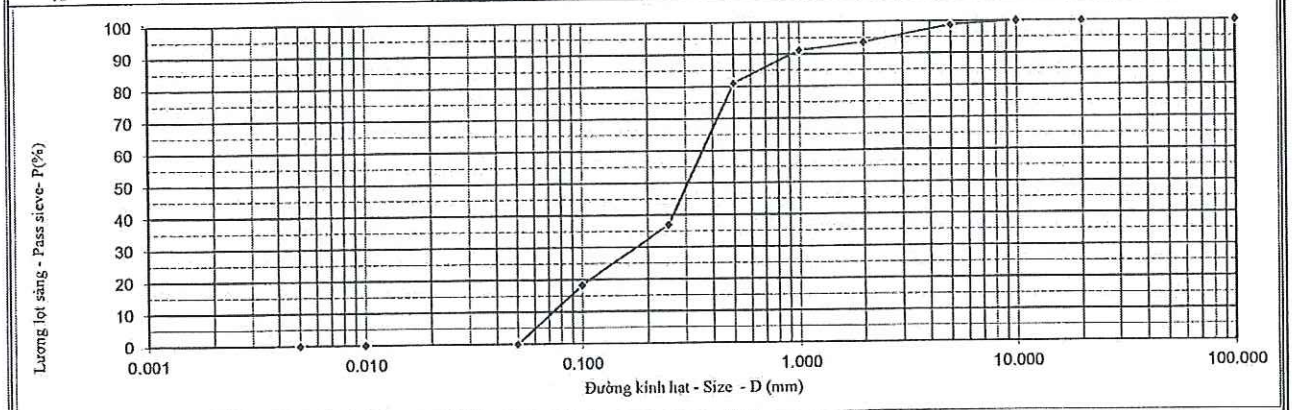
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.20	37.01	81.01	91.21	93.54	98.75	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.20	18.81	44.00	10.20	2.33	5.21	1.25	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát thô vừa xám ghi, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14942

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D14

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 48.00 -48.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	6.32	6.32	6.32	93.68
2.00	2.35	2.35	8.67	91.33
1.00	3.66	3.66	12.33	87.67
0.500	5.21	5.21	17.54	82.46
0.250	10.20	10.20	27.74	72.26
0.100	53.64	53.64	81.38	18.62

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

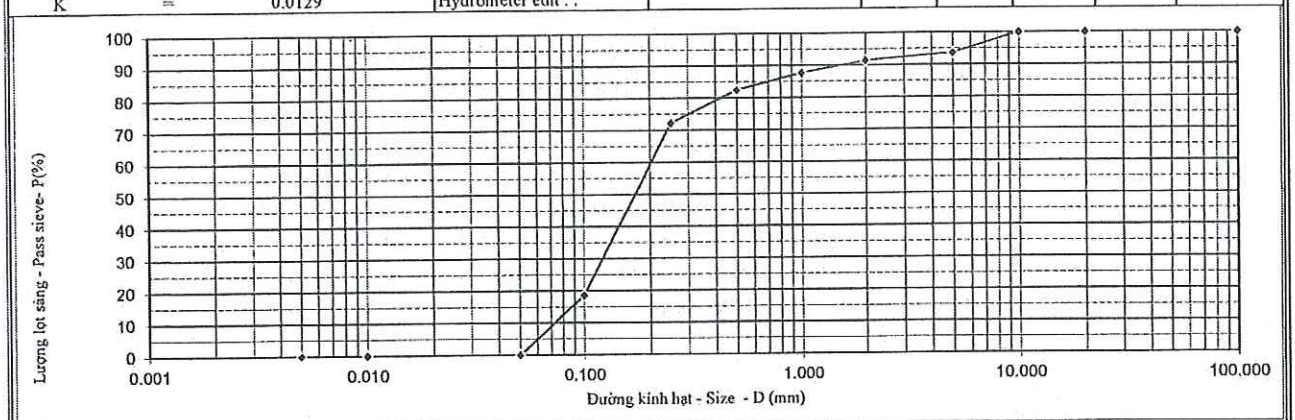
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.62	72.26	82.46	87.67	91.33	93.68	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.62	53.64	10.20	5.21	3.66	2.35	6.32	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14956

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D17

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 54.00 -54.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	2.65	2.65	2.65	97.35
2.00	3.18	3.18	5.83	94.17
1.00	1.02	1.02	6.85	93.15
0.500	5.25	5.25	12.10	87.90
0.250	10.20	10.20	22.30	77.70
0.100	57.69	57.69	79.99	20.01

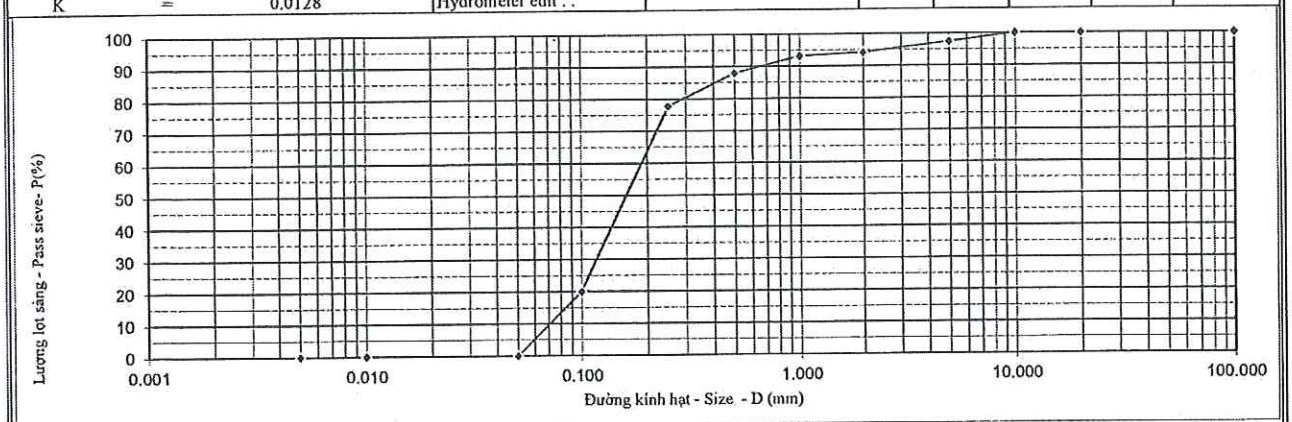
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.01	77.70	87.90	93.15	94.17	97.35	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.01	57.69	10.20	5.25	1.02	3.18	2.65	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, lẫn sỏi sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Dỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14914

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.32	3.32	3.32	96.68
0.100	5.05	5.05	8.37	91.63

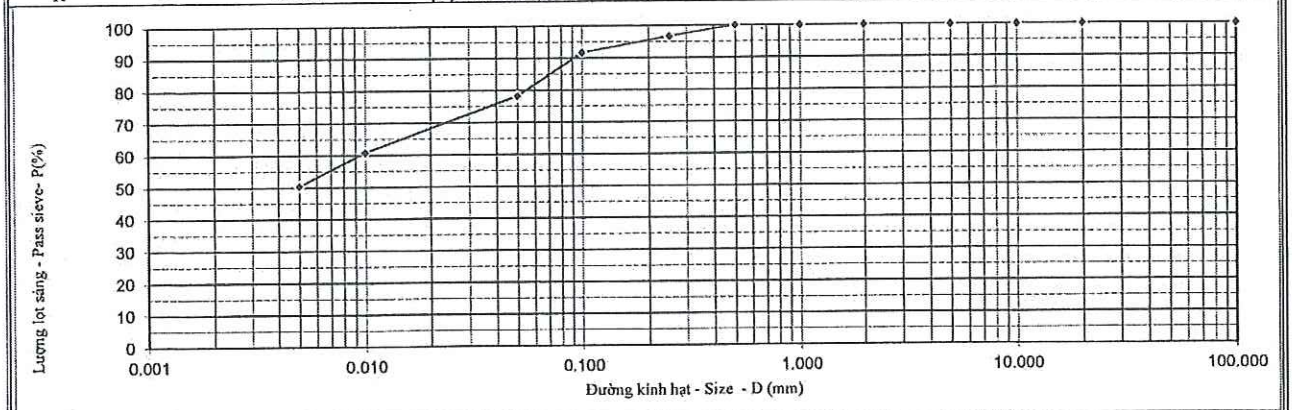
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	78.2	0.0477	
2	16.0	13.9	74.9	0.0340	
5	15.2	14.2	70.7	0.0218	
15	14.3	14.6	65.8	0.0127	
30	13.0	15.1	58.9	0.0091	
60	12.2	15.4	54.6	0.0065	
120	11.2	15.8	49.3	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.33	60.78	78.20	91.63	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.33	10.45	17.42	13.43	5.05	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám ghi, lẫn hữu cơ, sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14915

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.25	2.25	2.25	97.75
0.250	4.18	4.18	6.43	93.57
0.100	6.35	6.35	12.78	87.22

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

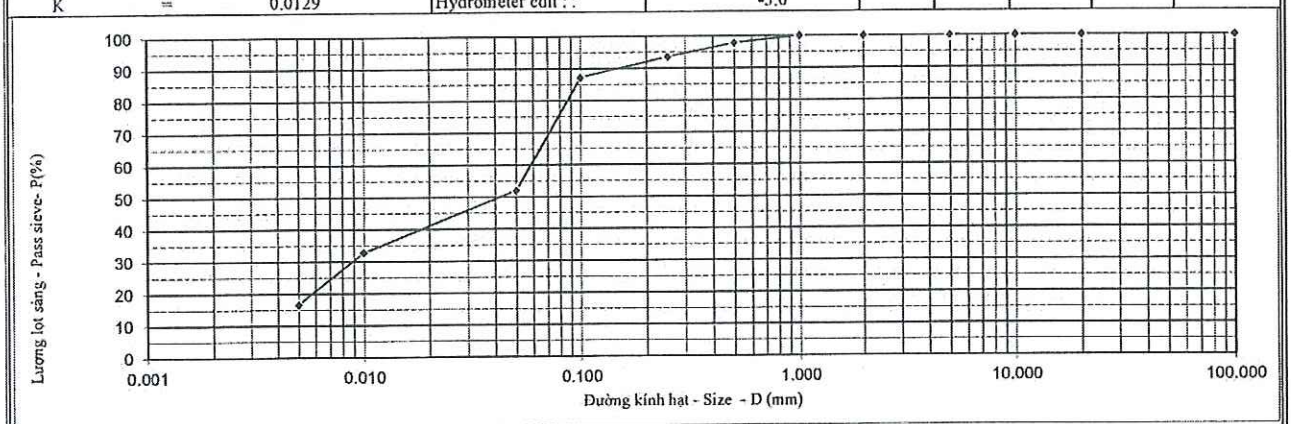
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	52.1	0.0507	
2	11.5	15.6	49.5	0.0361	
5	10.0	16.2	41.7	0.0232	
15	9.2	16.5	37.5	0.0135	
30	8.2	16.9	32.3	0.0097	
60	6.5	17.5	23.4	0.0070	
120	5.2	18.0	16.7	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.66	32.80	52.07	87.22	93.57	97.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.66	16.14	19.27	35.15	6.35	4.18	2.25	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, nâu hồng, nâu vàng, dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14943

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.30	2.30	2.30	97.70
0.500	1.04	1.04	3.34	96.66
0.250	16.32	16.32	19.66	80.34
0.100	67.79	67.79	87.45	12.55

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

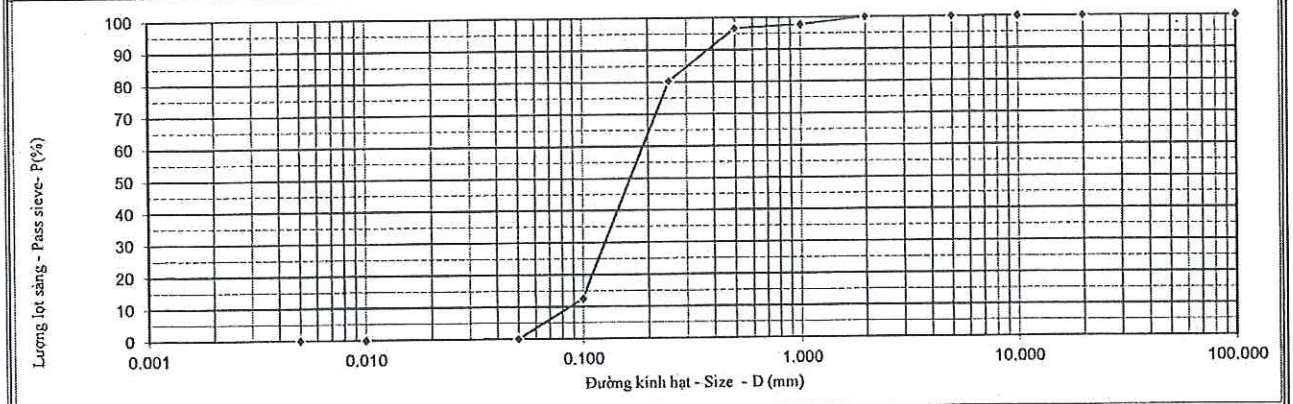
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	12.55	80.34	96.66	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	12.55	67.79	16.32	1.04	2.30	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14957

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.25	3.25	3.25	96.75
0.100	5.04	5.04	8.29	91.71

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

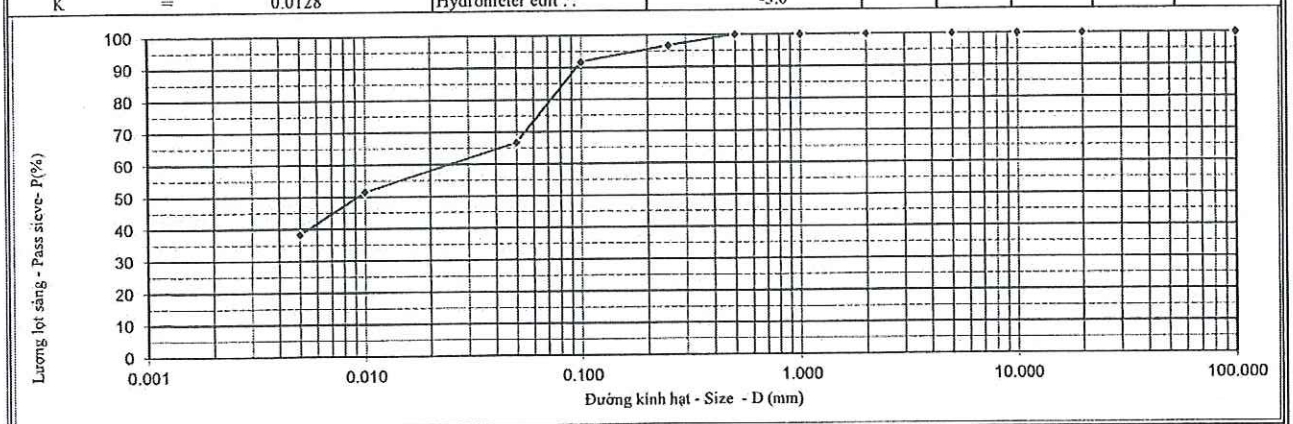
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.5	12.5	66.6	0.0487	
2	13.8	14.8	62.9	0.0348	
5	13.0	15.1	58.6	0.0222	
15	12.2	15.4	54.4	0.0130	
30	11.5	15.6	50.6	0.0092	
60	10.2	16.1	43.7	0.0066	
120	9.0	16.6	37.3	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.25	51.50	66.66	91.71	96.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.25	13.25	15.16	25.05	5.04	3.25	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA., JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14916

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.20 -16.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.52	3.52	3.52	96.48
0.250	6.35	6.35	9.87	90.13
0.100	9.35	9.35	19.22	80.78

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

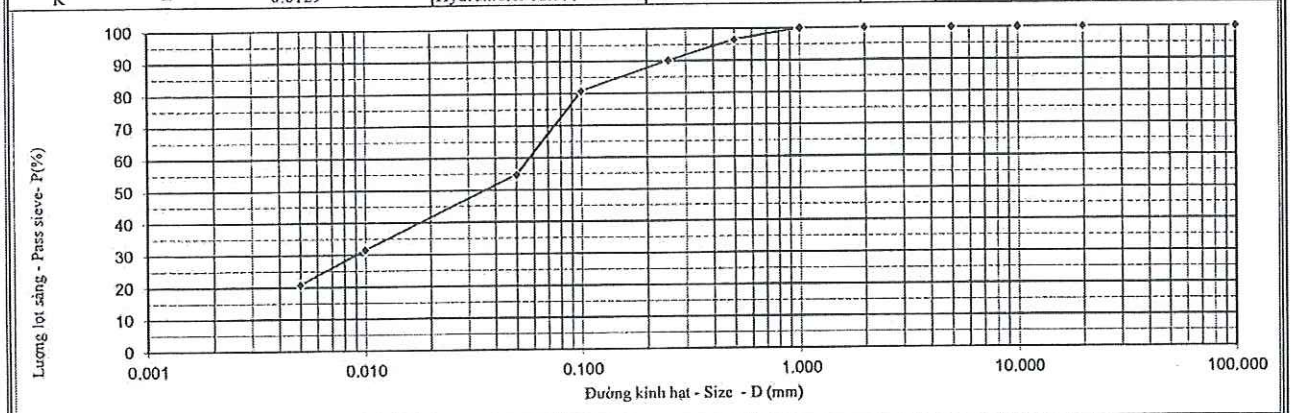
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.6	10.6	54.7	0.0503	
2	12.0	15.4	51.7	0.0358	
5	11.2	15.8	47.5	0.0229	
15	9.3	16.5	37.7	0.0135	
30	8.0	17.0	31.0	0.0097	
60	7.2	17.3	26.9	0.0069	
120	6.0	17.7	20.7	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.81	31.60	54.74	80.78	90.13	96.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.81	10.79	23.14	26.04	9.35	6.35	3.52	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, nâu xám, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14954

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.30	2.30	2.30	97.70
0.500	5.33	5.33	7.63	92.37
0.250	10.02	10.02	17.65	82.35
0.100	68.10	68.10	85.75	14.25

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

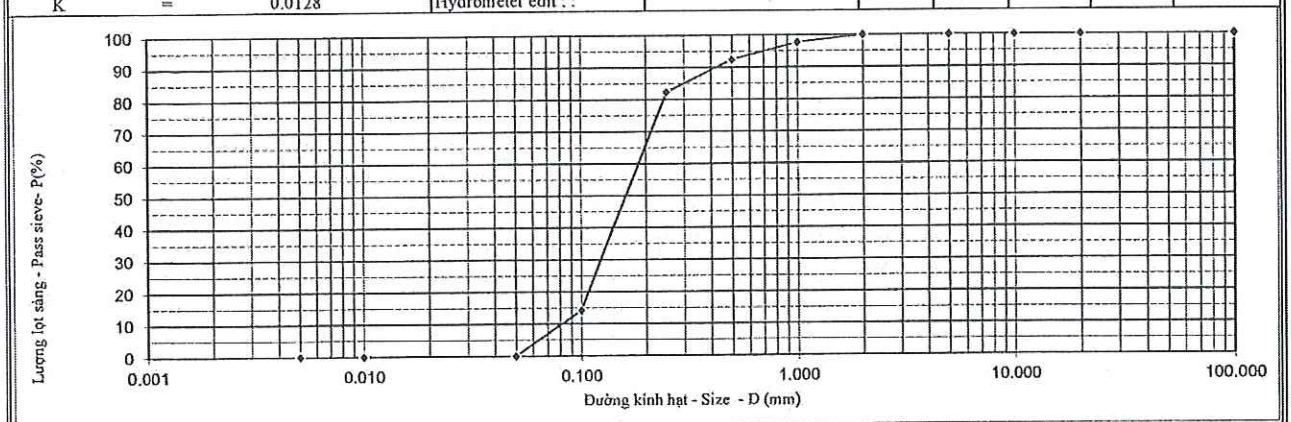
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	14.25	82.35	92.37	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	14.25	68.10	10.02	5.33	2.30	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab
LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14944

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D15

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 28.00 -28.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.03	1.03	1.03	98.97
0.250	10.20	10.20	11.23	88.77
0.100	70.56	70.56	81.79	18.21

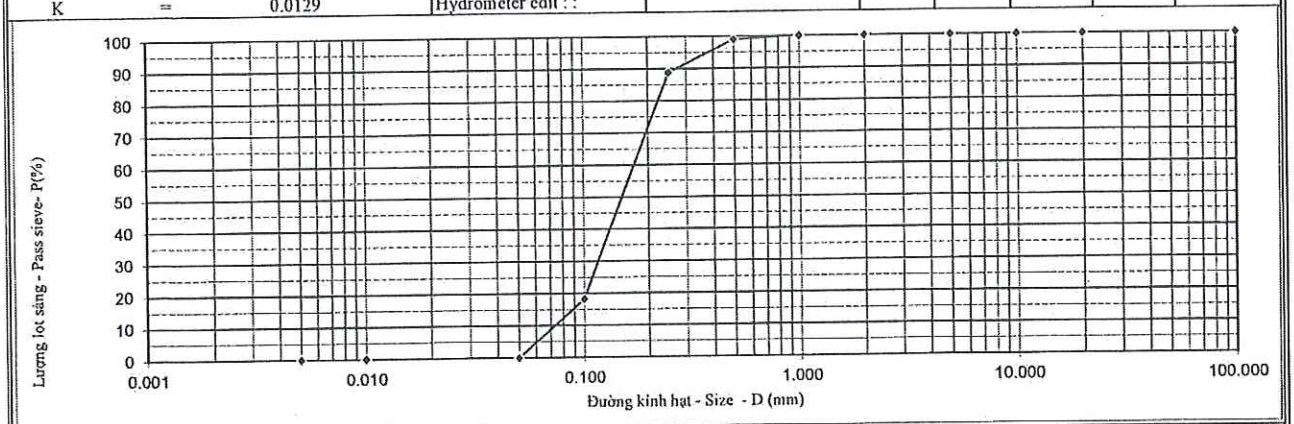
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KL.R/Specific gravity : 2.67 g/cm³ — Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.21	88.77	98.97	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.21	70.56	10.20	1.03	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14917

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: U20

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 37.80 -38.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.62	4.62	4.62	95.38
0.250	2.55	2.55	7.17	92.83
0.100	9.35	9.35	16.52	83.48

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

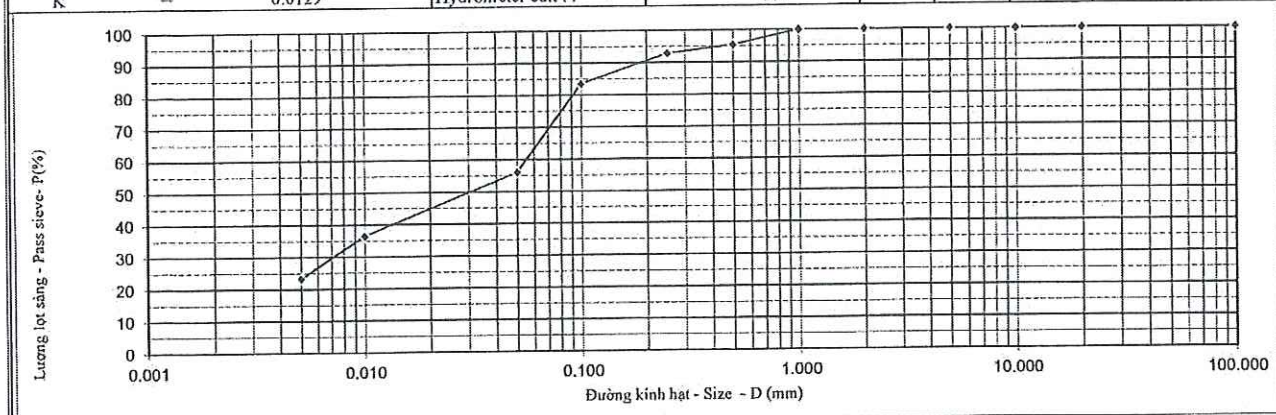
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	56.0	0.0501	
2	12.2	15.4	52.0	0.0358	
5	11.5	15.6	48.4	0.0228	
15	10.2	16.1	41.8	0.0134	
30	9.0	16.6	35.7	0.0096	
60	8.2	16.9	31.6	0.0068	
120	6.5	17.5	22.9	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.29	36.43	56.04	83.48	92.83	95.38	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.29	13.14	19.61	27.44	9.35	2.55	4.62	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, nâu xám, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14918

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: U22

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 41.80 -42.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	6.52	6.52	10.67	89.33
0.100	8.21	8.21	18.88	81.12

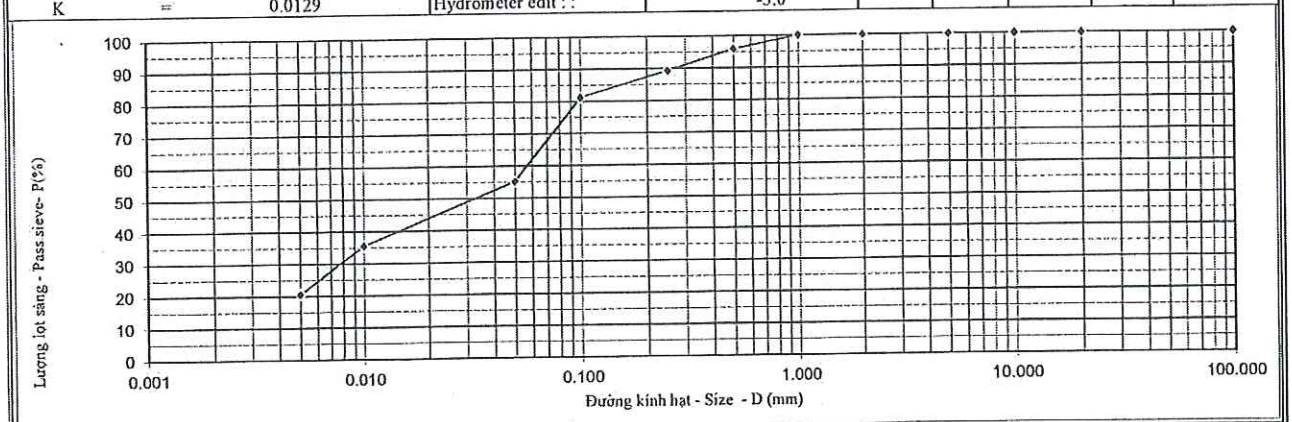
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	55.2	0.0502	
2	12.0	15.4	51.1	0.0358	
5	11.5	15.6	48.5	0.0228	
15	10.0	16.2	40.9	0.0134	
30	8.8	16.7	34.7	0.0096	
60	7.5	17.2	28.1	0.0069	
120	6.0	17.7	20.4	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.62	35.46	55.16	81.12	89.33	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.62	14.84	19.70	25.96	8.21	6.52	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, nâu xám, kẹp cát, mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14945

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: D25

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 48.00 -48.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	4.05	4.05	4.05	95.95
2.00	2.66	2.66	6.71	93.29
1.00	2.55	2.55	9.26	90.74
0.500	11.20	11.20	20.46	79.54
0.250	49.32	49.32	69.78	30.22
0.100	10.11	10.11	79.89	20.11

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

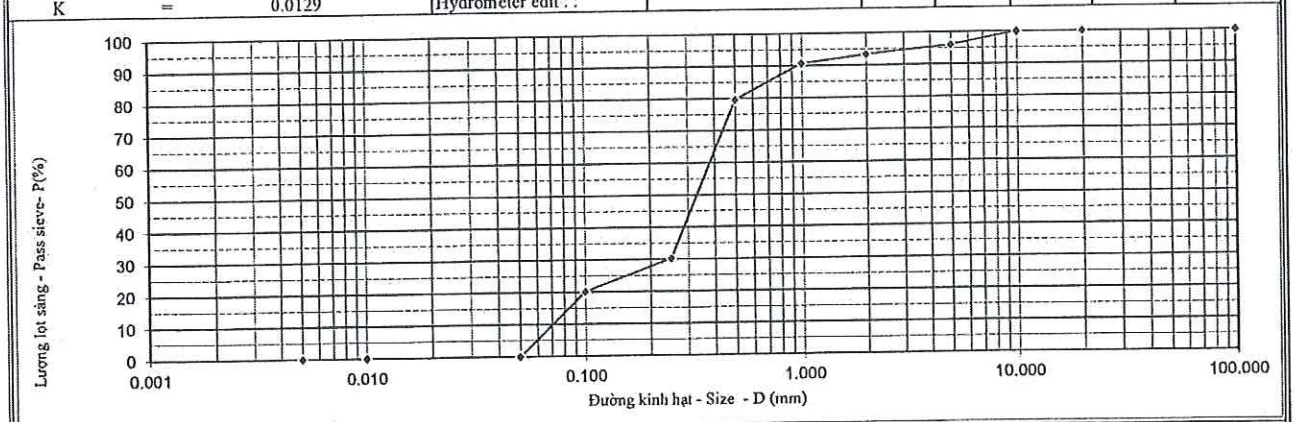
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.11	30.22	79.54	90.74	93.29	95.95	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.11	10.11	49.32	11.20	2.55	2.66	4.05	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát thô vừa xám ghi, nâu xám, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14946

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D28

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 54.00 -54.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	5.32	5.32	5.32	94.68
2.00	6.38	6.38	11.70	88.30
1.00	2.12	2.12	13.82	86.18
0.500	10.20	10.20	24.02	75.98
0.250	50.21	50.21	74.23	25.77
0.100	11.62	11.62	85.85	14.15

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

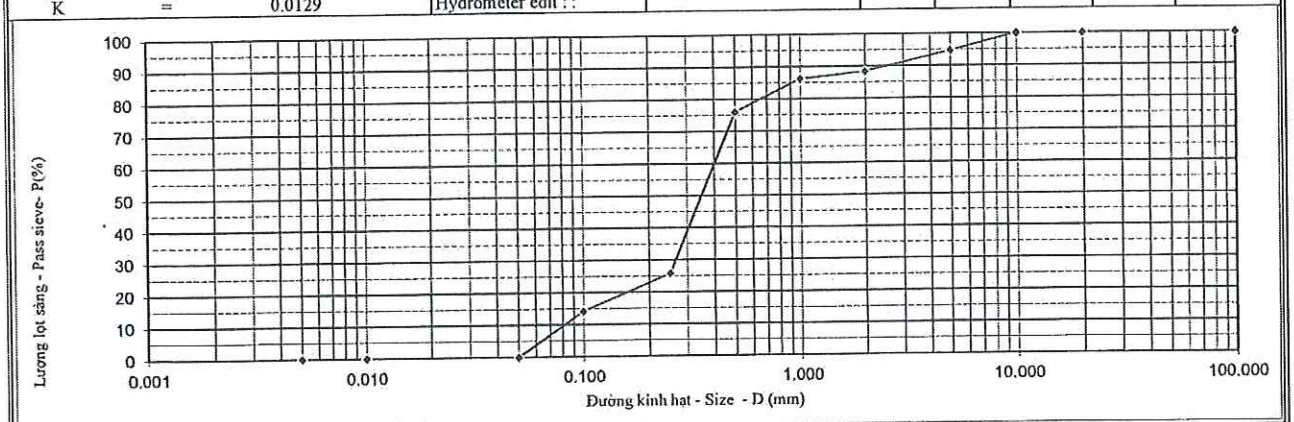
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	14.15	25.77	75.98	86.18	88.30	94.68	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	14.15	11.62	50.21	10.20	2.12	6.38	5.32	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát thô vừa xám ghi, nâu xám, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14947

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D30

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 58.00 -58.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00	33.30	33.30	33.30	66.70
5.00	15.20	15.20	48.50	51.50
2.00	10.20	10.20	58.70	41.30
1.00	16.36	16.36	75.06	24.94
0.500	8.55	8.55	83.61	16.39
0.250	11.20	11.20	94.81	5.19
0.100	4.99	4.99	99.80	0.20

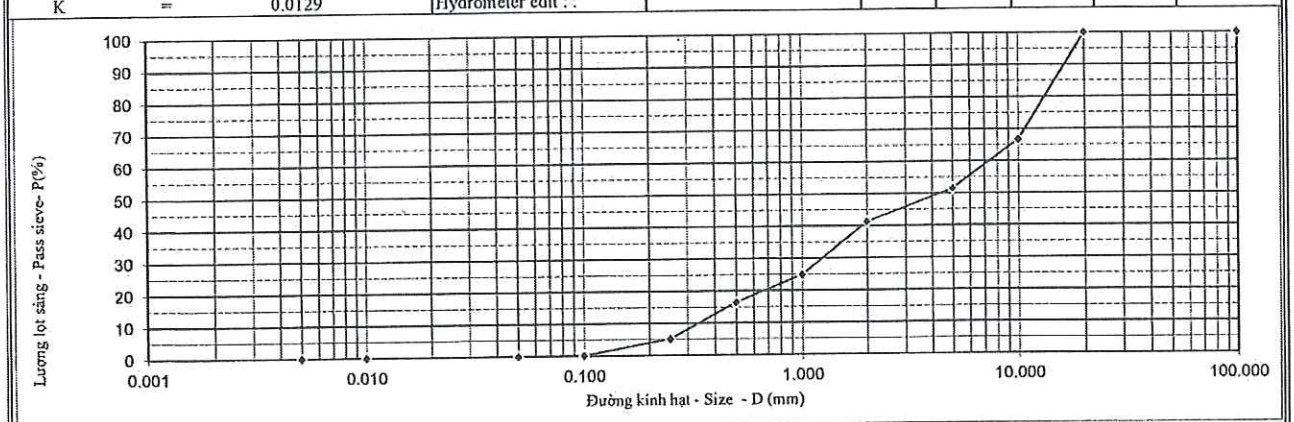
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	0.20	5.19	16.39	24.94	41.30	51.50	66.70	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	0.20	4.99	11.20	8.55	16.36	10.20	15.20	33.30
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sỏi sạn lẫn cát xám ghi, xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab
LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14919

Hố khoan/Boring : LK13 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.44	2.44	2.44	97.56
0.100	5.32	5.32	7.76	92.24

KLR/Specific gravity : 2.63 g/cm^3

K = 0.0129

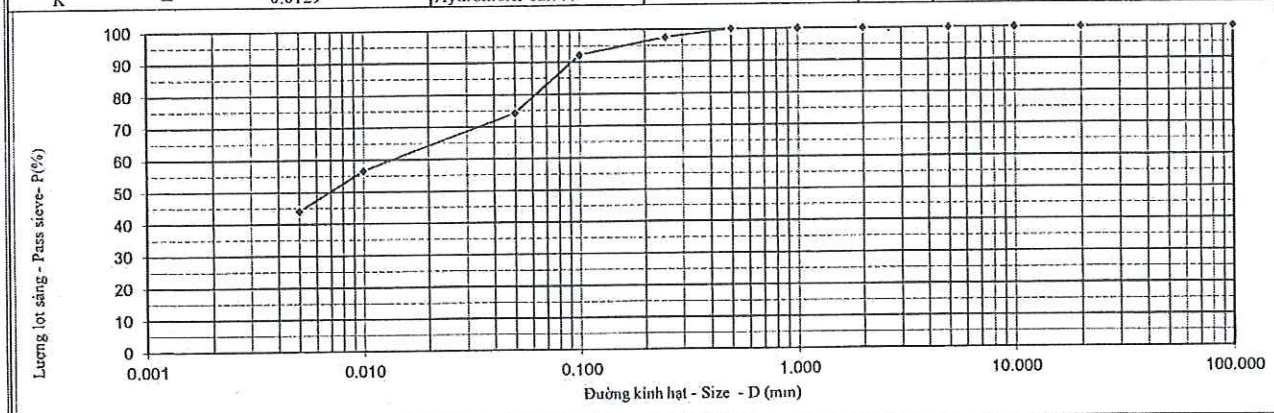
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.8	13.8	74.2	0.0483	
2	15.0	14.3	69.9	0.0345	
5	14.3	14.6	66.2	0.0220	
15	13.5	14.9	61.9	0.0128	
30	12.2	15.4	54.9	0.0092	
60	11.2	15.8	49.5	0.0066	
120	10.0	16.2	43.0	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	44.06	56.55	74.26	92.24	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	44.06	12.49	17.71	17.98	5.32	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu										

Thí nghiệm/Tested by

Dỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14920

Hố khoan/Boring : LK13 Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.32	3.32	3.32	96.68
0.250	5.02	5.02	8.34	91.66
0.100	7.62	7.62	15.96	84.04

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

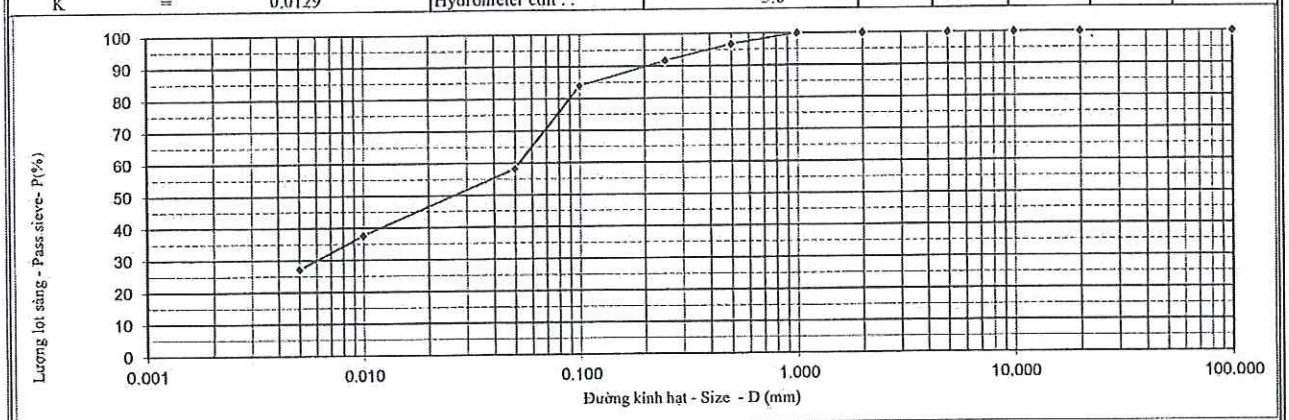
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.3	11.3	58.2	0.0499	
2	12.5	15.3	54.1	0.0356	
5	11.5	15.6	48.9	0.0228	
15	10.0	16.2	41.2	0.0134	
30	9.2	16.5	37.1	0.0096	
60	8.5	16.8	33.5	0.0068	
120	7.2	17.3	26.8	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	27.22	37.63	58.23	84.04	91.66	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	27.22	10.41	20.60	25.81	7.62	5.02	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu vàng, ghi sáng, dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab
LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14921

Hố khoan/Boring : LK13 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.30 -13.50 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	1.85	1.85	1.85	98.15
0.100	5.32	5.32	7.17	92.83

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm³

K = 0.0129

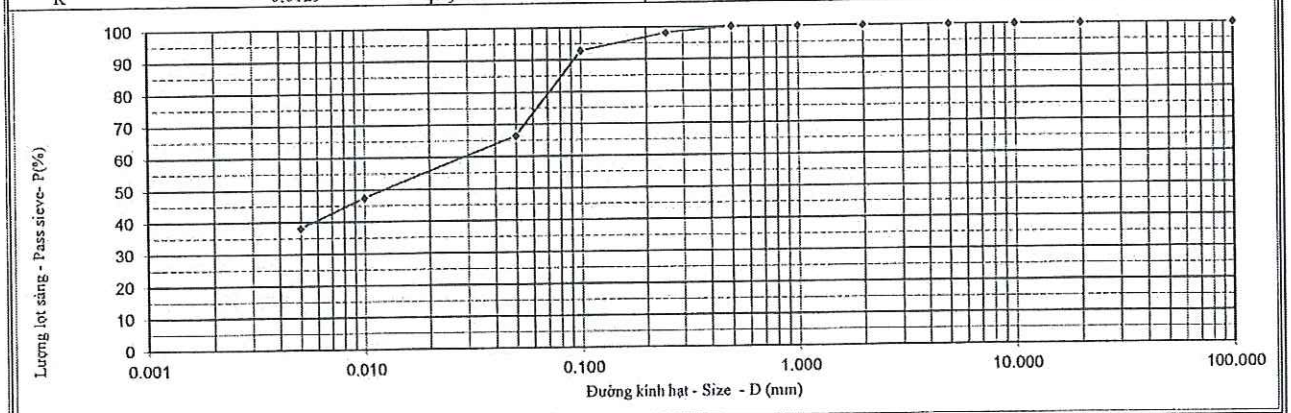
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.4	12.4	66.4	0.0492	
2	13.5	14.9	61.6	0.0352	
5	12.2	15.4	54.6	0.0226	
15	11.2	15.8	49.3	0.0132	
30	10.8	15.9	47.1	0.0094	
60	10.0	16.2	42.8	0.0067	
120	9.0	16.6	37.5	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.14	47.50	66.41	92.83	98.15	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.14	9.36	18.91	26.42	5.32	1.85	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14948

Hố khoan/Boring : LK13 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 18.00 -6.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.02	1.02	1.02	98.98
0.250	8.32	8.32	9.34	90.66
0.100	77.44	77.44	86.78	13.22

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

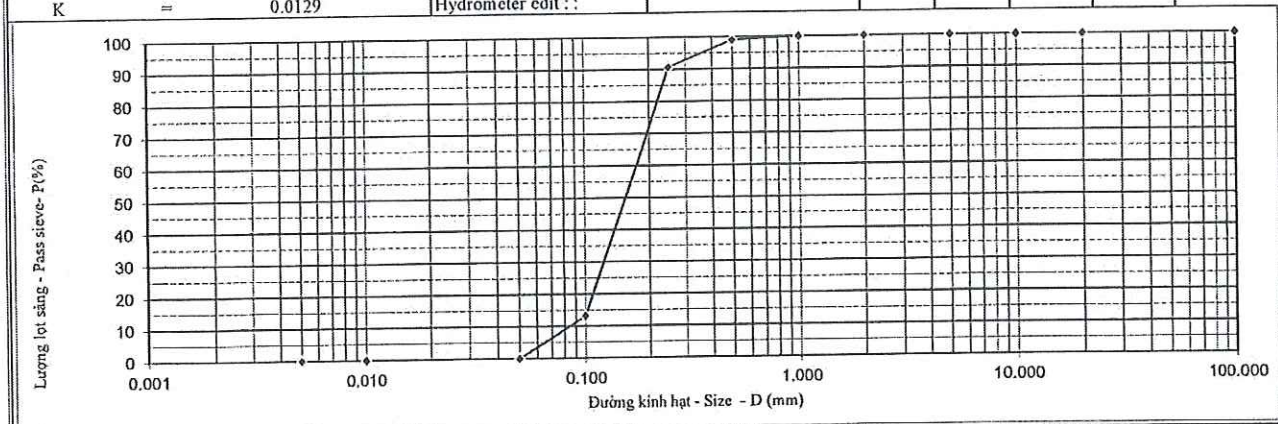
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	13.22	90.66	98.98	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	13.22	77.44	8.32	1.02	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng, ghi xanh										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14958

Hố khoan/Boring : LK13 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	2.36	2.36	2.36	97.64
1.00	1.02	1.02	3.38	96.62
0.500	6.35	6.35	9.73	90.27
0.250	9.50	9.50	19.23	80.77
0.100	57.45	57.45	76.68	23.32

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

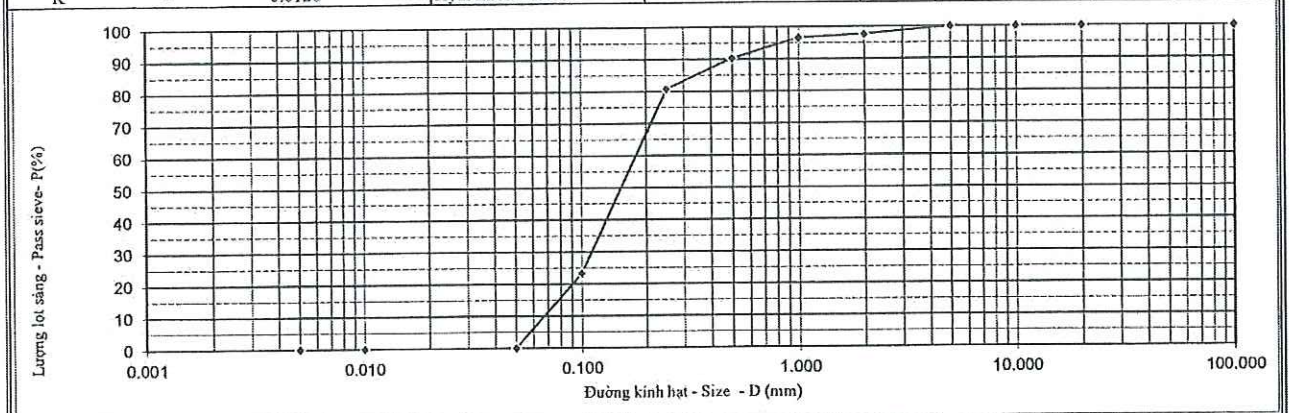
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	23.32	80.77	90.27	96.62	97.64	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	23.32	57.45	9.50	6.35	1.02	2.36	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14959

Hố khoan/Boring : LK13 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 26.00 -26.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	2.15	2.15	2.15	97.85
1.00	2.20	2.20	4.35	95.65
0.500	5.02	5.02	9.37	90.63
0.250	11.20	11.20	20.57	79.43
0.100	61.18	61.18	81.75	18.25

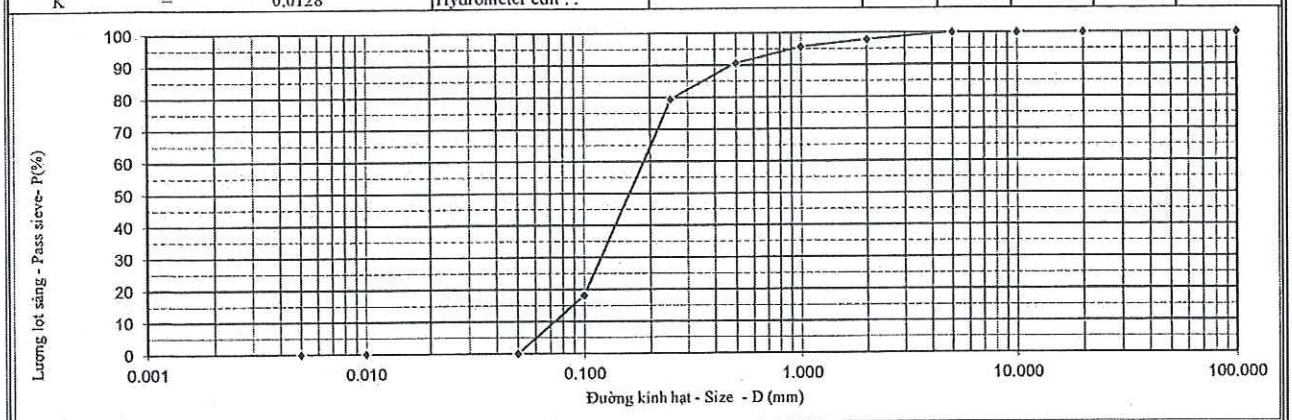
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	79.43	90.63	95.65	97.85	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	61.18	11.20	5.02	2.20	2.15	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Từ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14922

Hố khoan/Boring : LK14 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.32	3.32	3.32	96.68
0.100	5.62	5.62	8.94	91.06

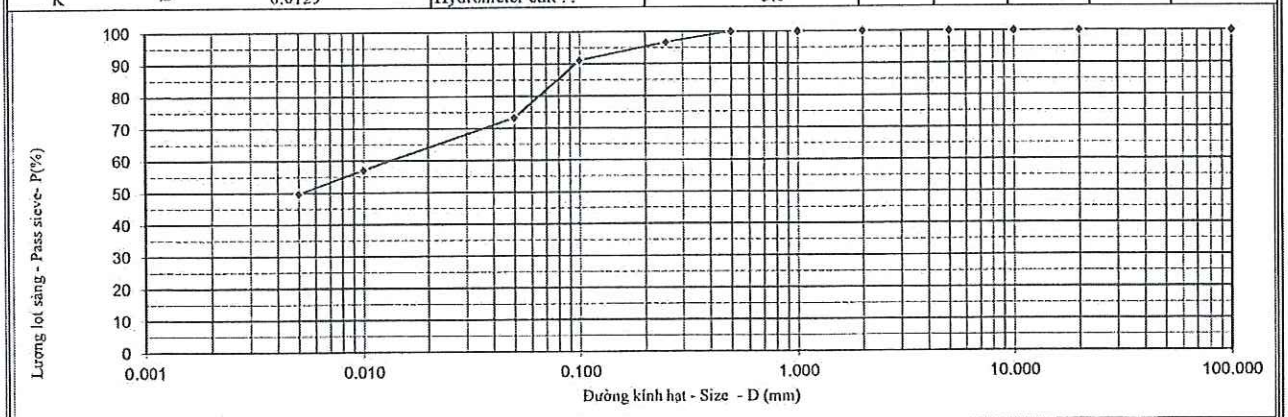
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.8	13.8	73.2	0.0483	
2	15.0	14.3	69.0	0.0345	
5	14.2	14.6	64.7	0.0220	
15	13.5	14.9	61.0	0.0128	
30	12.5	15.3	55.7	0.0092	
60	12.0	15.4	53.1	0.0065	
120	11.2	15.8	48.8	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.66	57.04	73.26	91.06	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.66	7.38	16.22	17.80	5.62	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu vàng, ghi sáng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14923

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.54	2.54	2.54	97.46
0.100	6.80	6.80	9.34	90.66

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

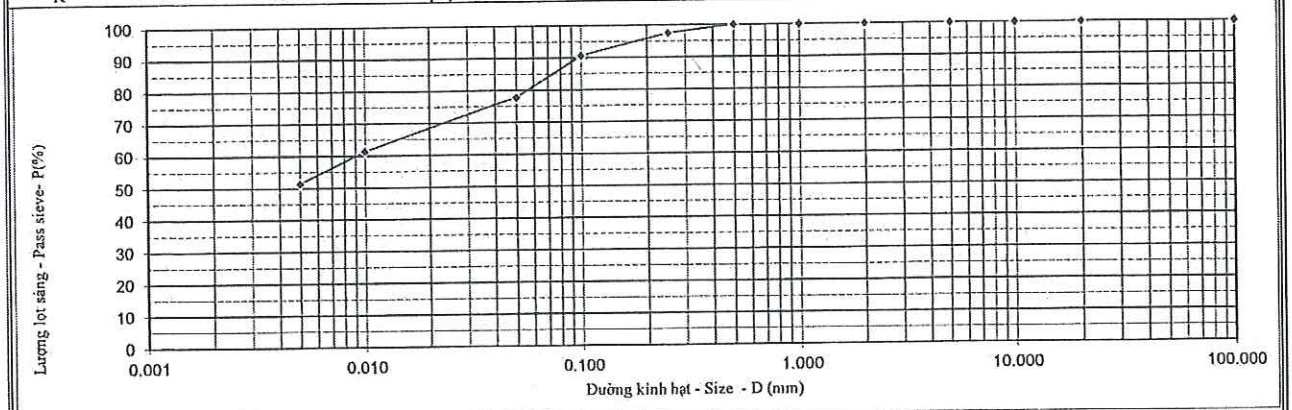
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	77.8	0.0477	
2	16.0	13.9	74.6	0.0340	
5	15.2	14.2	70.3	0.0218	
15	14.3	14.6	65.6	0.0127	
30	13.2	15.0	59.7	0.0091	
60	12.2	15.4	54.4	0.0065	
120	11.5	15.6	50.6	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	51.41	61.32	77.84	90.66	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	51.41	9.91	16.52	12.82	6.80	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14952

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 6.00 -6.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.28	1.28	1.28	98.72
0.500	2.44	2.44	3.72	96.28
0.250	8.21	8.21	11.93	88.07
0.100	75.07	75.07	87.00	13.00

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

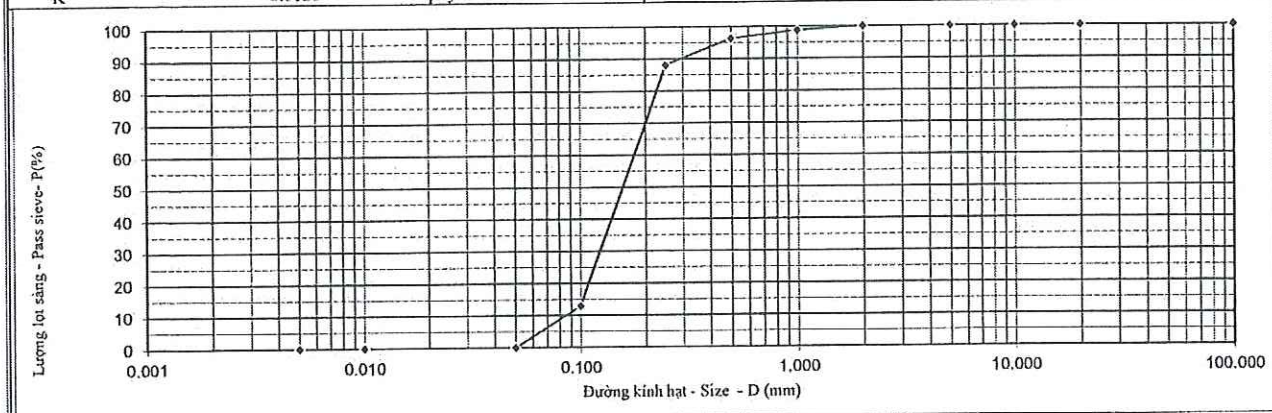
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	13.00	88.07	96.28	98.72	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	13.00	75.07	8.21	2.44	1.28	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14924

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.30 -12.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.24	2.24	2.24	97.76
0.100	4.15	4.15	6.39	93.61

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

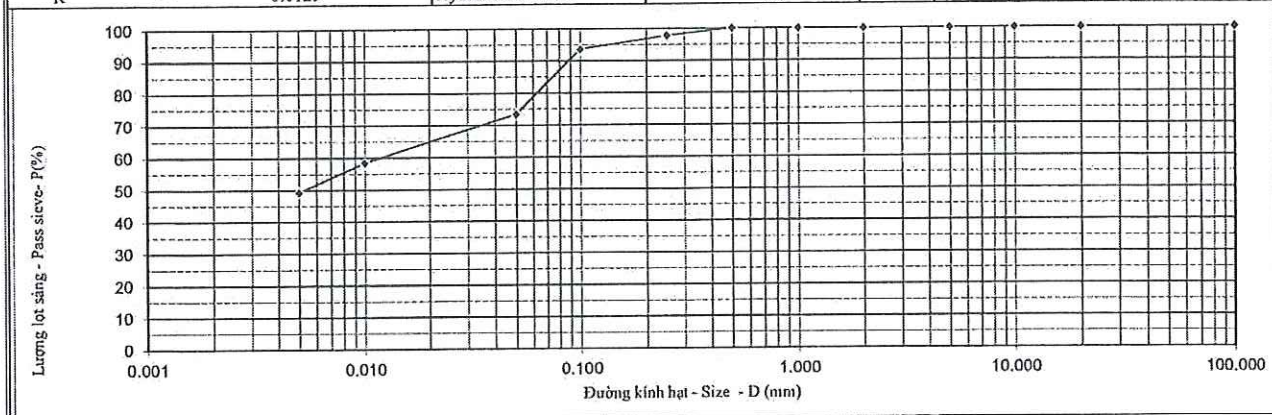
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.7	13.7	73.3	0.0483	
2	15.2	14.2	70.7	0.0344	
5	14.5	14.5	66.9	0.0220	
15	13.2	15.0	60.0	0.0129	
30	12.8	15.1	57.8	0.0092	
60	12.0	15.4	53.5	0.0065	
120	11.0	15.8	48.2	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.22	58.37	73.40	93.61	97.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.22	9.15	15.03	20.21	4.15	2.24	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14925

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.32	3.32	3.32	96.68
0.250	5.52	5.52	8.84	91.16
0.100	8.21	8.21	17.05	82.95

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm³

K = 0.0129

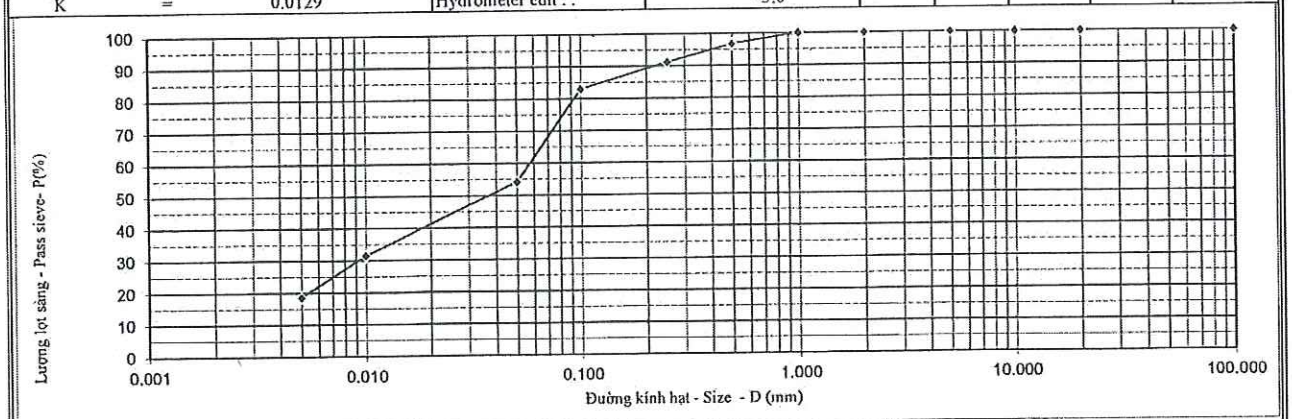
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.5	10.5	54.2	0.0504	
2	12.0	15.4	51.6	0.0358	
5	11.0	15.8	46.5	0.0230	
15	9.2	16.5	37.2	0.0135	
30	8.0	17.0	31.0	0.0097	
60	6.5	17.5	23.2	0.0070	
120	5.6	17.9	18.6	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.64	31.55	54.21	82.95	91.16	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.64	12.91	22.66	28.74	8.21	5.52	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, cháy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14926

Hố khoan/Boring : LK14 Số hiệu mẫu/Sample - No: U10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.24	1.24	1.24	98.76
0.250	5.62	5.62	6.86	93.14
0.100	7.35	7.35	14.21	85.79

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0129

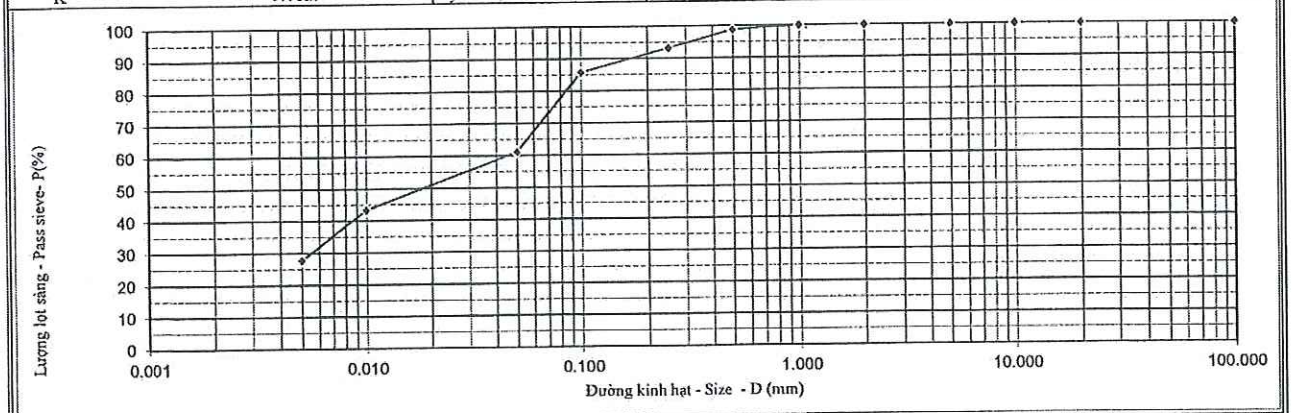
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.1	0.0497	
2	13.0	15.1	57.9	0.0354	
5	12.2	15.4	53.7	0.0226	
15	11.5	15.6	50.0	0.0132	
30	10.0	16.2	42.1	0.0095	
60	8.5	16.8	34.2	0.0068	
120	7.2	17.3	27.4	0.0049	



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	27.81	43.38	61.06	85.79	93.14	98.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	27.81	15.57	17.68	24.73	7.35	5.62	1.24	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, xám đen, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Dỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14960

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	3.55	3.55	3.55	96.45
1.00	3.31	3.31	6.86	93.14
0.500	4.15	4.15	11.01	88.99
0.250	8.25	8.25	19.26	80.74
0.100	63.12	63.12	82.38	17.62

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0128

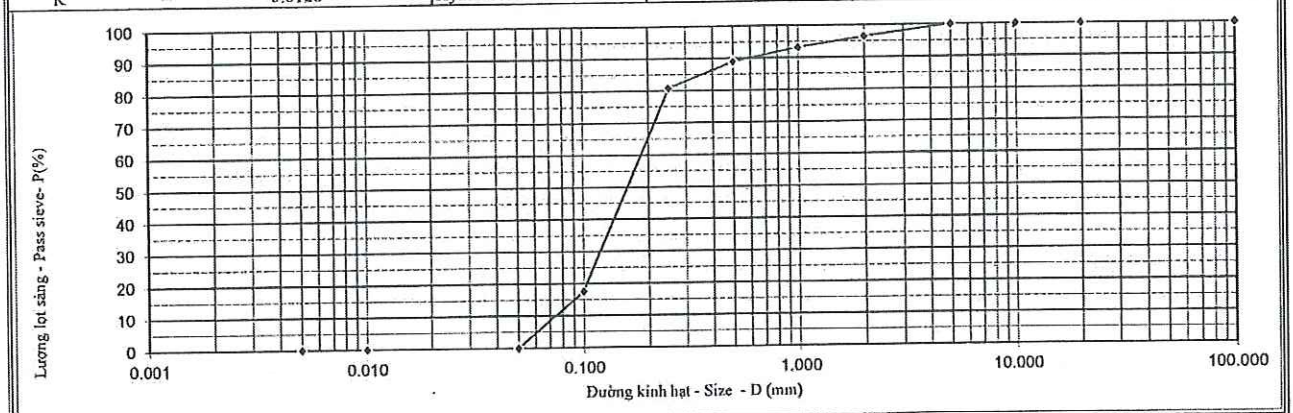
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	17.62	80.74	88.99	93.14	96.45	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	17.62	63.12	8.25	4.15	3.31	3.55	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14961

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D14

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 26.00 -26.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	3.65	3.65	3.65	96.35
1.00	1.05	1.05	4.70	95.30
0.500	3.66	3.66	8.36	91.64
0.250	8.80	8.80	17.16	82.84
0.100	62.64	62.64	79.80	20.20

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

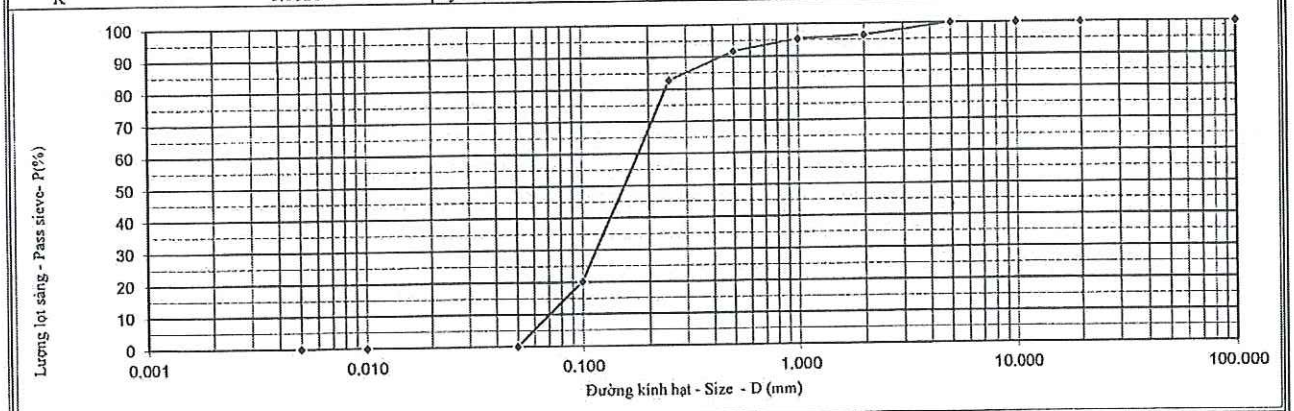
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.20	82.84	91.64	95.30	96.35	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.20	62.64	8.80	3.66	1.05	3.65	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14962

Hố khoan/Boring : LK15 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	4.05	4.05	4.05	95.95
0.100	6.83	6.83	10.88	89.12

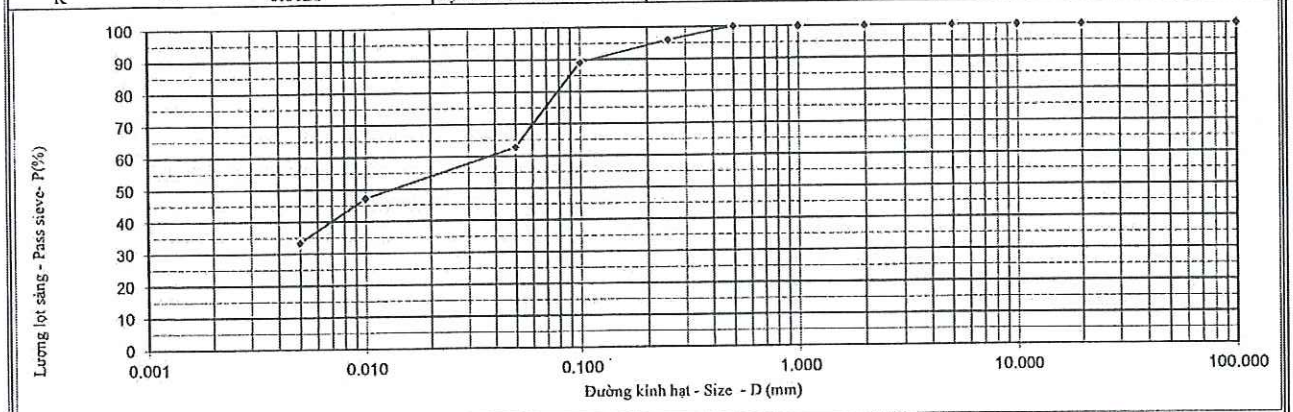
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.9	11.9	62.7	0.0491	
2	13.0	15.1	58.0	0.0351	
5	12.2	15.4	53.8	0.0224	
15	11.5	15.6	50.1	0.0131	
30	10.8	15.9	46.4	0.0093	
60	9.5	16.4	39.5	0.0067	
120	8.2	16.9	32.7	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.72 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.51	47.16	62.75	89.12	95.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.51	13.65	15.59	26.37	6.83	4.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét màu xám trắng, nâu đỏ, dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14927

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.32	3.32	3.32	96.68
0.250	5.52	5.52	8.84	91.16
0.100	8.32	8.32	17.16	82.84

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

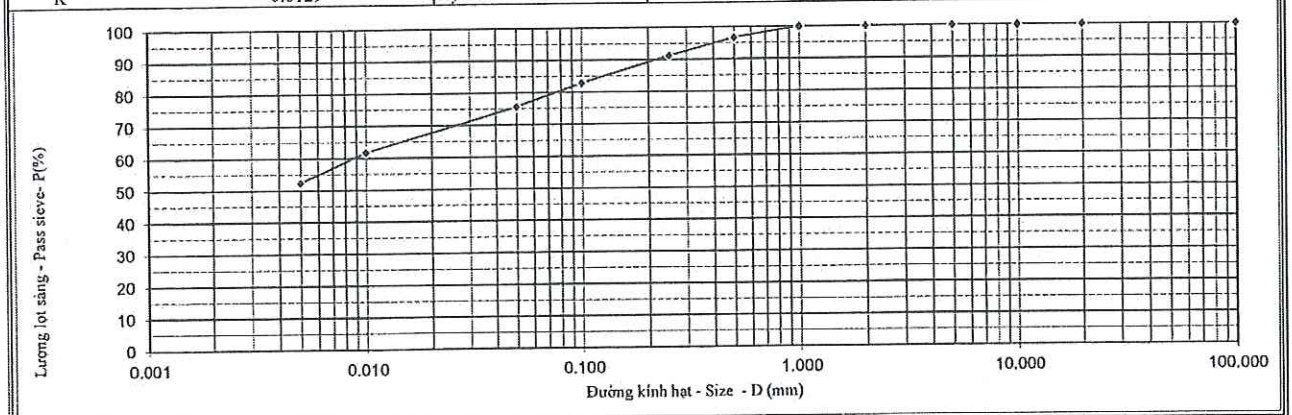
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	75.6	0.0477	
2	16.0	13.9	72.5	0.0340	
5	15.2	14.2	68.3	0.0218	
15	14.5	14.5	64.7	0.0127	
30	13.7	14.8	60.6	0.0091	
60	12.5	15.3	54.3	0.0065	
120	12.0	15.4	51.8	0.0046	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	52.35	61.77	75.58	82.84	91.16	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	52.35	9.42	13.81	7.26	8.32	5.52	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP. thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14963

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.05	2.05	2.05	97.95
0.100	5.07	5.07	7.12	92.88

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

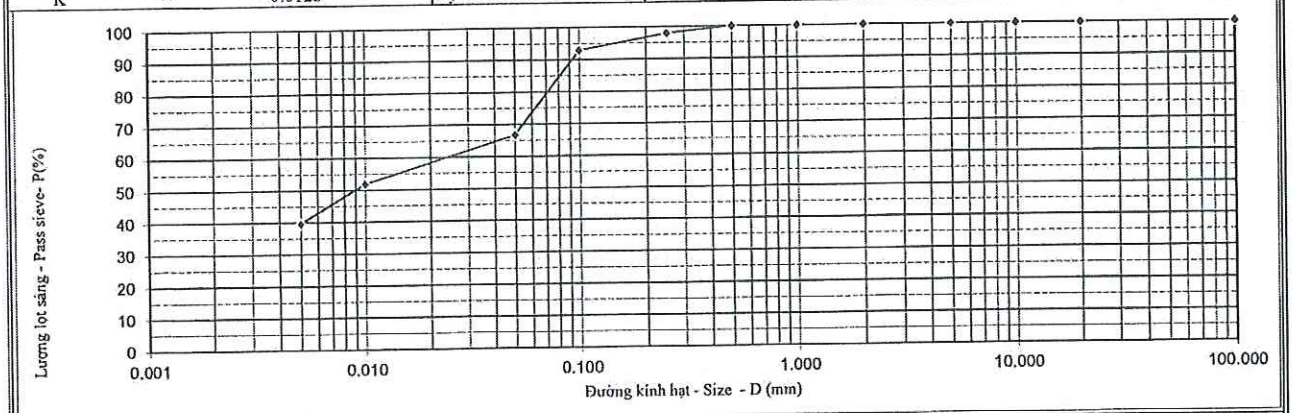
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.5	12.5	66.6	0.0487	
2	14.0	14.7	64.0	0.0347	
5	13.2	15.0	59.7	0.0222	
15	12.5	15.3	56.0	0.0129	
30	11.5	15.6	50.6	0.0092	
60	10.2	16.1	43.7	0.0066	
120	9.3	16.5	38.9	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.66	51.89	66.66	92.88	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.66	12.23	14.77	26.22	5.07	2.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14964

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.02	1.02	1.02	98.98
0.250	5.04	5.04	6.06	93.94
0.100	6.38	6.38	12.44	87.56

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm³

K = 0.0128

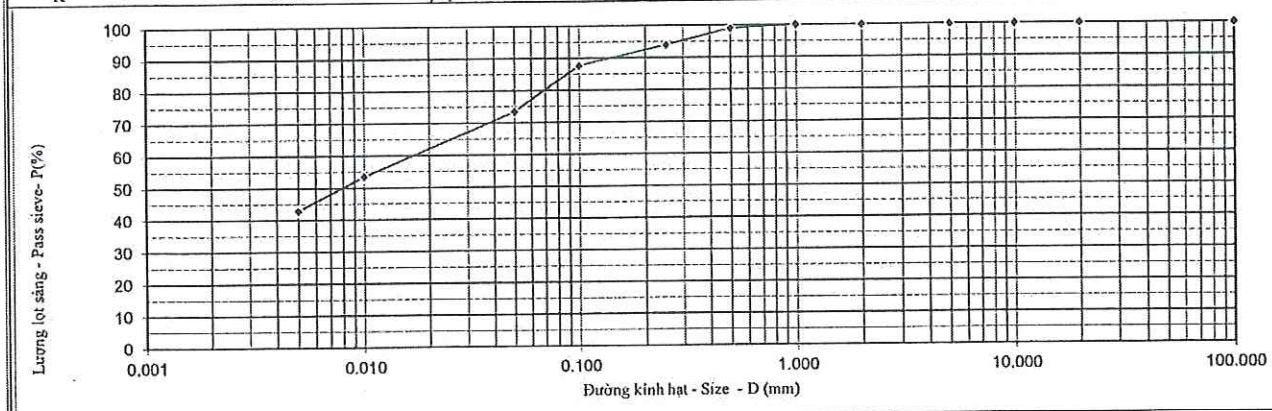
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.0	14.0	73.4	0.0478	
2	15.2	14.2	69.2	0.0341	
5	14.3	14.6	64.5	0.0218	
15	12.8	15.1	56.6	0.0129	
30	12.0	15.4	52.4	0.0092	
60	11.0	15.8	47.2	0.0066	
120	10.0	16.2	41.9	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	42.88	53.46	73.40	87.56	93.94	98.98	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	42.88	10.58	19.94	14.16	6.38	5.04	1.02	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu vàng, ghi sáng, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14965

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	4.15	4.15	4.15	95.85
1.00	2.22	2.22	6.37	93.63
0.500	4.55	4.55	10.92	89.08
0.250	9.35	9.35	20.27	79.73
0.100	60.19	60.19	80.46	19.54

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

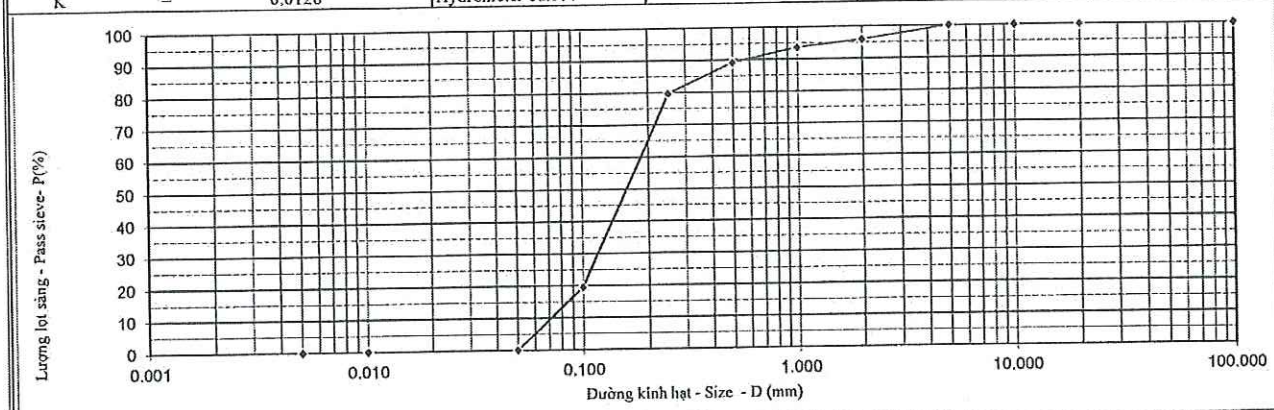
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	19.54	79.73	89.08	93.63	95.85	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	19.54	60.19	9.35	4.55	2.22	4.15	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14928

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.14	2.14	2.14	97.86
0.100	6.60	6.60	8.74	91.26

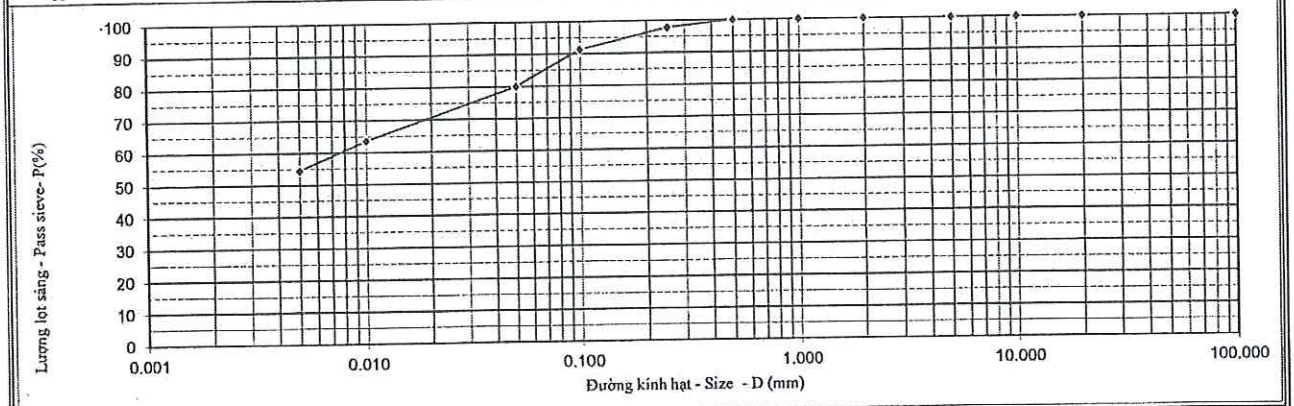
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	17.0	15.0	79.9	0.0475	
2	16.2	13.8	75.7	0.0339	
5	15.5	14.1	71.9	0.0217	
15	14.5	14.5	66.6	0.0127	
30	13.7	14.8	62.4	0.0091	
60	13.0	15.1	58.6	0.0065	
120	12.0	15.4	53.3	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³ — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	54.53	63.61	79.97	91.26	97.86	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	54.53	9.08	16.36	11.29	6.60	2.14	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14929

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.54	2.54	2.54	97.46
0.250	7.51	7.51	10.05	89.95
0.100	9.32	9.32	19.37	80.63

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

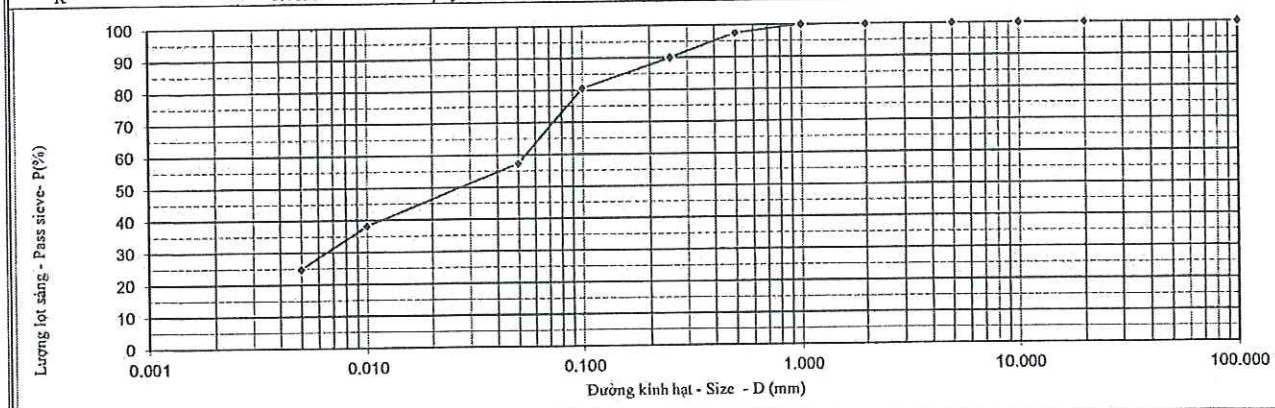
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.3	0.0501	
2	12.2	15.4	53.1	0.0358	
5	11.5	15.6	49.5	0.0228	
15	10.2	16.1	42.7	0.0134	
30	9.2	16.5	37.5	0.0096	
60	8.2	16.9	32.3	0.0068	
120	6.7	17.5	24.5	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	24.84	38.16	57.26	80.63	89.95	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	24.84	13.32	19.10	23.37	9.32	7.51	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, nâu hồng, nâu vàng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14930

Hố khoan/Boring : LK16 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.30 -12.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	5.25	5.25	5.25	94.75
0.250	5.62	5.62	10.87	89.13
0.100	8.21	8.21	19.08	80.92

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

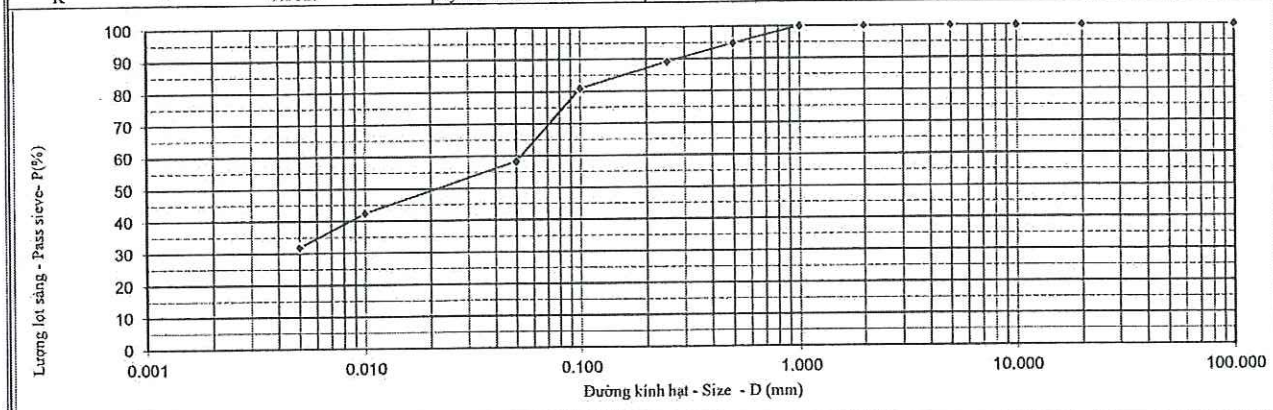
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.5	11.5	58.3	0.0497	
2	13.0	15.1	55.8	0.0354	
5	12.2	15.4	51.7	0.0226	
15	11.2	15.8	46.7	0.0132	
30	10.2	16.1	41.6	0.0095	
60	9.0	16.6	35.5	0.0068	
120	8.2	16.9	31.4	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	31.84	42.44	58.34	80.92	89.13	94.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	31.84	10.60	15.90	22.58	8.21	5.62	5.25	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14931

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	6.55	6.55	10.70	89.30
0.100	9.51	9.51	20.21	79.79

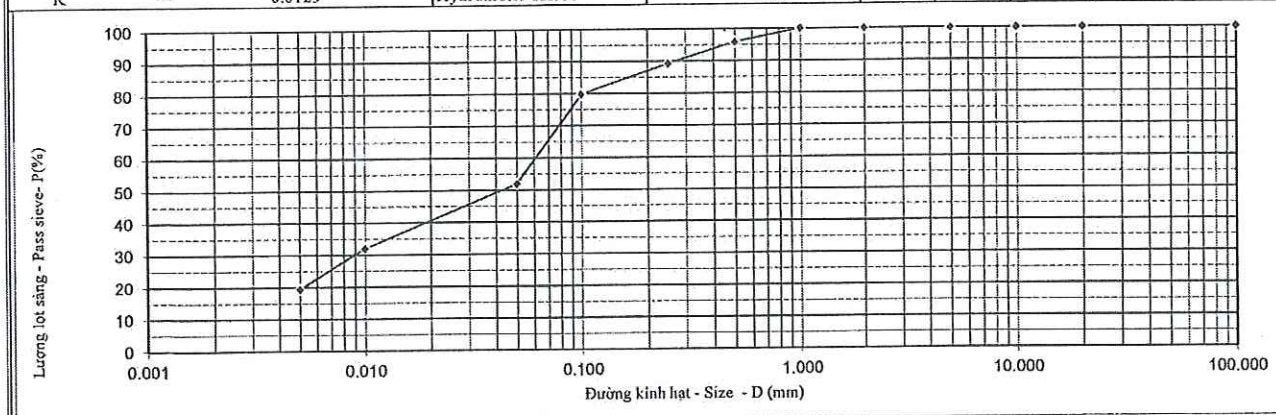
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.2	10.2	52.0	0.0506	
2	11.5	15.6	48.4	0.0361	
5	10.0	16.2	40.8	0.0232	
15	9.2	16.5	36.7	0.0135	
30	8.2	16.9	31.6	0.0097	
60	6.7	17.5	24.0	0.0070	
120	5.8	17.8	19.4	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	19.45	32.09	51.97	79.79	89.30	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	19.45	12.64	19.88	27.82	9.51	6.55	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, ghi sáng, dẻo cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14949

Hố khoan/Boring : LK16 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.02	2.02	2.02	97.98
0.500	2.35	2.35	4.37	95.63
0.250	12.02	12.02	16.39	83.61
0.100	68.61	68.61	85.00	15.00

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

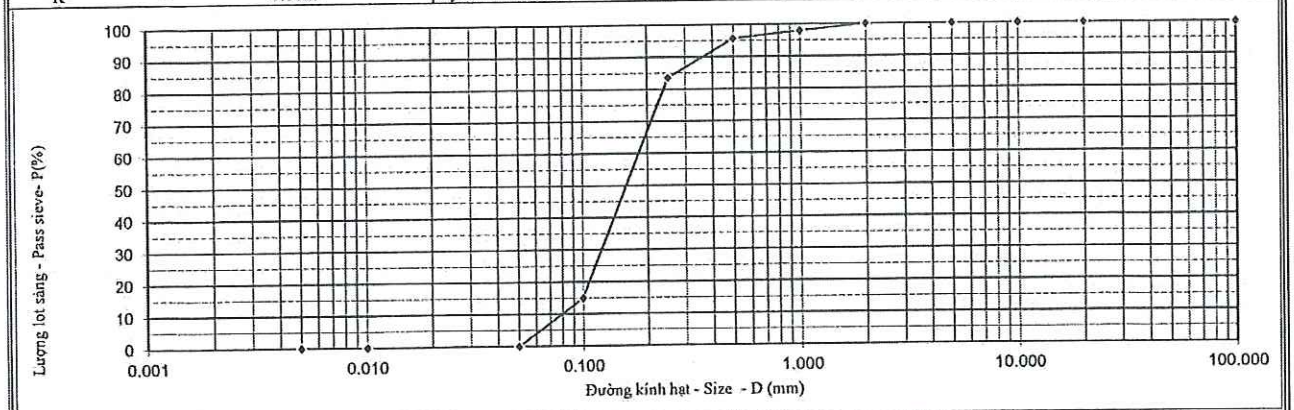
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	15.00	83.61	95.63	97.98	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	15.00	68.61	12.02	2.35	2.02	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14950

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	5.51	5.51	5.51	94.49
0.250	10.00	10.00	15.51	84.49
0.100	74.39	74.39	89.90	10.10

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

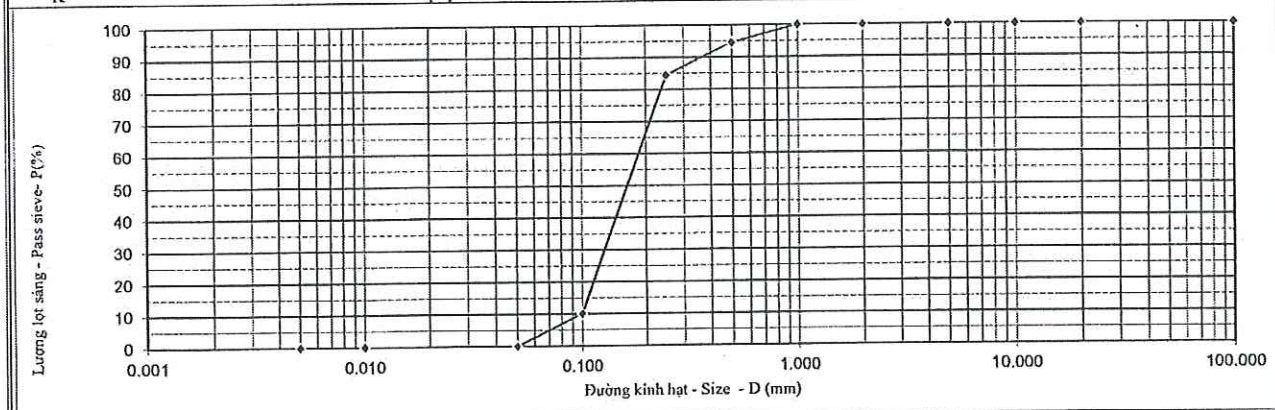
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	10.10	84.49	94.49	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	10.10	74.39	10.00	5.51	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, nâu hồng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14951

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 26.00 -26.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.15	1.15	1.15	98.85
0.500	6.38	6.38	7.53	92.47
0.250	9.35	9.35	16.88	83.12
0.100	71.07	71.07	87.95	12.05

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

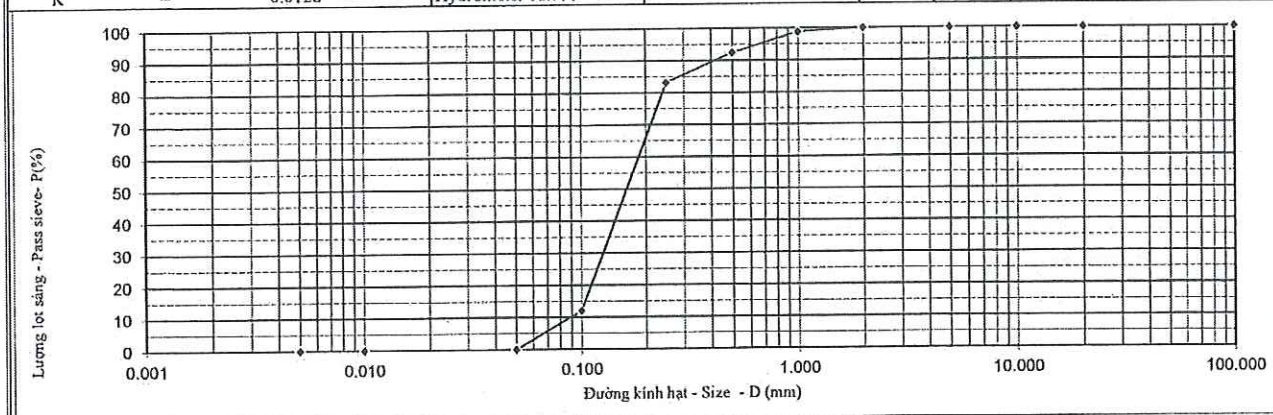
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	12.05	83.12	92.47	98.85	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	12.05	71.07	9.35	6.38	1.15	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15001

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	4.15	4.15	4.15	95.85
0.100	6.50	6.50	10.65	89.35

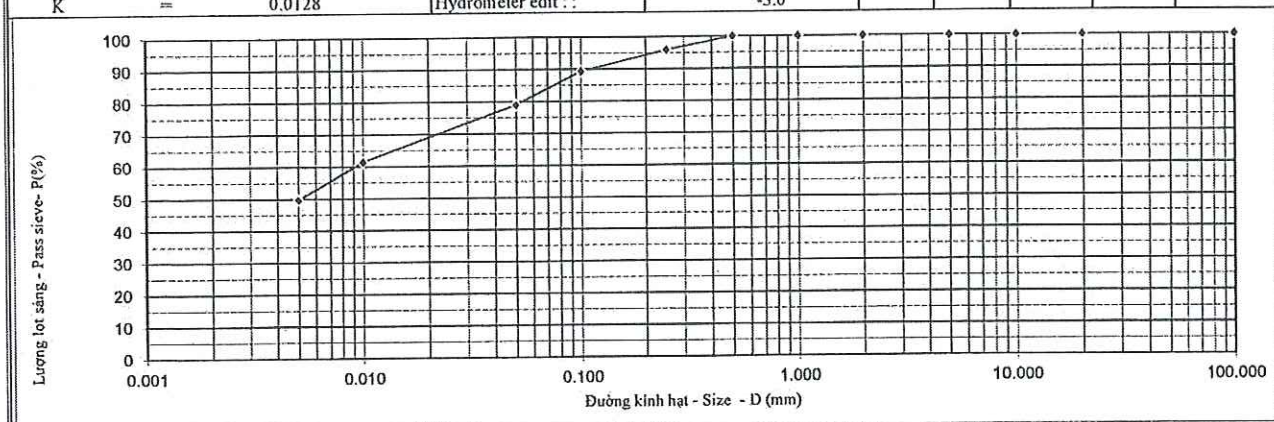
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.8	14.8	78.9	0.0472	
2	16.2	13.8	75.7	0.0337	
5	15.5	14.1	71.9	0.0215	
15	14.3	14.6	65.6	0.0126	
30	13.2	15.0	59.7	0.0090	
60	12.5	15.3	56.0	0.0065	
120	11.0	15.8	48.0	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.74	61.45	78.91	89.35	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.74	11.71	17.46	10.44	6.50	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15018

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.15	1.15	1.15	98.85
0.500	4.10	4.10	5.25	94.75
0.250	9.65	9.65	14.90	85.10
0.100	63.09	63.09	77.99	22.01

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

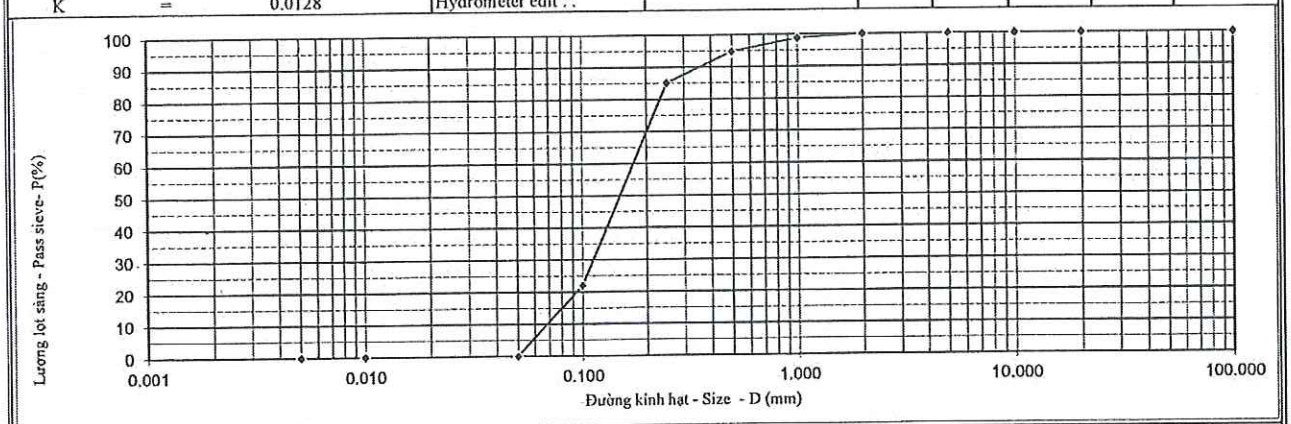
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	85.10	94.75	98.85	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	63.09	9.65	4.10	1.15	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15002

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.55	2.55	2.55	97.45
0.250	6.35	6.35	8.90	91.10
0.100	8.21	8.21	17.11	82.89

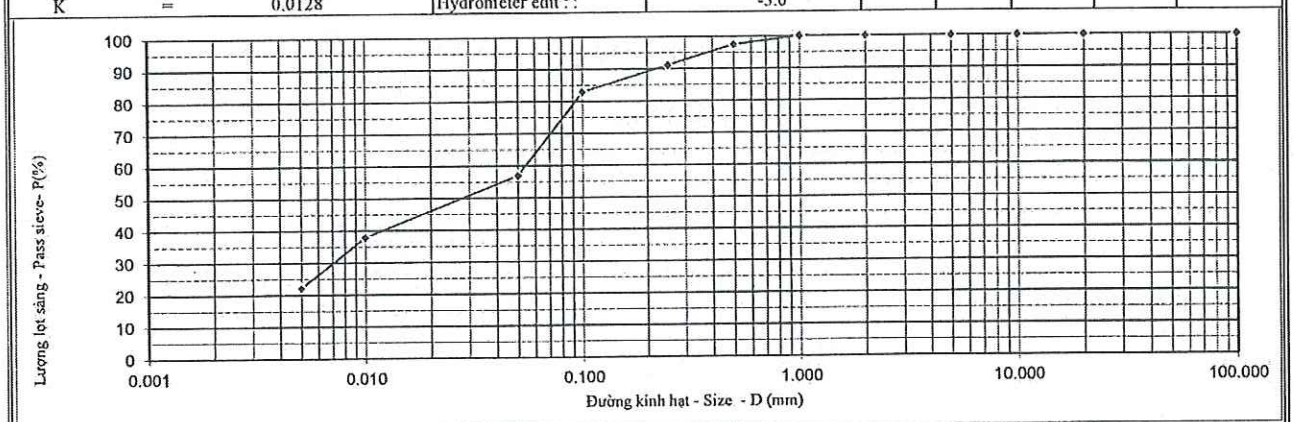
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	56.9	0.0497	
2	12.5	15.3	54.3	0.0354	
5	11.5	15.6	49.1	0.0226	
15	10.0	16.2	41.4	0.0133	
30	9.2	16.5	37.2	0.0095	
60	8.0	17.0	31.0	0.0068	
120	6.2	17.7	21.7	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	22.23	37.86	56.88	82.89	91.10	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	22.23	15.63	19.02	26.01	8.21	6.35	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15003

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: U10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 19.80 -20.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. seeluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.38	2.38	2.38	97.62
0.250	6.50	6.50	8.88	91.12
0.100	8.51	8.51	17.39	82.61

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

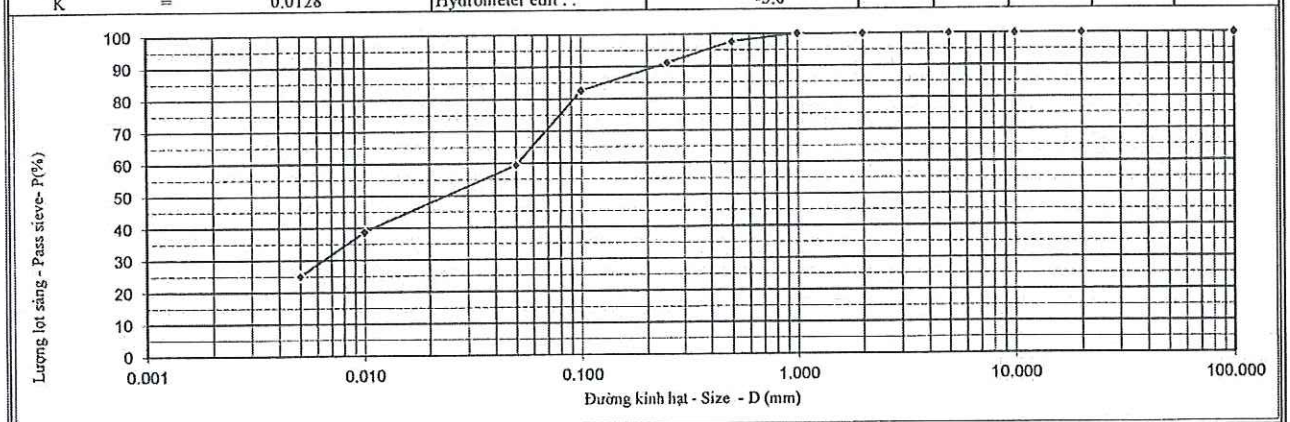
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.4	11.4	59.4	0.0494	
2	12.6	15.2	55.3	0.0353	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.2	16.1	42.8	0.0133	
30	9.3	16.5	38.1	0.0095	
60	8.2	16.9	32.3	0.0068	
120	6.7	17.5	24.5	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	25.07	38.80	59.45	82.61	91.12	97.62	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	25.07	13.73	20.65	23.16	8.51	6.50	2.38	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi xanh nửa cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15019

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	3.20	3.20	3.20	96.80
0.500	2.35	2.35	5.55	94.45
0.250	8.55	8.55	14.10	85.90
0.100	67.25	67.25	81.35	18.65

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

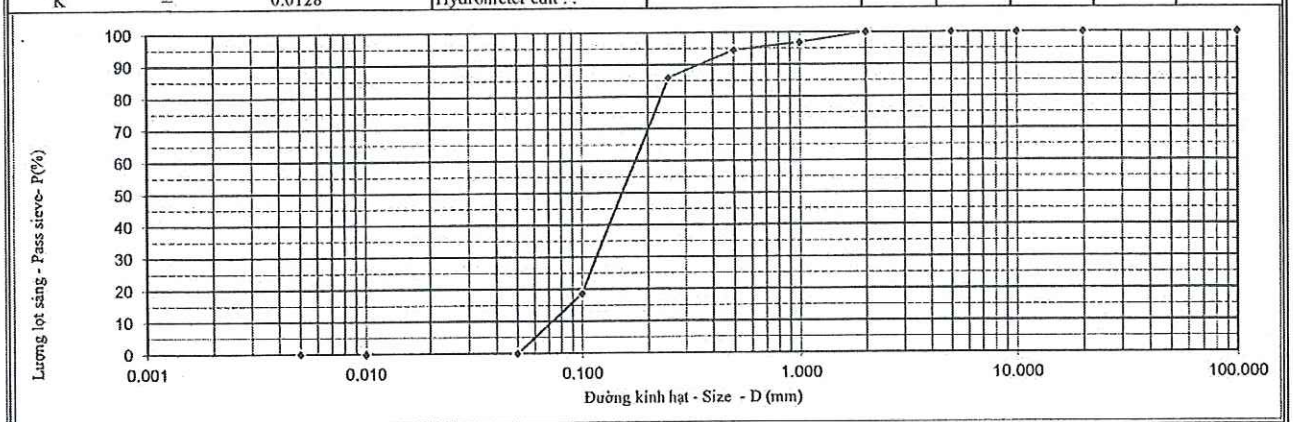
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.65	85.90	94.45	96.80	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.65	67.25	8.55	2.35	3.20	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, kẹp sét pha										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15004

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.04	2.04	2.04	97.96
0.100	4.51	4.51	6.55	93.45

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

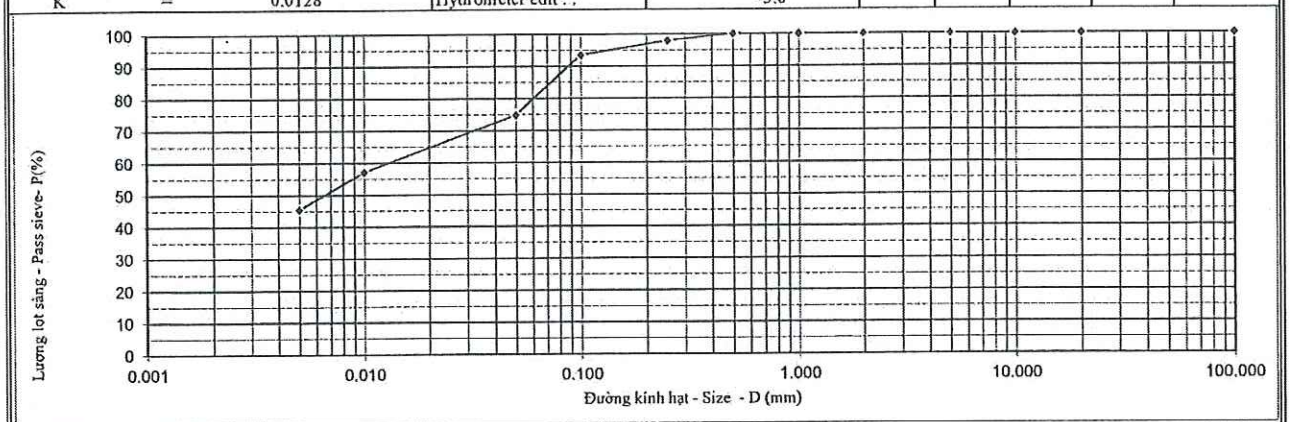
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.0	14.0	74.8	0.0478	
2	15.2	14.2	70.5	0.0341	
5	14.3	14.6	65.7	0.0218	
15	13.2	15.0	59.8	0.0128	
30	12.5	15.3	56.1	0.0091	
60	11.8	15.5	52.3	0.0065	
120	10.2	16.1	43.8	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	45.45	57.10	74.84	93.45	97.96	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	45.45	11.65	17.74	18.61	4.51	2.04	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám đen lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15020

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.98	0.98	0.98	99.02
0.500	5.05	5.05	6.03	93.97
0.250	8.20	8.20	14.23	85.77
0.100	64.56	64.56	78.79	21.21

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

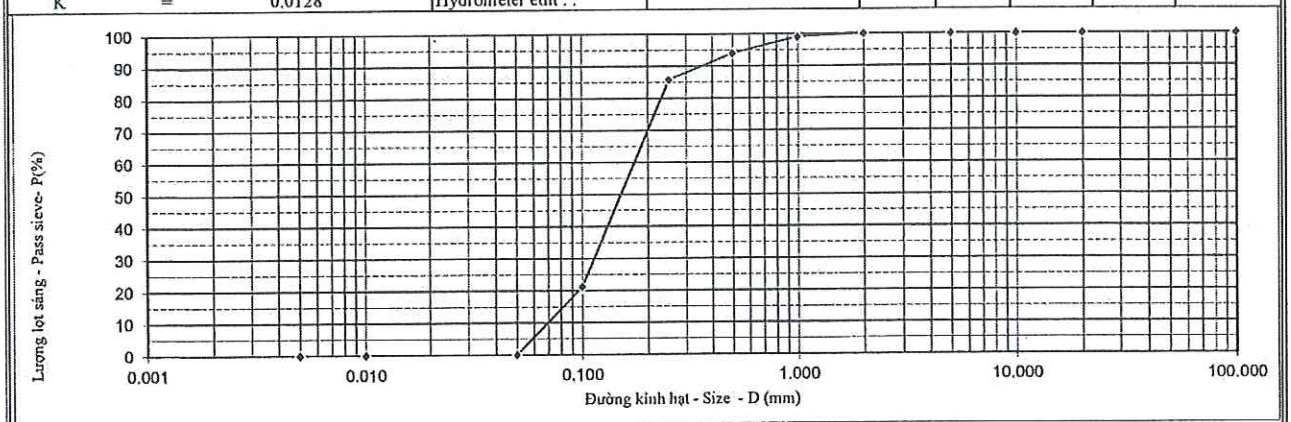
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.21	85.77	93.97	99.02	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.21	64.56	8.20	5.05	0.98	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng, xám xanh										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15005

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass scive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.95	2.95	2.95	97.05
0.100	5.55	5.55	8.50	91.50

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

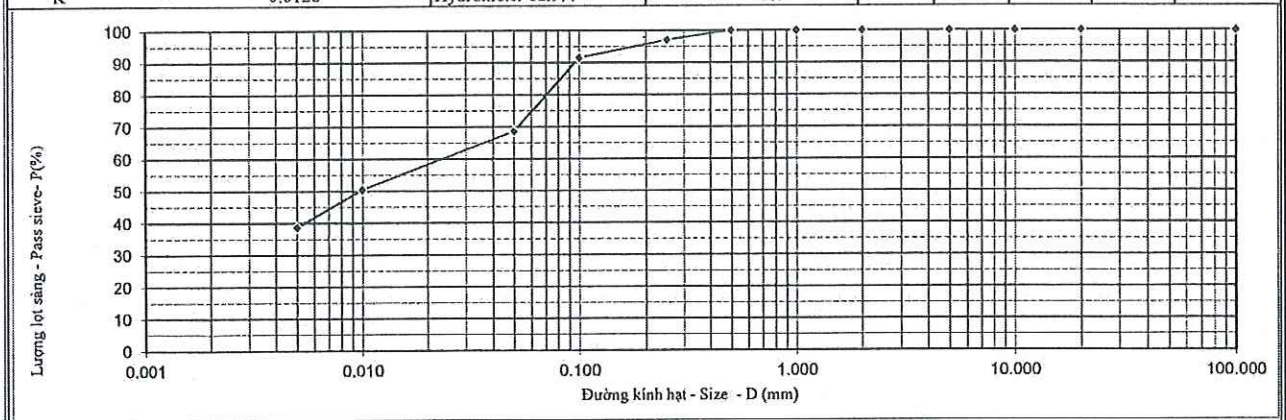
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.8	12.8	68.5	0.0485	
2	14.0	14.7	64.2	0.0347	
5	13.2	15.0	60.0	0.0222	
15	12.2	15.4	54.6	0.0130	
30	11.2	15.8	49.3	0.0093	
60	10.5	16.0	45.5	0.0066	
120	9.0	16.6	37.5	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.68	50.46	68.57	91.50	97.05	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.68	11.78	18.11	22.93	5.55	2.95	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám ghi dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15021

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.20	2.20	2.20	97.80
0.500	5.21	5.21	7.41	92.59
0.250	5.54	5.54	12.95	87.05
0.100	67.01	67.01	79.96	20.04

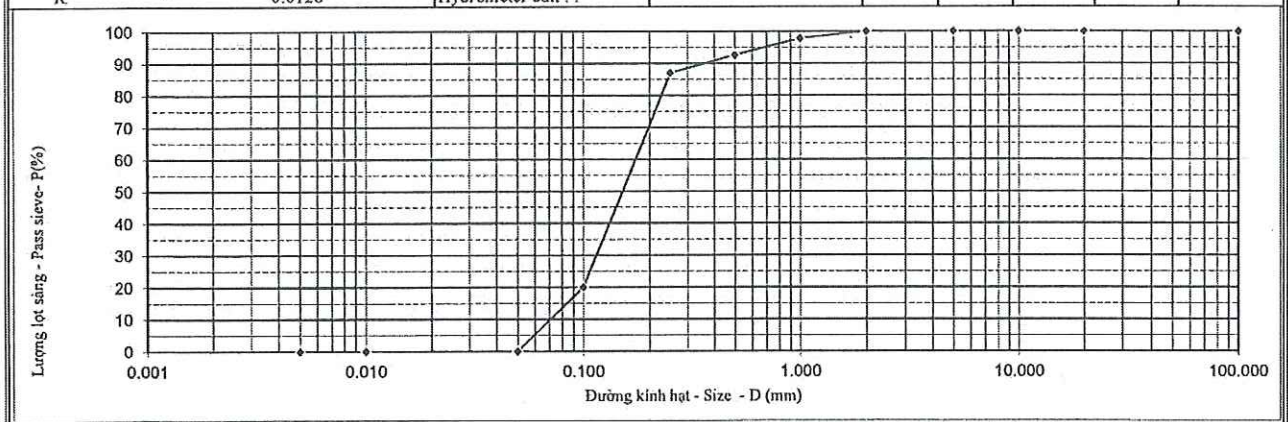
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.04	87.05	92.59	97.80	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.04	67.01	5.54	5.21	2.20	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng, xám xanh										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

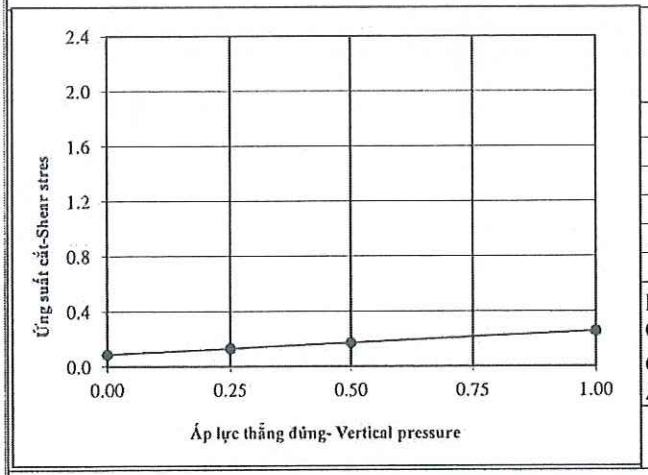
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14966	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK1	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.8 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



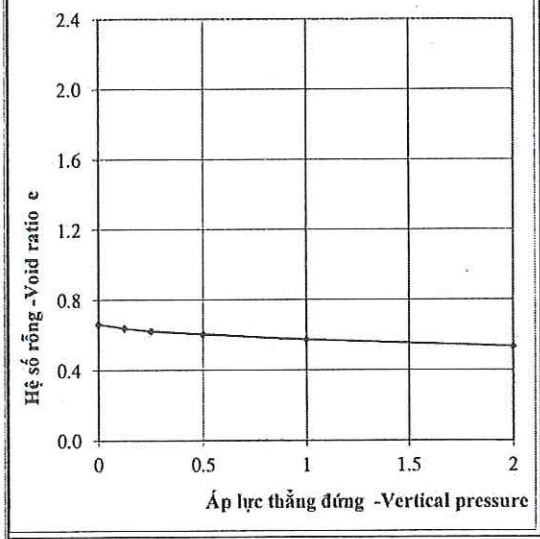
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	6.5	0.129
0.50	8.6	0.172
1.00	12.8	0.256

Lực dính kết Cohesive C = 0.087 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 14

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.662	
0.125	27.9	0.9	27.0	28.3	0.639	0.188
0.25	47.6	1.9	45.7	48.0	0.623	0.131
0.5	69.1	3.0	66.1	69.3	0.605	0.071
1	105.9	5.0	100.9	105.8	0.574	0.061
2	154.6	7.4	147.2	154.3	0.534	0.040
	161.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

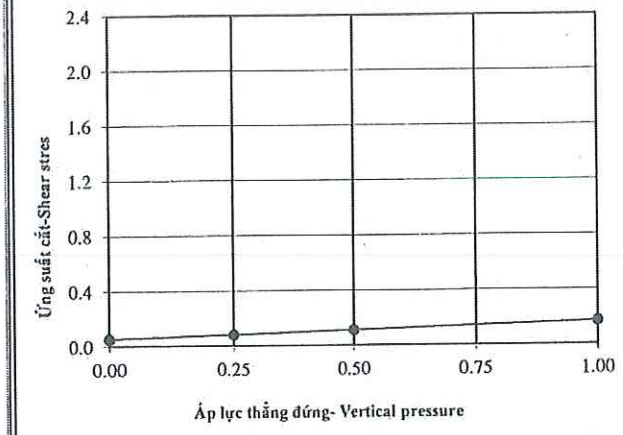
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14967	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK1	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



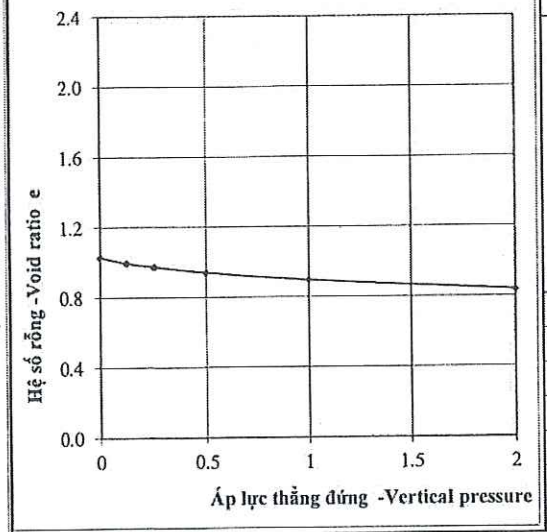
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.1	0.081
0.50	5.5	0.110
1.00	8.4	0.169

Lực dính kết Cohesive C = 0.052 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 15

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.029	
0.125	32.0	0.8	31.2	32.7	0.996	0.265
0.25	53.6	1.6	52.0	54.5	0.974	0.177
0.5	86.1	2.3	83.8	87.7	0.940	0.135
1	128.8	3.6	125.2	131.1	0.896	0.088
2	185.6	5.8	179.8	188.3	0.838	0.058
	194.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

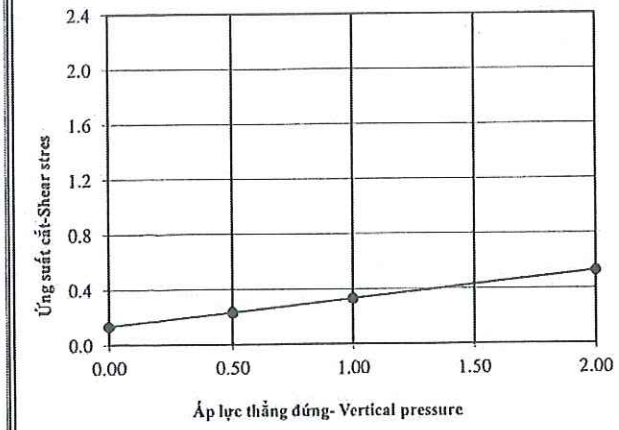
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14968	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.8 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



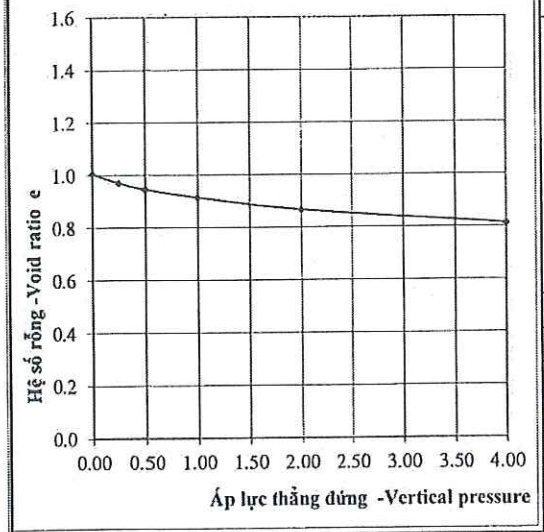
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.6	0.232
1.00	16.5	0.330
2.00	26.4	0.528

Lực dính kết Cohesive C = 0.133 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°10'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 16

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.007	
0.25	35.6	1.4	34.2	35.9	0.971	0.144
0.5	60.2	2.6	57.6	60.4	0.946	0.099
1	91.4	4.0	87.5	91.7	0.915	0.063
2	139.3	6.2	133.1	139.5	0.867	0.048
4	193.6	9.5	184.1	193.0	0.813	0.027
	202.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

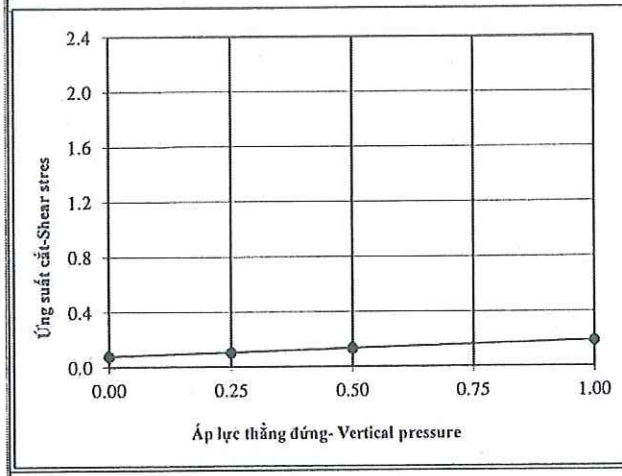
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14971	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.2 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



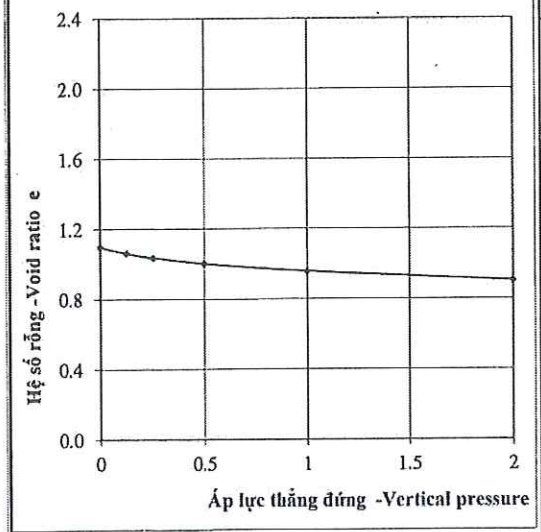
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.2	0.104
0.50	6.6	0.132
1.00	9.3	0.187

Lực dính kết Cohesive: C = 0.077 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction: φ = 6°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle: R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 19

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.097	
0.125	33.3	0.6	32.8	34.3	1.061	0.288
0.25	57.1	1.4	55.7	58.3	1.036	0.201
0.5	88.9	2.5	86.4	90.5	1.002	0.135
1	130.2	3.7	126.5	132.5	0.958	0.088
2	182.3	5.8	176.5	184.9	0.903	0.055
	190.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

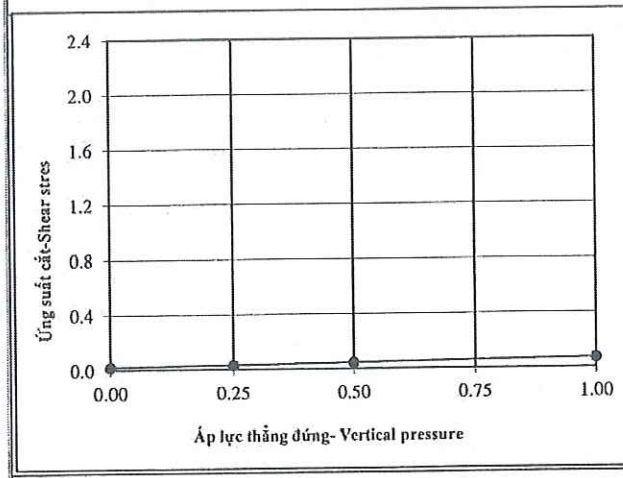
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14969	Số mẫu/Sample (No):	CU5
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	9.3 -10.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



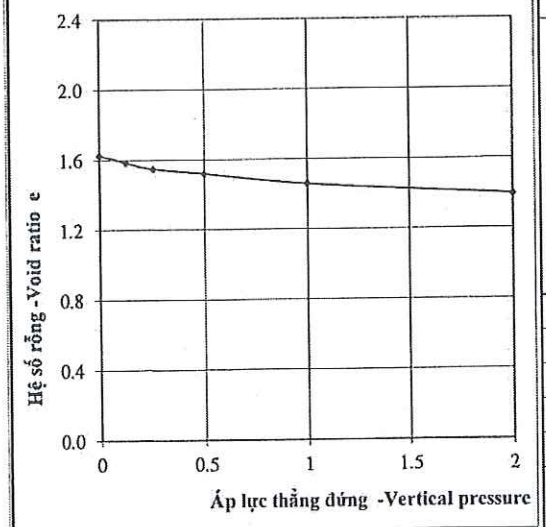
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	1.6	0.031
0.50	2.2	0.044
1.00	3.5	0.070

Lực dính kết Cohesive C = 0.018 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 2°60'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 17

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.625	
0.125	30.5	1.0	29.5	31.0	1.584	0.325
0.25	57.8	2.2	55.6	58.2	1.548	0.286
0.5	80.7	3.7	77.0	80.8	1.519	0.118
1	127.3	6.0	121.3	127.1	1.458	0.122
2	175.5	8.6	166.9	174.9	1.395	0.063
	183.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

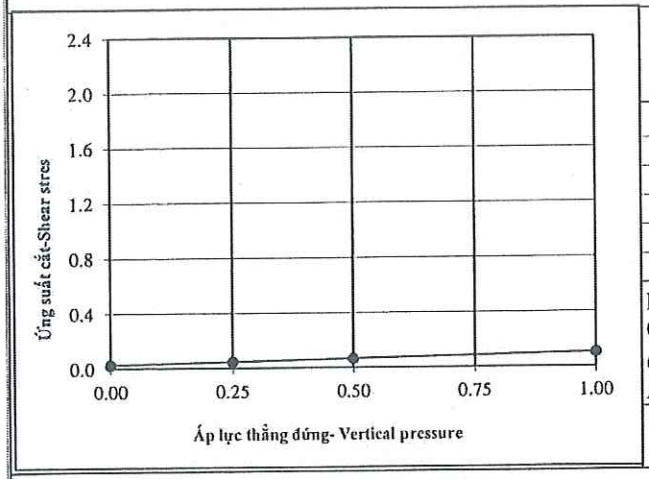
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14970	Số mẫu/Sample (No):	U6
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



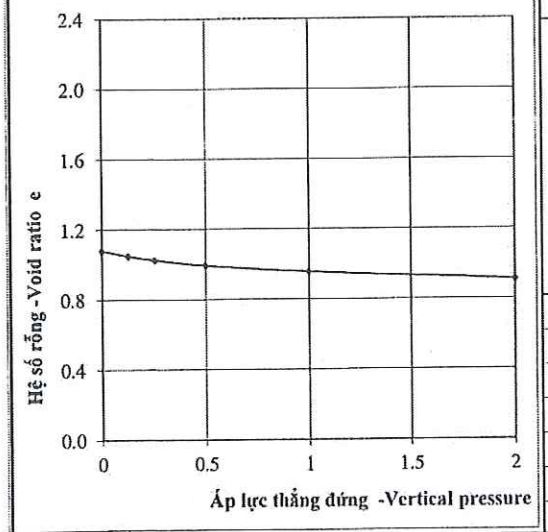
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.2	0.064
1.00	5.1	0.103

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 18

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.078	
0.125	28.9	0.9	28.0	29.3	1.048	0.244
0.25	51.7	2.4	49.3	51.7	1.025	0.186
0.5	82.3	3.8	78.5	82.3	0.993	0.127
1	118.8	6.0	112.9	118.4	0.955	0.075
2	163.4	8.7	154.7	162.3	0.910	0.046
	170.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

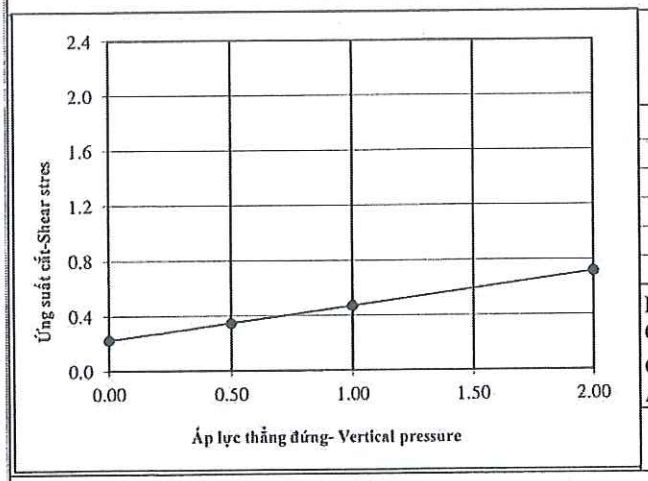
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14955	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	23/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



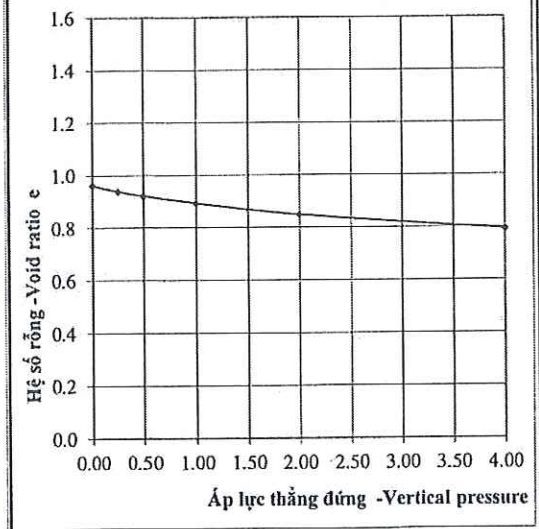
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	17.3	0.345
1.00	23.4	0.468
2.00	35.7	0.714

Lực dính kết Cohesive C = 0.222 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.962	
0.25	24.7	2.1	22.6	23.7	0.939	0.093
0.5	43.5	3.9	39.6	41.5	0.922	0.070
1	72.8	6.6	66.3	69.6	0.894	0.055
2	120.6	10.7	109.9	115.4	0.849	0.045
4	178.2	13.9	164.3	172.5	0.793	0.028
	186.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

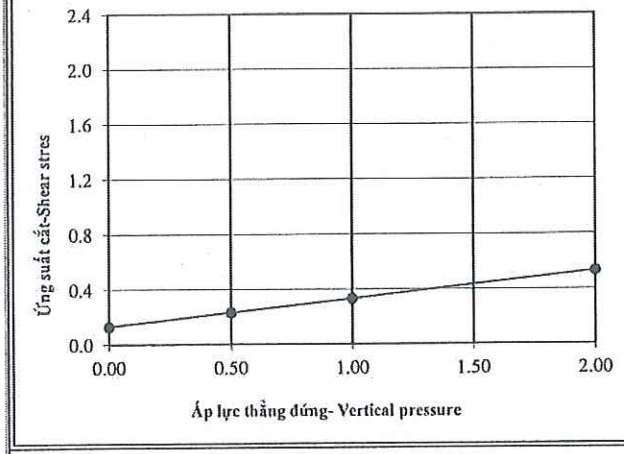
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14972	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



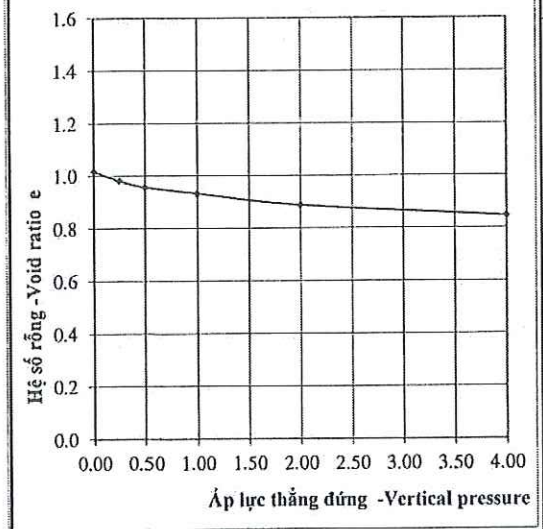
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.5	0.230
1.00	16.5	0.330
2.00	26.5	0.531

Lực dính kết Cohesive C = 0.130 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°20'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 20

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.018	
0.25	36.0	2.0	34.0	35.7	0.982	0.144
0.5	61.0	3.6	57.4	60.2	0.957	0.099
1	86.2	5.8	80.4	84.4	0.933	0.049
2	131.6	8.6	123.0	129.0	0.888	0.045
4	173.8	11.5	162.3	170.3	0.846	0.021
	181.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

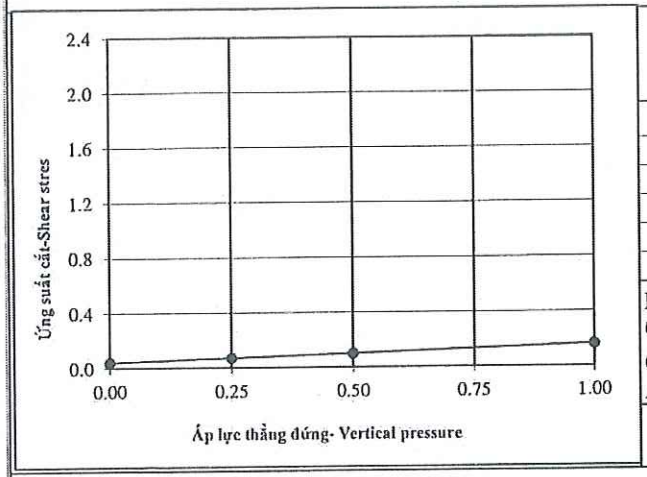
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14973	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



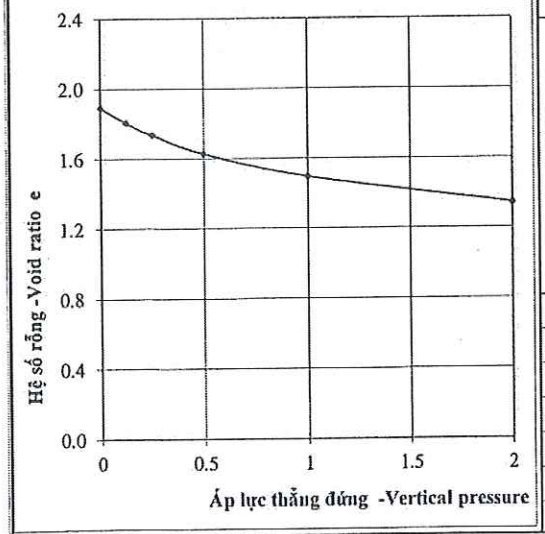
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.5	0.070
0.50	5.0	0.101
1.00	8.1	0.161

Lực dính kết Cohesive C = 0.040 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°54'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 21

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.893	
0.125	58.3	0.6	57.6	60.3	1.805	0.698
0.25	105.5	1.4	104.1	109.0	1.735	0.563
0.5	178.2	2.8	175.4	183.6	1.627	0.432
1	266.0	4.1	261.8	274.1	1.496	0.262
2	369.8	6.4	363.4	380.4	1.342	0.154
	386.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

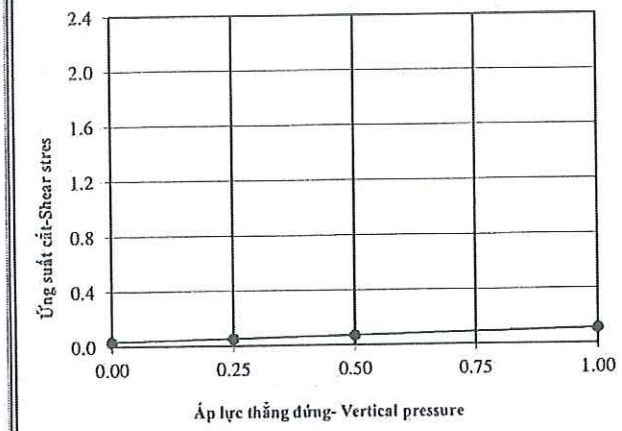
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14974	Số mẫu/Sample (No):	U5
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	7.8 -8.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



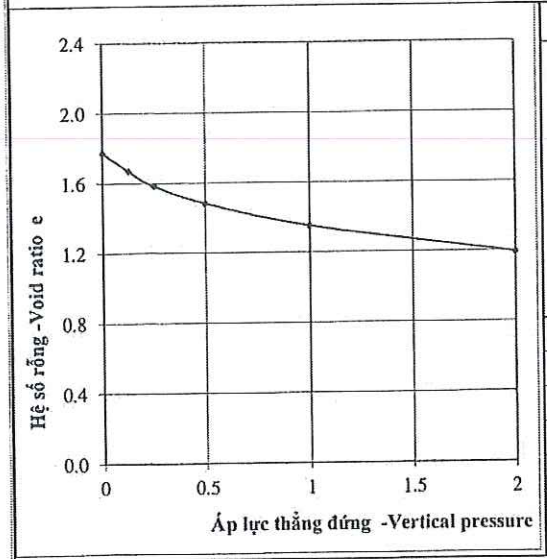
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.6	0.051
0.50	3.5	0.070
1.00	5.4	0.109

Lực dính kết Cohesive C = 0.032 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle
R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 22

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.774	
0.125	72.2	1.2	71.0	74.4	1.671	0.825
0.25	133.3	2.4	130.9	137.1	1.584	0.696
0.5	204.1	4.0	200.2	209.6	1.483	0.402
1	297.5	6.4	291.2	304.9	1.351	0.264
2	409.2	9.5	399.7	418.5	1.193	0.158
	428.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

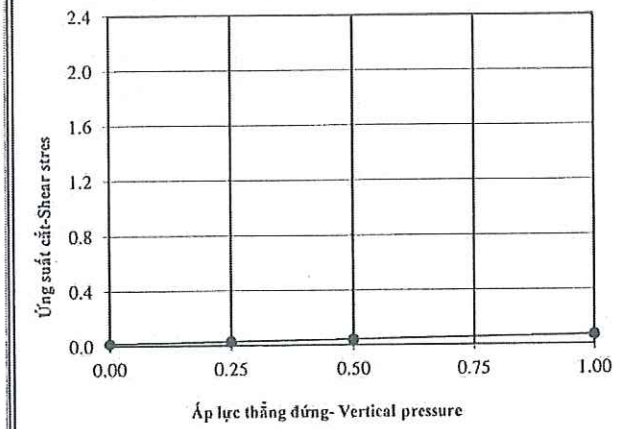
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14975	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



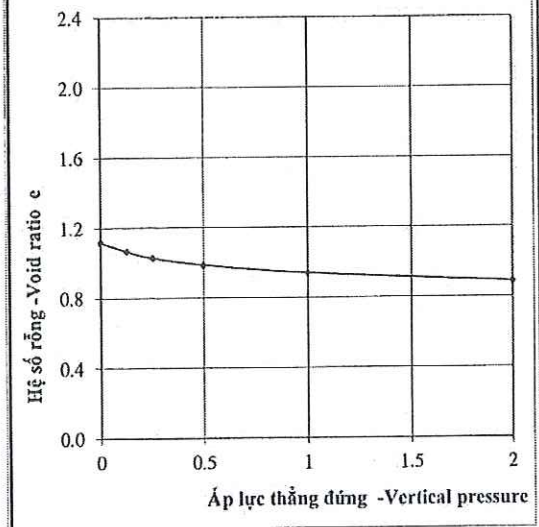
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	1.5	0.029
0.50	2.1	0.042
1.00	3.4	0.068

Lực dính kết Cohesive C = 0.016 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 2°60'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 23

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.117	
0.125	48.5	1.8	46.7	49.0	1.066	0.415
0.25	84.0	3.4	80.5	84.4	1.028	0.300
0.5	122.3	5.6	116.6	122.3	0.988	0.160
1	168.2	8.0	160.2	167.9	0.940	0.097
2	217.9	11.0	206.9	216.9	0.888	0.052
	227.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

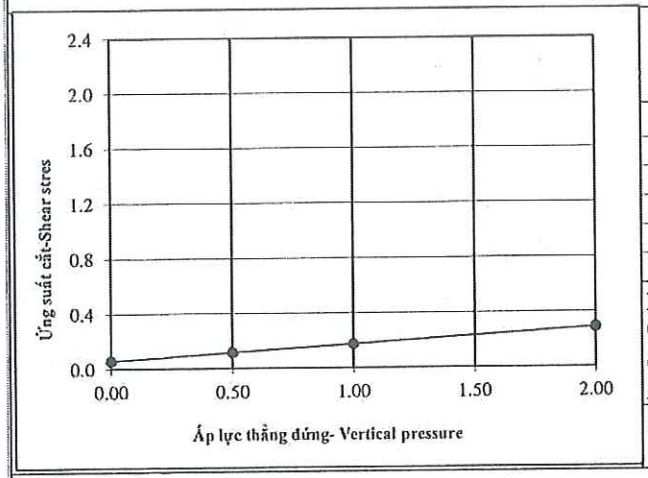
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14976	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



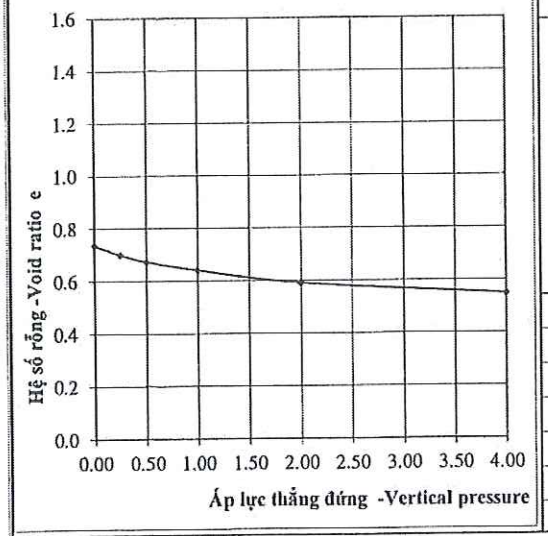
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	5.7	0.115
1.00	8.6	0.173
2.00	14.4	0.288

Lực dính kết Cohesive C = 0.057 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 24

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.736	
0.25	41.7	2.1	39.5	41.5	0.700	0.144
0.5	72.5	4.2	68.3	71.6	0.674	0.105
1	110.6	6.4	104.2	109.3	0.641	0.065
2	169.0	9.9	159.1	166.9	0.591	0.050
4	220.0	13.7	206.4	216.5	0.548	0.022
	230.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

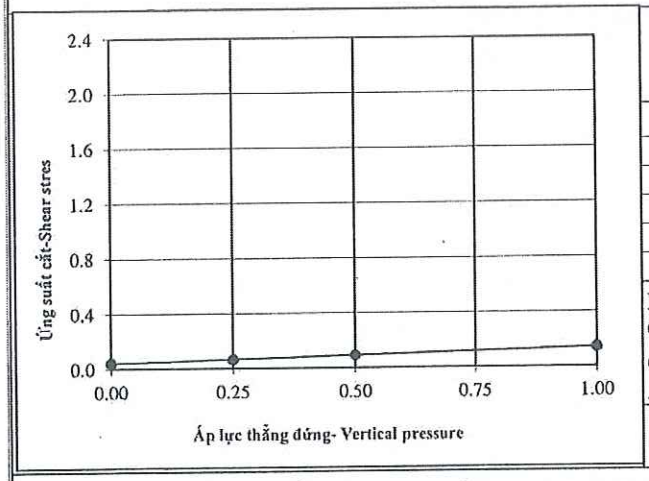
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14977	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK4	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



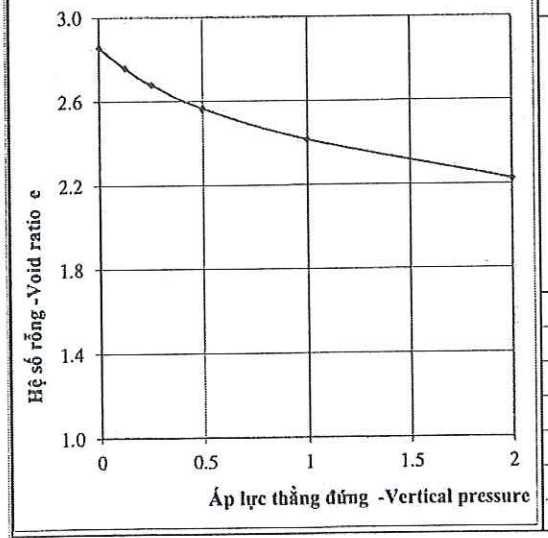
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.3	0.065
0.50	4.5	0.090
1.00	7.0	0.141

Lực dính kết Cohesive C = 0.040 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.857	
0.125	49.4	0.6	48.8	51.1	2.759	0.788
0.25	90.1	2.0	88.1	92.3	2.679	0.636
0.5	147.7	3.3	144.4	151.2	2.565	0.455
1	224.4	5.6	218.8	229.2	2.415	0.301
2	322.0	8.8	313.2	328.0	2.224	0.191
	336.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

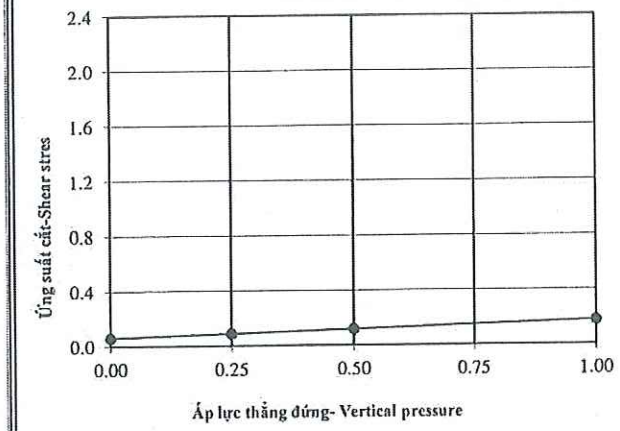
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14978	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK4	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



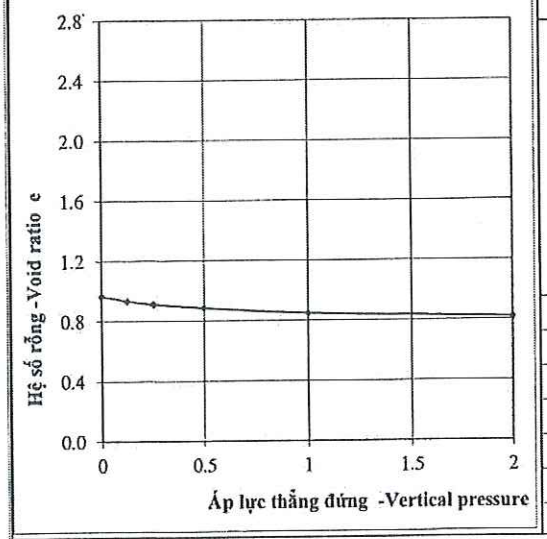
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.4	0.087
0.50	5.8	0.116
1.00	8.7	0.175

Lực dính kết Cohesive C = 0.058 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.965	
0.125	30.4	0.8	29.6	31.0	0.935	0.244
0.25	54.4	1.7	52.7	55.3	0.911	0.191
0.5	80.3	3.5	76.8	80.6	0.886	0.099
1	119.1	5.3	113.8	119.4	0.848	0.076
2	151.2	9.6	141.5	148.5	0.819	0.029
	158.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

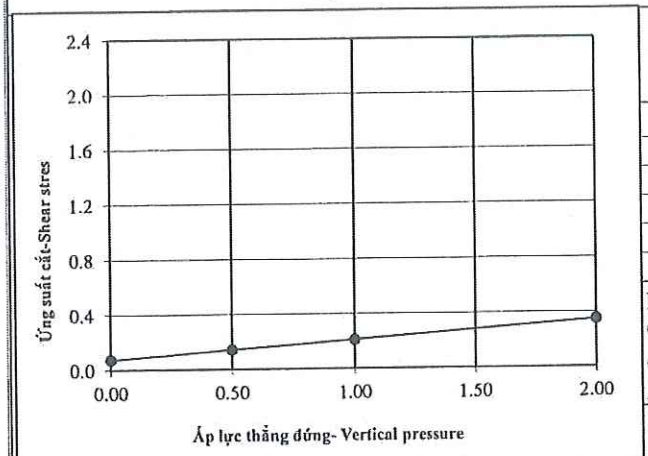
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14979	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



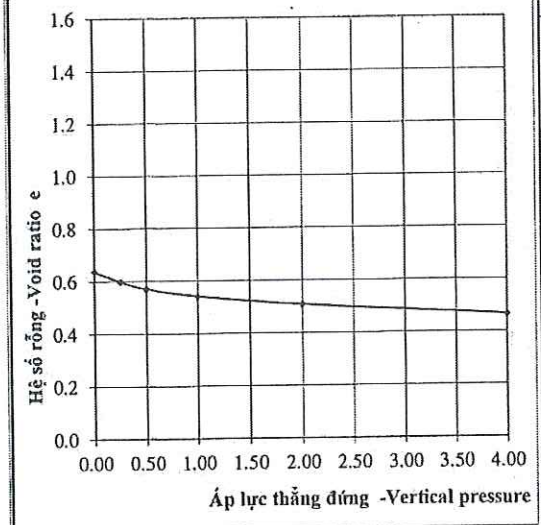
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	7.1	0.141
1.00	10.5	0.210
2.00	17.3	0.347

Lực dính kết Cohesive C = 0.073 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°48'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.637	
0.25	47.1	2.0	45.1	47.3	0.598	0.155
0.5	81.2	3.8	77.4	81.2	0.571	0.111
1	117.4	6.2	111.1	116.6	0.542	0.058
2	160.2	9.6	150.6	158.0	0.508	0.034
4	212.7	12.8	200.0	209.8	0.465	0.021
	222.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Từ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

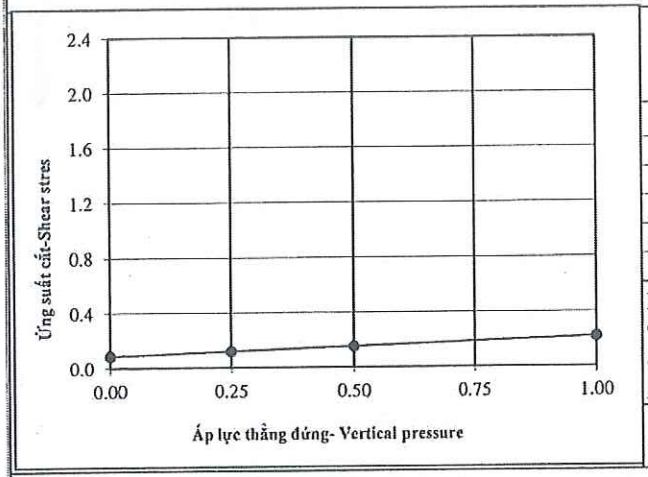
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14980	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



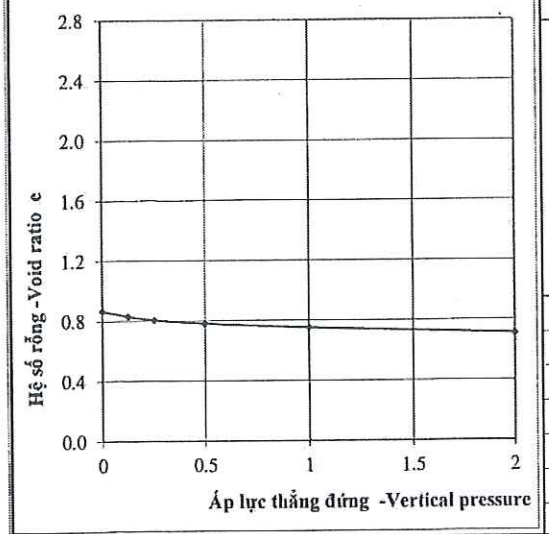
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.9	0.118
0.50	7.6	0.152
1.00	10.9	0.218

Lực dính kết Cohesive C = 0.085 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°35'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.867	
0.125	37.5	0.7	36.8	38.6	0.831	0.288
0.25	64.5	1.6	62.9	65.9	0.805	0.204
0.5	90.2	2.8	87.4	91.6	0.781	0.096
1	121.9	3.8	118.1	123.8	0.751	0.060
2	165.7	6.4	159.3	167.0	0.711	0.040
	173.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

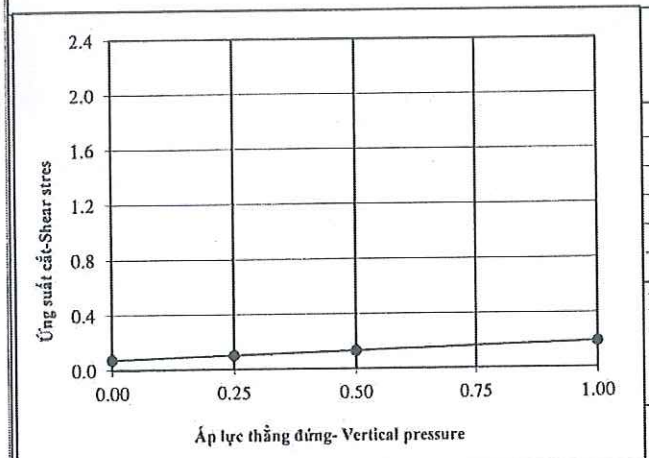
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14981	Số mẫu/Sample (No):	U5
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	7.8 -8.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



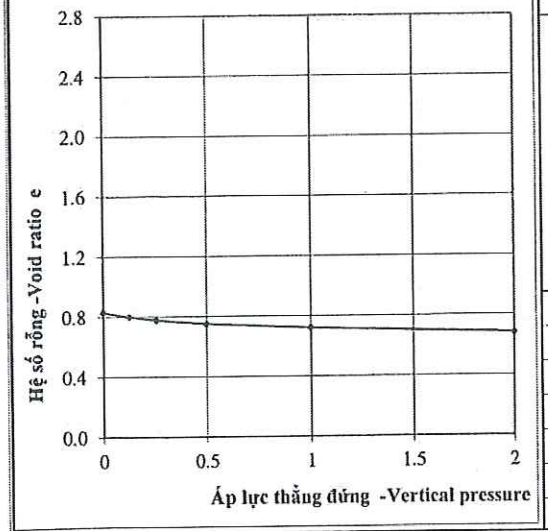
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.1	0.102
0.50	6.6	0.131
1.00	9.5	0.190

Lực dính kết Cohesive C = 0.073 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.830	
0.125	31.3	0.7	30.6	32.1	0.800	0.235
0.25	54.9	1.8	53.1	55.7	0.779	0.173
0.5	83.7	3.1	80.6	84.5	0.752	0.105
1	118.8	5.4	113.4	118.9	0.721	0.063
2	160.9	8.2	152.7	160.1	0.683	0.038
	168.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

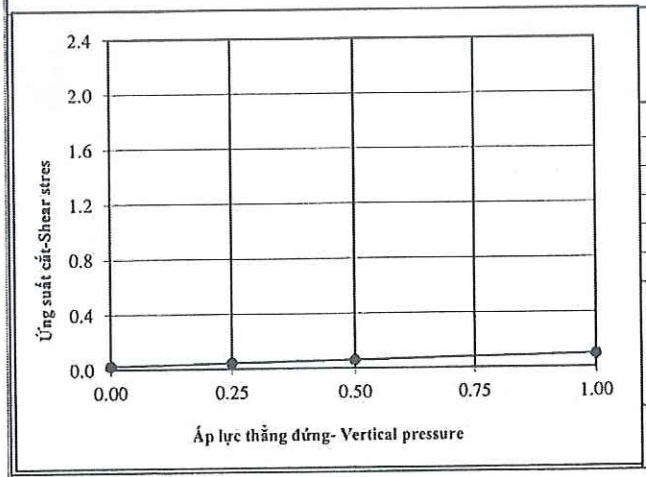
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14982	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



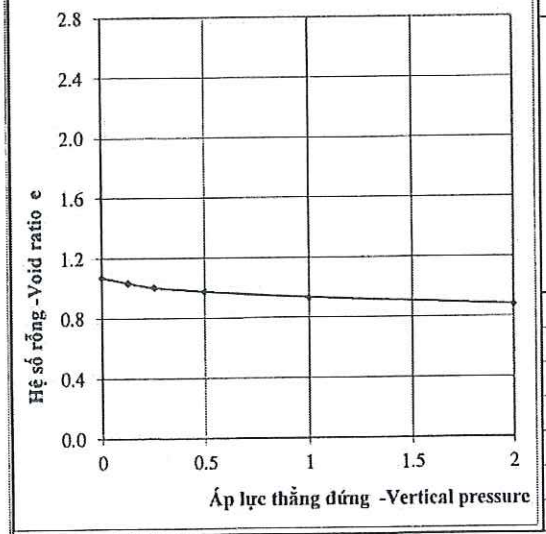
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.1	0.042
0.50	3.0	0.060
1.00	4.8	0.097

Lực dính kết Cohesive C = 0.024 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio c_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.072	
0.125	35.1	0.8	34.3	35.9	1.035	0.298
0.25	64.8	2.1	62.7	65.7	1.004	0.247
0.5	92.8	3.9	88.9	93.2	0.976	0.114
1	133.1	6.6	126.5	132.7	0.935	0.082
2	187.1	10.7	176.4	185.0	0.881	0.054
	195.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

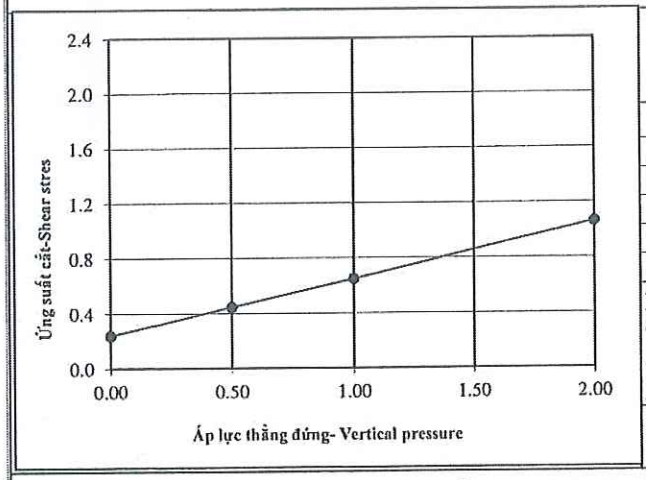
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14983	Số mẫu/Sample (No):	UD10
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



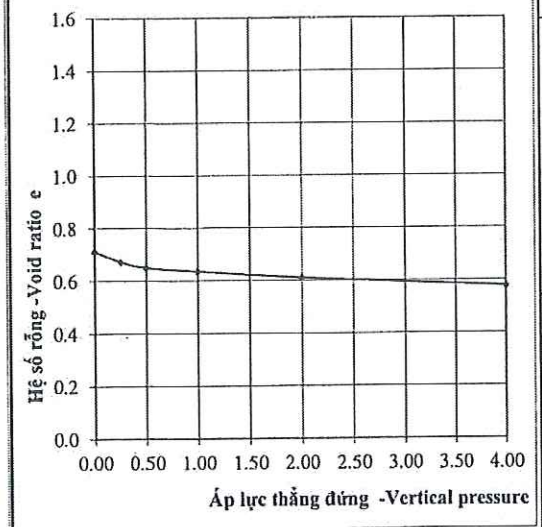
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	22.2	0.444
1.00	32.5	0.649
2.00	53.0	0.1.060

Lực dính kết Cohesive C = 0.238 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 22°21'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 7

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.712	
0.25	44.6	1.7	42.9	45.0	0.673	0.154
0.5	71.4	2.9	68.4	71.8	0.650	0.092
1	89.9	4.8	85.1	89.2	0.635	0.030
2	122.8	10.1	112.6	118.1	0.610	0.025
4	159.8	9.5	150.3	157.7	0.577	0.017
	167.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

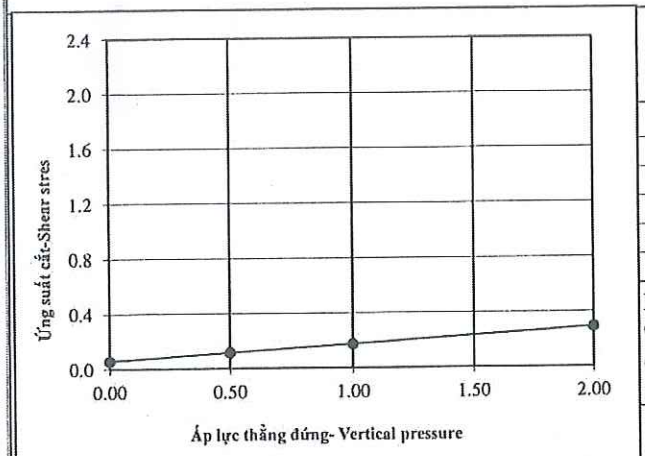
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14984	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.4 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



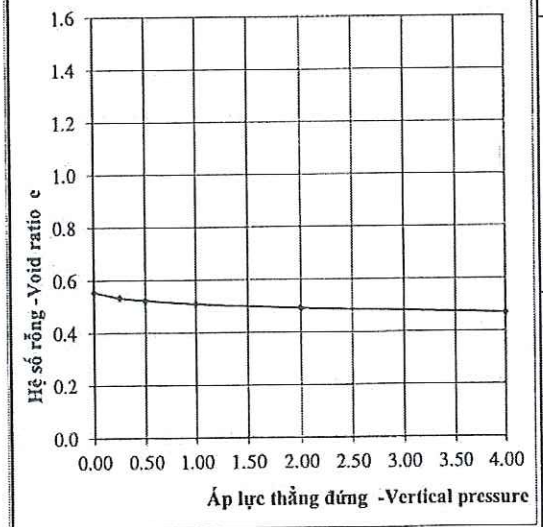
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	5.7	0.114
1.00	8.6	0.173
2.00	14.5	0.290

Lực dính kết Cohesive C = 0.056 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 8

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.556	
0.25	30.5	2.4	28.1	29.5	0.533	0.092
0.5	45.5	4.8	40.6	42.8	0.523	0.041
1	65.0	7.0	57.9	61.0	0.509	0.028
2	89.7	10.9	78.8	82.9	0.492	0.017
4	120.6	15.0	105.6	111.2	0.470	0.011
	126.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

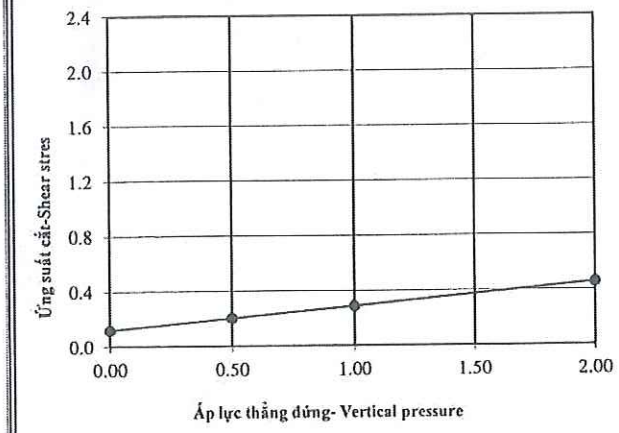
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14985	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



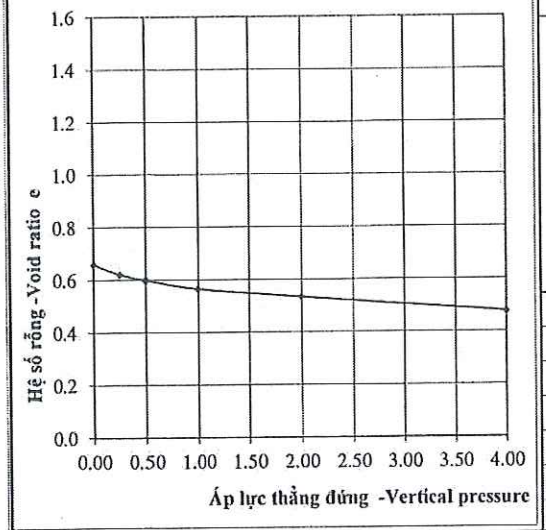
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.1	0.202
1.00	14.3	0.286
2.00	22.8	0.455

Lực dính kết Cohesive C = 0.117 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 9

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.660	
0.25	46.6	2.1	44.5	46.7	0.621	0.155
0.5	74.4	3.4	71.0	74.4	0.598	0.092
1	114.7	5.6	109.2	114.4	0.565	0.066
2	153.7	7.9	145.8	152.9	0.533	0.032
4	220.9	10.5	210.5	220.6	0.477	0.028
	231.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

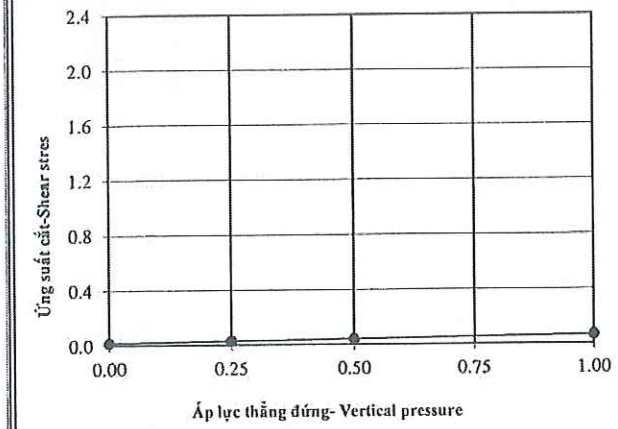
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14986	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.3 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



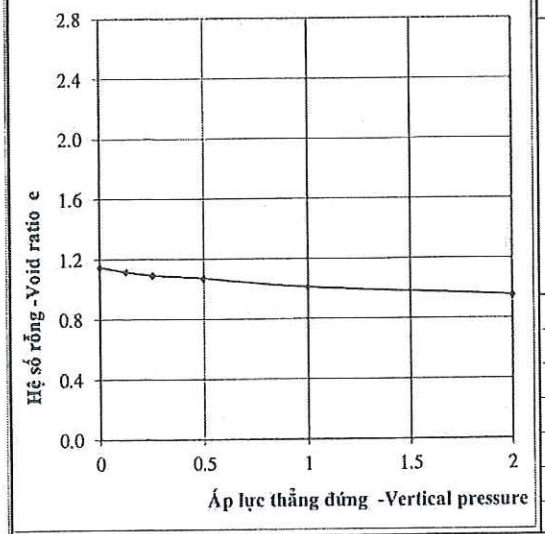
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	1.4	0.028
0.50	2.0	0.040
1.00	3.2	0.064

Lực dính kết Cohesive C = 0.016 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 2°46'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 10

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.149	
0.125	30.1	0.7	29.4	30.8	1.116	0.265
0.25	50.8	1.6	49.2	51.6	1.094	0.178
0.5	73.4	4.2	69.3	72.6	1.071	0.091
1	129.0	6.6	122.4	128.4	1.011	0.120
2	183.8	10.6	173.2	181.7	0.954	0.057
	192.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, L6 BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

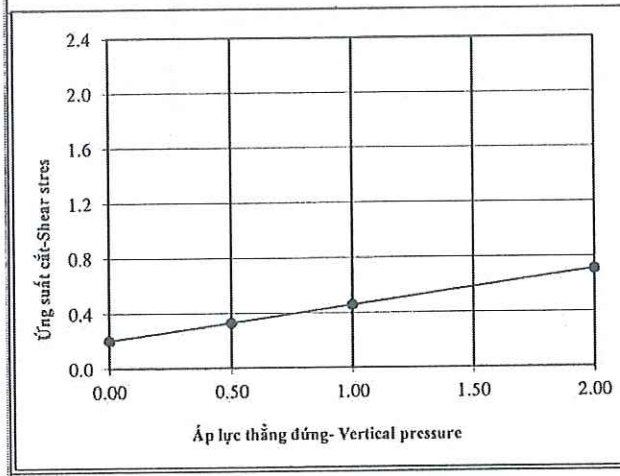
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14987	Số mẫu/Sample (No):	U8
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



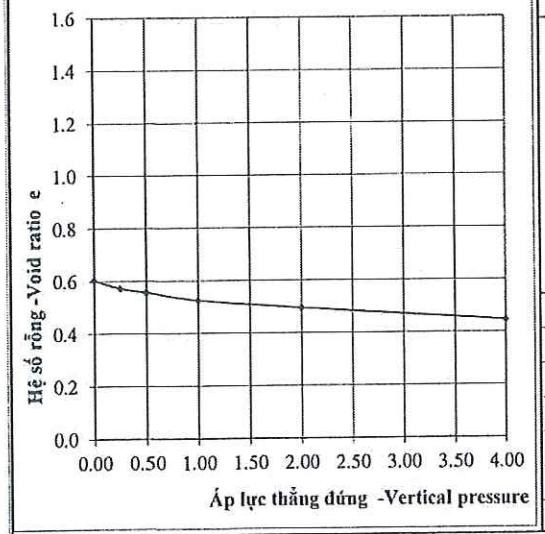
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.4	0.329
1.00	22.8	0.456
2.00	35.5	0.710

Lực dính kết Cohesive C = 0.202 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 14°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 11

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.603	
0.25	38.5	1.7	36.8	38.6	0.572	0.124
0.5	58.0	3.2	54.8	57.5	0.557	0.061
1	98.1	5.4	92.7	97.3	0.525	0.064
2	137.9	9.6	128.4	134.7	0.495	0.030
4	201.5	13.7	187.8	197.1	0.445	0.025
	210.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

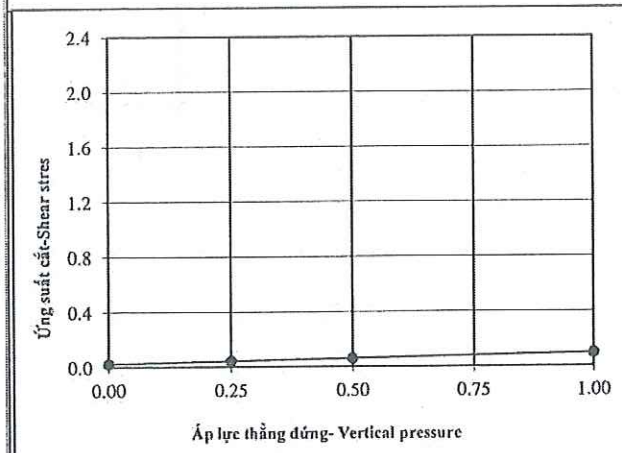
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14988	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



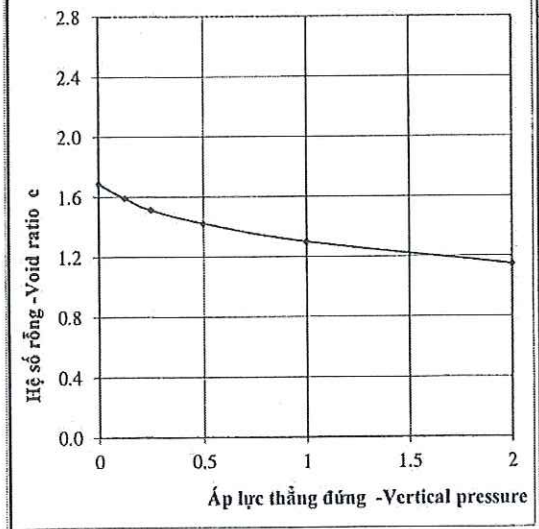
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.1	0.042
0.50	3.0	0.060
1.00	4.8	0.097

Lực dính kết Cohesive C = 0.024 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 12

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.687	
0.125	69.0	1.0	68.0	71.2	1.592	0.765
0.25	126.2	2.1	124.2	130.0	1.513	0.632
0.5	190.8	3.0	187.7	196.5	1.423	0.358
1	280.2	4.3	275.9	288.8	1.299	0.248
2	391.2	6.7	384.5	402.6	1.146	0.153
	409.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

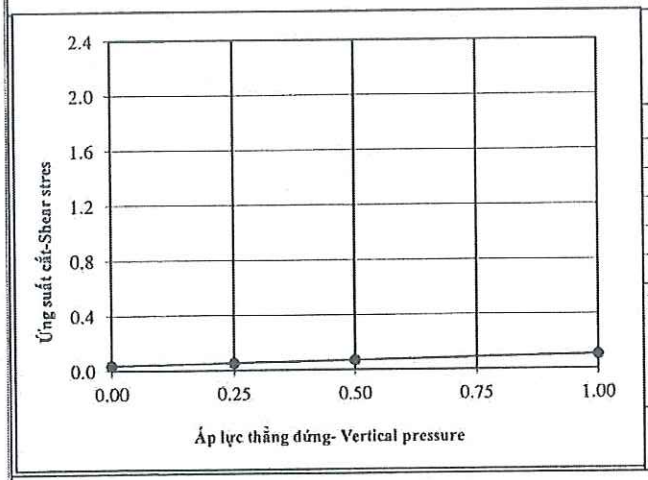
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14989	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.8 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



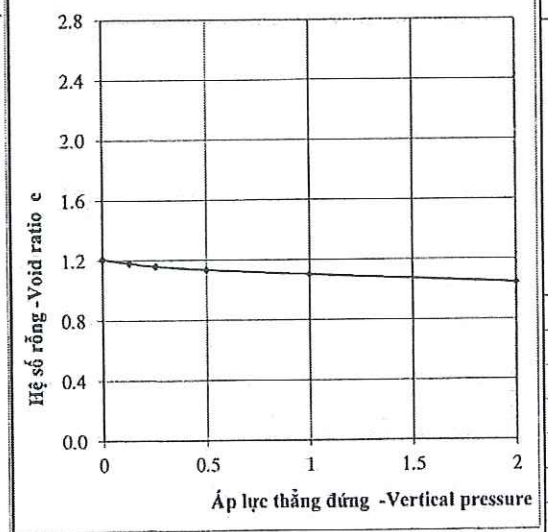
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.7	0.053
0.50	3.5	0.070
1.00	5.2	0.104

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°55'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 13

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.208	
0.125	24.2	1.0	23.2	24.3	1.181	0.215
0.25	43.3	2.2	41.1	43.1	1.161	0.166
0.5	67.0	3.8	63.1	66.2	1.135	0.102
1	97.6	6.0	91.6	96.1	1.102	0.066
2	150.6	8.9	141.7	148.6	1.044	0.058
	157.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

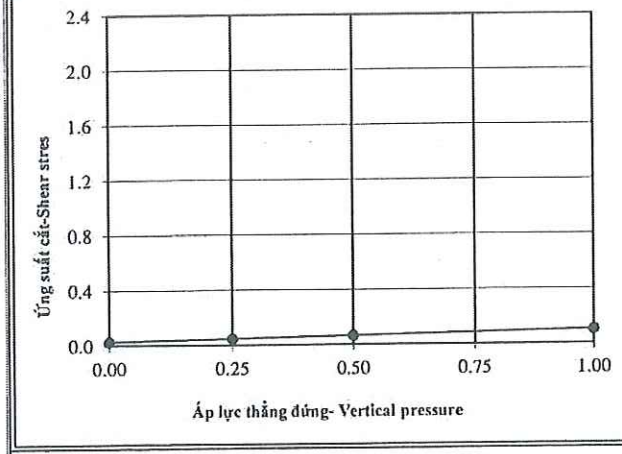
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14990	Số mẫu/Sample (No):	CU5
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	9.2 -10.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



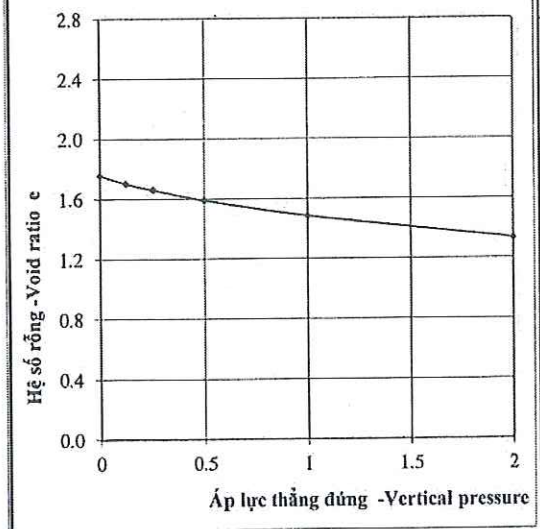
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.2	0.064
1.00	5.1	0.103

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 14

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.757	
0.125	39.4	0.9	38.4	40.3	1.702	0.444
0.25	68.5	1.9	66.6	69.7	1.661	0.325
0.5	119.5	3.0	116.4	121.9	1.589	0.288
1	194.2	5.0	189.2	198.1	1.484	0.210
2	301.2	7.4	293.8	307.6	1.333	0.151
	315.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

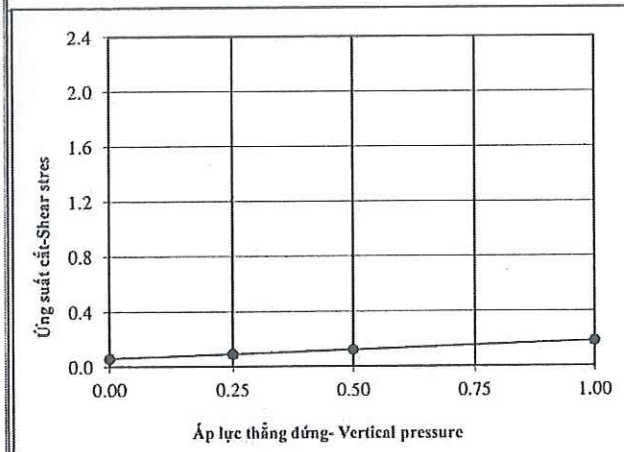
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14991	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.8 -14.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



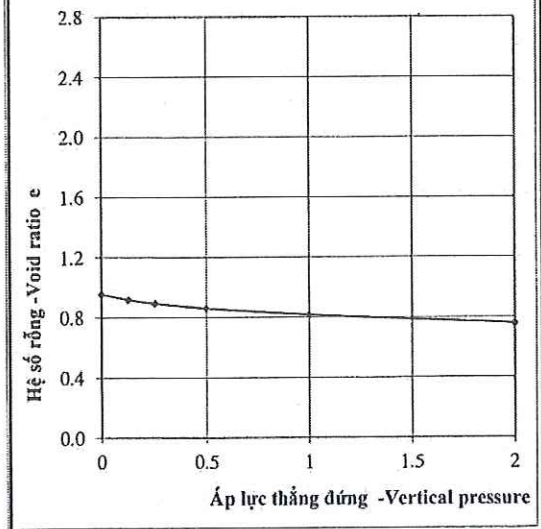
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.5	0.089
0.50	6.0	0.120
1.00	9.1	0.183

Lực dính kết Cohesive C = 0.058 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°07'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 15

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.955	
0.125	36.0	0.8	35.2	36.8	0.919	0.288
0.25	61.4	1.6	59.8	62.7	0.894	0.202
0.5	94.9	2.3	92.6	96.9	0.860	0.134
1	139.2	3.6	135.5	142.0	0.816	0.088
2	199.0	5.8	193.2	202.3	0.757	0.059
	208.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

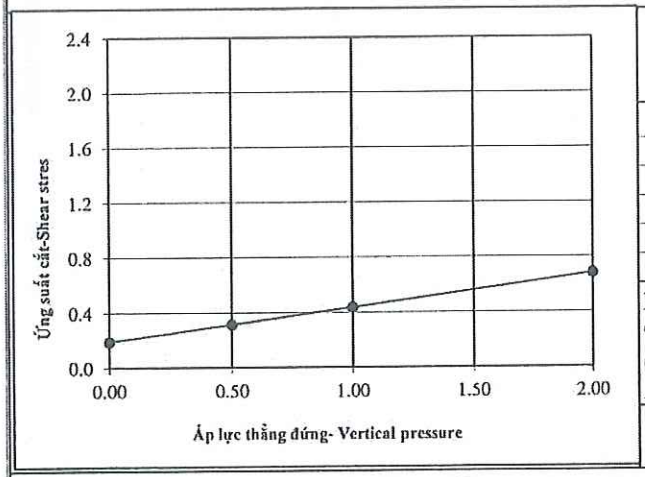
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14992	Số mẫu/Sample (No):	U8
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



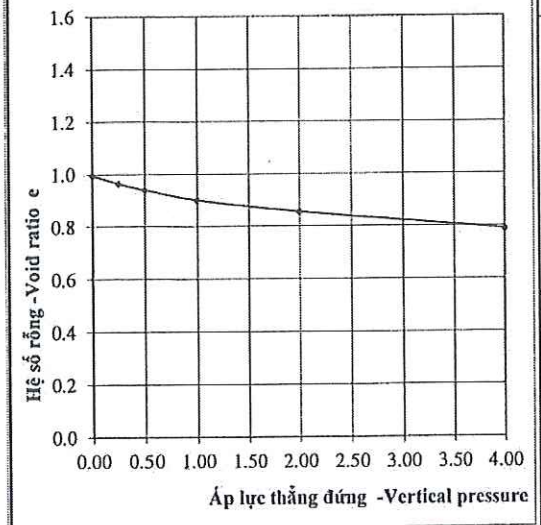
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	15.6	0.312
1.00	21.7	0.435
2.00	34.0	0.681

Lực dính kết Cohesive C = 0.189 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°49'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 16

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.995	
0.25	30.3	1.4	28.9	30.3	0.965	0.121
0.5	55.2	2.6	52.6	55.1	0.940	0.099
1	93.9	4.0	89.9	94.2	0.901	0.078
2	139.1	6.2	132.9	139.4	0.856	0.045
4	205.6	9.5	196.1	205.5	0.790	0.033
	215.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

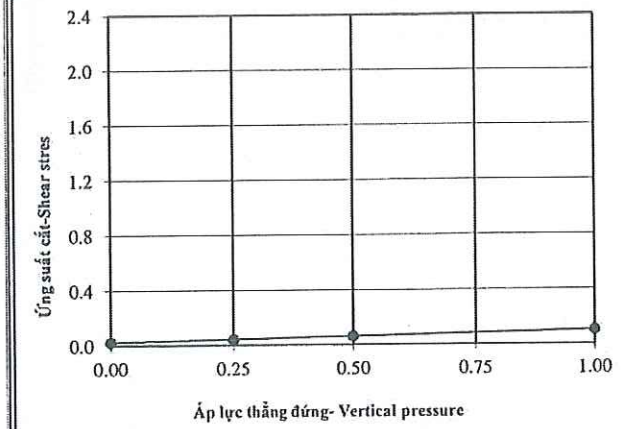
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14993	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



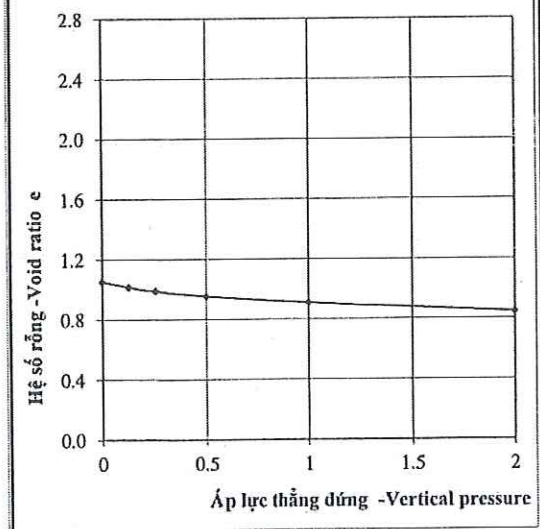
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.2	0.043
0.50	3.1	0.062
1.00	5.0	0.101

Lực dính kết Cohesive C = 0.024 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 17

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.053	
0.125	35.2	1.0	34.3	35.9	1.016	0.295
0.25	62.3	2.2	60.1	63.0	0.988	0.222
0.5	96.5	3.7	92.8	97.3	0.953	0.141
1	139.8	6.0	133.8	140.2	0.909	0.088
2	201.0	8.6	192.3	201.6	0.846	0.063
	210.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

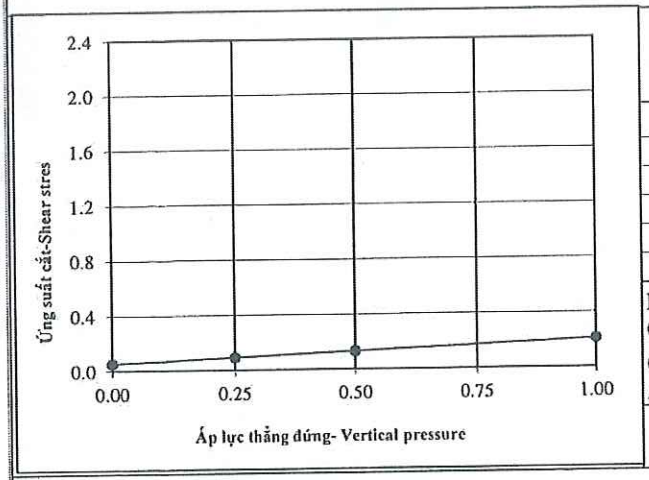
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14994	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



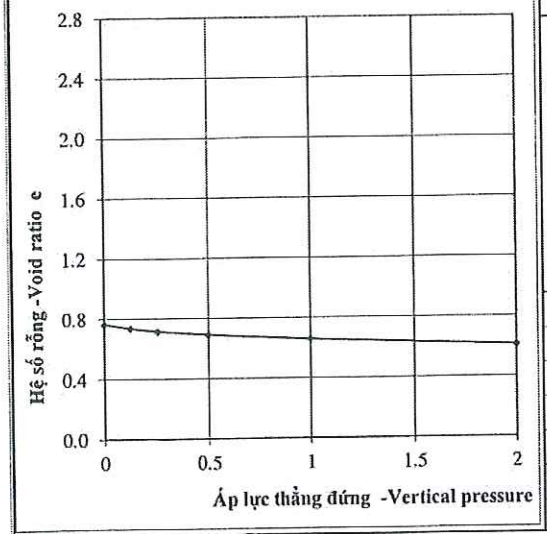
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.6	0.091
0.50	6.5	0.131
1.00	10.5	0.209

Lực dính kết Cohesive C = 0.052 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°56'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 18

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.764	
0.125	30.0	0.9	29.1	30.5	0.737	0.215
0.25	53.7	2.4	51.4	53.8	0.717	0.165
0.5	82.7	3.8	78.9	82.8	0.691	0.102
1	121.7	6.0	115.7	121.3	0.657	0.068
2	176.3	8.7	167.6	175.7	0.609	0.048
	184.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

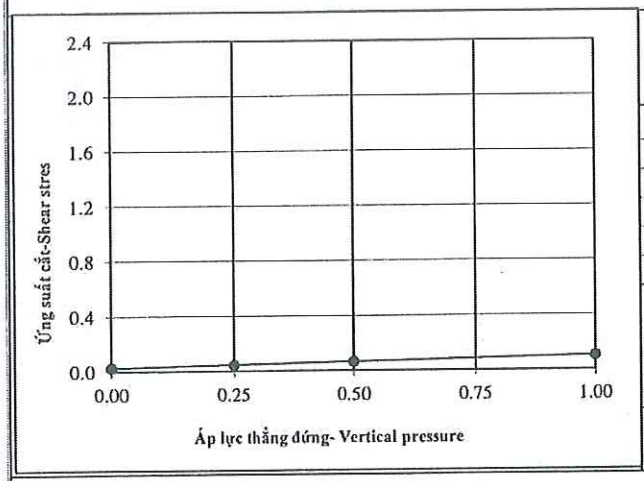
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14995	Số mẫu/Sample (No):	U6
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



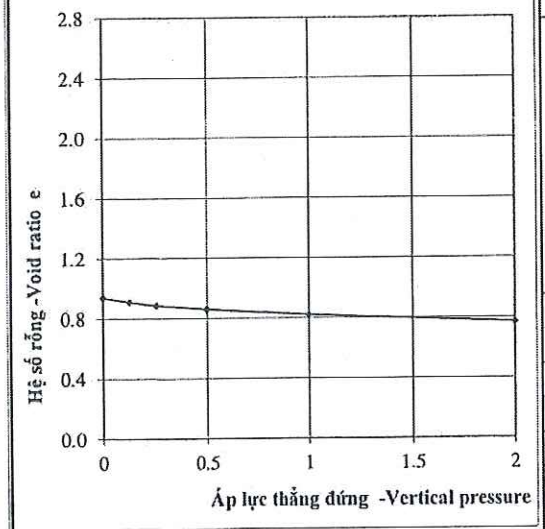
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.2	0.064
1.00	5.1	0.103

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 19

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.940	
0.125	29.1	0.6	28.5	29.9	0.911	0.232
0.25	53.1	1.4	51.7	54.1	0.887	0.188
0.5	80.2	2.5	77.8	81.5	0.861	0.106
1	119.4	3.7	115.7	121.2	0.822	0.077
2	173.6	5.8	167.8	175.8	0.769	0.053
	181.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

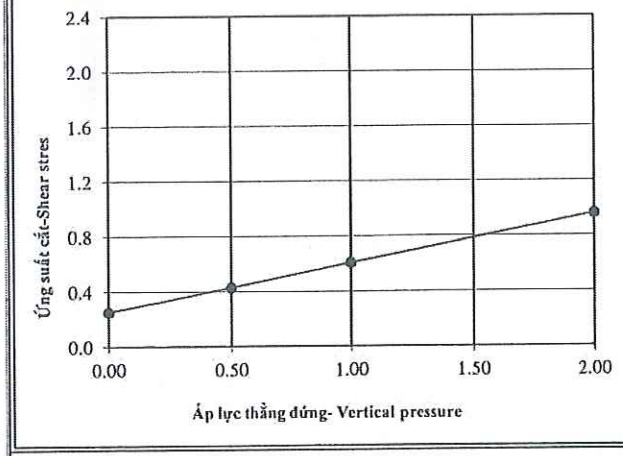
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14996	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



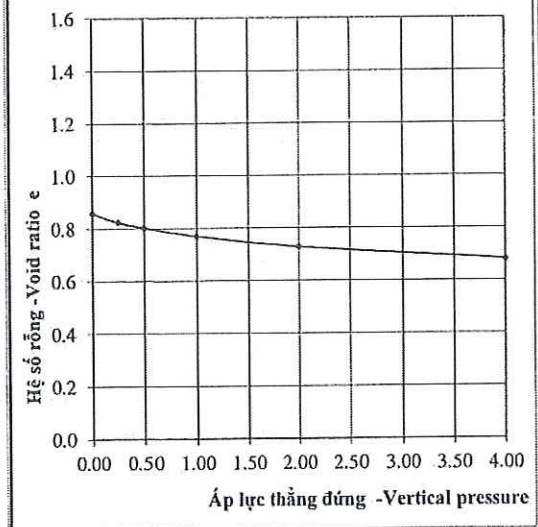
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	21.4	0.427
1.00	30.2	0.605
2.00	48.0	0.960

Lực dính kết Cohesive C = 0.250 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 19°32'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 20

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_{in} 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.858	
0.25	36.7	2.0	34.6	36.3	0.824	0.135
0.5	60.8	3.6	57.2	60.0	0.802	0.088
1	96.3	5.8	90.6	95.0	0.770	0.065
2	141.3	8.6	132.7	139.1	0.729	0.041
4	193.4	11.5	181.9	190.8	0.681	0.024
	202.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

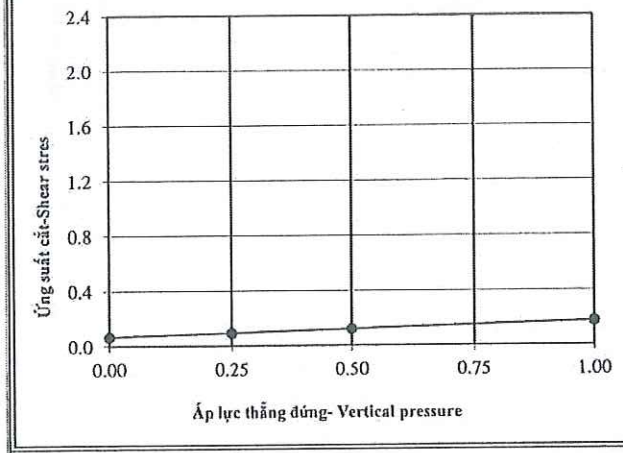
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14997	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



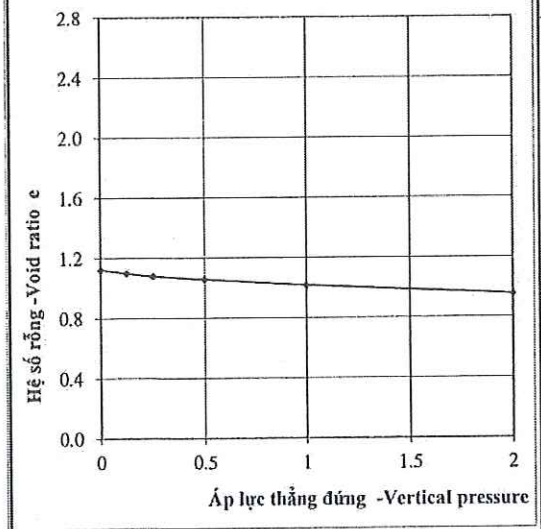
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.6	0.092
0.50	6.0	0.120
1.00	8.7	0.175

Lực dính kết Cohesive C = 0.065 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 21

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.122	
0.125	22.9	0.6	22.3	23.3	1.097	0.198
0.25	39.6	1.4	38.2	40.1	1.080	0.142
0.5	62.4	2.8	59.6	62.4	1.056	0.095
1	99.2	4.1	95.1	99.7	1.016	0.079
2	157.3	6.4	150.9	158.1	0.954	0.062
	164.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

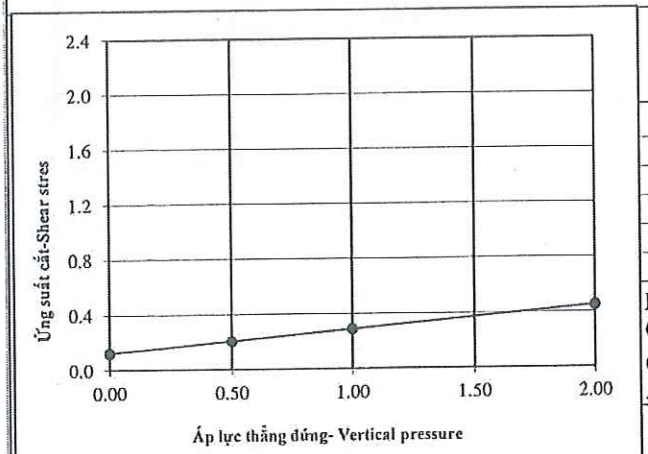
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14998	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



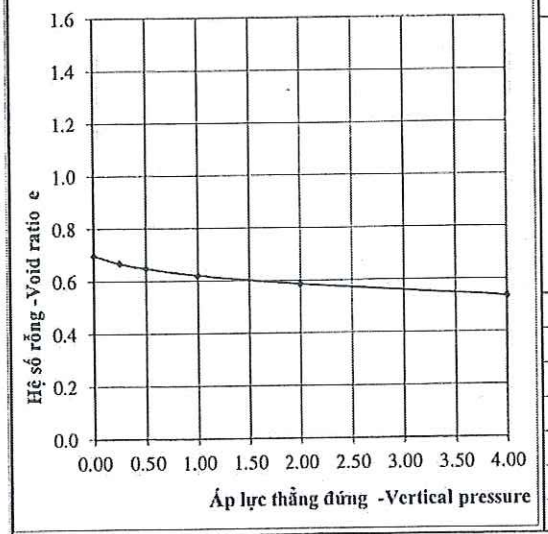
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.2	0.204
1.00	14.3	0.286
2.00	22.6	0.452

Lực dính kết Cohesive C = 0.121 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 22

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.698	
0.25	36.6	2.4	34.2	35.9	0.668	0.122
0.5	60.1	4.0	56.1	58.9	0.648	0.078
1	93.3	6.4	87.0	91.3	0.621	0.055
2	135.8	9.5	126.3	132.5	0.586	0.035
4	195.8	13.5	182.4	191.4	0.536	0.025
	204.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

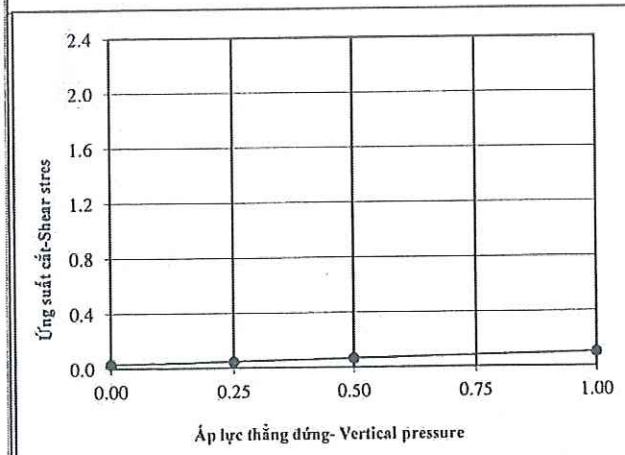
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14999	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



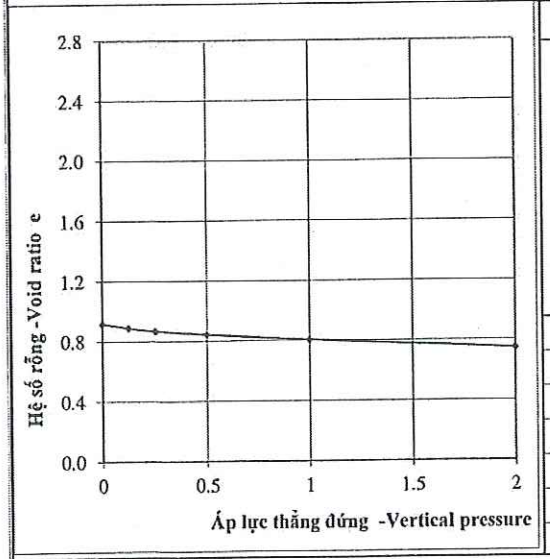
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.046
0.50	3.2	0.064
1.00	5.0	0.101

Lực dính kết Cohesive C = 0.028 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 23

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.918	
0.125	31.0	1.8	29.2	30.6	0.888	0.235
0.25	52.5	3.4	49.1	51.5	0.868	0.160
0.5	80.1	5.6	74.4	78.1	0.843	0.102
1	119.8	8.0	111.7	117.2	0.805	0.075
2	182.4	11.0	171.4	179.8	0.745	0.060
	190.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

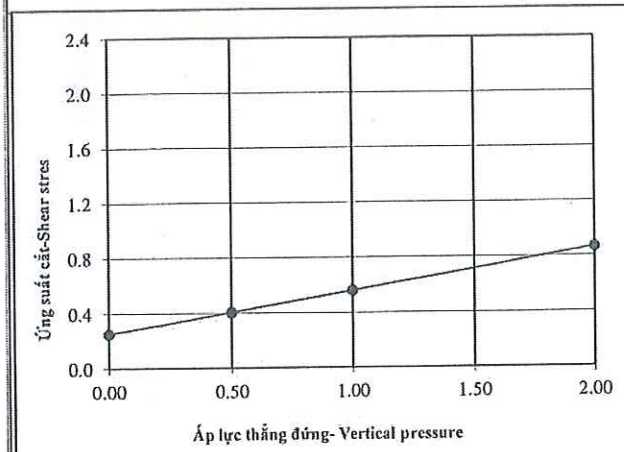
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15000	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



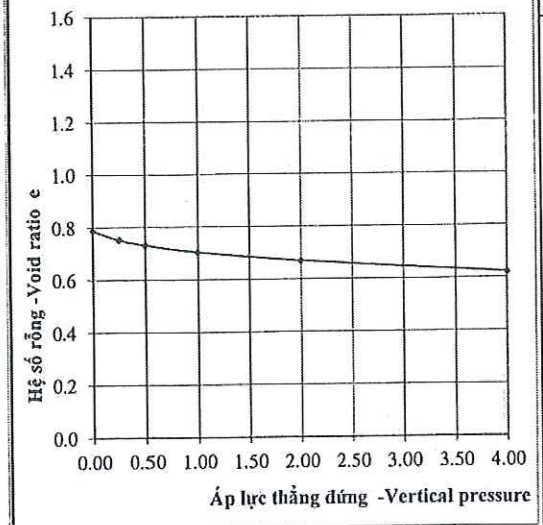
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	20.2	0.404
1.00	27.9	0.558
2.00	43.3	0.866

Lực dính kết Cohesive C = 0.250 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 17°07'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 24

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.787	
0.25	39.7	2.1	37.6	39.4	0.752	0.141
0.5	63.6	4.2	59.4	62.4	0.732	0.082
1	95.2	6.4	88.8	93.2	0.704	0.055
2	134.9	9.9	125.0	131.2	0.670	0.034
4	189.8	13.7	176.2	184.9	0.622	0.024
	198.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

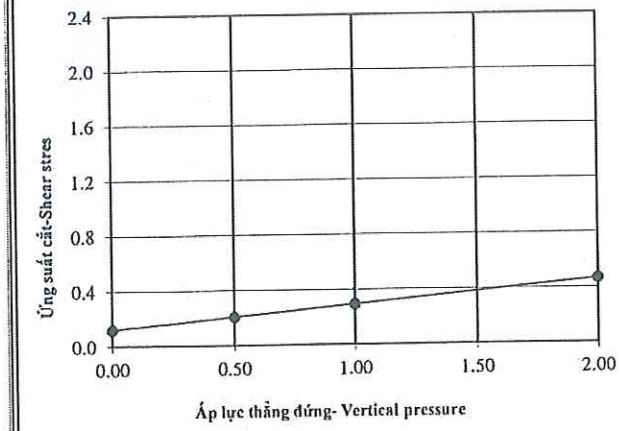
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14902	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



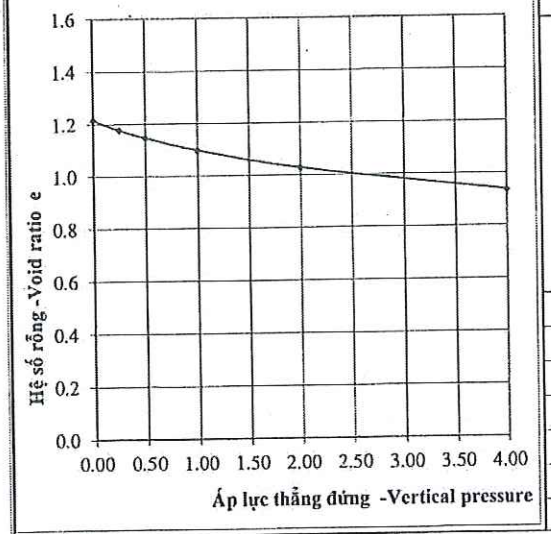
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.3	0.206
1.00	14.6	0.292
2.00	23.3	0.466

Lực dính kết Cohesive C = 0.119 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.215	
0.25	34.8	1.7	33.2	34.8	1.177	0.154
0.5	62.1	3.5	58.6	61.4	1.147	0.118
1	105.6	5.3	100.3	105.1	1.099	0.097
2	170.3	9.6	160.7	168.5	1.028	0.070
4	252.8	12.9	239.8	251.5	0.937	0.046
	264.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

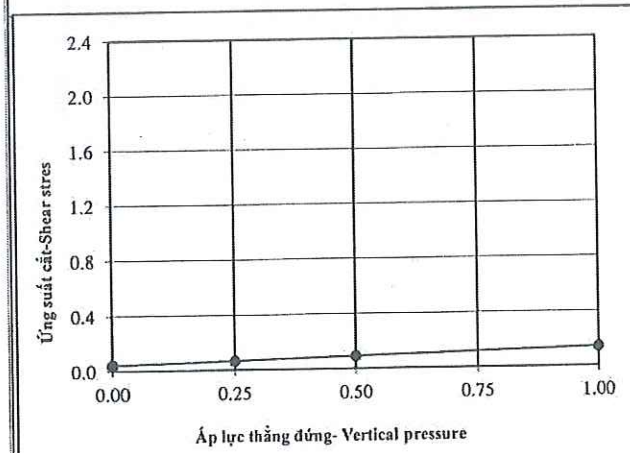
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14903	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



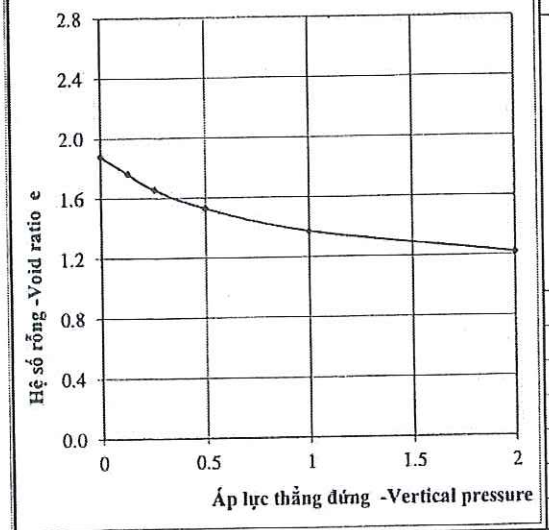
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.3	0.065
0.50	4.5	0.090
1.00	7.0	0.141

Lực dính kết Cohesive C = 0.040 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.880	
0.125	77.4	0.7	76.7	80.3	1.764	0.925
0.25	149.4	2.0	147.4	154.3	1.658	0.853
0.5	236.8	3.8	233.0	244.0	1.529	0.516
1	343.6	6.2	337.4	353.2	1.371	0.315
2	447.7	9.6	438.2	458.8	1.219	0.152
	468.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

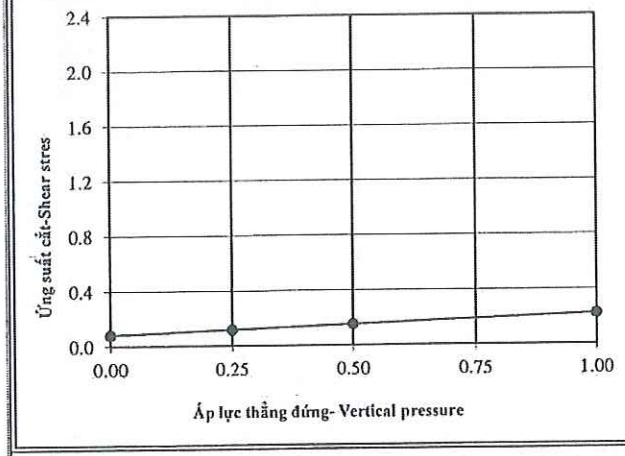
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14904	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



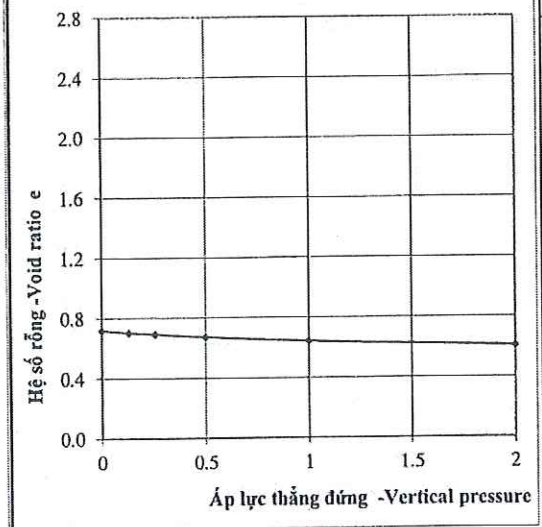
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.8	0.116
0.50	7.6	0.152
1.00	11.1	0.222

Lực dính kết Cohesive C = 0.081 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°02'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle
R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.718	
0.125	17.9	0.7	17.2	18.0	0.703	0.124
0.25	31.0	1.6	29.4	30.8	0.692	0.088
0.5	54.4	2.8	51.5	54.0	0.672	0.080
1	88.8	3.8	85.1	89.2	0.642	0.060
2	131.5	6.4	125.1	131.1	0.606	0.036
	137.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

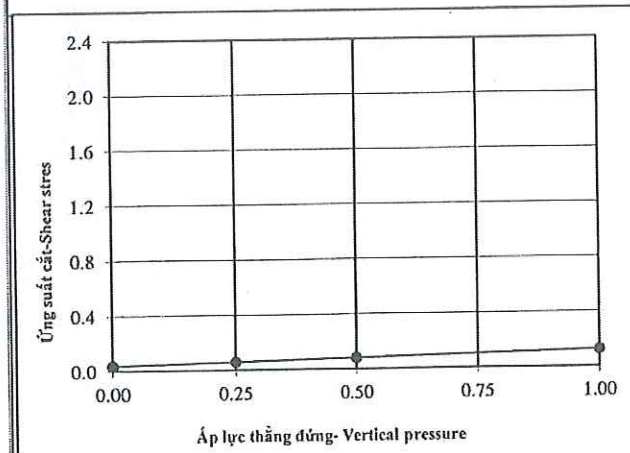
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14905	Số mẫu/Sample (No):	CU8
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.2 -14.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



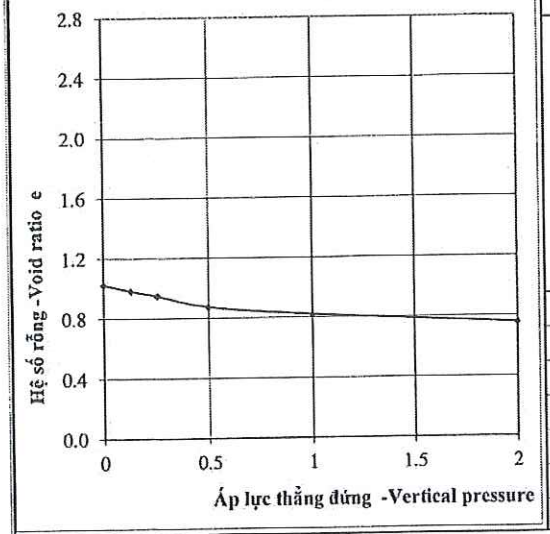
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.9	0.058
0.50	4.0	0.080
1.00	6.2	0.125

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°04'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.024	
0.125	39.0	0.7	38.3	40.1	0.983	0.325
0.25	72.6	1.8	70.8	74.1	0.949	0.275
0.5	145.0	3.1	141.9	148.6	0.874	0.301
1	196.9	5.4	191.5	200.6	0.821	0.105
2	263.1	8.2	254.9	267.0	0.754	0.067
	275.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

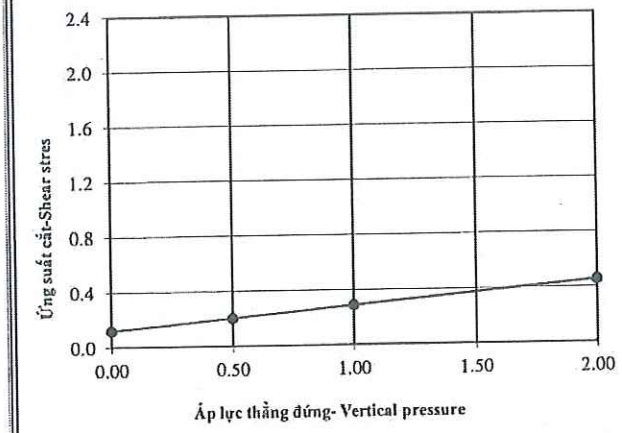
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14906	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



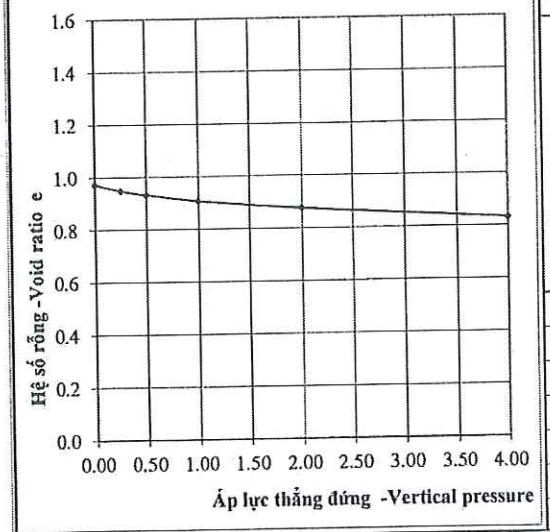
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.1	0.202
1.00	14.3	0.286
2.00	22.8	0.455

Lực dính kết Cohesive C = 0.117 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.972	
0.25	25.1	2.1	23.0	24.1	0.948	0.095
0.5	42.2	3.9	38.3	40.2	0.932	0.063
1	69.3	6.6	62.7	65.9	0.907	0.051
2	103.4	10.7	92.7	97.5	0.876	0.031
4	149.1	13.9	135.2	142.1	0.832	0.022
	156.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

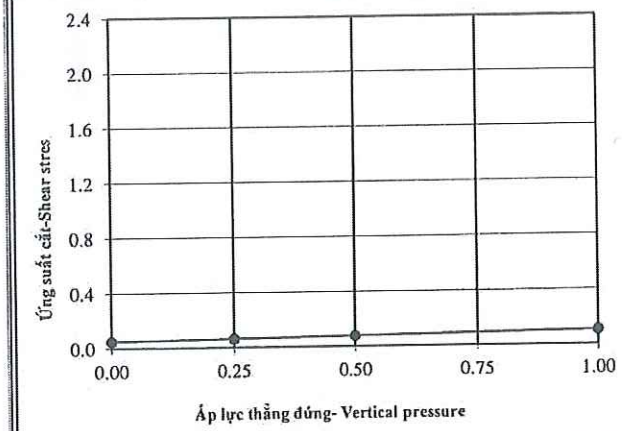
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14907	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.8 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



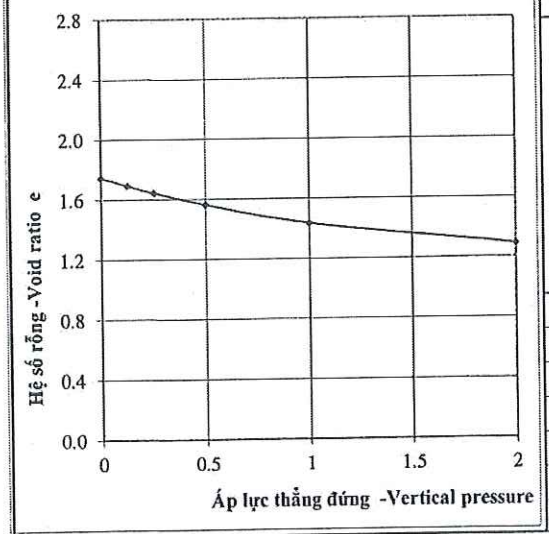
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.1	0.062
0.50	3.8	0.076
1.00	5.2	0.104

Lực dính kết Cohesive C = 0.048 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°14'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 7

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.746	
0.125	37.7	0.8	36.9	38.7	1.693	0.425
0.25	72.2	1.7	70.5	73.9	1.645	0.386
0.5	130.1	2.9	127.2	133.2	1.563	0.326
1	221.5	4.8	216.7	227.0	1.435	0.257
2	327.3	10.1	317.2	332.2	1.290	0.145
	342.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

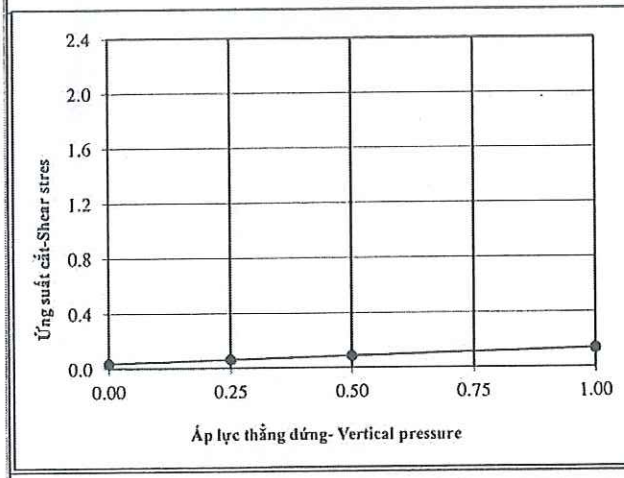
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14901	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



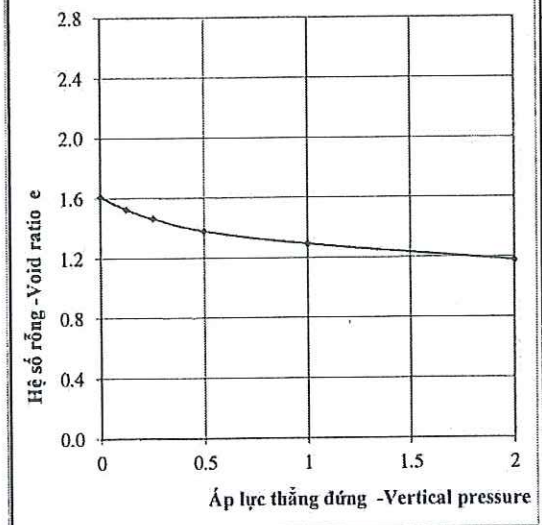
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.1	0.061
0.50	4.3	0.086
1.00	6.8	0.137

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.609	
0.125	61.5	0.6	60.9	63.8	1.526	0.666
0.25	108.7	2.0	106.7	111.7	1.463	0.500
0.5	172.1	3.3	168.8	176.8	1.379	0.339
1	238.6	5.6	233.0	244.0	1.291	0.175
2	324.8	8.8	316.0	331.0	1.177	0.113
	339.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

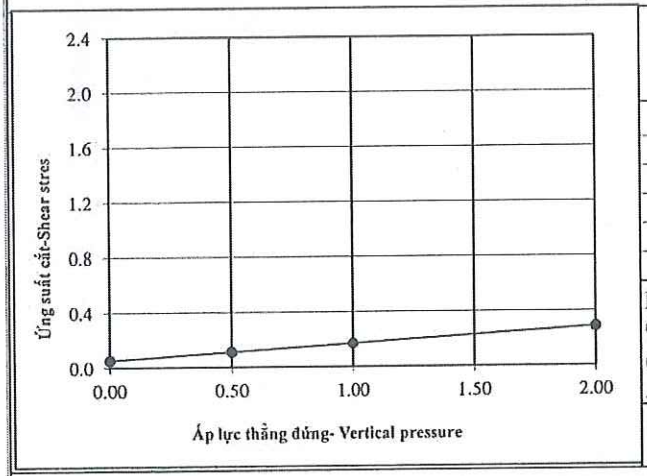
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14908	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



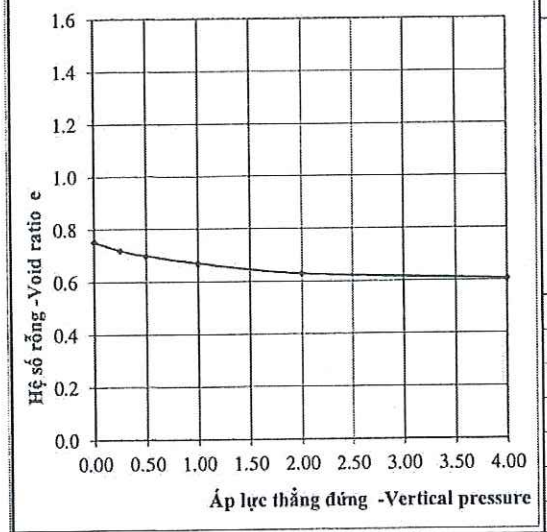
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	5.5	0.110
1.00	8.4	0.169
2.00	14.3	0.286

Lực dính kết Cohesive C = 0.052 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 8

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.753	
0.25	39.1	2.4	36.7	38.5	0.719	0.135
0.5	63.3	4.8	58.5	61.4	0.699	0.080
1	96.9	7.0	89.9	94.4	0.670	0.058
2	145.7	10.9	134.8	141.5	0.629	0.041
4	174.4	15.0	159.4	167.4	0.606	0.011
	182.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

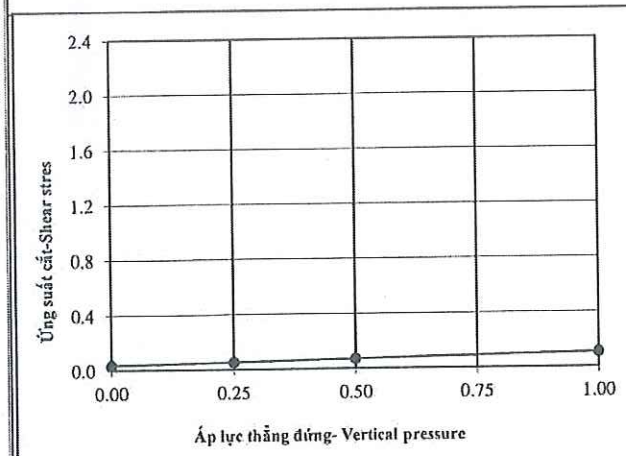
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14909	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



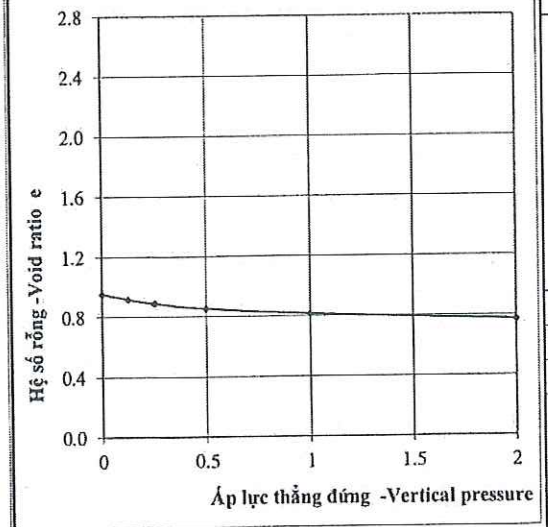
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.6	0.052
0.50	3.5	0.070
1.00	5.3	0.107

Lực dính kết Cohesive C = 0.034 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 9

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.954	
0.125	37.8	0.9	36.9	38.6	0.917	0.302
0.25	66.4	2.1	64.4	67.5	0.888	0.225
0.5	102.9	3.4	99.5	104.3	0.852	0.144
1	141.6	5.6	136.0	142.6	0.815	0.075
2	187.9	7.9	180.0	188.6	0.770	0.045
	196.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 59

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

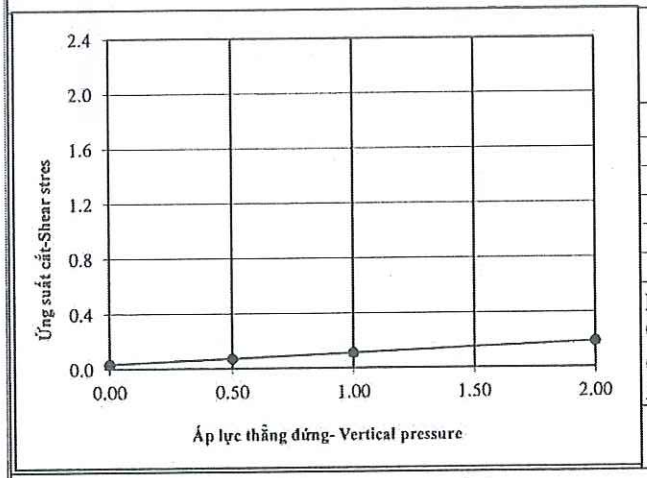
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14910	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.8 -14.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



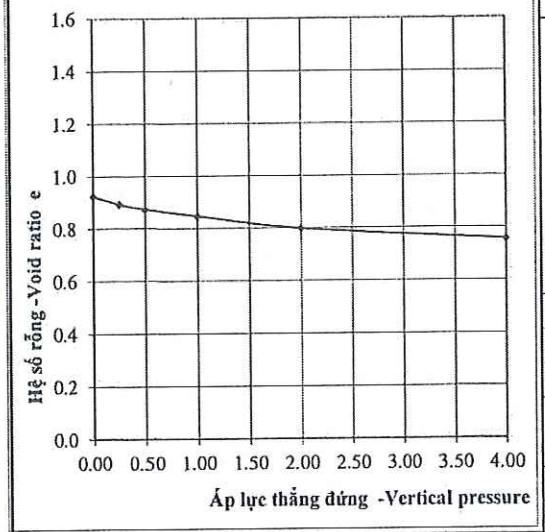
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	3.6	0.072
1.00	5.5	0.111
2.00	9.4	0.187

Lực dính kết Cohesive C = 0.034 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 10

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.924	
0.25	31.8	1.6	30.2	31.7	0.893	0.122
0.5	54.1	4.2	49.9	52.4	0.874	0.080
1	82.7	6.6	76.1	79.9	0.847	0.053
2	134.1	10.6	123.5	129.7	0.799	0.048
4	181.0	15.0	166.0	174.3	0.756	0.021
	189.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

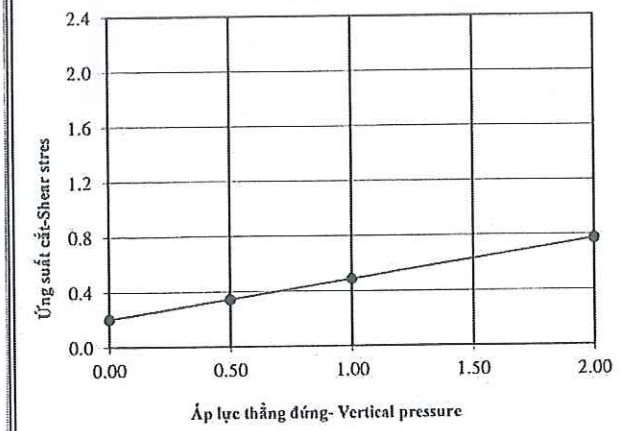
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14911	Số mẫu/Sample (No):	U6
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



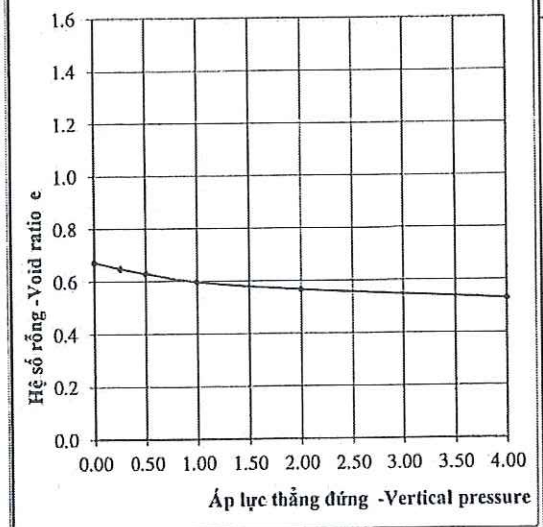
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	17.2	0.345
1.00	24.4	0.487
2.00	38.6	0.773

Lực dính kết Cohesive C = 0.202 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 15°56'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 11

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.673	
0.25	28.8	1.7	27.0	28.4	0.650	0.095
0.5	52.1	3.2	49.0	51.4	0.630	0.077
1	92.0	5.4	86.6	90.9	0.597	0.066
2	130.8	9.6	121.2	127.3	0.567	0.030
4	177.7	13.7	164.0	172.2	0.529	0.019
	185.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

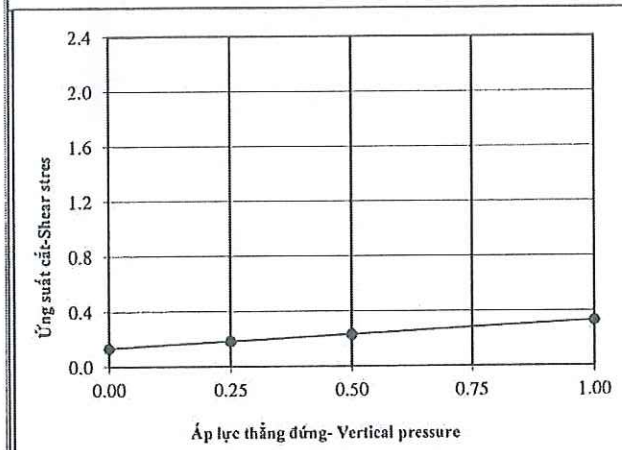
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14912	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	35.8 -36.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



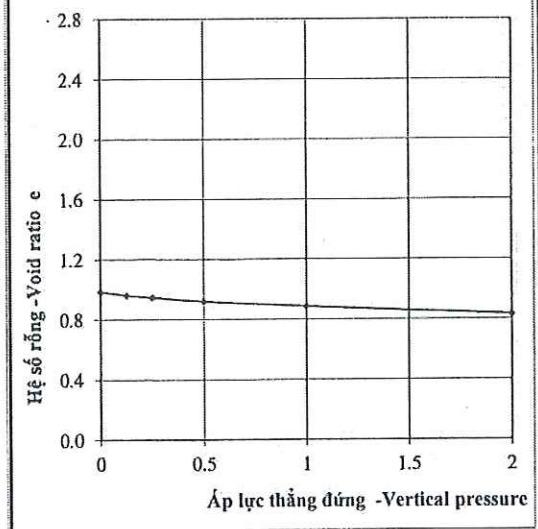
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	9.1	0.182
0.50	11.6	0.232
1.00	16.5	0.330

Lực dính kết Cohesive C = 0.133 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°10'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 12

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.985	
0.125	23.6	1.0	22.6	23.7	0.961	0.188
0.25	39.6	2.1	37.5	39.3	0.946	0.124
0.5	65.7	3.0	62.7	65.7	0.920	0.105
1	99.4	4.3	95.1	99.7	0.886	0.067
2	154.3	6.7	147.6	154.7	0.831	0.055
	161.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

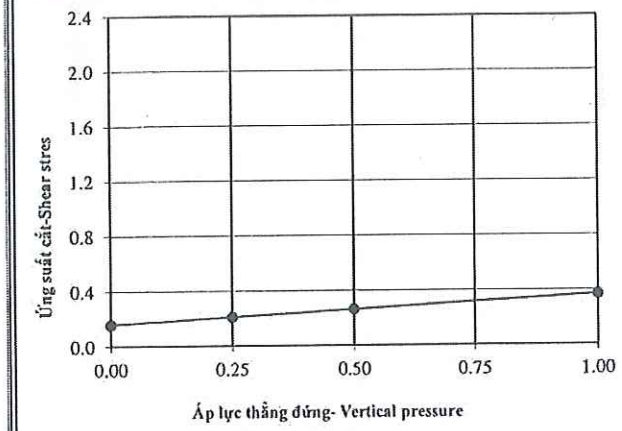
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14913	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	39.8 -40.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



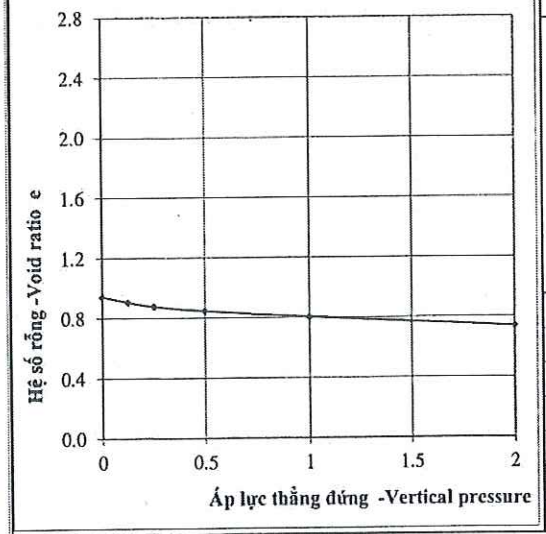
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	10.5	0.209
0.50	13.1	0.262
1.00	18.3	0.367

Lực dính kết Cohesive C = 0.157 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 13

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.942	
0.125	36.4	1.0	35.4	37.1	0.906	0.288
0.25	66.2	2.2	64.0	67.1	0.877	0.233
0.5	98.9	3.8	95.1	99.6	0.845	0.126
1	142.0	6.0	136.0	142.6	0.804	0.083
2	209.4	8.9	200.4	210.1	0.738	0.066
	219.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

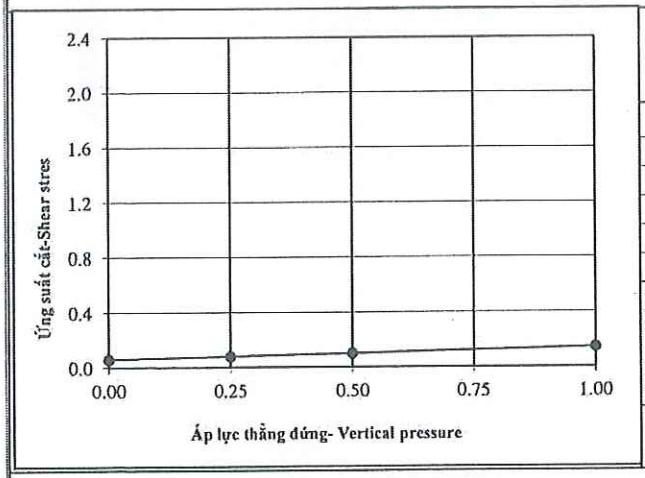
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14914	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



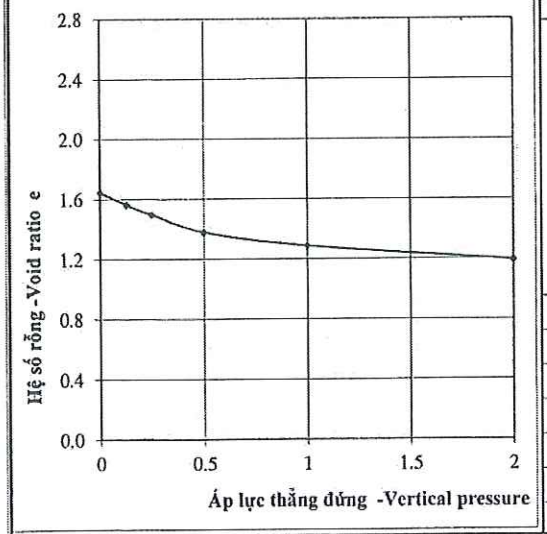
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.0	0.079
0.50	5.0	0.100
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.058 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 16

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.648	
0.125	61.6	0.7	60.9	63.7	1.563	0.675
0.25	109.6	1.4	108.2	113.3	1.498	0.525
0.5	196.1	2.6	193.5	202.5	1.380	0.473
1	264.7	4.0	260.8	273.0	1.286	0.187
2	335.3	6.2	329.1	344.6	1.192	0.095
	350.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

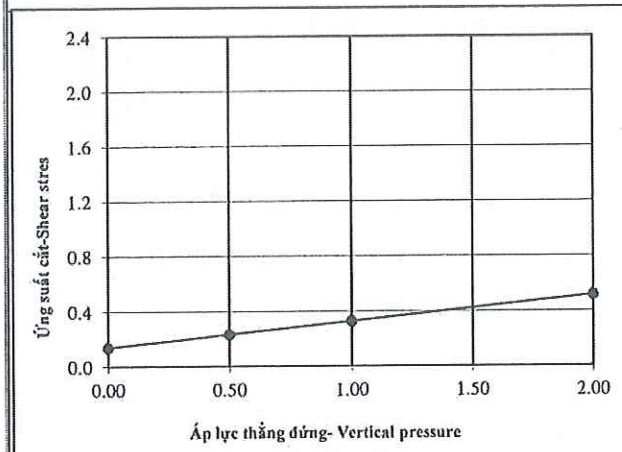
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14915	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



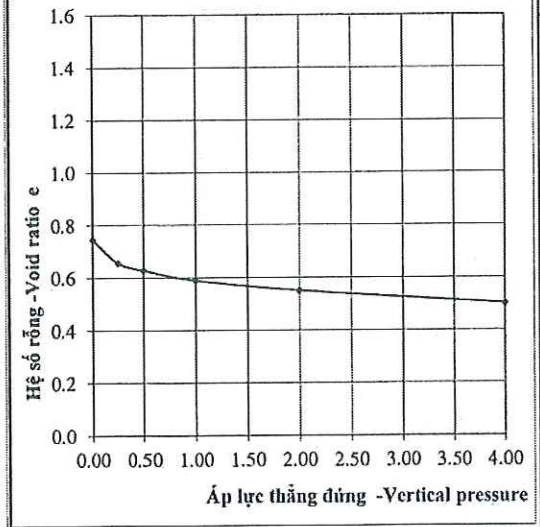
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.6	0.232
1.00	16.3	0.327
2.00	25.8	0.516

Lực dính kết Cohesive C = 0.137 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 10°44'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 17

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.745	
0.25	99.0	2.2	96.8	101.4	0.657	0.354
0.5	132.8	3.7	129.2	135.4	0.627	0.118
1	176.5	6.0	170.5	178.7	0.589	0.076
2	221.8	8.6	213.1	223.4	0.550	0.039
4	278.9	11.3	267.6	280.5	0.500	0.025
	291.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

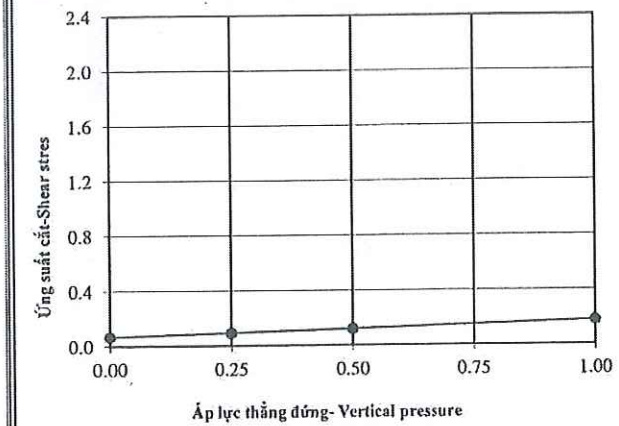
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14957	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	23/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



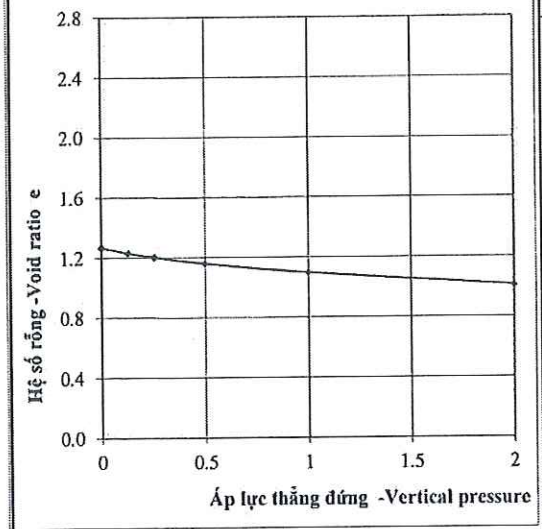
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.7	0.093
0.50	6.0	0.121
1.00	8.8	0.176

Lực dính kết Cohesive C = 0.066 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 10

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.268	
0.125	32.0	0.7	31.3	32.8	1.231	0.298
0.25	55.5	1.6	53.9	56.5	1.204	0.215
0.5	95.3	4.2	91.2	95.6	1.160	0.177
1	149.9	6.6	143.3	150.2	1.098	0.124
2	228.0	10.6	217.4	227.9	1.010	0.088
	238.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

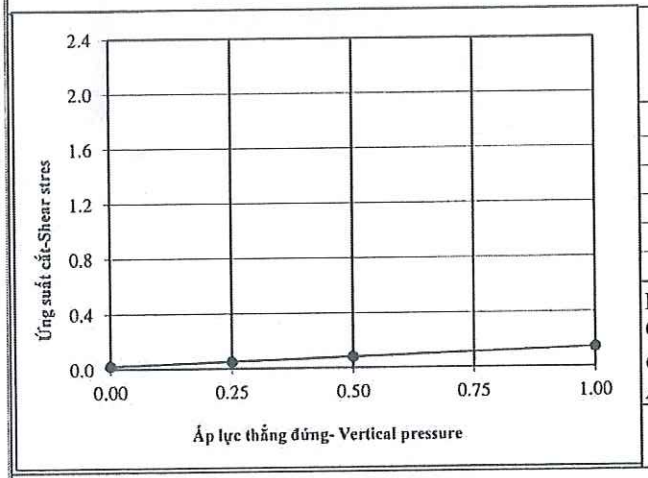
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14916	Số mẫu/Sample (No):	CU9
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.2 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



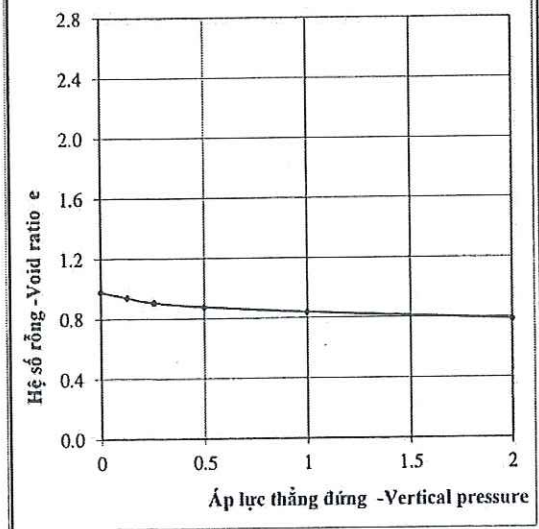
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.5	0.050
0.50	4.0	0.081
1.00	7.1	0.141

Lực dính kết Cohesive C = 0.020 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°54'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 18

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.979	
0.125	39.7	0.9	38.8	40.7	0.939	0.322
0.25	73.0	2.4	70.6	74.0	0.906	0.264
0.5	103.5	3.8	99.7	104.5	0.876	0.121
1	141.2	6.0	135.2	141.7	0.839	0.074
2	194.6	8.7	185.9	194.9	0.786	0.053
	203.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

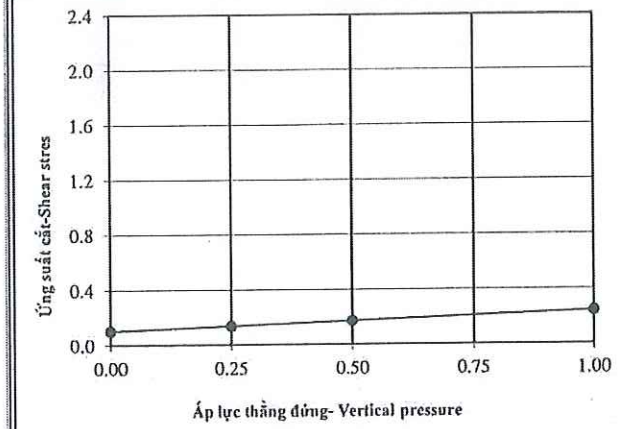
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14917	Số mẫu/Sample (No):	U20
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	37.8 -38.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



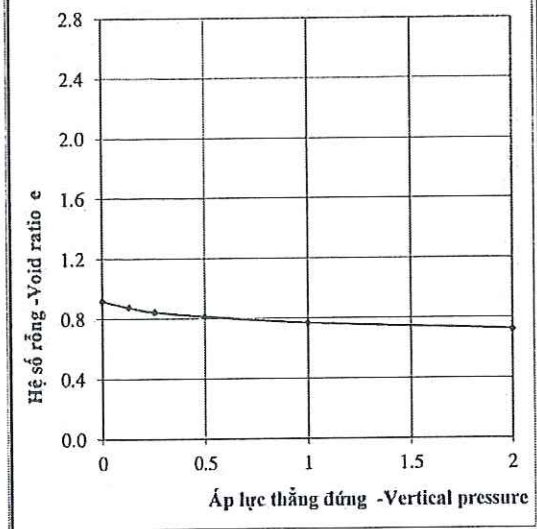
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	6.8	0.136
0.50	8.6	0.172
1.00	12.1	0.242

Lực dính kết Cohesive C = 0.101 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°02'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 19

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.919	
0.125	43.0	0.6	42.4	44.4	0.876	0.341
0.25	75.5	1.4	74.1	77.7	0.844	0.255
0.5	106.5	2.5	104.1	109.0	0.814	0.120
1	153.4	3.7	149.7	156.8	0.768	0.092
2	200.3	5.8	194.5	203.7	0.723	0.045
	209.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

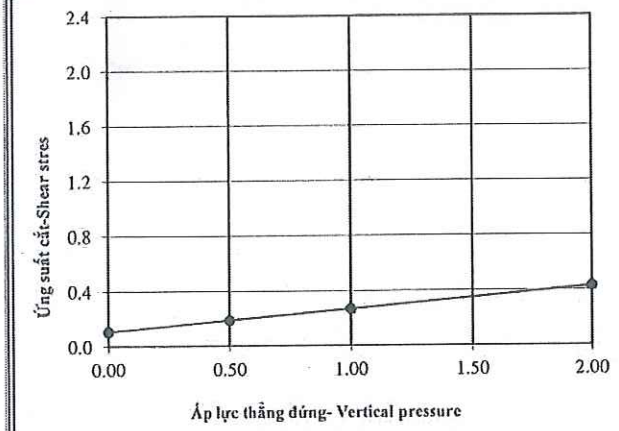
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14918	Số mẫu/Sample (No):	U22
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	41.8 -42.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



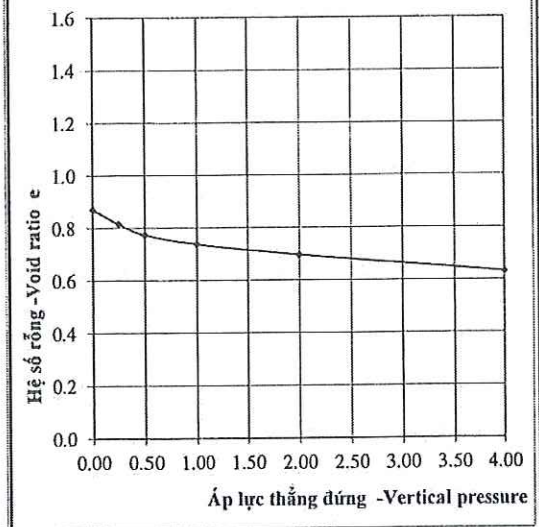
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	9.3	0.186
1.00	13.3	0.266
2.00	21.4	0.427

Lực dính kết Cohesive C = 0.105 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 20

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.871	
0.25	58.6	2.0	56.6	59.3	0.816	0.222
0.5	103.3	3.6	99.7	104.5	0.773	0.169
1	141.3	5.8	135.5	142.1	0.738	0.070
2	187.0	8.6	178.4	186.9	0.696	0.042
4	257.1	11.5	245.6	257.4	0.630	0.033
	268.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

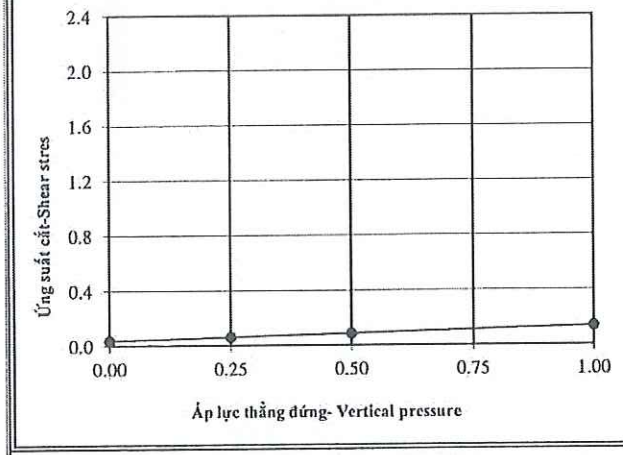
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14919	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK13	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



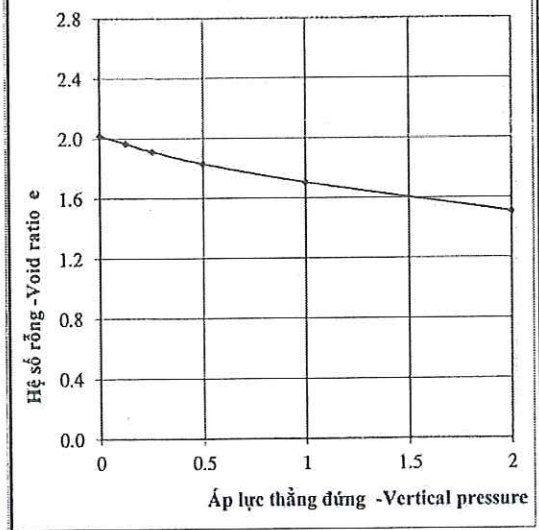
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.1	0.061
0.50	4.3	0.086
1.00	6.8	0.137

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 21

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.018	
0.125	33.2	0.6	32.6	34.1	1.966	0.412
0.25	68.0	1.4	66.6	69.8	1.913	0.430
0.5	122.1	2.8	119.3	124.9	1.829	0.333
1	202.3	4.1	198.1	207.4	1.705	0.249
2	330.9	6.4	324.5	339.7	1.505	0.200
	346.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

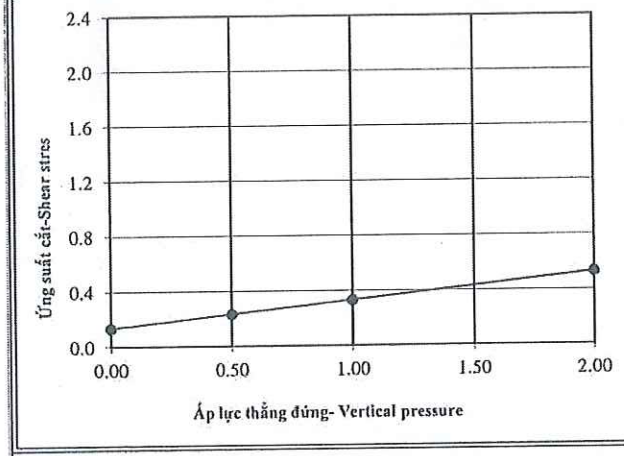
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14920	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK13	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



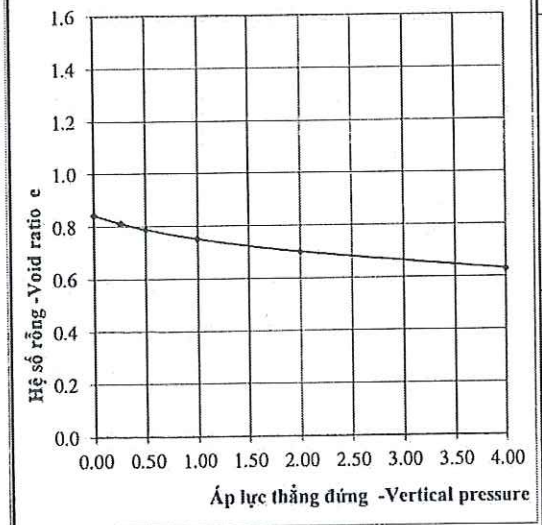
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.6	0.232
1.00	16.5	0.330
2.00	26.4	0.528

Lực dính kết Cohesive C = 0.133 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°10'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 22

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.844	
0.25	34.5	2.4	32.1	33.6	0.813	0.124
0.5	61.5	4.0	57.5	60.3	0.788	0.098
1	102.3	6.4	95.9	100.6	0.751	0.074
2	158.4	9.5	148.9	156.2	0.700	0.051
4	235.3	13.5	221.8	232.6	0.629	0.035
	246.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

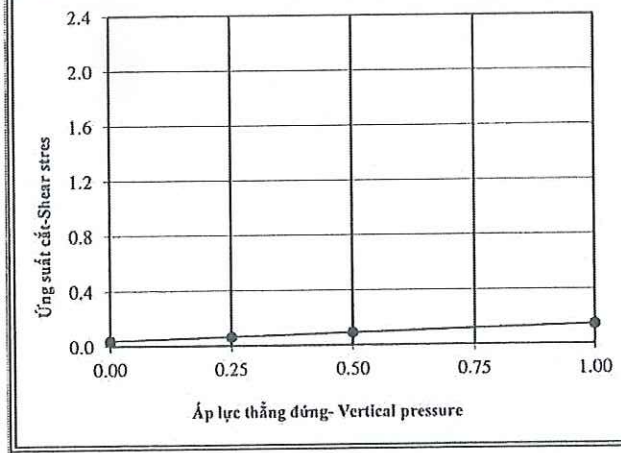
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14921	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK13	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.3 -13.5		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



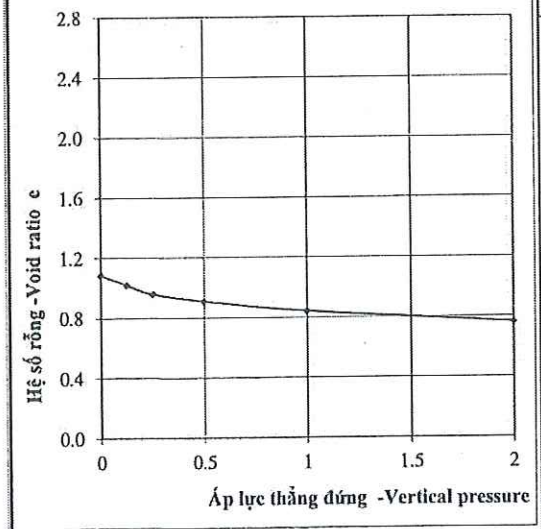
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.2	0.064
0.50	4.5	0.090
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.038 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°59'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 23

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.085	
0.125	61.8	1.8	60.1	62.9	1.019	0.525
0.25	118.8	3.4	115.4	120.9	0.959	0.483
0.5	167.5	5.6	161.9	169.6	0.908	0.203
1	230.8	8.0	222.8	233.4	0.842	0.133
2	306.6	11.0	295.6	309.7	0.762	0.079
	320.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

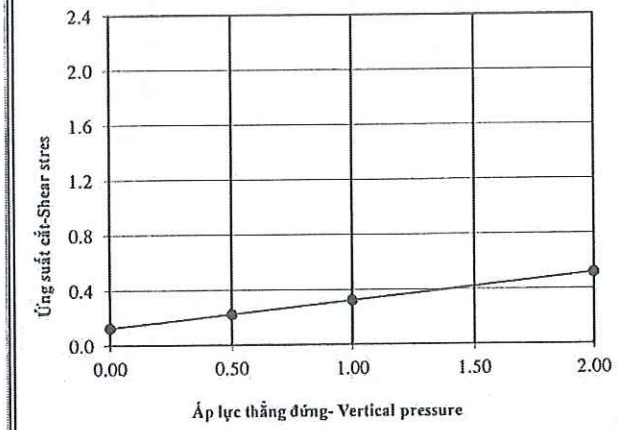
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14922	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



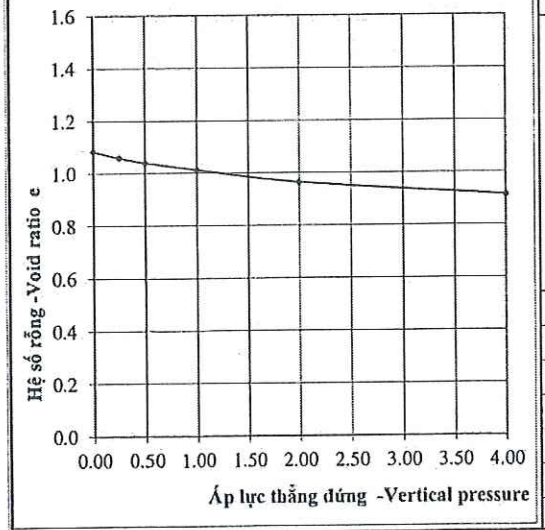
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.1	0.223
1.00	16.0	0.321
2.00	25.8	0.517

Lực dính kết Cohesive C = 0.125 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°05'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 24

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.084	
0.25	24.5	2.1	22.4	23.5	1.059	0.098
0.5	44.2	4.2	40.0	42.0	1.040	0.077
1	71.5	6.4	65.1	68.4	1.013	0.055
2	118.9	9.9	109.0	114.4	0.965	0.048
4	168.7	13.7	155.0	162.8	0.914	0.025
	176.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
ISO 9001:2008

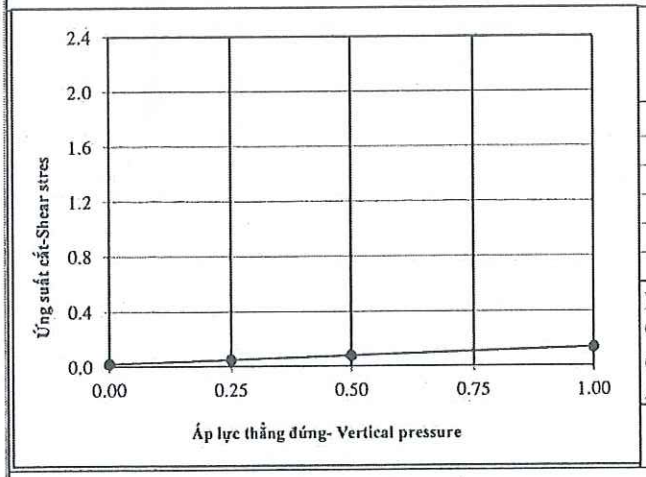
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14923	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



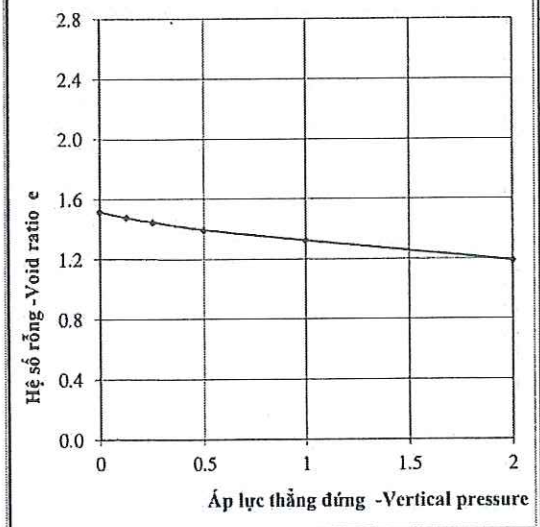
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.4	0.047
0.50	3.8	0.076
1.00	6.7	0.135

Lực dính kết Cohesive C = 0.018 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.516	
0.125	30.5	0.6	29.9	31.3	1.477	0.315
0.25	54.6	2.0	52.6	55.1	1.447	0.240
0.5	95.8	3.3	92.5	96.9	1.395	0.210
1	152.7	5.6	147.1	154.1	1.323	0.144
2	258.3	8.8	249.5	261.4	1.188	0.135
	270.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
ISO 9001:2008

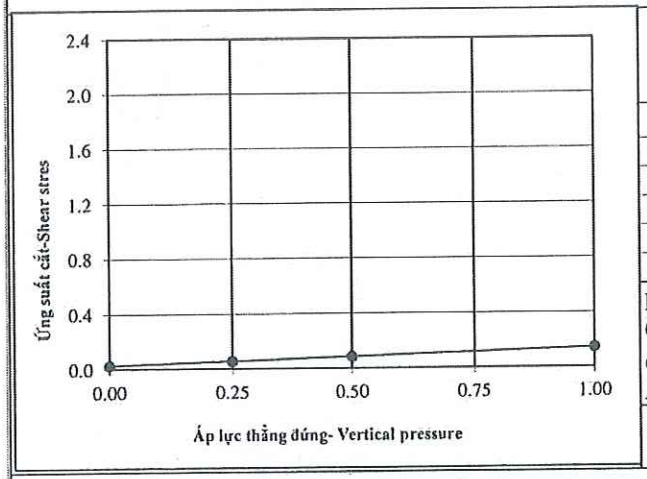
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14924	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.3 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



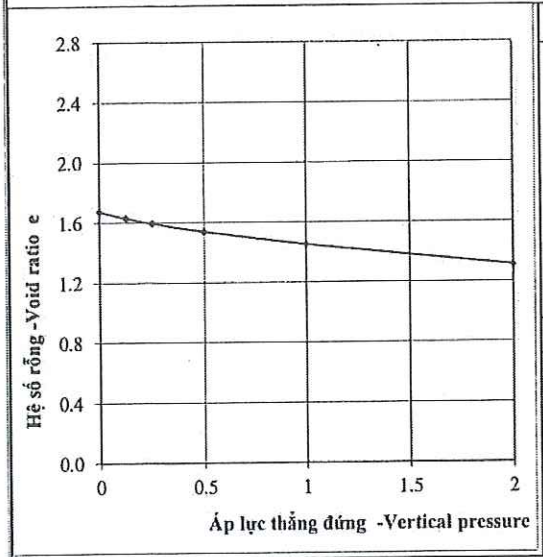
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.8	0.055
0.50	4.2	0.084
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.674	
0.125	32.2	0.8	31.4	32.9	1.630	0.352
0.25	58.5	1.7	56.8	59.5	1.595	0.285
0.5	99.9	3.5	96.4	101.1	1.539	0.222
1	164.2	5.3	158.9	166.5	1.452	0.175
2	269.2	9.6	259.5	271.9	1.311	0.141
	281.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

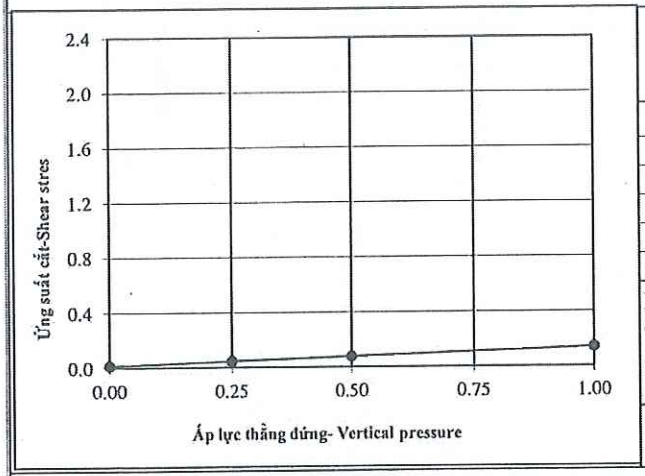
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14925	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



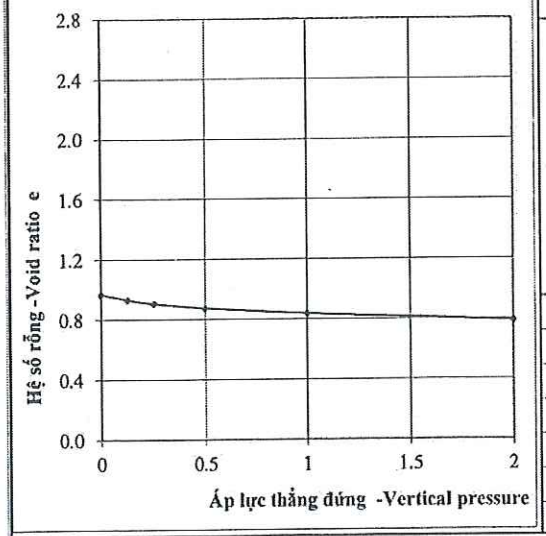
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.8	0.076
1.00	6.9	0.139

Lực dính kết Cohesive C = 0.014 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°07'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.968	
0.125	35.6	0.7	34.9	36.6	0.932	0.288
0.25	61.4	2.0	59.4	62.3	0.906	0.202
0.5	93.4	3.8	89.7	94.0	0.875	0.125
1	133.2	6.2	127.0	133.2	0.837	0.077
2	185.0	9.6	175.5	184.0	0.787	0.050
	193.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Từ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

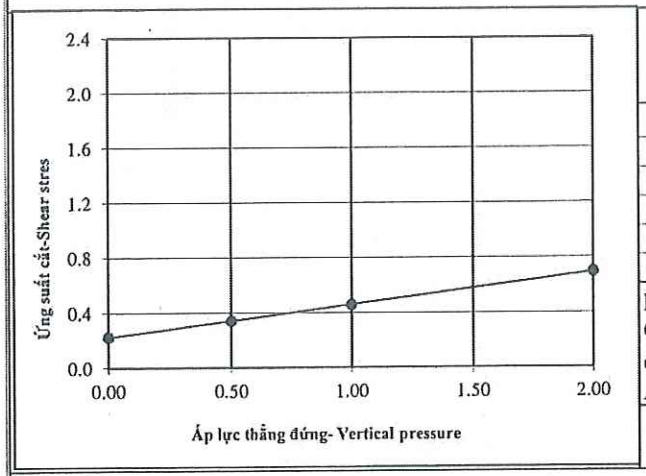
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14926	Số mẫu/Sample (No):	U10
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



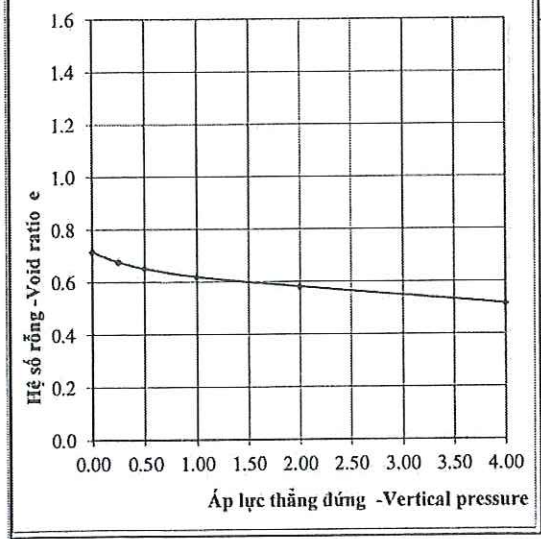
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	17.0	0.340
1.00	22.9	0.457
2.00	34.6	0.693

Lực dính kết Cohesive C = 0.222 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.716	
0.25	44.4	1.6	42.8	44.9	0.677	0.154
0.5	74.0	2.8	71.2	74.6	0.652	0.102
1	111.1	3.8	107.3	112.5	0.619	0.065
2	156.0	6.4	149.6	156.8	0.581	0.038
4	232.1	9.1	223.0	233.7	0.515	0.033
	242.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

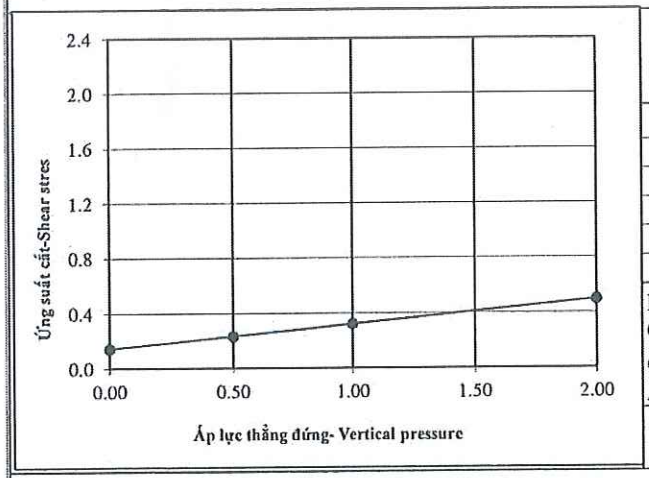
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14962	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



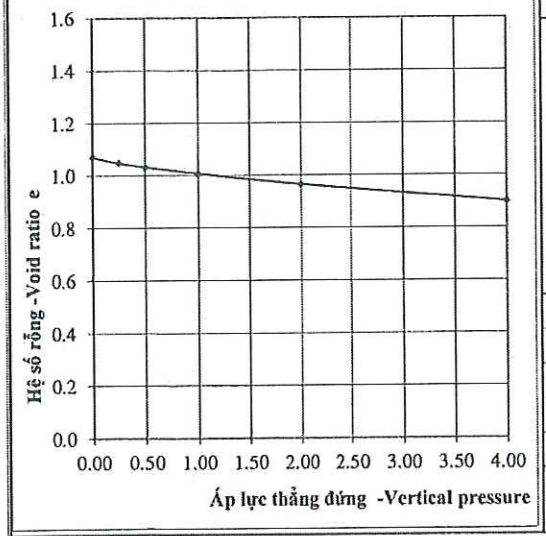
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.5	0.231
1.00	16.0	0.320
2.00	24.9	0.498

Lực dính kết Cohesive C = 0.142 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 10°05'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 11

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.070	
0.25	22.0	1.7	20.2	21.3	1.048	0.088
0.5	37.7	3.2	34.5	36.2	1.033	0.062
1	62.9	5.4	57.5	60.4	1.008	0.050
2	105.7	9.6	96.1	101.0	0.966	0.042
4	170.6	13.7	156.9	164.7	0.900	0.033
	178.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

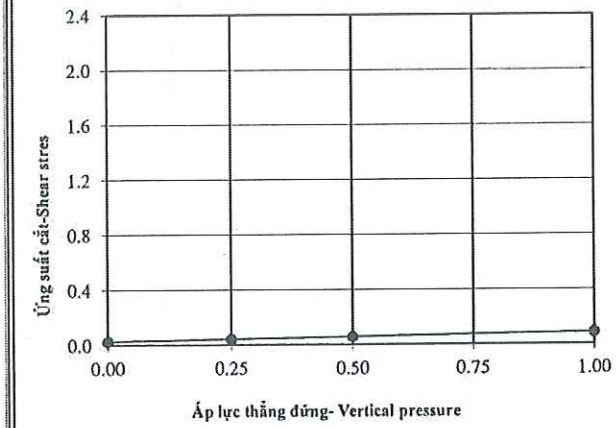
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRỨC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14927	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



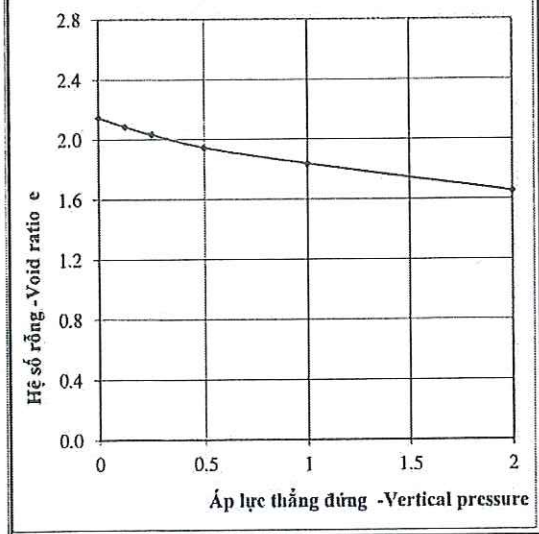
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.1	0.041
0.50	2.8	0.056
1.00	4.3	0.087

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°28'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.146	
0.125	37.5	0.7	36.8	38.5	2.086	0.485
0.25	70.1	1.8	68.3	71.5	2.034	0.415
0.5	125.3	3.1	122.2	127.9	1.945	0.355
1	192.8	5.4	187.4	196.3	1.838	0.215
2	307.9	8.2	299.7	313.9	1.653	0.185
	322.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

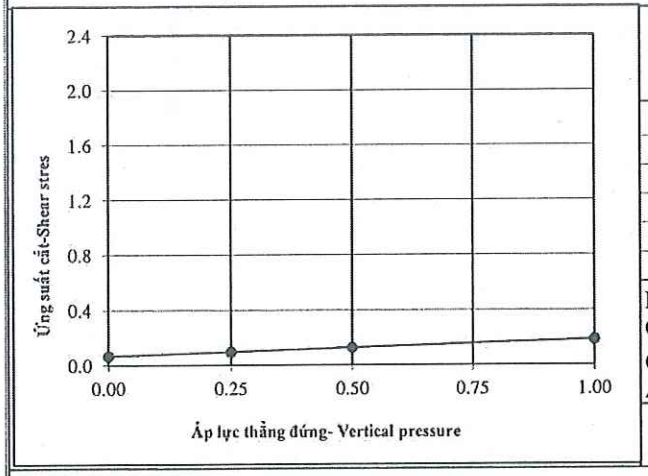
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14963	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



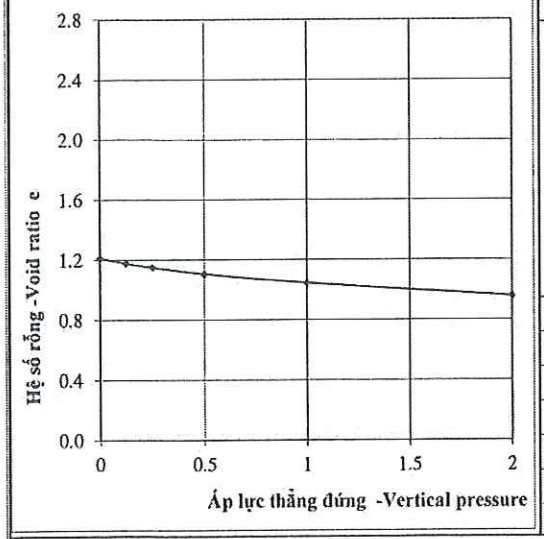
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.8	0.096
0.50	6.3	0.125
1.00	9.2	0.184

Lực dính kết Cohesive C = 0.066 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 12

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.213	
0.125	32.1	1.0	31.1	32.5	1.177	0.288
0.25	56.3	2.1	54.3	56.8	1.150	0.215
0.5	95.5	3.0	92.4	96.8	1.105	0.177
1	149.0	4.3	144.7	151.5	1.045	0.121
2	227.3	6.7	220.6	231.1	0.957	0.088
	237.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

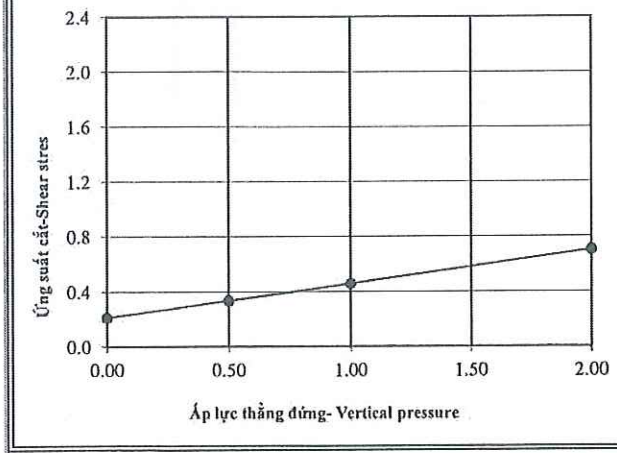
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14964	Số mẫu/Sample (No):	U10
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



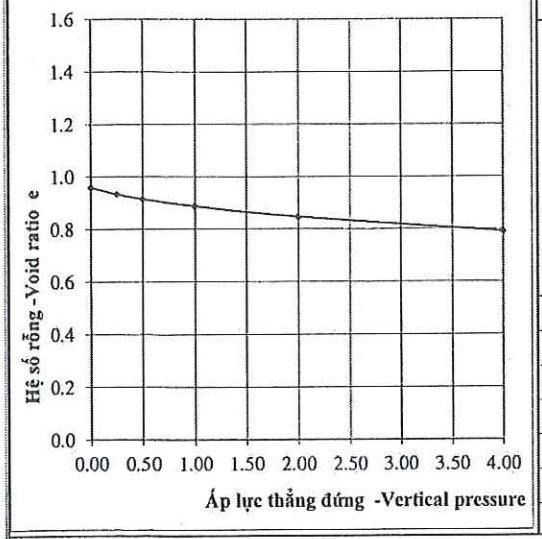
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.7	0.333
1.00	22.8	0.457
2.00	35.2	0.704

Lực dính kết Cohesive C = 0.210 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°52'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 13

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.960	
0.25	27.0	2.2	24.8	26.0	0.934	0.102
0.5	47.3	3.8	43.5	45.7	0.915	0.077
1	76.2	6.0	70.3	73.7	0.888	0.055
2	118.4	8.9	109.4	114.8	0.847	0.040
4	175.9	12.0	163.9	172.0	0.791	0.028
	184.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

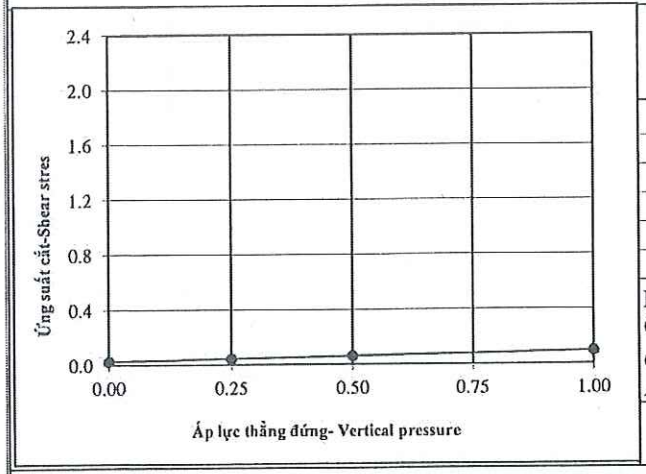
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14928	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



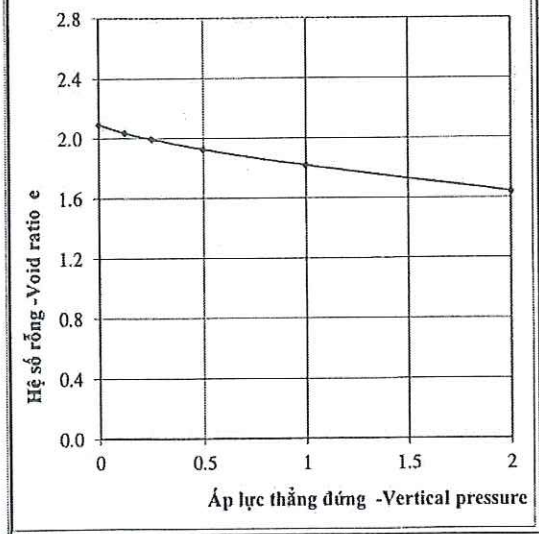
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.2	0.043
0.50	3.0	0.060
1.00	4.7	0.094

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°55'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.094	
0.125	35.7	0.8	34.9	36.5	2.037	0.452
0.25	62.7	2.1	60.5	63.4	1.996	0.333
0.5	107.6	3.9	103.7	108.7	1.926	0.280
1	176.6	6.6	170.1	178.2	1.818	0.215
2	290.0	10.7	279.3	292.6	1.641	0.177
	303.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

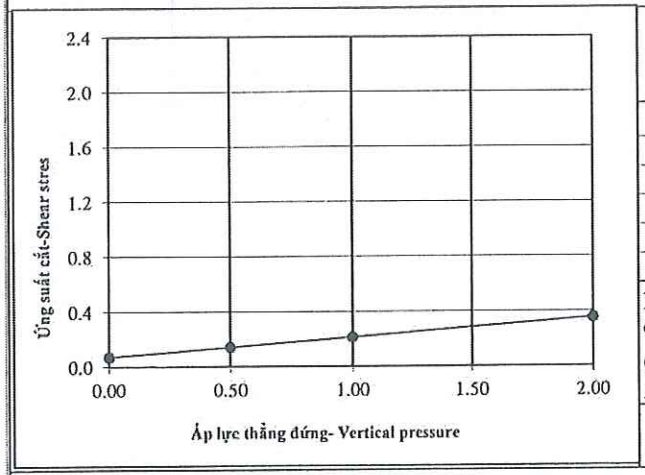
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14929	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



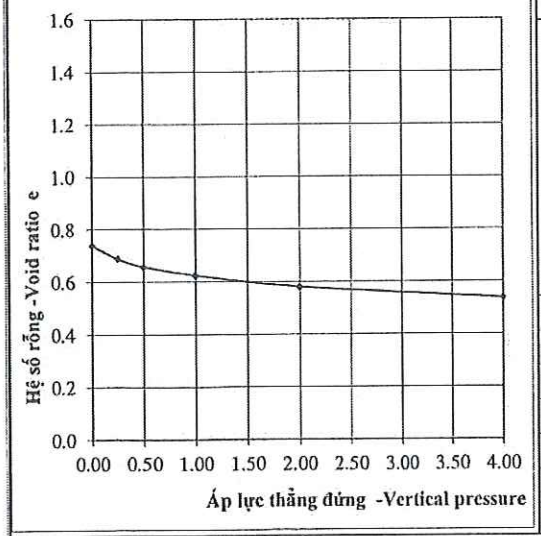
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	7.1	0.142
1.00	10.6	0.212
2.00	17.7	0.353

Lực dính kết Cohesive C = 0.071 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°02'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 7

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.739	
0.25	57.1	1.7	55.4	58.1	0.689	0.202
0.5	92.4	2.9	89.4	93.7	0.658	0.124
1	130.5	4.8	125.6	131.7	0.625	0.066
2	184.1	10.1	173.9	182.3	0.581	0.044
4	231.7	9.5	222.2	232.9	0.537	0.022
	242.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

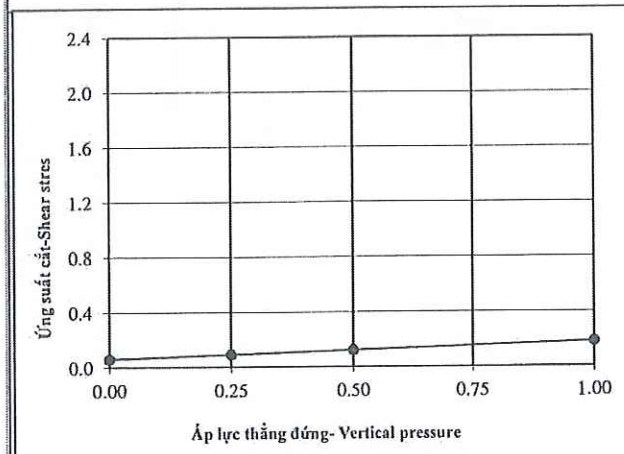
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14930	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.3 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



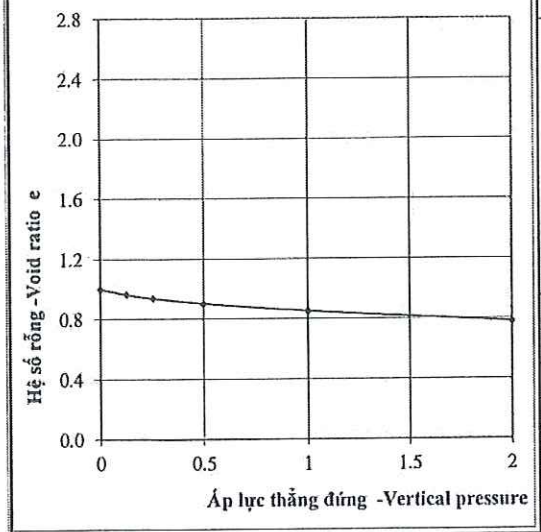
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.5	0.090
0.50	6.0	0.121
1.00	9.1	0.181

Lực dính kết Cohesive C = 0.060 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°54'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 8

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.000	
0.125	35.6	1.3	34.3	36.0	0.964	0.288
0.25	61.8	2.4	59.4	62.3	0.937	0.210
0.5	97.6	4.8	92.8	97.3	0.902	0.140
1	148.5	7.0	141.4	148.3	0.851	0.102
2	221.1	10.9	210.1	220.3	0.779	0.072
	231.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

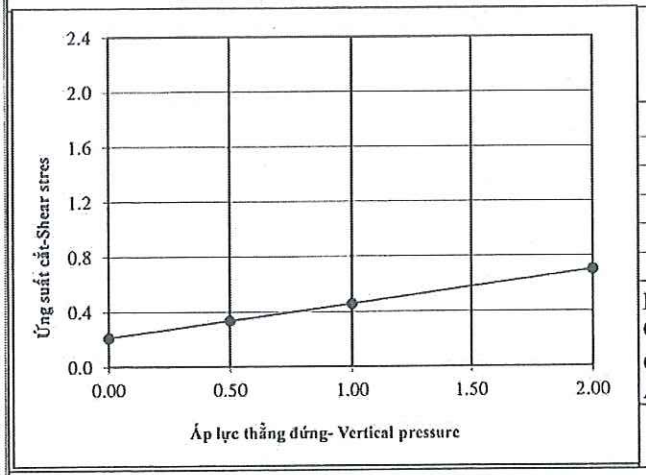
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14931	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



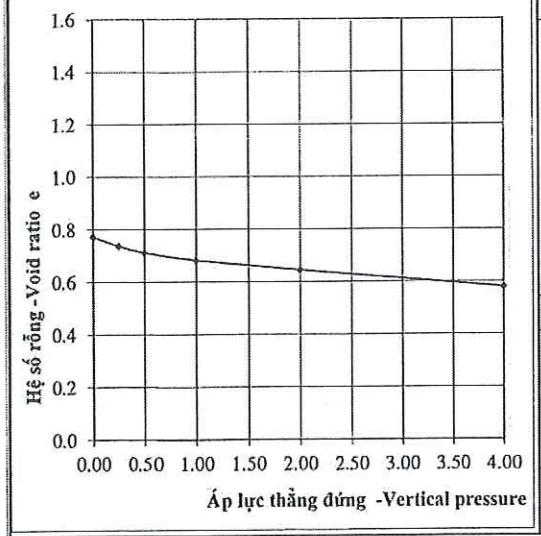
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.7	0.333
1.00	22.8	0.457
2.00	35.2	0.703

Lực dính kết Cohesive C = 0.210 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°51'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 9

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.773	
0.25	40.8	2.1	38.7	40.6	0.737	0.144
0.5	68.8	3.4	65.4	68.5	0.712	0.099
1	102.7	5.6	97.1	101.8	0.682	0.059
2	145.9	7.9	138.0	144.7	0.644	0.038
4	219.5	10.5	209.1	219.2	0.578	0.033
	229.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

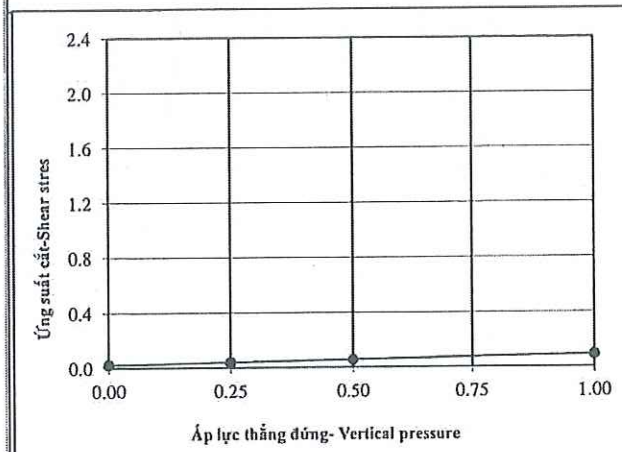
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15001	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK17	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



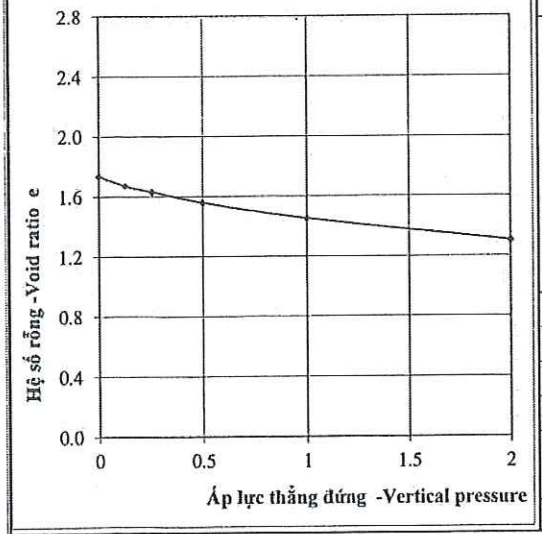
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.0	0.039
0.50	2.8	0.056
1.00	4.5	0.090

Lực dính kết Cohesive C = 0.022 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°55'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.736	
0.125	45.5	0.6	44.9	47.1	1.672	0.515
0.25	75.3	2.0	73.3	76.7	1.631	0.325
0.5	126.8	3.3	123.5	129.4	1.559	0.288
1	204.1	5.6	198.5	207.9	1.452	0.215
2	312.0	8.8	303.2	317.6	1.302	0.150
	326.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

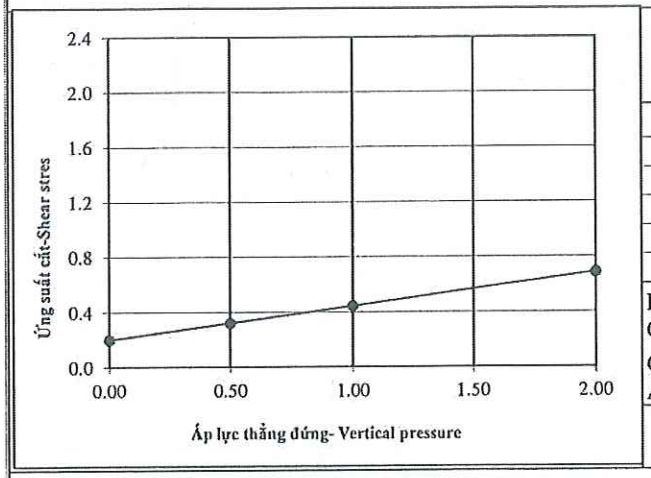
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15002	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK17	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



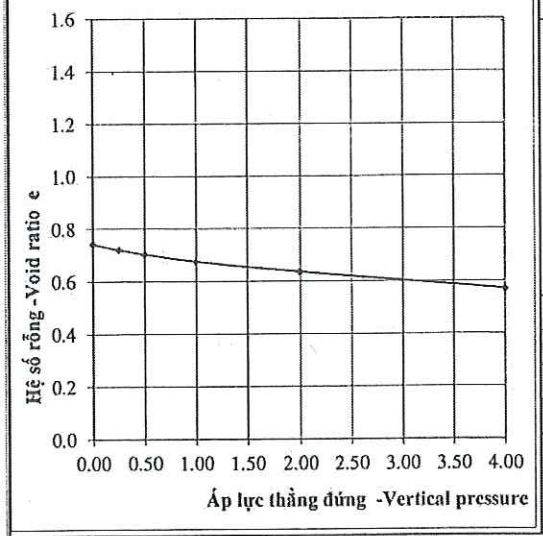
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.0	0.320
1.00	22.1	0.443
2.00	34.4	0.687

Lực dính kết Cohesive C = 0.198 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.742	
0.25	25.7	1.7	24.1	25.3	0.720	0.088
0.5	46.2	3.5	42.7	44.8	0.703	0.068
1	78.1	5.3	72.8	76.3	0.676	0.055
2	126.2	9.6	116.5	122.3	0.636	0.040
4	201.7	12.9	188.7	198.0	0.570	0.033
	211.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

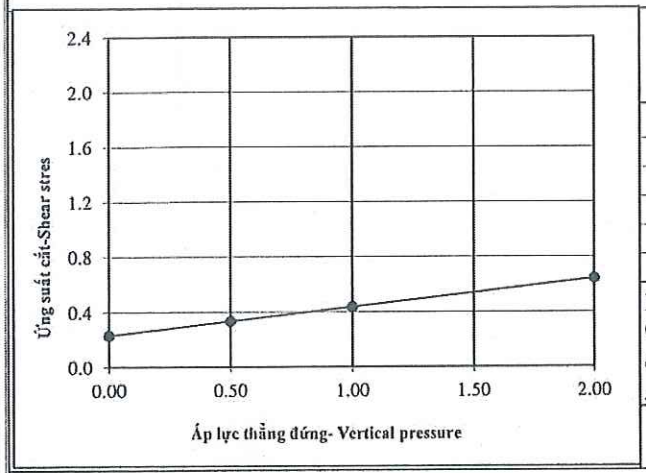
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15003	Số mẫu/Sample (No):	U10
Hố khoan/ Boring:	LK17	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	19.8 -20.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



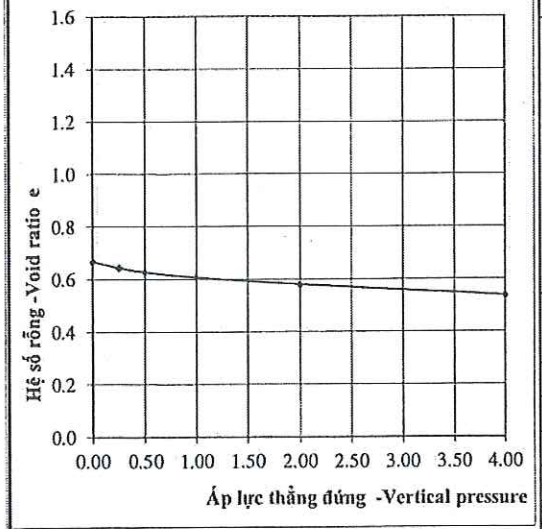
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.6	0.333
1.00	21.8	0.436
2.00	32.1	0.641

Lực dính kết Cohesive C = 0.230 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°37'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.668	
0.25	30.3	2.0	28.3	29.7	0.643	0.099
0.5	50.6	3.8	46.8	49.2	0.627	0.065
1	76.5	6.2	70.2	73.7	0.607	0.041
2	110.6	9.6	101.1	106.1	0.580	0.027
4	161.8	12.8	149.0	156.5	0.538	0.021
	169.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

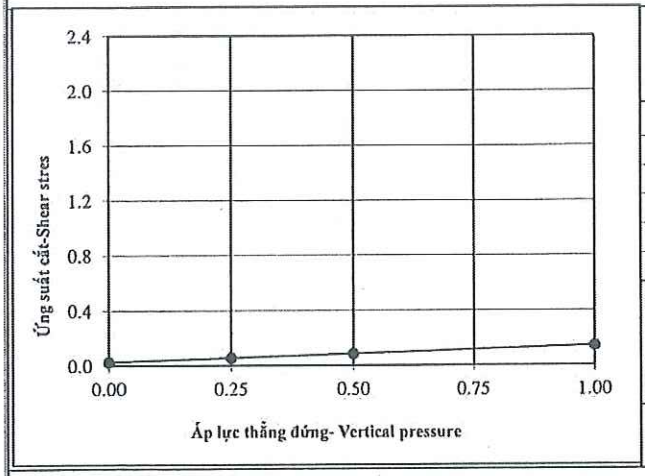
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15004	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK18	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



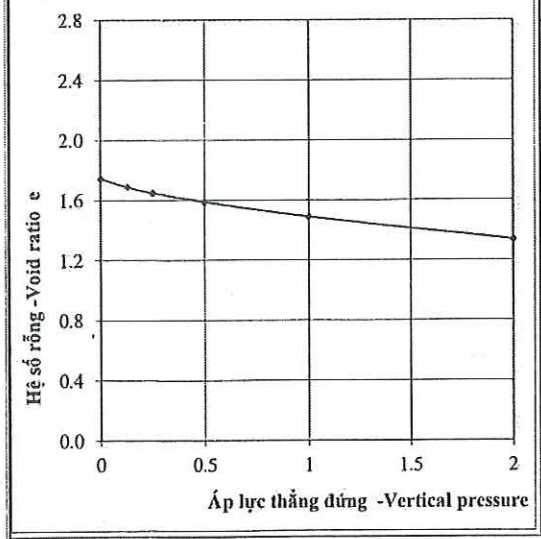
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.8	0.055
0.50	4.2	0.084
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.745	
0.125	40.3	0.7	39.6	41.4	1.688	0.455
0.25	68.5	1.6	67.0	70.1	1.649	0.315
0.5	112.4	2.8	109.6	114.7	1.588	0.245
1	182.2	3.8	178.5	186.9	1.489	0.198
2	291.3	6.4	284.9	298.3	1.336	0.153
	304.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

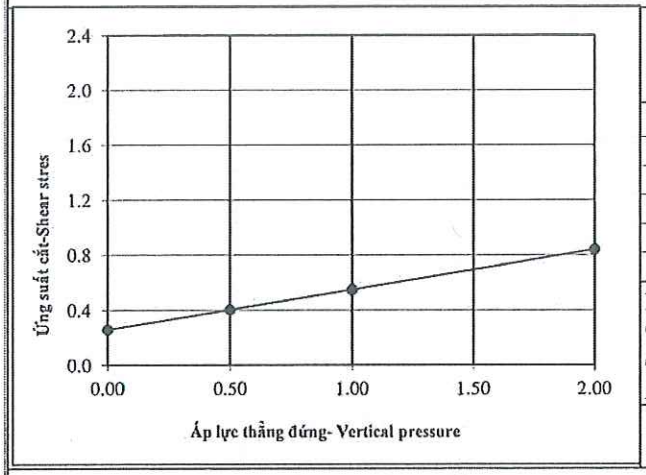
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15005	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK18	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



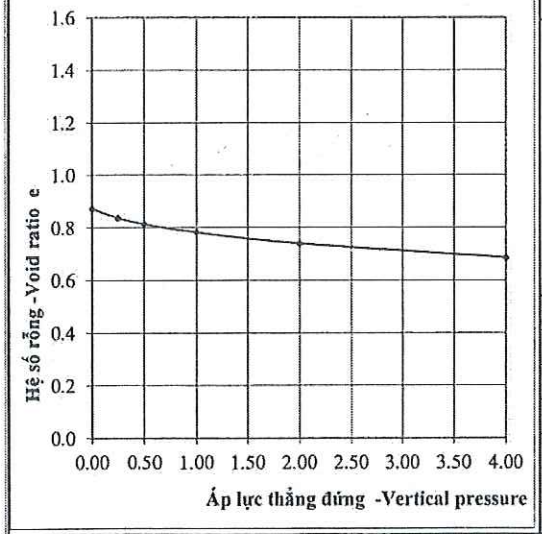
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	20.2	0.403
1.00	27.4	0.548
2.00	41.9	0.838

Lực dính kết Cohesive C = 0.258 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 16°11'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.873	
0.25	38.0	1.8	36.2	38.0	0.837	0.142
0.5	63.5	3.1	60.4	63.3	0.814	0.095
1	97.4	5.4	92.0	96.4	0.783	0.062
2	143.9	8.2	135.7	142.4	0.740	0.043
4	202.5	11.8	190.7	200.0	0.686	0.027
	211.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

5. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TPH VÀ CẮT PHẲNG CÁC MẪU ĐẤT

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14966

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.80 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.51	4.51	4.51	95.49
0.250	5.36	5.36	9.87	90.13
0.100	9.62	9.62	19.49	80.51

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

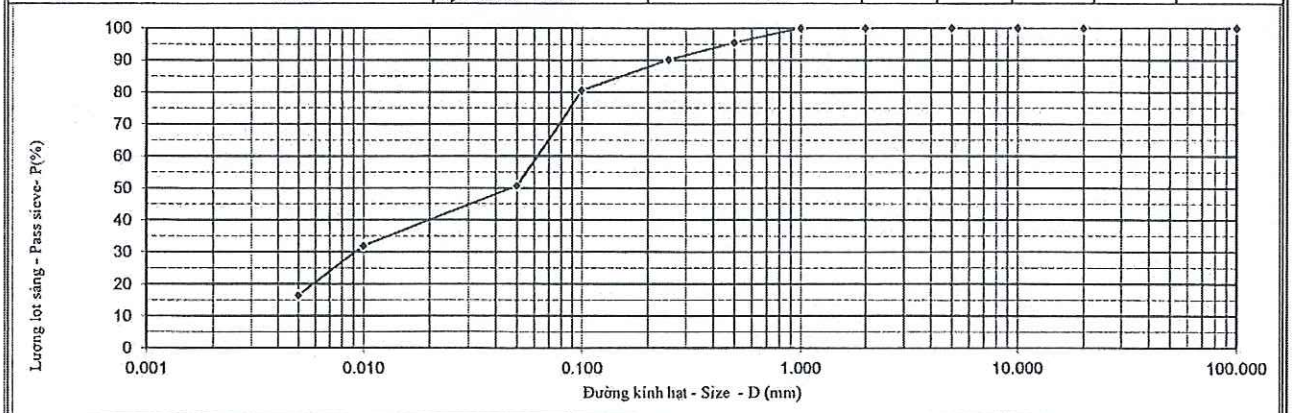
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	50.7	0.0503	
2	11.5	15.6	48.1	0.0358	
5	10.2	16.1	41.5	0.0230	
15	9.0	16.6	35.5	0.0135	
30	8.2	16.9	31.4	0.0096	
60	6.5	17.5	22.8	0.0069	
120	5.2	18.0	16.2	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.36	31.90	50.66	80.51	90.13	95.49	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.36	15.54	18.76	29.85	9.62	5.36	4.51	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám ghi, xám trắng dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14967

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.05	2.05	2.05	97.95
0.100	5.54	5.54	7.59	92.41

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

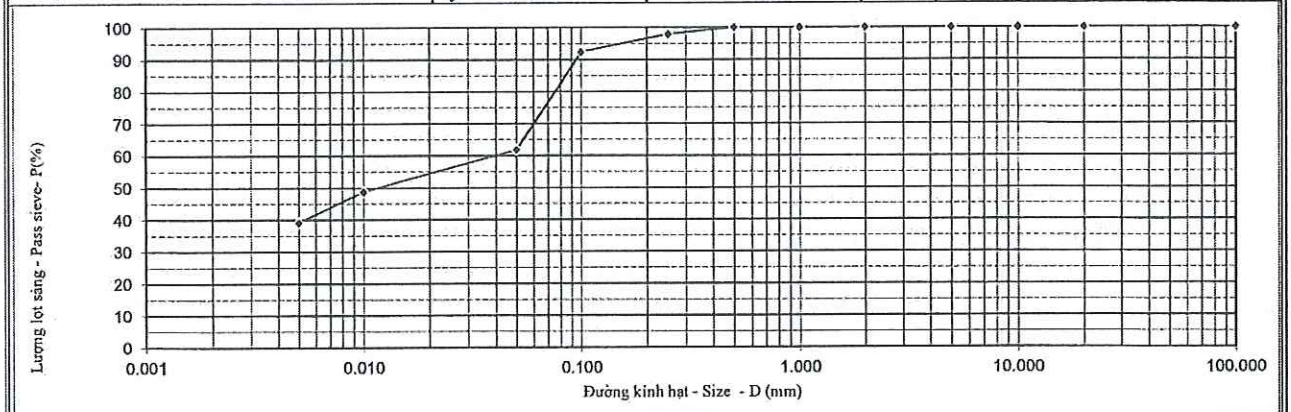
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.8	0.0493	
2	13.0	15.1	58.6	0.0351	
5	12.2	15.4	54.4	0.0224	
15	11.7	15.6	51.7	0.0130	
30	11.0	15.8	48.0	0.0093	
60	10.2	16.1	43.7	0.0066	
120	9.2	16.5	38.4	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.19	48.77	61.85	92.41	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.19	9.58	13.08	30.56	5.54	2.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No.: 15006

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: D8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 16.00 -16.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.24	0.24	0.24	99.76
0.500	3.25	3.25	3.49	96.51
0.250	8.20	8.20	11.69	88.31
0.100	60.11	60.11	71.80	28.20

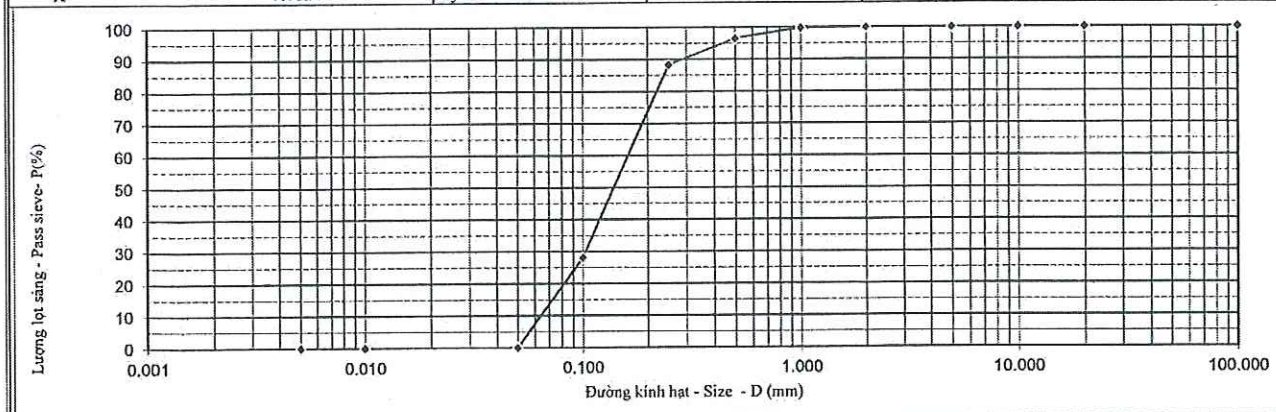
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	28.20	88.31	96.51	99.76	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	28.20	60.11	8.20	3.25	0.24	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát bụi xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15007

Hố khoan/Boring : LK1 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	2.05	2.05	2.05	97.95
1.00	1.02	1.02	3.07	96.93
0.500	5.10	5.10	8.17	91.83
0.250	4.50	4.50	12.67	87.33
0.100	66.31	66.31	78.98	21.02

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

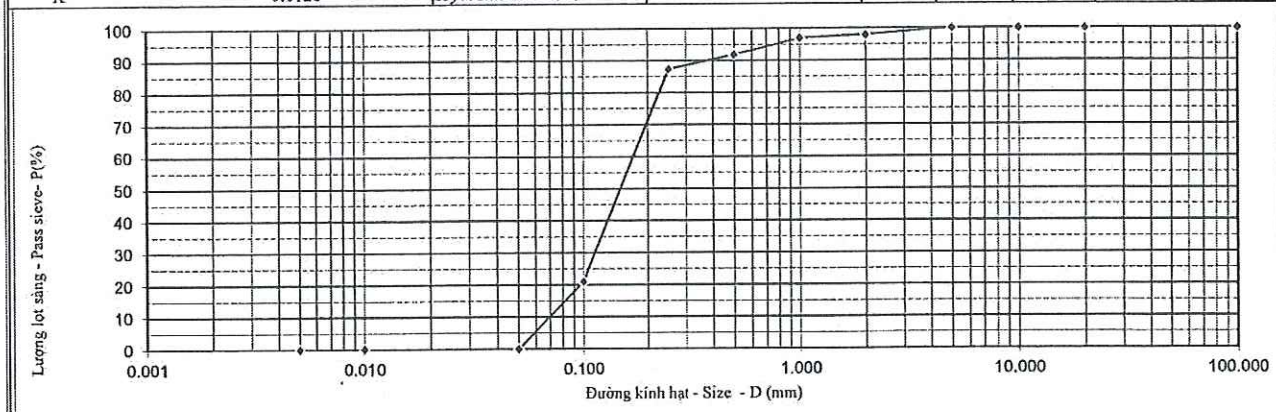
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.02	87.33	91.83	96.93	97.95	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.02	66.31	4.50	5.10	1.02	2.05	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14968

Hố khoan/Boring : LK2 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.80 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.35	3.35	3.35	96.65
0.100	6.61	6.61	9.96	90.04

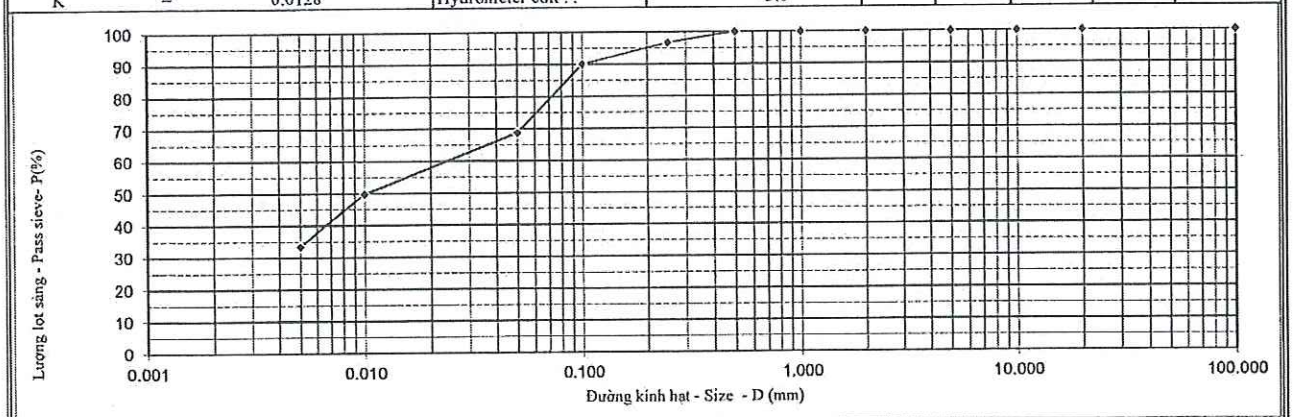
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.0	13.0	68.7	0.0484	
2	14.3	14.6	65.0	0.0345	
5	13.5	14.9	60.8	0.0221	
15	12.2	15.4	53.9	0.0130	
30	11.2	15.8	48.6	0.0093	
60	9.2	16.5	38.0	0.0067	
120	8.2	16.9	32.8	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.71 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.39	49.79	68.71	90.04	96.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.39	16.40	18.92	21.33	6.61	3.35	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng, nâu gụ dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14969

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 9.30 -10.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.55	2.55	2.55	97.45
0.100	7.48	7.48	10.03	89.97

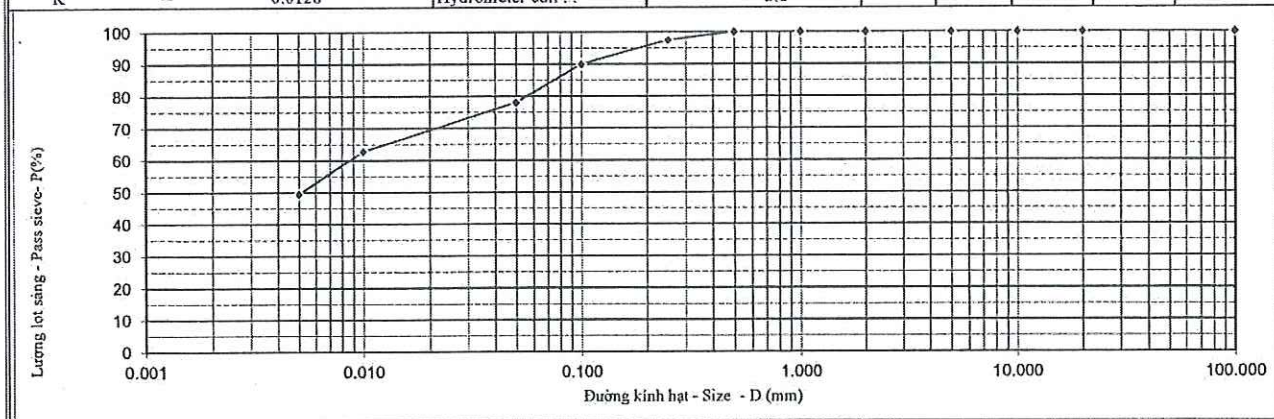
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	78.0	0.0474	
2	16.0	13.9	74.8	0.0338	
5	15.2	14.2	70.5	0.0216	
15	14.3	14.6	65.7	0.0126	
30	13.5	14.9	61.4	0.0090	
60	12.2	15.4	54.5	0.0065	
120	11.0	15.8	48.1	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.48	62.75	78.02	89.97	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.48	13.27	15.27	11.95	7.48	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14970

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: U6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.55	2.55	2.55	97.45
0.250	4.98	4.98	7.53	92.47
0.100	7.31	7.31	14.84	85.16

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

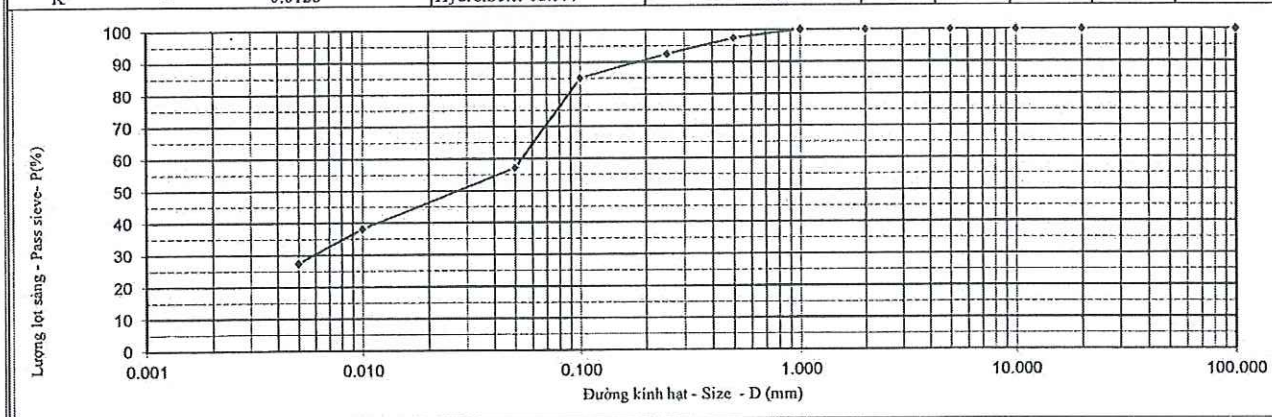
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.1	0.0497	
2	12.2	15.4	53.0	0.0355	
5	11.5	15.6	49.3	0.0226	
15	10.2	16.1	42.6	0.0133	
30	9.2	16.5	37.4	0.0095	
60	8.2	16.9	32.2	0.0068	
120	7.2	17.3	27.0	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	27.46	38.19	57.14	85.16	92.47	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	27.46	10.73	18.95	28.02	7.31	4.98	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét xám đen										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14971

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.20 -6.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.35	3.35	3.35	96.65
0.250	5.52	5.52	8.87	91.13
0.100	6.38	6.38	15.25	84.75

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

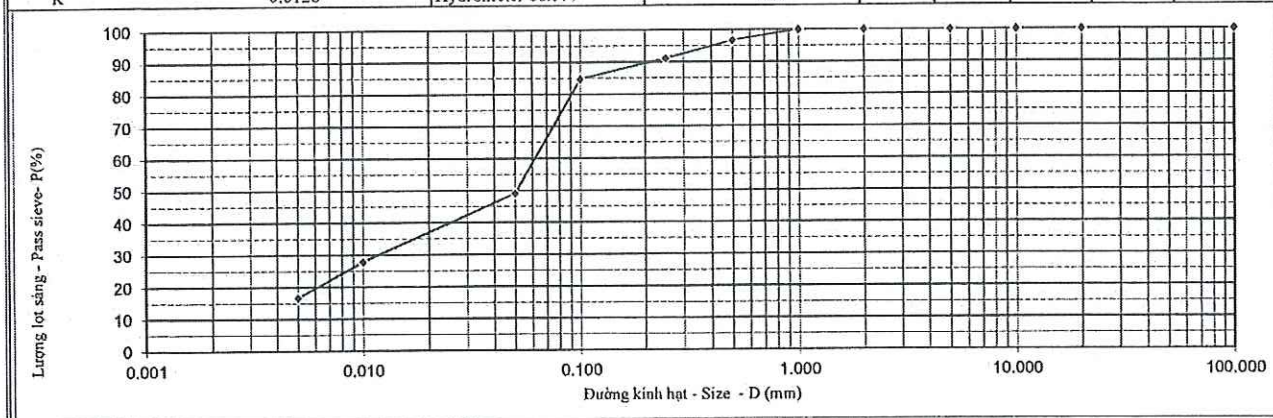
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	11.5	9.5	49.2	0.0506	
2	11.0	15.8	46.6	0.0360	
5	10.0	16.2	41.4	0.0230	
15	9.3	16.5	37.8	0.0134	
30	7.2	17.3	26.9	0.0097	
60	6.0	17.7	20.7	0.0070	
120	5.2	18.0	16.6	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.65	27.88	49.13	84.75	91.13	96.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.65	11.23	21.25	35.62	6.38	5.52	3.35	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP. thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15008

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.32	0.32	0.32	99.68
0.500	4.15	4.15	4.47	95.53
0.250	6.35	6.35	10.82	89.18
0.100	72.66	72.66	83.48	16.52

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

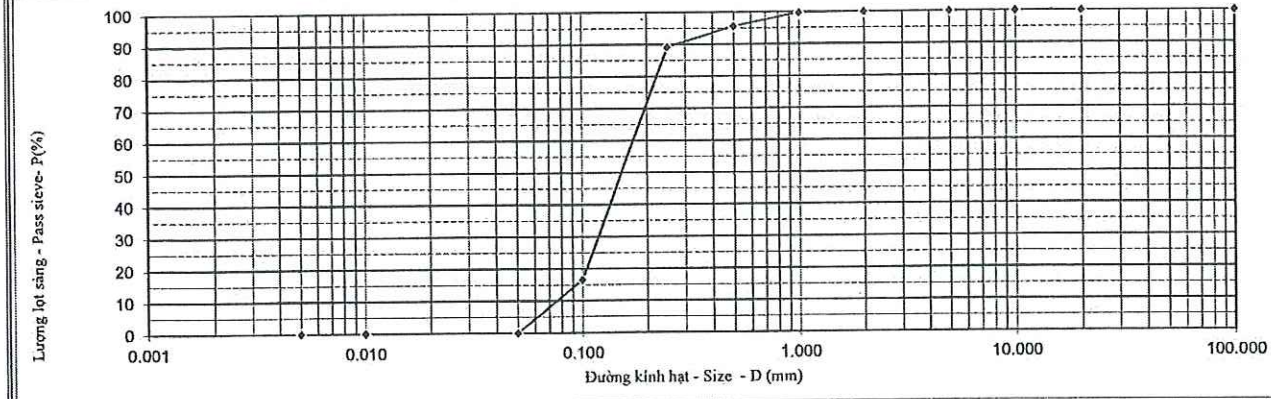
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	16.52	89.18	95.53	99.68	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	16.52	72.66	6.35	4.15	0.32	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14955

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.35	0.35	0.35	99.65
0.250	2.55	2.55	2.90	97.10
0.100	4.15	4.15	7.05	92.95

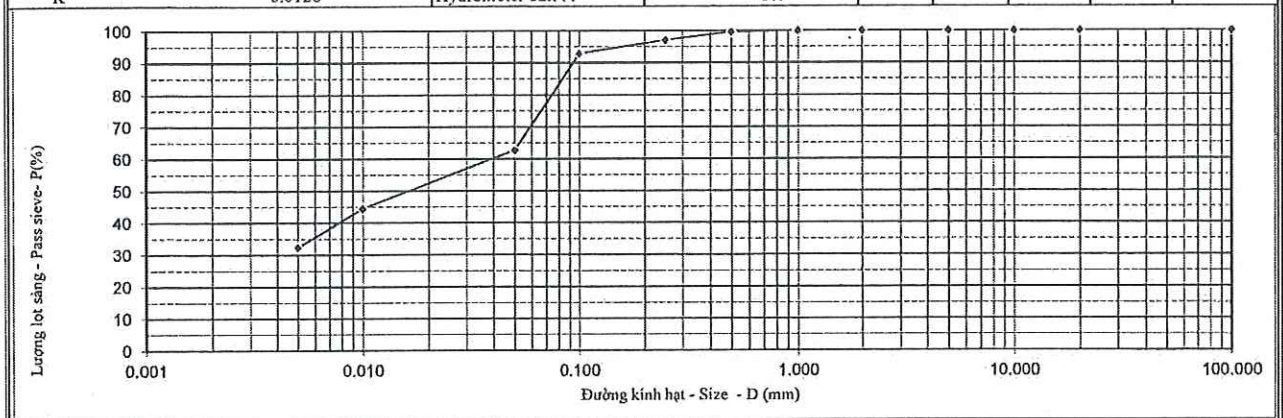
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.9	11.9	62.6	0.0491	
2	13.0	15.1	57.9	0.0351	
5	12.2	15.4	53.7	0.0224	
15	11.5	15.6	50.0	0.0131	
30	10.2	16.1	43.2	0.0094	
60	9.3	16.5	38.4	0.0067	
120	8.0	17.0	31.6	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.71 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.37	44.48	62.69	92.95	97.10	99.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.37	12.11	18.21	30.26	4.15	2.55	0.35	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét ghi xanh, xám vàng dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15023

Hố khoan/Boring : LK2 Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.25	0.25	0.25	99.75
0.500	2.35	2.35	2.60	97.40
0.250	8.95	8.95	11.55	88.45
0.100	70.20	70.20	81.75	18.25

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

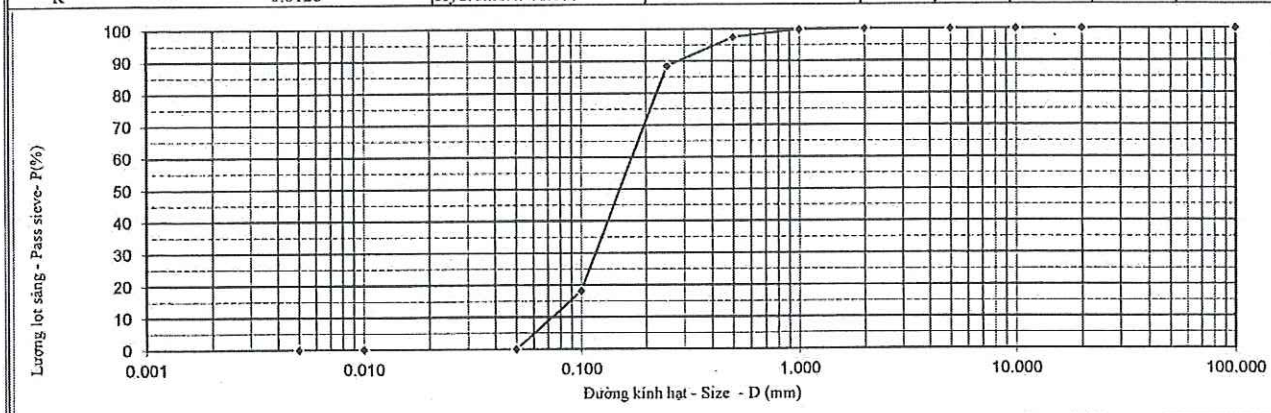
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	88.45	97.40	99.75	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	70.20	8.95	2.35	0.25	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14972

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.18	2.18	2.18	97.82
0.100	5.54	5.54	7.72	92.28

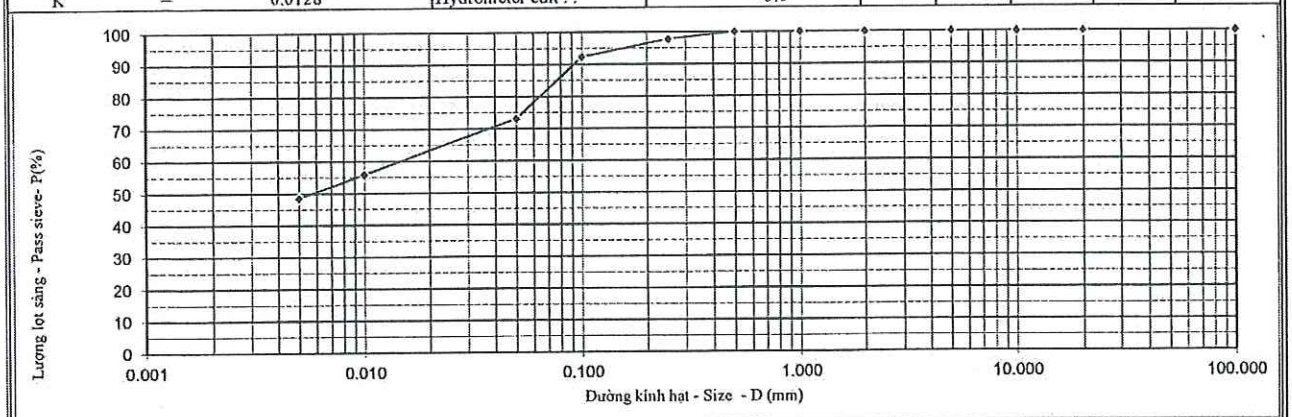
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.8	13.8	73.1	0.0479	
2	15.2	14.2	69.9	0.0341	
5	14.5	14.5	66.2	0.0218	
15	13.5	14.9	60.9	0.0127	
30	12.2	15.4	54.0	0.0092	
60	11.8	15.5	51.9	0.0065	
120	11.0	15.8	47.6	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	48.56	55.83	73.11	92.28	97.82	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	48.56	7.27	17.28	19.17	5.54	2.18	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14973

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.11	1.11	1.11	98.89
0.250	1.25	1.25	2.36	97.64
0.100	5.30	5.30	7.66	92.34

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

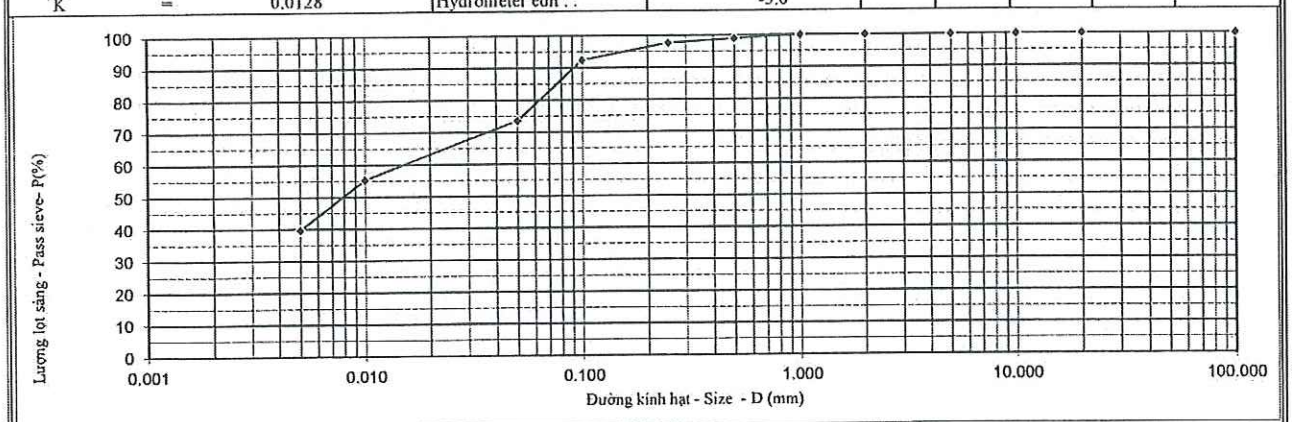
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.0	14.0	73.5	0.0478	
2	15.2	14.2	69.3	0.0341	
5	14.3	14.6	64.5	0.0218	
15	13.5	14.9	60.3	0.0127	
30	12.2	15.4	53.5	0.0092	
60	11.5	15.6	49.8	0.0065	
120	9.2	16.5	37.8	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.73	55.33	73.51	92.34	97.64	98.89	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.73	15.60	18.18	18.83	5.30	1.25	1.11	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14974

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: U5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 7.80 -8.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.52	0.52	0.52	99.48
0.250	3.38	3.38	3.90	96.10
0.100	4.61	4.61	8.51	91.49

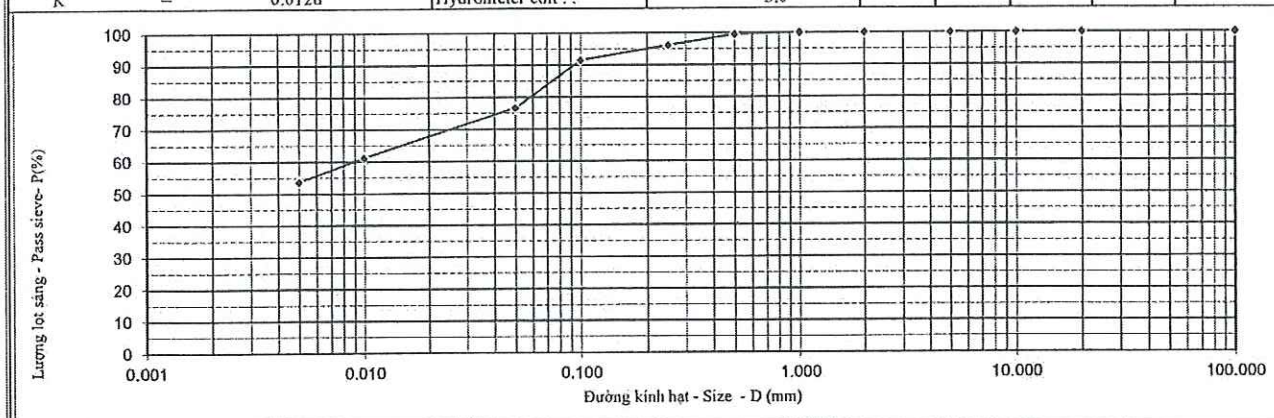
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.5	14.5	76.5	0.0474	
2	16.0	13.9	73.9	0.0338	
5	15.2	14.2	69.7	0.0216	
15	14.5	14.5	66.0	0.0126	
30	13.2	15.0	59.1	0.0090	
60	12.7	15.2	56.5	0.0064	
120	12.0	15.4	52.8	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	53.71	61.20	76.59	91.49	96.10	99.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	53.71	7.49	15.39	14.90	4.61	3.38	0.52	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15009

Hố khoan/Boring : LK3 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.05	2.05	2.05	97.95
0.500	6.32	6.32	8.37	91.63
0.250	8.55	8.55	16.92	83.08
0.100	65.48	65.48	82.40	17.60

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

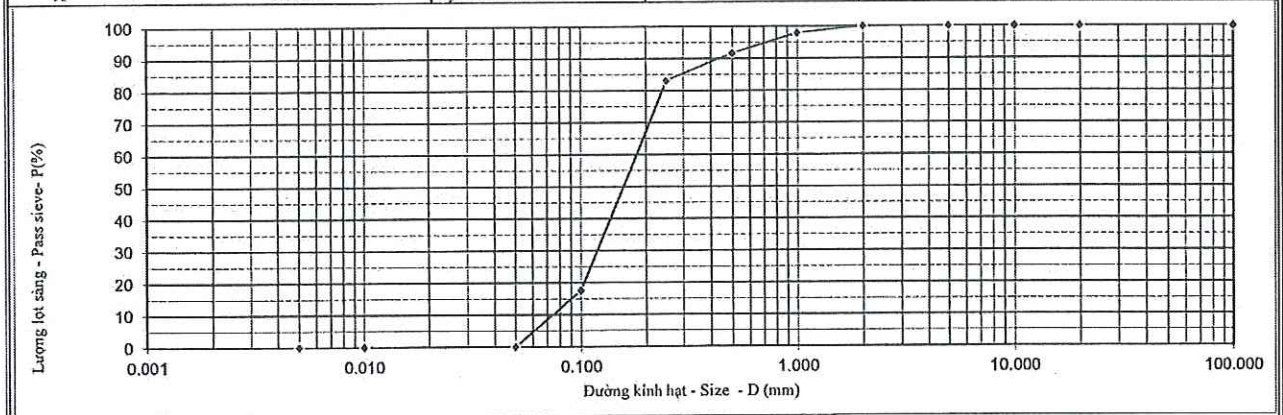
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	17.60	83.08	91.63	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	17.60	65.48	8.55	6.32	2.05	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14975

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.22	2.22	2.22	97.78
0.500	4.15	4.15	6.37	93.63
0.250	4.62	4.62	10.99	89.01
0.100	6.88	6.88	17.87	82.13

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

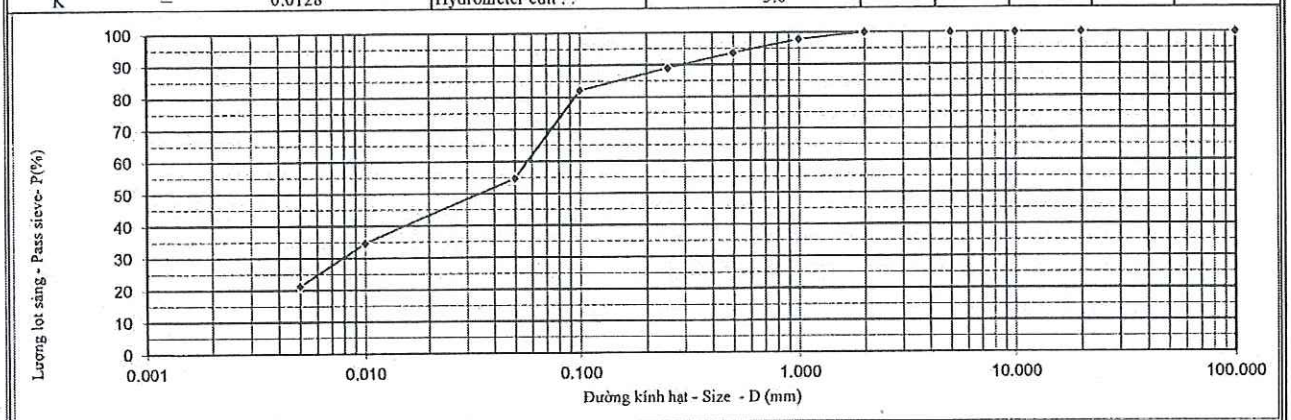
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mín	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	54.6	0.0497	
2	12.0	15.4	49.7	0.0356	
5	11.0	15.8	44.7	0.0228	
15	10.0	16.2	39.7	0.0133	
30	8.8	16.7	33.8	0.0095	
60	7.5	17.2	27.3	0.0068	
120	6.2	17.7	20.9	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.22	34.62	54.65	82.13	89.01	93.63	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.22	13.40	20.03	27.48	6.88	4.62	4.15	2.22	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14976

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.84	2.84	2.84	97.16
0.250	5.35	5.35	8.19	91.81
0.100	7.85	7.85	16.04	83.96

KLR/Specific gravity : 2.39 g/cm^3

K = 0.0128

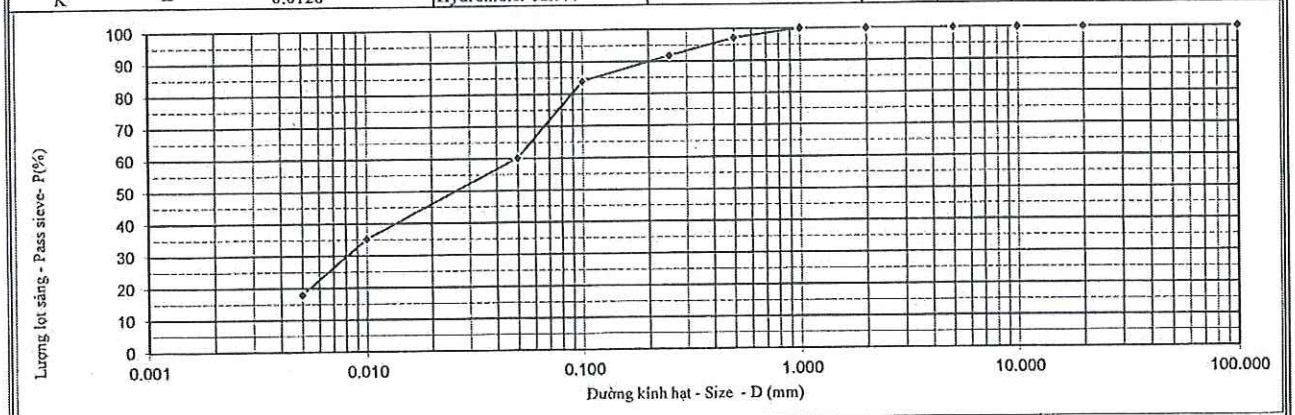
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	60.1	0.0498	
2	12.0	15.4	55.7	0.0356	
5	11.2	15.8	51.2	0.0227	
15	9.3	16.5	40.7	0.0134	
30	8.2	16.9	34.5	0.0096	
60	6.7	17.5	26.2	0.0069	
120	5.2	18.0	17.8	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.01	35.26	60.15	83.96	91.81	97.16	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.01	17.25	24.89	23.81	7.85	5.35	2.84	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15024

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.35	1.35	1.35	98.65
0.500	5.51	5.51	6.86	93.14
0.250	11.00	11.00	17.86	82.14
0.100	60.82	60.82	78.68	21.32

KLR/Specific gravity : 2.60 g/cm^3

K = 0.0128

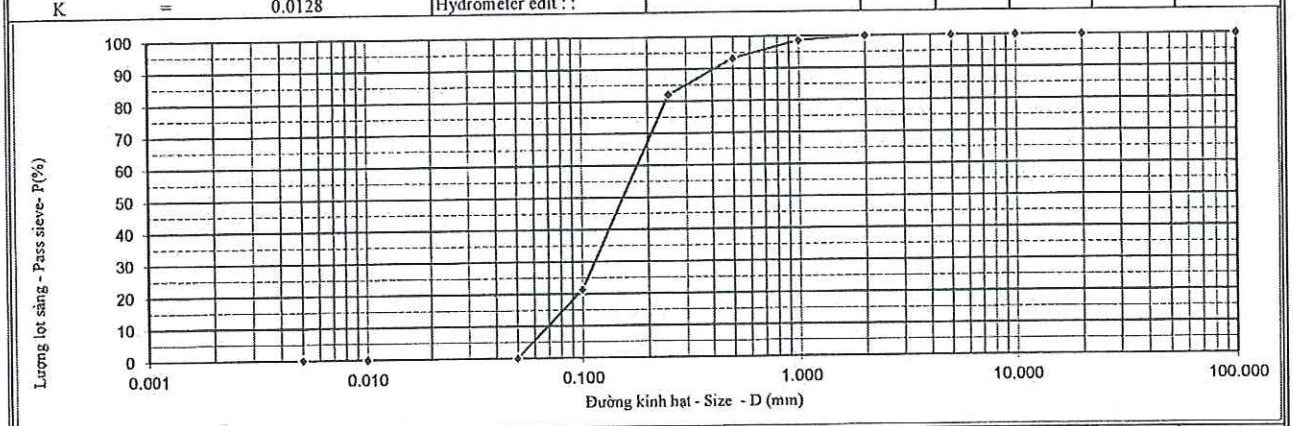
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.32	82.14	93.14	98.65	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.32	60.82	11.00	5.51	1.35	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15010

Hố khoan/Boring : LK3 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.11	2.11	2.11	97.89
0.500	2.55	2.55	4.66	95.34
0.250	9.35	9.35	14.01	85.99
0.100	65.78	65.78	79.79	20.21

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

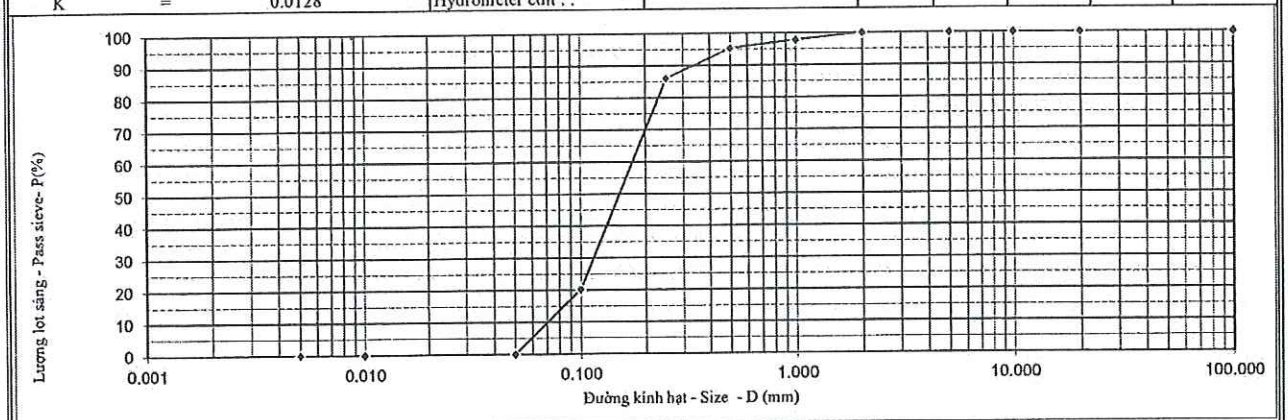
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.21	85.99	95.34	97.89	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.21	65.78	9.35	2.55	2.11	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14977

Hố khoan/Boring : LK4 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.95	2.95	2.95	97.05
0.100	3.52	3.52	6.47	93.53

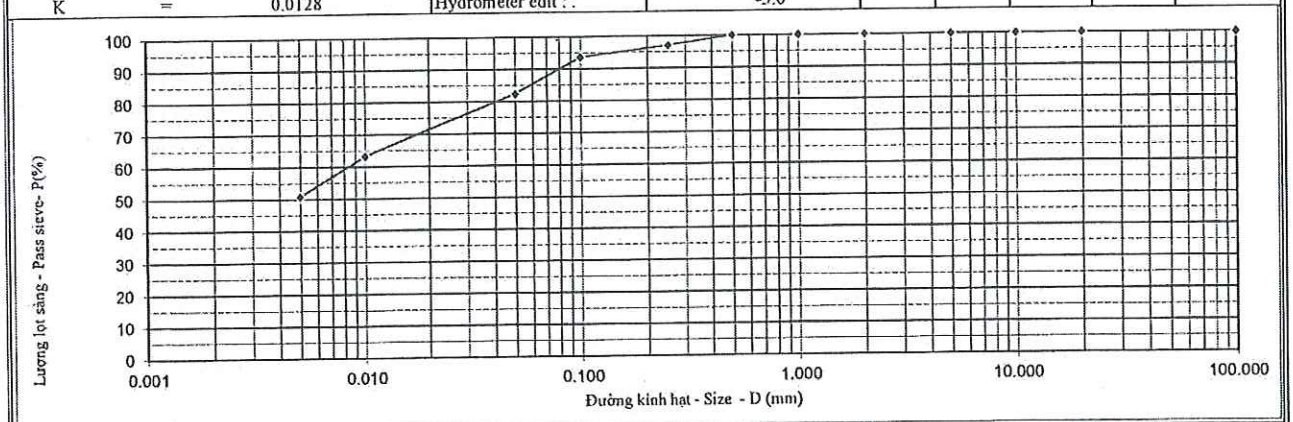
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	17.0	15.0	82.3	0.0471	
2	16.5	13.7	79.5	0.0335	
5	15.4	14.1	73.5	0.0215	
15	14.3	14.6	67.5	0.0126	
30	13.2	15.0	61.4	0.0090	
60	12.2	15.4	55.9	0.0065	
120	11.0	15.8	49.4	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.55 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.80	63.24	82.32	93.53	97.05	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.80	12.44	19.08	11.21	3.52	2.95	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám đen lẫn hữu cơ PHK										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14978

Hố khoan/Boring : LK4 Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	5.32	5.32	5.32	94.68
0.250	7.51	7.51	12.83	87.17
0.100	9.35	9.35	22.18	77.82

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3

K = 0.0128

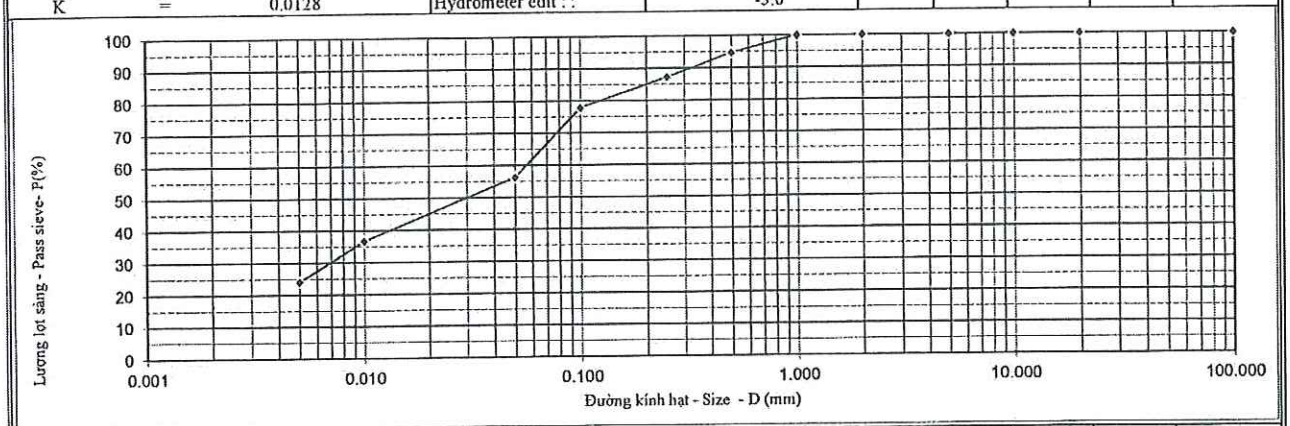
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.2	11.2	56.1	0.0496	
2	12.0	15.4	50.1	0.0356	
5	11.5	15.6	47.6	0.0226	
15	10.0	16.2	40.1	0.0133	
30	9.2	16.5	36.1	0.0095	
60	8.2	16.9	31.1	0.0068	
120	6.7	17.5	23.6	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	24.10	36.70	56.15	77.82	87.17	94.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	24.10	12.60	19.45	21.67	9.35	7.51	5.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ,nâu xám, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15011

Hố khoan/Boring : LK4 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.05	1.05	1.05	98.95
0.500	5.54	5.54	6.59	93.41
0.250	10.20	10.20	16.79	83.21
0.100	53.89	53.89	70.68	29.32

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

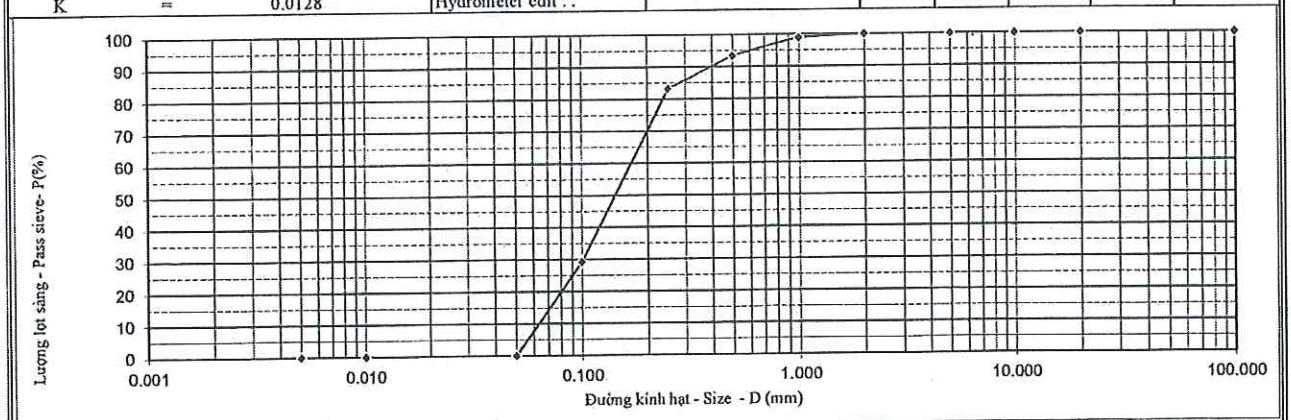
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	29.32	83.21	93.41	98.95	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	29.32	53.89	10.20	5.54	1.05	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát bụi nâu hồng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14979

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.48	2.48	2.48	97.52
0.250	3.52	3.52	6.00	94.00
0.100	6.65	6.65	12.65	87.35

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

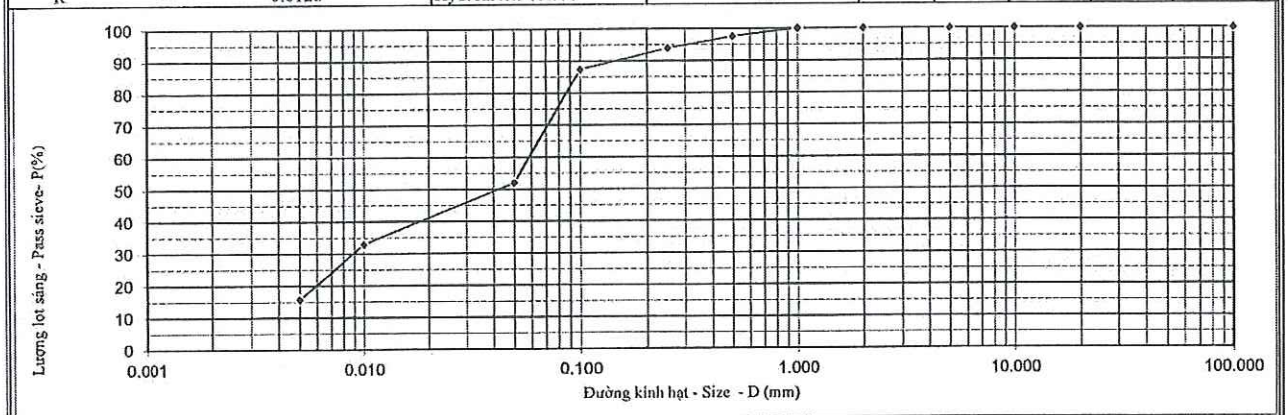
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	DK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	52.0	0.0503	
2	11.3	15.7	48.3	0.0359	
5	10.7	15.9	45.2	0.0229	
15	9.3	16.5	37.9	0.0134	
30	8.2	16.9	32.2	0.0096	
60	6.2	17.7	21.8	0.0069	
120	5.0	18.1	15.6	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	15.69	32.91	51.96	87.35	94.00	97.52	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	15.69	17.22	19.05	35.39	6.65	3.52	2.48	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám ghi, xám trắng dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14980

Hố khoan/Boring : LK5 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.55	2.55	2.55	97.45
0.250	5.54	5.54	8.09	91.91
0.100	7.21	7.21	15.30	84.70

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

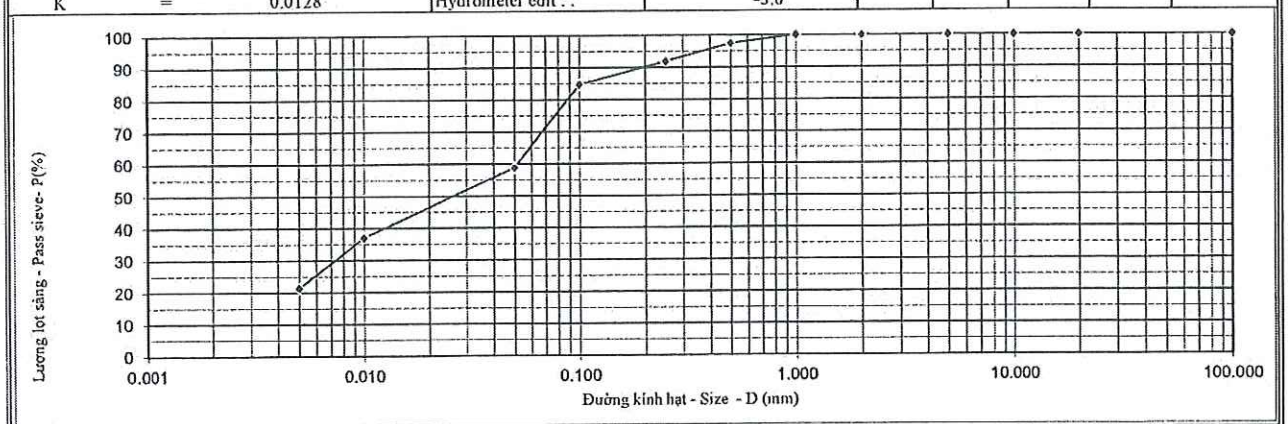
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.3	11.3	58.8	0.0495	
2	12.2	15.4	53.1	0.0355	
5	11.2	15.8	47.9	0.0227	
15	9.8	16.3	40.6	0.0133	
30	9.0	16.6	36.4	0.0095	
60	8.2	16.9	32.3	0.0068	
120	6.0	17.7	20.8	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.39	37.05	58.83	84.70	91.91	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.39	15.66	21.78	25.87	7.21	5.54	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám vàng, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14981

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: U5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 7.80 -8.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.30	2.30	2.30	97.70
0.250	3.35	3.35	5.65	94.35
0.100	5.44	5.44	11.09	88.91

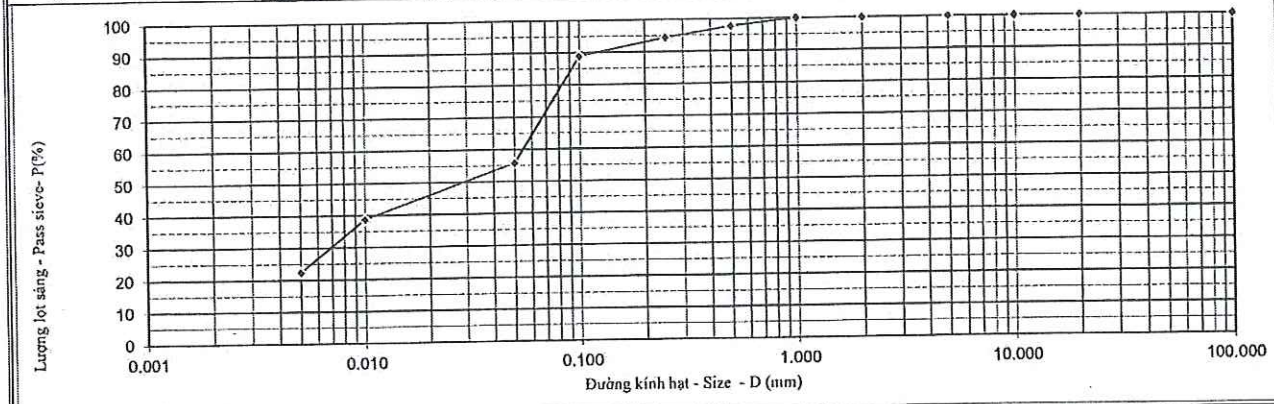
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.7	10.7	55.7	0.0499	
2	12.0	15.4	52.1	0.0356	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.7	15.9	45.3	0.0132	
30	9.2	16.5	37.5	0.0095	
60	8.0	17.0	31.2	0.0068	
120	6.2	17.7	21.9	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	22.39	38.72	55.72	88.91	94.35	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	22.39	16.33	17.00	33.19	5.44	3.35	2.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng, nâu gụ, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14982

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.22	2.22	2.22	97.78
0.250	2.85	2.85	5.07	94.93
0.100	5.61	5.61	10.68	89.32

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

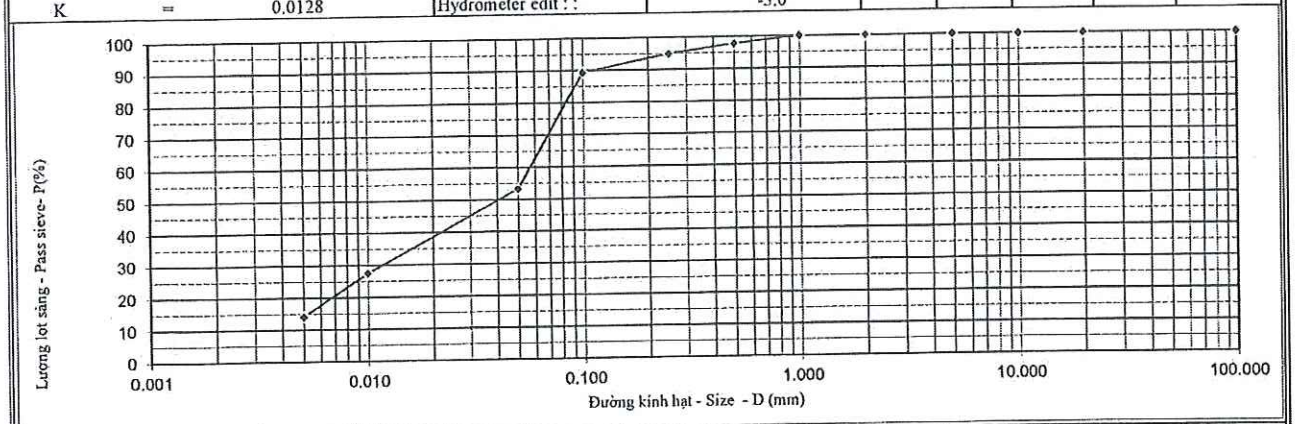
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.2	10.2	53.3	0.0502	
2	11.4	15.7	49.1	0.0358	
5	9.3	16.5	38.1	0.0232	
15	8.0	17.0	31.3	0.0136	
30	7.2	17.3	27.2	0.0097	
60	6.3	17.6	22.5	0.0069	
120	4.7	18.2	14.1	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	14.16	27.52	53.26	89.32	94.93	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	14.16	13.36	25.74	36.06	5.61	2.85	2.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14983

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: UD10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	1.32	1.32	1.32	98.68
0.100	5.30	5.30	6.62	93.38

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3

K = 0.0128

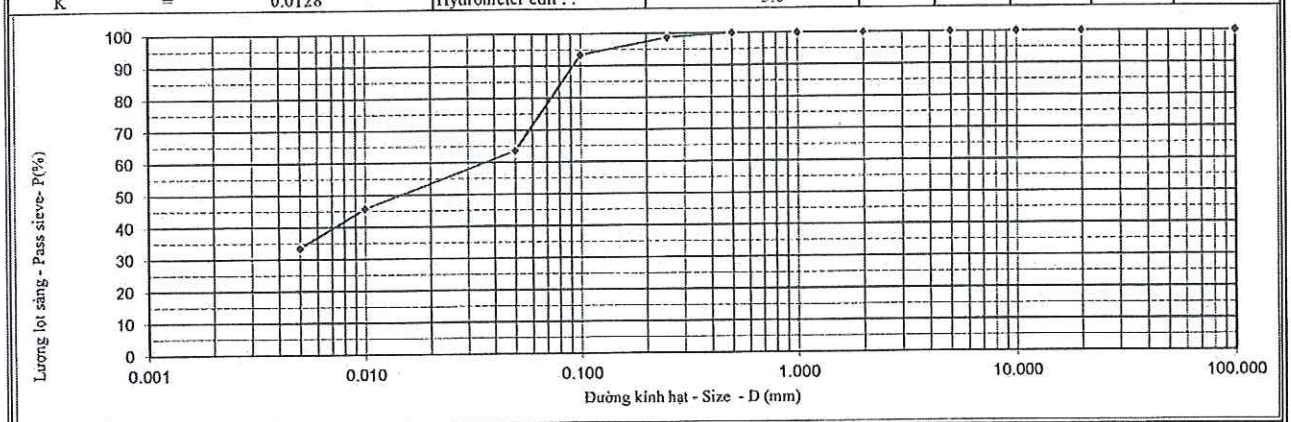
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.0	12.0	63.5	0.0490	
2	13.2	15.0	59.3	0.0350	
5	12.5	15.3	55.6	0.0224	
15	11.2	15.8	48.7	0.0131	
30	10.5	16.0	45.0	0.0094	
60	9.3	16.5	38.6	0.0067	
120	8.2	16.9	32.8	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.53	45.73	63.57	93.38	98.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.53	12.20	17.84	29.81	5.30	1.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu vàng, xám vàng nửa cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15012

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.32	2.32	2.32	97.68
0.500	4.15	4.15	6.47	93.53
0.250	5.24	5.24	11.71	88.29
0.100	66.28	66.28	77.99	22.01

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm³

K = 0.0128

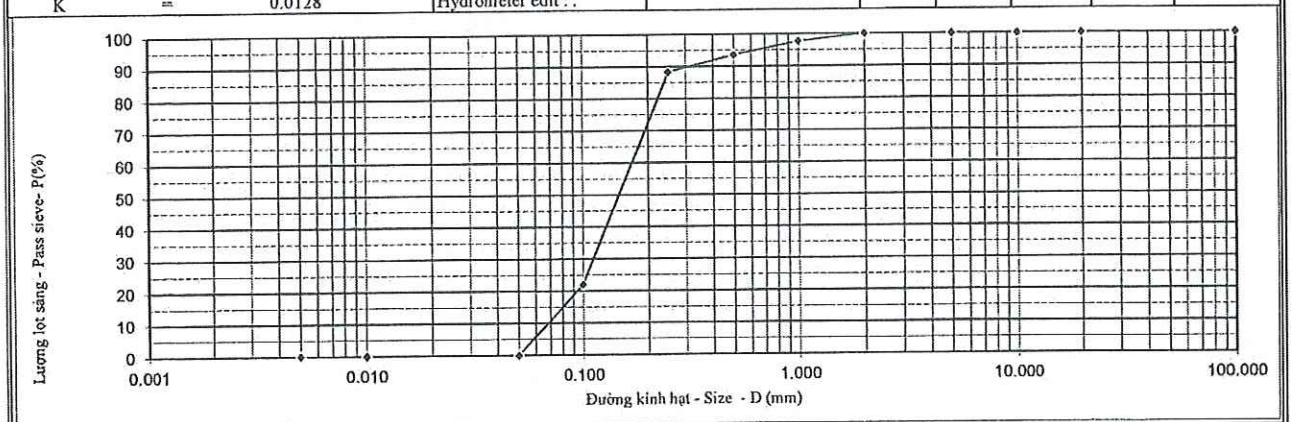
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	88.29	93.53	97.68	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	66.28	5.24	4.15	2.32	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15013

Hố khoan/Boring : LK5 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.04	2.04	2.04	97.96
0.500	3.20	3.20	5.24	94.76
0.250	4.15	4.15	9.39	90.61
0.100	69.57	69.57	78.96	21.04

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

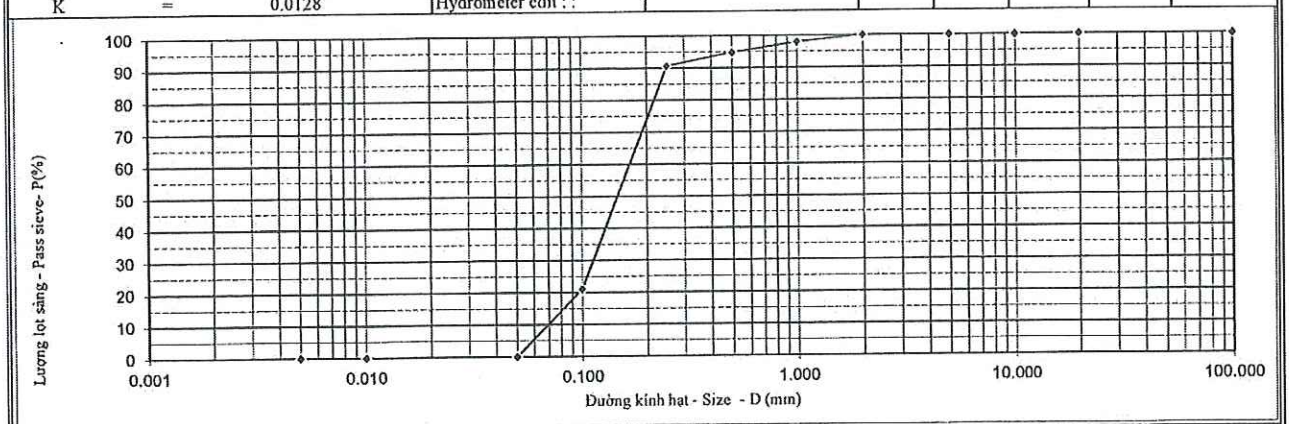
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.04	90.61	94.76	97.96	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.04	69.57	4.15	3.20	2.04	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14984

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.40 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.22	2.22	2.22	97.78
0.250	2.35	2.35	4.57	95.43
0.100	5.05	5.05	9.62	90.38

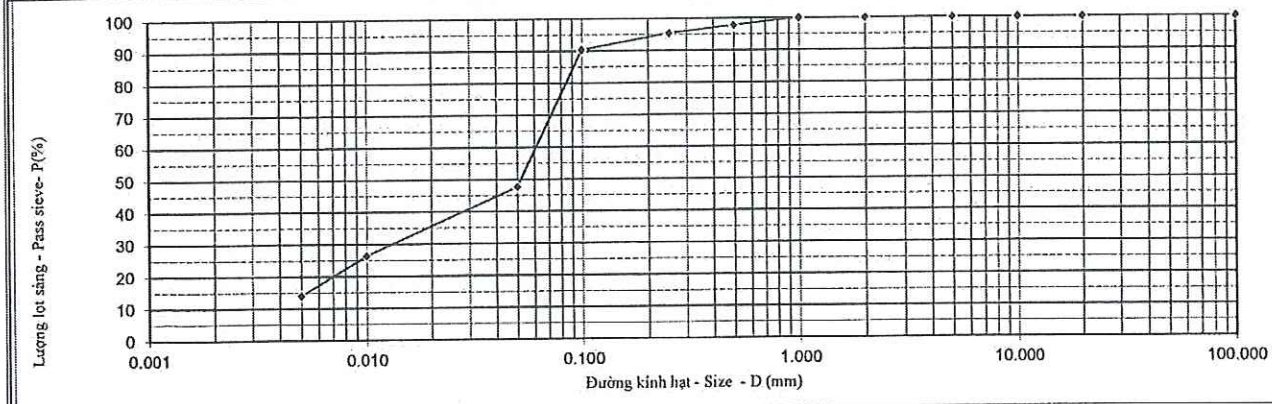
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	11.2	9.2	47.7	0.0508	
2	10.0	16.2	41.5	0.0364	
5	9.2	16.5	37.4	0.0233	
15	8.2	16.9	32.2	0.0136	
30	7.0	17.4	25.9	0.0097	
60	6.0	17.7	20.8	0.0070	
120	4.7	18.2	14.0	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	14.05	26.44	47.68	90.38	95.43	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	14.05	12.39	21.24	42.70	5.05	2.35	2.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám ghi dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14985

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.35	1.35	1.35	98.65
0.250	3.52	3.52	4.87	95.13
0.100	6.38	6.38	11.25	88.75

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

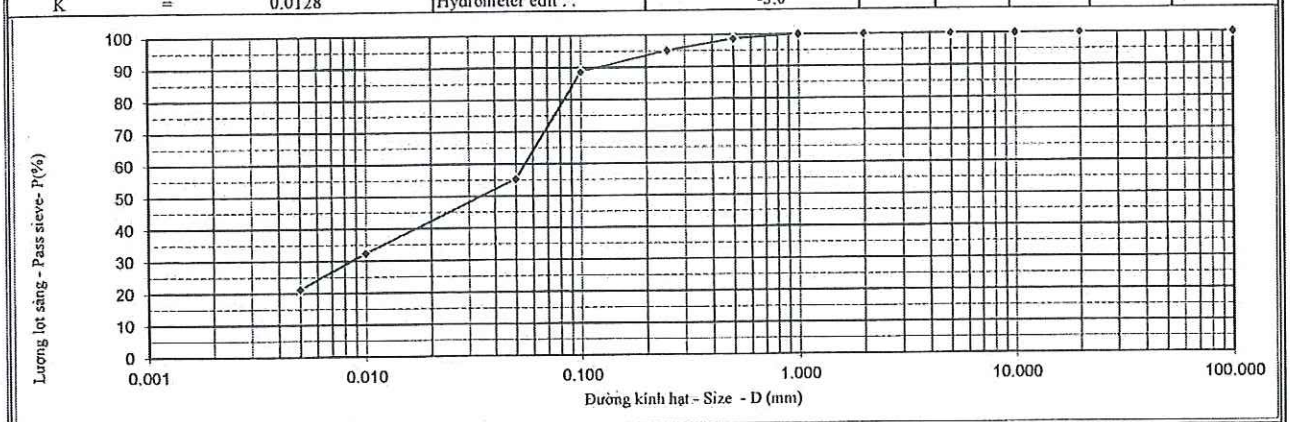
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.5	10.5	55.3	0.0500	
2	12.0	15.4	52.7	0.0356	
5	11.2	15.8	48.5	0.0227	
15	9.3	16.5	38.5	0.0134	
30	8.0	17.0	31.6	0.0096	
60	6.7	17.5	24.8	0.0069	
120	6.0	17.7	21.1	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.25	32.40	55.33	88.75	95.13	98.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.25	11.15	22.93	33.42	6.38	3.52	1.35	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi xanh, xám vàng dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14986

Hố khoan/Boring : LK6 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.30 -12.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.44	2.44	2.44	97.56
0.250	5.21	5.21	7.65	92.35
0.100	6.38	6.38	14.03	85.97

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0128

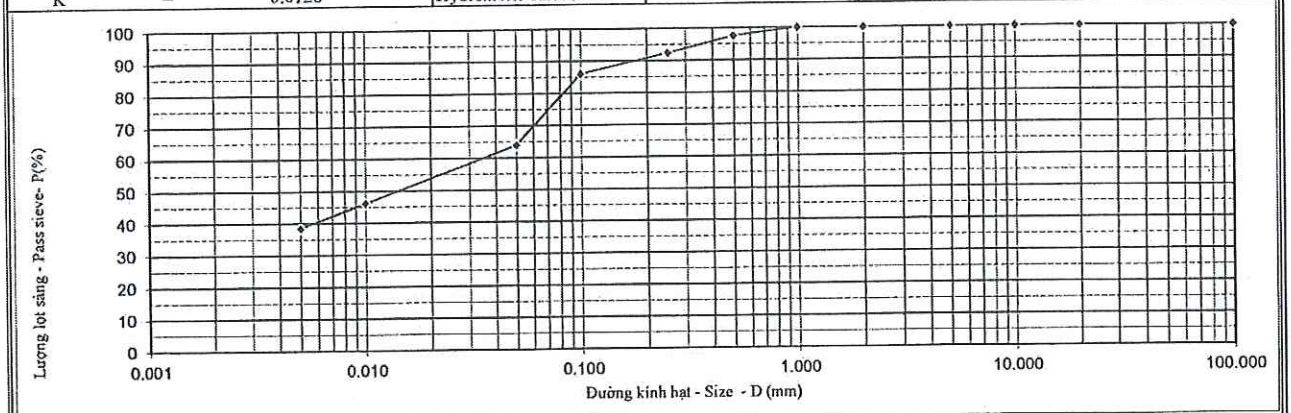
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.3	12.3	64.0	0.0489	
2	13.5	14.9	59.8	0.0349	
5	12.2	15.4	53.0	0.0224	
15	11.2	15.8	47.8	0.0131	
30	10.8	15.9	45.8	0.0093	
60	10.0	16.2	41.6	0.0067	
120	9.3	16.5	38.0	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.52	46.18	63.98	85.97	92.35	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.52	7.66	17.80	21.99	6.38	5.21	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Tp. thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14987

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: U8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.24	1.24	1.24	98.76
0.250	5.32	5.32	6.56	93.44
0.100	5.32	5.32	11.88	88.12

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

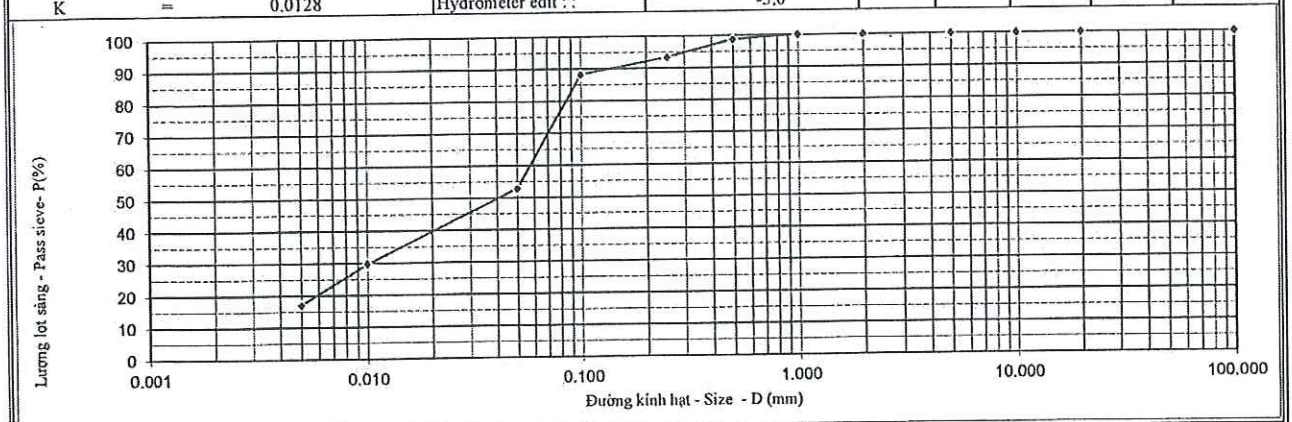
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	52.9	0.0503	
2	11.5	15.6	50.2	0.0358	
5	10.0	16.2	42.3	0.0230	
15	8.8	16.7	36.0	0.0135	
30	7.5	17.2	29.1	0.0097	
60	6.0	17.7	21.1	0.0070	
120	5.2	18.0	16.9	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	17.01	29.75	52.86	88.12	93.44	98.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	17.01	12.74	23.11	35.26	5.32	5.32	1.24	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng dẻo cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15014

Hố khoan/Boring : LK6 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.08	1.08	1.08	98.92
0.500	2.05	2.05	3.13	96.87
0.250	5.22	5.22	8.35	91.65
0.100	71.60	71.60	79.95	20.05

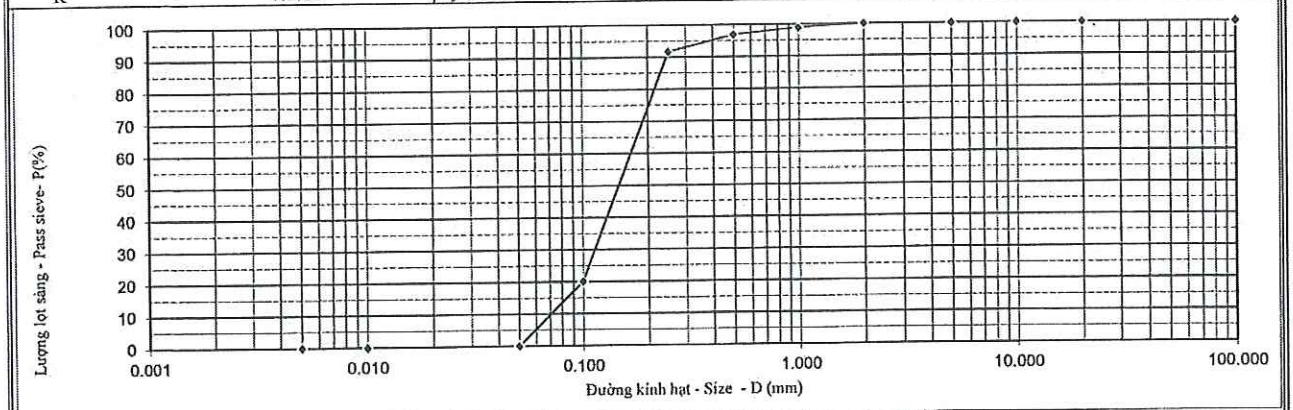
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	DK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.05	91.65	96.87	98.92	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.05	71.60	5.22	2.05	1.08	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC.
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14988

Hố khoan/Boring : LK7 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.35	3.35	3.35	96.65
0.100	5.02	5.02	8.37	91.63

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm³

K = 0.0128

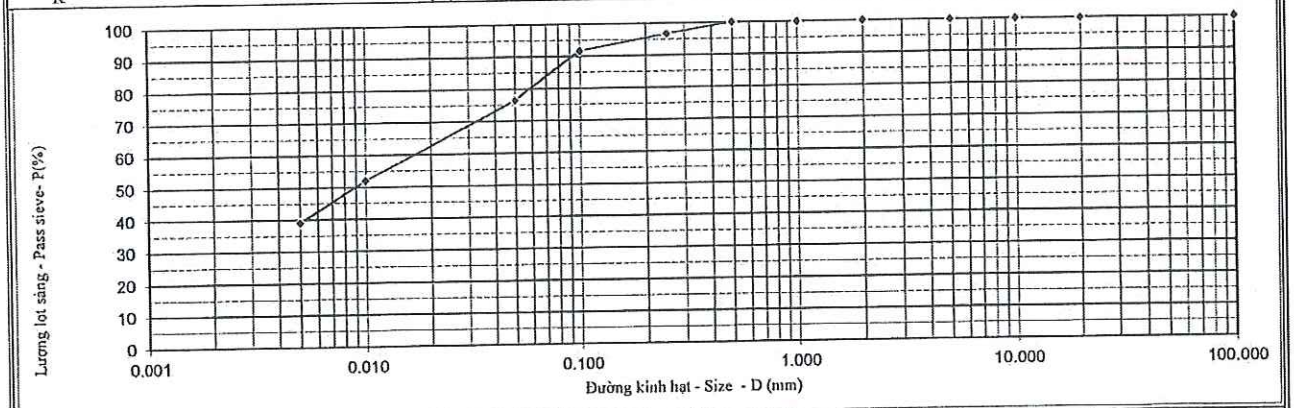
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.3	14.3	76.4	0.0476	
2	15.5	14.1	72.1	0.0340	
5	14.3	14.6	65.7	0.0218	
15	12.5	15.3	56.1	0.0129	
30	11.5	15.6	50.7	0.0092	
60	10.0	16.2	42.7	0.0067	
120	9.2	16.5	38.5	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.11	52.00	76.43	91.63	96.65	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.11	12.89	24.43	15.20	5.02	3.35	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14989

Hố khoan/Boring : LK7 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.80 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.44	2.44	2.44	97.56
0.100	5.55	5.55	7.99	92.01

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

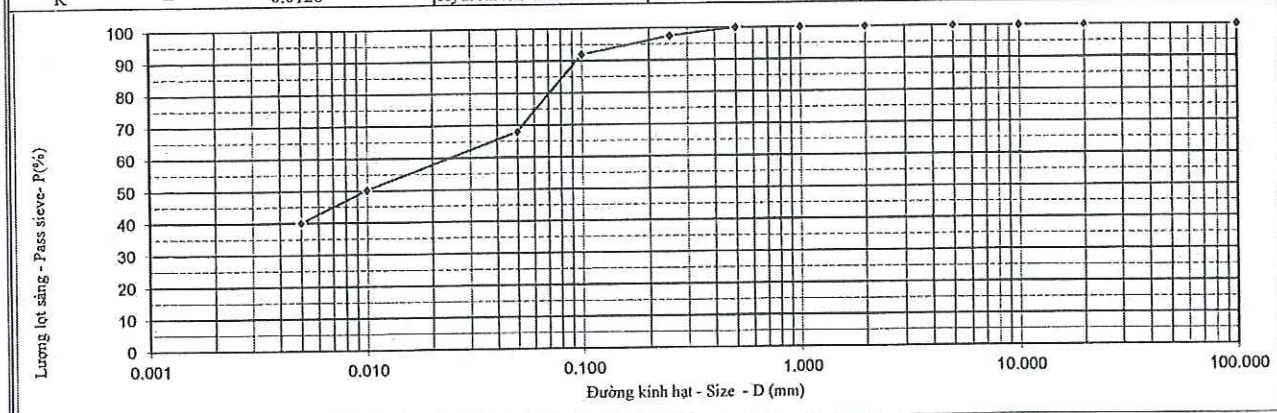
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.7	12.7	68.0	0.0486	
2	14.0	14.7	64.2	0.0347	
5	12.8	15.1	57.8	0.0223	
15	12.0	15.4	53.5	0.0130	
30	11.2	15.8	49.3	0.0093	
60	10.5	16.0	45.5	0.0066	
120	9.3	16.5	39.1	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	40.10	50.21	68.03	92.01	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	40.10	10.11	17.82	23.98	5.55	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14990

Hố khoan/Boring : LK7 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 9.20 -10.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.32	2.32	2.32	97.68
0.100	5.06	5.06	7.38	92.62

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3

K = 0.0128

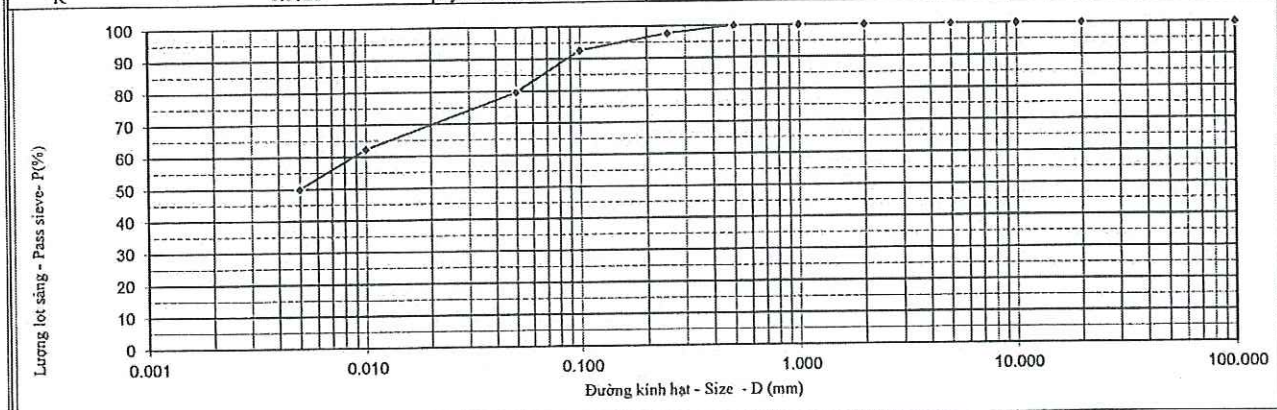
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	DK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	17.0	15.0	79.6	0.0471	
2	16.2	13.8	75.3	0.0337	
5	15.5	14.1	71.6	0.0215	
15	14.3	14.6	65.3	0.0126	
30	13.5	14.9	61.0	0.0090	
60	12.2	15.4	54.1	0.0065	
120	11.2	15.8	48.8	0.0046	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.01	62.33	79.64	92.62	97.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.01	12.32	17.31	12.98	5.06	2.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14991

Hố khoan/Boring : LK7 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.80 -14.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	3.35	3.35	7.50	92.50
0.100	5.02	5.02	12.52	87.48

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

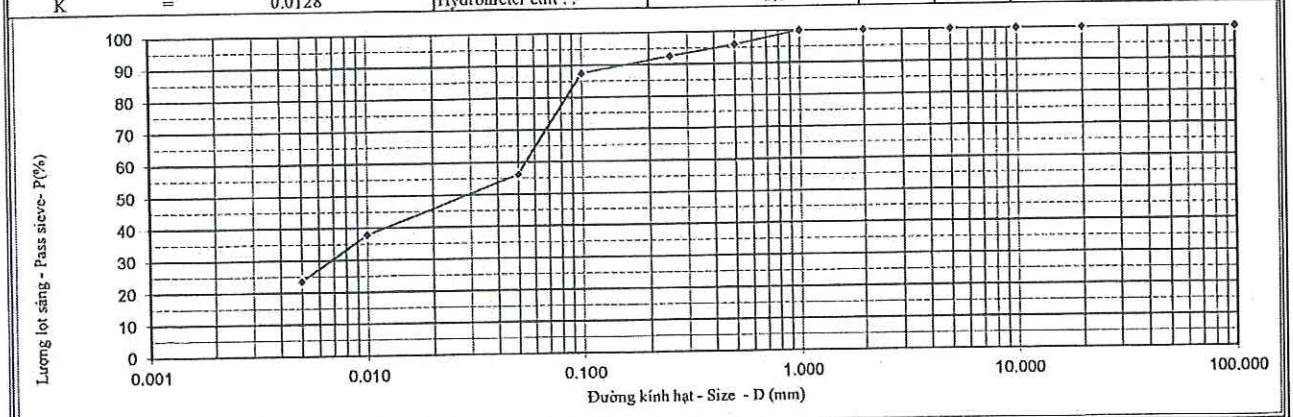
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	56.2	0.0497	
2	12.2	15.4	52.1	0.0355	
5	11.5	15.6	48.5	0.0226	
15	10.0	16.2	40.9	0.0133	
30	9.3	16.5	37.3	0.0095	
60	8.2	16.9	31.7	0.0068	
120	6.5	17.5	23.0	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.55	37.85	56.20	87.48	92.50	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.55	14.30	18.35	31.28	5.02	3.35	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14992

Hố khoan/Boring : LK7 Số hiệu mẫu/Sample - No: U8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	1.32	1.32	1.32	98.68
0.100	5.54	5.54	6.86	93.14

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3

K = 0.0128

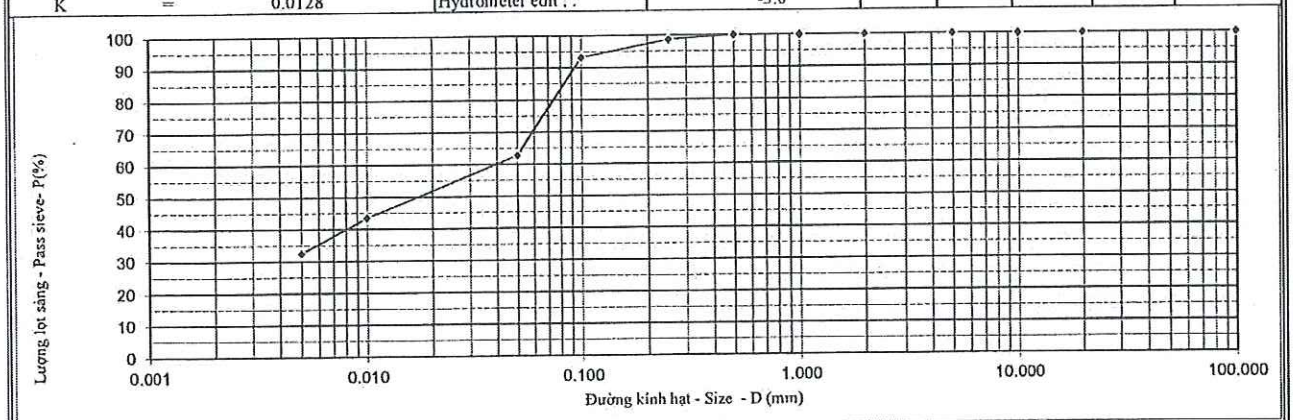
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.8	11.8	62.7	0.0492	
2	13.0	15.1	58.5	0.0351	
5	12.0	15.4	53.2	0.0225	
15	11.0	15.8	47.9	0.0131	
30	10.0	16.2	42.5	0.0094	
60	9.0	16.6	37.2	0.0067	
120	8.0	17.0	31.9	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.51	43.51	62.78	93.14	98.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.51	11.00	19.27	30.36	5.54	1.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét ghi xanh, xám vàng dẻo cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15015

Hố khoan/Boring : LK7 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.33	2.33	2.33	97.67
0.500	5.42	5.42	7.75	92.25
0.250	3.65	3.65	11.40	88.60
0.100	66.28	66.28	77.68	22.32

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

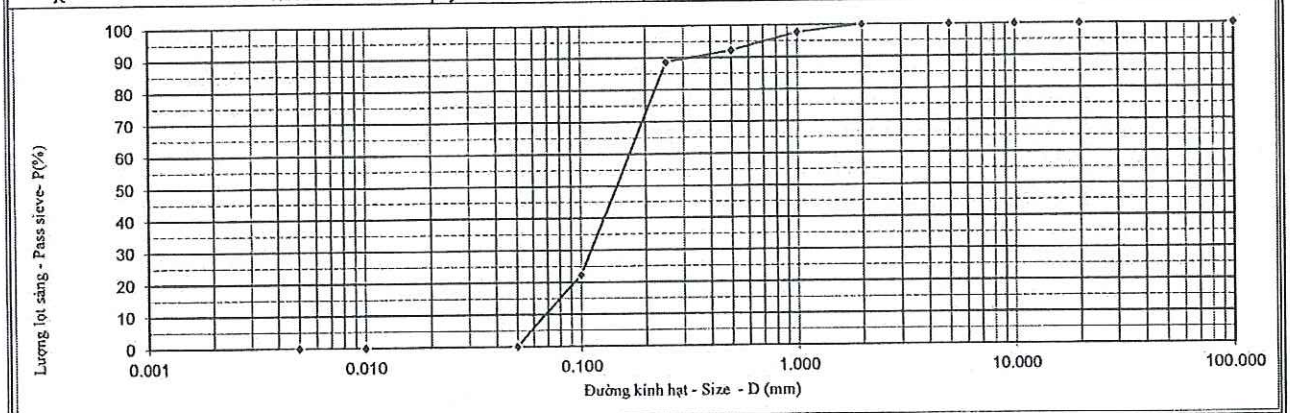
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.32	88.60	92.25	97.67	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.32	66.28	3.65	5.42	2.33	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám ghi										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14993

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.30	2.30	2.30	97.70
0.250	3.65	3.65	5.95	94.05
0.100	4.98	4.98	10.93	89.07

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

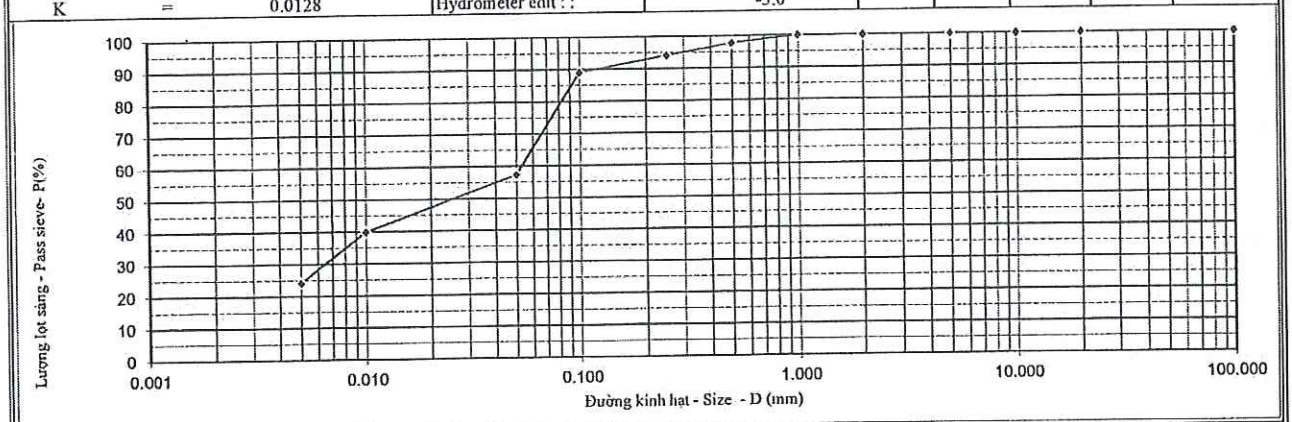
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.3	0.0497	
2	12.4	15.3	54.2	0.0354	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.5	16.0	44.3	0.0132	
30	9.5	16.4	39.1	0.0095	
60	8.5	16.8	33.8	0.0068	
120	6.5	17.5	23.4	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	24.12	39.91	57.29	89.07	94.05	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	24.12	15.79	17.38	31.78	4.98	3.65	2.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14994

Hố khoan/Boring : LK8 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.30	3.30	3.30	96.70
0.250	5.55	5.55	8.85	91.15
0.100	7.84	7.84	16.69	83.31

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0128

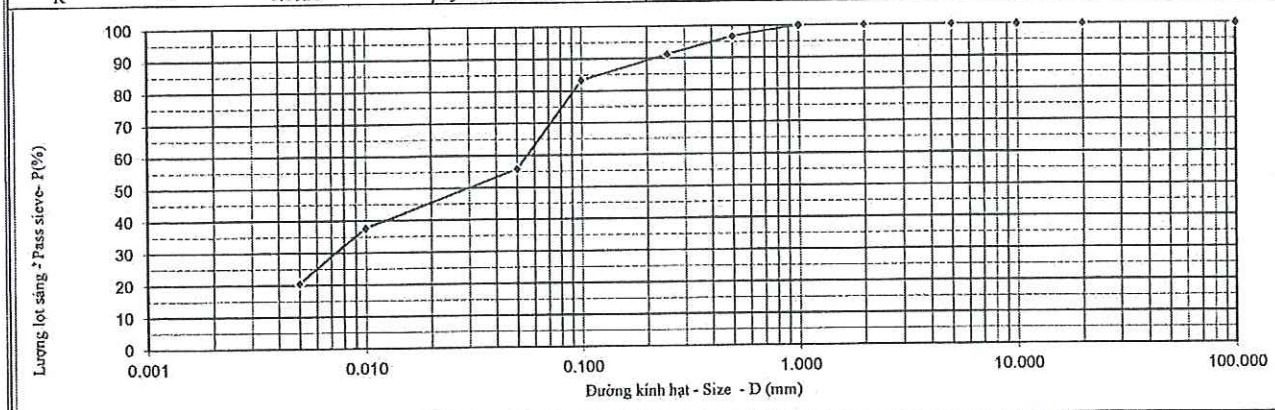
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	55.7	0.0498	
2	12.1	15.4	52.1	0.0355	
5	11.5	15.6	49.0	0.0226	
15	10.0	16.2	41.2	0.0133	
30	9.2	16.5	37.1	0.0095	
60	7.5	17.2	28.3	0.0068	
120	5.9	17.8	20.1	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.47	37.74	55.66	83.31	91.15	96.70	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.47	17.27	17.92	27.65	7.84	5.55	3.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi xanh dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15025

Hố khoan/Boring : LK8 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.96	0.96	0.96	99.04
0.500	6.38	6.38	7.34	92.66
0.250	8.36	8.36	15.70	84.30
0.100	63.86	63.86	79.56	20.44

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

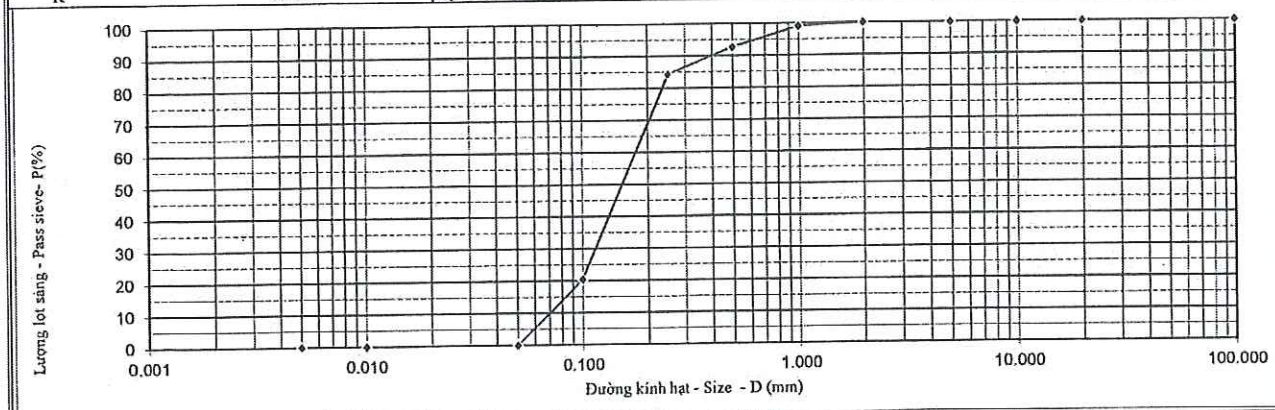
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.44	84.30	92.66	99.04	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.44	63.86	8.36	6.38	0.96	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14995

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: U6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.32	2.32	2.32	97.68
0.250	5.54	5.54	7.86	92.14
0.100	7.98	7.98	15.84	84.16

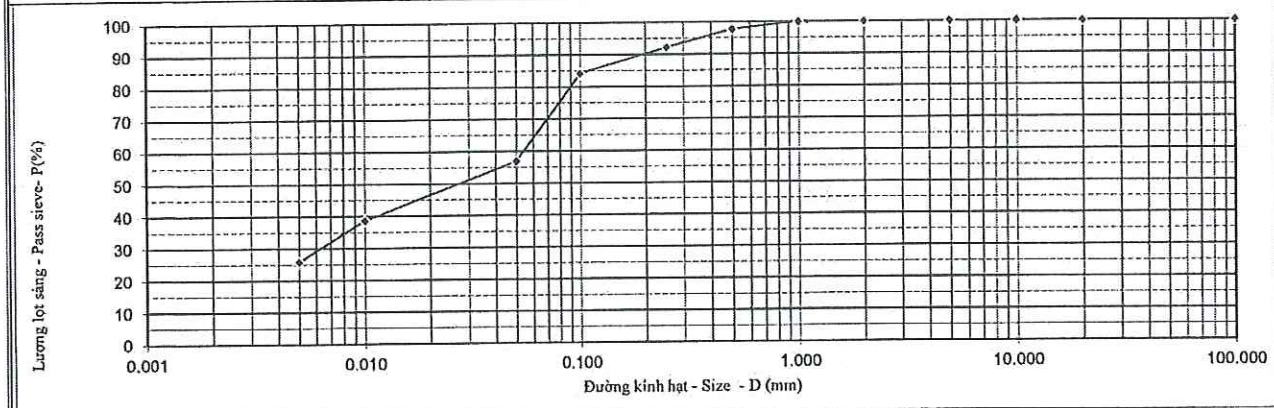
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.9	10.9	56.9	0.0497	
2	12.1	15.4	52.7	0.0355	
5	11.5	15.6	49.6	0.0226	
15	10.0	16.2	41.7	0.0133	
30	9.3	16.5	38.1	0.0095	
60	7.5	17.2	28.7	0.0068	
120	6.9	17.4	25.6	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	25.80	38.66	56.88	84.16	92.14	97.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	25.80	12.86	18.22	27.28	7.98	5.54	2.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám đen, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14996

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.54	2.54	2.54	97.46
0.100	7.80	7.80	10.34	89.66

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3

K = 0.0128

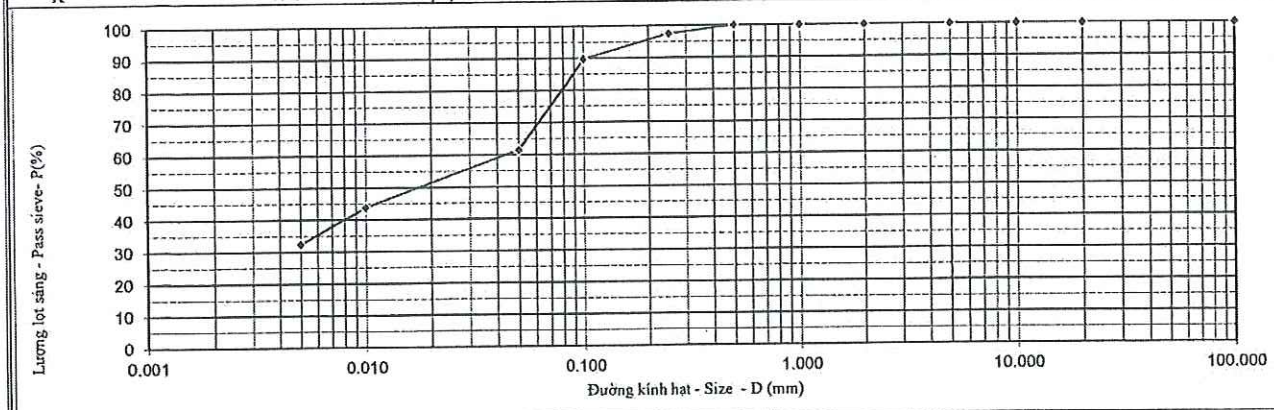
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.4	0.0493	
2	13.0	15.1	58.2	0.0351	
5	12.2	15.4	54.0	0.0224	
15	11.5	15.6	50.3	0.0131	
30	10.0	16.2	42.4	0.0094	
60	9.0	16.6	37.1	0.0067	
120	8.0	17.0	31.8	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.36	43.83	61.43	89.66	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.36	11.47	17.60	28.23	7.80	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám ghi, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15016

Hố khoan/Boring : LK8 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.44	2.44	2.44	97.56
0.500	3.68	3.68	6.12	93.88
0.250	5.02	5.02	11.14	88.86
0.100	64.71	64.71	75.85	24.15

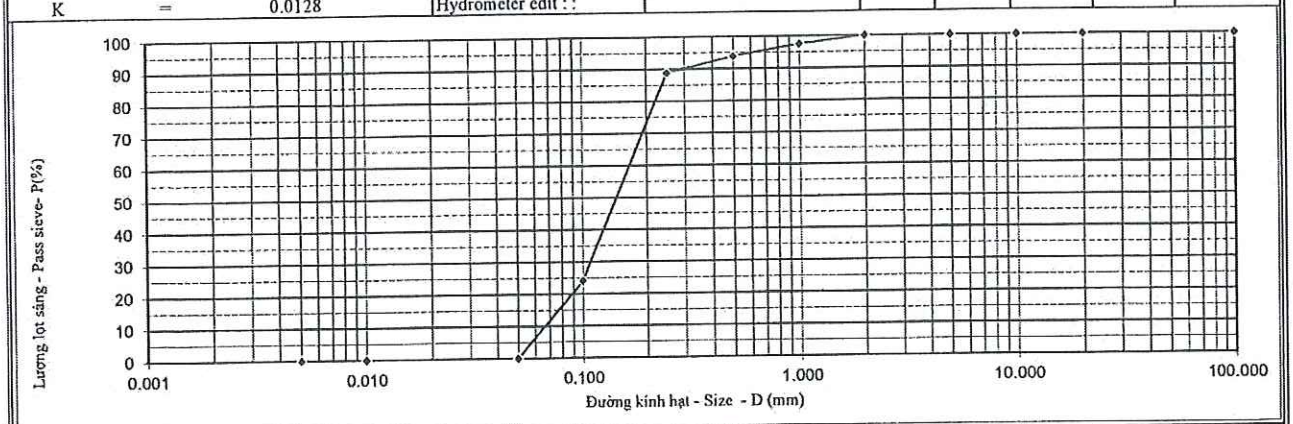
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	24.15	88.86	93.88	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	24.15	64.71	5.02	3.68	2.44	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám xanh, kẹp Á sét										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14997

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.33	3.33	3.33	96.67
0.250	3.05	3.05	6.38	93.62
0.100	3.68	3.68	10.06	89.94

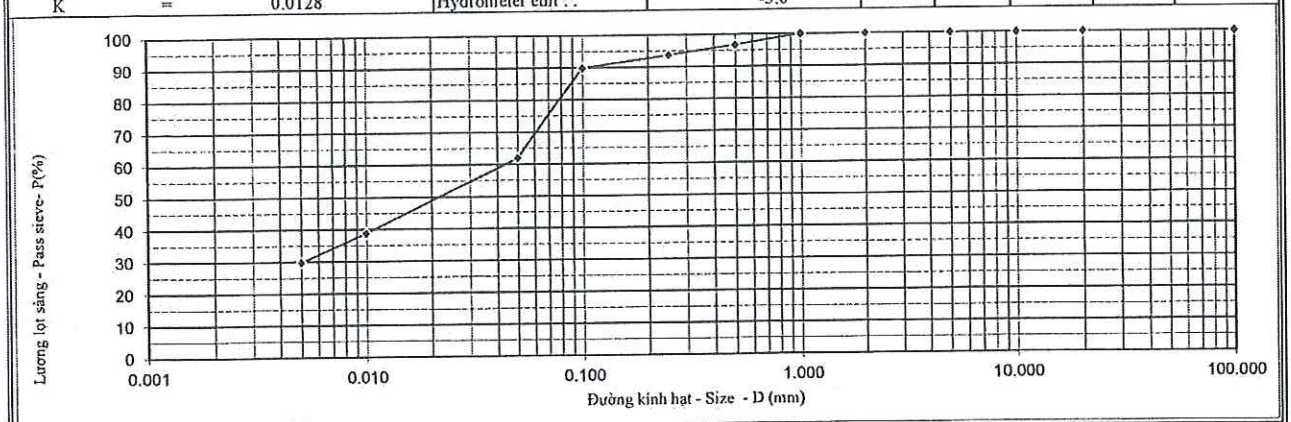
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.0	12.0	62.0	0.0490	
2	13.2	15.0	57.8	0.0350	
5	12.5	15.3	54.2	0.0224	
15	11.2	15.8	47.5	0.0131	
30	9.2	16.5	37.2	0.0095	
60	8.5	16.8	33.6	0.0068	
120	7.7	17.1	29.4	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	29.86	38.83	62.01	89.94	93.62	96.67	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	29.86	8.97	23.18	27.93	3.68	3.05	3.33	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu xám, xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14998

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.22	2.22	2.22	97.78
0.250	2.65	2.65	4.87	95.13
0.100	5.54	5.54	10.41	89.59

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm³

K = 0.0128

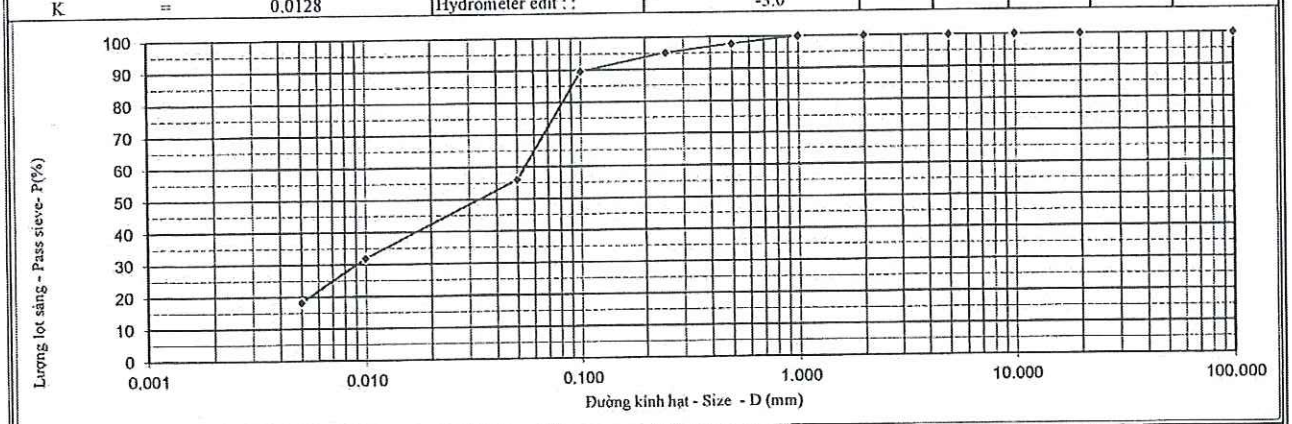
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	56.0	0.0498	
2	12.0	15.4	51.9	0.0356	
5	11.2	15.8	47.7	0.0227	
15	9.3	16.5	37.9	0.0134	
30	8.0	17.0	31.1	0.0096	
60	6.5	17.5	23.3	0.0069	
120	5.5	17.9	18.2	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.32	31.90	56.04	89.59	95.13	97.78	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.32	13.58	24.14	33.55	5.54	2.65	2.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, xám ghi dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15017

Hố khoan/Boring : LK9 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 — Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.02	2.02	2.02	97.98
0.500	5.02	5.02	7.04	92.96
0.250	5.22	5.22	12.26	87.74
0.100	67.42	67.42	79.68	20.32

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

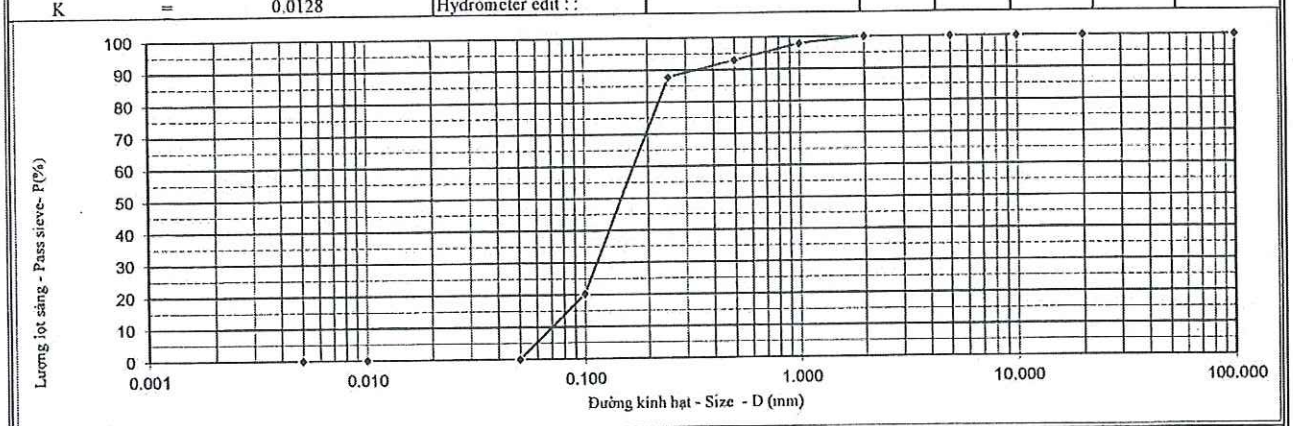
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.32	87.74	92.96	97.98	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.32	67.42	5.22	5.02	2.02	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, xám đen										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14999

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.41	2.41	2.41	97.59
0.250	4.54	4.54	6.95	93.05
0.100	7.00	7.00	13.95	86.05

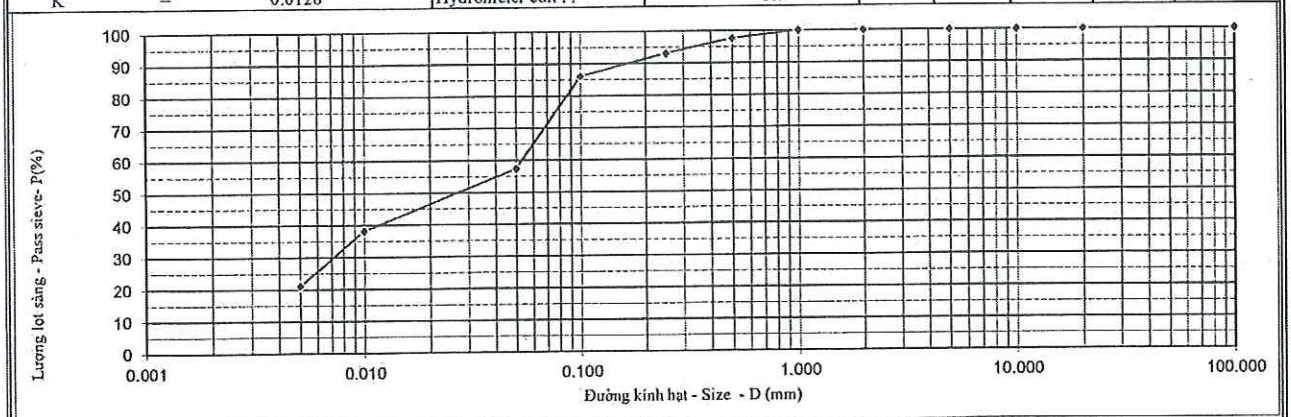
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.3	0.0497	
2	12.2	15.4	53.2	0.0355	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.0	16.2	41.7	0.0133	
30	9.2	16.5	37.5	0.0095	
60	7.2	17.3	27.1	0.0069	
120	6.0	17.7	20.9	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	21.15	38.17	57.35	86.05	93.05	97.59	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	21.15	17.02	19.18	28.70	7.00	4.54	2.41	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám đen, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15000

Hố khoan/Boring : LK9 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.55	0.55	0.55	99.45
0.250	3.35	3.35	3.90	96.10
0.100	6.52	6.52	10.42	89.58

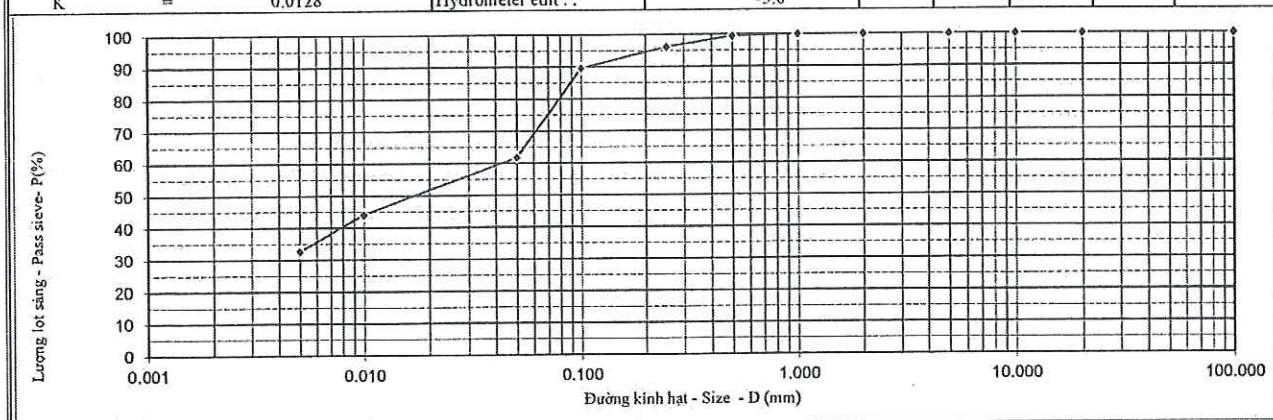
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mín	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.8	0.0493	
2	13.0	15.1	58.6	0.0351	
5	12.2	15.4	54.3	0.0224	
15	11.5	15.6	50.6	0.0131	
30	10.0	16.2	42.6	0.0094	
60	9.2	16.5	38.3	0.0067	
120	8.0	17.0	31.9	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.67	44.07	61.78	89.58	96.10	99.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.67	11.40	17.71	27.80	6.52	3.35	0.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám ghi, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14902

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.62	3.62	3.62	96.38
0.100	5.62	5.62	9.24	90.76

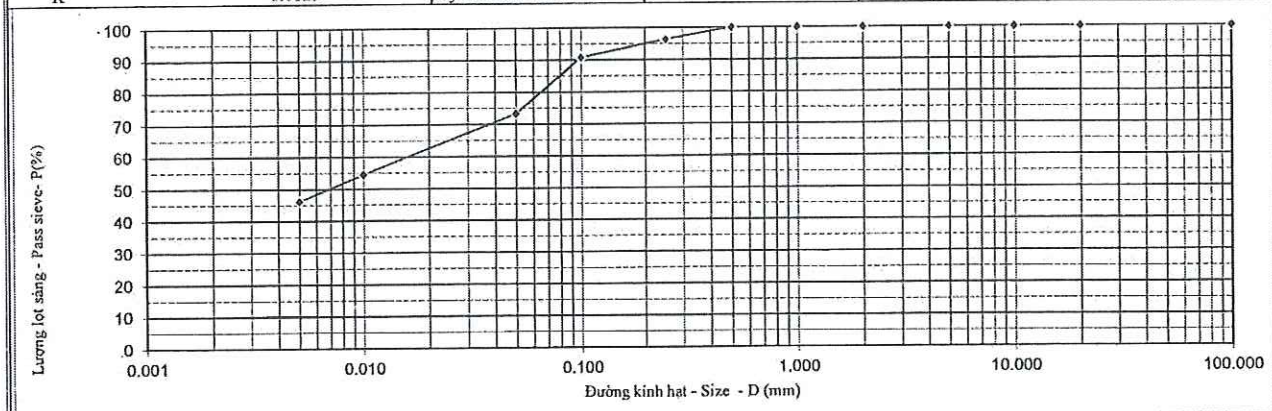
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.7	13.7	73.3	0.0483	
2	15.0	14.3	69.6	0.0345	
5	14.2	14.6	65.3	0.0220	
15	12.8	15.1	57.8	0.0130	
30	12.0	15.4	53.5	0.0093	
60	11.2	15.8	49.3	0.0066	
120	10.5	16.0	45.5	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0,25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	46.16	54.52	73.38	90.76	96.38	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	46.16	8.36	18.86	17.38	5.62	3.62	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14903

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.54	2.54	2.54	97.46
0.100	5.18	5.18	7.72	92.28

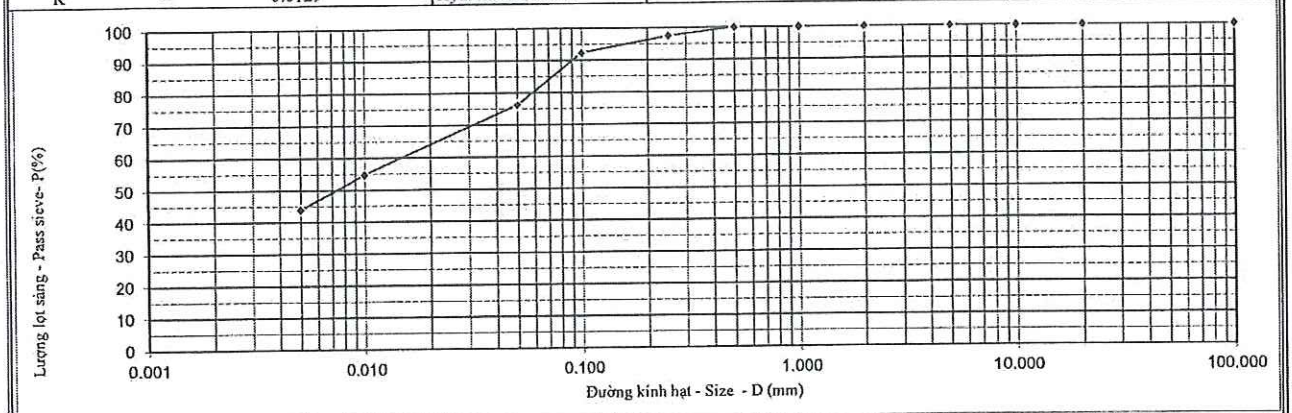
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.3	14.3	76.2	0.0479	
2	15.5	14.1	71.9	0.0343	
5	14.3	14.6	65.6	0.0220	
15	13.2	15.0	59.7	0.0129	
30	12.0	15.4	53.3	0.0093	
60	11.5	15.6	50.6	0.0066	
120	10.0	16.2	42.6	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	43.93	54.78	76.25	92.28	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	43.93	10.85	21.47	16.03	5.18	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, xám đen, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

VD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14904

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.44	2.44	2.44	97.56
0.250	5.61	5.61	8.05	91.95
0.100	8.32	8.32	16.37	83.63

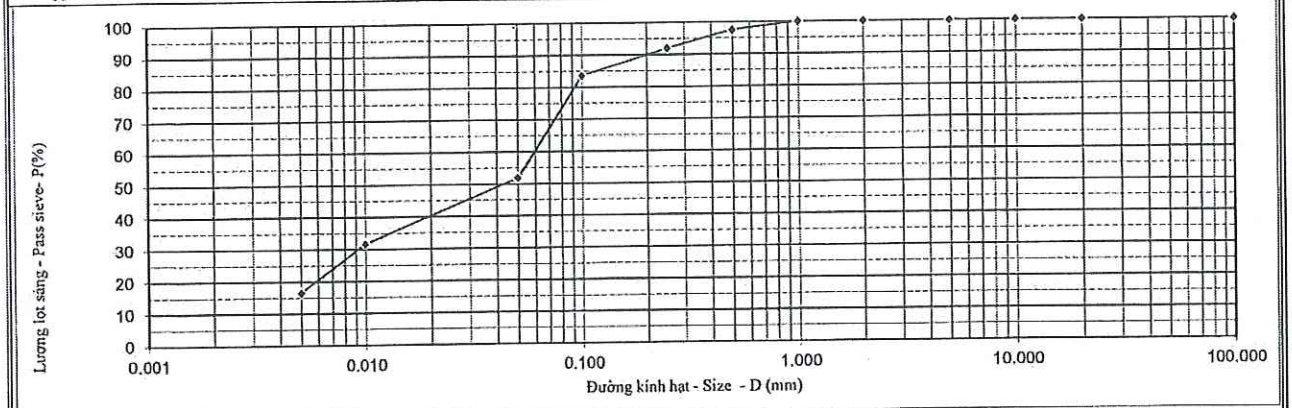
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	51.9	0.0507	
2	11.5	15.6	49.3	0.0361	
5	10.0	16.2	41.5	0.0232	
15	9.2	16.5	37.4	0.0135	
30	8.0	17.0	31.1	0.0097	
60	6.5	17.5	23.3	0.0070	
120	5.2	18.0	16.6	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.59	31.69	51.86	83.63	91.95	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.59	15.10	20.17	31.77	8.32	5.61	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, xám vàng, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14905

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU8

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.20 -14.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.33	3.33	3.33	96.67
0.250	6.35	6.35	9.68	90.32
0.100	8.52	8.52	18.20	81.80

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0129

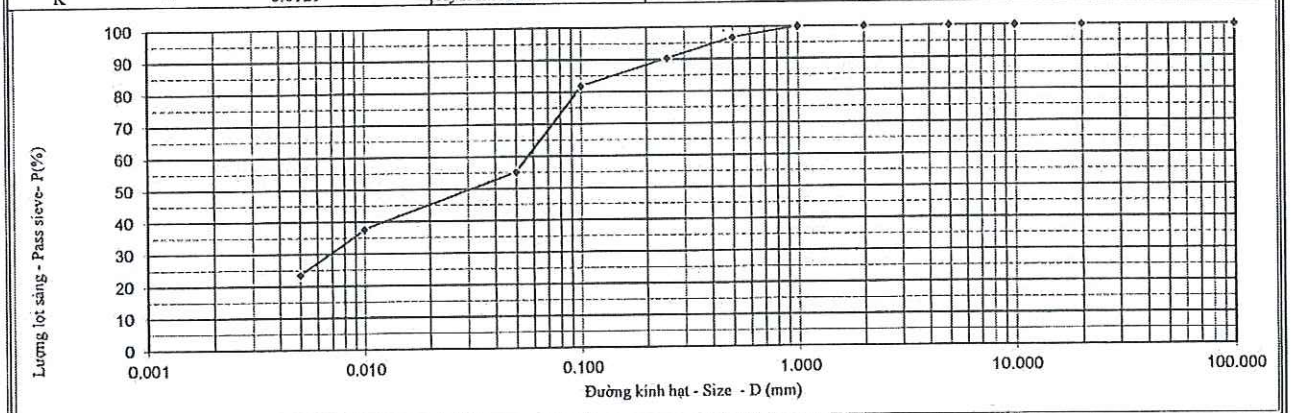
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.7	10.7	55.1	0.0503	
2	12.0	15.4	51.5	0.0358	
5	11.5	15.6	48.9	0.0228	
15	10.0	16.2	41.2	0.0134	
30	9.2	16.5	37.1	0.0096	
60	8.0	17.0	30.9	0.0069	
120	6.5	17.5	23.2	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.50	37.63	55.12	81.80	90.32	96.67	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.50	14.13	17.49	26.68	8.52	6.35	3.33	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn Á sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14932

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: D10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 18.00 -18.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.36	2.36	2.36	97.64
0.500	4.05	4.05	6.41	93.59
0.250	10.20	10.20	16.61	83.39
0.100	59.17	59.17	75.78	24.22

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

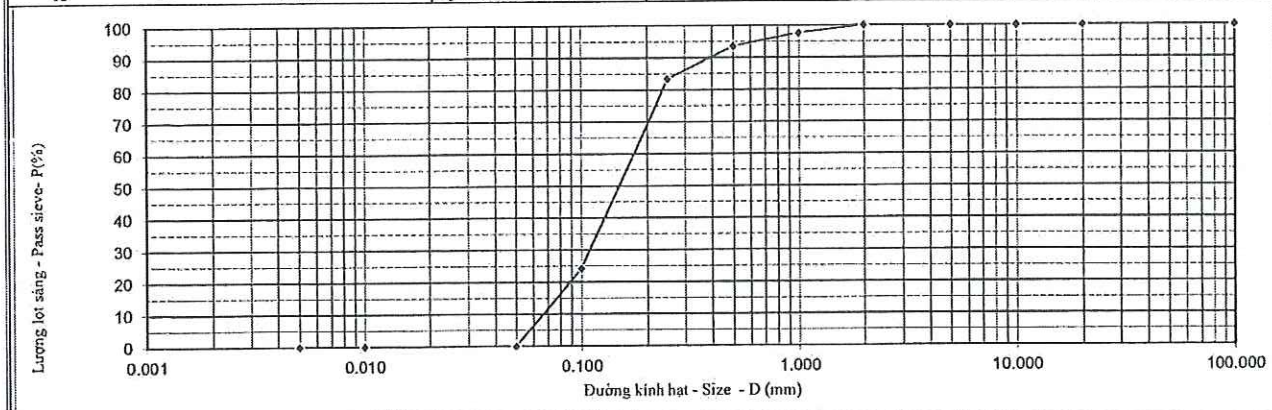
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	24.22	83.39	93.59	97.64	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	24.22	59.17	10.20	4.05	2.36	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu vàng, xám vàng, kẹp sét pha										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14933

Hố khoan/Boring : LK10 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.11	2.11	2.11	97.89
0.500	2.02	2.02	4.13	95.87
0.250	11.21	11.21	15.34	84.66
0.100	64.51	64.51	79.85	20.15

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

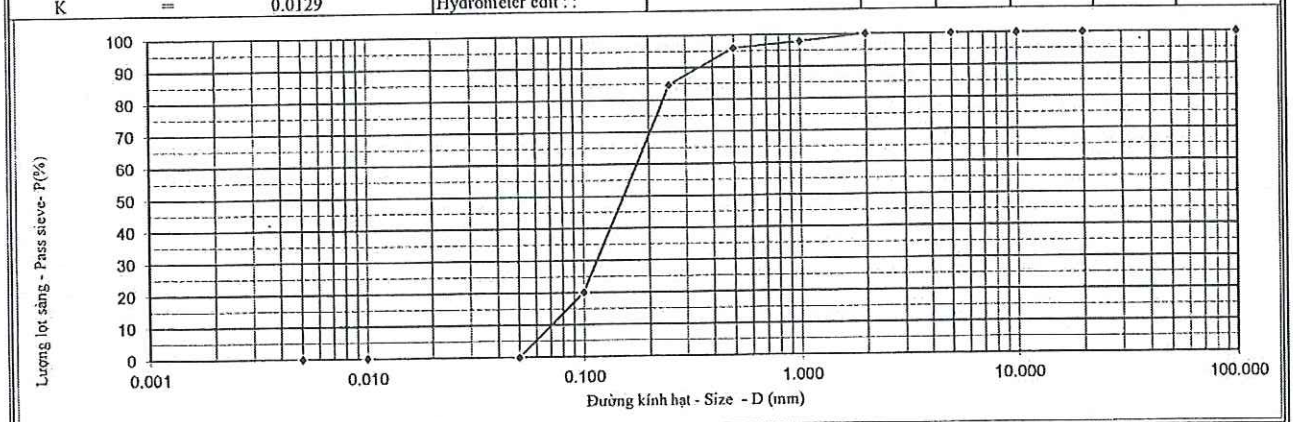
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.15	84.66	95.87	97.89	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.15	64.51	11.21	2.02	2.11	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14934

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D17

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 32.00 -32.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.01	1.01	1.01	98.99
0.500	3.12	3.12	4.13	95.87
0.250	14.05	14.05	18.18	81.82
0.100	70.61	70.61	88.79	11.21

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

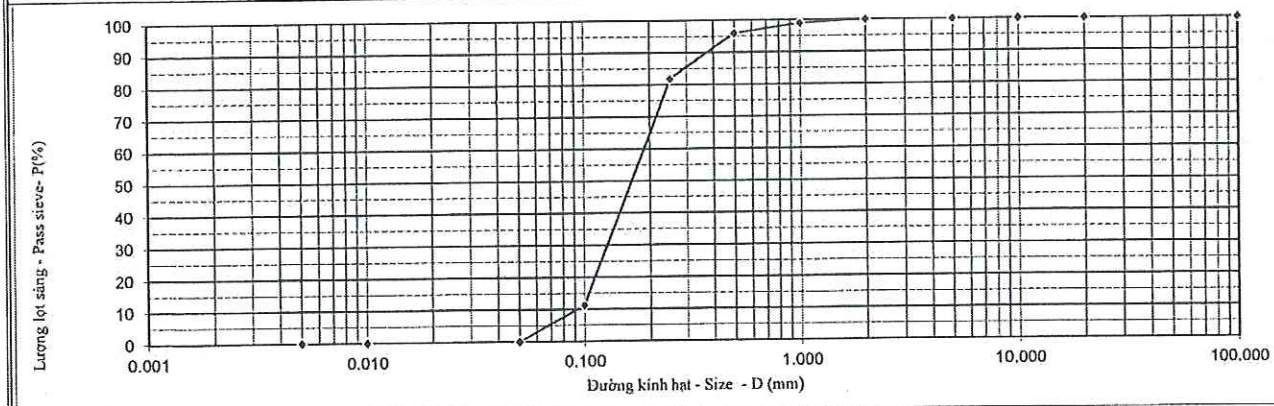
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	11.21	81.82	95.87	98.99	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	11.21	70.61	14.05	3.12	1.01	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14935

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D20

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 38.00 -38.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.25	1.25	1.25	98.75
0.500	2.80	2.80	4.05	95.95
0.250	10.20	10.20	14.25	85.75
0.100	69.40	69.40	83.65	16.35

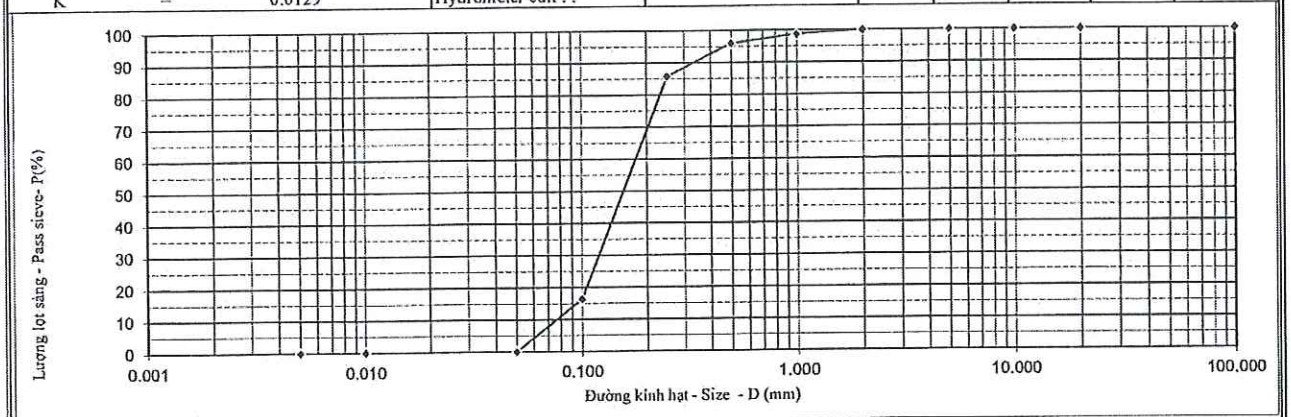
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	16.35	85.75	95.95	98.75	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	16.35	69.40	10.20	2.80	1.25	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14936

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D23

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 44.00 -44.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	9.35	9.35	13.50	86.50
0.100	66.28	66.28	79.78	20.22

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

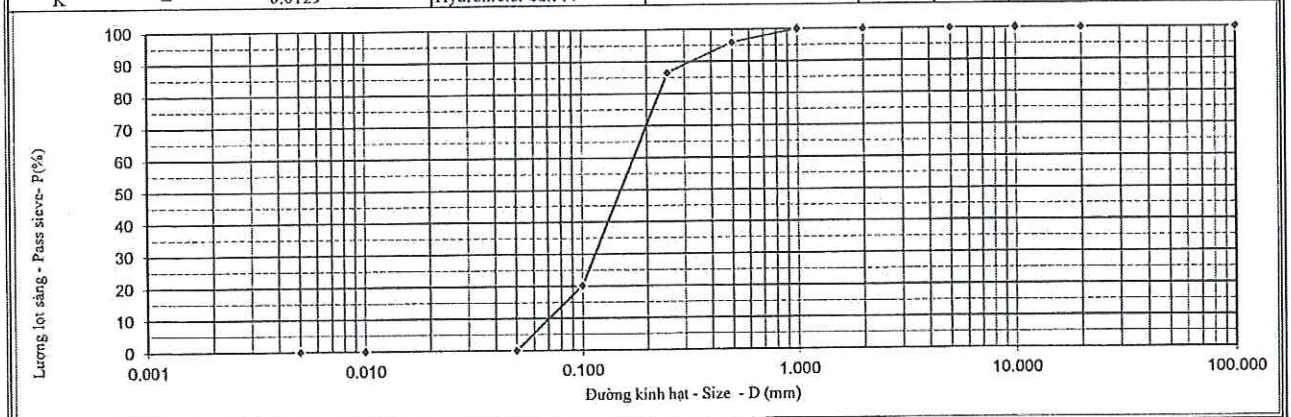
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.22	86.50	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.22	66.28	9.35	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14937

Hố khoan/Boring : LK10 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D25

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 48.00 -48.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	2.36	2.36	2.36	97.64
2.00	4.15	4.15	6.51	93.49
1.00	2.30	2.30	8.81	91.19
0.500	2.32	2.32	11.13	88.87
0.250	11.21	11.21	22.34	77.66
0.100	55.62	55.62	77.96	22.04

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

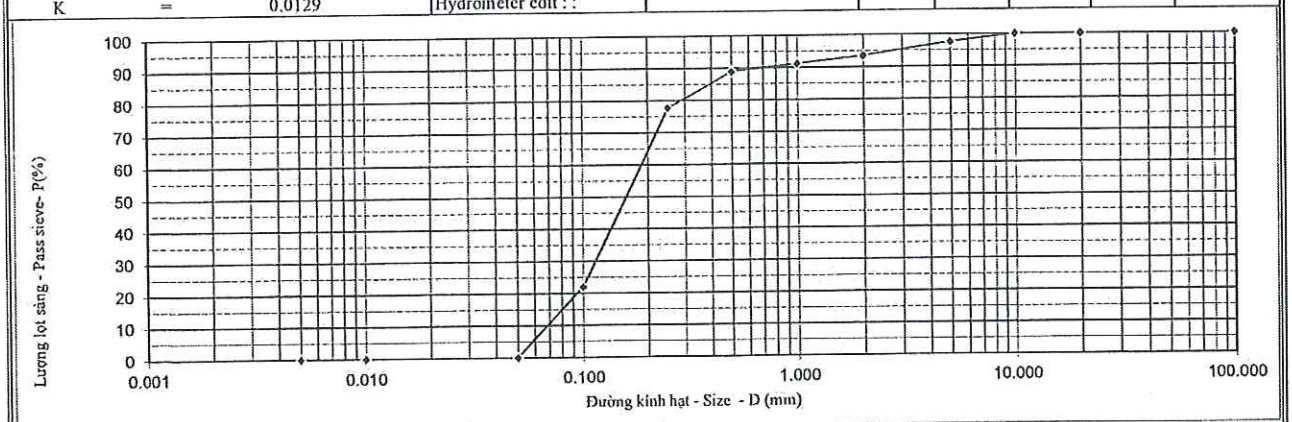
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.04	77.66	88.87	91.19	93.49	97.64	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.04	55.62	11.21	2.32	2.30	4.15	2.36	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, xám đen, lẫn sỏi sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14906

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.44	2.44	2.44	97.56
0.100	5.98	5.98	8.42	91.58

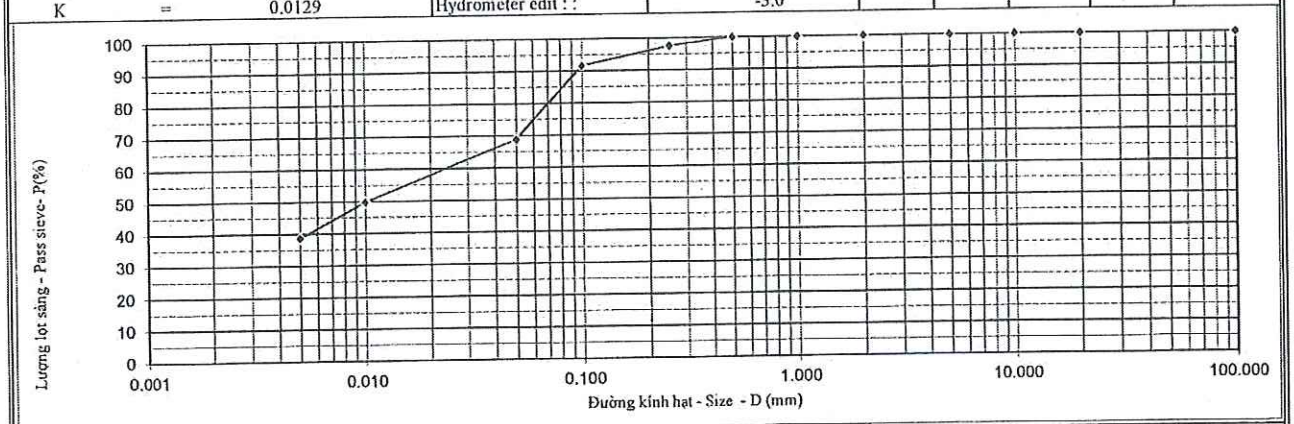
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.0	13.0	68.8	0.0488	
2	14.3	14.6	65.1	0.0348	
5	13.5	14.9	60.9	0.0222	
15	12.2	15.4	54.0	0.0131	
30	11.2	15.8	48.7	0.0093	
60	10.0	16.2	42.4	0.0067	
120	9.2	16.5	38.1	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.67	49.78	68.86	91.58	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.67	11.11	19.08	22.72	5.98	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu hồng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14907

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.80 -2.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.85	3.85	3.85	96.15
0.100	7.62	7.62	11.47	88.53

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

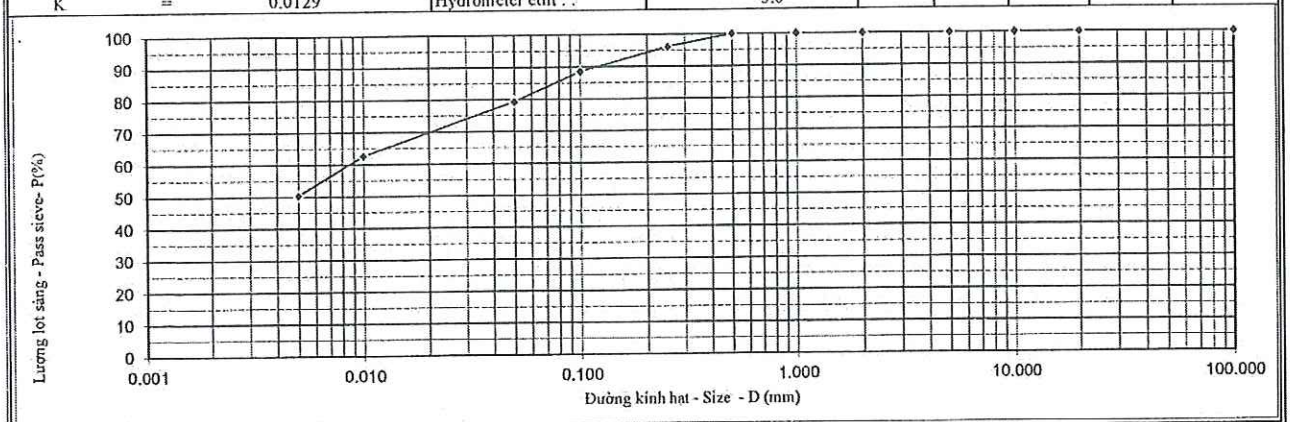
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.8	14.8	79.2	0.0476	
2	16.2	13.8	76.0	0.0339	
5	15.5	14.1	72.3	0.0217	
15	14.2	14.6	65.3	0.0127	
30	13.5	14.9	61.6	0.0091	
60	12.2	15.4	54.6	0.0065	
120	11.2	15.8	49.3	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.33	62.63	79.25	88.53	96.15	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.33	12.30	16.62	9.28	7.62	3.85	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, xám đen, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14901

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.05	2.05	2.05	97.95
0.100	4.51	4.51	6.56	93.44

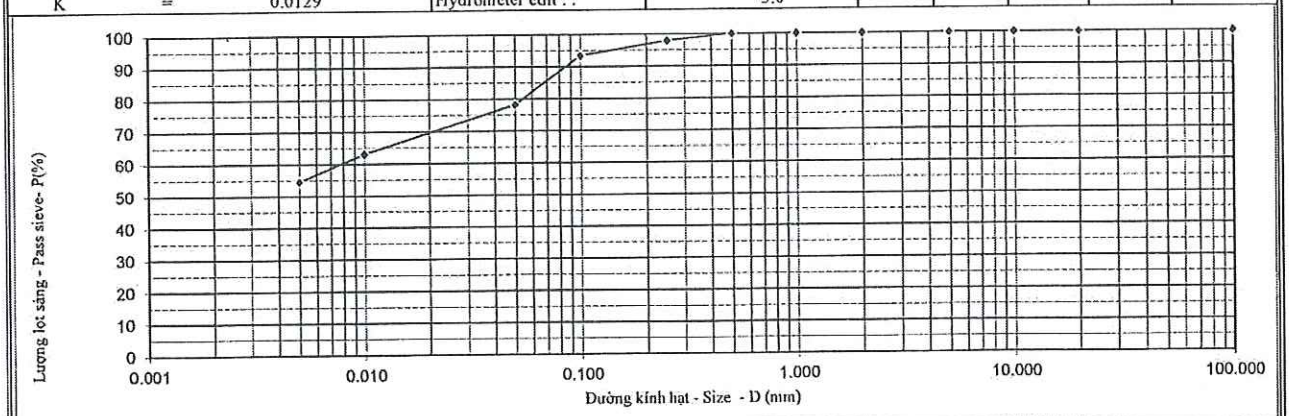
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	78.2	0.0477	
2	16.0	13.9	74.9	0.0340	
5	15.2	14.2	70.7	0.0218	
15	14.5	14.5	66.9	0.0127	
30	13.5	14.9	61.6	0.0091	
60	12.8	15.1	57.8	0.0065	
120	12.0	15.4	53.5	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	54.52	63.11	78.21	93.44	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	54.52	8.59	15.10	15.23	4.51	2.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, xám đen, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14908

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	6.35	6.35	10.50	89.50
0.100	8.52	8.52	19.02	80.98

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0129

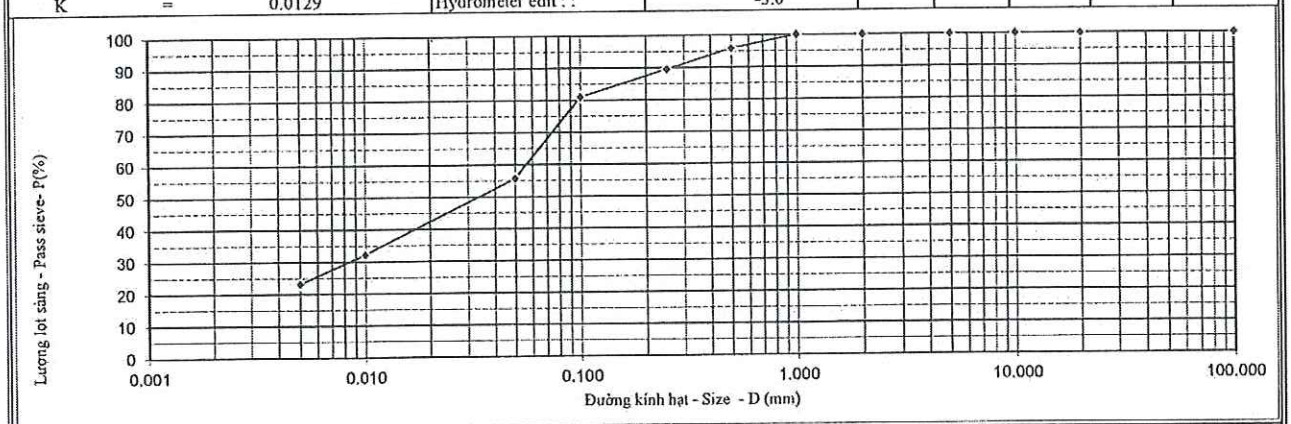
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.9	10.9	55.7	0.0501	
2	12.0	15.4	51.1	0.0358	
5	11.0	15.8	46.0	0.0230	
15	9.3	16.5	37.3	0.0135	
30	8.2	16.9	31.7	0.0097	
60	7.2	17.3	26.6	0.0069	
120	6.5	17.5	23.0	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.13	32.22	55.68	80.98	89.50	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.13	9.09	23.46	25.30	8.52	6.35	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, xám vàng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14938

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.06	2.06	2.06	97.94
0.250	10.05	10.05	12.11	87.89
0.100	66.09	66.09	78.20	21.80

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

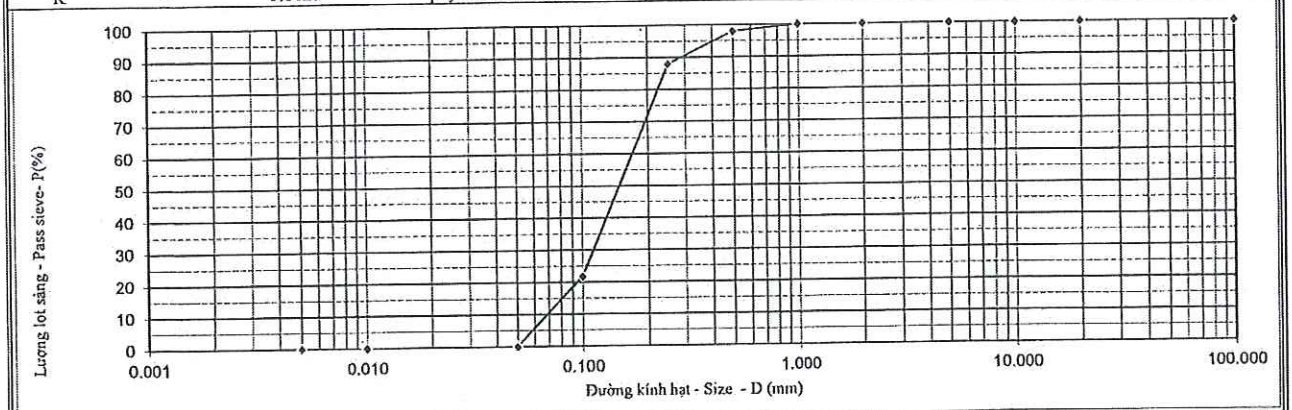
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.80	87.89	97.94	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.80	66.09	10.05	2.06	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14909

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.18	4.18	4.18	95.82
0.250	5.32	5.32	9.50	90.50
0.100	6.88	6.88	16.38	83.62

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3

K = 0.0129

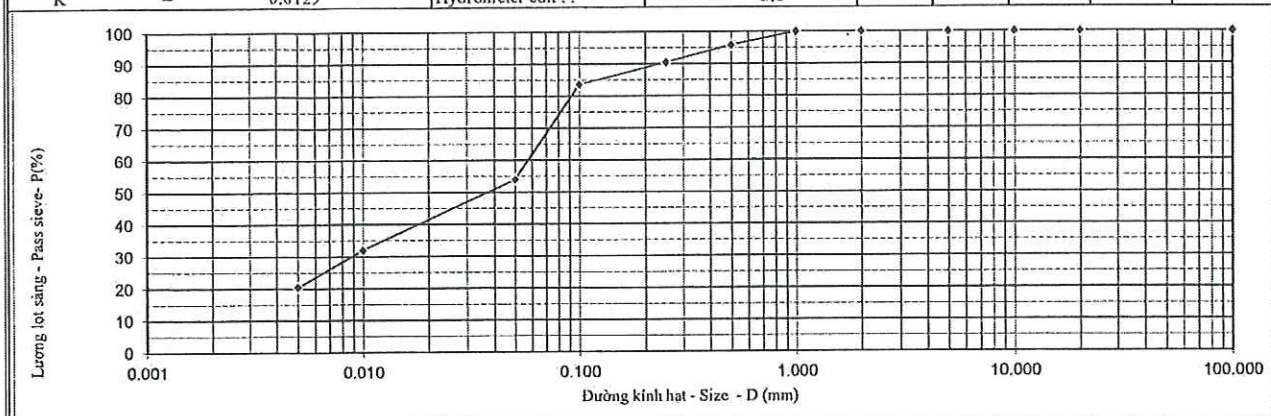
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.6	10.6	54.0	0.0503	
2	12.0	15.4	51.0	0.0358	
5	11.2	15.8	46.9	0.0229	
15	9.0	16.6	35.7	0.0136	
30	8.2	16.9	31.6	0.0097	
60	7.0	17.4	25.5	0.0069	
120	6.0	17.7	20.4	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.51	31.98	54.00	83.62	90.50	95.82	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.51	11.47	22.02	29.62	6.88	5.32	4.18	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, lẫn hữu cơ, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14910

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.80 -14.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.52	2.52	2.52	97.48
0.250	4.62	4.62	7.14	92.86
0.100	7.32	7.32	14.46	85.54

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

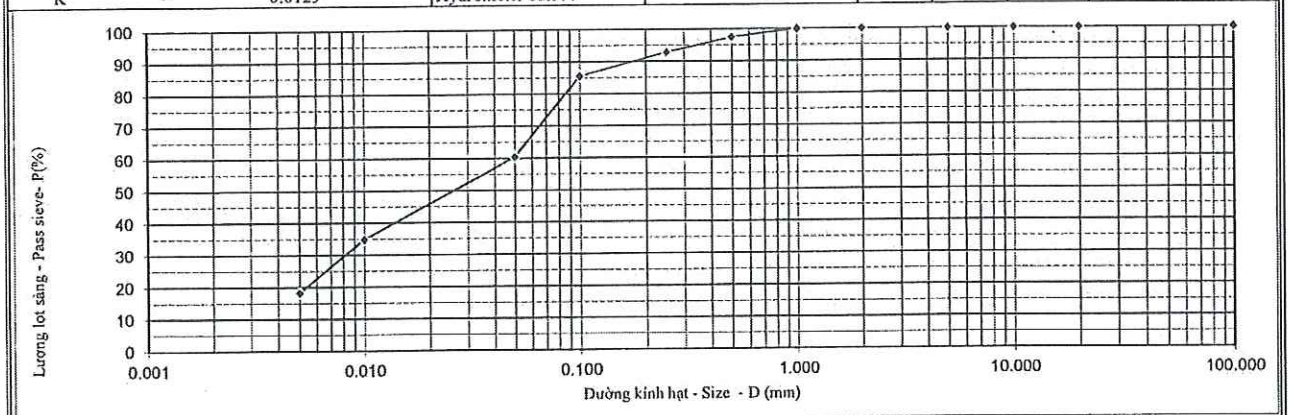
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	60.4	0.0497	
2	13.0	15.1	57.3	0.0354	
5	11.5	15.6	49.5	0.0228	
15	10.2	16.1	42.7	0.0134	
30	8.5	16.8	33.8	0.0096	
60	6.5	17.5	23.4	0.0070	
120	5.5	17.9	18.2	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.27	34.82	60.41	85.54	92.86	97.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.27	16.55	25.59	25.13	7.32	4.62	2.52	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, lẫn hữu cơ, chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14911

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.33	3.33	3.33	96.67
0.250	6.35	6.35	9.68	90.32
0.100	8.52	8.52	18.20	81.80

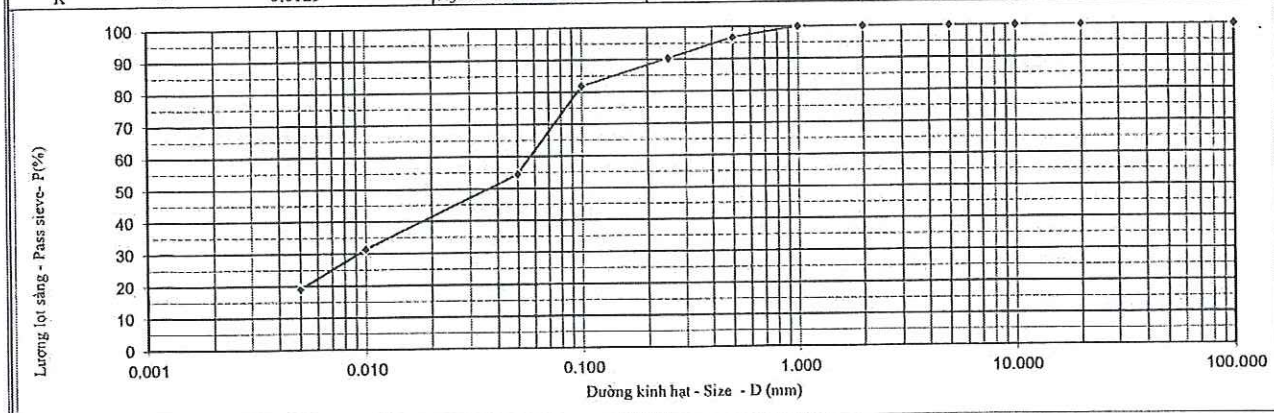
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.6	10.6	54.5	0.0503	
2	12.0	15.4	51.4	0.0358	
5	11.2	15.8	47.3	0.0229	
15	9.3	16.5	37.5	0.0135	
30	8.0	17.0	30.8	0.0097	
60	6.2	17.7	21.6	0.0070	
120	5.7	17.8	19.0	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	19.06	31.45	54.48	81.80	90.32	96.67	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	19.06	12.39	23.03	27.32	8.52	6.35	3.33	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét xám vàng, ghi sáng, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14939

Hố khoan/Boring : LK11 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.00	2.00	2.00	98.00
0.500	1.21	1.21	3.21	96.79
0.250	8.25	8.25	11.46	88.54
0.100	68.19	68.19	79.65	20.35

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

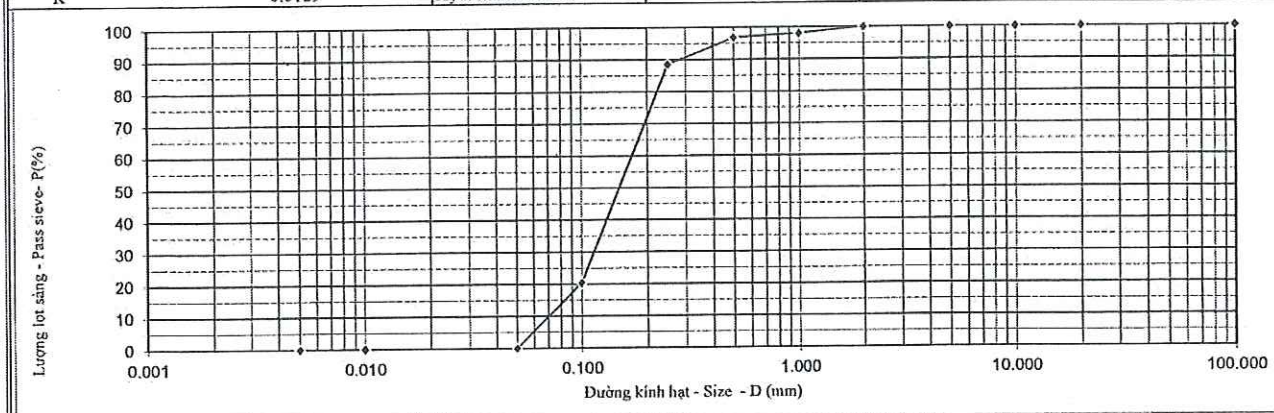
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.35	88.54	96.79	98.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.35	68.19	8.25	1.21	2.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab.

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14940

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 28.00 -28.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	6.32	6.32	6.32	93.68
0.250	11.21	11.21	17.53	82.47
0.100	60.42	60.42	77.95	22.05

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

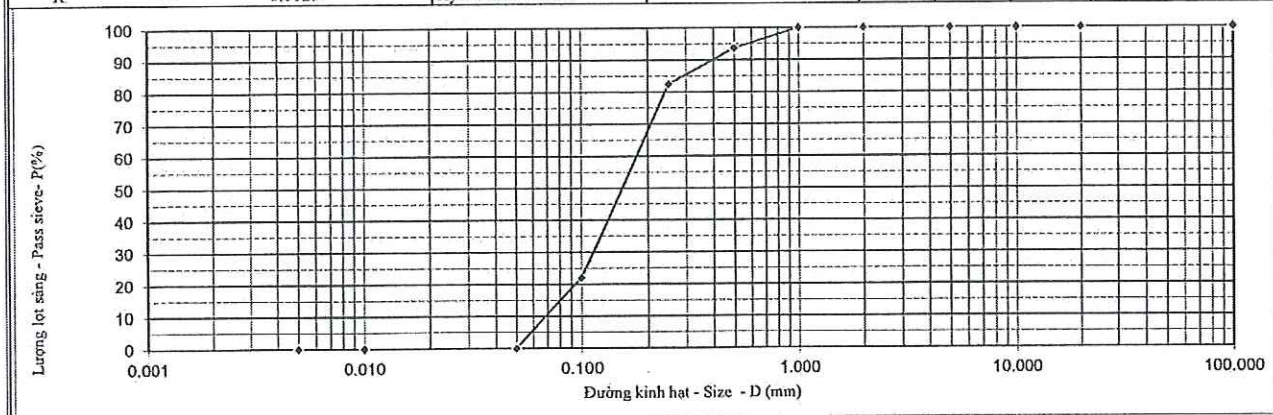
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.05	82.47	93.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.05	60.42	11.21	6.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, nâu xám										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14953

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 32.00 -32.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.51	4.51	4.51	95.49
0.250	7.98	7.98	12.49	87.51
0.100	68.16	68.16	80.65	19.35

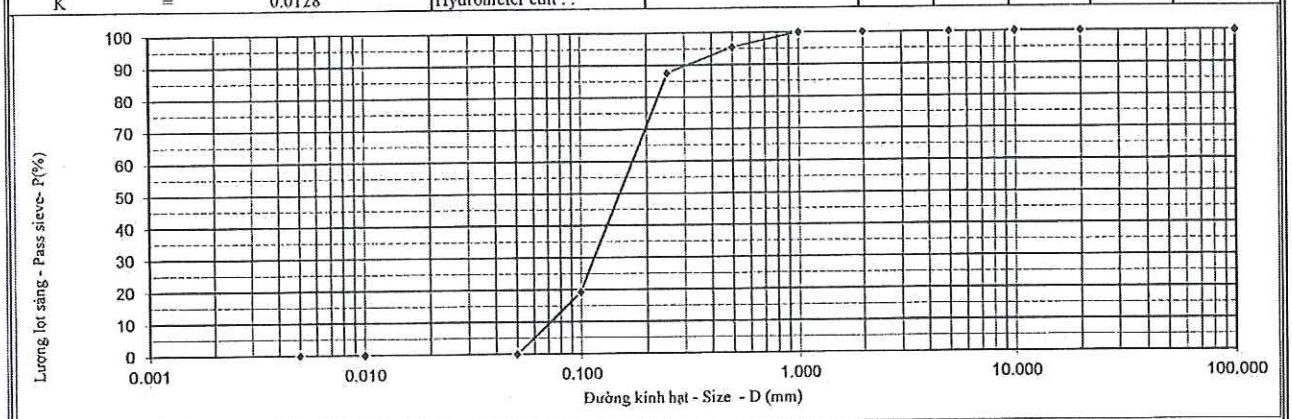
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	19.35	87.51	95.49	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	19.35	68.16	7.98	4.51	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám nâu										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14912

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 35.80 -36.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	0.25	0.25	0.25	99.75
0.250	2.44	2.44	2.69	97.31
0.100	4.18	4.18	6.87	93.13

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

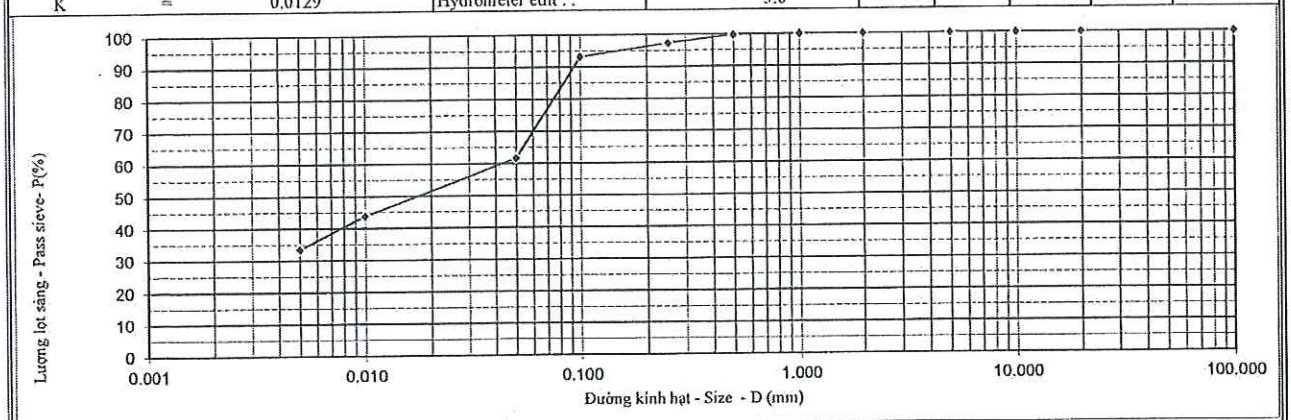
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.7	0.0497	
2	13.0	15.1	58.5	0.0354	
5	12.2	15.4	54.2	0.0226	
15	11.5	15.6	50.5	0.0132	
30	10.0	16.2	42.5	0.0095	
60	9.2	16.5	38.3	0.0068	
120	8.2	16.9	33.0	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.47	43.82	61.68	93.13	97.31	99.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.47	10.35	17.86	31.45	4.18	2.44	0.25	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14913

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 39.80 -40.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.52	3.52	3.52	96.48
0.100	5.62	5.62	9.14	90.86

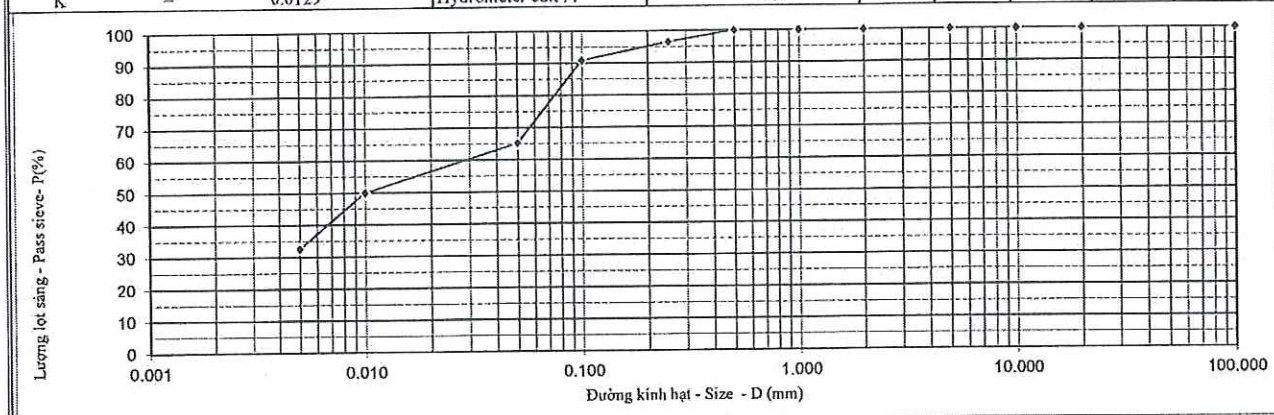
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.2	12.2	65.2	0.0493	
2	13.5	14.9	61.4	0.0352	
5	12.8	15.1	57.7	0.0224	
15	12.0	15.4	53.4	0.0131	
30	11.2	15.8	49.1	0.0093	
60	9.2	16.5	38.5	0.0068	
120	8.0	17.0	32.0	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	32.63	50.00	65.19	90.86	96.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	32.63	17.37	15.19	25.67	5.62	3.52	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab.

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14941

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 44.00 -44.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	1.25	1.25	1.25	98.75
2.00	5.21	5.21	6.46	93.54
1.00	2.33	2.33	8.79	91.21
0.500	10.20	10.20	18.99	81.01
0.250	44.00	44.00	62.99	37.01
0.100	18.81	18.81	81.80	18.20

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

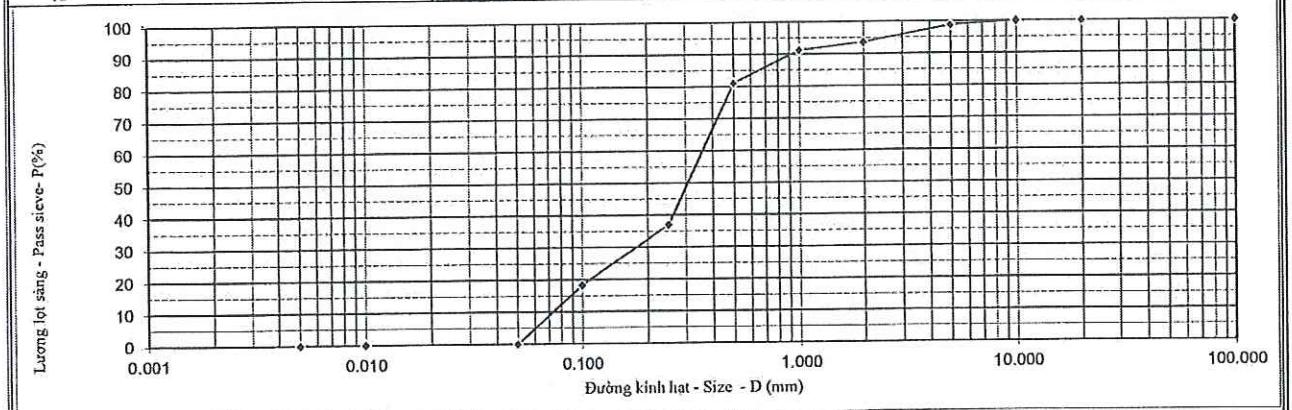
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.20	37.01	81.01	91.21	93.54	98.75	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.20	18.81	44.00	10.20	2.33	5.21	1.25	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát thô vừa xám ghi, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14942

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D14

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 48.00 -48.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	6.32	6.32	6.32	93.68
2.00	2.35	2.35	8.67	91.33
1.00	3.66	3.66	12.33	87.67
0.500	5.21	5.21	17.54	82.46
0.250	10.20	10.20	27.74	72.26
0.100	53.64	53.64	81.38	18.62

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

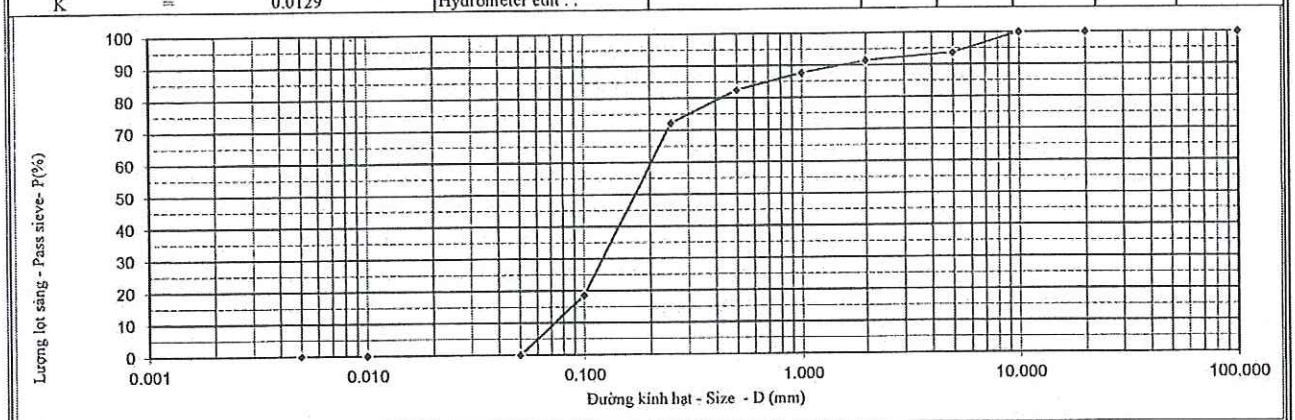
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.62	72.26	82.46	87.67	91.33	93.68	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.62	53.64	10.20	5.21	3.66	2.35	6.32	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14956

Hố khoan/Boring : LK11 Số hiệu mẫu/Sample - No: D17

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 54.00 -54.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	2.65	2.65	2.65	97.35
2.00	3.18	3.18	5.83	94.17
1.00	1.02	1.02	6.85	93.15
0.500	5.25	5.25	12.10	87.90
0.250	10.20	10.20	22.30	77.70
0.100	57.69	57.69	79.99	20.01

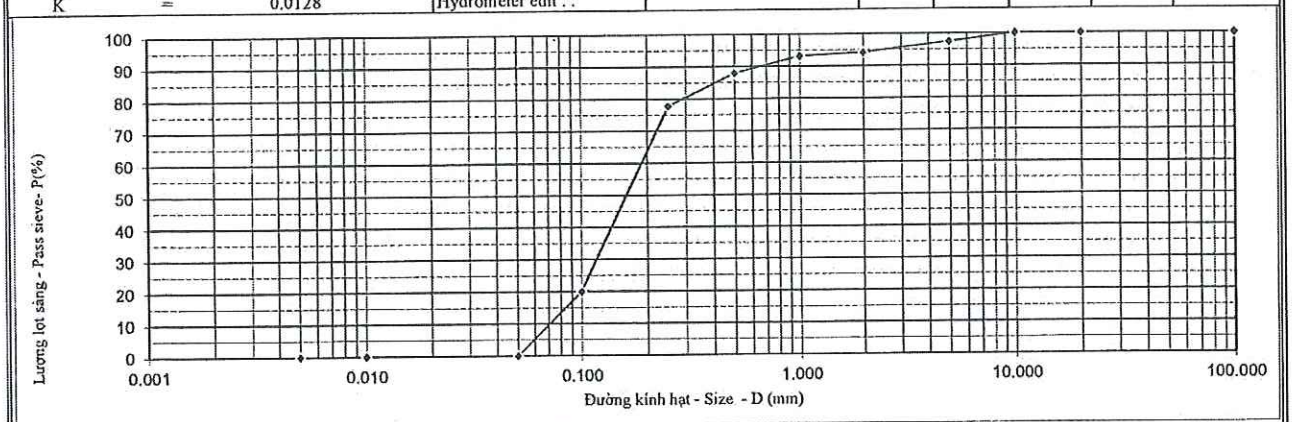
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.01	77.70	87.90	93.15	94.17	97.35	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.01	57.69	10.20	5.25	1.02	3.18	2.65	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, lẫn sỏi sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Dỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14914

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.20 -4.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.32	3.32	3.32	96.68
0.100	5.05	5.05	8.37	91.63

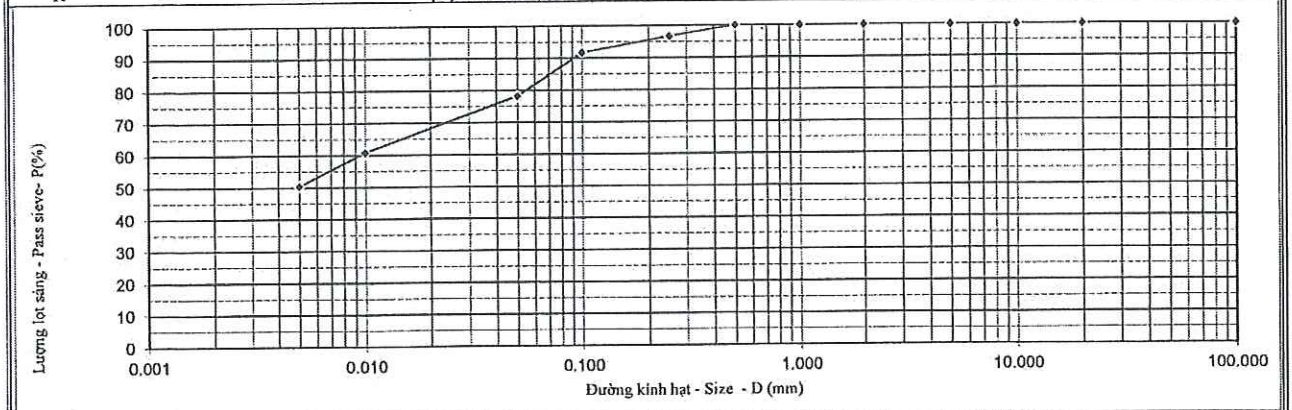
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	78.2	0.0477	
2	16.0	13.9	74.9	0.0340	
5	15.2	14.2	70.7	0.0218	
15	14.3	14.6	65.8	0.0127	
30	13.0	15.1	58.9	0.0091	
60	12.2	15.4	54.6	0.0065	
120	11.2	15.8	49.3	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	50.33	60.78	78.20	91.63	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	50.33	10.45	17.42	13.43	5.05	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám ghi, lẫn hữu cơ, sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14915

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.25	2.25	2.25	97.75
0.250	4.18	4.18	6.43	93.57
0.100	6.35	6.35	12.78	87.22

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

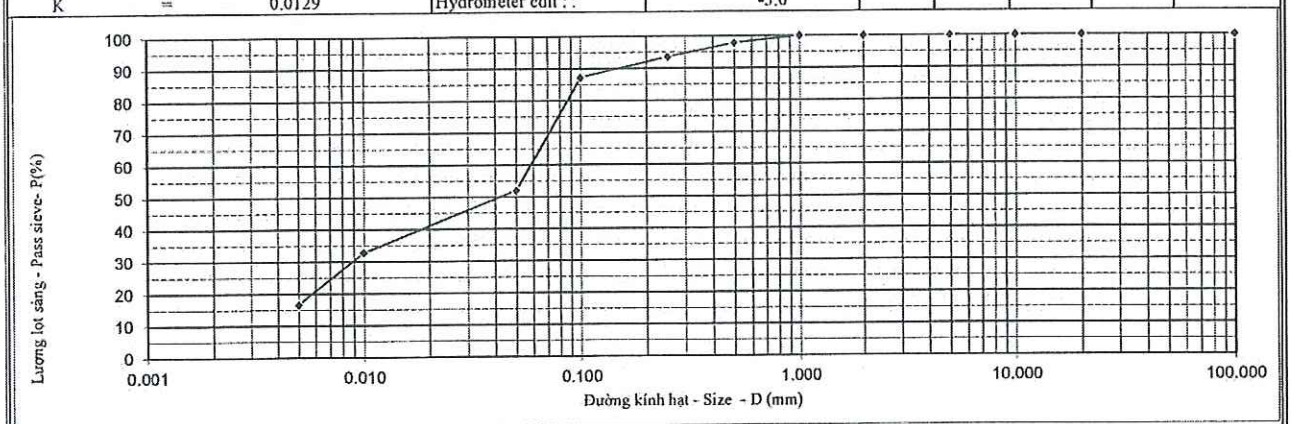
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.0	10.0	52.1	0.0507	
2	11.5	15.6	49.5	0.0361	
5	10.0	16.2	41.7	0.0232	
15	9.2	16.5	37.5	0.0135	
30	8.2	16.9	32.3	0.0097	
60	6.5	17.5	23.4	0.0070	
120	5.2	18.0	16.7	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	16.66	32.80	52.07	87.22	93.57	97.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	16.66	16.14	19.27	35.15	6.35	4.18	2.25	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, nâu hồng, nâu vàng, dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14943

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.30	2.30	2.30	97.70
0.500	1.04	1.04	3.34	96.66
0.250	16.32	16.32	19.66	80.34
0.100	67.79	67.79	87.45	12.55

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

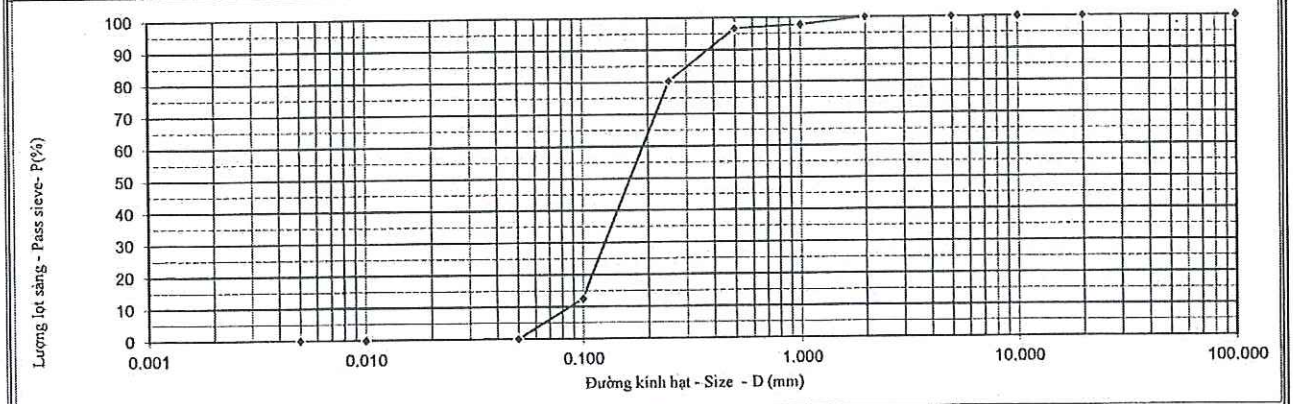
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	12.55	80.34	96.66	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	12.55	67.79	16.32	1.04	2.30	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt		Cát/ Sand				Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14957

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: U7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.80 -12.00 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.25	3.25	3.25	96.75
0.100	5.04	5.04	8.29	91.71

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

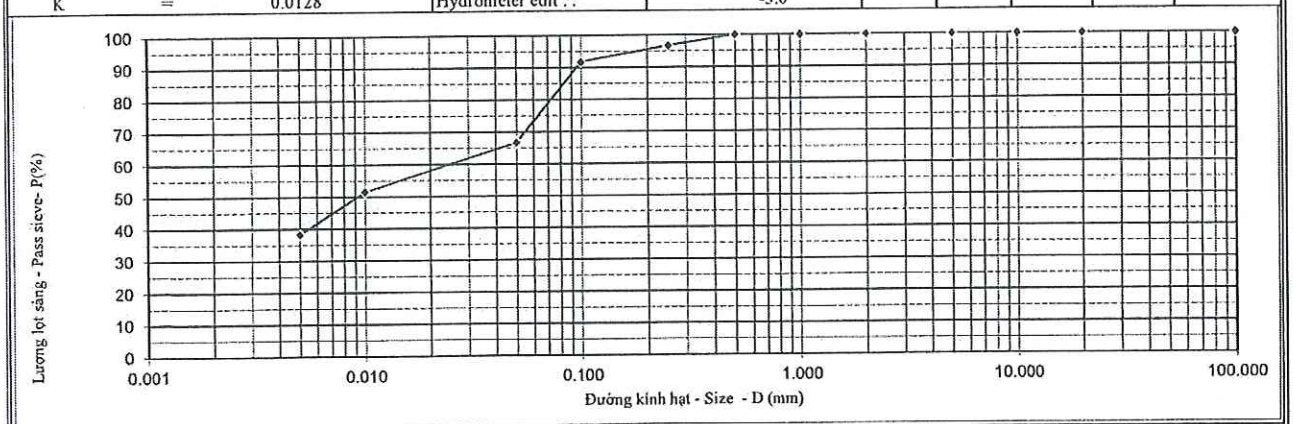
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.5	12.5	66.6	0.0487	
2	13.8	14.8	62.9	0.0348	
5	13.0	15.1	58.6	0.0222	
15	12.2	15.4	54.4	0.0130	
30	11.5	15.6	50.6	0.0092	
60	10.2	16.1	43.7	0.0066	
120	9.0	16.6	37.3	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.25	51.50	66.66	91.71	96.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.25	13.25	15.16	25.05	5.04	3.25	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA., JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14916

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.20 -16.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.52	3.52	3.52	96.48
0.250	6.35	6.35	9.87	90.13
0.100	9.35	9.35	19.22	80.78

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

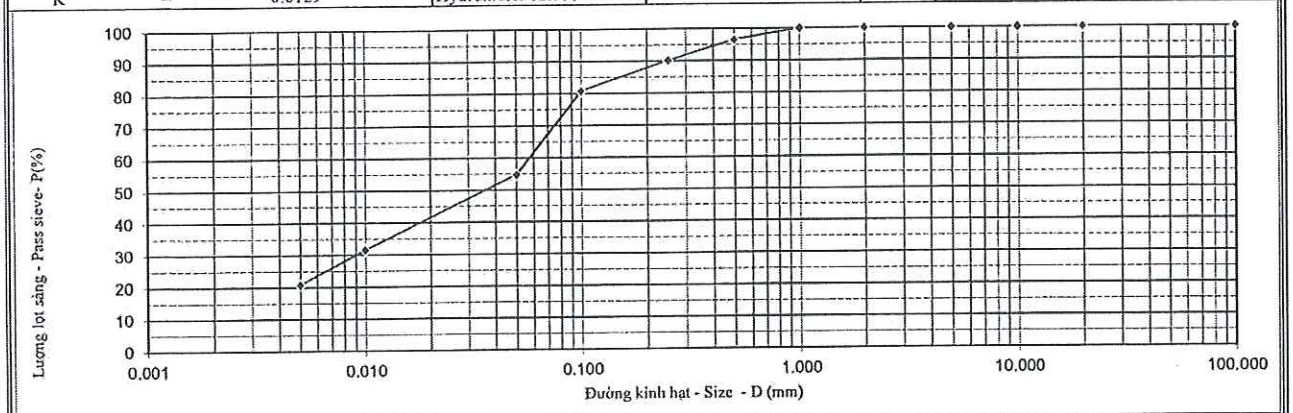
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.6	10.6	54.7	0.0503	
2	12.0	15.4	51.7	0.0358	
5	11.2	15.8	47.5	0.0229	
15	9.3	16.5	37.7	0.0135	
30	8.0	17.0	31.0	0.0097	
60	7.2	17.3	26.9	0.0069	
120	6.0	17.7	20.7	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.81	31.60	54.74	80.78	90.13	96.48	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.81	10.79	23.14	26.04	9.35	6.35	3.52	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, nâu xám, chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14954

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.30	2.30	2.30	97.70
0.500	5.33	5.33	7.63	92.37
0.250	10.02	10.02	17.65	82.35
0.100	68.10	68.10	85.75	14.25

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

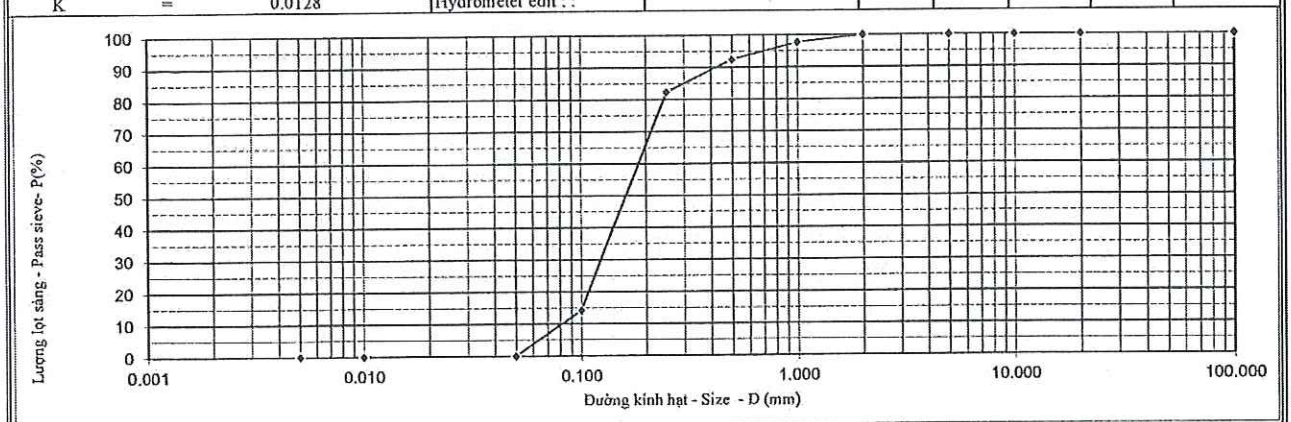
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	14.25	82.35	92.37	97.70	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	14.25	68.10	10.02	5.33	2.30	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab
LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14944

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D15

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 28.00 -28.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.03	1.03	1.03	98.97
0.250	10.20	10.20	11.23	88.77
0.100	70.56	70.56	81.79	18.21

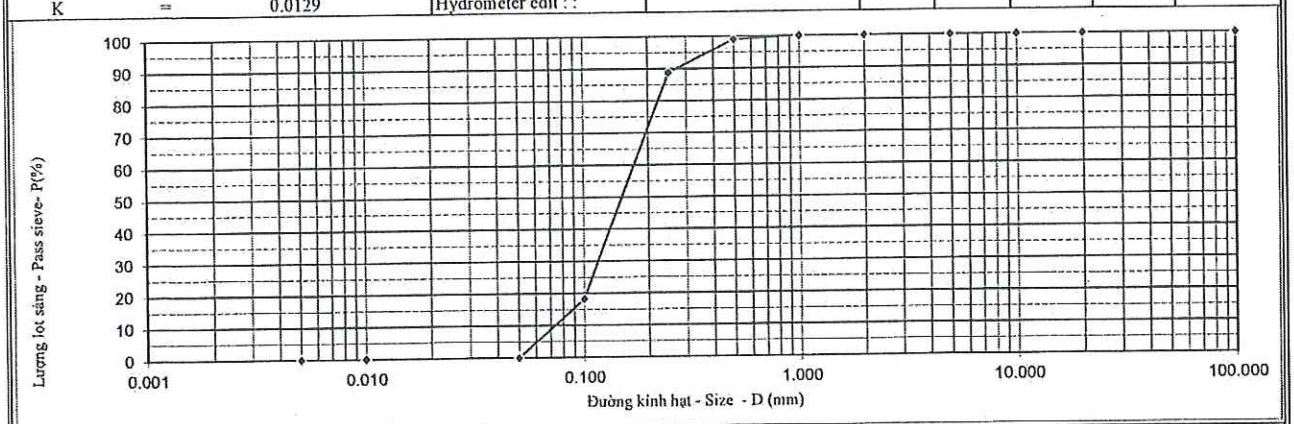
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KL.R/Specific gravity : 2.67 g/cm³ — Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.21	88.77	98.97	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.21	70.56	10.20	1.03	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14917

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: U20

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 37.80 -38.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.62	4.62	4.62	95.38
0.250	2.55	2.55	7.17	92.83
0.100	9.35	9.35	16.52	83.48

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

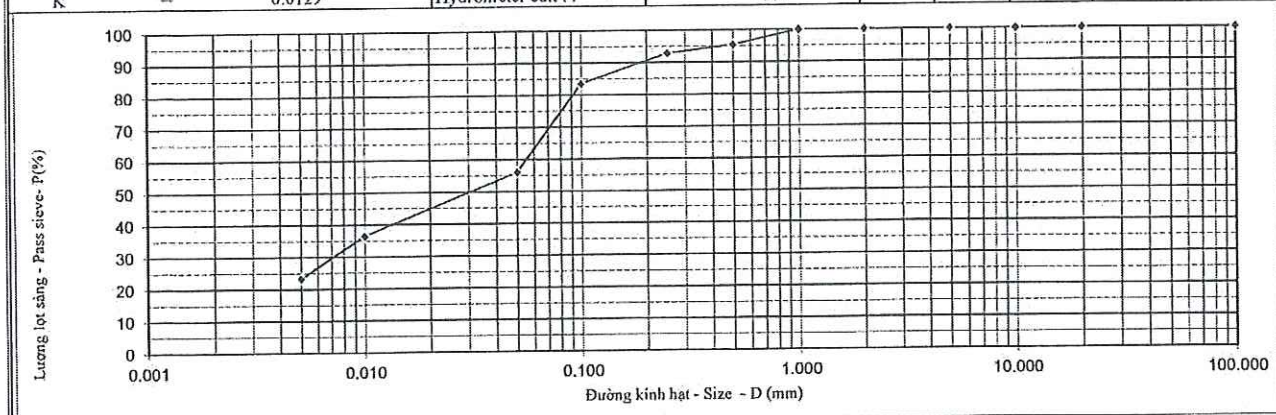
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	56.0	0.0501	
2	12.2	15.4	52.0	0.0358	
5	11.5	15.6	48.4	0.0228	
15	10.2	16.1	41.8	0.0134	
30	9.0	16.6	35.7	0.0096	
60	8.2	16.9	31.6	0.0068	
120	6.5	17.5	22.9	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	23.29	36.43	56.04	83.48	92.83	95.38	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	23.29	13.14	19.61	27.44	9.35	2.55	4.62	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, nâu xám, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14918

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: U22

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 41.80 -42.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	6.52	6.52	10.67	89.33
0.100	8.21	8.21	18.88	81.12

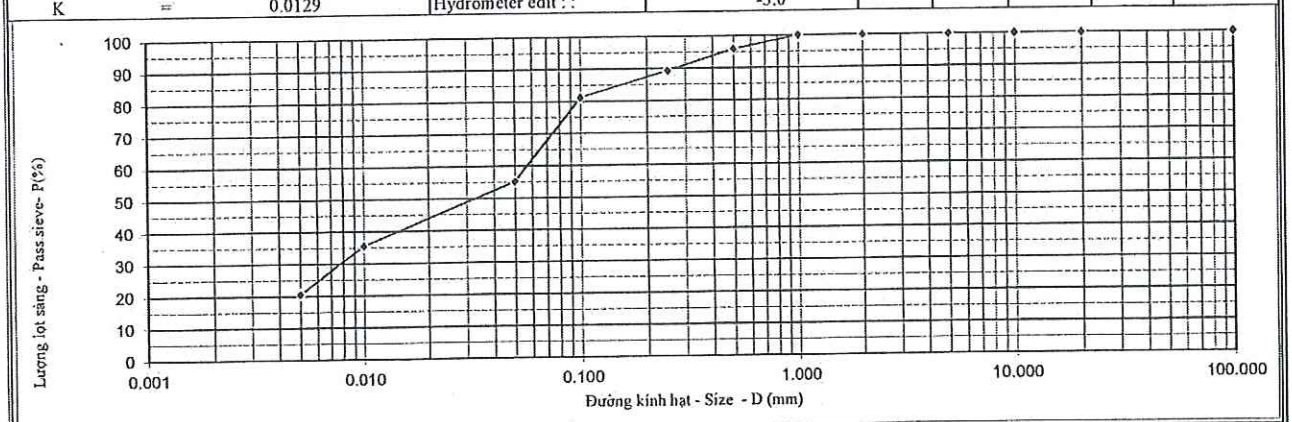
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.8	10.8	55.2	0.0502	
2	12.0	15.4	51.1	0.0358	
5	11.5	15.6	48.5	0.0228	
15	10.0	16.2	40.9	0.0134	
30	8.8	16.7	34.7	0.0096	
60	7.5	17.2	28.1	0.0069	
120	6.0	17.7	20.4	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	20.62	35.46	55.16	81.12	89.33	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	20.62	14.84	19.70	25.96	8.21	6.52	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, nâu xám, kẹp cát, mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14945

Hố khoan/Boring : LK12 Số hiệu mẫu/Sample - No: D25

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 48.00 -48.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	4.05	4.05	4.05	95.95
2.00	2.66	2.66	6.71	93.29
1.00	2.55	2.55	9.26	90.74
0.500	11.20	11.20	20.46	79.54
0.250	49.32	49.32	69.78	30.22
0.100	10.11	10.11	79.89	20.11

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

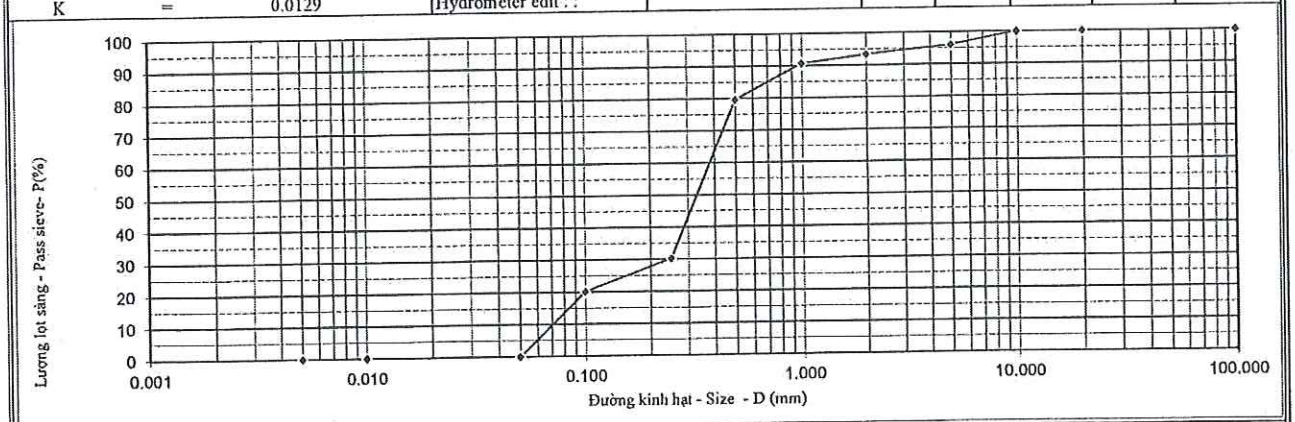
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.11	30.22	79.54	90.74	93.29	95.95	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.11	10.11	49.32	11.20	2.55	2.66	4.05	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát thô vừa xám ghi, nâu xám, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14946

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D28

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 54.00 -54.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00	5.32	5.32	5.32	94.68
2.00	6.38	6.38	11.70	88.30
1.00	2.12	2.12	13.82	86.18
0.500	10.20	10.20	24.02	75.98
0.250	50.21	50.21	74.23	25.77
0.100	11.62	11.62	85.85	14.15

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

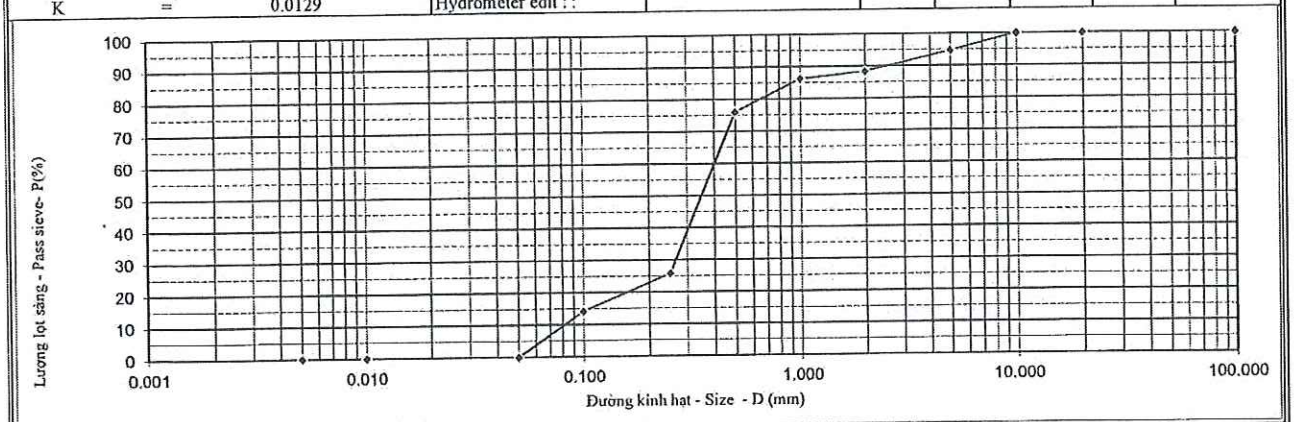
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	14.15	25.77	75.98	86.18	88.30	94.68	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	14.15	11.62	50.21	10.20	2.12	6.38	5.32	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát thô vừa xám ghi, nâu xám, lẫn sỏi sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14947

Hố khoan/Boring : LK12 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D30

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 58.00 -58.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00	33.30	33.30	33.30	66.70
5.00	15.20	15.20	48.50	51.50
2.00	10.20	10.20	58.70	41.30
1.00	16.36	16.36	75.06	24.94
0.500	8.55	8.55	83.61	16.39
0.250	11.20	11.20	94.81	5.19
0.100	4.99	4.99	99.80	0.20

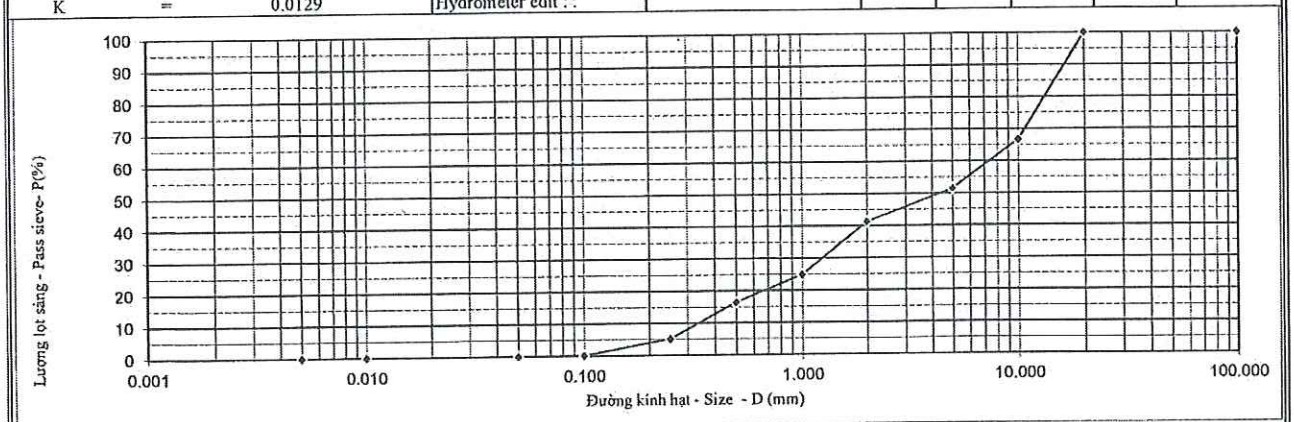
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	0.20	5.19	16.39	24.94	41.30	51.50	66.70	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	0.20	4.99	11.20	8.55	16.36	10.20	15.20	33.30
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sỏi sạn lẫn cát xám ghi, xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab
LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14919

Hố khoan/Boring : LK13 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.44	2.44	2.44	97.56
0.100	5.32	5.32	7.76	92.24

KLR/Specific gravity : 2.63 g/cm^3

K = 0.0129

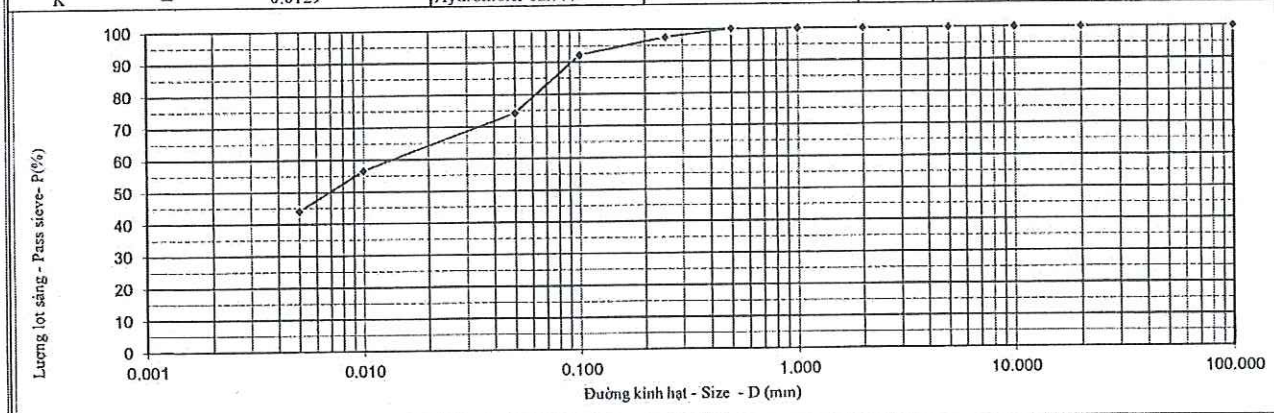
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.8	13.8	74.2	0.0483	
2	15.0	14.3	69.9	0.0345	
5	14.3	14.6	66.2	0.0220	
15	13.5	14.9	61.9	0.0128	
30	12.2	15.4	54.9	0.0092	
60	11.2	15.8	49.5	0.0066	
120	10.0	16.2	43.0	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	44.06	56.55	74.26	92.24	97.56	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	44.06	12.49	17.71	17.98	5.32	2.44	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu										

Thí nghiệm/Tested by

Dỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14920

Hố khoan/Boring : LK13 Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.32	3.32	3.32	96.68
0.250	5.02	5.02	8.34	91.66
0.100	7.62	7.62	15.96	84.04

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

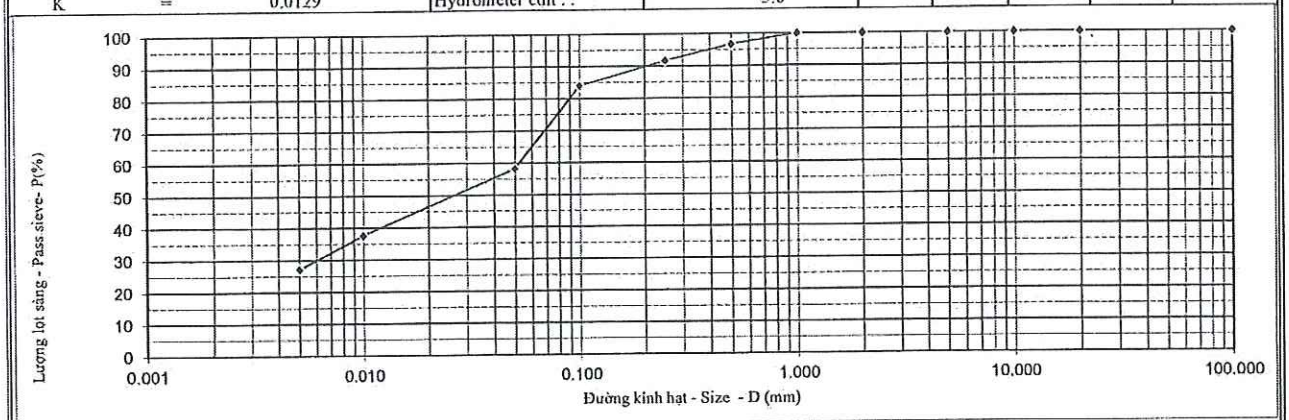
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.3	11.3	58.2	0.0499	
2	12.5	15.3	54.1	0.0356	
5	11.5	15.6	48.9	0.0228	
15	10.0	16.2	41.2	0.0134	
30	9.2	16.5	37.1	0.0096	
60	8.5	16.8	33.5	0.0068	
120	7.2	17.3	26.8	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	27.22	37.63	58.23	84.04	91.66	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	27.22	10.41	20.60	25.81	7.62	5.02	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu vàng, ghi sáng, dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab
LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14921

Hố khoan/Boring : LK13 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 13.30 -13.50 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	1.85	1.85	1.85	98.15
0.100	5.32	5.32	7.17	92.83

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm³

K = 0.0129

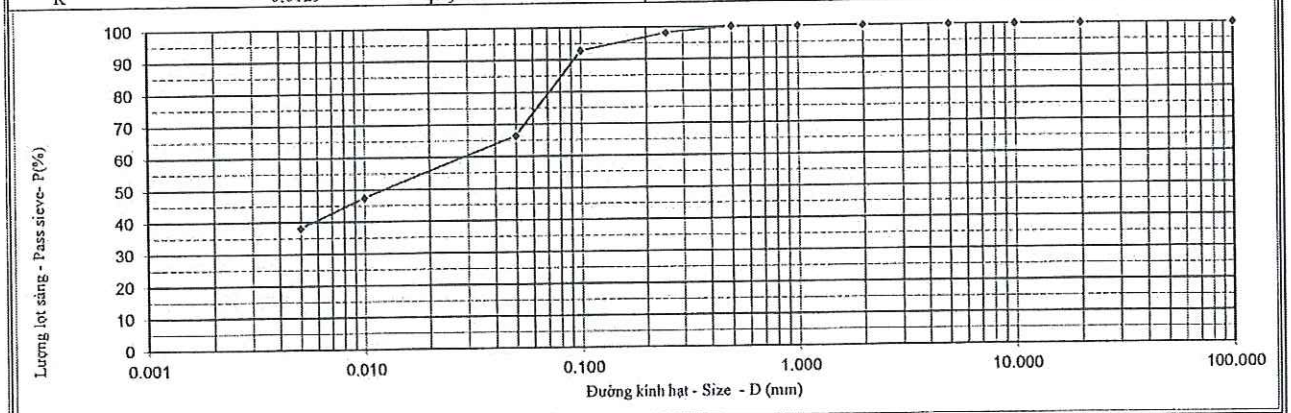
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.4	12.4	66.4	0.0492	
2	13.5	14.9	61.6	0.0352	
5	12.2	15.4	54.6	0.0226	
15	11.2	15.8	49.3	0.0132	
30	10.8	15.9	47.1	0.0094	
60	10.0	16.2	42.8	0.0067	
120	9.0	16.6	37.5	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.14	47.50	66.41	92.83	98.15	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.14	9.36	18.91	26.42	5.32	1.85	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14948

Hố khoan/Boring : LK13 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 18.00 -6.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.02	1.02	1.02	98.98
0.250	8.32	8.32	9.34	90.66
0.100	77.44	77.44	86.78	13.22

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

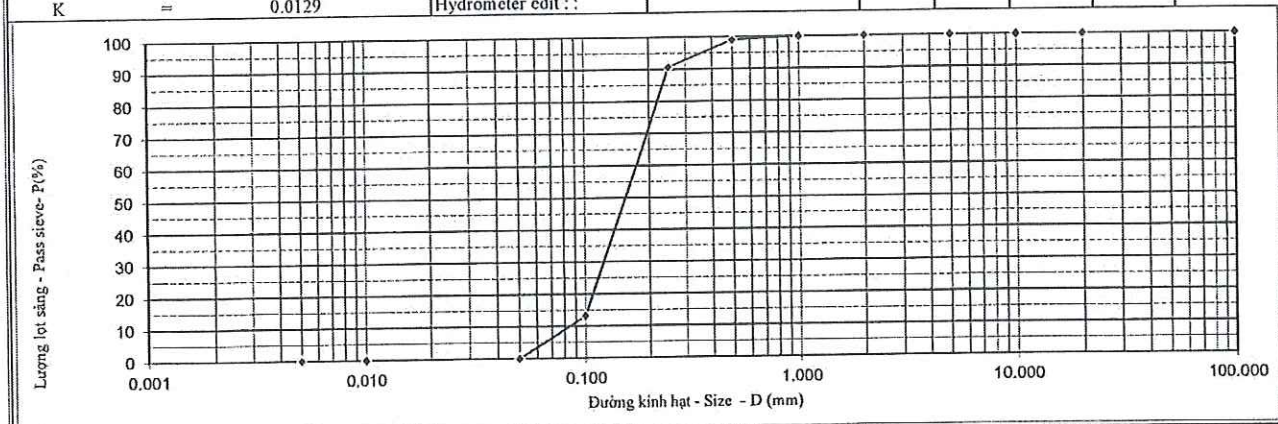
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	13.22	90.66	98.98	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	13.22	77.44	8.32	1.02	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng, ghi xanh										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14958

Hố khoan/Boring : LK13 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	2.36	2.36	2.36	97.64
1.00	1.02	1.02	3.38	96.62
0.500	6.35	6.35	9.73	90.27
0.250	9.50	9.50	19.23	80.77
0.100	57.45	57.45	76.68	23.32

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

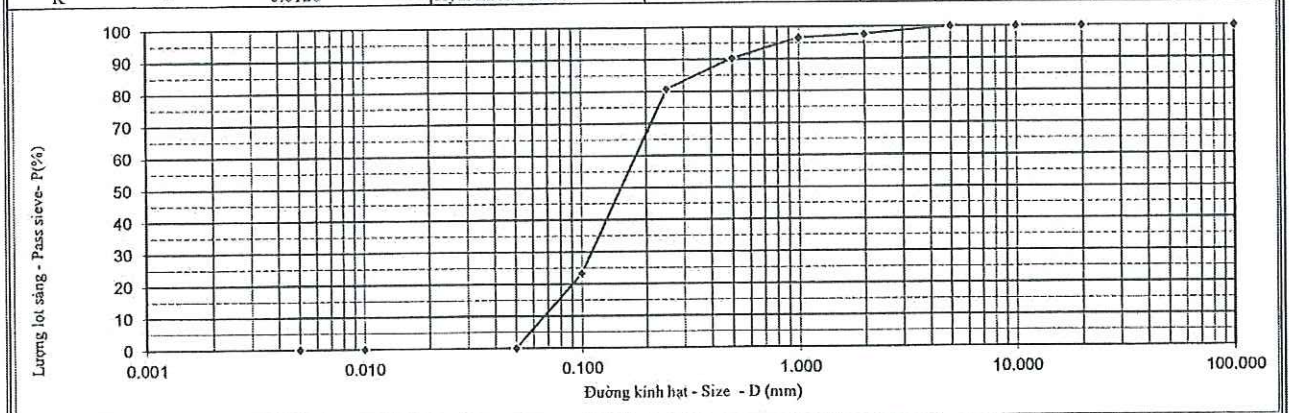
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	23.32	80.77	90.27	96.62	97.64	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	23.32	57.45	9.50	6.35	1.02	2.36	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14959

Hố khoan/Boring : LK13 Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 26.00 -26.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	2.15	2.15	2.15	97.85
1.00	2.20	2.20	4.35	95.65
0.500	5.02	5.02	9.37	90.63
0.250	11.20	11.20	20.57	79.43
0.100	61.18	61.18	81.75	18.25

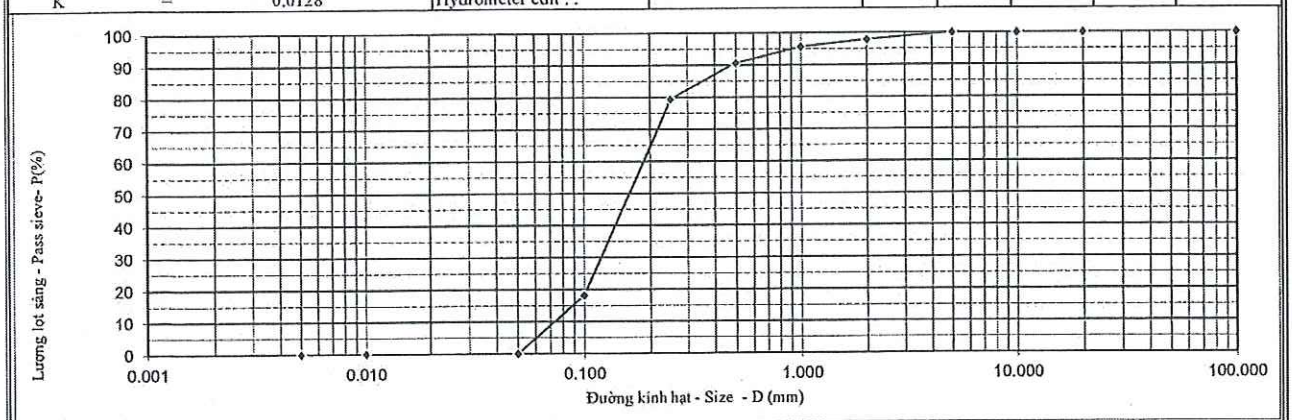
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	79.43	90.63	95.65	97.85	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.25	61.18	11.20	5.02	2.20	2.15	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Từ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14922

Hố khoan/Boring : LK14 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	3.32	3.32	3.32	96.68
0.100	5.62	5.62	8.94	91.06

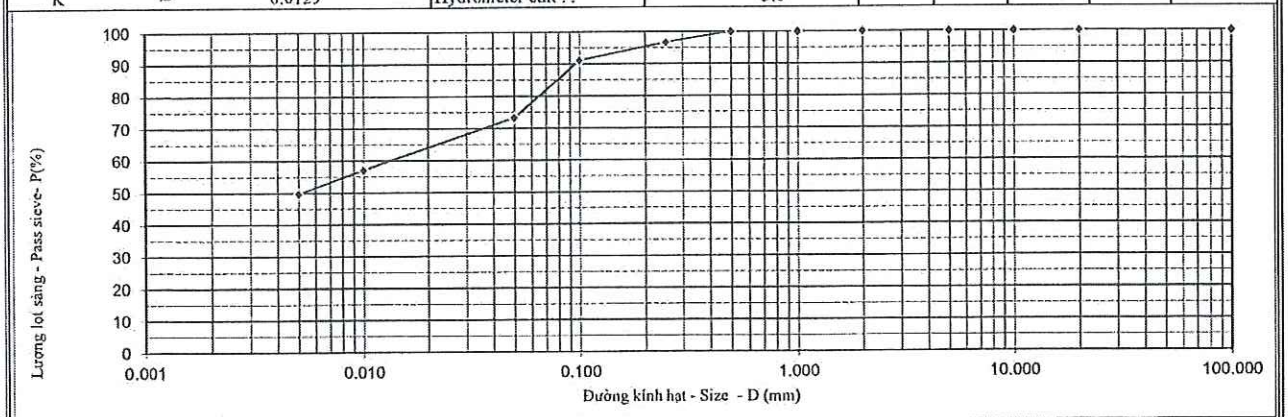
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.8	13.8	73.2	0.0483	
2	15.0	14.3	69.0	0.0345	
5	14.2	14.6	64.7	0.0220	
15	13.5	14.9	61.0	0.0128	
30	12.5	15.3	55.7	0.0092	
60	12.0	15.4	53.1	0.0065	
120	11.2	15.8	48.8	0.0047	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.66	57.04	73.26	91.06	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.66	7.38	16.22	17.80	5.62	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu vàng, ghi sáng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14923

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.54	2.54	2.54	97.46
0.100	6.80	6.80	9.34	90.66

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0129

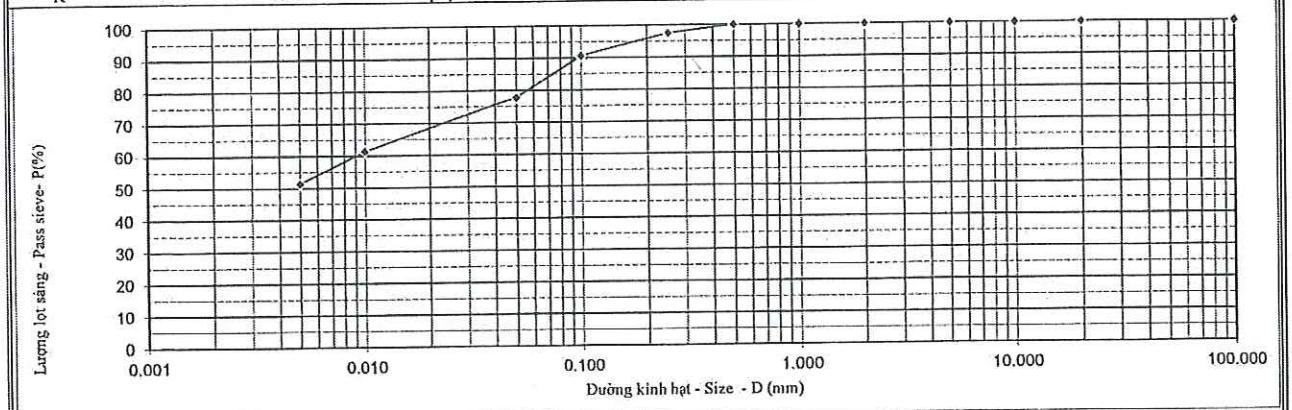
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	77.8	0.0477	
2	16.0	13.9	74.6	0.0340	
5	15.2	14.2	70.3	0.0218	
15	14.3	14.6	65.6	0.0127	
30	13.2	15.0	59.7	0.0091	
60	12.2	15.4	54.4	0.0065	
120	11.5	15.6	50.6	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	51.41	61.32	77.84	90.66	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	51.41	9.91	16.52	12.82	6.80	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
LAS 595

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14952

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D4

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 6.00 -6.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.28	1.28	1.28	98.72
0.500	2.44	2.44	3.72	96.28
0.250	8.21	8.21	11.93	88.07
0.100	75.07	75.07	87.00	13.00

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

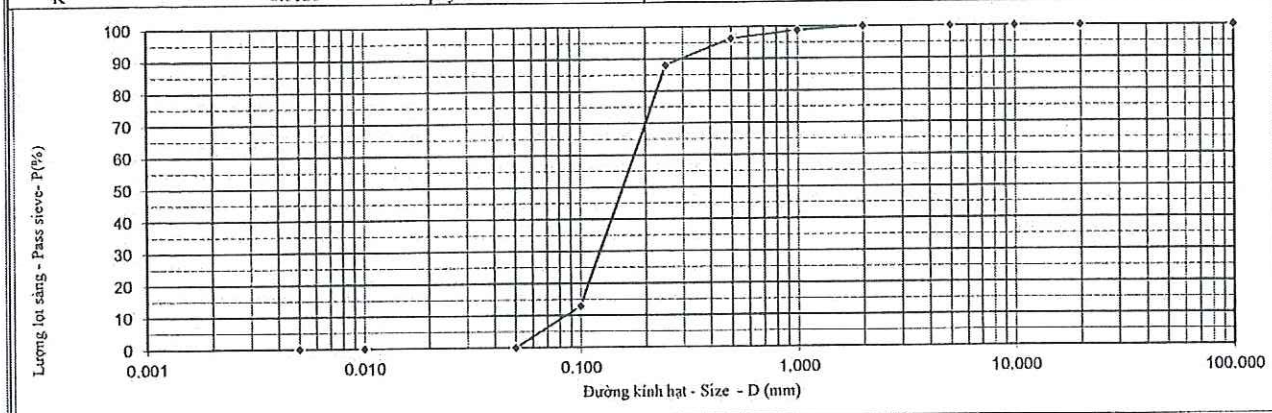
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	13.00	88.07	96.28	98.72	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	13.00	75.07	8.21	2.44	1.28	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14924

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.30 -12.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.24	2.24	2.24	97.76
0.100	4.15	4.15	6.39	93.61

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

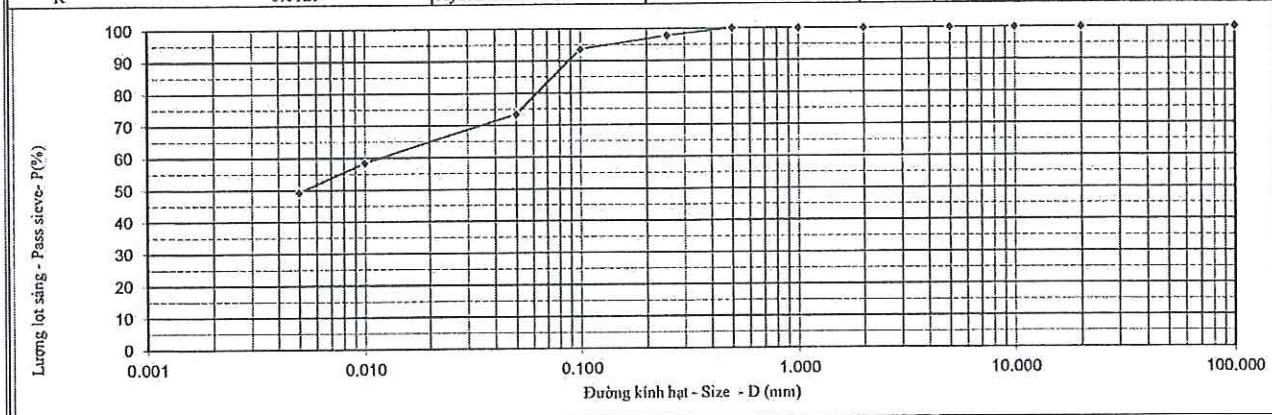
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	15.7	13.7	73.3	0.0483	
2	15.2	14.2	70.7	0.0344	
5	14.5	14.5	66.9	0.0220	
15	13.2	15.0	60.0	0.0129	
30	12.8	15.1	57.8	0.0092	
60	12.0	15.4	53.5	0.0065	
120	11.0	15.8	48.2	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.22	58.37	73.40	93.61	97.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.22	9.15	15.03	20.21	4.15	2.24	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét nâu gụ, nâu xám, lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14925

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.32	3.32	3.32	96.68
0.250	5.52	5.52	8.84	91.16
0.100	8.21	8.21	17.05	82.95

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm³

K = 0.0129

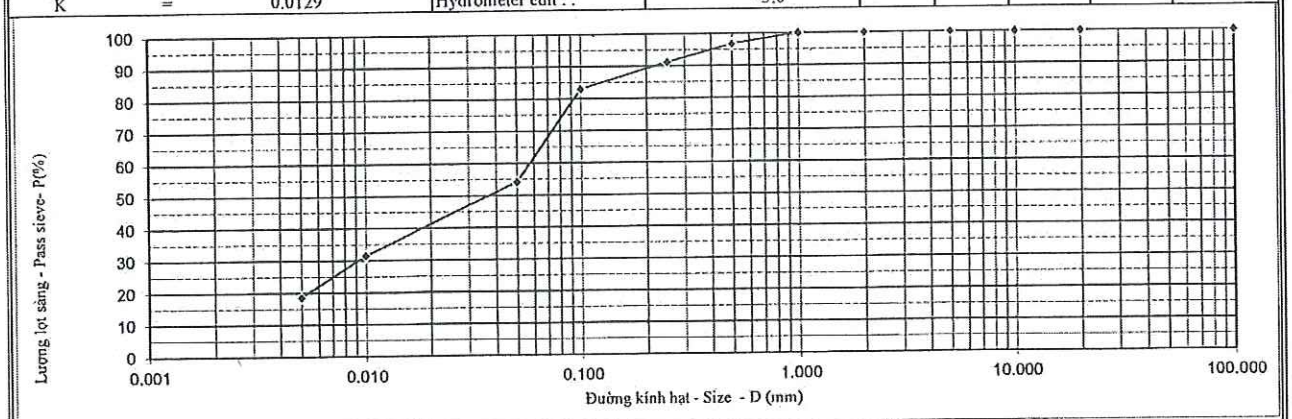
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.5	10.5	54.2	0.0504	
2	12.0	15.4	51.6	0.0358	
5	11.0	15.8	46.5	0.0230	
15	9.2	16.5	37.2	0.0135	
30	8.0	17.0	31.0	0.0097	
60	6.5	17.5	23.2	0.0070	
120	5.6	17.9	18.6	0.0050	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	18.64	31.55	54.21	82.95	91.16	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	18.64	12.91	22.66	28.74	8.21	5.52	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu gụ, cháy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14926

Hố khoan/Boring : LK14 Số hiệu mẫu/Sample - No: U10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.24	1.24	1.24	98.76
0.250	5.62	5.62	6.86	93.14
0.100	7.35	7.35	14.21	85.79

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0129

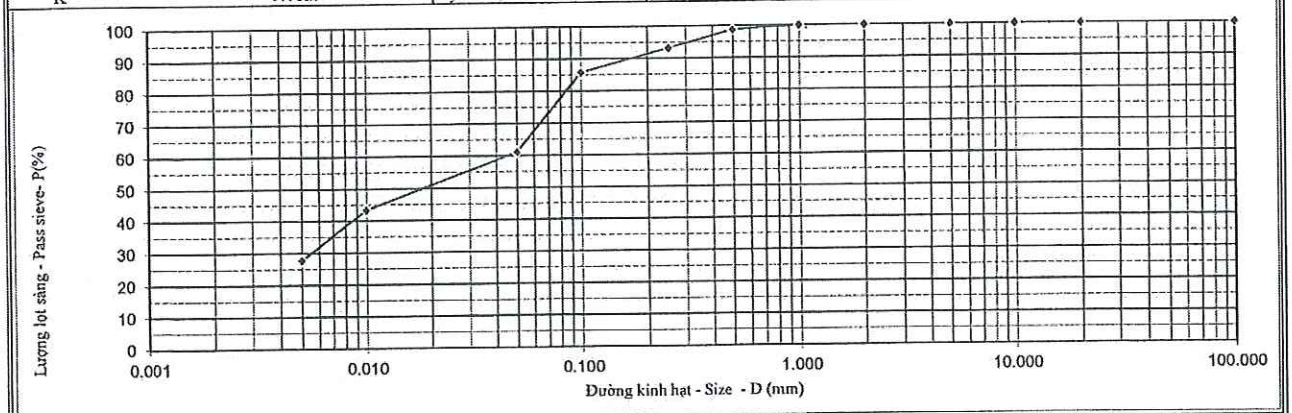
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.6	11.6	61.1	0.0497	
2	13.0	15.1	57.9	0.0354	
5	12.2	15.4	53.7	0.0226	
15	11.5	15.6	50.0	0.0132	
30	10.0	16.2	42.1	0.0095	
60	8.5	16.8	34.2	0.0068	
120	7.2	17.3	27.4	0.0049	



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	27.81	43.38	61.06	85.79	93.14	98.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	27.81	15.57	17.68	24.73	7.35	5.62	1.24	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, xám đen, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Dỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14960

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D12

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	3.55	3.55	3.55	96.45
1.00	3.31	3.31	6.86	93.14
0.500	4.15	4.15	11.01	88.99
0.250	8.25	8.25	19.26	80.74
0.100	63.12	63.12	82.38	17.62

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³

K = 0.0128

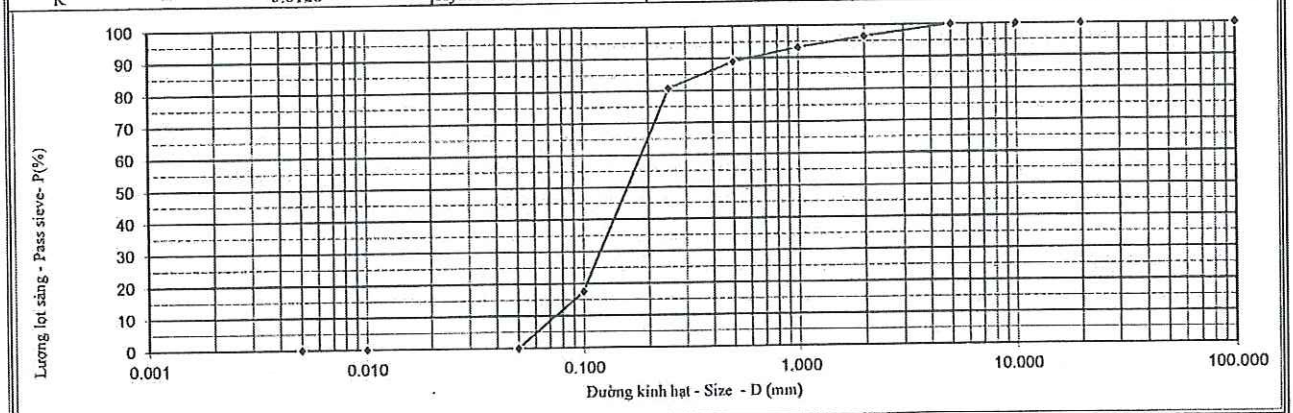
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	17.62	80.74	88.99	93.14	96.45	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	17.62	63.12	8.25	4.15	3.31	3.55	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14961

Hố khoan/Boring : LK14 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D14

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 26.00 -26.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	3.65	3.65	3.65	96.35
1.00	1.05	1.05	4.70	95.30
0.500	3.66	3.66	8.36	91.64
0.250	8.80	8.80	17.16	82.84
0.100	62.64	62.64	79.80	20.20

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

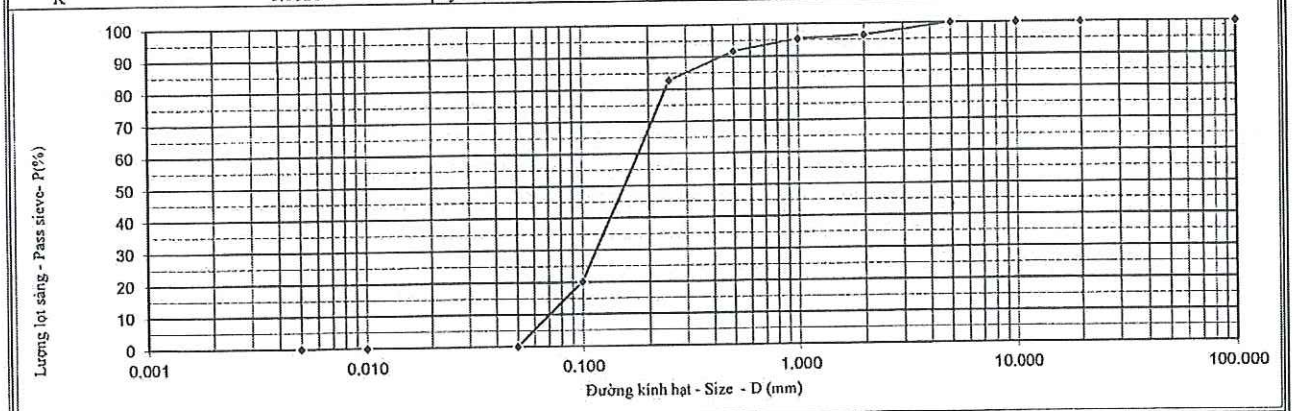
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.20	82.84	91.64	95.30	96.35	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.20	62.64	8.80	3.66	1.05	3.65	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14962

Hố khoan/Boring : LK15 Số hiệu mẫu/Sample - No: U1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 0.80 -1.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	4.05	4.05	4.05	95.95
0.100	6.83	6.83	10.88	89.12

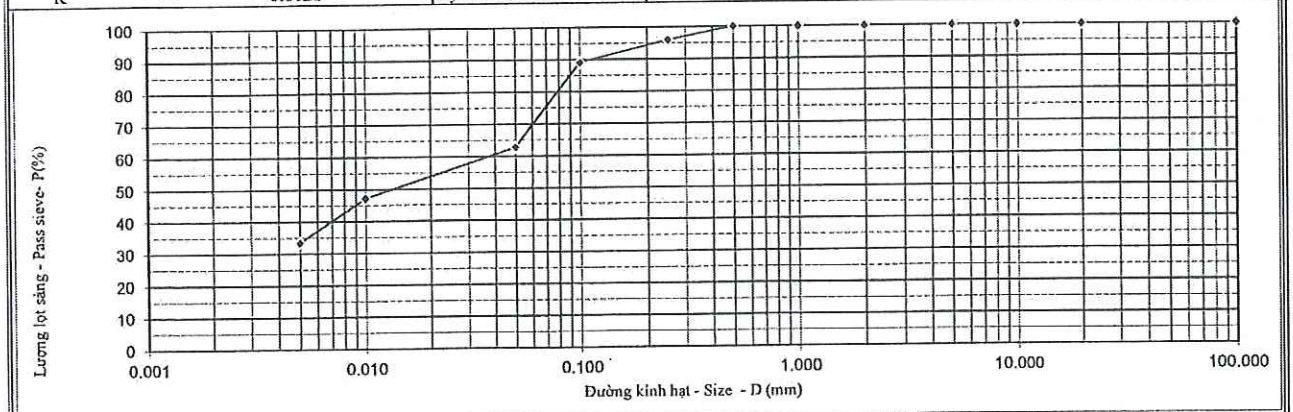
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.9	11.9	62.7	0.0491	
2	13.0	15.1	58.0	0.0351	
5	12.2	15.4	53.8	0.0224	
15	11.5	15.6	50.1	0.0131	
30	10.8	15.9	46.4	0.0093	
60	9.5	16.4	39.5	0.0067	
120	8.2	16.9	32.7	0.0048	

KLR/Specific gravity : 2.72 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	33.51	47.16	62.75	89.12	95.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	33.51	13.65	15.59	26.37	6.83	4.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét màu xám trắng, nâu đỏ, dẻo mềm										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14927

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	3.32	3.32	3.32	96.68
0.250	5.52	5.52	8.84	91.16
0.100	8.32	8.32	17.16	82.84

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

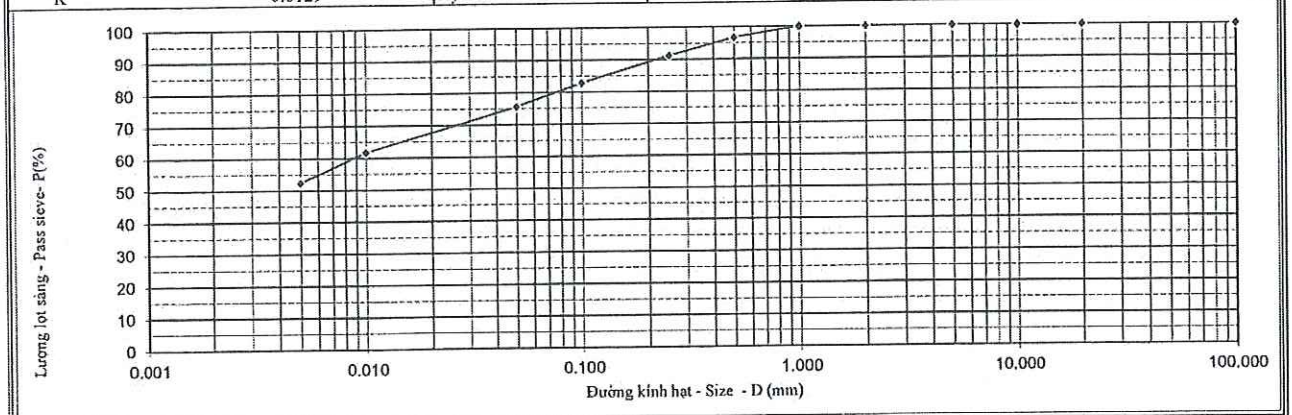
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time mìn	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.6	14.6	75.6	0.0477	
2	16.0	13.9	72.5	0.0340	
5	15.2	14.2	68.3	0.0218	
15	14.5	14.5	64.7	0.0127	
30	13.7	14.8	60.6	0.0091	
60	12.5	15.3	54.3	0.0065	
120	12.0	15.4	51.8	0.0046	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	52.35	61.77	75.58	82.84	91.16	96.68	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	52.35	9.42	13.81	7.26	8.32	5.52	3.32	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP. thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14963

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU7

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.20 -12.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.05	2.05	2.05	97.95
0.100	5.07	5.07	7.12	92.88

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

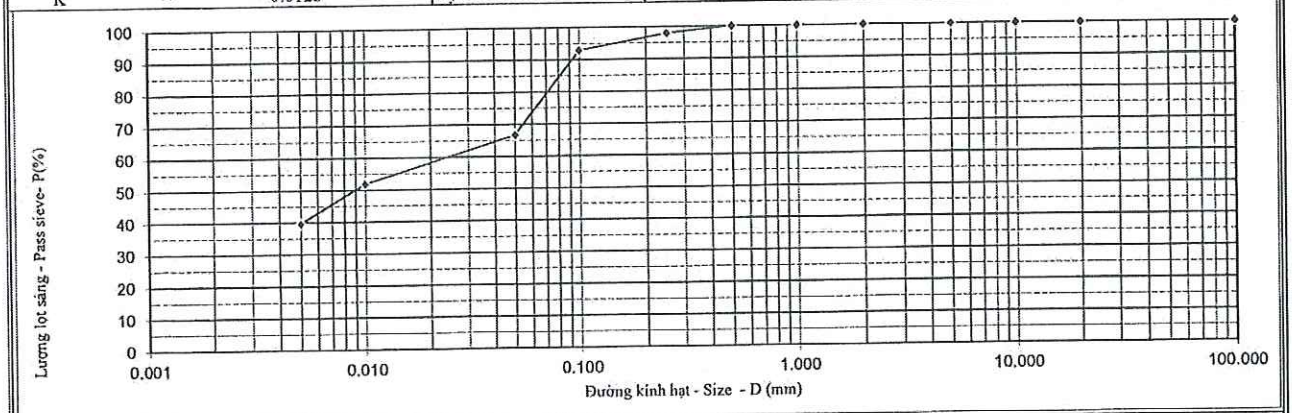
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.5	12.5	66.6	0.0487	
2	14.0	14.7	64.0	0.0347	
5	13.2	15.0	59.7	0.0222	
15	12.5	15.3	56.0	0.0129	
30	11.5	15.6	50.6	0.0092	
60	10.2	16.1	43.7	0.0066	
120	9.3	16.5	38.9	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	39.66	51.89	66.66	92.88	97.95	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	39.66	12.23	14.77	26.22	5.07	2.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu gụ, nâu xám lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14964

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	1.02	1.02	1.02	98.98
0.250	5.04	5.04	6.06	93.94
0.100	6.38	6.38	12.44	87.56

KLR/Specific gravity : 2.70 g/cm³

K = 0.0128

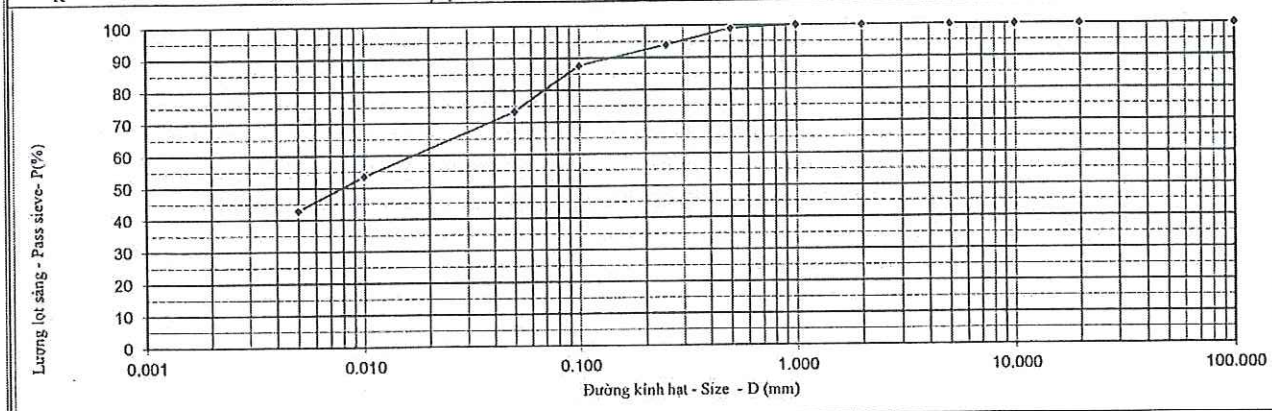
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.0	14.0	73.4	0.0478	
2	15.2	14.2	69.2	0.0341	
5	14.3	14.6	64.5	0.0218	
15	12.8	15.1	56.6	0.0129	
30	12.0	15.4	52.4	0.0092	
60	11.0	15.8	47.2	0.0066	
120	10.0	16.2	41.9	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	42.88	53.46	73.40	87.56	93.94	98.98	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	42.88	10.58	19.94	14.16	6.38	5.04	1.02	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét nâu vàng, ghi sáng, dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14965

Hố khoan/Boring : LK15 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 24.00 -24.45 — Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00	4.15	4.15	4.15	95.85
1.00	2.22	2.22	6.37	93.63
0.500	4.55	4.55	10.92	89.08
0.250	9.35	9.35	20.27	79.73
0.100	60.19	60.19	80.46	19.54

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

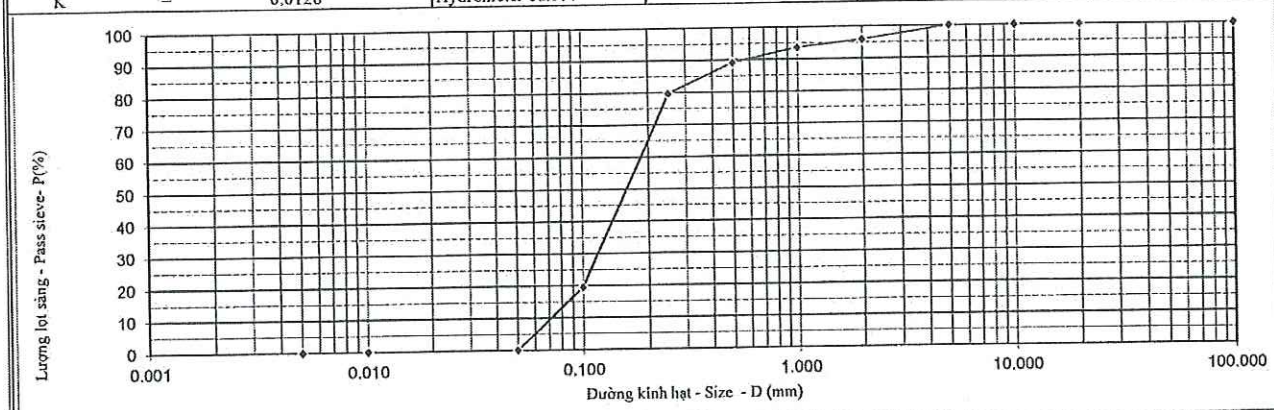
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	19.54	79.73	89.08	93.63	95.85	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	19.54	60.19	9.35	4.55	2.22	4.15	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn màu xám nâu, xám ghi lẫn ít sạn										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14928

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: CU1

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 1.30 -2.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.14	2.14	2.14	97.86
0.100	6.60	6.60	8.74	91.26

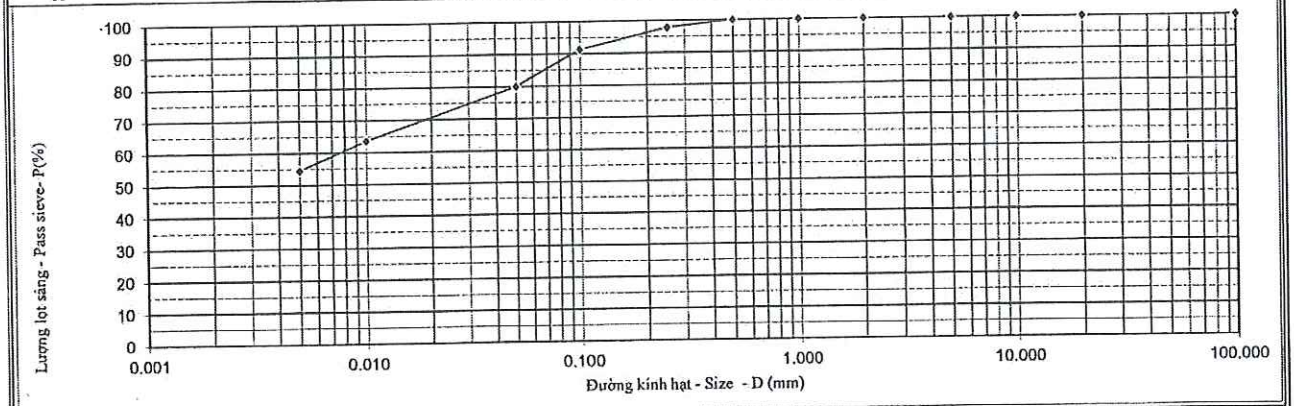
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	17.0	15.0	79.9	0.0475	
2	16.2	13.8	75.7	0.0339	
5	15.5	14.1	71.9	0.0217	
15	14.5	14.5	66.6	0.0127	
30	13.7	14.8	62.4	0.0091	
60	13.0	15.1	58.6	0.0065	
120	12.0	15.4	53.3	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm³ — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	54.53	63.61	79.97	91.26	97.86	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	54.53	9.08	16.36	11.29	6.60	2.14	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám nâu, lẫn hữu cơ										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14929

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 5.80 -6.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.54	2.54	2.54	97.46
0.250	7.51	7.51	10.05	89.95
0.100	9.32	9.32	19.37	80.63

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

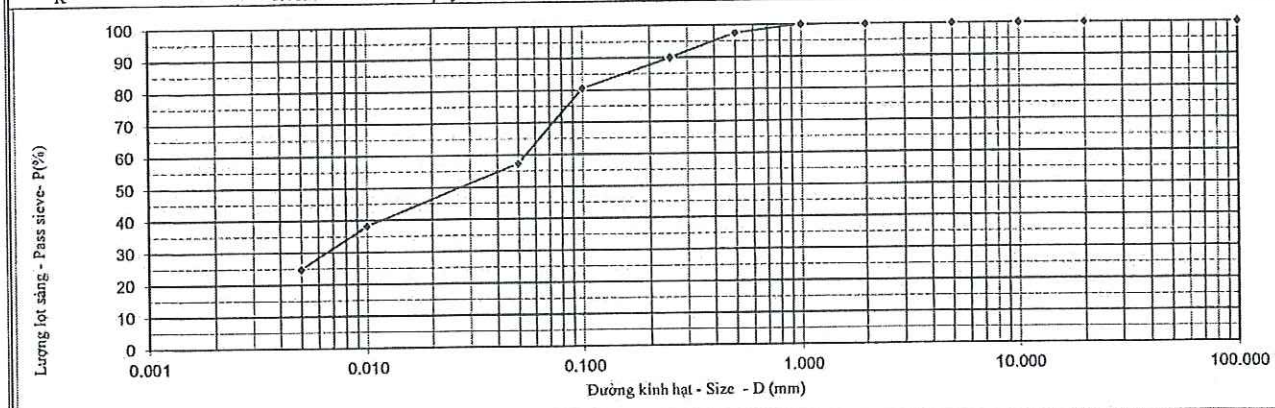
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	57.3	0.0501	
2	12.2	15.4	53.1	0.0358	
5	11.5	15.6	49.5	0.0228	
15	10.2	16.1	42.7	0.0134	
30	9.2	16.5	37.5	0.0096	
60	8.2	16.9	32.3	0.0068	
120	6.7	17.5	24.5	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	24.84	38.16	57.26	80.63	89.95	97.46	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	24.84	13.32	19.10	23.37	9.32	7.51	2.54	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi sáng, nâu hồng, nâu vàng, dẻo mềm										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14930

Hố khoan/Boring : LK16 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU6

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 11.30 -12.00 Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	5.25	5.25	5.25	94.75
0.250	5.62	5.62	10.87	89.13
0.100	8.21	8.21	19.08	80.92

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

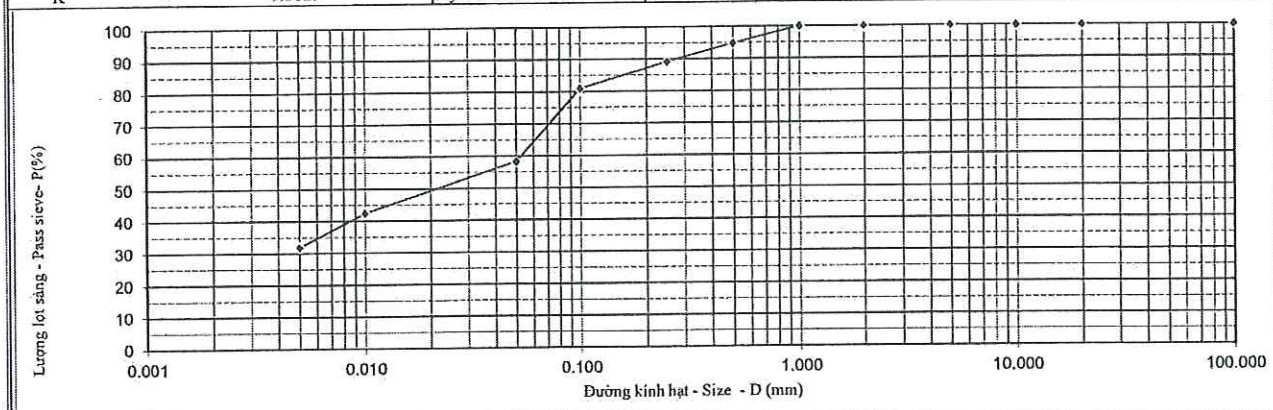
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.5	11.5	58.3	0.0497	
2	13.0	15.1	55.8	0.0354	
5	12.2	15.4	51.7	0.0226	
15	11.2	15.8	46.7	0.0132	
30	10.2	16.1	41.6	0.0095	
60	9.0	16.6	35.5	0.0068	
120	8.2	16.9	31.4	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	31.84	42.44	58.34	80.92	89.13	94.75	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	31.84	10.60	15.90	22.58	8.21	5.62	5.25	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14931

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 — Ngày TN/Date of test: 22/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	4.15	4.15	4.15	95.85
0.250	6.55	6.55	10.70	89.30
0.100	9.51	9.51	20.21	79.79

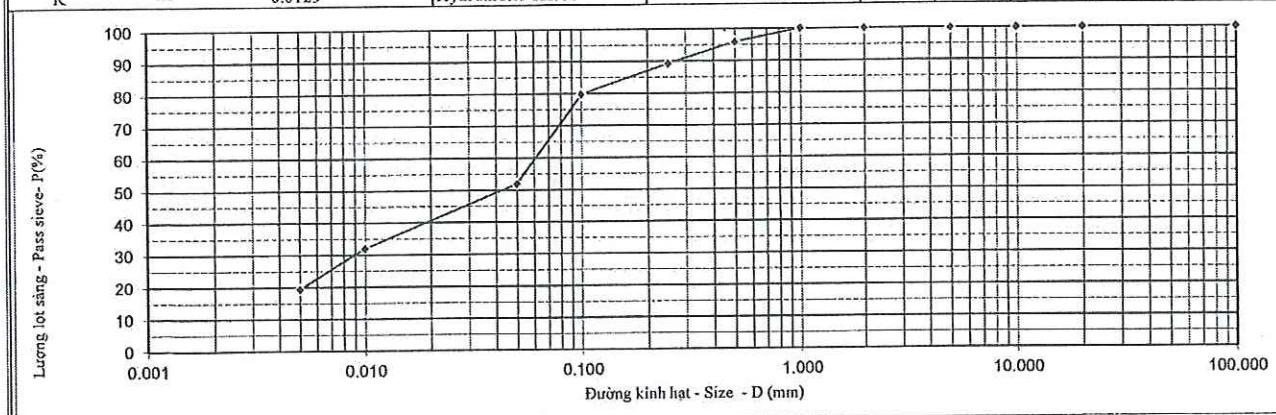
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	12.2	10.2	52.0	0.0506	
2	11.5	15.6	48.4	0.0361	
5	10.0	16.2	40.8	0.0232	
15	9.2	16.5	36.7	0.0135	
30	8.2	16.9	31.6	0.0097	
60	6.7	17.5	24.0	0.0070	
120	5.8	17.8	19.4	0.0050	

KLR/Specific gravity : 2.68 g/cm^3 — Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0129 — Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	19.45	32.09	51.97	79.79	89.30	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	19.45	12.64	19.88	27.82	9.51	6.55	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu xám, ghi sáng, dẻo cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA..JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14949

Hố khoan/Boring : LK16 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.02	2.02	2.02	97.98
0.500	2.35	2.35	4.37	95.63
0.250	12.02	12.02	16.39	83.61
0.100	68.61	68.61	85.00	15.00

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0129

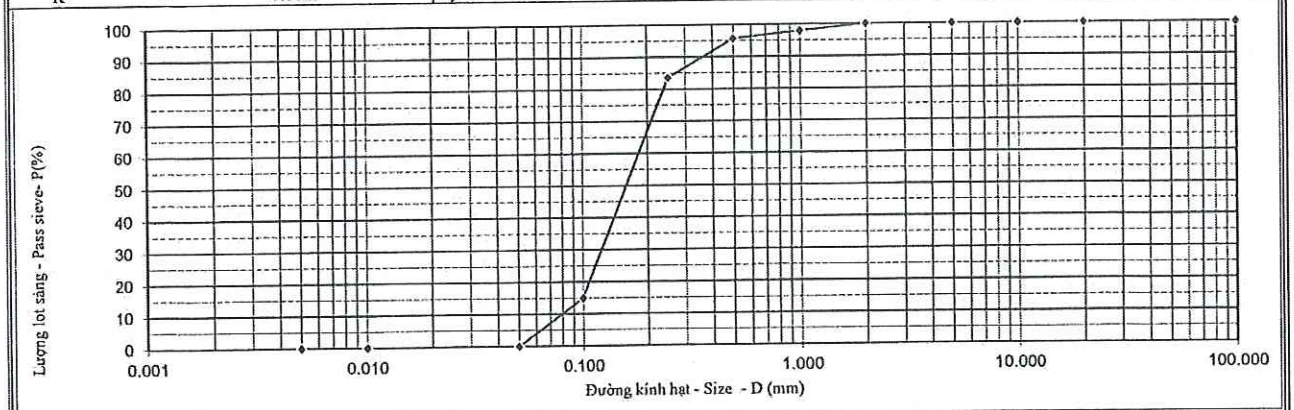
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	15.00	83.61	95.63	97.98	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	15.00	68.61	12.02	2.35	2.02	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám vàng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14950

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	5.51	5.51	5.51	94.49
0.250	10.00	10.00	15.51	84.49
0.100	74.39	74.39	89.90	10.10

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0129

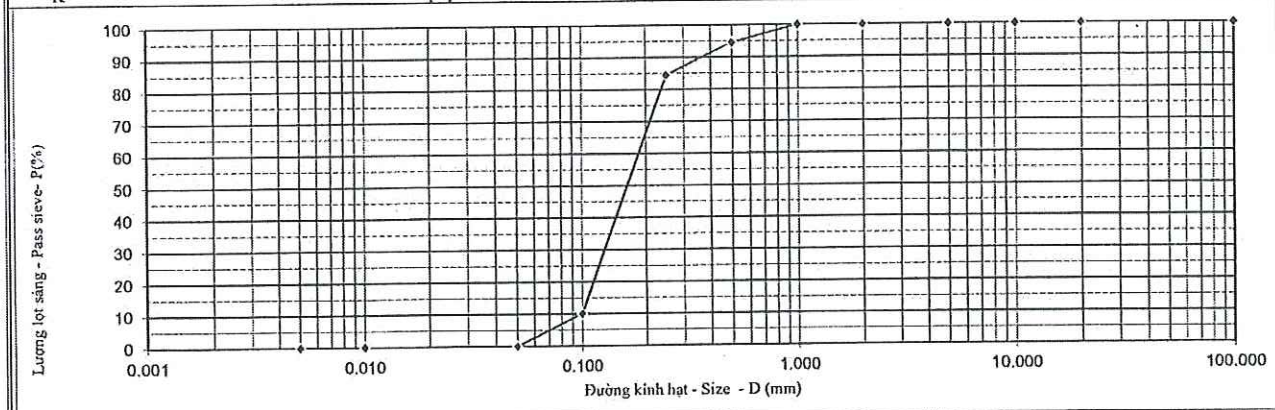
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	10.10	84.49	94.49	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	10.10	74.39	10.00	5.51	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay		Bụi/silt	Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi, nâu hồng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 14951

Hố khoan/Boring : LK16 — Số hiệu mẫu/Sample - No: D13

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 26.00 -26.45 — Ngày TN/Date of test: 23/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.15	1.15	1.15	98.85
0.500	6.38	6.38	7.53	92.47
0.250	9.35	9.35	16.88	83.12
0.100	71.07	71.07	87.95	12.05

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

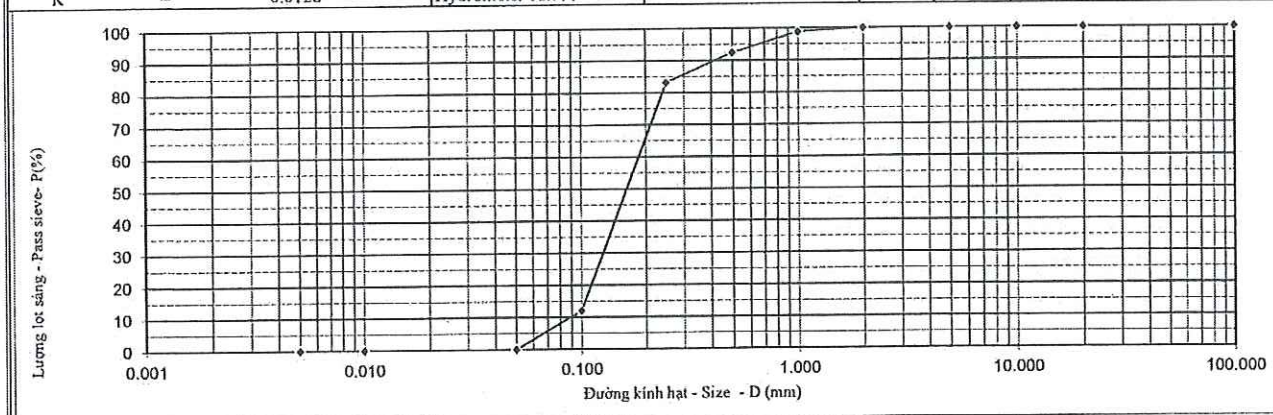
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	12.05	83.12	92.47	98.85	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	12.05	71.07	9.35	6.38	1.15	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15001

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU2

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	4.15	4.15	4.15	95.85
0.100	6.50	6.50	10.65	89.35

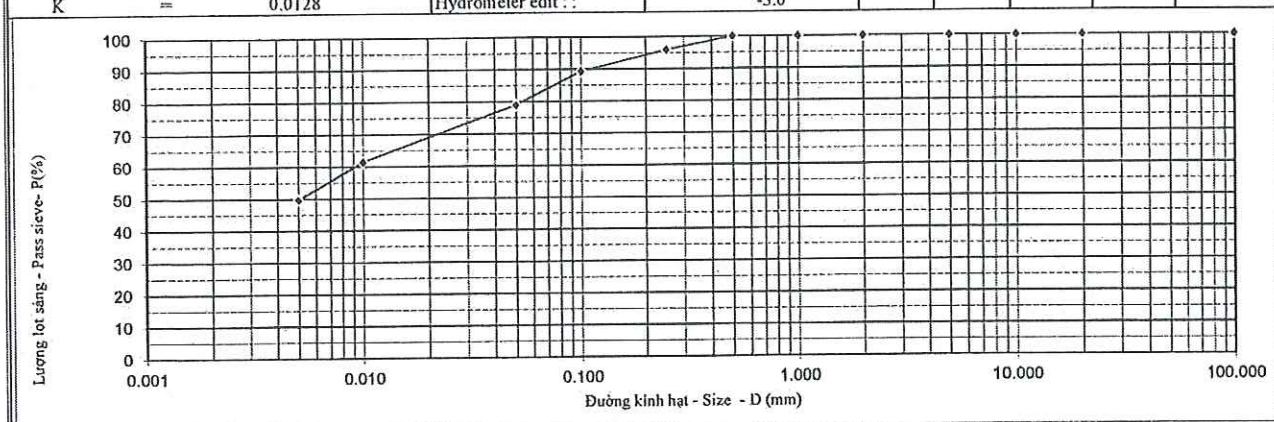
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.8	14.8	78.9	0.0472	
2	16.2	13.8	75.7	0.0337	
5	15.5	14.1	71.9	0.0215	
15	14.3	14.6	65.6	0.0126	
30	13.2	15.0	59.7	0.0090	
60	12.5	15.3	56.0	0.0065	
120	11.0	15.8	48.0	0.0046	

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	49.74	61.45	78.91	89.35	95.85	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	49.74	11.71	17.46	10.44	6.50	4.15	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám đen lẫn hữu cơ, dẻo chảy										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15018

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 10.00 -10.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	1.15	1.15	1.15	98.85
0.500	4.10	4.10	5.25	94.75
0.250	9.65	9.65	14.90	85.10
0.100	63.09	63.09	77.99	22.01

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3

K = 0.0128

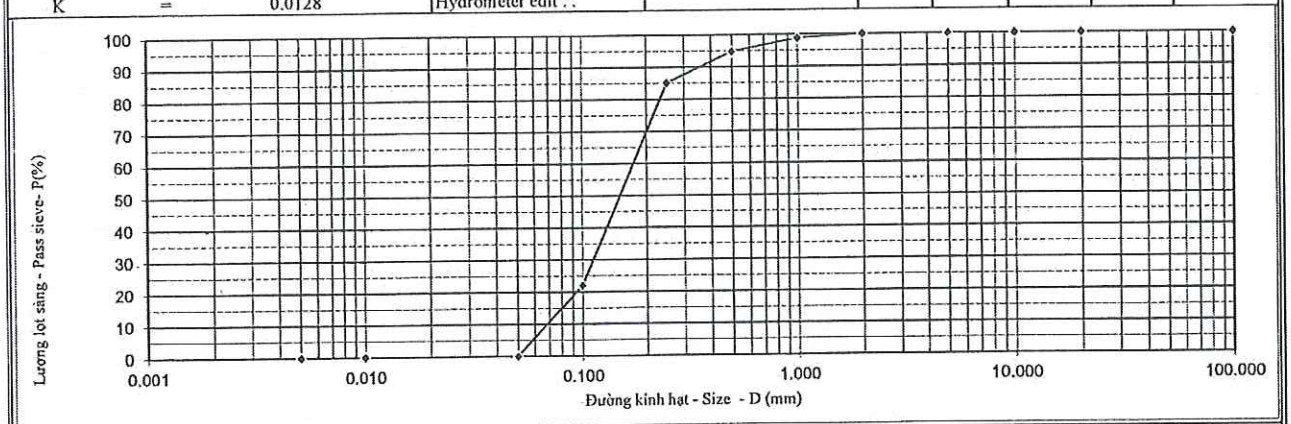
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	85.10	94.75	98.85	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	22.01	63.09	9.65	4.10	1.15	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn xám ghi										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15002

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 17.80 -18.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.55	2.55	2.55	97.45
0.250	6.35	6.35	8.90	91.10
0.100	8.21	8.21	17.11	82.89

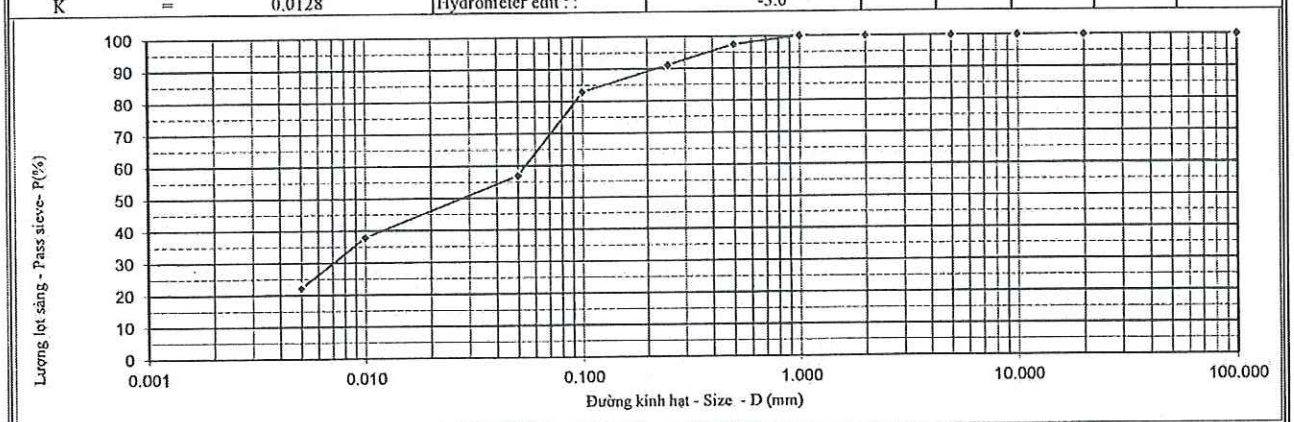
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.0	11.0	56.9	0.0497	
2	12.5	15.3	54.3	0.0354	
5	11.5	15.6	49.1	0.0226	
15	10.0	16.2	41.4	0.0133	
30	9.2	16.5	37.2	0.0095	
60	8.0	17.0	31.0	0.0068	
120	6.2	17.7	21.7	0.0049	

KLR/Specific gravity : 2.69 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature : 25°C

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	22.23	37.86	56.88	82.89	91.10	97.45	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	22.23	15.63	19.02	26.01	8.21	6.35	2.55	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét nâu hồng dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15003

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: U10

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 19.80 -20.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. seeluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500	2.38	2.38	2.38	97.62
0.250	6.50	6.50	8.88	91.12
0.100	8.51	8.51	17.39	82.61

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

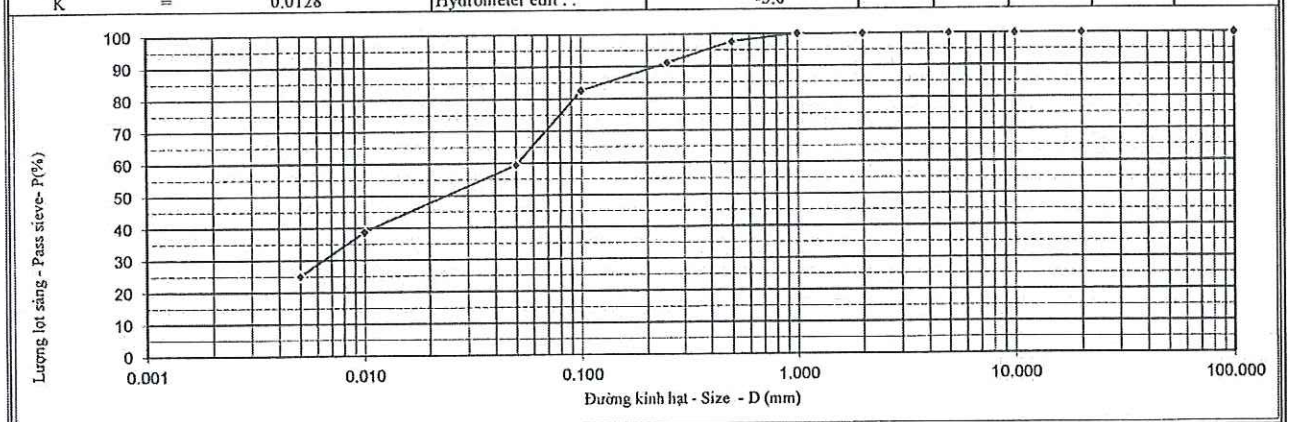
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	13.4	11.4	59.4	0.0494	
2	12.6	15.2	55.3	0.0353	
5	11.5	15.6	49.5	0.0226	
15	10.2	16.1	42.8	0.0133	
30	9.3	16.5	38.1	0.0095	
60	8.2	16.9	32.3	0.0068	
120	6.7	17.5	24.5	0.0049	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	25.07	38.80	59.45	82.61	91.12	97.62	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	25.07	13.73	20.65	23.16	8.51	6.50	2.38	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Á sét ghi xanh nửa cứng										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15019

Hố khoan/Boring : LK17 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 22.00 -22.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	3.20	3.20	3.20	96.80
0.500	2.35	2.35	5.55	94.45
0.250	8.55	8.55	14.10	85.90
0.100	67.25	67.25	81.35	18.65

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

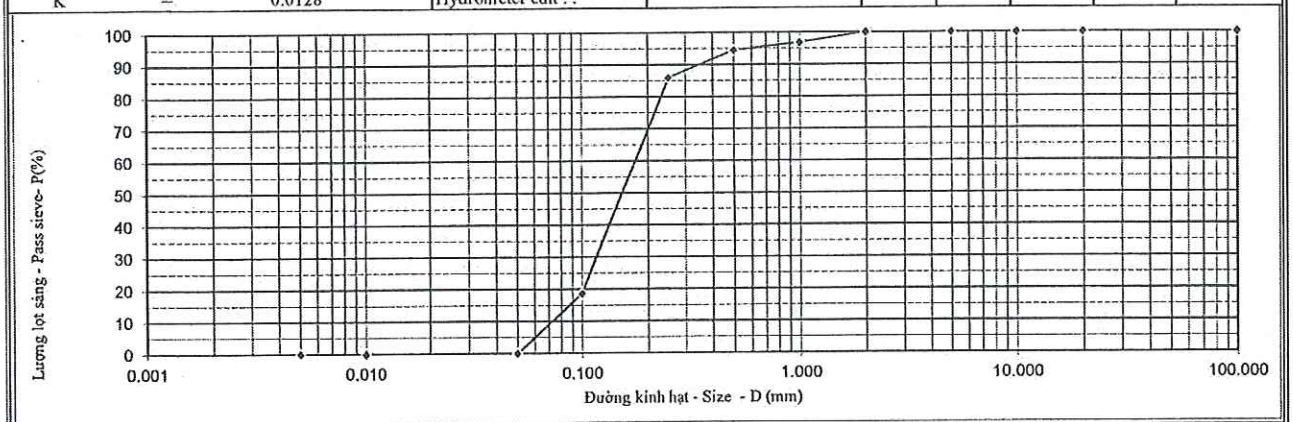
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	18.65	85.90	94.45	96.80	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	18.65	67.25	8.55	2.35	3.20	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu xám, kẹp sét pha										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15004

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: CU3

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 3.30 -4.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.04	2.04	2.04	97.96
0.100	4.51	4.51	6.55	93.45

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

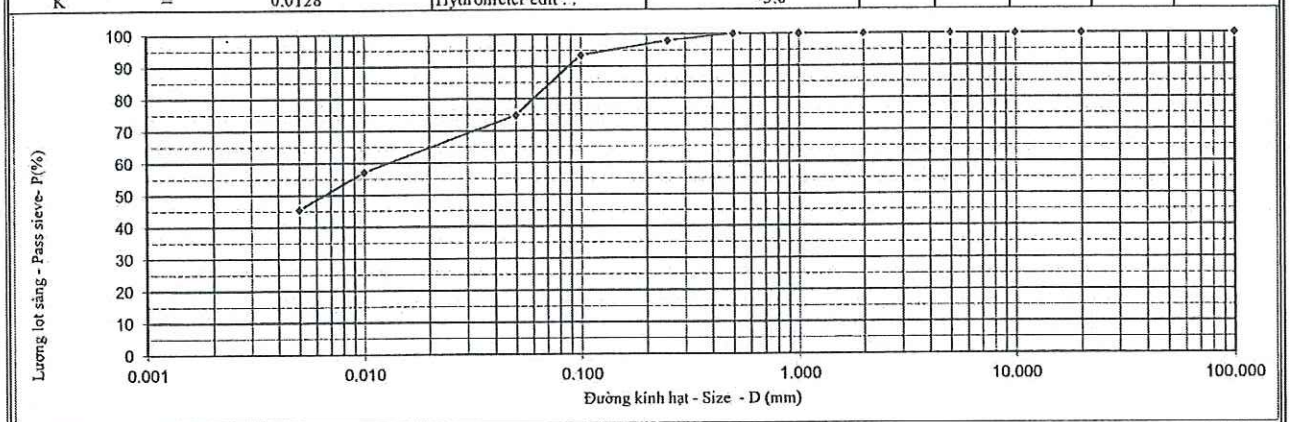
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	16.0	14.0	74.8	0.0478	
2	15.2	14.2	70.5	0.0341	
5	14.3	14.6	65.7	0.0218	
15	13.2	15.0	59.8	0.0128	
30	12.5	15.3	56.1	0.0091	
60	11.8	15.5	52.3	0.0065	
120	10.2	16.1	43.8	0.0047	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	45.45	57.10	74.84	93.45	97.96	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	45.45	11.65	17.74	18.61	4.51	2.04	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Bùn sét xám đen lẫn hữu cơ										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15020

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: D5

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 8.00 -8.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	0.98	0.98	0.98	99.02
0.500	5.05	5.05	6.03	93.97
0.250	8.20	8.20	14.23	85.77
0.100	64.56	64.56	78.79	21.21

KLR/Specific gravity : 2.66 g/cm^3

K = 0.0128

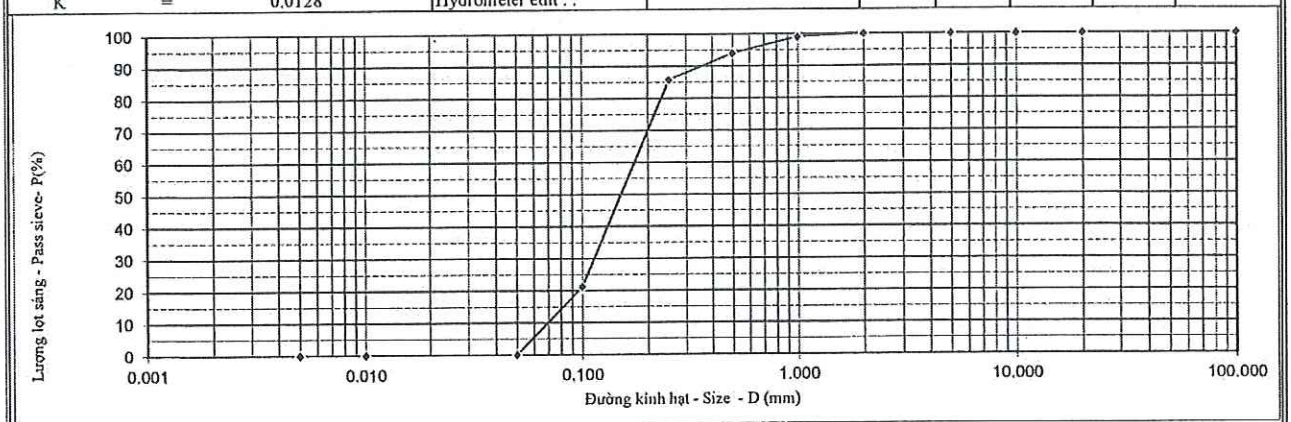
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

Nhiệt độ/Temperature :

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	21.21	85.77	93.97	99.02	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	21.21	64.56	8.20	5.05	0.98	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng, xám xanh										

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15005

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: U9

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 15.80 -16.00 Ngày TN/Date of test: 28/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass scive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00				100.00
0.500				100.00
0.250	2.95	2.95	2.95	97.05
0.100	5.55	5.55	8.50	91.50

KLR/Specific gravity : 2.65 g/cm^3

K = 0.0128

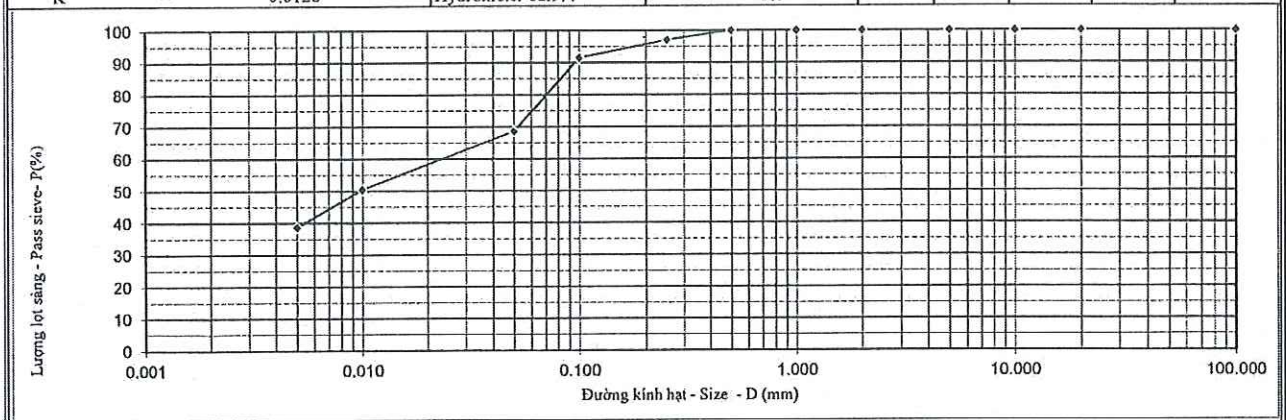
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1	14.8	12.8	68.5	0.0485	
2	14.0	14.7	64.2	0.0347	
5	13.2	15.0	60.0	0.0222	
15	12.2	15.4	54.6	0.0130	
30	11.2	15.8	49.3	0.0093	
60	10.5	16.0	45.5	0.0066	
120	9.0	16.6	37.5	0.0048	

Nhiệt độ/Temperature : 25°C

Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : : -3.0



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	38.68	50.46	68.57	91.50	97.05	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	38.68	11.78	18.11	22.93	5.55	2.95	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Sét xám ghi dẻo cứng										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TP thí nghiệm/Chief of Lab

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2 Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

ISO 9001:2008

ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 4198-2014)
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION GRAPH

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No : 15021

Hố khoan/Boring : LK18 Số hiệu mẫu/Sample - No: D11

Độ sâu mẫu/Depth(m) : 20.00 -20.45 Ngày TN/Date of test: 29/10/2021

Phân tích sàng/Sieve distribution

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 100.0 (g)

Cỡ sàng Sieve size mm	Trên sàng R. secluded g	Trên sàng R. board %	T/lũy trên sàng R. board on siev %	Lọt sàng Pass seive %
40.00				100.00
20.00				100.00
10.00				100.00
5.00				100.00
2.00				100.00
1.00	2.20	2.20	2.20	97.80
0.500	5.21	5.21	7.41	92.59
0.250	5.54	5.54	12.95	87.05
0.100	67.01	67.01	79.96	20.04

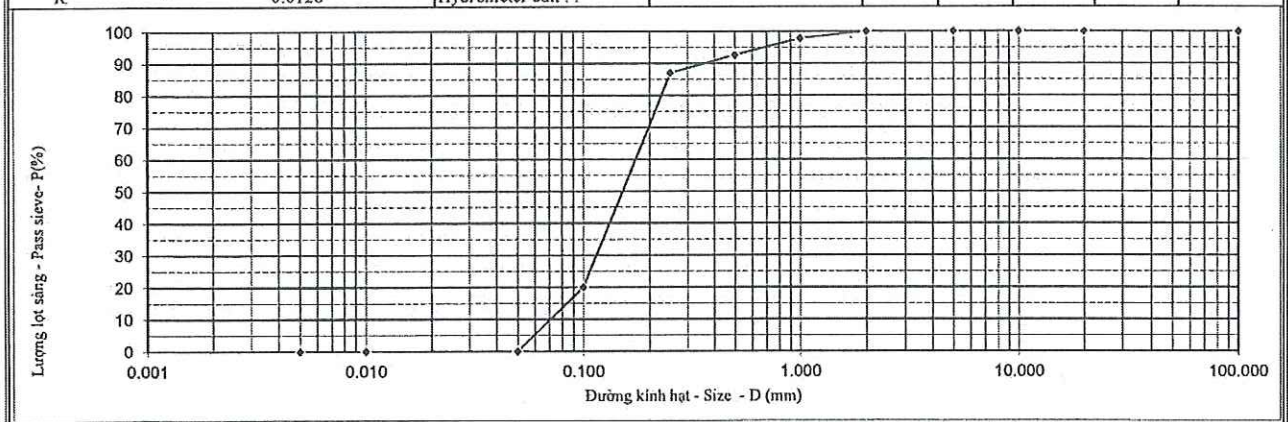
Phân tích bằng tỷ trọng kế (loại B)/Hydrometer distribution (B Type)

Khối lượng đất TN/ Test weight soil : 30.0 (g)

Tg đọc R. time min	Số đọc R. Number R'	Số đọc HC R. Edit R	P %	ĐK/Diameter mm	Ghi chú Note
1					
2					
5					
15					
30					
60					
120					

KLR/Specific gravity : 2.67 g/cm^3 Nhiệt độ/Temperature :

K = 0.0128 Số HC tỷ trọng kế Hydrometer edit : :



Cỡ hạt/Size (mm)	<0.005	0.01-0.005	0.05 - 0.01	0.1 - 0.05	0.25-0.1	0.50-0.25	1.0-0.5	2.0 - 1.0	5.0 - 2.0	10.0-5.0	>10
Lượng lọt sàng / Pass sieve (%)	0.00	0.00	0.00	20.04	87.05	92.59	97.80	100.00	100.00	100.00	100.00
Hàm lượng/ Content (%)	0.00	0.00	0.00	20.04	67.01	5.54	5.21	2.20	0.00	0.00	0.00
Phân loại/ Classification	Sét/ Clay	Bụi/silt		Cát/ Sand					Sỏi, sạn/ Gravel, Grit		
Tên đất/ Soil name	Cát mịn nâu hồng, xám xanh										

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Đỗ Thị Hồng Lanh

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

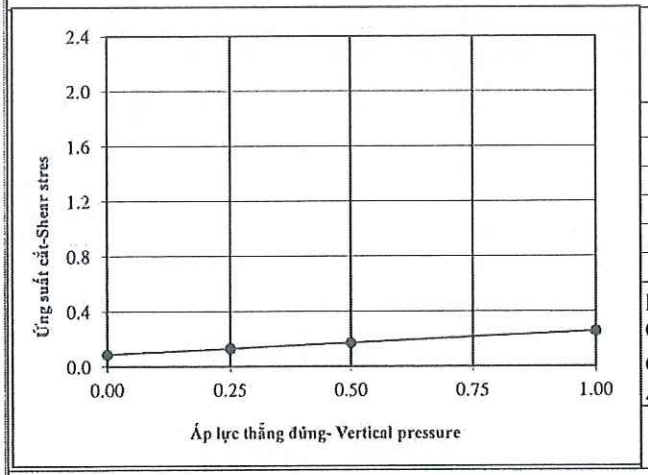
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14966	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK1	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.8 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



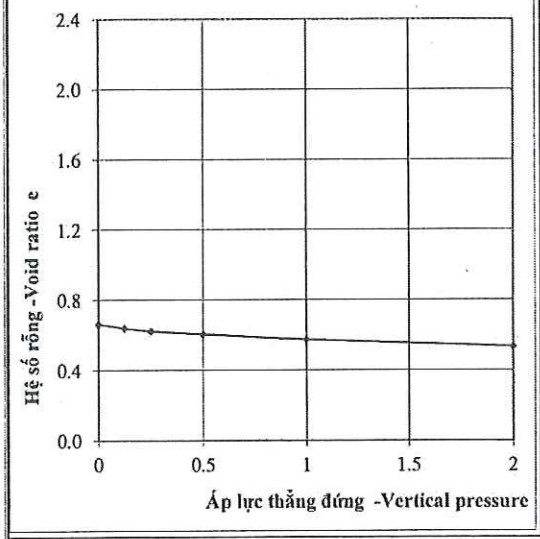
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	6.5	0.129
0.50	8.6	0.172
1.00	12.8	0.256

Lực dính kết Cohesive C = 0.087 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 14

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.662	
0.125	27.9	0.9	27.0	28.3	0.639	0.188
0.25	47.6	1.9	45.7	48.0	0.623	0.131
0.5	69.1	3.0	66.1	69.3	0.605	0.071
1	105.9	5.0	100.9	105.8	0.574	0.061
2	154.6	7.4	147.2	154.3	0.534	0.040
	161.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

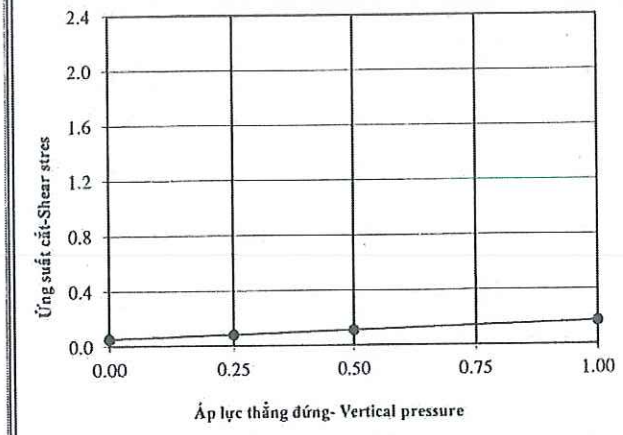
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14967	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK1	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



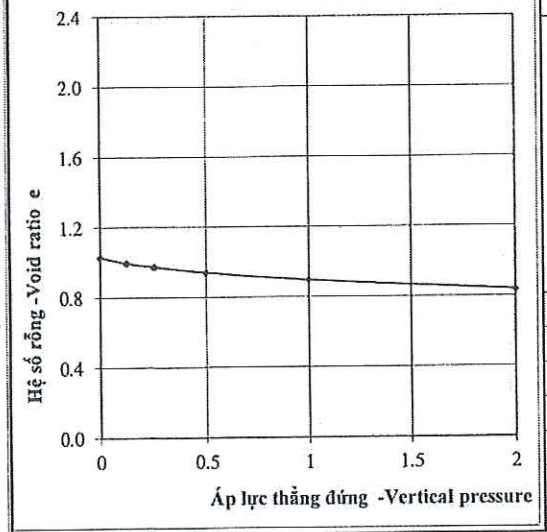
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.1	0.081
0.50	5.5	0.110
1.00	8.4	0.169

Lực dính kết Cohesive C = 0.052 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 15

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.029	
0.125	32.0	0.8	31.2	32.7	0.996	0.265
0.25	53.6	1.6	52.0	54.5	0.974	0.177
0.5	86.1	2.3	83.8	87.7	0.940	0.135
1	128.8	3.6	125.2	131.1	0.896	0.088
2	185.6	5.8	179.8	188.3	0.838	0.058
	194.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

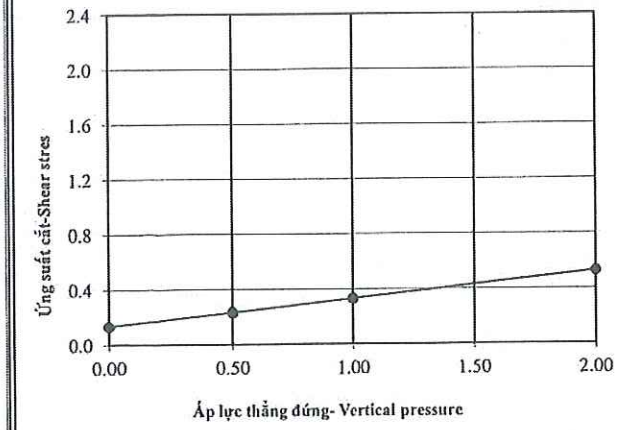
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14968	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.8 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



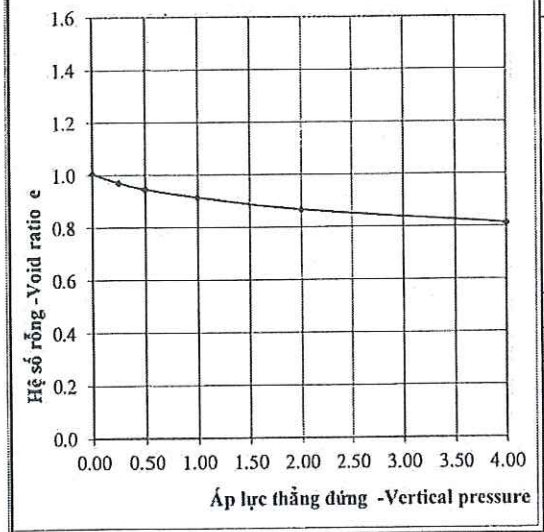
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.6	0.232
1.00	16.5	0.330
2.00	26.4	0.528

Lực dính kết Cohesive C = 0.133 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°10'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 16

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.007	
0.25	35.6	1.4	34.2	35.9	0.971	0.144
0.5	60.2	2.6	57.6	60.4	0.946	0.099
1	91.4	4.0	87.5	91.7	0.915	0.063
2	139.3	6.2	133.1	139.5	0.867	0.048
4	193.6	9.5	184.1	193.0	0.813	0.027
	202.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

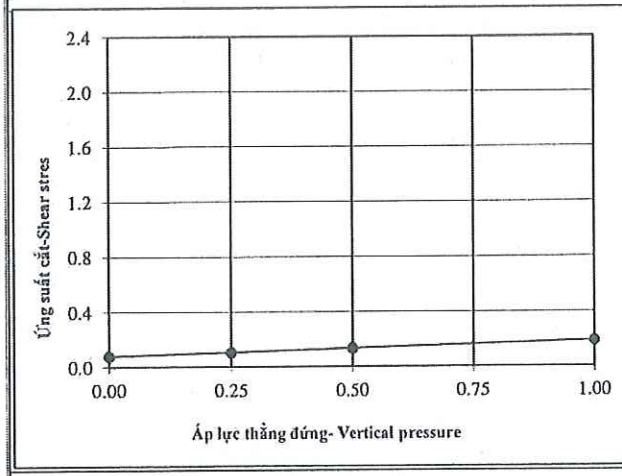
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14971	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.2 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



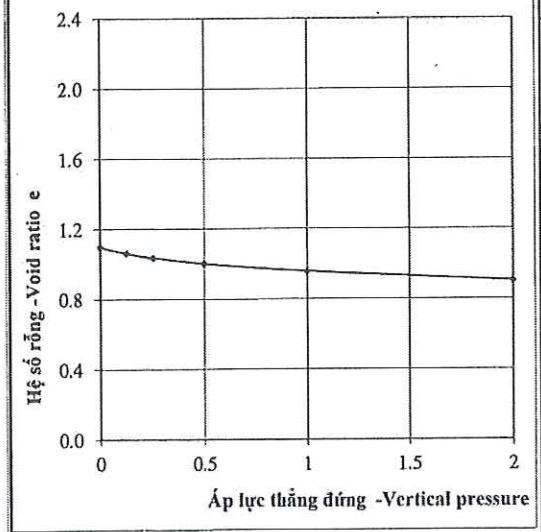
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.2	0.104
0.50	6.6	0.132
1.00	9.3	0.187

Lực dính kết Cohesive: C = 0.077 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction: φ = 6°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle: R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 19

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.097	
0.125	33.3	0.6	32.8	34.3	1.061	0.288
0.25	57.1	1.4	55.7	58.3	1.036	0.201
0.5	88.9	2.5	86.4	90.5	1.002	0.135
1	130.2	3.7	126.5	132.5	0.958	0.088
2	182.3	5.8	176.5	184.9	0.903	0.055
	190.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

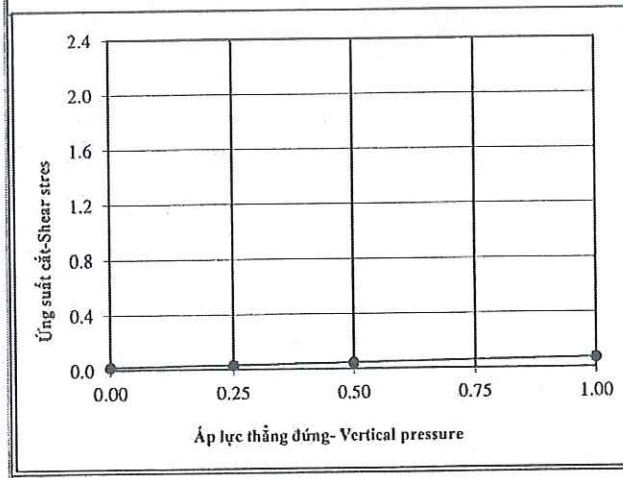
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14969	Số mẫu/Sample (No):	CU5
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	9.3 -10.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



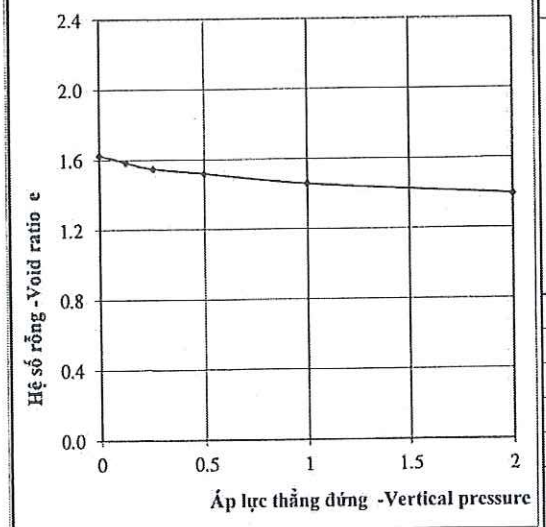
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	1.6	0.031
0.50	2.2	0.044
1.00	3.5	0.070

Lực dính kết Cohesive C = 0.018 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 2°60'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 17

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.625	
0.125	30.5	1.0	29.5	31.0	1.584	0.325
0.25	57.8	2.2	55.6	58.2	1.548	0.286
0.5	80.7	3.7	77.0	80.8	1.519	0.118
1	127.3	6.0	121.3	127.1	1.458	0.122
2	175.5	8.6	166.9	174.9	1.395	0.063
	183.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

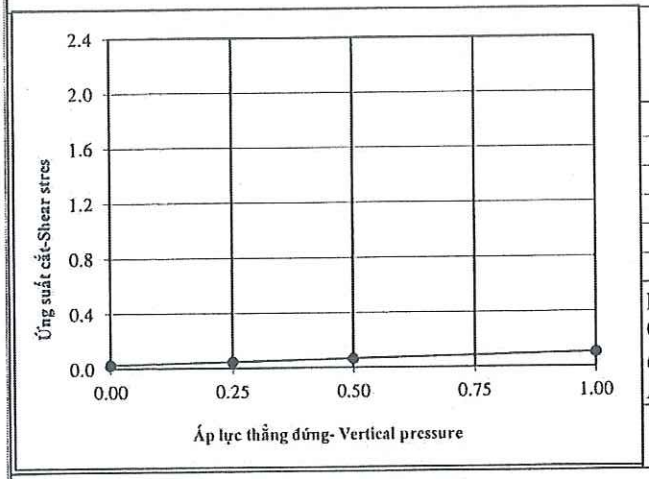
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14970	Số mẫu/Sample (No):	U6
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



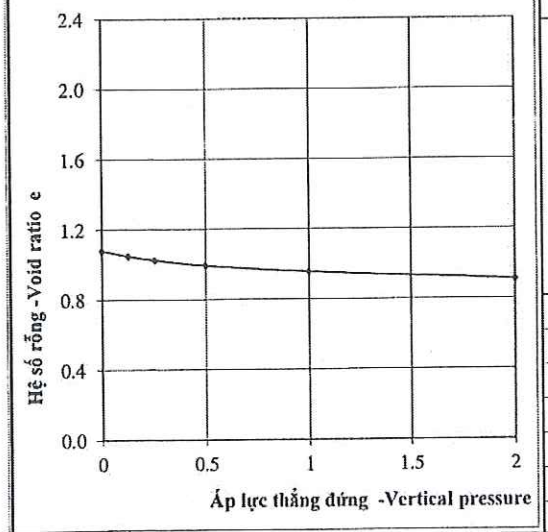
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.2	0.064
1.00	5.1	0.103

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 18

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.078	
0.125	28.9	0.9	28.0	29.3	1.048	0.244
0.25	51.7	2.4	49.3	51.7	1.025	0.186
0.5	82.3	3.8	78.5	82.3	0.993	0.127
1	118.8	6.0	112.9	118.4	0.955	0.075
2	163.4	8.7	154.7	162.3	0.910	0.046
	170.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

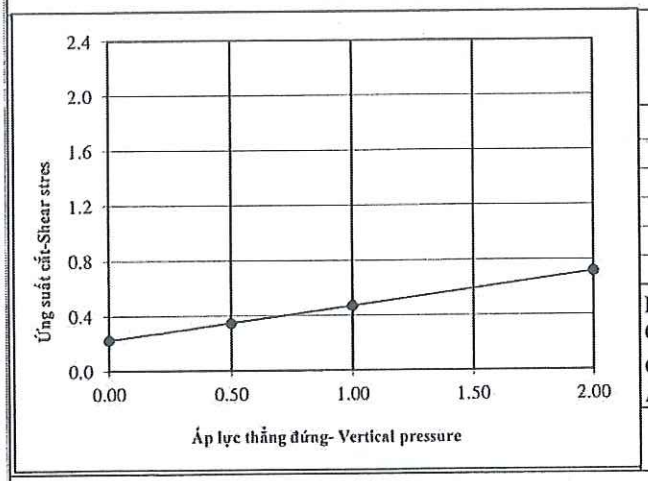
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14955	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK2	Ngày thí nghiệm/Date of test:	23/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



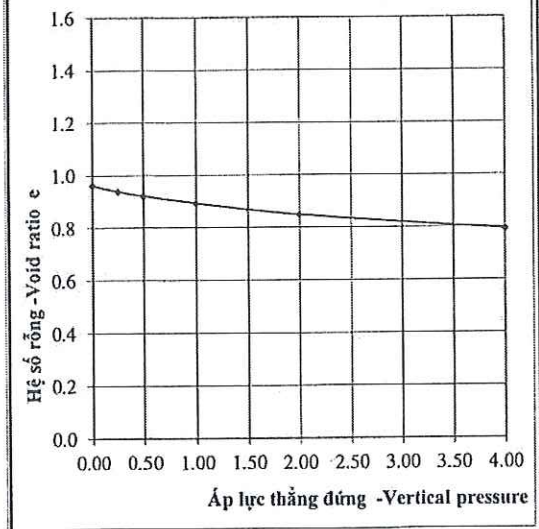
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	17.3	0.345
1.00	23.4	0.468
2.00	35.7	0.714

Lực dính kết Cohesive C = 0.222 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.962	
0.25	24.7	2.1	22.6	23.7	0.939	0.093
0.5	43.5	3.9	39.6	41.5	0.922	0.070
1	72.8	6.6	66.3	69.6	0.894	0.055
2	120.6	10.7	109.9	115.4	0.849	0.045
4	178.2	13.9	164.3	172.5	0.793	0.028
	186.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

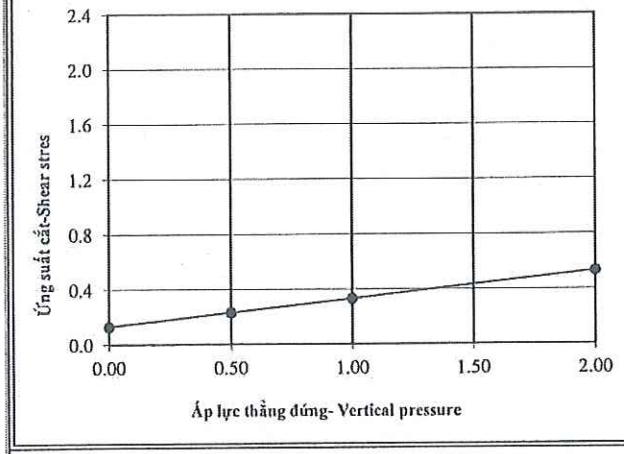
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14972	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



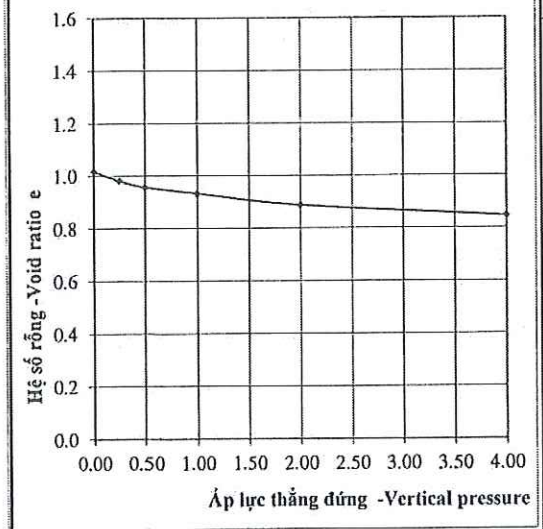
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.5	0.230
1.00	16.5	0.330
2.00	26.5	0.531

Lực dính kết Cohesive C = 0.130 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°20'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 20

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.018	
0.25	36.0	2.0	34.0	35.7	0.982	0.144
0.5	61.0	3.6	57.4	60.2	0.957	0.099
1	86.2	5.8	80.4	84.4	0.933	0.049
2	131.6	8.6	123.0	129.0	0.888	0.045
4	173.8	11.5	162.3	170.3	0.846	0.021
	181.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

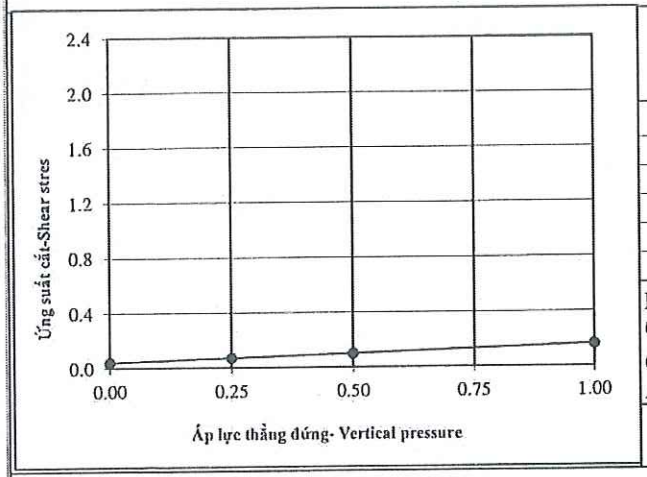
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14973	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



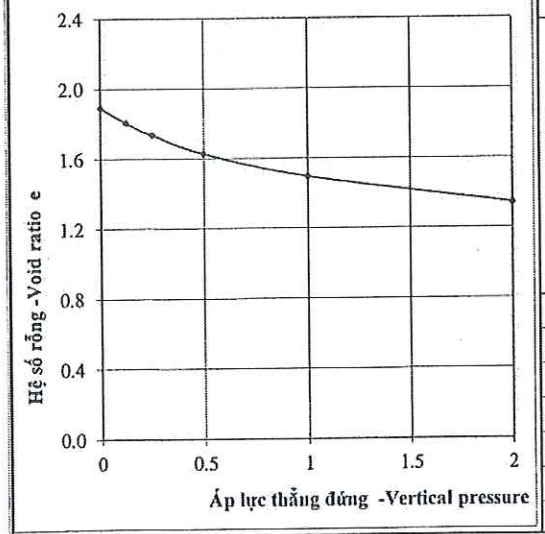
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.5	0.070
0.50	5.0	0.101
1.00	8.1	0.161

Lực dính kết Cohesive C = 0.040 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°54'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 21

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.893	
0.125	58.3	0.6	57.6	60.3	1.805	0.698
0.25	105.5	1.4	104.1	109.0	1.735	0.563
0.5	178.2	2.8	175.4	183.6	1.627	0.432
1	266.0	4.1	261.8	274.1	1.496	0.262
2	369.8	6.4	363.4	380.4	1.342	0.154
	386.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

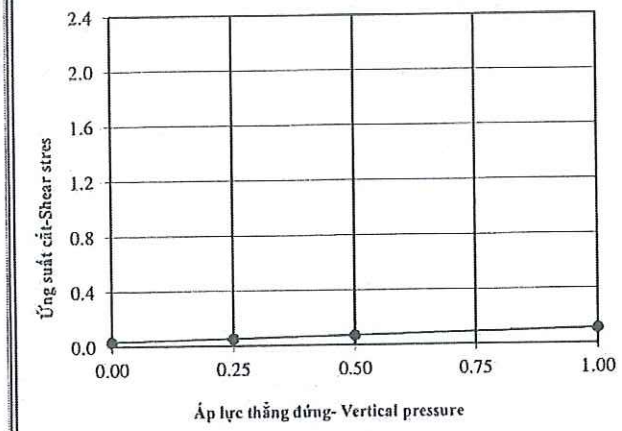
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14974	Số mẫu/Sample (No):	U5
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	7.8 -8.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



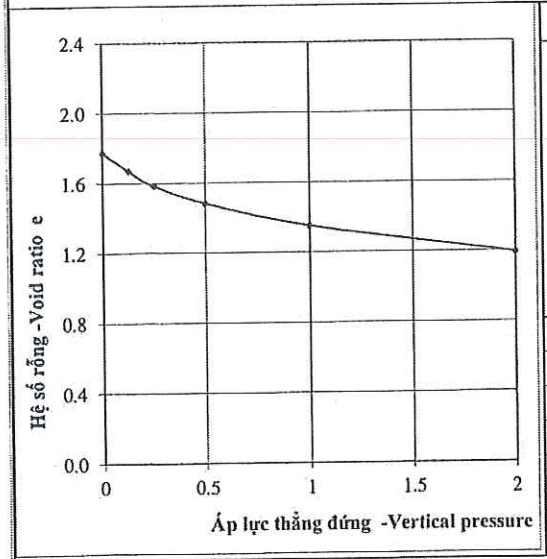
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.6	0.051
0.50	3.5	0.070
1.00	5.4	0.109

Lực dính kết Cohesive C = 0.032 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle
R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 22

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.774	
0.125	72.2	1.2	71.0	74.4	1.671	0.825
0.25	133.3	2.4	130.9	137.1	1.584	0.696
0.5	204.1	4.0	200.2	209.6	1.483	0.402
1	297.5	6.4	291.2	304.9	1.351	0.264
2	409.2	9.5	399.7	418.5	1.193	0.158
	428.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

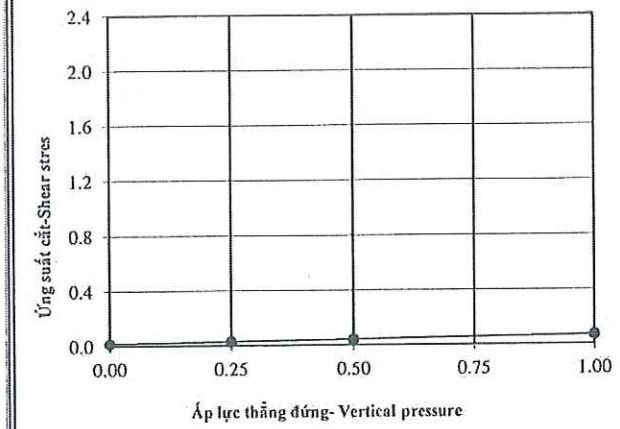
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14975	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



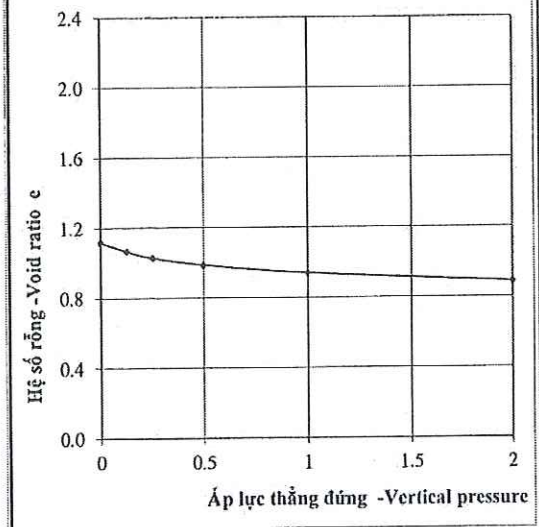
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	1.5	0.029
0.50	2.1	0.042
1.00	3.4	0.068

Lực dính kết Cohesive C = 0.016 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 2°60'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 23

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.117	
0.125	48.5	1.8	46.7	49.0	1.066	0.415
0.25	84.0	3.4	80.5	84.4	1.028	0.300
0.5	122.3	5.6	116.6	122.3	0.988	0.160
1	168.2	8.0	160.2	167.9	0.940	0.097
2	217.9	11.0	206.9	216.9	0.888	0.052
	227.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

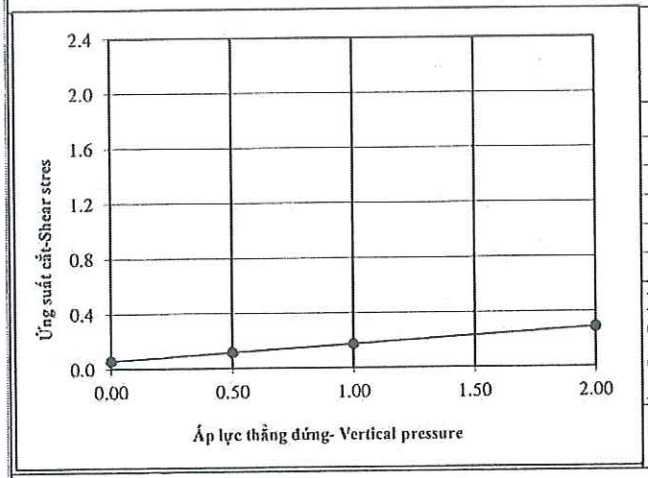
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14976	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK3	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



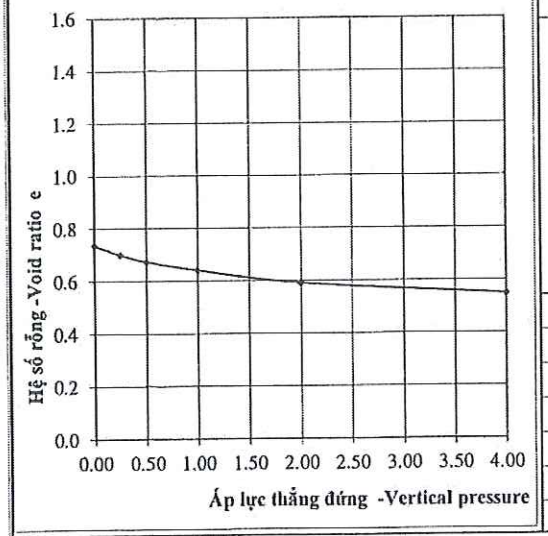
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	5.7	0.115
1.00	8.6	0.173
2.00	14.4	0.288

Lực dính kết Cohesive C = 0.057 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 24

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.736	
0.25	41.7	2.1	39.5	41.5	0.700	0.144
0.5	72.5	4.2	68.3	71.6	0.674	0.105
1	110.6	6.4	104.2	109.3	0.641	0.065
2	169.0	9.9	159.1	166.9	0.591	0.050
4	220.0	13.7	206.4	216.5	0.548	0.022
	230.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

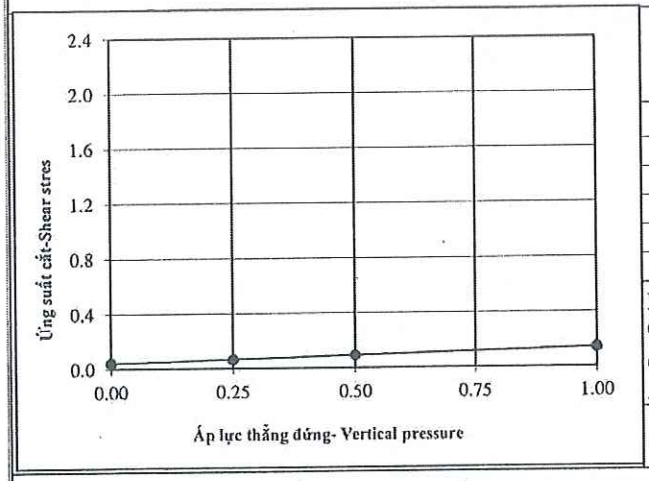
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14977	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK4	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



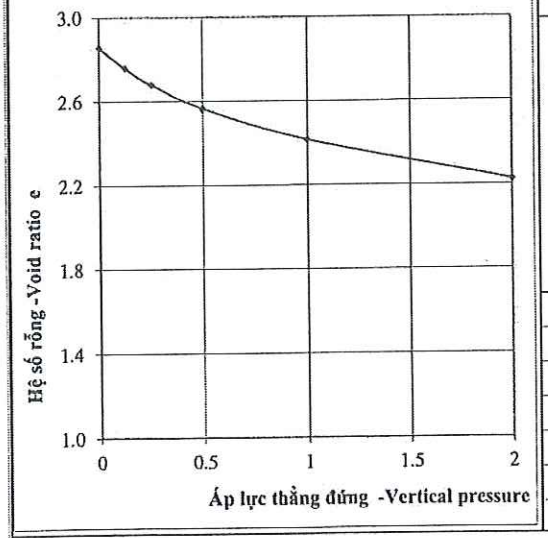
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.3	0.065
0.50	4.5	0.090
1.00	7.0	0.141

Lực dính kết Cohesive C = 0.040 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.857	
0.125	49.4	0.6	48.8	51.1	2.759	0.788
0.25	90.1	2.0	88.1	92.3	2.679	0.636
0.5	147.7	3.3	144.4	151.2	2.565	0.455
1	224.4	5.6	218.8	229.2	2.415	0.301
2	322.0	8.8	313.2	328.0	2.224	0.191
	336.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

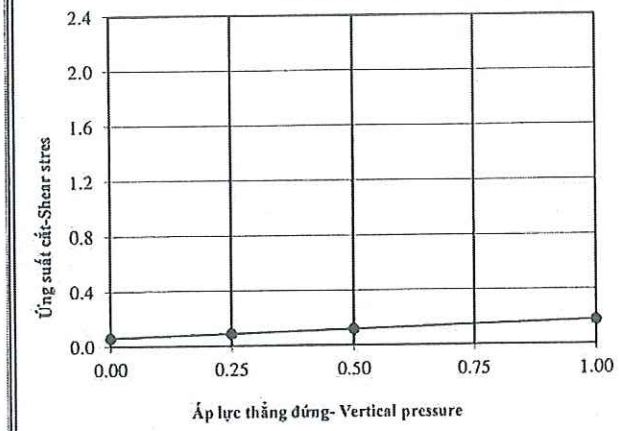
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14978	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK4	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



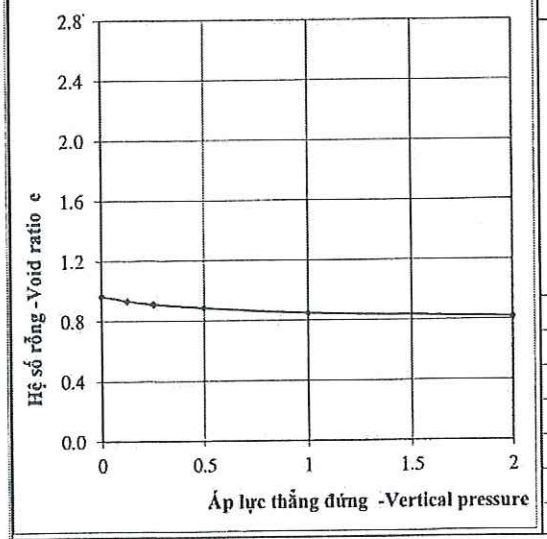
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.4	0.087
0.50	5.8	0.116
1.00	8.7	0.175

Lực dính kết Cohesive C = 0.058 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.965	
0.125	30.4	0.8	29.6	31.0	0.935	0.244
0.25	54.4	1.7	52.7	55.3	0.911	0.191
0.5	80.3	3.5	76.8	80.6	0.886	0.099
1	119.1	5.3	113.8	119.4	0.848	0.076
2	151.2	9.6	141.5	148.5	0.819	0.029
	158.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

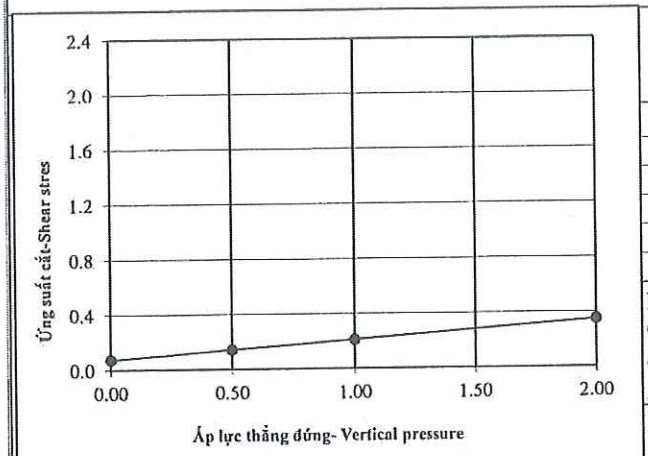
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14979	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



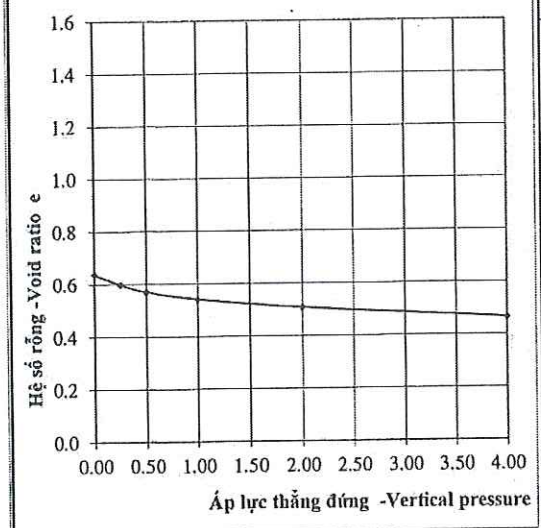
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	7.1	0.141
1.00	10.5	0.210
2.00	17.3	0.347

Lực dính kết Cohesive C = 0.073 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°48'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.637	
0.25	47.1	2.0	45.1	47.3	0.598	0.155
0.5	81.2	3.8	77.4	81.2	0.571	0.111
1	117.4	6.2	111.1	116.6	0.542	0.058
2	160.2	9.6	150.6	158.0	0.508	0.034
4	212.7	12.8	200.0	209.8	0.465	0.021
	222.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Từ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

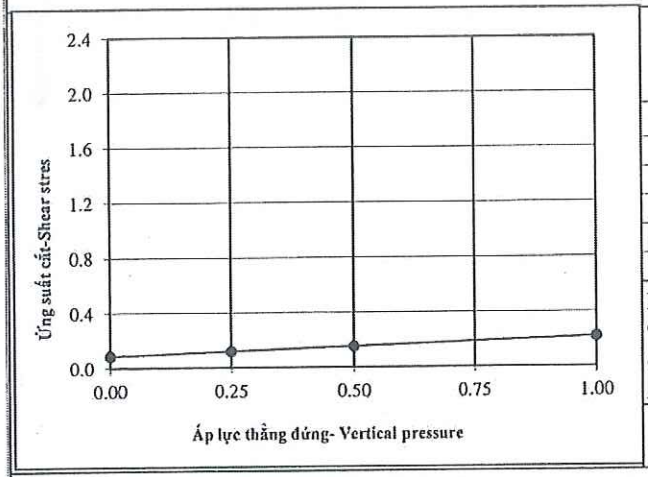
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14980	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



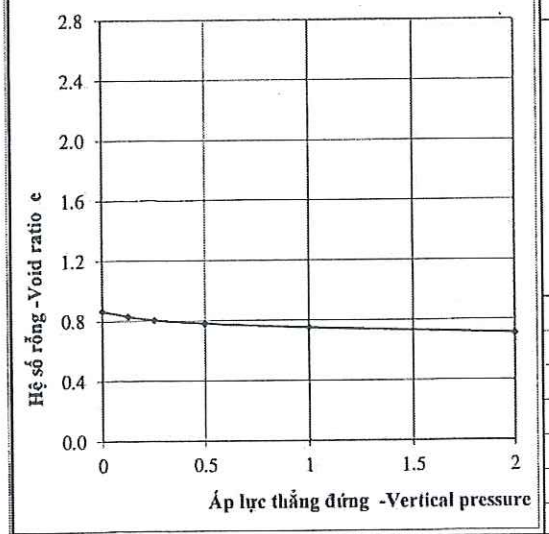
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.9	0.118
0.50	7.6	0.152
1.00	10.9	0.218

Lực dính kết Cohesive C = 0.085 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°35'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.867	
0.125	37.5	0.7	36.8	38.6	0.831	0.288
0.25	64.5	1.6	62.9	65.9	0.805	0.204
0.5	90.2	2.8	87.4	91.6	0.781	0.096
1	121.9	3.8	118.1	123.8	0.751	0.060
2	165.7	6.4	159.3	167.0	0.711	0.040
	173.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

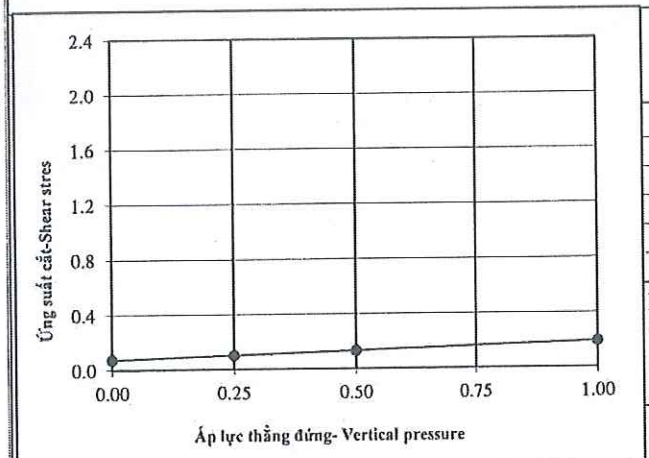
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14981	Số mẫu/Sample (No):	U5
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	7.8 -8.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



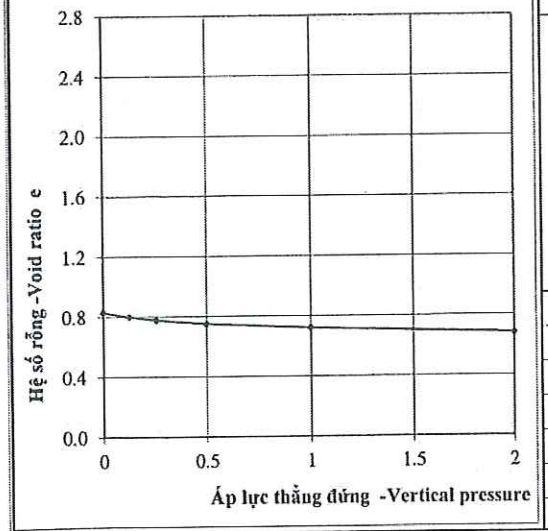
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.1	0.102
0.50	6.6	0.131
1.00	9.5	0.190

Lực dính kết Cohesive C = 0.073 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.830	
0.125	31.3	0.7	30.6	32.1	0.800	0.235
0.25	54.9	1.8	53.1	55.7	0.779	0.173
0.5	83.7	3.1	80.6	84.5	0.752	0.105
1	118.8	5.4	113.4	118.9	0.721	0.063
2	160.9	8.2	152.7	160.1	0.683	0.038
	168.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

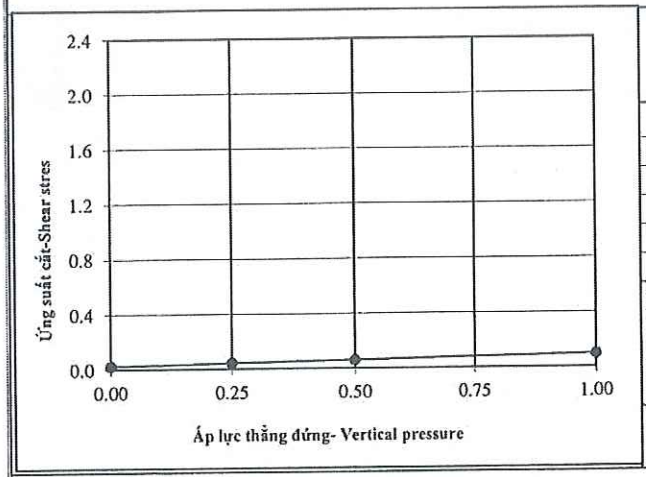
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14982	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



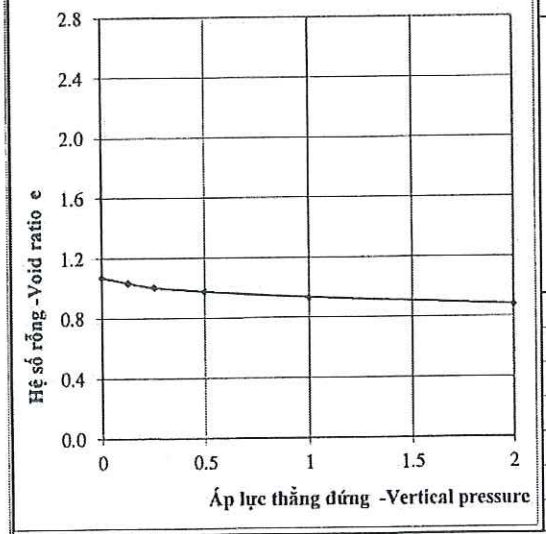
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.1	0.042
0.50	3.0	0.060
1.00	4.8	0.097

Lực dính kết Cohesive C = 0.024 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio c_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.072	
0.125	35.1	0.8	34.3	35.9	1.035	0.298
0.25	64.8	2.1	62.7	65.7	1.004	0.247
0.5	92.8	3.9	88.9	93.2	0.976	0.114
1	133.1	6.6	126.5	132.7	0.935	0.082
2	187.1	10.7	176.4	185.0	0.881	0.054
	195.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

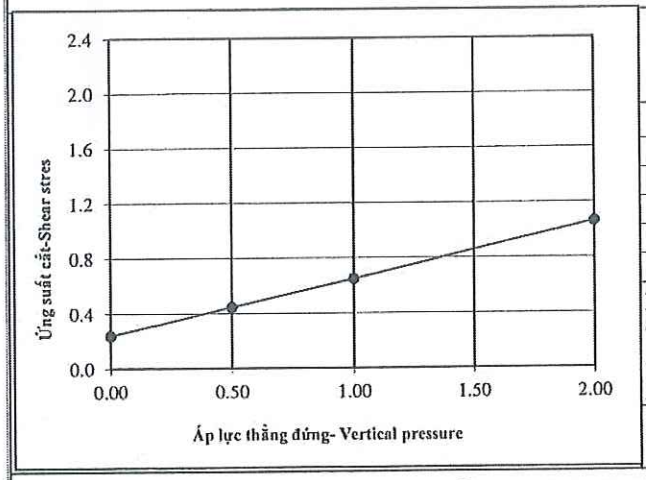
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14983	Số mẫu/Sample (No):	UD10
Hố khoan/ Boring:	LK5	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



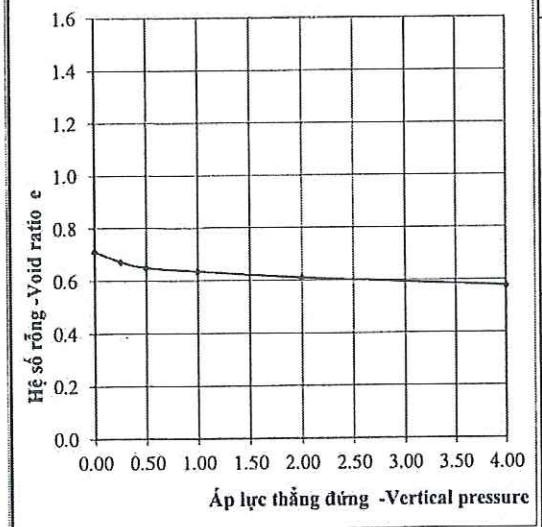
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	22.2	0.444
1.00	32.5	0.649
2.00	53.0	0.1.060

Lực dính kết Cohesive C = 0.238 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 22°21'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 7

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.712	
0.25	44.6	1.7	42.9	45.0	0.673	0.154
0.5	71.4	2.9	68.4	71.8	0.650	0.092
1	89.9	4.8	85.1	89.2	0.635	0.030
2	122.8	10.1	112.6	118.1	0.610	0.025
4	159.8	9.5	150.3	157.7	0.577	0.017
	167.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

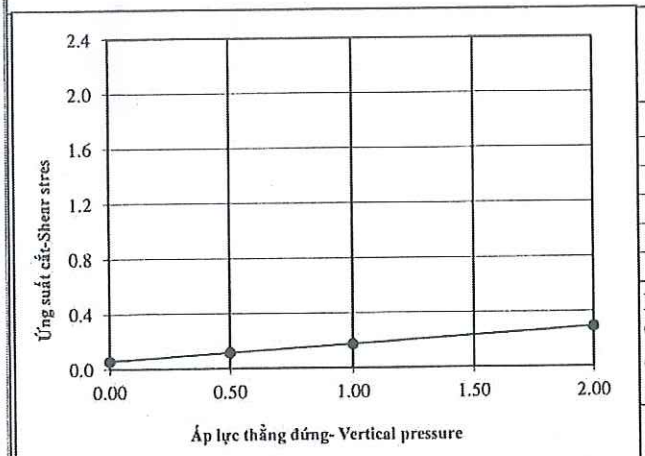
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14984	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.4 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



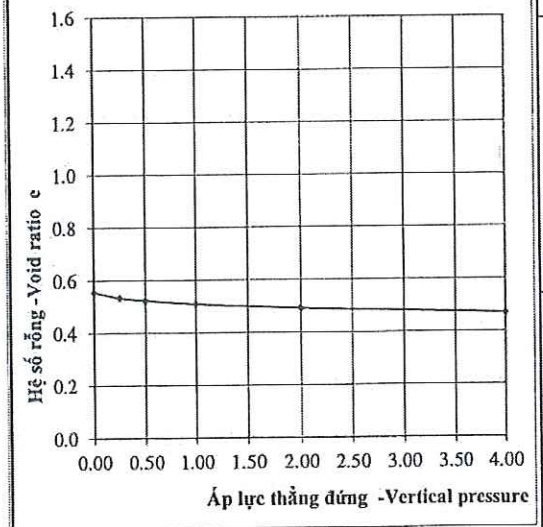
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	5.7	0.114
1.00	8.6	0.173
2.00	14.5	0.290

Lực dính kết Cohesive C = 0.056 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 8

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.556	
0.25	30.5	2.4	28.1	29.5	0.533	0.092
0.5	45.5	4.8	40.6	42.8	0.523	0.041
1	65.0	7.0	57.9	61.0	0.509	0.028
2	89.7	10.9	78.8	82.9	0.492	0.017
4	120.6	15.0	105.6	111.2	0.470	0.011
	126.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

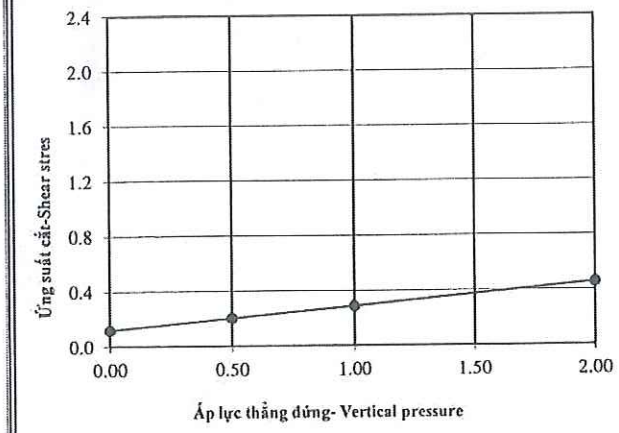
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14985	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



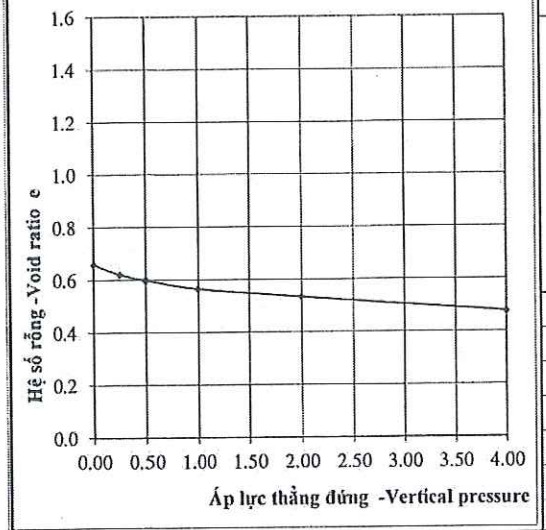
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.1	0.202
1.00	14.3	0.286
2.00	22.8	0.455

Lực dính kết Cohesive C = 0.117 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 9

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.660	
0.25	46.6	2.1	44.5	46.7	0.621	0.155
0.5	74.4	3.4	71.0	74.4	0.598	0.092
1	114.7	5.6	109.2	114.4	0.565	0.066
2	153.7	7.9	145.8	152.9	0.533	0.032
4	220.9	10.5	210.5	220.6	0.477	0.028
	231.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

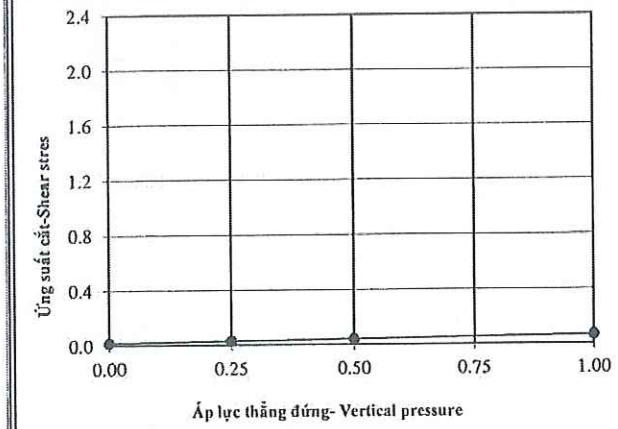
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14986	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.3 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



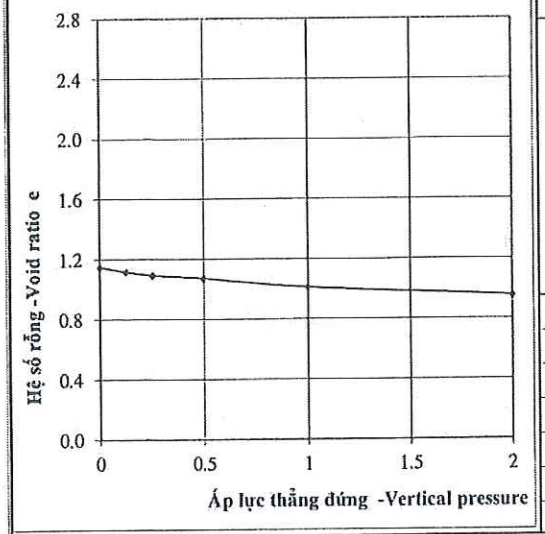
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	1.4	0.028
0.50	2.0	0.040
1.00	3.2	0.064

Lực dính kết Cohesive C = 0.016 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 2°46'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 10

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.149	
0.125	30.1	0.7	29.4	30.8	1.116	0.265
0.25	50.8	1.6	49.2	51.6	1.094	0.178
0.5	73.4	4.2	69.3	72.6	1.071	0.091
1	129.0	6.6	122.4	128.4	1.011	0.120
2	183.8	10.6	173.2	181.7	0.954	0.057
	192.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, L6 BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

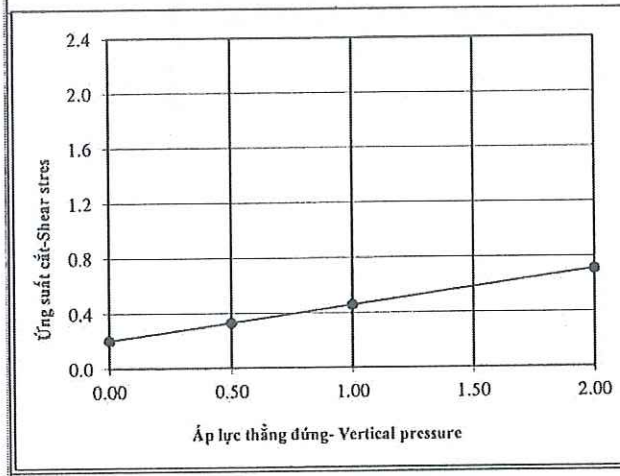
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14987	Số mẫu/Sample (No):	U8
Hố khoan/ Boring:	LK6	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



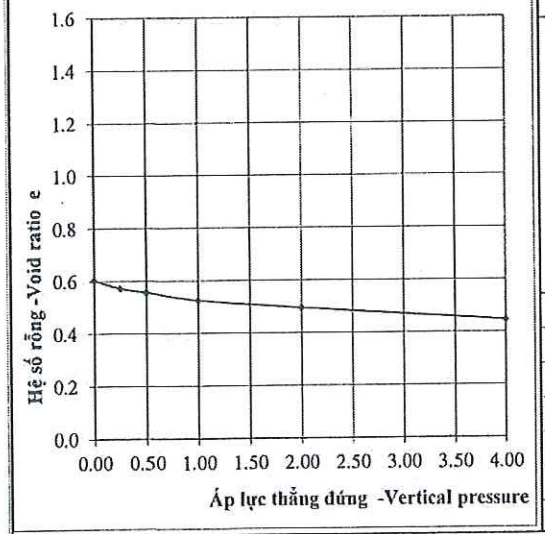
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.4	0.329
1.00	22.8	0.456
2.00	35.5	0.710

Lực dính kết Cohesive C = 0.202 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 14°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 11

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.603	
0.25	38.5	1.7	36.8	38.6	0.572	0.124
0.5	58.0	3.2	54.8	57.5	0.557	0.061
1	98.1	5.4	92.7	97.3	0.525	0.064
2	137.9	9.6	128.4	134.7	0.495	0.030
4	201.5	13.7	187.8	197.1	0.445	0.025
	210.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

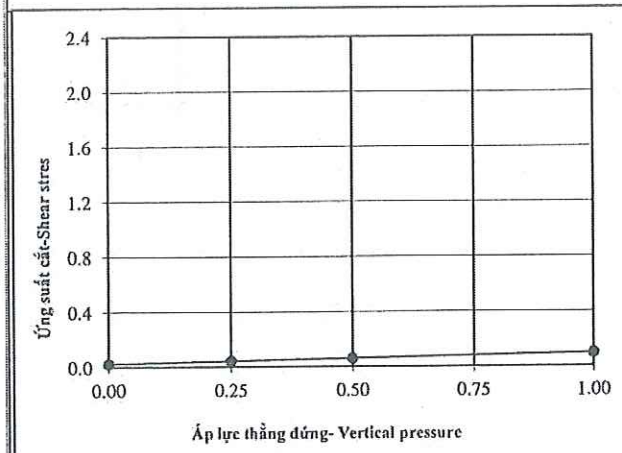
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14988	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



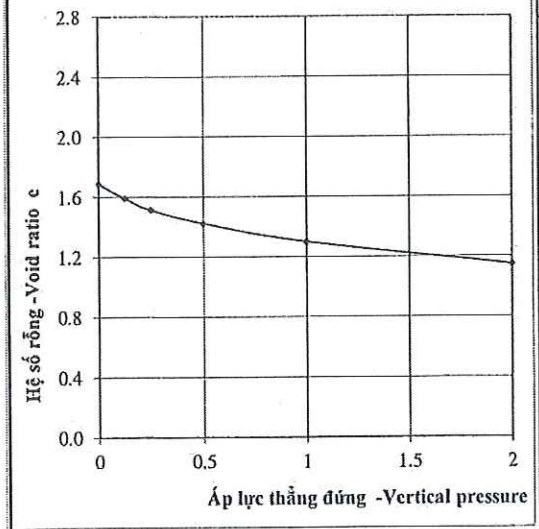
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.1	0.042
0.50	3.0	0.060
1.00	4.8	0.097

Lực dính kết Cohesive C = 0.024 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 12

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.687	
0.125	69.0	1.0	68.0	71.2	1.592	0.765
0.25	126.2	2.1	124.2	130.0	1.513	0.632
0.5	190.8	3.0	187.7	196.5	1.423	0.358
1	280.2	4.3	275.9	288.8	1.299	0.248
2	391.2	6.7	384.5	402.6	1.146	0.153
	409.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

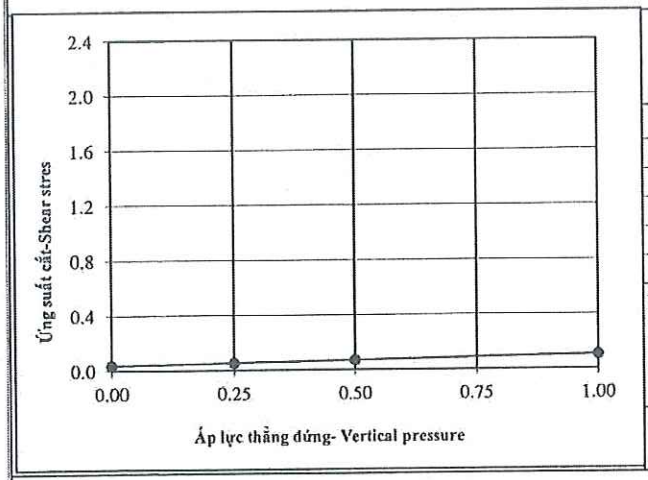
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14989	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.8 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



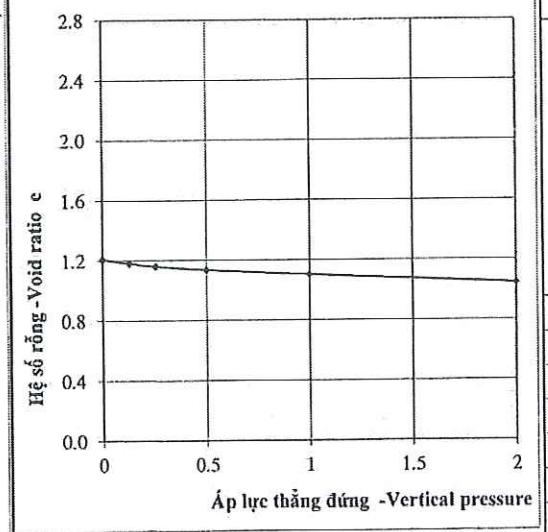
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.7	0.053
0.50	3.5	0.070
1.00	5.2	0.104

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°55'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 13

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.208	
0.125	24.2	1.0	23.2	24.3	1.181	0.215
0.25	43.3	2.2	41.1	43.1	1.161	0.166
0.5	67.0	3.8	63.1	66.2	1.135	0.102
1	97.6	6.0	91.6	96.1	1.102	0.066
2	150.6	8.9	141.7	148.6	1.044	0.058
	157.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

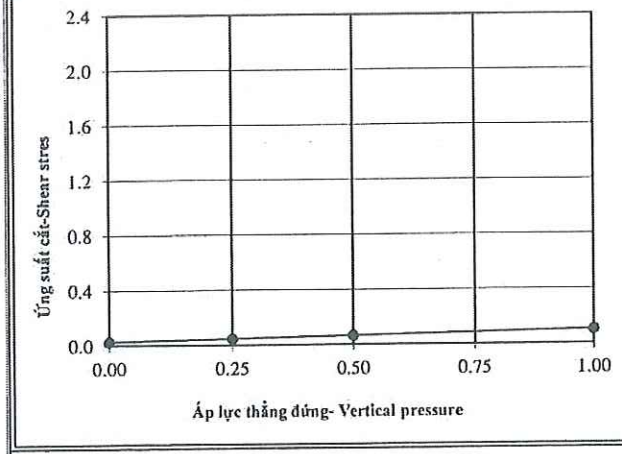
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14990	Số mẫu/Sample (No):	CU5
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	9.2 -10.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



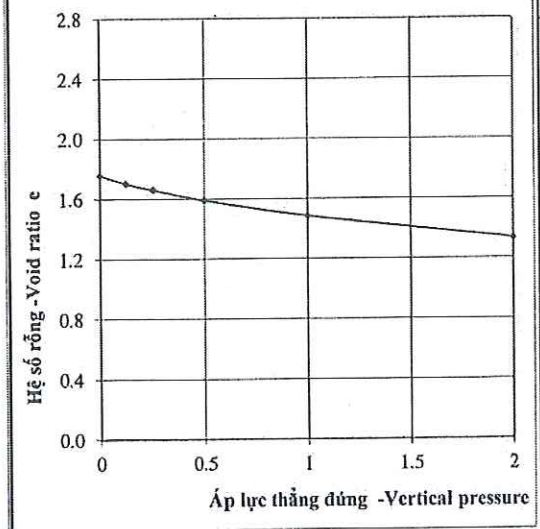
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.2	0.064
1.00	5.1	0.103

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 14

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.757	
0.125	39.4	0.9	38.4	40.3	1.702	0.444
0.25	68.5	1.9	66.6	69.7	1.661	0.325
0.5	119.5	3.0	116.4	121.9	1.589	0.288
1	194.2	5.0	189.2	198.1	1.484	0.210
2	301.2	7.4	293.8	307.6	1.333	0.151
	315.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

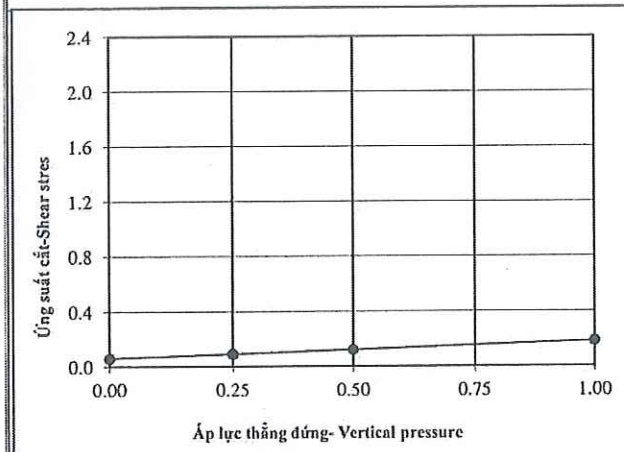
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14991	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.8 -14.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



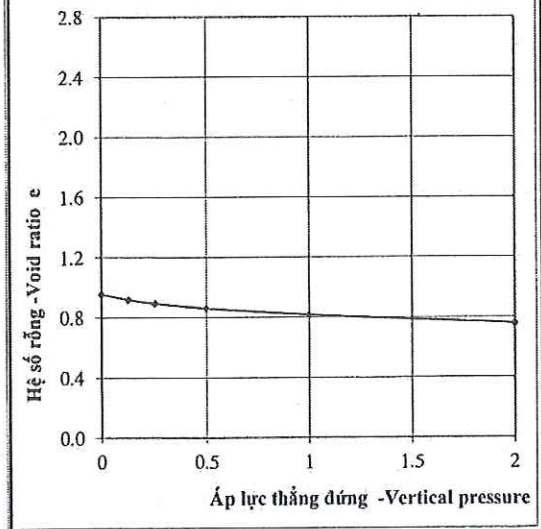
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.5	0.089
0.50	6.0	0.120
1.00	9.1	0.183

Lực dính kết Cohesive C = 0.058 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°07'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 15

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.955	
0.125	36.0	0.8	35.2	36.8	0.919	0.288
0.25	61.4	1.6	59.8	62.7	0.894	0.202
0.5	94.9	2.3	92.6	96.9	0.860	0.134
1	139.2	3.6	135.5	142.0	0.816	0.088
2	199.0	5.8	193.2	202.3	0.757	0.059
	208.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

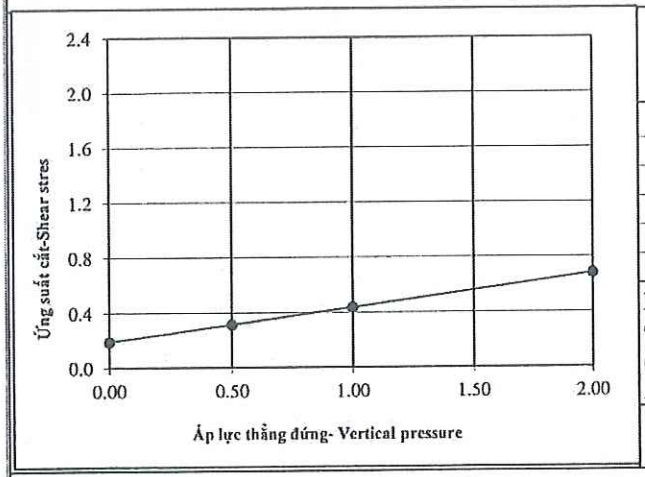
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14992	Số mẫu/Sample (No):	U8
Hố khoan/ Boring:	LK7	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



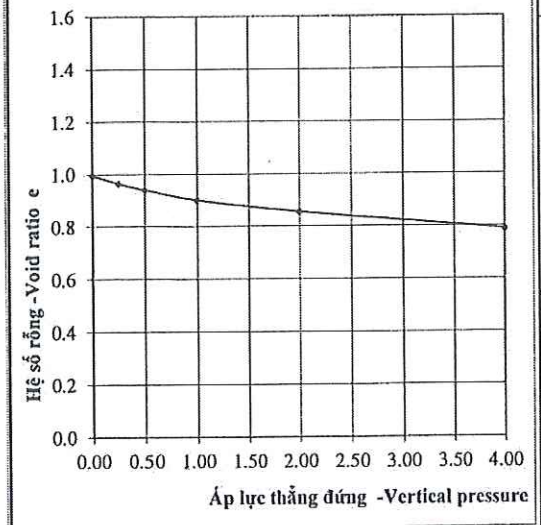
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	15.6	0.312
1.00	21.7	0.435
2.00	34.0	0.681

Lực dính kết Cohesive C = 0.189 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°49'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 16

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.995	
0.25	30.3	1.4	28.9	30.3	0.965	0.121
0.5	55.2	2.6	52.6	55.1	0.940	0.099
1	93.9	4.0	89.9	94.2	0.901	0.078
2	139.1	6.2	132.9	139.4	0.856	0.045
4	205.6	9.5	196.1	205.5	0.790	0.033
	215.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

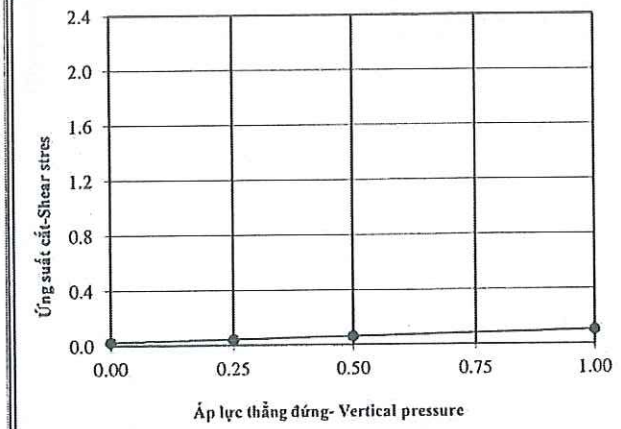
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14993	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



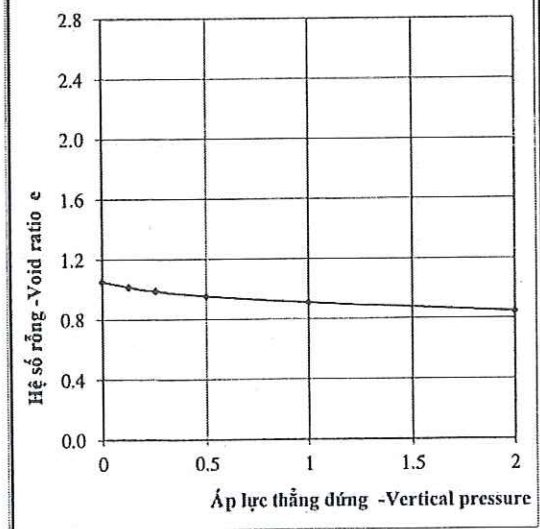
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.2	0.043
0.50	3.1	0.062
1.00	5.0	0.101

Lực dính kết Cohesive C = 0.024 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 17

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.053	
0.125	35.2	1.0	34.3	35.9	1.016	0.295
0.25	62.3	2.2	60.1	63.0	0.988	0.222
0.5	96.5	3.7	92.8	97.3	0.953	0.141
1	139.8	6.0	133.8	140.2	0.909	0.088
2	201.0	8.6	192.3	201.6	0.846	0.063
	210.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

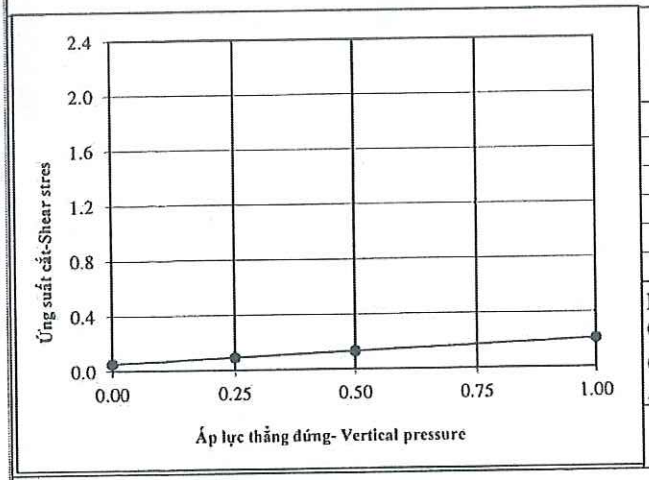
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14994	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



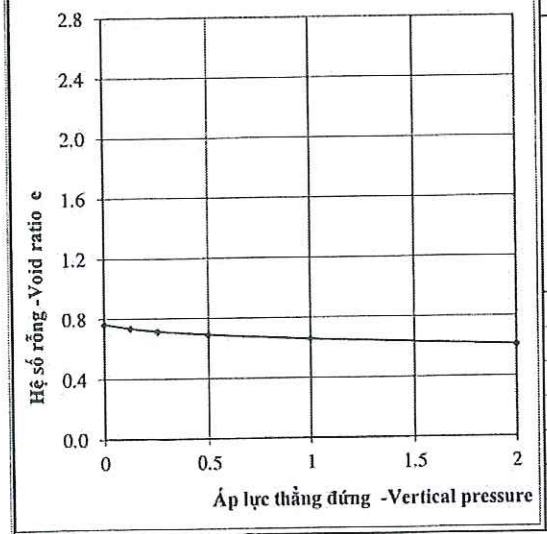
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.6	0.091
0.50	6.5	0.131
1.00	10.5	0.209

Lực dính kết Cohesive C = 0.052 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°56'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 18

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.764	
0.125	30.0	0.9	29.1	30.5	0.737	0.215
0.25	53.7	2.4	51.4	53.8	0.717	0.165
0.5	82.7	3.8	78.9	82.8	0.691	0.102
1	121.7	6.0	115.7	121.3	0.657	0.068
2	176.3	8.7	167.6	175.7	0.609	0.048
	184.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

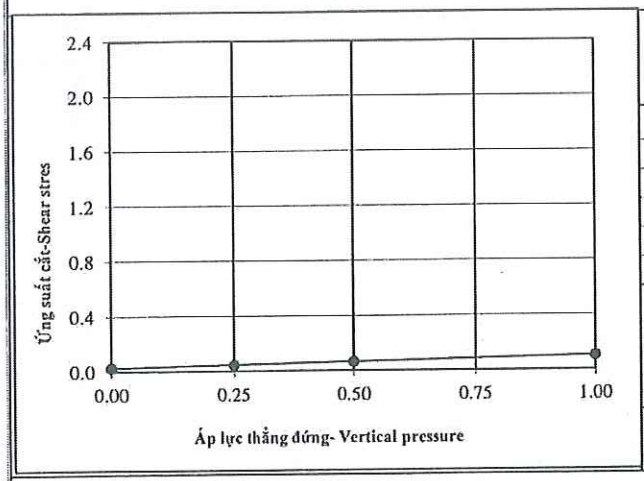
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14995	Số mẫu/Sample (No):	U6
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



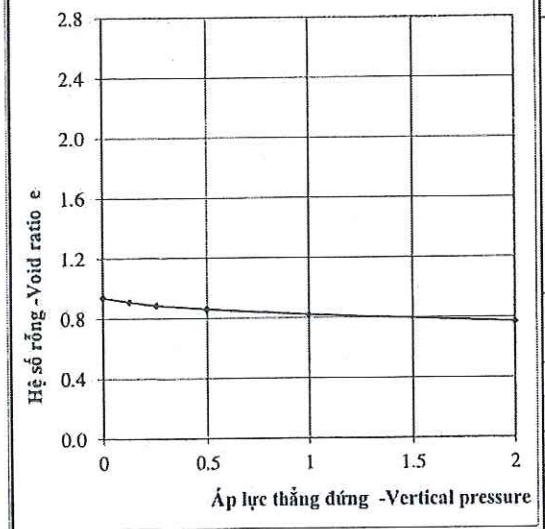
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.2	0.064
1.00	5.1	0.103

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 19

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.940	
0.125	29.1	0.6	28.5	29.9	0.911	0.232
0.25	53.1	1.4	51.7	54.1	0.887	0.188
0.5	80.2	2.5	77.8	81.5	0.861	0.106
1	119.4	3.7	115.7	121.2	0.822	0.077
2	173.6	5.8	167.8	175.8	0.769	0.053
	181.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

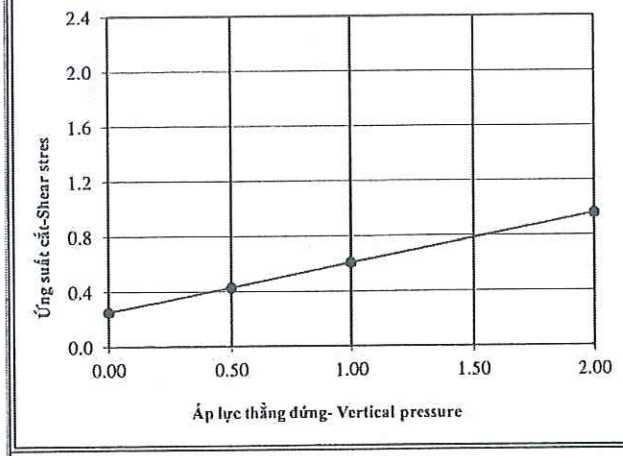
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14996	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK8	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



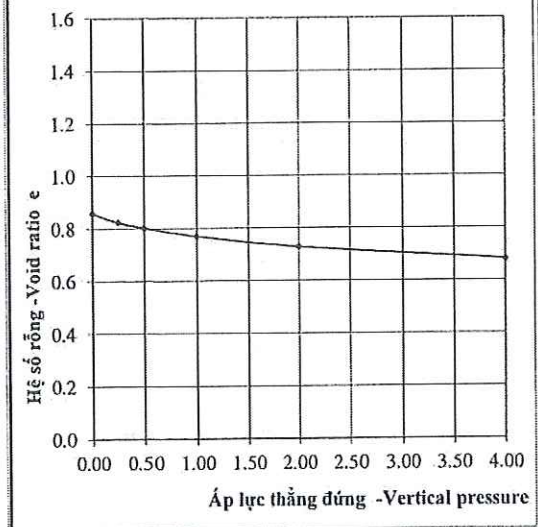
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	21.4	0.427
1.00	30.2	0.605
2.00	48.0	0.960

Lực dính kết Cohesive C = 0.250 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 19°32'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 20

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_{in} 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.858	
0.25	36.7	2.0	34.6	36.3	0.824	0.135
0.5	60.8	3.6	57.2	60.0	0.802	0.088
1	96.3	5.8	90.6	95.0	0.770	0.065
2	141.3	8.6	132.7	139.1	0.729	0.041
4	193.4	11.5	181.9	190.8	0.681	0.024
	202.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

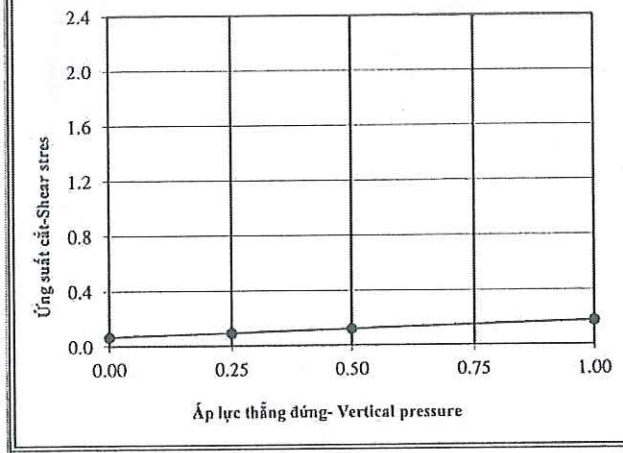
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14997	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



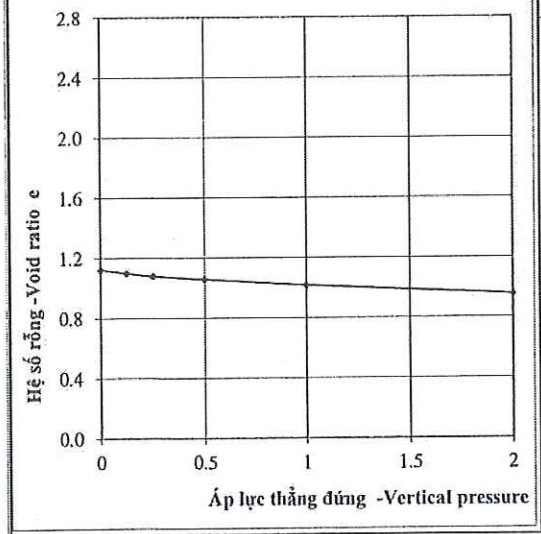
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.6	0.092
0.50	6.0	0.120
1.00	8.7	0.175

Lực dính kết Cohesive C = 0.065 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 21

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.122	
0.125	22.9	0.6	22.3	23.3	1.097	0.198
0.25	39.6	1.4	38.2	40.1	1.080	0.142
0.5	62.4	2.8	59.6	62.4	1.056	0.095
1	99.2	4.1	95.1	99.7	1.016	0.079
2	157.3	6.4	150.9	158.1	0.954	0.062
	164.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

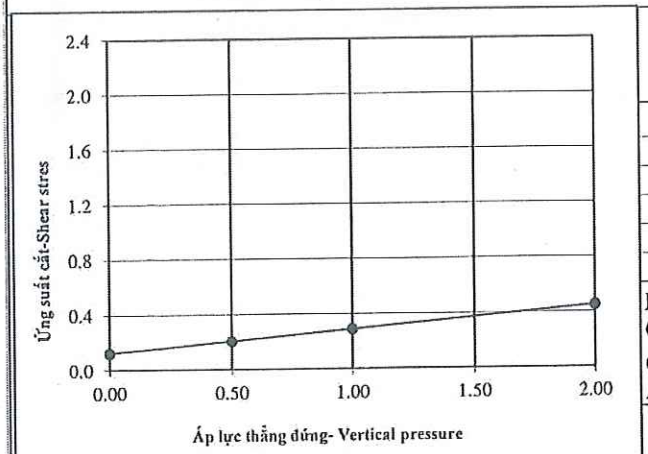
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14998	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



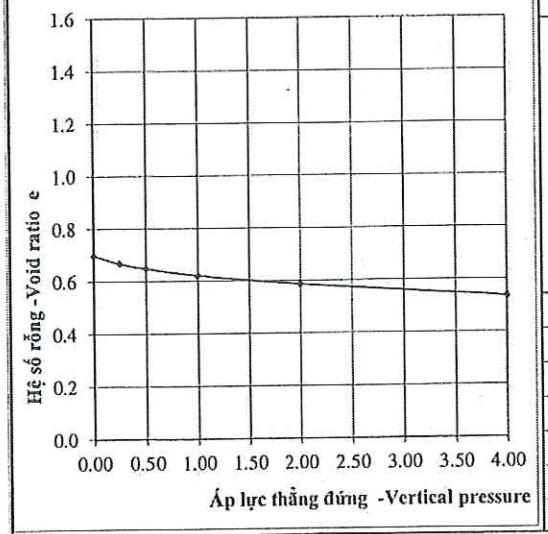
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.2	0.204
1.00	14.3	0.286
2.00	22.6	0.452

Lực dính kết Cohesive C = 0.121 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 22

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.698	
0.25	36.6	2.4	34.2	35.9	0.668	0.122
0.5	60.1	4.0	56.1	58.9	0.648	0.078
1	93.3	6.4	87.0	91.3	0.621	0.055
2	135.8	9.5	126.3	132.5	0.586	0.035
4	195.8	13.5	182.4	191.4	0.536	0.025
	204.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

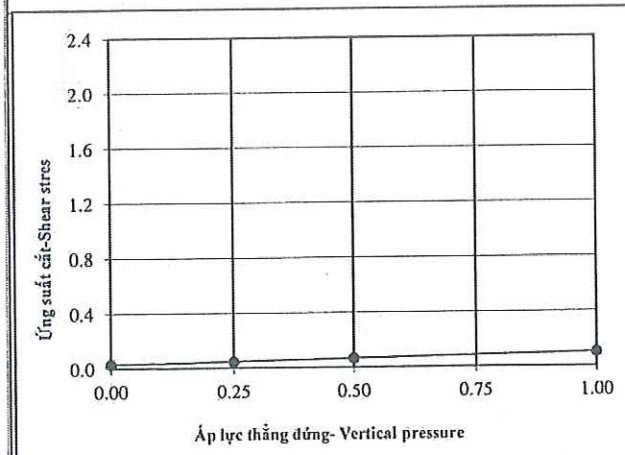
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14999	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



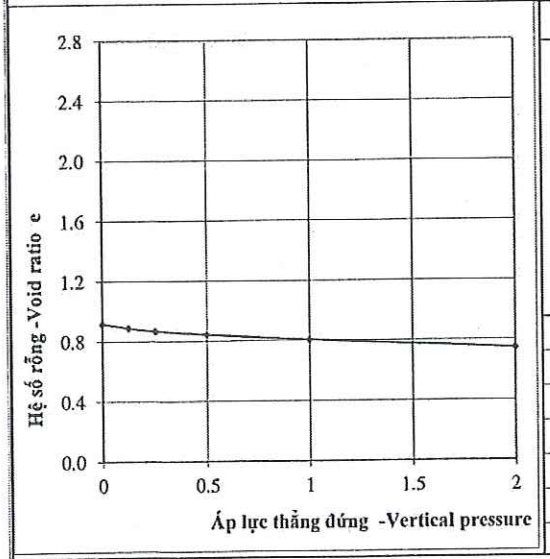
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.046
0.50	3.2	0.064
1.00	5.0	0.101

Lực dính kết Cohesive C = 0.028 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 23

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.918	
0.125	31.0	1.8	29.2	30.6	0.888	0.235
0.25	52.5	3.4	49.1	51.5	0.868	0.160
0.5	80.1	5.6	74.4	78.1	0.843	0.102
1	119.8	8.0	111.7	117.2	0.805	0.075
2	182.4	11.0	171.4	179.8	0.745	0.060
	190.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

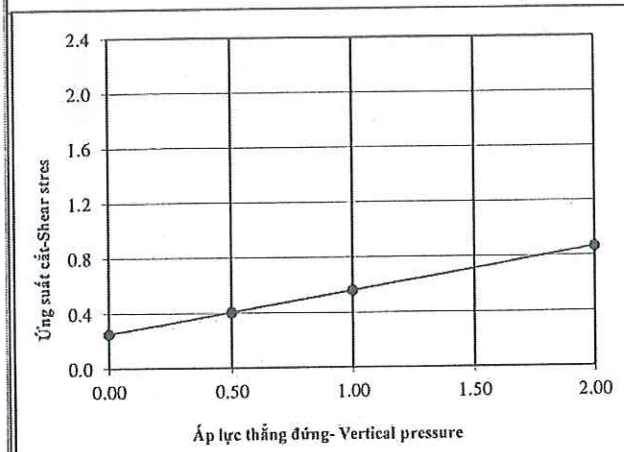
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15000	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK9	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



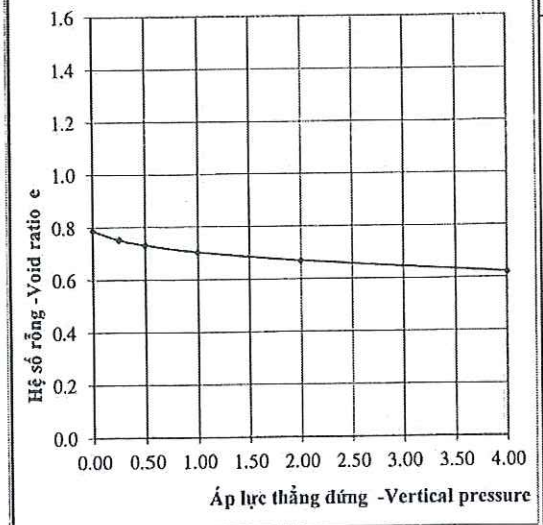
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	20.2	0.404
1.00	27.9	0.558
2.00	43.3	0.866

Lực dính kết Cohesive C = 0.250 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 17°07'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 24

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.787	
0.25	39.7	2.1	37.6	39.4	0.752	0.141
0.5	63.6	4.2	59.4	62.4	0.732	0.082
1	95.2	6.4	88.8	93.2	0.704	0.055
2	134.9	9.9	125.0	131.2	0.670	0.034
4	189.8	13.7	176.2	184.9	0.622	0.024
	198.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

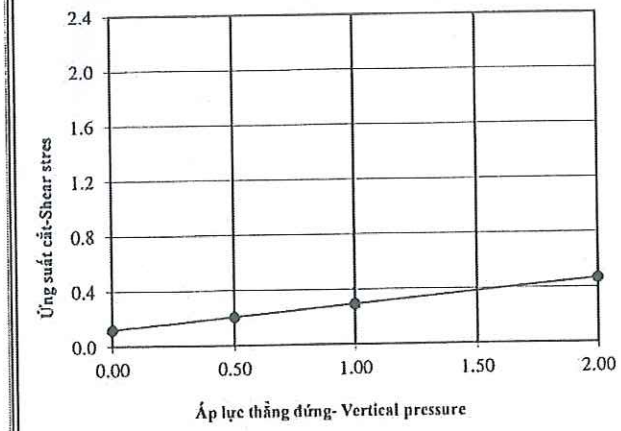
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14902	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



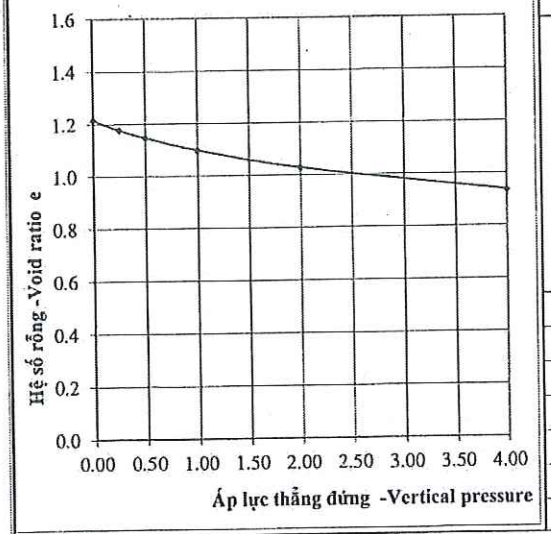
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.3	0.206
1.00	14.6	0.292
2.00	23.3	0.466

Lực dính kết Cohesive C = 0.119 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.215	
0.25	34.8	1.7	33.2	34.8	1.177	0.154
0.5	62.1	3.5	58.6	61.4	1.147	0.118
1	105.6	5.3	100.3	105.1	1.099	0.097
2	170.3	9.6	160.7	168.5	1.028	0.070
4	252.8	12.9	239.8	251.5	0.937	0.046
	264.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

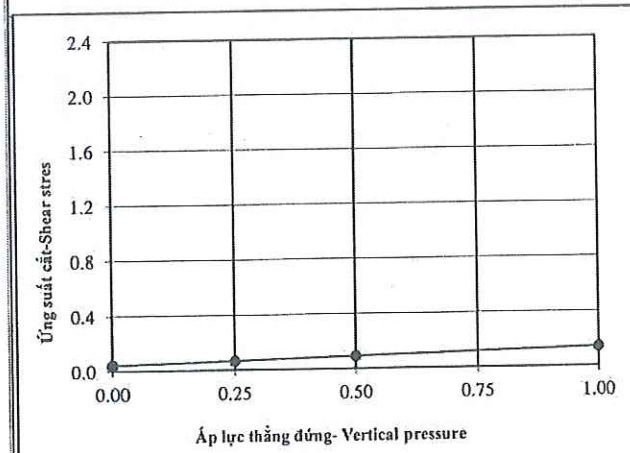
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14903	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



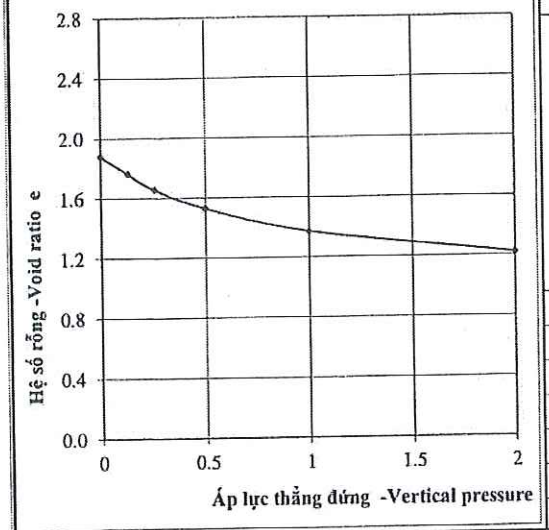
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.3	0.065
0.50	4.5	0.090
1.00	7.0	0.141

Lực dính kết Cohesive C = 0.040 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.880	
0.125	77.4	0.7	76.7	80.3	1.764	0.925
0.25	149.4	2.0	147.4	154.3	1.658	0.853
0.5	236.8	3.8	233.0	244.0	1.529	0.516
1	343.6	6.2	337.4	353.2	1.371	0.315
2	447.7	9.6	438.2	458.8	1.219	0.152
	468.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

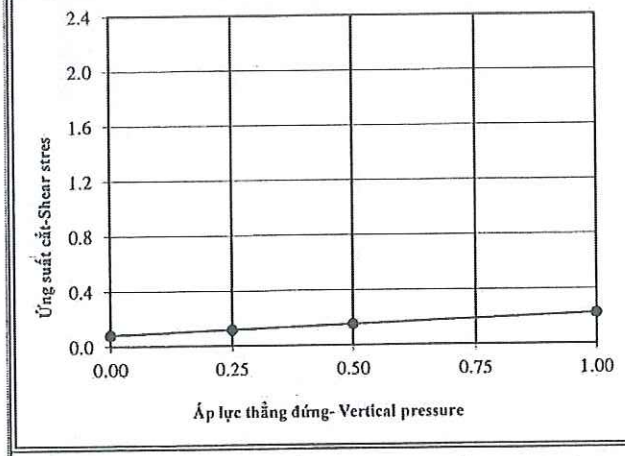
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14904	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



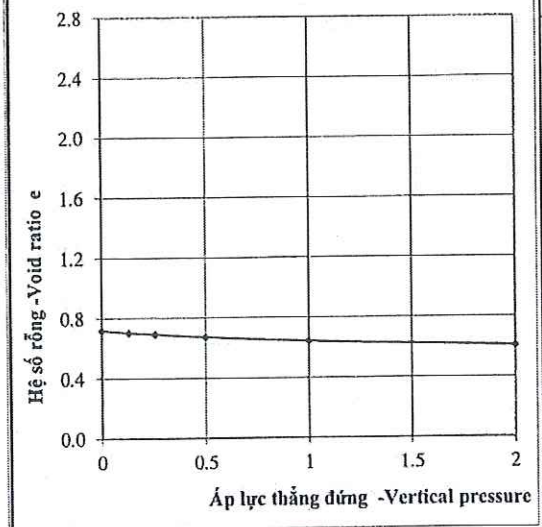
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	5.8	0.116
0.50	7.6	0.152
1.00	11.1	0.222

Lực dính kết Cohesive C = 0.081 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°02'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle
R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.718	
0.125	17.9	0.7	17.2	18.0	0.703	0.124
0.25	31.0	1.6	29.4	30.8	0.692	0.088
0.5	54.4	2.8	51.5	54.0	0.672	0.080
1	88.8	3.8	85.1	89.2	0.642	0.060
2	131.5	6.4	125.1	131.1	0.606	0.036
	137.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

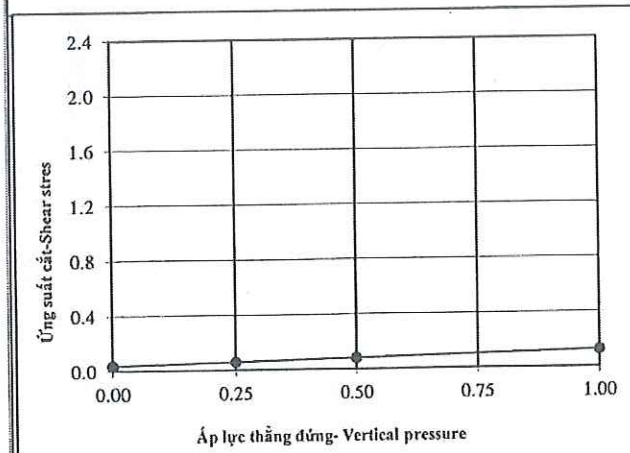
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14905	Số mẫu/Sample (No):	CU8
Hố khoan/ Boring:	LK10	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.2 -14.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



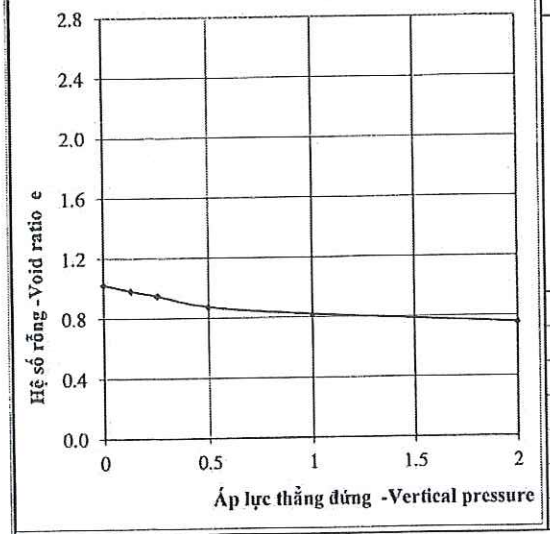
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.9	0.058
0.50	4.0	0.080
1.00	6.2	0.125

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°04'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.024	
0.125	39.0	0.7	38.3	40.1	0.983	0.325
0.25	72.6	1.8	70.8	74.1	0.949	0.275
0.5	145.0	3.1	141.9	148.6	0.874	0.301
1	196.9	5.4	191.5	200.6	0.821	0.105
2	263.1	8.2	254.9	267.0	0.754	0.067
	275.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

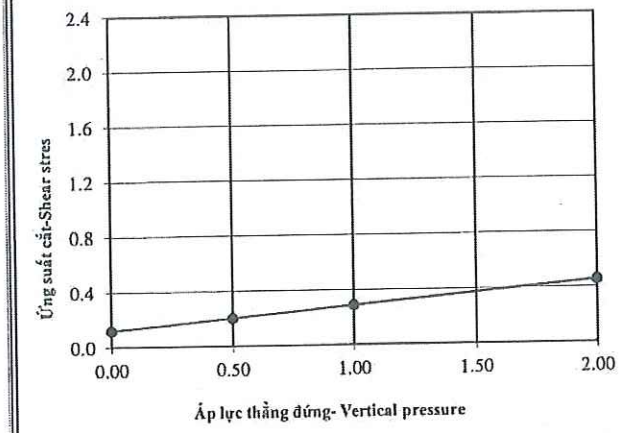
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14906	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



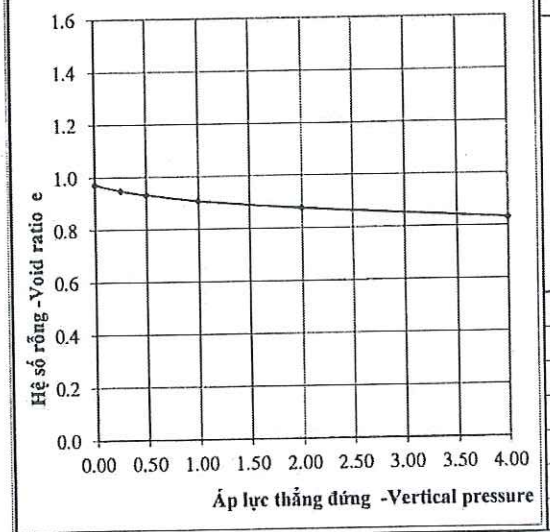
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	10.1	0.202
1.00	14.3	0.286
2.00	22.8	0.455

Lực dính kết Cohesive C = 0.117 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°36'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.972	
0.25	25.1	2.1	23.0	24.1	0.948	0.095
0.5	42.2	3.9	38.3	40.2	0.932	0.063
1	69.3	6.6	62.7	65.9	0.907	0.051
2	103.4	10.7	92.7	97.5	0.876	0.031
4	149.1	13.9	135.2	142.1	0.832	0.022
	156.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

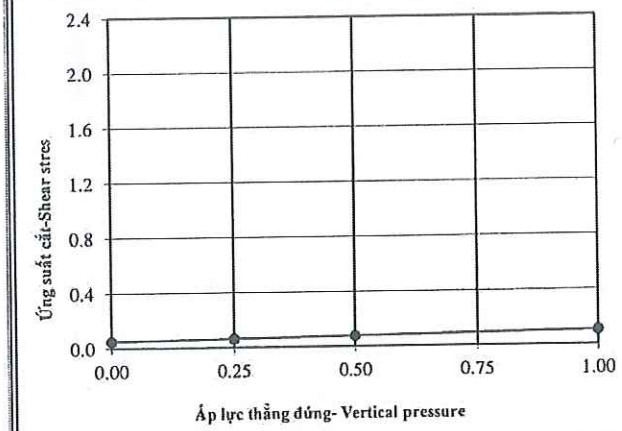
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14907	Số mẫu/Sample (No):	U2
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.8 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



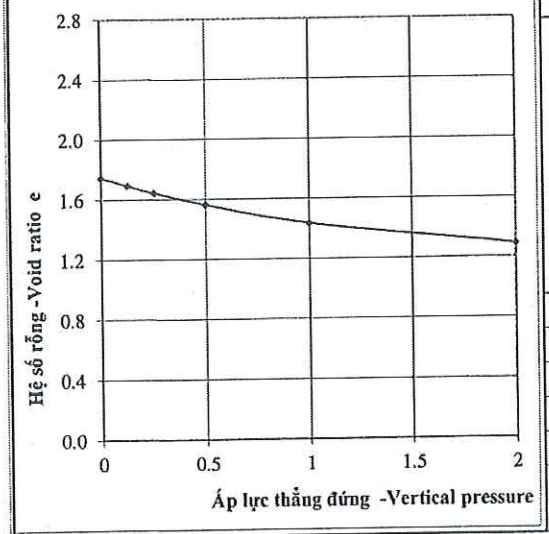
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.1	0.062
0.50	3.8	0.076
1.00	5.2	0.104

Lực dính kết Cohesive C = 0.048 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°14'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 7

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.746	
0.125	37.7	0.8	36.9	38.7	1.693	0.425
0.25	72.2	1.7	70.5	73.9	1.645	0.386
0.5	130.1	2.9	127.2	133.2	1.563	0.326
1	221.5	4.8	216.7	227.0	1.435	0.257
2	327.3	10.1	317.2	332.2	1.290	0.145
	342.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

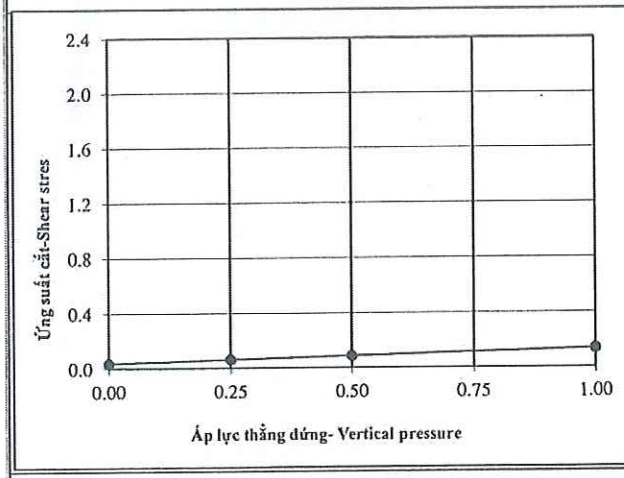
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14901	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



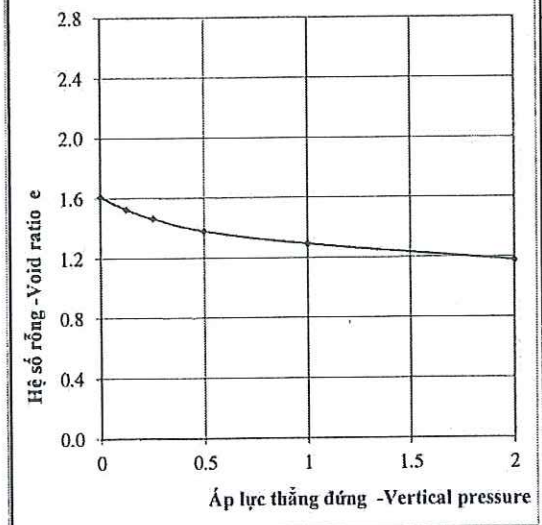
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.1	0.061
0.50	4.3	0.086
1.00	6.8	0.137

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.609	
0.125	61.5	0.6	60.9	63.8	1.526	0.666
0.25	108.7	2.0	106.7	111.7	1.463	0.500
0.5	172.1	3.3	168.8	176.8	1.379	0.339
1	238.6	5.6	233.0	244.0	1.291	0.175
2	324.8	8.8	316.0	331.0	1.177	0.113
	339.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

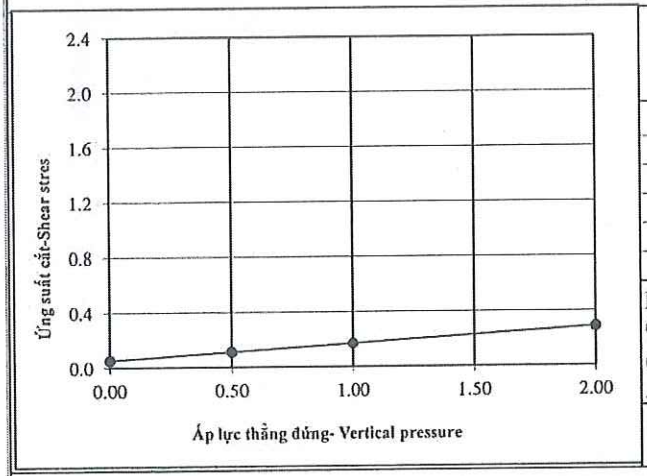
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14908	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



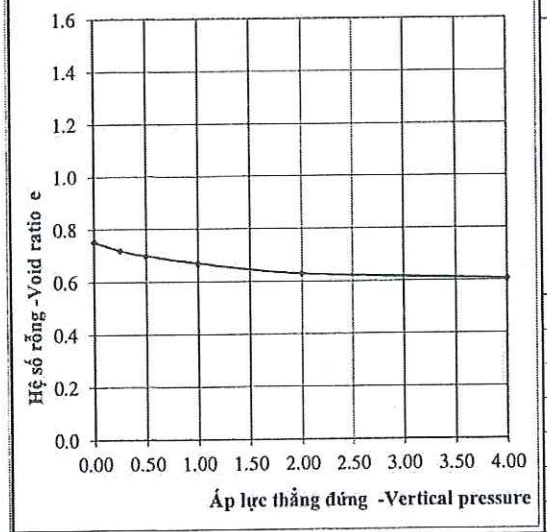
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	5.5	0.110
1.00	8.4	0.169
2.00	14.3	0.286

Lực dính kết Cohesive C = 0.052 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 8

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.753	
0.25	39.1	2.4	36.7	38.5	0.719	0.135
0.5	63.3	4.8	58.5	61.4	0.699	0.080
1	96.9	7.0	89.9	94.4	0.670	0.058
2	145.7	10.9	134.8	141.5	0.629	0.041
4	174.4	15.0	159.4	167.4	0.606	0.011
	182.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

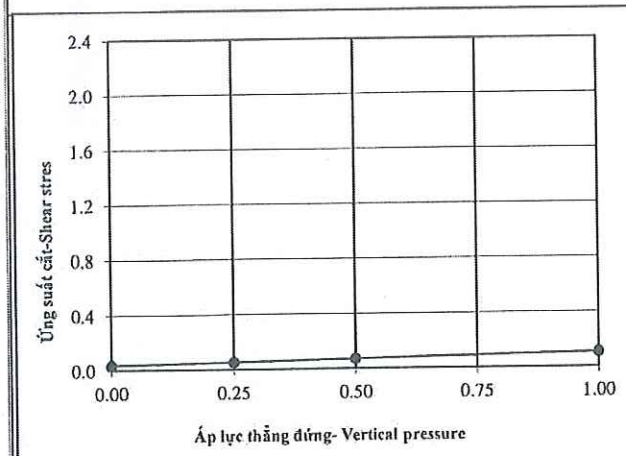
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14909	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



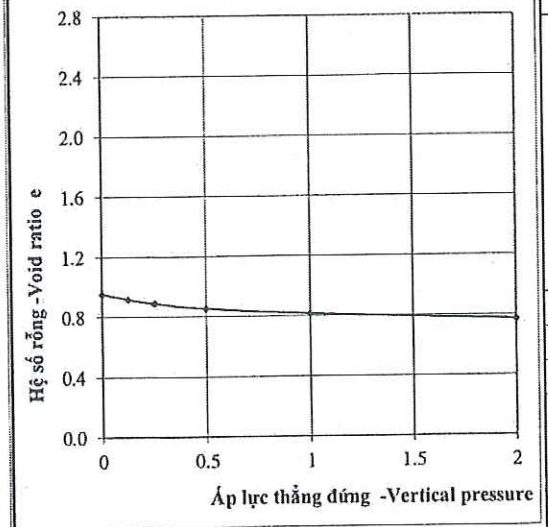
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.6	0.052
0.50	3.5	0.070
1.00	5.3	0.107

Lực dính kết Cohesive C = 0.034 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 9

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.954	
0.125	37.8	0.9	36.9	38.6	0.917	0.302
0.25	66.4	2.1	64.4	67.5	0.888	0.225
0.5	102.9	3.4	99.5	104.3	0.852	0.144
1	141.6	5.6	136.0	142.6	0.815	0.075
2	187.9	7.9	180.0	188.6	0.770	0.045
	196.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 59

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

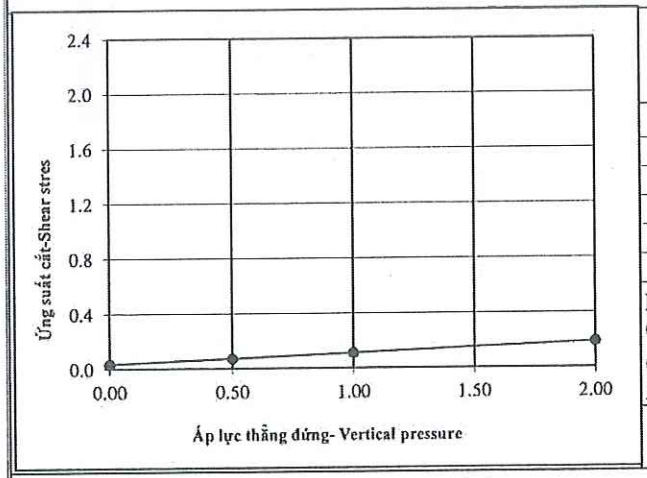
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14910	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.8 -14.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



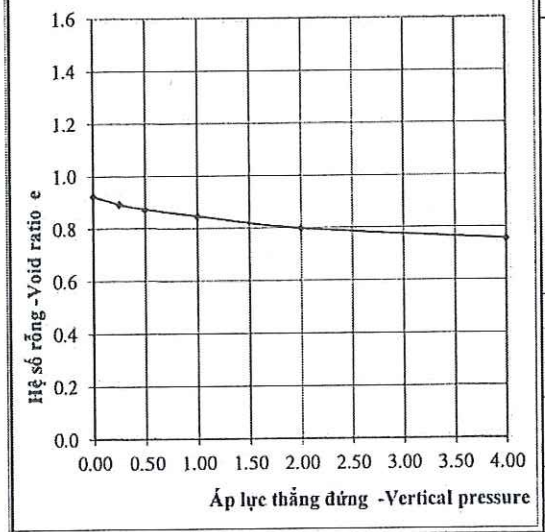
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	3.6	0.072
1.00	5.5	0.111
2.00	9.4	0.187

Lực dính kết Cohesive C = 0.034 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°23'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 10

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.924	
0.25	31.8	1.6	30.2	31.7	0.893	0.122
0.5	54.1	4.2	49.9	52.4	0.874	0.080
1	82.7	6.6	76.1	79.9	0.847	0.053
2	134.1	10.6	123.5	129.7	0.799	0.048
4	181.0	15.0	166.0	174.3	0.756	0.021
	189.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

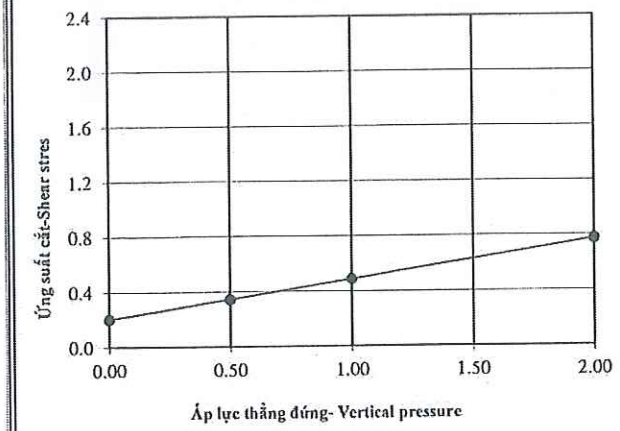
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14911	Số mẫu/Sample (No):	U6
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



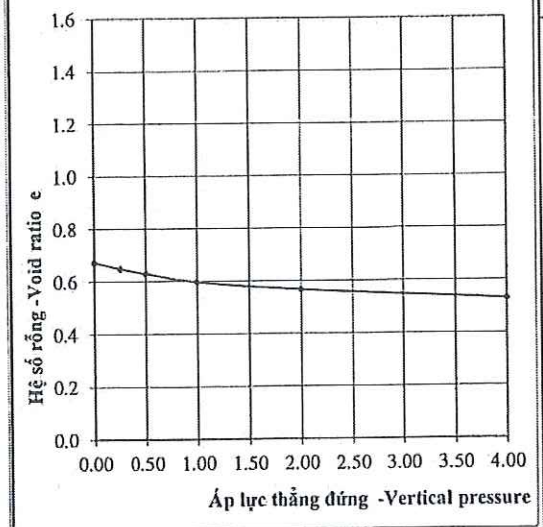
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	17.2	0.345
1.00	24.4	0.487
2.00	38.6	0.773

Lực dính kết Cohesive C = 0.202 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 15°56'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 11

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.673	
0.25	28.8	1.7	27.0	28.4	0.650	0.095
0.5	52.1	3.2	49.0	51.4	0.630	0.077
1	92.0	5.4	86.6	90.9	0.597	0.066
2	130.8	9.6	121.2	127.3	0.567	0.030
4	177.7	13.7	164.0	172.2	0.529	0.019
	185.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA., JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

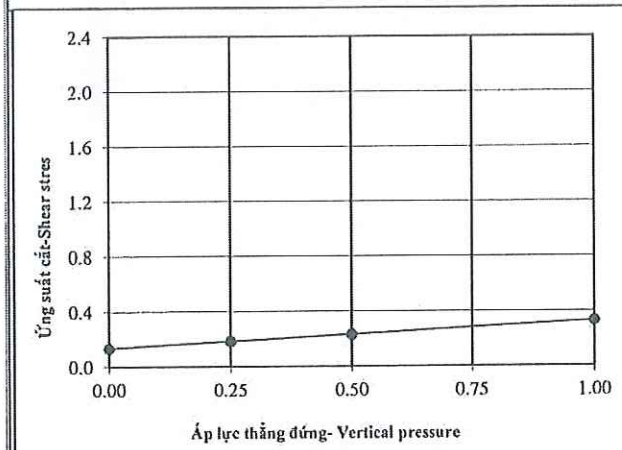
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14912	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	35.8 -36.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



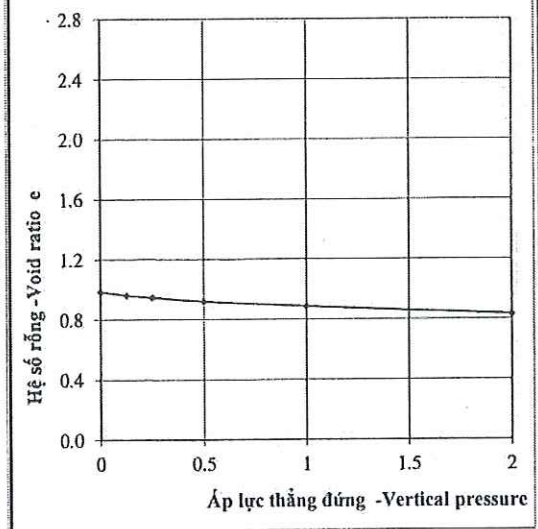
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	9.1	0.182
0.50	11.6	0.232
1.00	16.5	0.330

Lực dính kết Cohesive C = 0.133 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°10'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 12

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.985	
0.125	23.6	1.0	22.6	23.7	0.961	0.188
0.25	39.6	2.1	37.5	39.3	0.946	0.124
0.5	65.7	3.0	62.7	65.7	0.920	0.105
1	99.4	4.3	95.1	99.7	0.886	0.067
2	154.3	6.7	147.6	154.7	0.831	0.055
	161.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

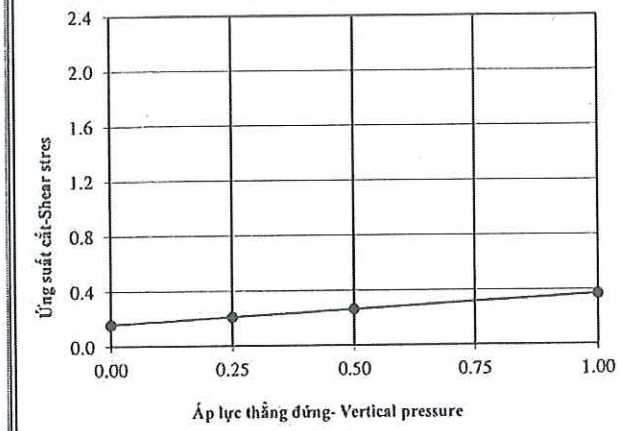
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14913	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK11	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	39.8 -40.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



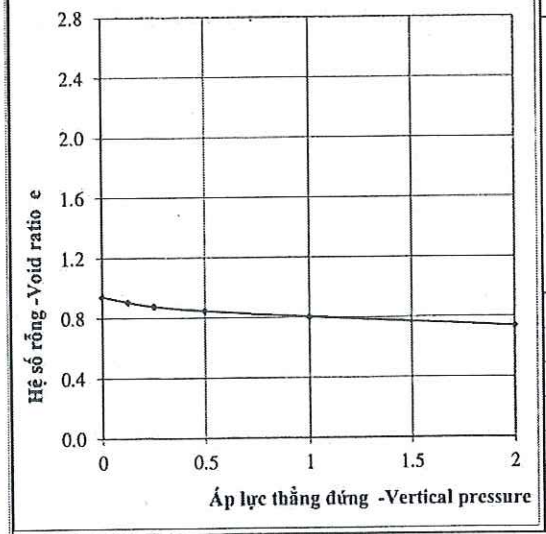
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	10.5	0.209
0.50	13.1	0.262
1.00	18.3	0.367

Lực dính kết Cohesive C = 0.157 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 13

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.942	
0.125	36.4	1.0	35.4	37.1	0.906	0.288
0.25	66.2	2.2	64.0	67.1	0.877	0.233
0.5	98.9	3.8	95.1	99.6	0.845	0.126
1	142.0	6.0	136.0	142.6	0.804	0.083
2	209.4	8.9	200.4	210.1	0.738	0.066
	219.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

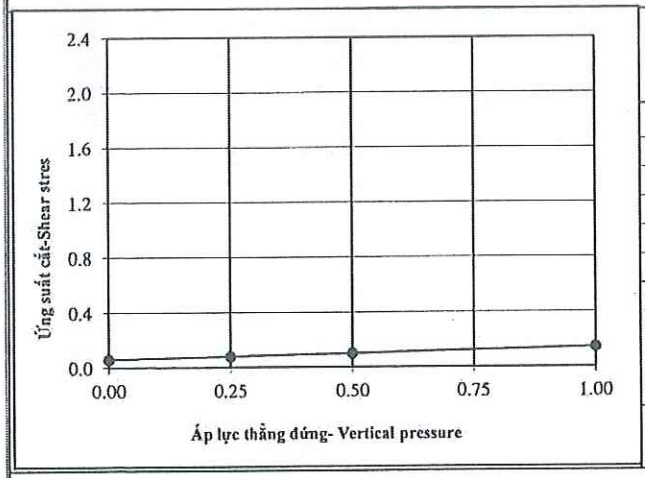
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14914	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.2 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



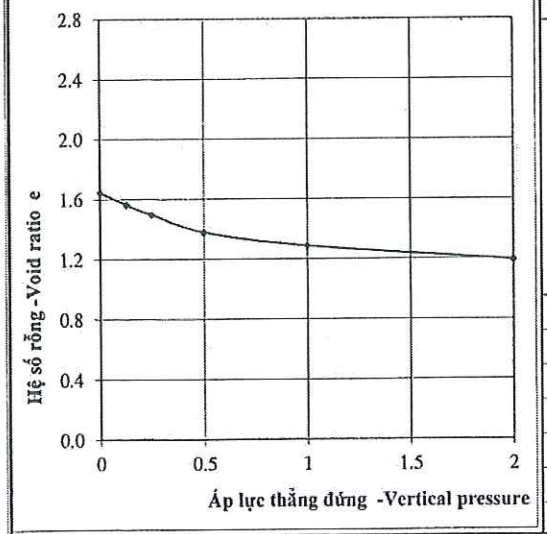
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.0	0.079
0.50	5.0	0.100
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.058 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 4°50'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 16

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.648	
0.125	61.6	0.7	60.9	63.7	1.563	0.675
0.25	109.6	1.4	108.2	113.3	1.498	0.525
0.5	196.1	2.6	193.5	202.5	1.380	0.473
1	264.7	4.0	260.8	273.0	1.286	0.187
2	335.3	6.2	329.1	344.6	1.192	0.095
	350.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

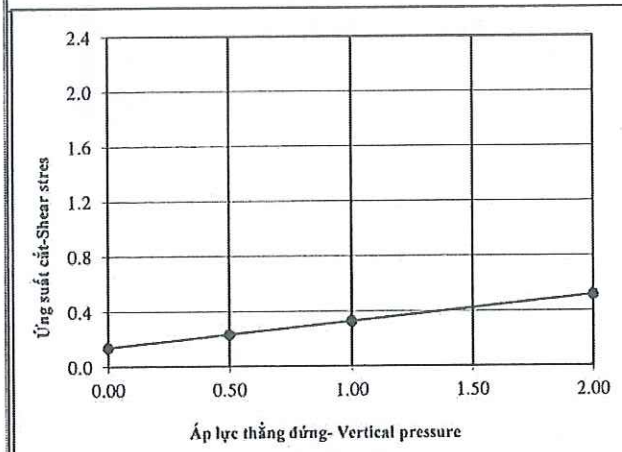
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14915	Số mẫu/Sample (No):	U4
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



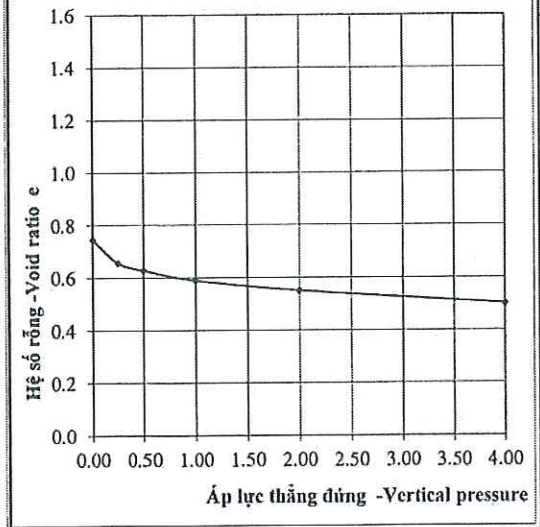
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.6	0.232
1.00	16.3	0.327
2.00	25.8	0.516

Lực dính kết Cohesive C = 0.137 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 10°44'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 17

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.745	
0.25	99.0	2.2	96.8	101.4	0.657	0.354
0.5	132.8	3.7	129.2	135.4	0.627	0.118
1	176.5	6.0	170.5	178.7	0.589	0.076
2	221.8	8.6	213.1	223.4	0.550	0.039
4	278.9	11.3	267.6	280.5	0.500	0.025
	291.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

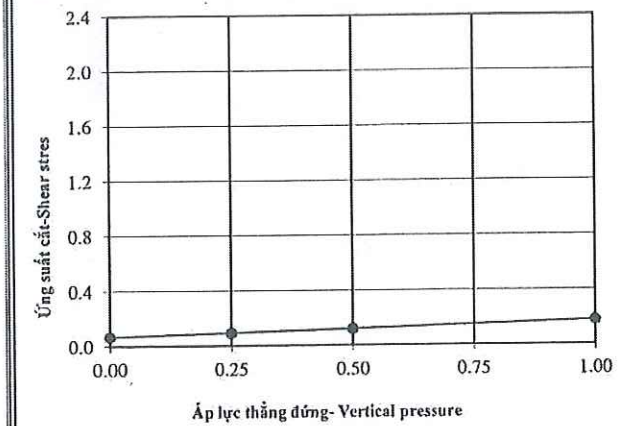
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14957	Số mẫu/Sample (No):	U7
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	23/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.8 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



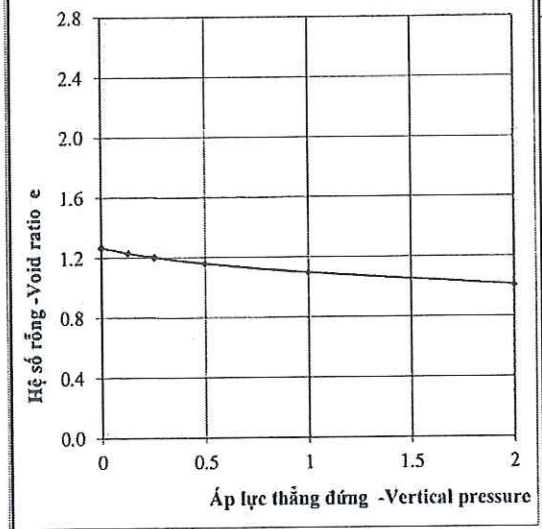
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.7	0.093
0.50	6.0	0.121
1.00	8.8	0.176

Lực dính kết Cohesive C = 0.066 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 10

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.268	
0.125	32.0	0.7	31.3	32.8	1.231	0.298
0.25	55.5	1.6	53.9	56.5	1.204	0.215
0.5	95.3	4.2	91.2	95.6	1.160	0.177
1	149.9	6.6	143.3	150.2	1.098	0.124
2	228.0	10.6	217.4	227.9	1.010	0.088
	238.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC ISO 9001:2008

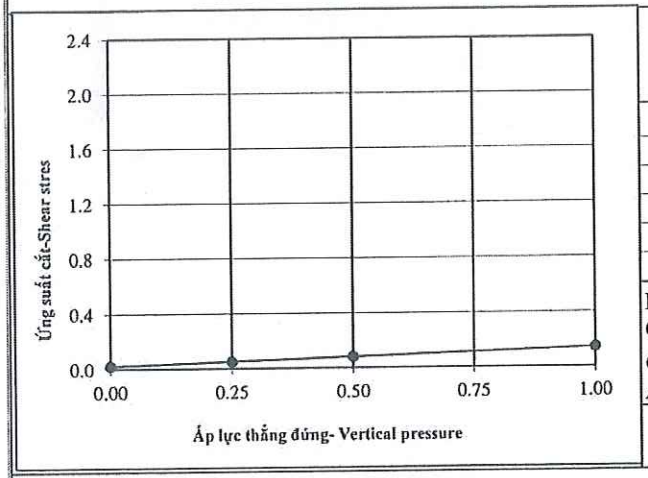
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14916	Số mẫu/Sample (No):	CU9
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.2 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



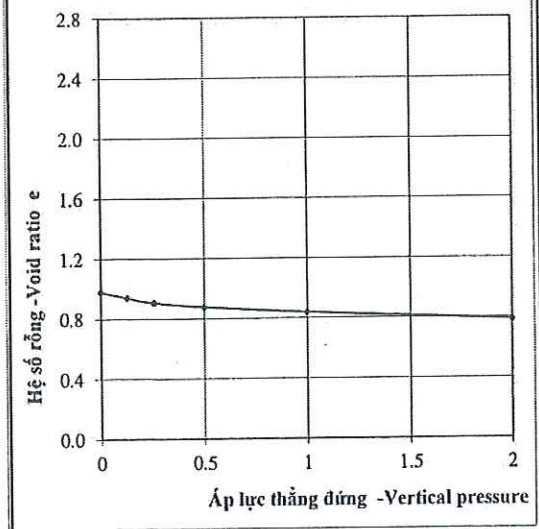
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.5	0.050
0.50	4.0	0.081
1.00	7.1	0.141

Lực dính kết Cohesive C = 0.020 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°54'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 18

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.979	
0.125	39.7	0.9	38.8	40.7	0.939	0.322
0.25	73.0	2.4	70.6	74.0	0.906	0.264
0.5	103.5	3.8	99.7	104.5	0.876	0.121
1	141.2	6.0	135.2	141.7	0.839	0.074
2	194.6	8.7	185.9	194.9	0.786	0.053
	203.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

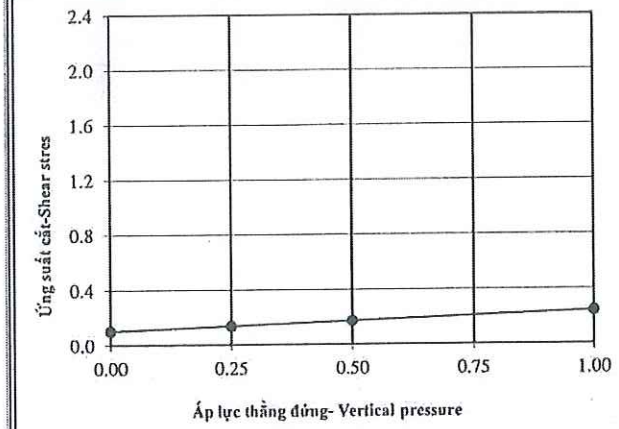
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14917	Số mẫu/Sample (No):	U20
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	37.8 -38.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



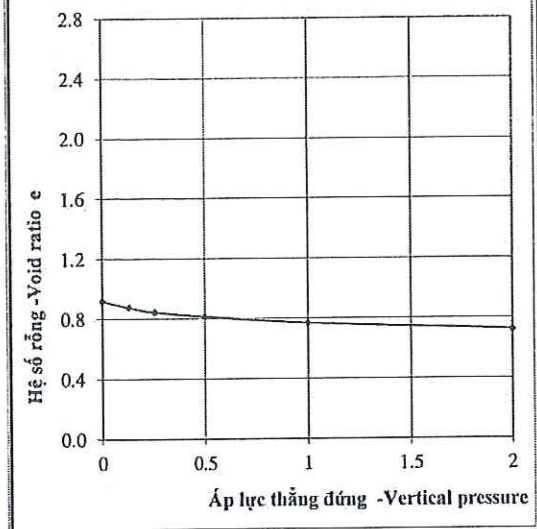
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	6.8	0.136
0.50	8.6	0.172
1.00	12.1	0.242

Lực dính kết Cohesive C = 0.101 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°02'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 19

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.919	
0.125	43.0	0.6	42.4	44.4	0.876	0.341
0.25	75.5	1.4	74.1	77.7	0.844	0.255
0.5	106.5	2.5	104.1	109.0	0.814	0.120
1	153.4	3.7	149.7	156.8	0.768	0.092
2	200.3	5.8	194.5	203.7	0.723	0.045
	209.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

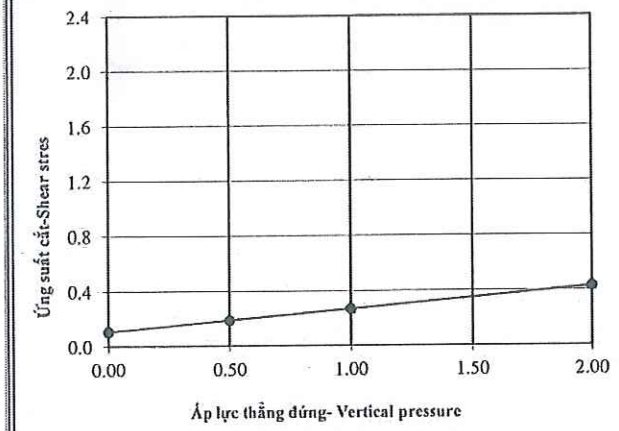
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14918	Số mẫu/Sample (No):	U22
Hố khoan/ Boring:	LK12	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	41.8 -42.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



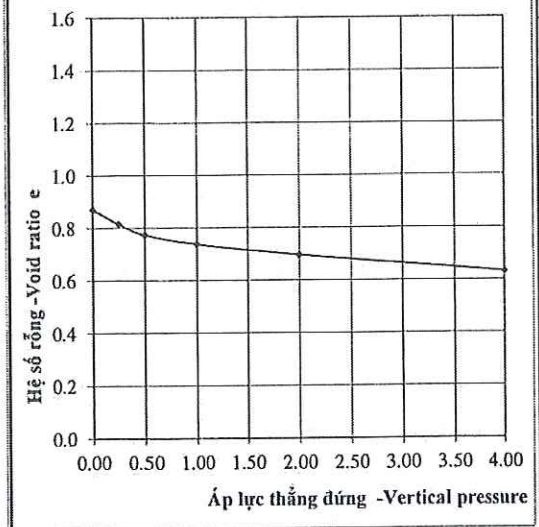
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	9.3	0.186
1.00	13.3	0.266
2.00	21.4	0.427

Lực dính kết Cohesive C = 0.105 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 9°09'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 20

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.871	
0.25	58.6	2.0	56.6	59.3	0.816	0.222
0.5	103.3	3.6	99.7	104.5	0.773	0.169
1	141.3	5.8	135.5	142.1	0.738	0.070
2	187.0	8.6	178.4	186.9	0.696	0.042
4	257.1	11.5	245.6	257.4	0.630	0.033
	268.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

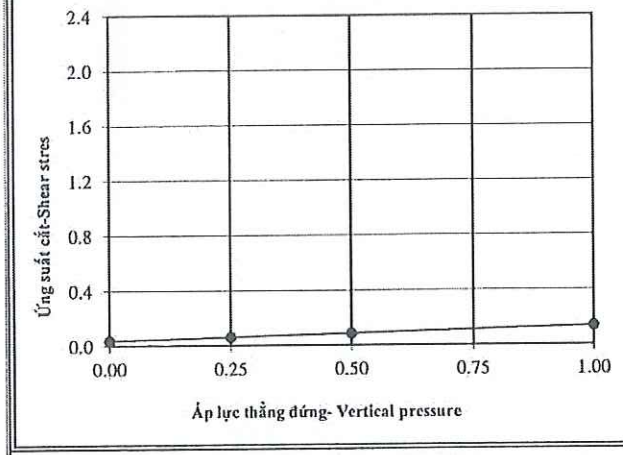
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14919	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK13	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



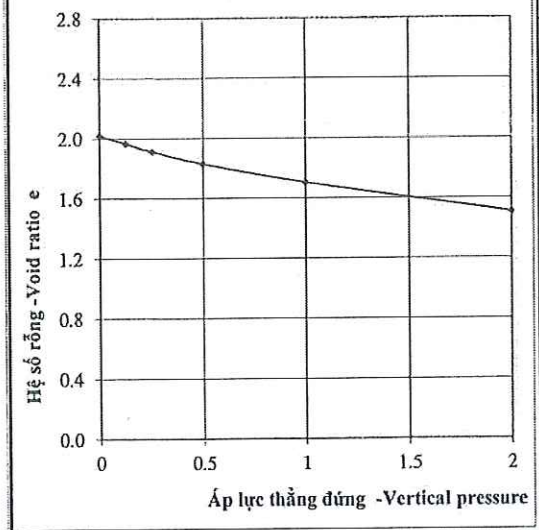
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.1	0.061
0.50	4.3	0.086
1.00	6.8	0.137

Lực dính kết Cohesive C = 0.036 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 21

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.018	
0.125	33.2	0.6	32.6	34.1	1.966	0.412
0.25	68.0	1.4	66.6	69.8	1.913	0.430
0.5	122.1	2.8	119.3	124.9	1.829	0.333
1	202.3	4.1	198.1	207.4	1.705	0.249
2	330.9	6.4	324.5	339.7	1.505	0.200
	346.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

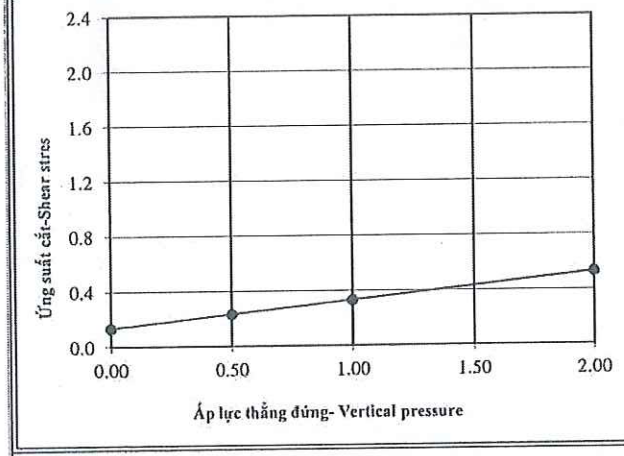
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14920	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK13	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



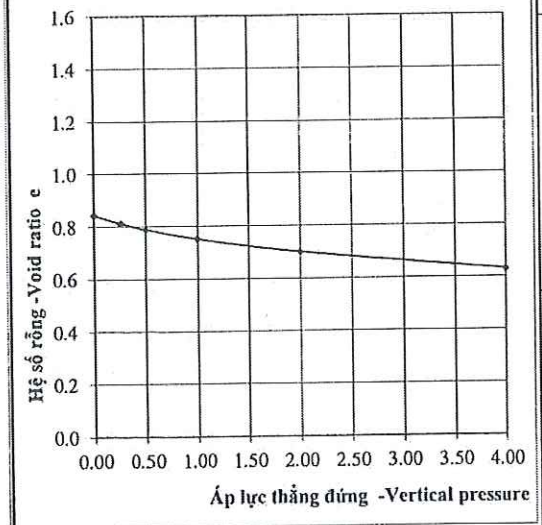
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.6	0.232
1.00	16.5	0.330
2.00	26.4	0.528

Lực dính kết Cohesive C = 0.133 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°10'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 22

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.844	
0.25	34.5	2.4	32.1	33.6	0.813	0.124
0.5	61.5	4.0	57.5	60.3	0.788	0.098
1	102.3	6.4	95.9	100.6	0.751	0.074
2	158.4	9.5	148.9	156.2	0.700	0.051
4	235.3	13.5	221.8	232.6	0.629	0.035
	246.1					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

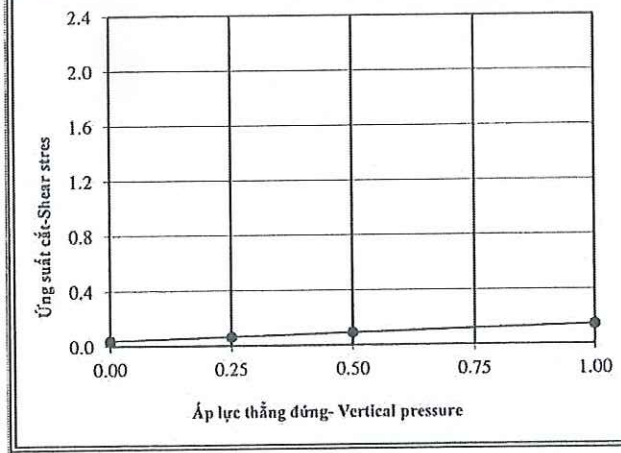
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14921	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK13	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	13.3 -13.5		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



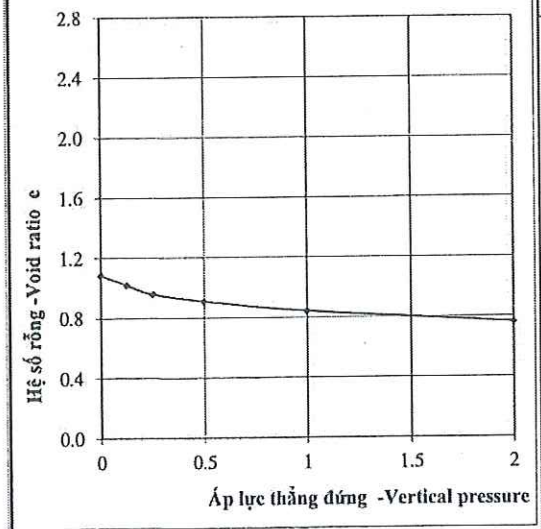
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	3.2	0.064
0.50	4.5	0.090
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.038 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 5°59'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 23

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.085	
0.125	61.8	1.8	60.1	62.9	1.019	0.525
0.25	118.8	3.4	115.4	120.9	0.959	0.483
0.5	167.5	5.6	161.9	169.6	0.908	0.203
1	230.8	8.0	222.8	233.4	0.842	0.133
2	306.6	11.0	295.6	309.7	0.762	0.079
	320.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

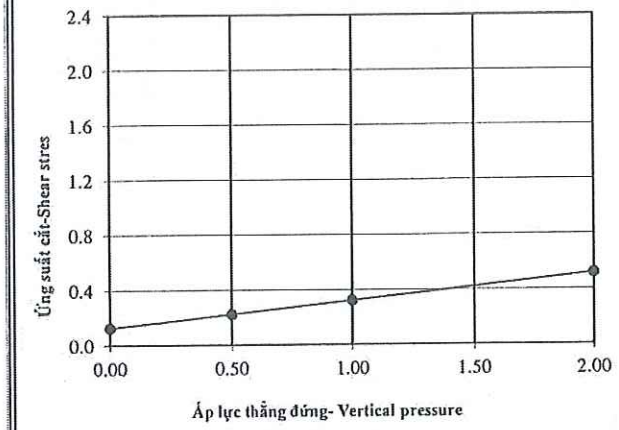
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14922	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



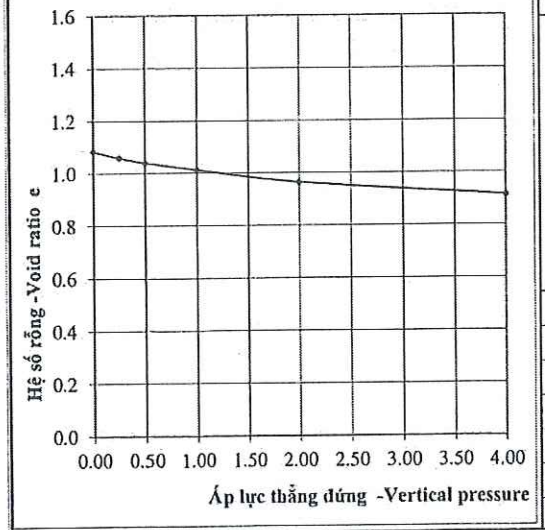
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.1	0.223
1.00	16.0	0.321
2.00	25.8	0.517

Lực dính kết Cohesive C = 0.125 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°05'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 24

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.084	
0.25	24.5	2.1	22.4	23.5	1.059	0.098
0.5	44.2	4.2	40.0	42.0	1.040	0.077
1	71.5	6.4	65.1	68.4	1.013	0.055
2	118.9	9.9	109.0	114.4	0.965	0.048
4	168.7	13.7	155.0	162.8	0.914	0.025
	176.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
ISO 9001:2008

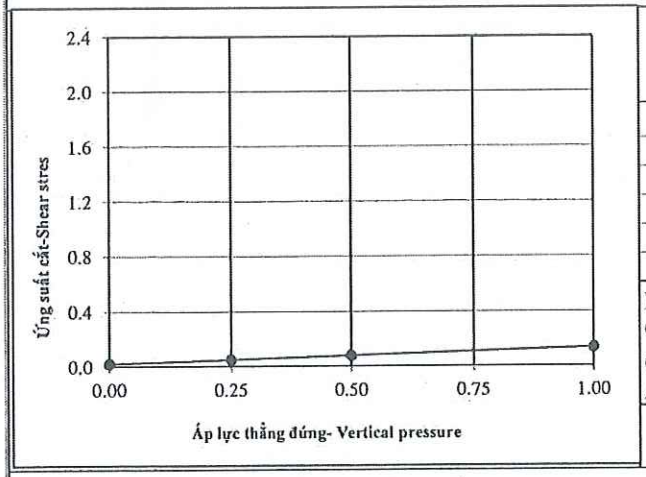
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14923	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



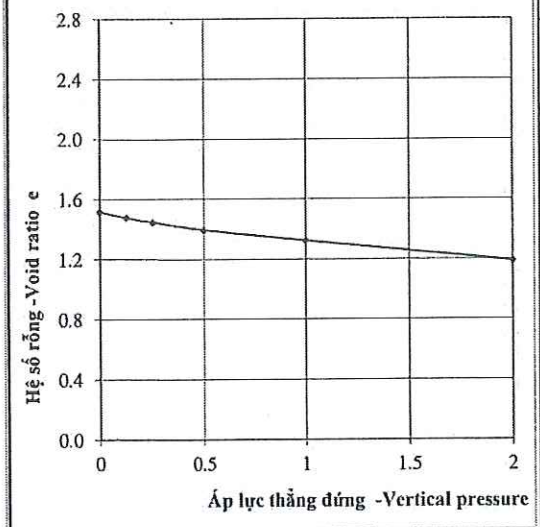
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.4	0.047
0.50	3.8	0.076
1.00	6.7	0.135

Lực dính kết Cohesive C = 0.018 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.516	
0.125	30.5	0.6	29.9	31.3	1.477	0.315
0.25	54.6	2.0	52.6	55.1	1.447	0.240
0.5	95.8	3.3	92.5	96.9	1.395	0.210
1	152.7	5.6	147.1	154.1	1.323	0.144
2	258.3	8.8	249.5	261.4	1.188	0.135
	270.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
ISO 9001:2008

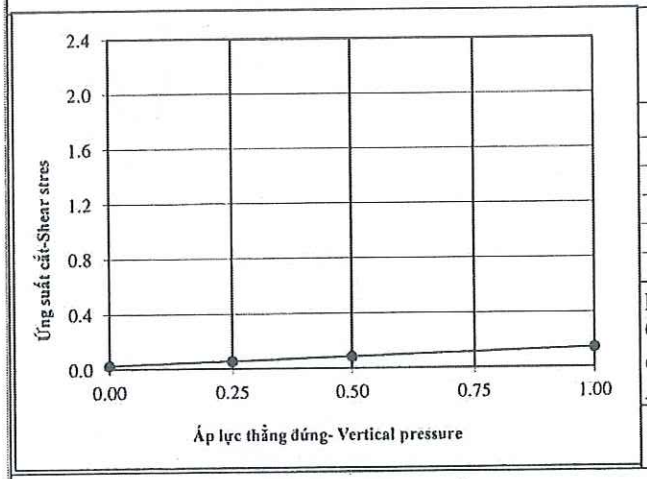
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14924	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.3 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



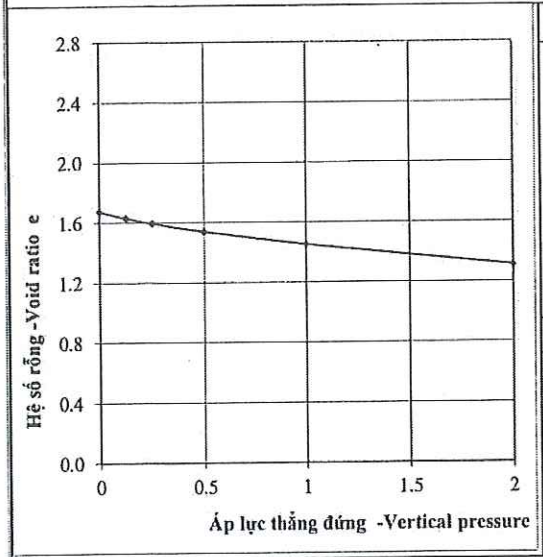
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.8	0.055
0.50	4.2	0.084
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.674	
0.125	32.2	0.8	31.4	32.9	1.630	0.352
0.25	58.5	1.7	56.8	59.5	1.595	0.285
0.5	99.9	3.5	96.4	101.1	1.539	0.222
1	164.2	5.3	158.9	166.5	1.452	0.175
2	269.2	9.6	259.5	271.9	1.311	0.141
	281.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

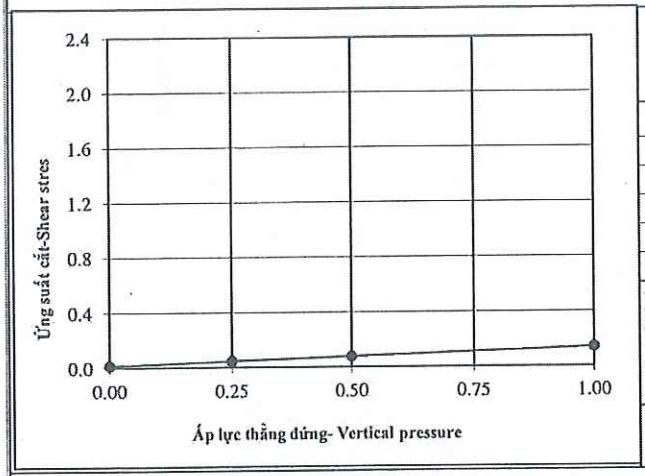
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14925	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



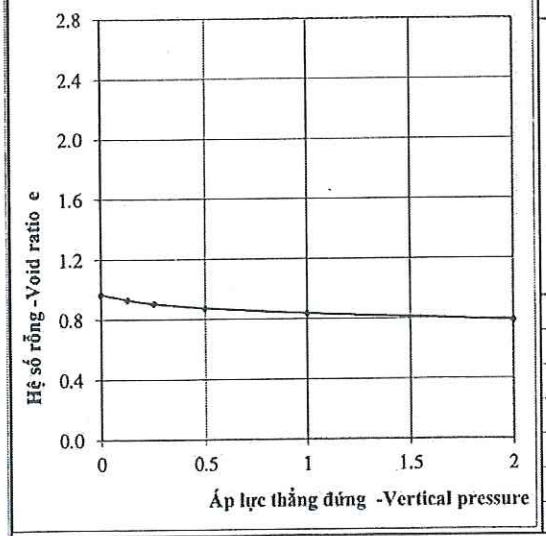
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.3	0.045
0.50	3.8	0.076
1.00	6.9	0.139

Lực dính kết Cohesive C = 0.014 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 7°07'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.968	
0.125	35.6	0.7	34.9	36.6	0.932	0.288
0.25	61.4	2.0	59.4	62.3	0.906	0.202
0.5	93.4	3.8	89.7	94.0	0.875	0.125
1	133.2	6.2	127.0	133.2	0.837	0.077
2	185.0	9.6	175.5	184.0	0.787	0.050
	193.5					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Từ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

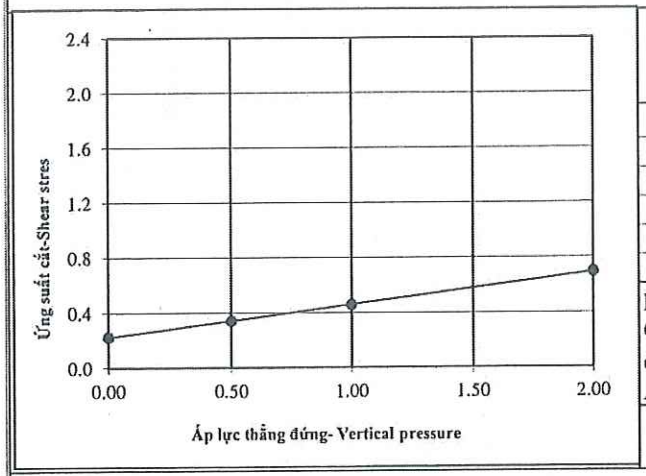
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14926	Số mẫu/Sample (No):	U10
Hố khoan/ Boring:	LK14	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



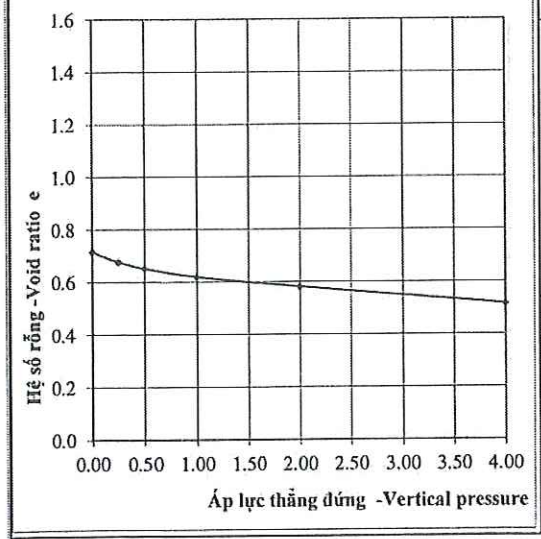
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	17.0	0.340
1.00	22.9	0.457
2.00	34.6	0.693

Lực dính kết Cohesive C = 0.222 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°15'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.716	
0.25	44.4	1.6	42.8	44.9	0.677	0.154
0.5	74.0	2.8	71.2	74.6	0.652	0.102
1	111.1	3.8	107.3	112.5	0.619	0.065
2	156.0	6.4	149.6	156.8	0.581	0.038
4	232.1	9.1	223.0	233.7	0.515	0.033
	242.8					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

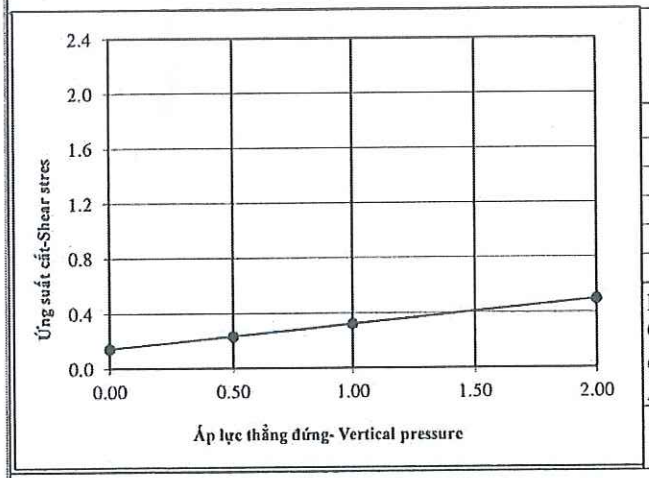
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14962	Số mẫu/Sample (No):	U1
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	0.8 -1.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



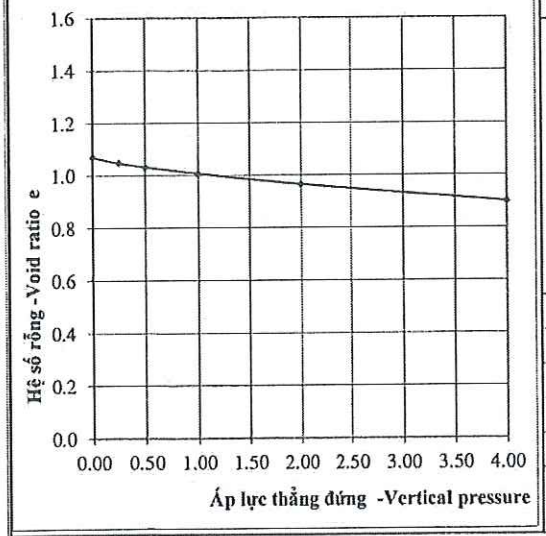
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	11.5	0.231
1.00	16.0	0.320
2.00	24.9	0.498

Lực dính kết Cohesive C = 0.142 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 10°05'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 11

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.070	
0.25	22.0	1.7	20.2	21.3	1.048	0.088
0.5	37.7	3.2	34.5	36.2	1.033	0.062
1	62.9	5.4	57.5	60.4	1.008	0.050
2	105.7	9.6	96.1	101.0	0.966	0.042
4	170.6	13.7	156.9	164.7	0.900	0.033
	178.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

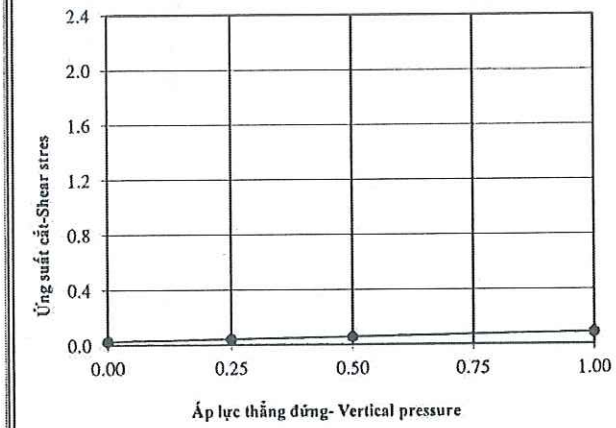
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRỨC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14927	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



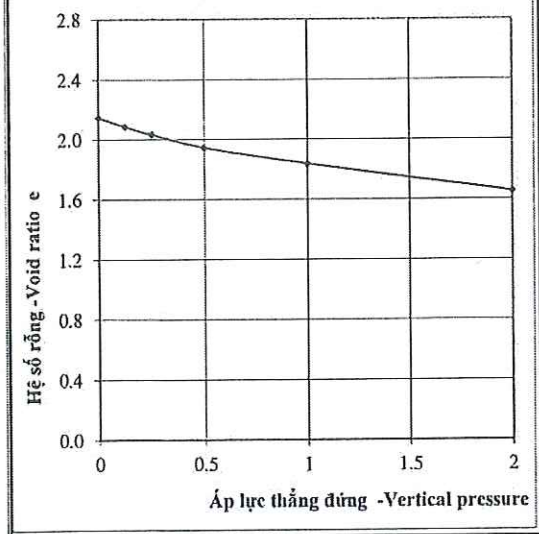
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.1	0.041
0.50	2.8	0.056
1.00	4.3	0.087

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°28'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.146	
0.125	37.5	0.7	36.8	38.5	2.086	0.485
0.25	70.1	1.8	68.3	71.5	2.034	0.415
0.5	125.3	3.1	122.2	127.9	1.945	0.355
1	192.8	5.4	187.4	196.3	1.838	0.215
2	307.9	8.2	299.7	313.9	1.653	0.185
	322.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

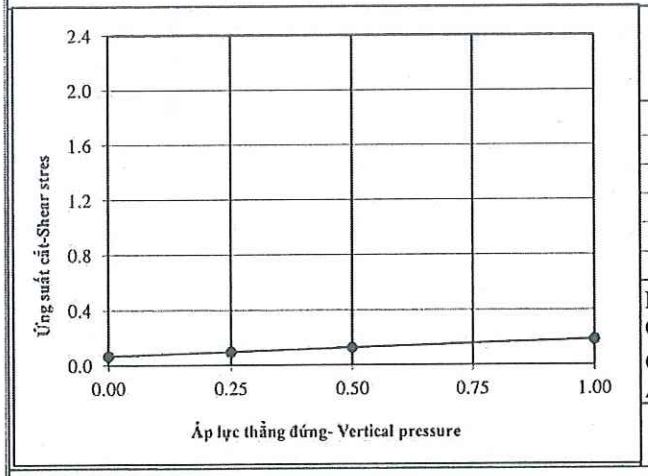
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14963	Số mẫu/Sample (No):	CU7
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.2 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



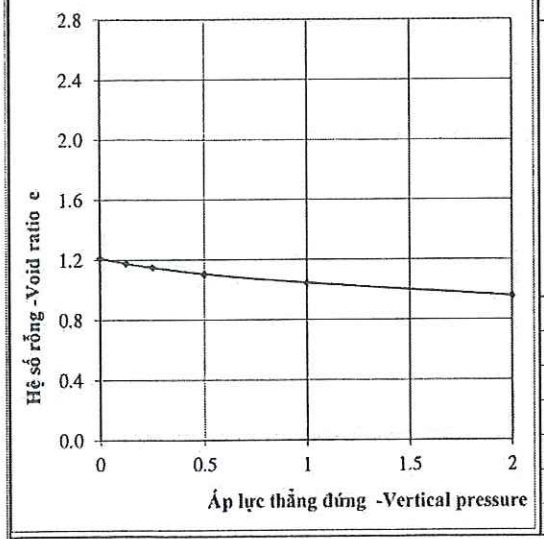
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.8	0.096
0.50	6.3	0.125
1.00	9.2	0.184

Lực dính kết Cohesive C = 0.066 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 12

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.213	
0.125	32.1	1.0	31.1	32.5	1.177	0.288
0.25	56.3	2.1	54.3	56.8	1.150	0.215
0.5	95.5	3.0	92.4	96.8	1.105	0.177
1	149.0	4.3	144.7	151.5	1.045	0.121
2	227.3	6.7	220.6	231.1	0.957	0.088
	237.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

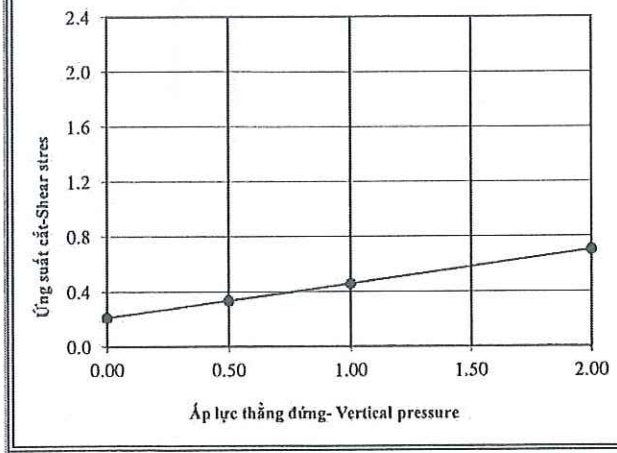
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14964	Số mẫu/Sample (No):	U10
Hố khoan/ Boring:	LK15	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



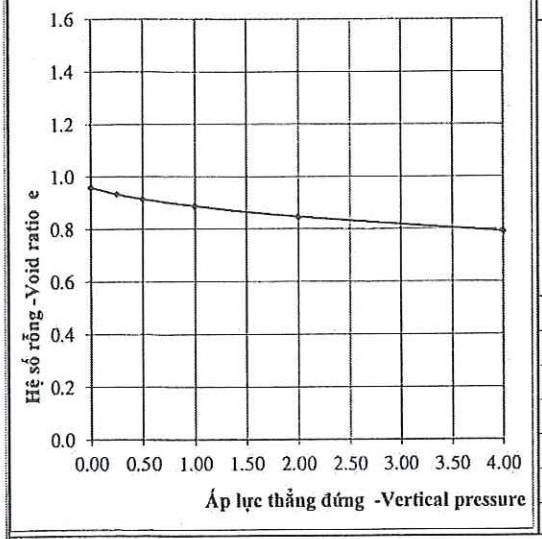
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.7	0.333
1.00	22.8	0.457
2.00	35.2	0.704

Lực dính kết Cohesive C = 0.210 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°52'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 13

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.960	
0.25	27.0	2.2	24.8	26.0	0.934	0.102
0.5	47.3	3.8	43.5	45.7	0.915	0.077
1	76.2	6.0	70.3	73.7	0.888	0.055
2	118.4	8.9	109.4	114.8	0.847	0.040
4	175.9	12.0	163.9	172.0	0.791	0.028
	184.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

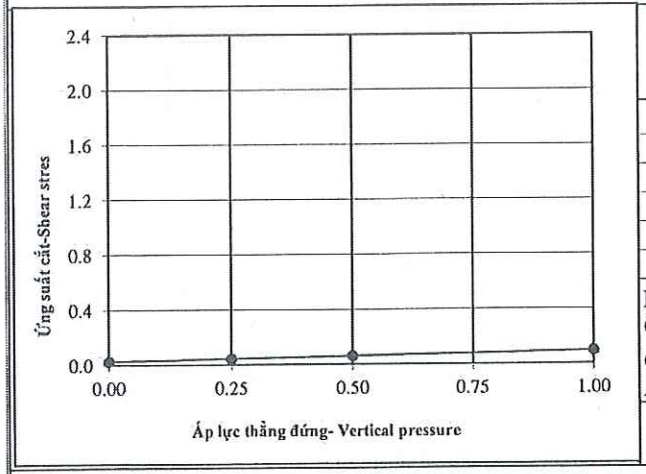
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14928	Số mẫu/Sample (No):	CU1
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	1.3 -2.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



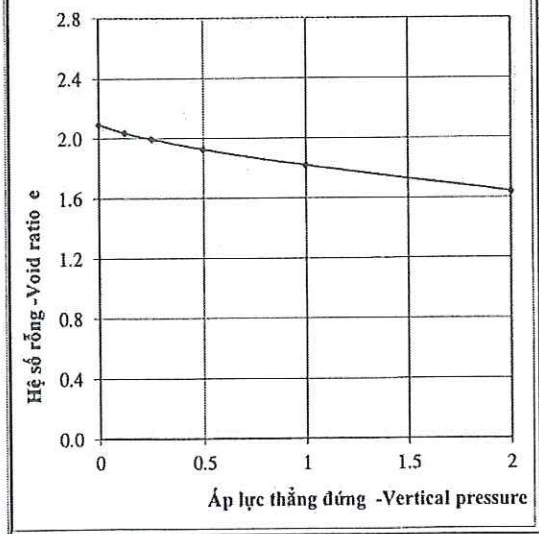
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.2	0.043
0.50	3.0	0.060
1.00	4.7	0.094

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°55'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 6

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					2.094	
0.125	35.7	0.8	34.9	36.5	2.037	0.452
0.25	62.7	2.1	60.5	63.4	1.996	0.333
0.5	107.6	3.9	103.7	108.7	1.926	0.280
1	176.6	6.6	170.1	178.2	1.818	0.215
2	290.0	10.7	279.3	292.6	1.641	0.177
	303.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

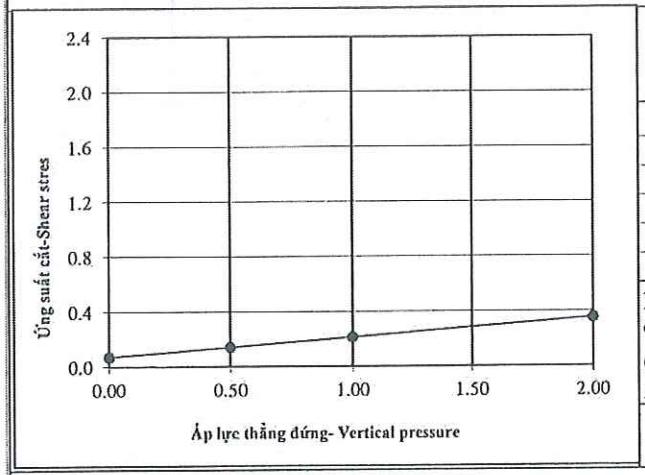
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14929	Số mẫu/Sample (No):	U3
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	5.8 -6.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



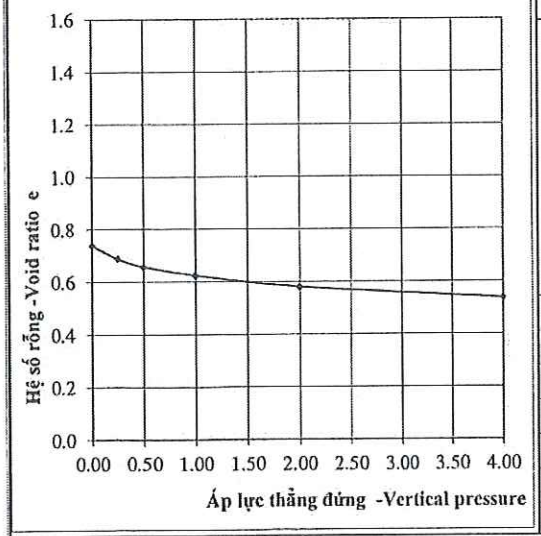
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	7.1	0.142
1.00	10.6	0.212
2.00	17.7	0.353

Lực dính kết Cohesive C = 0.071 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 8°02'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 7

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.739	
0.25	57.1	1.7	55.4	58.1	0.689	0.202
0.5	92.4	2.9	89.4	93.7	0.658	0.124
1	130.5	4.8	125.6	131.7	0.625	0.066
2	184.1	10.1	173.9	182.3	0.581	0.044
4	231.7	9.5	222.2	232.9	0.537	0.022
	242.3					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

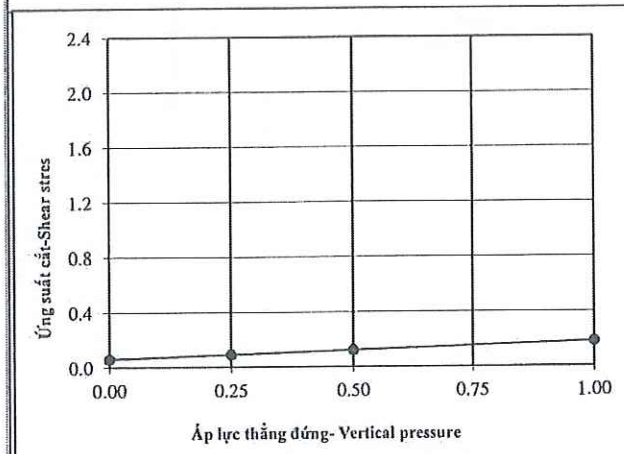
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14930	Số mẫu/Sample (No):	CU6
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	11.3 -12.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



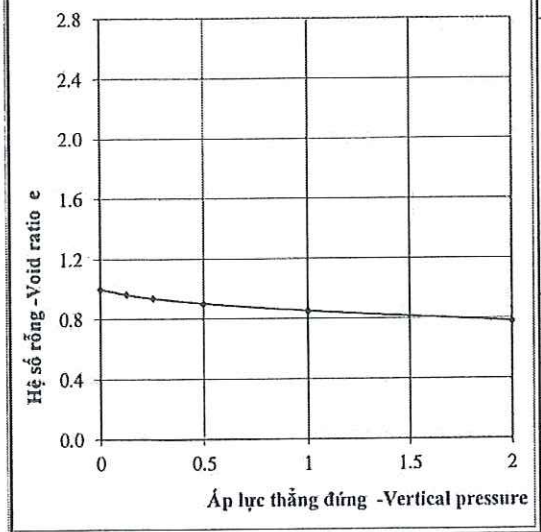
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	4.5	0.090
0.50	6.0	0.121
1.00	9.1	0.181

Lực dính kết Cohesive C = 0.060 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°54'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 8

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.000	
0.125	35.6	1.3	34.3	36.0	0.964	0.288
0.25	61.8	2.4	59.4	62.3	0.937	0.210
0.5	97.6	4.8	92.8	97.3	0.902	0.140
1	148.5	7.0	141.4	148.3	0.851	0.102
2	221.1	10.9	210.1	220.3	0.779	0.072
	231.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

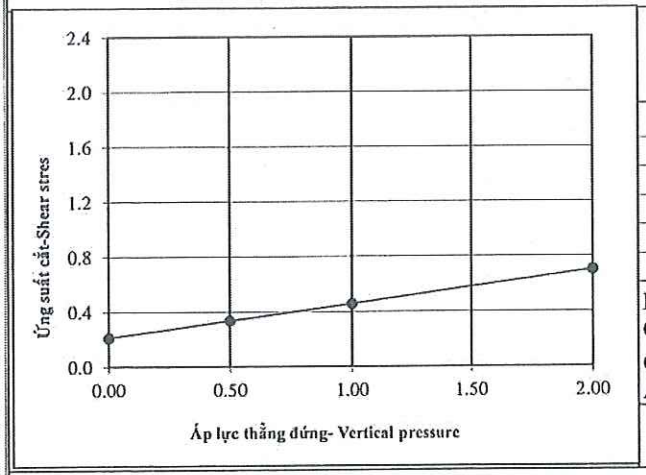
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	14931	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK16	Ngày thí nghiệm/Date of test:	22/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



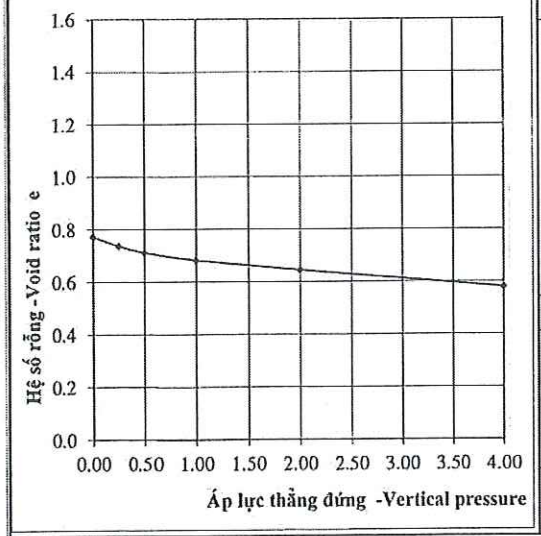
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.7	0.333
1.00	22.8	0.457
2.00	35.2	0.703

Lực dính kết Cohesive C = 0.210 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°51'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 9

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.773	
0.25	40.8	2.1	38.7	40.6	0.737	0.144
0.5	68.8	3.4	65.4	68.5	0.712	0.099
1	102.7	5.6	97.1	101.8	0.682	0.059
2	145.9	7.9	138.0	144.7	0.644	0.038
4	219.5	10.5	209.1	219.2	0.578	0.033
	229.6					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

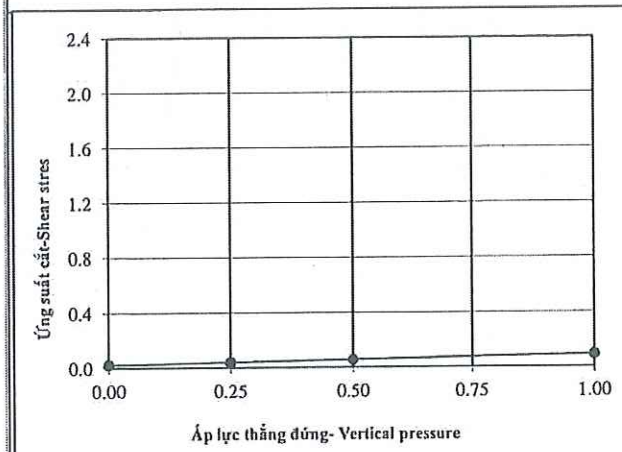
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15001	Số mẫu/Sample (No):	CU2
Hố khoan/ Boring:	LK17	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



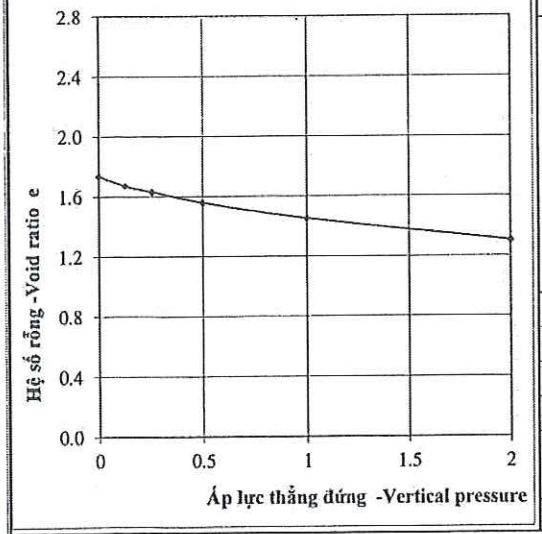
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.0	0.039
0.50	2.8	0.056
1.00	4.5	0.090

Lực dính kết Cohesive C = 0.022 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 3°55'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 1

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.736	
0.125	45.5	0.6	44.9	47.1	1.672	0.515
0.25	75.3	2.0	73.3	76.7	1.631	0.325
0.5	126.8	3.3	123.5	129.4	1.559	0.288
1	204.1	5.6	198.5	207.9	1.452	0.215
2	312.0	8.8	303.2	317.6	1.302	0.150
	326.4					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

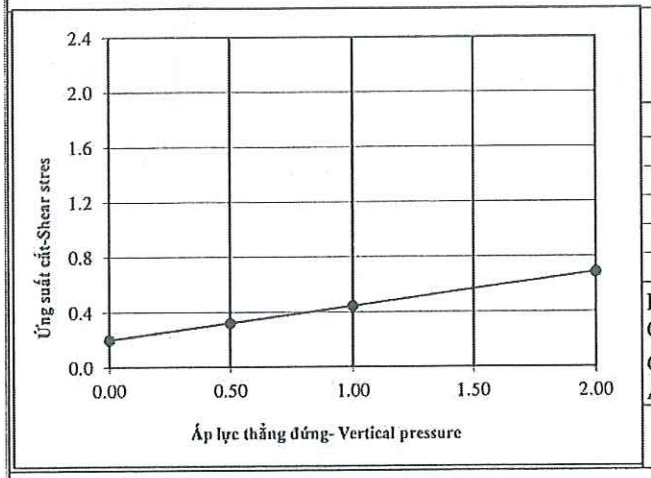
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15002	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK17	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	17.8 -18.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



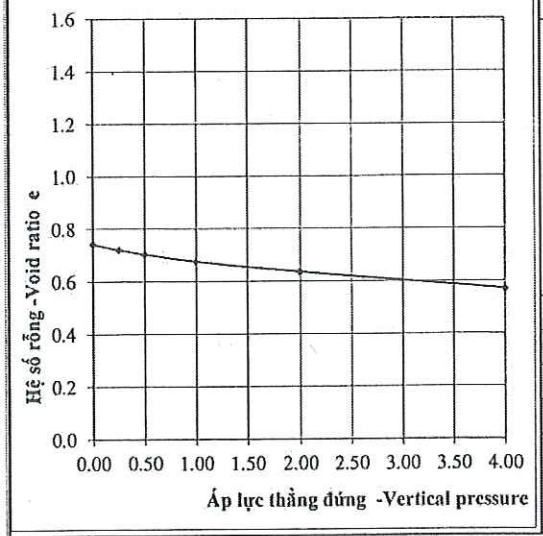
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.0	0.320
1.00	22.1	0.443
2.00	34.4	0.687

Lực dính kết Cohesive C = 0.198 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 13°45'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 2

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.742	
0.25	25.7	1.7	24.1	25.3	0.720	0.088
0.5	46.2	3.5	42.7	44.8	0.703	0.068
1	78.1	5.3	72.8	76.3	0.676	0.055
2	126.2	9.6	116.5	122.3	0.636	0.040
4	201.7	12.9	188.7	198.0	0.570	0.033
	211.0					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

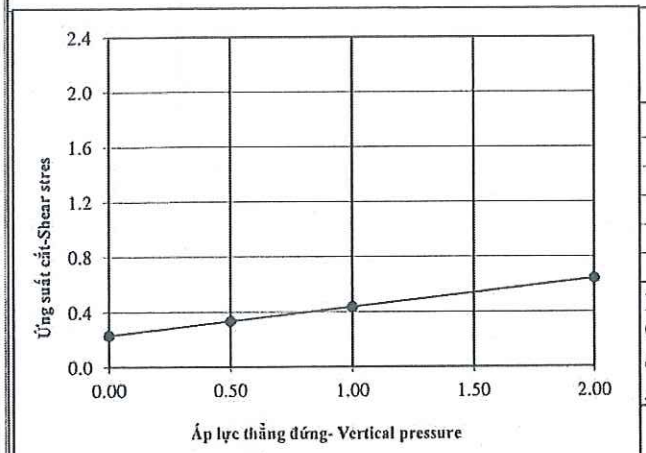
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15003	Số mẫu/Sample (No):	U10
Hố khoan/ Boring:	LK17	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	19.8 -20.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



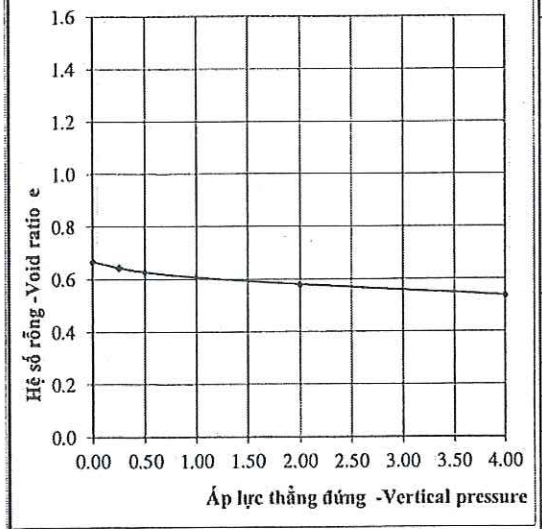
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	16.6	0.333
1.00	21.8	0.436
2.00	32.1	0.641

Lực dính kết Cohesive C = 0.230 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 11°37'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 3

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.668	
0.25	30.3	2.0	28.3	29.7	0.643	0.099
0.5	50.6	3.8	46.8	49.2	0.627	0.065
1	76.5	6.2	70.2	73.7	0.607	0.041
2	110.6	9.6	101.1	106.1	0.580	0.027
4	161.8	12.8	149.0	156.5	0.538	0.021
	169.2					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

LAS 595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA
VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)
VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)
Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

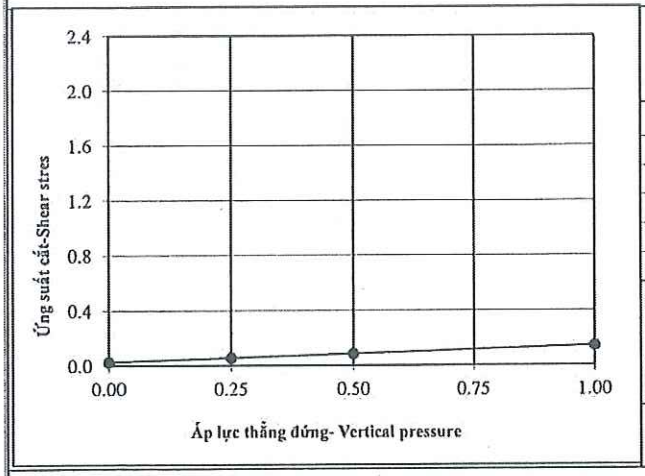
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15004	Số mẫu/Sample (No):	CU3
Hố khoan/ Boring:	LK18	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	3.3 -4.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



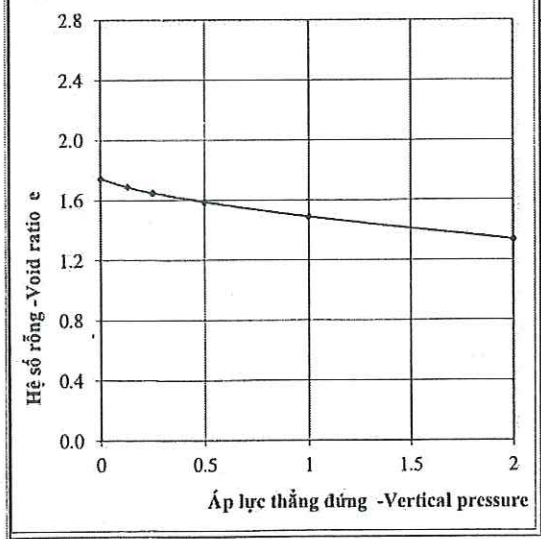
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.25	2.8	0.055
0.50	4.2	0.084
1.00	7.1	0.143

Lực dính kết Cohesive C = 0.026 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 6°40'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 4

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					1.745	
0.125	40.3	0.7	39.6	41.4	1.688	0.455
0.25	68.5	1.6	67.0	70.1	1.649	0.315
0.5	112.4	2.8	109.6	114.7	1.588	0.245
1	182.2	3.8	178.5	186.9	1.489	0.198
2	291.3	6.4	284.9	298.3	1.336	0.153
	304.7					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS595

Nguyễn Phương Thảo

VIET DELTA.,JSC
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DELTA

VIET DELTA CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT DELTA (LAS595)

VIET DELTA CENTER FOR TEST AND CONSTRUCTION VERIFYING (LAS595)

Địa chỉ: Ô 34, Lô BT2, Khu ĐTM Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

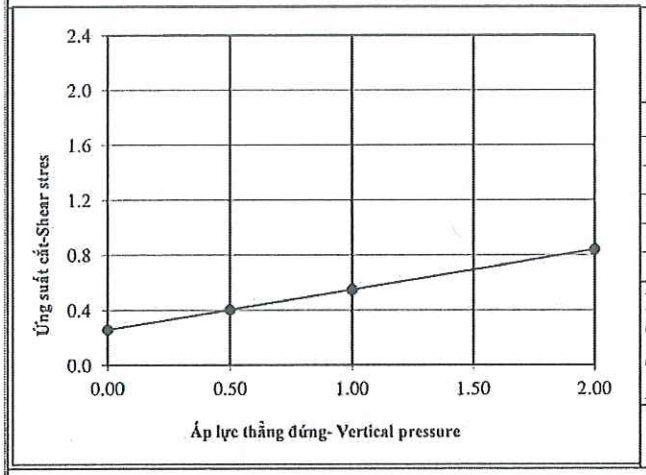
ĐƠN VỊ YÊU CẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ADCOM

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP SẠCH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN TRÚC, HUYỆN ÂN THI; XÃ HỒNG TIẾN, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Số hiệu TN/Lab - No :	15005	Số mẫu/Sample (No):	U9
Hố khoan/ Boring:	LK18	Ngày thí nghiệm/Date of test:	28/10/2021
Độ sâu/Depth (m): :	15.8 -16.0		

THÍ NGHIỆM CẮT PHẲNG - DIRECT SHEAR TEST (TCVN 4199 : 1995)



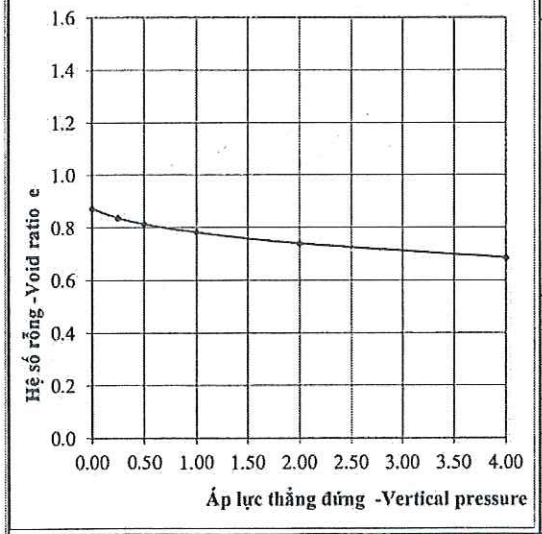
Vertical pressure P kG/cm²	Reading of shear h 0,01mm	Shear stress τ kG/cm²
0.50	20.2	0.403
1.00	27.4	0.548
2.00	41.9	0.838

Lực dính kết Cohesive C = 0.258 kG/cm²

Góc ma sát trong Angle of friction φ = 16°11'

Số hiệu chỉnh vòng ứng biến/Editing in provice cycle R= 0.020 kG/cm²

THÍ NGHIỆM NÉN - COMPRESSION TEST (TCVN 4200 : 2012)



Máy nén số : 5

Cấp áp lực Vertical pressure P kG/cm²	Số đọc biến dạng Reading of compression h_n 0,01mm	Biến dạng của máy Reading of compression h_m 0,01mm	BD sau 2h Reading of compression after 2h Δh_n 0,01mm	BD sau 24h Reading of compression after 24h Δh_n 0,01mm	Hệ số rỗng Void ratio e_n	Hệ số nén lún Compress-ion ratio a cm²/kG
0					0.873	
0.25	38.0	1.8	36.2	38.0	0.837	0.142
0.5	63.5	3.1	60.4	63.3	0.814	0.095
1	97.4	5.4	92.0	96.4	0.783	0.062
2	143.9	8.2	135.7	142.4	0.740	0.043
4	202.5	11.8	190.7	200.0	0.686	0.027
	211.9					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VIỆT DETLA
DELTA VIET CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Thí nghiệm/Tested by

Nguyễn Thị Thu Hương

TP thí nghiệm/Chief of Lab

XD LAS 595

Nguyễn Phương Thảo